

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10733/BTC-CT

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2025

V/v xin ý kiến thẩm định về hồ sơ  
chính sách dự án Luật Quản lý thuế  
(thay thế).

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Căn cứ Kết luận số 93-KL/TW ngày 26/8/2024 của Bộ Chính trị yêu cầu sửa đổi tổng thể Luật Quản lý thuế, Nghị quyết số 198/NQ-CP ngày 27/6/2025 của Chính phủ về việc bổ sung dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) vào Chương trình lập pháp năm 2025 của Quốc hội, căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Bộ Tài chính đã thực hiện quy trình xây dựng hồ sơ chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) gồm dự thảo: (1) Tờ trình chính sách của Luật; (2) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; (3) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách; (4) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật; (5) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, 63 UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; đồng thời gửi đăng dự thảo trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi các đối tượng chịu sự tác động đối với bộ hồ sơ chính sách của Dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (công văn số 7690/BTC-CT và công văn số 7691/BTC-CT ngày 06/6/2025 của Bộ Tài chính).

Ngày 08/7/2025, Bộ Tài chính đã tổ chức hội nghị tham vấn Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính, Văn phòng Chính phủ, một số Bộ, cơ quan ngành Bộ đối với hồ sơ chính sách dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Giấy mời số 273/GM-CT ngày 04/7/2025 của Bộ Tài chính).

Bộ Tài chính đã nghiên cứu tiếp thu và giải trình đầy đủ các ý kiến tham gia đóng góp, tham vấn để hoàn thiện hồ sơ chính sách dự án Luật Quản lý thuế (thay thế).

Để kịp thời gian trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, Bộ Tài chính trân trọng đề nghị Bộ Tư pháp sớm có ý kiến thẩm định về hồ sơ chính sách dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) theo quy định tại Điều 31 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (gửi kèm) gồm dự thảo:

- (1) Tờ trình chính sách của Luật (kèm theo dự thảo Tờ trình tóm tắt);
- (2) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách;

(3) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách;

(4) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật;

(5) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách;

(6) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, tham vấn.

Bộ Tài chính trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý Bộ./.

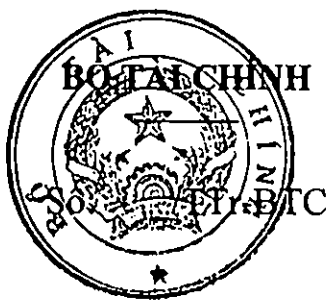
**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng  
Hồ Đức Phúc (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ PC – BTC;
- Cục Hải quan - BTC;
- Lưu VT, CT (VT, CS)

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Cao Anh Tuấn**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 1 tháng 7 năm 2025

## TỜ TRÌNH

**Chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế)**  
(Phục vụ công tác thẩm định của Bộ Tư pháp)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (Luật ban hành VBQPPL), để triển khai thực hiện Kết luận số 93-KL/TW ngày 26/8/2024 của Bộ Chính trị yêu cầu sửa đổi tổng thể Luật Quản lý thuế (Luật QLT); Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 về Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV, Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ (TTgCP) về việc phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển tư nhân, trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các Bộ ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Bộ Tư pháp<sup>1</sup>, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xây dựng chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

#### 1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 18-NQ/TW năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương đề ra định hướng quan trọng về việc tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, cần thiết phải sắp xếp, tổ chức bộ máy mới theo hướng hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; với phương châm “Lấy người nộp thuế là trung tâm phục vụ”; và dựa trên ba trụ cột cơ bản: (1) thể chế quản lý thuế đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập; (2) nguồn nhân lực chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới; (3) công nghệ thông tin hiện đại, tích hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế và góp phần đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới.

<sup>1</sup>Công văn số 2127/BTP-PLDSKT ngày 18/4/2025 của Bộ Tư pháp cho ý kiến về đề nghị xây dựng Luật Quản lý thuế (thay thế), Bộ Tư pháp đề nghị xác định lại các nhóm chính sách cho phù hợp.



- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đề ra nhiệm vụ, giải pháp: *Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu (điểm 5 mục III).*

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới: *Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” và việc cơ cấu lại không gian phát triển mới ở từng địa bàn (điểm 2 mục III).*

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đưa ra giải pháp về đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách “*Mình bạch hoá, số hoá, thông minh hoá, tự động hoá, áp dụng triệt để trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính, nhất là về ....thuế, hải quan... Trong năm 2025, ... thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo; Rà soát, hoàn thiện các chính sách thuế, phí, lệ phí theo hướng bảo đảm đối xử công bằng giữa các thành phần kinh tế, ....nhất là thu thuế điện tử khởi tạo từ máy tính tiền; Hoàn thiện khung pháp lý cho các mô hình kinh tế mới, kinh doanh dựa trên công nghệ và nền tảng số, đặc biệt là công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, tài sản ảo, tiền ảo, tài sản mã hoá, tiền mã hoá, thương mại điện tử... Hoàn thiện pháp luật, chính sách về dữ liệu, quản trị dữ liệu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu, bảo đảm an ninh, an toàn; Tạo mọi thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính; phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành của từng cơ quan, đơn vị; Chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo, trùng lặp, kéo dài, không cần thiết; bảo đảm nguyên tắc chỉ thực hiện thanh tra, kiểm tra mỗi năm 01 lần đối với doanh nghiệp, trừ trường hợp có bằng chứng rõ ràng về việc doanh nghiệp vi phạm; Xây dựng hệ thống dữ liệu và công cụ trí tuệ nhân tạo cảnh báo sớm về các nguy cơ vi phạm pháp luật. Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Triển khai thanh tra, kiểm tra trực tuyến, ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử, giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp. Miễn kiểm tra thực tế đối với các doanh nghiệp tuân thủ tốt quy định pháp luật” (điểm 2,1 mục III).*

Nghị quyết số 68-NQ/TW cũng đưa ra giải pháp về hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh như sau: *Rà soát, hoàn thiện khung khổ pháp lý về kinh doanh cá thể; thu hẹp tối đa sự chênh lệch, tạo mọi điều kiện thuận lợi về tổ chức quản trị và chế độ tài chính, kế toán để khuyến*



khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp. Đẩy mạnh số hoá, minh bạch hoá, đơn giản hoá, dễ tuân thủ, dễ thực hiện đối với chế độ kế toán, thuế, bảo hiểm... để khuyến khích chuyển đổi hộ kinh doanh sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp. Xóa bỏ hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh chậm nhất trong năm 2026” (điểm 7 mục III).

- Tại Kết luận số 93-KL/TW ngày 26/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước để đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và chủ động của ngân sách địa phương, các cơ quan, đơn vị có liên quan: *yêu cầu sửa đổi tổng thể Luật Quản lý thuế nhằm sớm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn* (điểm 4.1).

- Tại Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả nêu: *Kết thúc hoạt động của Thanh tra các bộ để sắp xếp, tổ chức lại thành các cục thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo lĩnh vực thuộc Thanh tra Chính phủ*. Do đó, các quy định về thanh tra thuế từ Điều 107 đến Điều 123 (trừ Điều 109 đến 112) trong Luật QLT không còn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thuế sau khi sắp xếp lại tổ chức bộ máy.

- Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia vay và trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp về cải cách hệ thống chính sách thuế như sau: *Thực hiện các giải pháp khả thi để đạt tỷ lệ huy động cao hơn vào ngân sách nhà nước, khai thác các dư địa thu, mở rộng và chống xói mòn cơ sở thuế, đẩy mạnh chống thất thu, phấn đấu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế dưới 5% tổng thu ngân sách nhà nước....* (khoản 2 Điều 4).

- Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu nhằm đảm bảo Việt Nam tuân thủ các quy định quốc tế về chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu. Theo đó, một số quy định về kê khai, nộp thuế tại Nghị quyết chưa được quy định tại Luật Quản lý thuế hiện hành.

- Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12/11/2024 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 đã quy định: *“có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt để tháo gỡ thể chế, khắc phục điểm nghẽn; đẩy mạnh hơn nữa việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; tập trung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp”* và *“đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực”* (điểm 3.1 Điều 3).

- Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 19/11/2024 đã bổ sung quy định mở rộng đối tượng nộp thuế bao gồm cả nhà cung cấp nước ngoài không

có cơ sở thường trú tại Việt Nam nhưng có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử hoặc kinh doanh trên nền tảng số; điều chỉnh quy định về thuế suất và đối tượng không chịu thuế, bổ sung trường hợp hoàn thuế cho cơ sở kinh doanh sản xuất hàng hóa, dịch vụ chịu thuế 5% có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên. Do đó, cần rà soát nghiên cứu sửa đổi Luật QLT để bổ sung quy định về người nộp thuế, đăng ký, kê khai và nộp thuế; quy trình, thủ tục, điều kiện hoàn thuế cho phù hợp, tạo thuận lợi cho người nộp thuế và nâng cao hiệu quả quản lý thuế trong bối cảnh kinh tế số và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

- Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Luật kế toán; Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước; Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật thuế thu nhập cá nhân; Luật dự trữ quốc gia; Luật xử lý vi phạm hành chính (sau đây gọi là Luật số 56/2024/QH15) trong đó sửa đổi, bổ sung 14 Điều<sup>2</sup> của Luật QLT.

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025 sửa đổi quy định về phân định thẩm quyền giữa các cấp chính quyền địa phương, phối hợp giữa các cơ quan, quy trình thủ tục hành chính đòi hỏi Luật Quản lý thuế phải được rà soát để sửa đổi quy định phù hợp với sự thay đổi trong phân cấp quản lý thuế giữa trung ương và địa phương đảm bảo rõ ràng về trách nhiệm và quyền hạn của từng cấp; sửa đổi quy định và trách nhiệm trong phối hợp, chia sẻ thông tin và hỗ trợ công tác giữa cơ quan thuế và các cơ quan địa phương trong quản lý thuế; điều chỉnh các quy trình, thủ tục hành chính liên quan đến thuế.

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 quy định: *Chính phủ ban hành Nghị định để quy định các biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, các biện pháp để thực hiện chính sách thuế...; để phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành thông tư để quy định: (1) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; (2) Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.* Do vậy, cần rà soát Luật QLT để sửa đổi quy định rõ thẩm quyền của các cơ quan trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý thuế.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về việc xử lý các nội dung liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước quy định: *Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành VBQPPL theo trình tự,*

<sup>2</sup>Sửa đổi, bổ sung: khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 11, khoản 8 Điều 16, khoản 2 Điều 17, khoản 4 Điều 42, khoản 1 Điều 47, khoản 2b Điều 59, khoản 2 Điều 61, khoản 1 Điều 66, khoản 1 Điều 72, khoản 1 Điều 76, khoản 3 Điều 125 và bãi bỏ một số khoản tại một số điều: khoản 2, khoản 3 Điều 47, khoản 3 Điều 75, khoản 7 Điều 124.

thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/3/2027.

- Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân quy định: *Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không áp dụng phương pháp khoán thuế từ ngày 01/01/2026. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo pháp luật quản lý thuế (khoản 6 Điều 10).*

- Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đã đặt ra những nhiệm vụ quan trọng liên quan đến công tác quản lý thuế trong bối cảnh phát triển thương mại điện tử và chuyển đổi số, cụ thể: (i) *Đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 18 về chống thất thu thuế, đảm bảo an ninh tiền tệ trên nền tảng thương mại điện tử.* (ii) *Tăng cường quản lý chặt chẽ trên môi trường thương mại điện tử, chống thất thu thuế.* (iii) *Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế.*

- Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân: *Rà soát sửa đổi Luật Quản lý thuế để bãi bỏ hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh; Rà soát sửa đổi quy định pháp lý về thuế để khuyến khích hộ kinh doanh chuyển sang mô hình doanh nghiệp.*

- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 đặt ra mục tiêu cho giai đoạn 2022-2025: *Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách để tạo điều kiện phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư.*

- Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/04/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 với mục tiêu chủ đạo và xuyên suốt là *xây dựng ngành thuế Việt Nam hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ; trọng tâm của công tác quản lý thuế dựa trên nền tảng thuế điện tử và 3 trụ cột cơ bản gồm (1) Thể chế quản lý thuế đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập; (2) Nguồn nhân lực chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới; (3) Công nghệ thông tin hiện đại, tích hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong bối cảnh nền kinh tế số.*

- Quyết định số 608/QĐ-TTg ngày 15/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương có nêu: *Rà soát tổng thể các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để điều chỉnh thống nhất với nguyên tắc phân định thẩm quyền, quy định về phân quyền, phân cấp tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (điểm 3 mục II - Kế hoạch).*



Những định hướng và giải pháp của Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nêu trên đặt ra sự cần thiết phải nghiên cứu sửa đổi Luật Quản lý thuế một cách toàn diện để đáp ứng mô hình tổ chức bộ máy mới theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho quá trình chuyển đổi số trong công tác quản lý thuế theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, đáp ứng yêu cầu quản lý trong bối cảnh mới đặc biệt là các mô hình kinh tế mới, kinh doanh dựa trên công nghệ và nền tảng số, đặc biệt là công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, tài sản ảo, tiền ảo, tài sản mã hoá, tiền mã hoá, thương mại điện tử, đẩy mạnh cắt giảm thủ tục hành chính, tăng cường quản lý chống thất thu thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo Nghị quyết số 68-NQ/TW.

Theo chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2025 và kế hoạch giai đoạn 2025-2027, một số luật thuế sửa đổi sẽ tiếp tục được trình Quốc hội xem xét thông qua như Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật thuế tài sản, Luật thuế Tài nguyên... Những định hướng sửa đổi bổ sung về các chính sách thuế này cũng đặt ra yêu cầu phải rà soát sửa đổi, bổ sung Luật QLT hiện hành để đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

## 2. Cơ sở thực tiễn

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 13/6/2019 (*thay thế cho Luật năm 2006 và các Luật sửa đổi, bổ sung*), gồm 17 chương, 152 điều, với hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020.

- *Thứ nhất*, thực tiễn thi hành pháp luật về quản lý thuế cho thấy một số quy định tại Luật QLT hiện hành chưa phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi từ thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và quy định của Luật chuyên ngành như:

+ *Về quy định liên quan đến nghiệp vụ quản lý thuế:*

Quy định về nghiệp vụ quản lý thuế tại Luật QLT đã bộc lộ một số điểm nghẽn thể hiện qua ba nhóm vấn đề chính. Nhóm thứ nhất liên quan đến quy định về đăng ký, khai thuế và tính thuế chưa bao quát hết các tình huống thực tế, đặc biệt là các vướng mắc phát sinh từ Luật thuế xuất nhập khẩu, việc tạm ngừng kinh doanh, khôi phục mã số thuế và hợp đồng hợp tác kinh doanh. Nhóm thứ hai về quy trình nộp thuế và ấn định thuế bộc lộ bất cập về thời hạn nộp thuế, xử lý chậm nộp, ấn định thuế đối với người nước ngoài đề nghị miễn thuế thu nhập cá nhân. Nhóm thứ ba liên quan đến công tác hoàn thuế và quản lý chứng từ - hệ thống phân loại hồ sơ hoàn thuế hiện tại chưa tương thích với ứng dụng tự động, trong khi quy định về quản lý hóa đơn còn vướng mắc ở nhiều khía cạnh như thời điểm lập hóa đơn và áp dụng hóa đơn điện tử.

+ *Quy định về quản lý thuế chưa theo kịp sự phát triển của nền kinh tế số:* trong bối cảnh thương mại điện tử xuyên biên giới bùng nổ nhưng chưa có các công cụ pháp lý phù hợp để quản lý doanh thu và thu thuế từ các nền tảng số, sàn giao dịch trực tuyến, các doanh nghiệp công nghệ nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam nhưng vẫn thu được lợi nhuận đáng kể từ thị trường nội

địa. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh trên nền tảng số, thương mại điện tử ngày càng lớn nhưng số thu thuế lại rất nhỏ, không tương xứng với quy mô của loại hình kinh doanh này.

+ *Hạn chế trong ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số*: chưa tạo hành lang đầy đủ cho việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến như dữ liệu lớn (big data) và trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích, đánh giá và quản lý rủi ro thuế. Khung pháp lý cho quản lý thuế điện tử tiến tới quản lý thuế số còn thiếu và chưa đồng bộ. Hệ thống ứng dụng phục vụ nghiệp vụ quản lý thuế lỗi hiện chưa được tập trung, đồng bộ đầy đủ các chức năng. Tốc độ chuyển đổi số trong quản lý thuế chưa theo kịp xu thế chung của thế giới là đẩy mạnh xây dựng hệ thống thuế thông minh với khả năng tự động hóa cao, tích hợp đa nền tảng và thân thiện với người dùng.

+ *Hạn chế trong kiểm soát gian lận*: Thực trạng gian lận và trốn thuế đang diễn biến ngày càng tinh vi và phức tạp. Các hành vi vi phạm không chỉ dừng lại ở việc kê khai sai lệch, giấu doanh thu hay lập hóa đơn khống đơn thuần, mà đã phát triển thành các thủ đoạn có tổ chức với quy mô lớn, liên quan đến nhiều chủ thể và địa bàn khác nhau. Đặc biệt nghiêm trọng là tình trạng gian lận trong các giao dịch xuyên biên giới, nơi kẽ hở về cơ chế giám sát và sự khác biệt giữa các hệ thống thuế quốc gia tạo điều kiện cho hành vi trốn thuế. Các doanh nghiệp đa quốc gia thường lợi dụng việc chuyển giá, phân bổ lợi nhuận và các giao dịch phức tạp giữa các công ty liên kết để tối thiểu hóa nghĩa vụ thuế. Trong khi đó, công cụ và năng lực giám sát của cơ quan thuế còn hạn chế, thiếu cơ chế trao đổi thông tin tự động với các nước, cũng như thiếu các giải pháp công nghệ hiện đại để phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận. Điều này đòi hỏi cần có sự đổi mới toàn diện trong cả khung pháp lý và công cụ quản lý để tăng cường hiệu quả kiểm soát gian lận thuế.

- *Thứ hai*, sự chưa đồng bộ với các pháp luật liên quan. Kể từ khi Luật QLT được ban hành năm 2019, Quốc hội đã ban hành một số Luật, Nghị quyết liên quan trong giai đoạn từ năm 2021 đến nay có nhiều tác động đến công tác quản lý thuế như: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 09/2022/QH15 ngày 09/11/2022; Luật Thanh tra số 11/2022/QH15 ngày 14/11/2022; Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22/6/2023; Luật kinh doanh Bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28/11/2023; Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu; Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 19/11/2024; Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo; Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15; Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội

về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân... có ảnh hưởng đến sự chưa đồng bộ pháp luật tại một số quy định của Luật QLT.

- *Thứ ba*, xu hướng cải cách thuế hiện nay tập trung vào việc hiện đại hóa toàn diện hệ thống quản lý thuế thông qua chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ tiên tiến. Các nước đang đẩy mạnh xây dựng hệ thống thuế thông minh với khả năng tự động hóa cao, tích hợp đa nền tảng và thân thiện với người dùng. Họ chú trọng phát triển các giải pháp công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) trong phân tích rủi ro và quản lý thuế, đặc biệt là đối với các hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới và kinh tế số. Song song với đó là việc tăng cường hợp tác quốc tế trong trao đổi thông tin thuế, chống chuyển giá và trốn thuế, cũng như đơn giản hóa thủ tục hành chính để nâng cao tính tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế. Các nước cũng tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ thuế chuyên nghiệp, am hiểu công nghệ và có khả năng thích ứng với môi trường quản lý thuế hiện đại.

*Thứ tư*, chủ trương xóa bỏ việc khoán thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo Nghị quyết số 68-NQ/TW đòi hỏi phải thay đổi cơ chế quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo hướng tất cả các hộ kinh doanh sẽ phải thực hiện chế độ tự khai, tự nộp thuế và thực hiện sổ sách hóa đơn, chứng từ tại Luật QLT.

Vì vậy, căn cứ Luật ban hành VBQPPL, việc thực hiện quy trình xây dựng chính sách của dự án Luật QLT (thay thế) trước khi soạn thảo Luật là rất cần thiết.

## II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

### 1. Mục đích xây dựng chính sách

Việc xây dựng Luật QLT (thay thế) nhằm:

(1) Đẩy mạnh việc hiện đại hóa và chuyển đổi số toàn diện công tác quản lý thu thuế, ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, có tính liên kết, tích hợp để thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý thuế với ba trụ cột chính: Tạo thuận lợi cho người nộp thuế; Nâng cao hiệu lực và trình độ quản lý thuế; Thúc đẩy số hóa quy trình quản lý thuế<sup>3</sup>.

(2) Khắc phục các bất cập của Luật QLT; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các pháp luật liên quan.

(3) Đẩy mạnh cắt giảm TTHC, giảm chi phí thực hiện TTHC; Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan với cơ quan thuế trong việc chia sẻ dữ liệu, kết nối liên thông để thực hiện pháp luật về thuế và quản lý thuế.

<sup>3</sup>Số hóa dữ liệu, hồ sơ thuế; áp dụng công nghệ vào các khâu quản lý thuế (*khai thuế điện tử, nộp thuế điện tử, hoàn thuế điện tử, tra cứu, kiểm tra bằng công nghệ dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo*); Kết nối liên thông dữ liệu với các ngành khác như ngân hàng, kho bạc, hải quan, sàn thương mại điện tử, nền tảng số; Tự động hóa quy trình (*giảm thiểu can thiệp thủ công, rút ngắn thời gian xử lý và hạn chế rủi ro, sai sót*); Cung cấp dịch vụ thuế điện tử cho người nộp thuế (*thông qua cổng thông tin điện tử, ứng dụng di động, chatbot, AI hỗ trợ khai/nộp thuế*); Tăng cường phân tích dữ liệu (*ứng dụng phân tích dữ liệu lớn để giám sát, dự báo, phân tích rủi ro và hỗ trợ ra quyết định chính sách*).



(4) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; Thực hiện các TTHC trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp, tổ chức không phụ thuộc địa giới hành chính. Xây dựng các TTHC toàn trình theo hướng tạo lập “một cửa sổ” tập trung, duy nhất.

(5) Tăng cường kiểm tra chặt chẽ với các hành vi trốn thuế và gian lận thuế. Nâng cao tính tuân thủ pháp luật về thuế, tự giác nộp đúng, đủ, kịp thời tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước.

(6) Hoàn thiện khung pháp lý để quản lý các mô hình kinh tế mới, kinh doanh dựa trên công nghệ và nền tảng số, quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sau khi xóa bỏ hình thức khoán thuế, khuyến khích hộ kinh doanh chuyển sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp.

## **2. Quan điểm xây dựng chính sách**

a) Thề chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của nhà nước về chuyển đổi số, hiện đại hóa và ứng dụng công nghệ trong quản lý thuế để nâng cao năng lực và hiệu quả của hoạt động quản lý thuế. Tái thiết kế quy trình quản lý thuế, tái cấu trúc xây dựng hệ thống công nghệ thông tin nhằm đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, hiệu quả, tích hợp, xử lý dữ liệu tự động, ra quyết định tự động và phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy cơ quan thuế các cấp theo hướng tinh gọn để đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường kết nối dữ liệu liên thông giữa các bộ, ngành và chính quyền địa phương.

b) Cải cách triệt để công tác quản lý thuế, chuyển từ tư duy “quản lý” sang “phục vụ”, loại bỏ tư duy “không biết vẫn quản, không quản được thì cấm”; Thúc đẩy sự tuân thủ tự nguyện trên cơ sở phân loại mức độ tuân thủ pháp luật và mức độ rủi ro của người nộp thuế; Tiếp tục hoàn thiện các quy định về quản lý rủi ro xuyên suốt có hệ thống trong tất cả các nghiệp vụ quản lý thuế; về quản lý đối với chống chuyển giá; hoạt động kinh doanh trên kinh tế số, kinh tế chia sẻ, sản xuất thông minh, giao dịch xuyên biên giới; hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sau khi xóa bỏ hình thức khoán thuế; việc trao đổi, cung cấp thông tin của người nộp thuế giữa cơ quan thuế với các cơ quan có liên quan; Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý thuế. Đơn giản hoá các TTHC, rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá thành phần hồ sơ đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, miễn, giảm thuế và thực hiện các giao dịch trong lĩnh vực thuế trên môi trường điện tử phù hợp với thông lệ quốc tế; lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ.

c) Bảo đảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước, góp phần đạt mục tiêu phát triển kinh tế giai đoạn 2026-2030. Bảo đảm yêu cầu quản lý thuế nhưng đồng thời thúc đẩy, khơi thông mọi nguồn lực.

d) Kế thừa và phát huy những quy định đã mang lại tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của Luật QLT hiện hành; đồng thời, sửa đổi, bổ sung những quy định đang là vướng mắc, không còn phù hợp để kịp thời giải quyết những vấn đề bất cập phát sinh trong thực tế, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của doanh nghiệp cũng như yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; quy định

rõ ràng, dễ hiểu để xác định chính xác nghĩa vụ thuế của người nộp thuế nhằm đảm bảo công bằng.

d) Luật chỉ quy định khung nguyên tắc còn những nội dung thay đổi nhiều theo thực tiễn thì giao Chính phủ quy định.

e) Đảm bảo mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế, tuân thủ các Điều ước quốc tế và thông lệ quốc tế tốt nhất, phù hợp với xu hướng phát triển, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; đồng thời tạo hành lang pháp lý cho việc tham gia các sáng kiến về thuế quốc tế.

g) Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả; tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước và người nộp thuế. Xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế cũng như công chức thuế để đảm bảo tính minh bạch, công bằng trong thực thi pháp luật, bảo vệ công chức thuế trong phạm vi nhiệm vụ, thẩm quyền được giao nhằm tránh rủi ro pháp lý.

### **III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA CHÍNH SÁCH**

#### **1. Phạm vi của chính sách**

Các quy định về quản lý các loại thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan quản lý thuế, các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực quản lý thuế.

#### **2. Đối tượng áp dụng của chính sách**

Cơ bản giữ như quy định của Luật QLT hiện hành và sửa đổi bổ sung thêm đối tượng về người nộp thuế để đảm bảo đồng bộ với Luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu; Luật số 56/2024/QH15, Luật thuế Giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 nhằm bao quát đối tượng phát sinh phục vụ công tác quản lý thuế; Sửa đổi, bổ sung về tên cơ quan quản lý thuế cho phù hợp với tổ chức bộ máy mới sau sắp xếp.

### **IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH**

Triển khai nhiệm vụ nghiên cứu sửa đổi toàn diện Luật QLT năm 2019, Bộ Tài chính đã thực hiện các hoạt động sau:

(1) Thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật QLT năm 2019 và các văn bản có liên quan như Luật thuế Giá trị gia tăng, Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế xuất nhập khẩu, Luật Hải quan, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Chứng khoán, Luật Giao dịch điện tử, Luật Đất đai, Luật các tổ chức tín dụng, Luật Tần số vô tuyến điện, Luật Thanh tra....

(2) Tổng hợp kiến nghị vướng mắc từ các nguồn khác nhau (tổng kết thi hành Luật QLT năm 2019, các phản ánh kiến nghị từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, các hiệp hội, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện Luật QLT năm 2019 ....).

(3) Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật QLT, tổng hợp kinh nghiệm quốc tế; báo cáo Chính phủ về nghiên cứu, sửa đổi toàn diện đối với dự án Luật QLT (Báo cáo số 103/BC-BTC ngày 02/04/2025, Báo cáo số 135/BC-BTC ngày 15/04/2025);

(4) Chính phủ đã có Nghị quyết 107/NQ-CP ngày 23/4/2025 thông qua Báo cáo nghiên cứu, sửa đổi toàn diện đối với dự án Luật QLT và Chính phủ đã có Báo cáo số 270/BC-CP về nghiên cứu, sửa đổi toàn diện đối với dự án Luật QLT gửi Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

(5) Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 237/TTr-BTC ngày 27/5/2025 báo cáo Chính phủ đề xuất bổ sung Luật QLT (thay thế) vào chương trình lập pháp năm 2025.

(6) Bộ Tài chính đã có công văn số 7960/BTC-CT ngày 06/6/2025 gửi lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về hồ sơ xây dựng chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế).

(7) Bộ Tài chính đã có công văn số 7961/BTC-CT ngày 06/6/2025 gửi Công Thông tin điện tử Chính phủ đề đăng tải hồ sơ xây dựng chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) xin ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách theo quy trình của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

(8) Bộ Tài chính đã có công văn số 8525/BTC-CT ngày 17/6/2025 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về giải trình ý kiến thành viên Chính phủ đối với Tờ trình đề xuất xây dựng dự án Luật QLT (thay thế).

(9) Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 198/NQ-CP ngày 27/6/2025 về việc bổ sung dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) vào Chương trình lập pháp năm 2025 của Quốc hội.

(11) Chính phủ đã ký Tờ trình số 620/TTr-CP ngày 4/7/2025 báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về đề xuất xây dựng dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) để bổ sung vào chương trình lập pháp năm 2025 *(với tiến độ trình Quốc hội khóa XV cho ý kiến và thông qua tại kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025))*.

(12) Theo công văn số 820/TTg-QHĐP ngày 10/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuẩn bị kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV kèm theo Danh mục Tài liệu dự kiến trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 10 thì thời hạn hoàn thành đối với Luật Quản lý thuế gửi UBNDQH là ngày 30/8/2025.

Thực hiện quy trình xây dựng Luật theo quy định của Luật ban hành VBQPPL, Bộ Tài chính đã xây dựng hồ sơ chính sách theo quy định tại Điều 30 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP gửi lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách (*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Bộ ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, cơ quan có liên quan, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Tài chính*), tổ chức hội nghị tham vấn (*Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội, một số Bộ, cơ quan ngang Bộ*) trong quá trình xây dựng chính sách.



Đến ngày 10/7/2025, Bộ Tài chính đã nhận được 57 văn bản tham gia ý kiến, bao gồm: 12/16 văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, 4/5 văn bản cơ quan thuộc Chính phủ, 36/63 văn bản góp ý của địa phương, và 05 tổ chức/đơn vị khác; trong đó: 34 đơn vị (5 Bộ và 28 cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố) nhất trí hoàn toàn; một số ý kiến cơ bản nhất trí đồng thời có tham gia thêm nội dung về kết cấu, câu chữ; các ý kiến còn lại có tham gia thêm một số nội dung cụ thể đã được Bộ Tài chính giải trình, tiếp thu đầy đủ.

## V. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật “*Luật chỉ quy định chung, Chính phủ ban hành Nghị định quy định các biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, để phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn. Bộ trưởng ban hành thông tư để quy định: (1) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong luật và nghị định, (2) Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp*”.

Thực hiện công văn số 48/CV-BCĐTKNQ18 ngày 03/5/2025 về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương và triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp “Căn cứ nguyên tắc phân định thẩm quyền tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, yêu cầu: *Không quy định tên bộ, ngành và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của bộ, ngành vào trong Luật (không phân quyền trực tiếp cho các Bộ trưởng tại Luật để bảo đảm Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực, thực hiện phân công phạm vi quản lý nhà nước cho các bộ, cơ quan ngang bộ*”. Do vậy, Bộ Tài chính đã rà soát toàn bộ nội dung Luật QLT để đề xuất quy định các nội dung là các biện pháp tổ chức thực hiện, hướng dẫn Luật giao cho Chính phủ quy định tại Nghị định; quy định các nội dung thuộc chức năng quản lý của Bộ Tài chính giao cho Bộ Tài chính hướng dẫn tại thông tư nhằm thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền.

Hồ sơ chính sách của Luật Quản lý thuế (thay thế) gồm 06 nhóm chính sách: (1) Chính sách 1: đơn giản thủ tục hành chính trong quản lý thuế; (2) Chính sách 2: Phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý thuế; (3) Tự động hóa và chuyển đổi số trong quản lý thuế; (4) Quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; (5) Chính sách 5: Kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết; (6) Chính sách 6: Hoàn thiện quy định về tổ chức quản lý thuế.

Sáu nhóm chính sách này dự kiến sẽ được quy định nội dung tại 101 Điều của dự thảo Luật giảm 51 Điều so với 152 Điều của Luật hiện hành trong đó: (1) nội dung đã được quy định tại Luật QLT hiện hành (giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung) gồm có 15/152 Điều; (2) nội dung đã được quy định ở Luật QLT hiện hành nhưng có sửa đổi, bổ sung, sắp xếp gộp lại gồm 127/152 Điều và lược bỏ 10/152 Điều; (3) nội dung bổ sung mới gồm 07 Điều. Trong 101 Điều, dự kiến sẽ giao Chính phủ quy định chi tiết 34 Điều và 38 nội dung và giao Bộ Tài chính quy định chi tiết 6 Điều và hướng dẫn 45 nội dung. Cụ thể như sau:

## **1. Chính sách 1: đơn giản thủ tục hành chính trong quản lý thuế**

### **1.1. Mục tiêu của chính sách:**

Mục đích của việc sửa đổi, bổ sung quy định của nhóm chính sách này là để thực hiện mục tiêu cắt giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ pháp luật cho người nộp thuế theo Nghị quyết số 68-NQ/TW.

**1.2. Nội dung của chính sách:** (i) cắt giảm, đơn giản hóa TTHC về thành phần hồ sơ, quy trình xử lý, thời gian giải quyết, hỗ trợ người nộp thuế trong công tác đăng ký, kê khai, quyết toán, hoàn thuế nhằm giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp. (ii) Mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử hóa và tự động hóa quy trình giải quyết TTHC, nâng cao tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; (iii) tăng cường liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong và ngoài ngành Thuế; (iv) Nâng cao công tác phối hợp giữa cơ quan thuế và các cơ quan liên quan, nhất là trong các thủ tục liên thông, thủ tục cần xác minh, xác nhận thông tin ... để rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ.

### **1.3. Các giải pháp thực hiện chính sách:**

Rà soát, sửa đổi các quy định về thủ tục hành chính chồng chéo, không còn phù hợp hoặc gây khó khăn cho người nộp thuế; Hợp nhất, bãi bỏ các biểu mẫu, thành phần hồ sơ không cần thiết trong các hồ sơ khai thuế, hoàn thuế, miễn, giảm thuế; Rà soát và bãi bỏ các quy định pháp lý yêu cầu thủ tục giấy tờ hoặc can thiệp thủ công không còn phù hợp với mô hình số; Thiết kế quy trình xử lý nội bộ tự động theo hướng cắt giảm trung gian, tăng phân quyền trong xử lý; Triển khai toàn diện thực hiện thủ tục hành chính thuế trên môi trường điện tử; phát triển công dịch vụ công trực tuyến của cơ quan thuế đồng bộ, dễ sử dụng; kết nối chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan thuế, với các cơ quan nhà nước liên quan; Thiết kế quy trình khai thuế, nộp thuế đơn giản dễ thực hiện.

### **1.4. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn:**

- Các nội dung bổ sung mới: (1) bổ sung quy định quyền được ưu tiên thực hiện thủ tục hành chính thuế trong trường hợp là người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế (tại Điều 18) để khuyến khích tăng tính tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế; (2) bổ sung quy định cơ quan thuế sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú và cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân để giải quyết TTHC khi các loại giấy tờ về lai lịch, nhận dạng, cư trú của công dân đã được bãi bỏ bởi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú và cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân (Điều 20) để giảm thiểu chi phí tuân thủ cho người nộp thuế ; (3) bổ sung quy định cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế dưới dạng điện tử (Điều 32) để tạo thuận lợi cho người nộp thuế và giảm thủ tục, khi đã cấp bản điện tử thì không còn thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thuế khi bị mất, rách, nát, cháy.

- Các nội dung sửa đổi, bổ sung: (1) sửa đổi, bổ sung quy định về cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế từ cơ quan đăng ký kinh doanh theo cơ chế một cửa liên thông hoặc thông qua công thông tin điện tử (tại Điều 32) để mở rộng

ứng dụng công nghệ, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính; (2) sửa đổi, bổ sung quy định về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế từ cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế bằng hình thức điện tử (tại Điều 32) để giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính; (3) sửa đổi, bổ sung quy định hình thức nộp hồ sơ khai thuế (tại Điều 39) để giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho người nộp thuế, phù hợp với ứng dụng công nghệ thông tin tự động hóa trong việc tiếp nhận hồ sơ khai thuế; (4) sửa đổi, bổ sung quy định bù trừ tự động trong xử lý số tiền nộp thừa, các trường hợp được hoàn thuế nộp thừa tự động trên cơ sở theo dõi được toàn diện, đầy đủ cơ sở dữ liệu về xác định nghĩa vụ phải nộp, đã nộp và áp dụng quản lý rủi ro trong xử lý các khoản nộp thừa. Nghiên cứu sửa đổi quy định về xử lý bù trừ giữa khoản nộp thừa với khoản phải nộp giữa các tiểu mục, giữa các địa bàn với nhau mà không phải thực hiện qua thủ tục hoàn thuế tại Điều 49 để tự động hóa quy trình giải quyết TTHC, đẩy nhanh thời gian xử lý TTHC; (5) sửa đổi, bổ sung quy định về hình thức thông báo điện tử của cơ quan thuế tại Điều 58 để đẩy nhanh việc xử lý TTHC; (6) sửa đổi, bổ sung quy định về hoàn thuế tự động từ ứng dụng hệ thống (tại Điều 58) để đẩy nhanh thời gian giải quyết TTHC;

## **2. Chính sách 2: Phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý thuế**

**2.1. Mục tiêu của chính sách:** Tăng tính chủ động và trách nhiệm của Chính phủ, Bộ Tài chính và cơ quan thuế các cấp trong xử lý công việc; Giảm thời gian chờ đợi, xin ý kiến cấp trên; Nâng cao hiệu quả quản lý và cải thiện dịch vụ công trong quản lý thuế, giảm tải cho cấp trung ương, tăng sự linh hoạt trong thực hiện nhiệm vụ; Tạo động lực cải tiến nội bộ, thúc đẩy sáng kiến và trách nhiệm cá nhân của cán bộ, công chức thuế nhằm đẩy mạnh phân cấp phân quyền trong quản lý nhà nước theo chủ trương của Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 10/6/2021 và Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022

**2.2. Nội dung của chính sách:** (i) Phân cấp cho Chính phủ trong việc quy định các biện pháp tổ chức thực hiện, hướng dẫn Luật; (ii) phân cấp, phân quyền quyết định về quản lý thuế cho Bộ Tài chính: quy định rõ ràng và mở rộng thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính; (iii) Phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ: chia trách nhiệm, quyền hạn giữa các cấp quản lý thuế để tăng cường hiệu quả công tác, giảm tải cho các cơ quan quản lý trung ương và tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế; (iii) Phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có liên quan trong công tác quản lý thuế

### **2.3. Các giải pháp thực hiện chính sách:**

Rà soát, sửa đổi các quy định tại Luật Quản lý thuế để quy định cụ thể phạm vi phân cấp, phân quyền cho Chính phủ, Bộ Tài chính và cơ quan quản lý thuế các cấp.

Quy định rõ cơ chế ủy quyền trong nội bộ cơ quan thuế, cho phép thủ trưởng được ủy quyền cho cấp dưới xử lý các nghiệp vụ trong giới hạn rủi ro, giá trị hoặc hồ sơ đơn giản



Rà soát sửa đổi quy định về tăng cường ứng dụng công nghệ trong phân quyền xử lý: hệ thống tự động phân loại hồ sơ, hoàn thuế và gắn trách nhiệm xử lý.

#### **2.4. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn:**

Sửa đổi, bổ sung nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết 34 Điều và 38 nội dung và giao Bộ Tài chính quy định chi tiết 6 Điều và hướng dẫn 45 nội dung. Cụ thể như sau:

- Những nội dung bổ sung mới giao Chính phủ quy định: (1) bổ sung giao Chính phủ 1 khoản quy định Tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, nhà quản lý nền tảng số có chức năng thanh toán, các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác và 1 khoản quy định Tổ chức, cá nhân nộp thay thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước (Điều 2); (2) bổ sung giao Chính phủ quy định 1 khoản giải thích từ ngữ về chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu (Điều 3); (3) bổ sung giao Chính phủ quy định Phạm vi quản lý thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước (Điều 6); (4) bổ sung giao Chính phủ quy định 1 khoản về trường hợp đặc thù đối với đồng tiền khai thuế, nộp thuế tại Điều 8; (5) bổ sung giao Chính phủ quy định Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (Điều 17); (6) bổ sung giao Chính phủ quy định 1 khoản về người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế được ưu tiên trong thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính thuế và quản lý thuế (Điều 18); (7) bổ sung giao Chính phủ quy định Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (Điều 29); (8) bổ sung quy định 1 khoản về Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thời hạn và các quy định cụ thể về thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế (Điều 33); (9) bổ sung giao Chính phủ quy định 1 khoản về Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thuế và xử lý mã số thuế trong từng trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp (Điều 35); (10) bổ sung giao Chính phủ quy định Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế (Điều 36); (11) bổ sung giao Chính phủ quy định 1 khoản về Hồ sơ, trình tự, thủ tục và điều kiện khôi phục mã số thuế (Điều 37); (12) quy định nguyên tắc khai thuế đối với hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác, chế biến dầu thô và hoạt động bán khí thiên nhiên, khí đồng hành, khí than được chuyển bằng đường ống dẫn khí đến người mua (Điều 38); (13) quy định các trường hợp người nộp thuế gặp khó khăn đặc biệt được gia hạn nộp hồ sơ khai thuế (Điều 39); (14) bổ sung giao Chính phủ quy định Quản lý thuế đối với cá nhân kinh doanh (Điều 42); (15) bổ sung giao Chính phủ quy định một số trường hợp về Thời hạn nộp thuế khai bổ sung, nộp số tiền thuế ấn định được áp dụng theo thời hạn nộp thuế của tờ khai hải quan ban đầu (Điều 46); (16) bổ sung giao Chính phủ quy định Cá nhân kinh doanh có doanh thu hàng năm dưới ngưỡng doanh thu chịu thuế theo quy định của pháp luật thuế nhưng đã được tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, nhà quản lý nền tảng số có chức năng thanh toán, các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác (Điều 50); (17) bổ sung giao Chính phủ quy định đối tượng, loại thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu, thời gian, trình tự thủ tục, thẩm quyền, hồ sơ gia hạn nộp thuế trong trường

hợp đặc biệt (Điều 52); (18) bổ sung giao Chính phủ quy định Hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi cơ quan quản lý thuế (Điều 57); (19) bổ sung giao Chính phủ quy định Các trường hợp miễn thuế, miễn tiền chậm nộp, miễn tiền phạt, giảm thuế (Điều 61); (20) bổ sung giao Chính phủ quy định 1 khoản về thời gian, số tiền khoan nợ đối với các trường hợp được khoan nợ (Điều 62); (21) bổ sung giao Chính phủ quy định hóa đơn điện tử (Điều 64); (22) bổ sung giao Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu về hóa đơn, chứng từ điện tử (Điều 65); (23) bổ sung giao Chính phủ quy định 1 khoản về Nội dung, hình thức, phương thức và thời hạn cung cấp thông tin (Điều 67); (24) bổ sung giao Chính phủ quy định 1 khoản về ngưỡng số tiền thuế nợ quá 90 ngày (Điều 79); (25) bổ sung giao Chính phủ quy định Biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế (Điều 80); (26) bổ sung giao Chính phủ quy định Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế và các trường hợp không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn (Điều 84); (27) bổ sung giao Chính phủ quy định Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế (Điều 85); (28) bổ sung giao Chính phủ quy định Hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu (Điều 91); (29) bổ sung giao Chính phủ quy định Hành vi trốn thuế (Điều 92); (30) bổ sung giao Chính phủ quy định Xử lý hành vi vi phạm của ngân hàng thương mại, người bảo lãnh nộp tiền thuế trong lĩnh vực quản lý thuế (Điều 93); (31) bổ sung giao Chính phủ quy định Xử lý hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực quản lý thuế (Điều 94); (32) bổ sung giao Chính phủ quy định Xử phạt vi phạm hành chính về phí, lệ phí, hóa đơn trong lĩnh vực quản lý thuế (Điều 95).

- Những nội dung bổ sung mới giao Bộ Tài chính hướng dẫn: (1) quy định 1 khoản về Trụ sở của cơ quan quản lý thuế là địa điểm nơi đặt trụ sở chính của cơ quan quản lý thuế (Điều 3); (2) quy định 2 khoản về Đồng tiền khai thuế, nộp thuế (Điều 8); (3) quy định Quản lý rủi ro và quản lý tuân thủ trong quản lý thuế (Điều 10); (4) quy định 1 khoản về quy trình, thủ tục ký và thực hiện các thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) và thỏa thuận song phương, đa phương về thuế với cơ quan quản lý thuế nước ngoài (Điều 13); (5) quy định 1 khoản về thẩm quyền hướng dẫn thủ tục tra soát, điều chỉnh thông tin để bảo đảm quyền lợi cho NNT (Điều 18); (6) quy định về việc Người nộp thuế không phải nộp các chứng từ, không phải gửi các thông tin đã có sẵn trong hồ sơ khai, nộp thuế, hồ sơ hoàn thuế và các hồ sơ thuế khác mà cơ quan quản lý thuế đã có (Điều 19); (7) quy định 1 khoản về Mã số thuế do cơ quan thuế cấp và 1 khoản về Thủ tục cấp mã số thuế của cơ quan thuế (Điều 31); (8) quy định 1 khoản về hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp ở nước ngoài (Điều 38); (9) quy định 1 số khoản về khai thuế (Điều 39); (10) quy định về thủ tục thực hiện nghĩa vụ thuế (Điều 47); (11) quy định thủ tục xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế, miễn tiền chậm nộp, khấu trừ số tiền thuế nợ không tính tiền chậm nộp (Điều 49); (12) quy định hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký đối với người nộp thuế là nhà cung cấp nước ngoài (Điều 54); (13) quy định 1 khoản về địa điểm

kiểm tra hồ sơ hoàn thuế và 1 khoản về trình tự, thủ tục, thẩm quyền hoàn thuế, thu hồi hoàn thuế (Điều 58); (14) quy định về Cơ quan tiếp nhận và giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế; quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền thu hồi tiền miễn thuế, tiền giảm thuế, quy trình miễn thuế, giảm thuế tự động (Điều 61); (15) quy định Thủ tục, hồ sơ khoanh nợ (Điều 62); (16) quy định về trường hợp rủi ro về thuế cao, rất cao (Điều 64); (17) quy định về thủ tục, hồ sơ tra soát, điều chỉnh thông tin (Điều 67); (18) quy định trường hợp, thẩm quyền, thủ tục tra soát, xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế (Điều 68); (19) quy định trình tự, thủ tục kiểm tra thuế; thẩm quyền cụ thể của các cơ quan, cá nhân trong kiểm tra thuế; mẫu biểu, hồ sơ kiểm tra thuế; trình tự, thủ tục kiểm tra lại; việc áp dụng các biện pháp bảo đảm trong kiểm tra thuế (Điều 73); (20) bổ sung quy định kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí và lệ phí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Điều 74); (21) quy định về thời hạn cung cấp thông tin, thời gian thực hiện khảo sát tại trụ sở người nộp thuế, trường hợp gia hạn và các nội dung khác về kiểm tra giá giao dịch liên kết (Điều 75); (22) quy định thu thập thông tin liên quan đến hành vi trốn thuế đối với người nộp thuế là nhà cung cấp nước ngoài (Điều 76); (23) quy định thẩm quyền quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế đối với người nộp thuế là nhà cung cấp nước ngoài (Điều 81); (24) quy định về tham vấn trong giải quyết khiếu nại về thuế (Điều 98).

Lý do của các giải pháp trên là đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý thuế theo chủ trương của Đảng và Chính phủ; để phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp chính quyền, cơ quan nhà nước; tăng tính chủ động, trách nhiệm và linh hoạt trong thực hiện nhiệm vụ của cơ quan được phân cấp, phân quyền; đẩy nhanh tốc độ giải quyết các vấn đề liên quan đến thuế, tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan quản lý.

### **3. Chính sách 3: Tự động hóa và chuyển đổi số toàn diện trong quản lý thuế**

#### **3.1. Mục tiêu của chính sách:**

- Chuyển đổi số toàn và tự động hóa công tác quản lý nhằm góp phần thực hiện thành công chiến lược chuyển đổi số quốc gia, cải thiện năng suất bộ máy và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; Thực hiện chủ trương, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo nêu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW “Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu” và Nghị quyết số 68-TW/NQ “Đẩy mạnh số hoá, minh bạch hoá, đơn giản hoá, dễ tuân thủ, dễ thực hiện đối với chế độ kế toán, thuế, bảo hiểm,... để khuyến khích chuyển đổi hộ kinh doanh sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp”.

- Giảm tối thiểu 50% thời gian xử lý thủ tục hành chính thuế;

- 100% người nộp thuế có thể thực hiện nghĩa vụ qua môi trường điện tử mà không cần phải đến cơ quan thuế;

- Nâng cao hiệu quả quản lý thuế, chống thất thu, giảm gian lận trên cơ sở dữ liệu và ứng dụng công nghệ.

### **3.2. Nội dung của chính sách:**

- Thiết lập hệ thống quản lý thuế số toàn diện, tập trung, thông minh: Xây dựng hệ thống Quản lý thuế tích hợp, tập trung, đa dịch vụ, liên thông giữa các quy trình nghiệp vụ (đăng ký thuế - khai thuế - nộp thuế - kế toán thuế - hoàn thuế - miễn giảm - quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, kiểm tra thuế, tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế,...) nhằm giảm thiểu sự tác động, xử lý thủ công của con người trong các bước quy trình nghiệp vụ, giúp giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính cho người nộp thuế, tăng hiệu suất, hiệu quả của cơ quan thuế và minh bạch công tác quản lý thuế. Đồng bộ hệ thống cơ sở dữ liệu về thuế, hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử và kết quả xử lý thủ tục hành chính trên một nền tảng duy nhất (Cổng dịch vụ công quốc gia); Ứng dụng các công nghệ mới để tự động hóa các quy trình nghiệp vụ, xử lý hồ sơ, cảnh báo rủi ro và phát hiện gian lận.;

### **3.3. Các giải pháp thực hiện chính sách:**

- Nghiên cứu bổ sung quy định về chuyển đổi số toàn diện trong quản lý thuế tại Luật; quy định nguyên tắc sử dụng công nghệ số trong toàn bộ quy trình quản lý thuế; Luật hóa giá trị pháp lý của hồ sơ, chứng từ điện tử; quyết định hành chính thuế điện tử, chữ ký số và các hình thức giao dịch điện tử; Bổ sung quy định về hình thức tờ khai gợi ý, cho phép ra quyết định hành chính thuế tự động trên hệ thống phân tích dữ liệu và tiêu chí đã xây dựng;

- Xây dựng và triển khai hạ tầng công nghệ số thống nhất, đồng bộ: đầu tư phát triển nền tảng quản lý thuế số tập trung đáp ứng tiêu chuẩn kết nối dữ liệu liên ngành; năng lực xử lý lớn và đảm bảo an toàn thông tin; Tích hợp các hệ thống quản lý hiện có vào một hệ sinh thái duy nhất, liên thông với cổng dịch vụ công quốc gia và các hệ thống ngành khác; phát triển công cụ phân tích dữ liệu phục vụ tự động hóa xử lý, dự báo rủi ro và nhận diện gian lận

- Kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ thông tin với các cơ quan, tổ chức có liên quan;

- Phát triển nguồn nhân lực và thay đổi tư duy quản lý: tổ chức, đào tạo bồi dưỡng kiến thức công nghệ, phân tích dữ liệu, quản trị số cho công chức thuế các cấp; chuyển đổi tư duy từ quản lý thủ công sang quản trị số; lấy dữ liệu làm trung tâm, quy trình làm nền tảng, công nghệ làm công cụ.

**3.4. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn:** Rà soát sửa đổi, bổ sung, lược bỏ nội dung tại 12 Điều. Cụ thể như sau:

- Những nội dung bổ sung mới (tại 01 Điều): (1) Bổ sung nội dung cho phép cơ quan thuế triển khai hệ thống ra quyết định hành chính tự động và tính

pháp lý của Hệ thống thông tin quản lý thuế được sử dụng làm căn cứ ra quyết định hành chính thuế (khoản 4 Điều 12);

- Những nội dung sửa đổi, bổ sung (tại 12 Điều): (1) Sửa đổi, bổ sung quy định về đào tạo nguồn nhân lực tại Điều 11 để đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi số toàn diện của công chức thuế; (2) Sửa đổi khoản 3 Điều 12 để mở rộng phạm vi ứng dụng công nghệ số, bổ sung quy định về hệ sinh thái số trong quản lý thuế nhằm xây dựng hệ thống quản lý thuế điện tử thông minh có khả năng tự động phân tích rủi ro, dự báo gian lận thuế; kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan, tổ chức liên quan; (3) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 quy định rõ trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc thực hiện chuyển đổi số; (4) Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 32 để quy định rõ tính pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế được cấp dưới dạng điện tử nhằm thúc đẩy chuyển đổi toàn bộ thủ tục hành chính trên môi trường số; (5) sửa đổi, bổ sung Điều 47 để quy định các hình thức nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu qua cổng thông tin điện tử của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan; (6) Sửa đổi Điều 50 bổ sung quy định về trình tự xử lý bù trừ tự động giữa khoản nộp thừa với khoản phải nộp giữa các tiểu mục, giữa các địa bàn với nhau mà không phải thực hiện qua thủ tục hoàn thuế; (7) Sửa đổi Điều 58: quy định nộp hồ sơ hoàn thuế bằng phương thức điện tử; bổ sung quy định về phản hồi thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế thông qua cổng giao dịch điện tử để phù hợp với trường hợp hồ sơ hoàn thuế nộp điện tử qua cổng giao dịch điện tử của cơ quan quản lý thuế; (8) Sửa đổi, bổ sung Điều 61 bổ sung hình thức nộp hồ sơ miễn thuế, giảm thuế qua cổng giao dịch điện tử của cơ quan quản lý thuế nhằm thực hiện chủ trương chuyển đổi số toàn diện; bổ sung quy định cụ thể thời hạn giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế trong từng trường hợp và tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông để minh bạch, phù hợp với thực tiễn và thuận lợi cho người nộp thuế; (9) Sửa đổi bổ sung tại Điều 65 quy định Tổ chức cấp chứng từ điện tử cho người nộp thuế phải kết nối chuyển dữ liệu chứng từ điện tử cho cơ quan thuế; (10) sửa đổi, bổ sung quy định hệ thống thông tin người nộp thuế tại Điều 66 để bao quát đầy đủ thông tin về người nộp thuế và các thông tin có liên quan phục vụ công tác quản lý thuế; sửa đổi, bổ sung theo hướng cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm tổ chức xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ thu thập, xử lý, kết nối dữ liệu và quản lý hệ thống thông tin người nộp thuế để phù hợp và thống nhất định nghĩa về hệ thống thông tin người nộp thuế là “tập hợp thông tin, dữ liệu về người nộp thuế và các thông tin liên quan phục vụ công tác quản lý thuế” theo đề xuất sửa đổi, bổ sung tại Điều 66. Lồng ghép các nội dung về cơ sở dữ liệu người nộp thuế với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tận dụng hạ tầng sẵn có, tiết kiệm ngân sách nhà nước (theo Đề án 06); (11) Sửa đổi Điều 67 bổ sung quy định trách nhiệm cung cấp thông tin của một số tổ chức liên quan đến hoạt động kinh doanh sản thương mại điện tử, nền tảng số và thực hiện thực hiện theo phương thức điện tử để bảo đảm liên thông, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý thuế, giảm thiểu phụ thuộc vào khai báo thủ công.

#### 4. Chính sách 4: Quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

##### 4.1. Mục tiêu của chính sách:

- Đổi mới toàn diện phương thức quản lý thuế phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp siêu nhỏ, cá nhân kinh doanh (hộ kinh doanh) nhằm thúc đẩy chủ trương phát triển kinh tế tư nhân theo Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân<sup>4</sup> “*bãi bỏ hình thức khoán thuế, khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp, triệt để thực hiện hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế*” và thực hiện giải pháp tại Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân “*Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không áp dụng phương pháp khoán thuế từ ngày 01/01/2026. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo pháp luật quản lý thuế*”;

- Nâng cao tính minh bạch, công bằng và hiệu quả trong quản lý thuế khu vực này;

- Tạo thuận lợi cho doanh nghiệp siêu nhỏ, cá nhân kinh doanh (hộ kinh doanh) thông qua ứng dụng công nghệ, đơn giản hóa thủ tục và tăng tính chủ động;

- Chuyển đổi từ phương pháp quản lý khoán thuế sang quản lý theo dữ liệu và rủi ro.

##### 4.2. Nội dung của chính sách

- Phân loại đối tượng hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh để quản lý theo quy mô doanh thu; xác định phương pháp tính thuế đồng bộ với luật thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân.

- Áp dụng pháp pháp quản lý thuế linh hoạt và theo rủi ro: (i) đối với cá nhân kinh doanh (hộ kinh doanh) thì áp dụng phương thức quản lý thuế theo kê khai của người nộp thuế kết hợp dữ liệu từ hóa đơn điện tử, từ các tài khoản thanh toán qua ngân hàng, từ các nền tảng số, sàn thương mại điện tử; (ii) Đối với cá nhân kinh doanh (hộ kinh doanh) nhỏ lẻ, lưu động, rủi ro thấp: bổ sung quy định cơ quan thuế hỗ trợ tạo lập tờ khai gợi ý từ ứng dụng hệ thống của cơ quan thuế cho người nộp thuế để kiểm tra xác nhận nghĩa vụ thuế phải nộp; (iii) xây dựng cơ chế quản lý theo rủi ro thay vì quản lý đồng loạt: hồ sơ minh bạch, nộp thuế

<sup>4</sup> Nghị quyết 68-NQ/TW đưa ra giải pháp về hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh như sau: *Rà soát, hoàn thiện khung khổ pháp lý về kinh doanh cá thể; thu hẹp tối đa sự chênh lệch, tạo mọi điều kiện thuận lợi về tổ chức quản trị và chế độ tài chính, kế toán để khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp. Đẩy mạnh số hoá, minh bạch hoá, đơn giản hoá, dễ tuân thủ, dễ thực hiện đối với chế độ kế toán, thuế, bảo hiểm... để khuyến khích chuyển đổi hộ kinh doanh sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp. Xóa bỏ hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh chậm nhất trong năm 2026”* (điểm 7 mục III).



đơn giản, kiểm tra ngẫu nhiên; (iv) Bổ sung quy định nghĩa vụ thuế đơn giản riêng cho cá nhân kinh doanh nhỏ lẻ.

- Thúc đẩy sử dụng công nghệ trong khai, nộp thuế: Bổ sung quy định tại Luật về việc bắt buộc hoặc khuyến khích sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế (bao gồm hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế); Triển khai ứng dụng di động đơn giản hóa khai thuế, nộp thuế, tra cứu nghĩa vụ thuế của cá nhân kinh doanh (hộ kinh doanh);

- Đơn giản thủ tục hành chính thuế, chế độ kế toán: giảm tần suất kê khai, nộp thuế đối với cá nhân kinh doanh có doanh thu thấp; quy định cho cá nhân kinh doanh nhỏ lẻ không có kế toán nhưng sử dụng sổ sách để ghi chép doanh thu thực tế.

- Bổ sung quy định để khuyến khích cá nhân kinh doanh (hộ kinh doanh) chuyển đổi hình thức kinh doanh sang doanh nghiệp siêu nhỏ, vừa và nhỏ: quy định tỷ lệ % trên doanh thu đảm bảo công bằng giữa cá nhân kinh doanh (hộ kinh doanh) có doanh thu tương đương doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

### 4.3. Các giải pháp thực hiện chính sách

- Làm rõ địa vị pháp lý, trách nhiệm của hộ kinh doanh trong thực hiện nghĩa vụ thuế căn cứ tiêu chí doanh thu của doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để quy định phương pháp tính thuế đối với cá nhân kinh doanh có doanh thu tương đương doanh nghiệp siêu nhỏ tại luật thuế TNCN, Luật Quản lý thuế.

- Xóa quy định khoán thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và bổ sung quy định: hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh áp dụng cơ chế tự khai, tự nộp thuế theo phương pháp tính thuế trực tiếp (tỷ lệ % trên doanh thu) thống nhất với quy định của Luật thuế giá trị gia tăng<sup>5</sup> và Luật thuế thu nhập cá nhân.

- Bổ sung quy định về mức tỷ lệ %/doanh thu tính thuế GTGT đối với hộ kinh doanh có quy mô doanh thu tương đương doanh nghiệp siêu nhỏ hoặc tương đương doanh nghiệp nhỏ và vừa để bảo đảm công bằng và khuyến khích hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chuyển sang mô hình doanh nghiệp (để được hưởng chính sách ưu đãi về thuế TNDN theo Luật thuế TNDN, Nghị quyết số 198/2025/NQ-QH). Bổ sung quy định về mức tỷ lệ %/thu nhập chịu thuế hoặc trên doanh thu tính thuế để tính thuế TNCN đối với cá nhân kinh doanh có quy mô doanh thu tương đương doanh nghiệp siêu nhỏ hoặc tương đương doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Luật thuế TNCN.

- Bổ sung quy định cơ quan thuế kiểm tra rủi ro dựa trên so sánh lĩnh vực kinh doanh/hộ kinh doanh tương tự; Dữ liệu kiểm tra của cơ quan thuế thực địa

<sup>5</sup> Luật thuế giá trị gia tăng quy định “số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp theo doanh thu bằng tỷ lệ % nhân với doanh thu. Đối tượng áp dụng: hộ, cá nhân kinh doanh trừ hộ khoán”

kết hợp đăng ký hộ kinh doanh, Dữ liệu từ nền tảng bán hàng, sàn thương mại điện tử (TMĐT).

- Bổ sung quy định trường hợp hộ kinh doanh vi phạm trong kê khai, nộp thuế, cơ quan thuế thực hiện xử phạt và ấn định thuế theo quy định của Luật QLT.

- Nghiên cứu bổ sung quy định cơ quan thuế hỗ trợ tạo lập tờ khai điền sẵn từ ứng dụng hệ thống của cơ quan thuế, gửi tờ khai điền sẵn cho người nộp thuế để kiểm tra xác nhận nghĩa vụ thuế phải nộp;

- Bổ sung quy định về chế độ kế toán và hóa đơn: Giao Chính phủ quy định chi tiết theo hướng:

+ Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 01 tỷ đồng/năm trở lên: Áp dụng chế độ kế toán đơn giản như các doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư số 88/2021/TT-BTC ngày 11/10/2021 của Bộ Tài chính; và Áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế (*đối với hộ kinh doanh bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng<sup>6</sup> phải sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu đến cơ quan thuế từ ngày 01/6/2025 theo quy định tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025*) hoặc hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế.

+ Đối với các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng đến dưới 01 tỷ đồng/năm:

Áp dụng hóa đơn điện tử có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế (*Cơ quan thuế hỗ trợ cấp hóa đơn có mã lẻ online hoặc dùng phần mềm trung gian miễn phí*) hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền nếu hộ kinh doanh có điều kiện thực hiện **hoặc bill** tính tiền đáp ứng điều kiện về hóa đơn điện tử **hoặc hóa đơn đơn giản** cho phép hộ kinh doanh lập “biên nhận bán hàng điện tử” qua app, Zalo, SMS, hoặc mẫu có mã QR theo quy định của Chính phủ (***áp dụng trong giai đoạn từ 1/1/2026 đến 31/12/2026***); Đồng thời, các hộ kinh doanh phải thực hiện lộ trình áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế.

Thực hiện sổ sách để ghi chép doanh thu thực tế phát sinh theo hướng đơn giản nhưng có đủ thông tin để xác định chính xác nghĩa vụ thuế với Nhà nước (*Chính phủ/Bộ Tài chính sẽ hướng dẫn cụ thể sổ sách ghi chép và Bộ Tài chính cần sửa đổi, bổ sung Thông tư số 88/2021/TT-BTC về chế độ kế toán đối với doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh để đơn giản mẫu biểu*).

**4.4. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn:** Rà soát sửa đổi, bổ sung, lược bỏ nội dung tại 6 Điều. Cụ thể như sau:

<sup>6</sup> Tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP quy định bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng (trung tâm thương mại; siêu thị; bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); ăn uống; nhà hàng; khách sạn; dịch vụ vận tải hành khách, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, dịch vụ nghệ thuật, vui chơi, giải trí, hoạt động chiếu phim, dịch vụ phục vụ cá nhân khác theo quy định về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)

- Những nội dung bổ sung mới: (i) Bổ sung quy định giải thích từ ngữ về “cá nhân kinh doanh”: *là cá nhân có phát sinh hoạt động kinh doanh, người đại diện cho các thành viên hộ gia đình để đăng ký kinh doanh và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh tại Điều 3;*

- Những nội dung sửa đổi, bổ sung (tại 02 Điều): (1) Sửa đổi toàn bộ nội dung Điều 42 về xác định mức thuế đối với hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thành nội dung quy định quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (trong đó, nghiên cứu bổ sung quy định về xác định trước nghĩa vụ thuế và tờ khai thuế điện tử theo hướng hệ thống ứng dụng của cơ quan thuế sẽ tự động xác định nghĩa vụ thuế dựa trên dữ liệu hóa đơn điện tử và thông báo tờ khai thuế cho hộ kinh doanh; bổ sung quy định về phương pháp tính thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh căn cứ theo ngưỡng doanh thu hàng năm, mức tỷ lệ % làm căn cứ tính thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân theo doanh thu kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hàng năm của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.); (2) Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 64 về nguyên tắc áp dụng hóa đơn điện tử: *Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 01 tỷ đồng trở lên khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng phải lập hóa đơn điện tử đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu trên ngưỡng doanh thu không chịu thuế hàng năm theo quy định của pháp luật thuế đến dưới ngưỡng 01 tỷ đồng hàng năm phải sử dụng hóa đơn, chứng từ hoặc sổ sách ghi chép doanh thu thực tế phát sinh theo quy định của Chính phủ.*

*Từ ngày 01/01/2027, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ 800 triệu đồng trở lên khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng phải áp dụng hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối với cơ quan thuế; Từ ngày 01/01/2028, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có ngưỡng doanh thu thuộc diện chịu thuế GTGT đến mức doanh thu 800 triệu đồng khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng phải áp dụng hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối với cơ quan thuế.*

- Những nội dung lược bỏ (tại 4 Điều): (1) Sửa đổi Điều 2: bỏ cụm từ “hộ kinh doanh” để xác định “Hộ kinh doanh” là “cá nhân kinh doanh” do người đại diện hộ kinh doanh thực hiện đăng ký kinh doanh và lấy số định danh cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh là mã số thuế của cá nhân kinh doanh; (2) bỏ nội dung về trách nhiệm công khai mức thuế phải nộp của hộ kinh doanh trên địa bàn xã, phường, thị trấn tại Điều 20 để phù hợp với việc xóa bỏ chế độ khoán thuế; (3) Bỏ toàn bộ nội dung về Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn trong việc xác định mức thuế khoán; (4) Bỏ toàn bộ nội dung tại Điều 42 về hình thức khoán thuế để thay nội dung về đổi mới quản lý thuế đối với cá nhân kinh doanh.

## **5. Chính sách 5: Kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết**

### **5.1. Mục tiêu của chính sách:**

Nhằm thực hiện Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, thực hiện chủ trương của Nghị quyết 18/TW và Nghị quyết số 68/TW về triển khai kiểm tra trực tuyến, ưu tiên kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử, giảm kiểm tra trực tiếp. Miễn kiểm tra thực tế đối với các doanh nghiệp tuân thủ tốt quy định pháp luật.

- Bảo đảm tính liên tục, hiệu quả, không ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác quản lý thuế, công tác chống thất thu ngân sách sau khi bỏ chức năng thanh tra thuế;

- Thiết lập khung pháp lý rõ ràng cho hoạt động kiểm tra thuế có tính chuyên sâu, tương đương chất lượng của thanh tra thuế trước đây nhưng đúng phạm vi kiểm tra theo Luật thanh tra

- Nâng cao năng lực kiểm tra rủi ro, kiểm tra chuyên đề, đặc biệt đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, giao dịch xuyên biên giới.

## **5.2. Nội dung của chính sách**

- Rà soát, sửa đổi Luật Quản lý thuế đối với nội dung cơ quan thuế thực hiện kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế, tại cơ quan thuế bao gồm kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất, kiểm tra theo chuyên đề, kiểm tra theo phân tích rủi ro;

- Bổ sung tăng cường hiệu lực công tác kiểm tra thuế, bổ sung quy định Kiểm tra lại trong hoạt động kiểm tra thuế, bổ sung quy định về kiểm tra giá chuyển nhượng để bảo đảm cơ sở pháp lý để thực hiện và tăng cường tính kỷ luật trong công tác quản lý thuế; bổ sung quy định về kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí, lệ phí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

## **5.3. Các giải pháp thực hiện chính sách**

- Sửa đổi các điều khoản quy định về kiểm tra thuế, loại bỏ cụm từ “ thanh tra” ra khỏi phạm vi chức năng của cơ quan thuế và bãi bỏ các Điều về thanh tra.

- Bổ sung quy định về kiểm tra xác định giá giao dịch liên kết; kiểm tra theo rủi ro.

- Bổ sung quy định về kiểm tra lại trong hoạt động kiểm tra thuế và Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí, lệ phí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

## **5.4. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn**

Cụ thể như sau:

- Những nội dung lược bỏ tại các Điều của Luật QLT hiện hành: bãi bỏ 08 Điều (từ Điều 113 đến Điều 120); bãi bỏ toàn bộ nội dung về thanh tra thuế tại

Điều 107, Điều 108; bỏ nội dung về thanh tra thuế tại Điều 53, quy định về trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc ấn định thuế.

- Những nội dung bổ sung mới:

(1) Bổ sung Điều mới (Điều 74): Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí, lệ phí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền vì hiện nay, tại Bộ Tài chính có Cục Quản lý giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí có chức năng kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí, lệ phí do vậy, cần thiết bổ sung quy định tại Luật QLT để bao quát đầy đủ việc kiểm tra thuế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(2) Bổ sung 01 Điều (Điều 75) về kiểm tra giá giao dịch liên kết với những nội dung quy định Tham vấn, khảo sát, trao đổi thông tin trước khi thực hiện kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết; thời gian kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết; về nguyên tắc kiểm tra giá giao dịch liên kết;

Lý do: Việc kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết thường phức tạp và cần thu thập rất nhiều thông tin liên quan đến các bên liên kết của người nộp thuế thuộc đối tượng kiểm tra.

Để kiểm tra thuế có giao dịch liên kết có hiệu quả, đề xuất bổ sung quy định về tham vấn, khảo sát, trao đổi thông tin trước khi thực hiện kiểm tra để thu thập, nắm bắt thông tin kê khai xác định giá giao dịch liên kết, phân tích rủi ro chuyên sâu làm căn cứ xem xét việc xác định giá giao dịch liên kết của người nộp thuế, trong các trường hợp có tính chất phức tạp, nếu cần thiết có thể tiến hành thủ tục tham vấn. Bổ sung thêm quy định về thời hạn cung cấp thông tin, khảo sát tại trụ sở người nộp thuế trước khi thực hiện kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Thời hạn kiểm tra thuế hiện nay còn ngắn, chưa phù hợp với việc phải kiểm tra các nội dung phức tạp và cần thời gian như kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết nêu trên. Vì vậy, cần bổ sung quy định về thời hạn kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Theo quy định tại Luật Thanh tra năm 2022: Cuộc thanh tra do Thanh tra Bộ, Thanh tra Tổng cục, Cục, Thanh tra tỉnh tiến hành không quá 45 ngày; trường hợp phức tạp thì có thể gia hạn một lần không quá 30 ngày.

Do đó, để không gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế, thời gian thực hiện kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế nên tương đồng với thời gian thanh tra theo quy định của Luật thanh tra. Vì vậy, đề xuất thời gian kiểm tra đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết không quá 40 ngày làm việc tại trụ sở người nộp thuế và gia hạn một lần không quá 30 ngày làm việc tại trụ sở người nộp thuế.

Việc kiểm tra giá giao dịch liên kết thường phức tạp và có tính đặc thù, do vậy, phải có nguyên tắc trong việc thực hiện kiểm tra giá giao dịch liên kết phù hợp với nguyên tắc chung trong quản lý thuế (ví dụ đảm bảo tuân thủ theo nguyên tắc giao dịch độc lập và nguyên tắc bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế).

(3) Bổ sung nội dung mới tại Điều 73 về Kiểm tra lại trong hoạt động kiểm tra thuế để bảo đảm cơ sở pháp lý để thực hiện và tăng cường tính kỷ luật trong công tác quản lý thuế vì trên thực tế phát sinh các trường hợp đã được kiểm tra nhưng có vi phạm như: Có vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục trong quá trình tiến hành kiểm tra, Có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật khi kết luận và xử lý vi phạm hành chính về thuế, Nội dung kết luận, xử lý vi phạm về thuế không phù hợp với những chứng cứ thu thập được trong quá trình kiểm tra hoặc có dấu hiệu rủi ro cao theo tiêu chí đánh giá rủi ro qua phân tích đánh giá rủi ro, Người ra quyết định kiểm tra, trưởng đoàn kiểm tra, thành viên đoàn kiểm tra cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ việc hoặc cố ý kết luận, xử lý vi phạm về thuế trái pháp luật, Có dấu hiệu vi phạm pháp luật nghiêm trọng của đối tượng kiểm tra chưa được phát hiện đầy đủ qua kiểm tra.

Rà soát, sửa đổi Luật Quản lý thuế theo đó tăng cường kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan thuế với hóa đơn điện tử, tăng thời hạn kiểm tra thuế để giải quyết các nội dung phức tạp thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan thuế khi không còn chức năng thanh tra thuế; Bổ sung quyền hạn, biện pháp nghiệp vụ để xử lý hành vi trốn thuế cho hoạt động kiểm tra thuế nhằm tăng cường hiệu lực công tác kiểm tra thuế.

## **6. Chính sách 6: hoàn thiện quy định về tổ chức quản lý thuế**

### **6.1. Mục tiêu của chính sách**

Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch và khả thi trong hệ thống pháp luật thuế

Khắc phục những bất cập trong quy định chung về quản lý thuế trong quá trình thực hiện Luật QLT số 38/2019/HQ14

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế phù hợp với yêu cầu quản lý thuế hiện đại, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số và hội nhập kinh tế quốc tế; Góp phần phát triển kinh tế xã hội, khơi thông nguồn lực, tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp để đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế 2 con số giai đoạn 2026-2030.

### **6.2. Nội dung của chính sách**

Sửa đổi, bổ sung quy định để xử lý toàn diện các bất cập, vướng mắc từ thực tiễn như: Sửa đổi tên gọi của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác; Sửa đổi quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác; Sửa đổi quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan; Sửa đổi quy định để



nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế; Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.

### **6.3. Các giải pháp thực hiện chính sách**

- Sửa đổi tên gọi của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác để phù hợp sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy;
- Sửa đổi, bổ sung các quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác để phù hợp sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy mới;
- Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan;
- Sửa đổi quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế;
- Hoàn thiện quy định nhằm nâng cao tính công bằng, minh bạch, bình đẳng và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.

### **6.4. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn**

**6.4.1. Giải pháp 1: Sửa đổi tên gọi của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác** để phù hợp sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy.

**6.4.2. Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung các quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác** để phù hợp sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy mới ví dụ như bổ sung nội dung “Quản lý tuân thủ” tại khoản 1 Điều 4; sửa đổi, bổ sung quy định “Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm bồi dưỡng, tập huấn chính sách thuế, quản lý thuế và quy trình nghiệp vụ cho đội ngũ công chức quản lý thuế” tại khoản 4 Điều 11; Sửa đổi, bổ sung quy định thẩm quyền quyết định hoàn thuế thủ trưởng cơ quan quản lý thuế tại Điều 58; Bỏ các nội dung quy định về thanh tra thuế.

**6.4.3. Giải pháp 3: Sửa đổi, bổ sung các quy định về nguyên tắc áp dụng để đồng bộ với pháp luật liên quan:**

+ Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 2 quy định Tổ chức, cá nhân nộp thay thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ là do tại một số Nghị định về quản lý thuế (Nghị định số 126/2020/NĐ-CP), hải quan đang quy định các trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho người nộp thuế như tổ chức tín dụng hoặc bên thứ ba được tổ chức tín dụng ủy quyền khai thác tài sản bảo đảm; Tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân thì cá nhân không trực tiếp khai thuế;....các tổ chức có trách nhiệm nộp thuế đối với tài sản, hàng hóa bị kê biên, bán đấu giá để cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế trong lĩnh vực hải quan, hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án....

+ Sửa đổi bổ sung quy định tại Điều 3 để làm rõ các khái niệm có phát sinh vướng mắc trong thực hiện. Bãi bỏ toàn bộ khoản 3 để sắp xếp đưa vào nội dung Điều 6 cho tránh trùng lặp nội dung.

+ Bổ sung giải thích tại Điều 3 về Nghĩa vụ thuế, Các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu, Các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước không do cơ quan quản lý thuế quản lý thu, Cá nhân kinh doanh, Trụ sở của cơ quan quản lý thuế, Cơ quan thuế quản lý trực tiếp, Cơ quan thuế quản lý khoản thu ngân sách nhà nước, Thủ tục thỏa thuận song phương, APA, MAP, Tiền thuế phải nộp, Tiền thuế nộp thừa, Khoanh tiền thuế nợ; Xóa nợ tiền thuế, Cơ sở dữ liệu thương mại, Cơ sở dữ liệu quản lý giá giao dịch liên kết, Cơ sở thường trú của doanh nghiệp nước ngoài, Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, Tham vấn trong giải quyết khiếu nại về thuế, Hội đồng tham vấn, Mã định danh khoản phải nộp (ID), Chương trình tuân thủ tự nguyện, Chương trình tuân thủ tổng thể.

+ Bổ sung quy định *các hành vi bị nghiêm cấm trong khâu trừ, hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng<sup>7</sup>* thuộc các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý thuế tại khoản 9 Điều 7.

+ Bổ sung quy định “*Tỷ giá giao dịch thực tế thực hiện theo pháp luật về kế toán*” tại khoản 2 Điều 8.

+ Sửa đổi Điều 9 quy định Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế phù hợp với Luật Giao dịch điện tử năm 2023 và định hướng chuyển đổi số quốc gia.

+ Bổ sung thêm 1 Điều (Điều 15) để quy định tham chiếu đến *cách tính thời hạn, thời hiệu của Bộ luật Dân sự trong trường hợp ngày cuối cùng của các thời hạn, thời hiệu là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ để tránh nhầm lẫn, đảm bảo quyền lợi của người nộp thuế.*

+ Bổ sung quy định về việc ủy quyền cho cá nhân khác khai thuế thay, nộp thuế thay theo quy định của pháp luật thuế, quản lý thuế và pháp luật về hải quan tại khoản 6 Điều 18.

+ Bổ sung quy định *trách nhiệm nộp thuế và tiền chậm nộp của người nộp thuế khi sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế, không chịu thuế đúng mục đích đã khai báo tại khoản 11 tại Điều 19.*

+ Sửa đổi cụm từ “*ngân hàng thương mại*” thành “*tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán*” tại tên Điều 29, khoản 1 Điều 29, khoản 1 Điều 49.

+ Bổ sung cụm từ “*thời hạn*” trước cụm từ “*bảo lãnh*” tại khoản 4 Điều 29.

+ Sửa đổi, bổ sung nguyên tắc cấp mã số thuế, sửa một số câu chữ tại khoản 2, khoản 4 Điều 31.

+ Bổ sung quy định người nộp thuế không được đăng ký tạm ngừng hoạt động, kinh doanh khi cơ quan thuế đã có thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký tại khoản 3 Điều 34.

<sup>7</sup> Điều 13 Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định: loại trừ trường hợp người nộp thuế đang bị cơ quan thuế ra thông báo không hoạt động tại địa chỉ đăng ký tại khoản 1 Điều 37.

+ Bổ sung quy định định kỳ tính thuế bao gồm kỳ tính thuế tháng, kỳ tính thuế quý, kỳ tính thuế năm, kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh và kỳ quyết toán thuế; bổ sung quy định về hồ sơ khai thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu là hồ sơ hải quan quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu tại khoản 1, khoản 6 Điều 39.

+ Sửa đổi, bổ sung “*lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ*” tại khoản 1; bổ sung cụm từ “*tiền sử dụng khu vực biển*” khoản 3; sửa đổi, bổ sung quy định về thời hạn nộp thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại khoản 4 Điều 46.

+ Sửa đổi, bổ sung cụm từ “*không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký*” tại tên Điều và sửa lại toàn bộ các nội dung liên quan; sửa đổi khoản 5 Điều 54 theo hướng bỏ từ “*chi nhánh*”.

+ Sửa đổi tên Điều 55 thành “*Hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất*” và sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan.

+ Bổ sung thêm Điều mới 57 quy định Hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi cơ quan quản lý thuế.

+ Bỏ cụm từ “*đối với trường hợp không phải nộp thuế tại*” khoản 1 Điều 60.

+ Bỏ trường hợp “*chuyển đổi loại hình doanh nghiệp*” tại Điều 73; bổ sung trường hợp “*phá sản*”. Tách riêng nội dung tại khoản 4 Điều 73 quy định chi tiết về kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế do cơ quan hải quan thực hiện trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hải quan.

+ Bổ sung quy định về điều kiện để Mẫu Thông báo được coi là Biên bản vi phạm hành chính theo quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại Điều 84.

+ Sửa đổi Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính tại khoản 1 Điều 85.

+ Bổ sung hoãn thi hành quyết định phạt tiền tại Điều 88.

+ Sửa đổi khoản 3 Điều 73 để bao quát các trường hợp kiểm tra.

+ Sửa tên Điều 89 thành “*Miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế*”;

#### **6.4.4. Giải pháp 4: Sửa đổi quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế:**

+ Bổ sung nội dung về quy định trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan quản lý thuế, các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan tại Điều 1.

+ Sửa đổi, bổ sung tại Điều 3 quy định giải thích từ ngữ về các nội dung như Nghĩa vụ thuế; các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu, các khoản thu khác thuộc ngân sách không do cơ quan

quản lý thuế quản lý thu; Tiền chậm nộp tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu; Trụ sở của cơ quan quản lý thuế; mã số thuế; hoàn thành nghĩa vụ thuế; *Quản lý rủi ro trong quản lý thuế; Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế; Thông tin người nộp thuế*; tham vấn trong giải quyết khiếu nại về thuế; mã định danh khoản; Chương trình tuân thủ tự nguyện, Chương trình tuân thủ tổng thể

+ Sửa đổi, bổ sung tại Điều 5: nguyên tắc quản lý thuế

+ Bổ sung Điều mới (Điều 6) về Phạm vi quản lý thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước

+ Sửa đổi, bổ sung tại Điều 10: Quản lý rủi ro và quản lý tuân thủ trong quản lý thuế để bổ sung quy định cơ quan quản lý thuế sử dụng kết quả đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người nộp thuế và kết quả phân loại mức độ rủi ro trong quản lý thuế để xây dựng các chương trình tuân thủ tự nguyện, tuân thủ tổng thể hỗ trợ người nộp thuế tuân thủ pháp luật thuế và các biện pháp quản lý thuế phù hợp.

+ Sửa đổi bổ sung tại Điều 13: Hợp tác quốc tế về thuế của cơ quan quản lý thuế để quy định rõ Nội dung hợp tác quốc tế về thuế bao gồm: a) Đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế về thuế. Bộ Tài chính đề xuất nội dung hợp tác quốc tế theo quy trình, thủ tục ký kết của pháp luật về Điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế. b) Đàm phán, ký và thực hiện các cam kết quốc tế về Thủ tục thỏa thuận song phương (MAP), Thỏa thuận song phương đối với Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) và thỏa thuận song phương, đa phương về thuế với cơ quan quản lý thuế nước ngoài.

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 2 tại Điều 14 quy định rõ nhiệm vụ hạch toán kế toán, thống kê các khoản thu khác thuộc NSNN bao gồm các khoản thu khác thuộc NSNN do cơ quan quản lý thuế quản lý thu và không do cơ quan quản lý thuế quản lý thu.

+ Bổ quy định tại Điều 19 vì không có quy định địa bàn nào là địa bàn có cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin; bổ sung cụm từ “*số vốn điều lệ đã thực góp khi thành lập doanh nghiệp*”; Bổ sung “*Người nộp thuế có trách nhiệm sử dụng hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, giảm thuế theo đúng mục đích quy định của pháp luật thuế. Trường hợp sử dụng không đúng mục đích hoặc thay đổi mục đích sử dụng so với mục đích ban đầu đã kê khai với cơ quan quản lý thuế, người nộp thuế phải kê khai nộp tiền thuế, tiền chậm nộp và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật quản lý thuế*”; Bổ sung “*Người nộp thuế là doanh nghiệp xã hội có trách nhiệm kê khai chính xác, trung thực và đầy đủ các khoản thu từ hoạt động hợp tác, tài trợ và hợp đồng kinh tế với tổ chức, cá nhân nước ngoài cho cơ quan quản lý thuế sử dụng cho giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.*”

+ Sửa đổi tại Điều 21: Bổ cụm từ “*thanh tra thuế*” và bổ sung “*kiểm tra giá giao dịch liên kết*”; Bổ sung quyền hạn của cơ quan thuế được yêu cầu cơ quan

đăng ký kinh doanh không thực hiện việc đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian cơ quan quản lý thuế đang tiến hành xử lý các hành vi vi phạm của doanh nghiệp về pháp luật về thuế, pháp luật về hải quan để tăng cường công tác quản lý thuế; Bổ sung quyền hạn của cơ quan thuế được yêu cầu người nộp thuế thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của người nộp thuế; Bổ sung quyền hạn của cơ quan quản lý thuế trong việc chỉ định đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu; Bổ sung quyền hạn của cơ quan quản lý thuế được tổ chức triển khai Chương trình tuân thủ tổng thể, chương trình tuân thủ tự nguyện.

+ Sửa đổi, bổ sung tại Điều 23, Điều 24 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm tra nhà nước, Thanh tra nhà nước: Bổ sung cụm từ “cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp”.

+ Sửa đổi, bổ sung tại Điều 29: quy định tổ chức tín dụng phải cung cấp thông tin về số tài khoản thanh toán của người nộp thuế, thông tin giao dịch qua tài khoản, thời gian thực hiện cung cấp, phương thức cung cấp; Bổ sung quy định trách nhiệm nộp thay thuế cho người nộp thuế của tổ chức tín dụng khi xử lý tài sản thế chấp là hàng hóa nhập khẩu miễn thuế.

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 30: Bổ sung trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý thuế của các tổ chức có liên quan.

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 38 quy định trách nhiệm của Tổ chức, cá nhân thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho người nộp thuế.

- Bổ sung tại Điều 67 quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan (tổ chức tín dụng, cơ quan, tổ chức thu tiền bán đấu giá) trong việc cung cấp thông tin người nộp thuế.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 49: *sửa đổi tiền thuế nợ gồm thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu*; Sửa đổi, bổ sung quy định trường hợp hàng hóa nhập khẩu bị áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp có hiệu lực trở về trước 90 theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương thì không tính tiền chậm nộp trong thời hạn 90 ngày trở về trước; bổ sung trường hợp người nộp thuế được nhà nước giao đất tái định cư nhưng ngân sách nhà nước chưa chi trả tiền bồi thường nơi đi thì không phải nộp tiền chậm nộp; sửa đổi, bổ sung tại Điều 49 để bao quát hết các trường hợp xác định giảm nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế mà không chỉ qua thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Sửa đổi Điều 52: Bỏ cụm từ “không bị phạt” vì không còn phù hợp với quy định hiện tại; bổ sung thẩm quyền gia hạn cho thủ trưởng cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan thuế quản lý khoản thu; để bao quát xử lý gia hạn đối với thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu.

+ Sửa đổi Điều 54: Để đảm bảo thu được đầy đủ các khoản thuế nợ, bổ sung một khoản mới quy định Người nộp thuế chuyển nhượng dự án đầu tư có

trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế liên quan đến dự án đầu tư trước khi chuyển nhượng; trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế liên quan đến dự án đầu tư đó.

+ Sửa đổi bổ sung quy định tại Điều 36 để bổ sung các loại giấy phép theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh; Bổ sung trường hợp bị cơ quan thuế ra thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Bổ sung loại trừ trong quy định chấm dứt hiệu lực mã số thuế khi chấm dứt hoạt động kinh doanh; Bổ sung những trường hợp chấm dứt mã số thuế không phải do người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị; Bổ sung trường hợp chấm dứt hiệu lực Mã số thuế đối với các Mã số thuế cá nhân là công dân Việt Nam mà thông tin đăng ký thuế không khớp với cơ sở dữ liệu Quốc gia dân cư và không còn nghĩa vụ với cơ quan thuế khi triển khai sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế; Sửa đổi để phù hợp với việc tích hợp/liên thông thủ tục nêu trên, theo đó tách riêng trường hợp chấm dứt sự tồn tại của pháp nhân/cá nhân, trường hợp ngừng phát sinh nghĩa vụ nghĩa vụ thuế hoặc ngừng giao dịch với cơ quan thuế.

+ Sửa đổi, bổ sung 38 quy định rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế và cơ quan nhà nước được giao quản lý khoản thu NSNN trong công tác quản lý thuế; sửa đổi điểm b khoản 6 về việc áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế phải dựa trên thông tin của người nộp thuế, cơ sở dữ liệu thương mại theo quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

- Sửa đổi Điều 39: Bổ sung quy định được bổ sung hồ sơ “*Trước khi cơ quan cảnh sát điều tra, cơ quan tố tụng ban hành quyết định điều tra, khởi tố về hành vi vi phạm về quản lý thuế; Hồ sơ không thuộc phạm vi, thời kỳ điều tra vụ án hình sự của cơ quan điều tra; Hồ sơ thuộc phạm vi, thời kỳ điều tra vụ án hình sự của cơ quan điều tra nhưng đã được cơ quan điều tra xác định lỗi sai phạm không do người nộp thuế. Phạm vi, thời kỳ điều tra vụ án hình sự của cơ quan điều tra được xác định theo văn bản do cơ quan điều tra gửi đến cơ quan quản lý thuế*”.

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 44 quy định việc xây dựng cơ sở dữ liệu để ấn định thuế là yếu tố quyết định. Việc ấn định thuế của cơ quan quản lý thuế tại thời điểm ấn định có tính pháp lý cao nhất. Trường hợp sau khi giải quyết khiếu nại, khởi kiện mà số tiền thuế ấn định của cơ quan quản lý thuế lớn hơn số tiền thuế phải nộp thì cơ quan quản lý thuế chỉ hoàn trả số tiền thuế nộp thừa, không hoàn trả tiền chậm nộp đã tính đến thời điểm ấn định thuế.

+ Sửa đổi 47 bỏ khái niệm về địa điểm nộp thuế, chỉ quy định về các hình thức nộp thuế.

+ Sửa đổi, bổ sung tại Điều 48: bổ sung trường hợp nộp thuế trực tiếp bằng tiền mặt tại tổ chức tín dụng tại khoản 2 Điều 48 quy định về xác định ngày đã nộp thuế. Bổ sung trường hợp nộp tiền mặt tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh



toán. Bỏ trường hợp ngày đã nộp thuế là ngày Kho bạc Nhà nước cấp chứng từ thu tiền thuế.

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 50 quy định *Thủ tục hoàn thuế thực hiện theo quy định tại Chương VIII Luật này*; bổ sung tại khoản 3 quy định việc không hoàn thuế đối với trường hợp người nộp thuế nộp thừa tiền thuế GTGT cho cơ quan hải quan khi nhập khẩu hàng hóa nhưng người nộp thuế đã kê khai khấu trừ với cơ quan thuế nơi quản lý doanh nghiệp<sup>8</sup>; Số tiền thuế nộp thừa quá thời hạn 05 năm kể từ ngày phát sinh tiền thuế nộp thừa vào ngân sách nhà nước mà người nộp thuế không bù trừ nghĩa vụ thuế và không hoàn thuế; bổ sung quy định riêng về hoàn phí, lệ phí nộp thừa.

+ Bổ sung Điều 51 quy định cụ thể trong trường hợp người thực hiện tính số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt không phải là cơ quan thuế.

+ Sửa đổi Điều 52 bổ sung quy định gia hạn nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khi có vướng mắc về giải phóng mặt bằng thuê đất.

+ Sửa đổi tại Điều 52 các cụm từ quy định “gia hạn nộp thuế” thành “gia hạn tiền thuế nợ”; bổ sung thẩm quyền gia hạn cho thủ trưởng cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan thuế quản lý khoản thu; giảm thời gian thông báo xuống còn 02 ngày làm việc.

+ Bổ sung tại Điều 54 về trường hợp cưỡng chế nợ thuế đối với chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông góp vốn, thành viên góp vốn, thành viên hợp danh; phân định rõ nội dung, thứ tự ưu tiên về thanh toán các khoản thuế và các khoản phải nộp khác cho ngân sách nhà nước 2 (tiền sử dụng đất, phí lệ phí); xử lý trong trường hợp chấm dứt hợp đồng nhà thầu nước ngoài; biện pháp xử lý nghĩa vụ về thuế đối với các thành viên góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn, cổ đông góp vốn trong công ty cổ phần.

+ Sửa đổi Điều 58 quy định “Cơ quan quản lý thuế” để bao gồm việc hoàn trả của cơ quan hải quan; bổ sung quy định về trường hợp hoàn thuế đối với cá nhân là người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì người được thừa kế, người giám hộ theo quy định của pháp luật dân sự được làm thủ tục để nhận phần thuế được hoàn theo quy định của pháp luật dân sự.

+ Sửa đổi, bổ sung tại Điều 58: quy định thời hạn để người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin; Sửa quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế. Bổ sung quy định hết thời hạn giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu mà người nộp thuế không giải trình đối với hồ sơ hoàn nộp thừa thì cơ quan thuế ban hành Thông báo không hoàn thuế do người nộp thuế không thực hiện theo đúng nội dung nêu tại Thông báo của cơ quan thuế. Bổ sung trách nhiệm của cơ quan thuế quản lý đối

<sup>8</sup> Bổ sung thêm một số trường hợp không hoàn trả tiền thuế nộp thừa đối với trường hợp người nộp thuế nộp thừa tiền thuế GTGT cho cơ quan hải quan khi nhập khẩu hàng hóa nhưng người nộp thuế đã kê khai khấu trừ với cơ quan thuế nơi quản lý doanh nghiệp để phù hợp với thực tế phát sinh.

với các trường hợp chưa kê khai, nộp thuế khi cơ quan thuế giải quyết hồ sơ hoàn cho người nộp thuế; bổ sung trách nhiệm của các cơ quan có liên quan khi có rủi ro cao.

+ Sửa đổi tại Điều 59 về kiểm tra sau hoàn thuế: Bổ sung trường hợp không có rủi ro thì hồ sơ hoàn thuế diện hoàn trước sẽ được kiểm tra sau hoàn thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế để phù hợp với năng lực giải quyết của cơ quan thuế.

+ Sửa đổi tại Điều 61 về Miễn thuế, miễn tiền chậm nộp, miễn tiền phạt, giảm thuế

+ Sửa đổi, bổ sung tại Điều 64: Sửa đổi quy định mã của cơ quan thuế trên hóa đơn điện tử cho phù hợp với thực tế thực hiện hiện nay; Bổ sung thêm “tổ chức khác”, sửa đổi quy định để hạn chế đối tượng được sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế để tránh trường hợp NNT đang bị cưỡng chế hóa đơn, đang tạm ngừng kinh doanh, bỏ địa chỉ kinh doanh nhưng vẫn xuất hóa đơn.

+ Sửa đổi, bổ sung tại Điều 66 về Hệ thống thông tin người nộp thuế.

+ Sửa đổi, bổ sung tại Điều 71: Bổ sung các trường hợp không được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế và không được làm nhân viên đại lý thuế

+ Sửa đổi, bổ sung tại Điều 73 về kiểm tra thuế: Bổ sung nội dung kiểm tra “*hóa đơn điện tử*”; bổ sung quy định tại khoản 4 theo hướng có sự phân biệt giữa cơ quan thuế và cơ quan hải quan, cụ thể như sau: Bổ sung cụm từ “cơ quan quản lý thuế” để áp dụng chung về thời hạn 03 ngày và 10 ngày cho cơ quan hải quan và cơ quan thuế. Bỏ cụm từ “quản lý”. Bổ sung trường hợp kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế “*Trường hợp kiểm tra giá giao dịch liên kết đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết*”; Sửa đổi tăng thời hạn kiểm tra thuế từ 10 ngày lên 20 ngày làm việc tại trụ sở của người nộp thuế; quy định nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra để đảm bảo cơ sở pháp lý, phù hợp với thực tế công tác kiểm tra.

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 76 về Thu thập thông tin liên quan đến hành vi trốn thuế, Điều 77 về Tạm giữ tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế, Điều 78 về Khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế: bổ sung quyền hạn, biện pháp nghiệp vụ cho hoạt động kiểm tra thuế.

+ Sửa đổi tại Điều 79 về Trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế: Sửa đổi mốc thời gian được nộp dần tiền thuế nợ để quy định người nộp thuế được nộp dần tiền thuế nợ trong thời hạn không quá 12 tháng và trong thời gian thư bảo lãnh có hiệu lực; bổ sung thẩm quyền nộp dần cho cơ quan thuế quản lý khoản thu. Bổ sung quy định dẫn chiếu không áp dụng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan.

+ Sửa đổi, bổ sung tại Điều 80 về Biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế: Bổ sung thêm các loại giấy tờ: giấy chứng nhận đăng

ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; bổ sung thêm trường hợp chấm dứt hiệu lực quyết định cưỡng chế theo đề nghị của các cơ quan có thẩm quyền.

+ Sửa đổi, bổ sung tại Điều 81 về Thẩm quyền quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế: bổ sung “*giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện*.”

+ Sửa đổi tại Điều 82 về quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế: bỏ thời hạn 1 năm đối với các quyết định cưỡng chế (trừ biện pháp trích tiền từ tài khoản ngân hàng quy định thời hạn 30 ngày).

+ Sửa đổi, bổ sung tại Điều 100 về hiệu lực thi hành.

+ Sửa đổi, bổ sung tại Điều 101 về quy định chuyển tiếp.

#### **6.4.5. Giải pháp 5: Hoàn thiện quy định nhằm nâng cao tính công bằng, minh bạch, bình đẳng và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.**

+ Bổ sung tại khoản 2 Điều 5 quy định về nguyên tắc áp dụng pháp luật trong trường hợp Luật QLT và pháp luật chuyên ngành cùng quy định về việc xác định nghĩa vụ nộp thuế của người nộp thuế thì cơ quan thuế thực hiện theo quy định của Luật QLT. Đồng thời bổ sung rõ trách nhiệm thực hiện quản lý thu đối với các khoản thu khác ngân sách nhà nước (NSNN) do các cơ quan nhà nước khác quản lý thu trên cơ sở đánh giá, tổng kết Điều 5 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP để đưa lên Luật, đảm bảo khả thi và hiệu quả.

+ Sửa đổi, bổ sung tại Điều 18: Bổ sung quyền được yêu cầu cấp chứng từ khấu trừ thuế điện tử để đảm bảo quyền lợi cho người nộp thuế. Bổ sung quyền được ưu tiên thực hiện thủ tục hành chính thuế trong trường hợp là người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế nhằm mục tiêu tăng tính tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế.

+ Bổ sung 1 khoản tại Điều 34 theo hướng Người nộp thuế không được đăng ký tạm ngừng hoạt động, kinh doanh khi cơ quan thuế đã có thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 1b Điều 58 quy định hoàn trả tiền nộp thừa đối với tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp hoàn trả theo quy định tại Điều 50 của Luật này.

+ Bổ sung tại Điều 61 quy định cụ thể thời hạn giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế trong từng trường hợp.

+ Sửa đổi, bổ sung tại Điều 64 để hạn chế đối tượng được sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế để tránh trường hợp người nộp thuế đang bị cưỡng chế hóa đơn, đang tạm ngừng kinh doanh, bỏ địa chỉ kinh doanh nhưng vẫn xuất hóa đơn. Sửa đổi, bổ sung tại Điều 64 quy định rõ các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh thuộc 15 lĩnh vực (đang sử dụng hóa đơn điện tử không mã) nếu

có các hoạt động kinh doanh khác (ngoài 15 lĩnh vực nêu trên) thì cũng được sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế để đảm bảo sự thống nhất mỗi doanh nghiệp chỉ sử dụng 1 loại hóa đơn điện tử đồng thời cũng là hỗ trợ doanh nghiệp tiết kiệm chi phí tránh trường hợp phải đầu tư hệ thống hóa đơn đáp ứng cho cả sử dụng hóa đơn có mã và không có mã, trong khi số lượng hóa đơn không mã sử dụng cho hoạt động các kinh doanh khác là không nhiều.

+ Sửa đổi, bổ sung tại Điều 82 về ngày bắt đầu hiệu lực của Quyết định cưỡng chế (QĐCC) là ngày ghi trên QĐCC (trước đây ngày hiệu lực là ngày ban hành QĐCC) để phù hợp với thực tế thực hiện, đảm bảo ban hành QĐCC kịp thời khi người nộp thuế đến hạn phải cưỡng chế.

## **VI. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI HỒ SƠ CHÍNH SÁCH GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)\*: Không có**

## **VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**

### **1. Dự kiến nguồn lực để thi hành Luật**

- Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương;
- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

### **2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật**

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật QLT.

- Tuyên truyền, phổ biến Luật: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Luật và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Luật kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để Chi cục Thuế Khu vực, Đội Thuế Khu vực liên huyện tổ chức triển khai thực hiện Luật.


+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Luật, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Luật.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện:

Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Luật và các văn bản pháp quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.

Trên đây là Tờ trình chính sách của dự án Luật QLT (thay thế), Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

*(Xin gửi kèm theo:*

- (1) Tờ trình tóm tắt chính sách của Luật;*
- (2) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách;*
- (3) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách;*
- (4) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật;*
- (5) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách;*
- (6) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, tham vấn)./. *

**Nơi nhận:** 

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tư pháp;
- Vụ PC-BTC;
- Lưu: VT, CT (VT, PC, CS 3b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Cao Anh Tuấn**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2025

## TỜ TRÌNH TÓM TẮT

Chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế)  
(Phục vụ công tác thẩm định của Bộ Tư pháp)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (Luật ban hành VBQPPL), để triển khai thực hiện Kết luận số 93-KL/TW ngày 26/8/2024 của Bộ Chính trị yêu cầu sửa đổi tổng thể Luật Quản lý thuế (Luật QLT), trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các Bộ ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xây dựng chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

#### 1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Việc xây dựng hồ sơ chính sách dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) là cần thiết để thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước tại 20 văn bản gồm Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về: (1) *Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương đổi mới sắp xếp bộ máy tinh gọn, hiệu lực hiệu quả; tháo gỡ thể chế, lắt léo người nộp thuế làm trung tâm phục vụ;* (2) *cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hóa và dựa trên dữ liệu;* (3) *Minh bạch hóa, số hóa, thông minh hóa và tự động hóa, áp dụng triệt để trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong quy trình thủ tục thuế; xây dựng hệ thống dữ liệu và công cụ trí tuệ nhân tạo cảnh báo sớm về nguy cơ vi phạm pháp luật, ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động kiểm tra;* (4) *Rà soát hoàn thiện khung khổ pháp lý về kinh doanh cá thể, thu hẹp tối đa sự chênh lệch, tạo mọi điều kiện thuận lợi về tổ chức quản trị, kế toán để khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, xóa bỏ hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh chậm nhất trong năm 2026;* (5) *tăng cường quản lý chặt chẽ trên môi trường thương mại điện tử, đẩy mạnh kết nối chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý khác;* (6) *Rà soát tổng thể các Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của UBTWQH để điều chỉnh thống nhất các nguyên tắc phân định thẩm quyền, quy định về phân quyền, phân cấp tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.*



## 2. Cơ sở thực tiễn

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 13/6/2019 (thay thế cho Luật năm 2006 và các Luật sửa đổi, bổ sung), gồm 17 chương, 152 điều, với hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020. Sau hơn 05 năm thực hiện, Luật Quản lý thuế hiện hành đã bộc lộ một số bất cập do chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế xã hội trong tình hình mới; nhiều pháp luật chuyên ngành có liên quan đã được sửa đổi, bổ sung dẫn đến sự chưa đồng bộ pháp luật; xu hướng cải cách thuế của các nước tập trung vào việc hiện đại hóa toàn diện hệ thống quản lý thuế thông qua chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ tiên tiến.

Những định hướng và giải pháp của Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nêu trên đặt ra sự cần thiết phải nghiên cứu sửa đổi Luật Quản lý thuế một cách toàn diện để đáp ứng mô hình tổ chức bộ máy mới theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho quá trình chuyển đổi số trong công tác quản lý thuế theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, đáp ứng yêu cầu quản lý trong bối cảnh mới đặc biệt là các mô hình kinh tế mới, kinh doanh dựa trên công nghệ và nền tảng số, đặc biệt là công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, tài sản ảo, tiền ảo, tài sản mã hoá, tiền mã hoá, thương mại điện tử, đẩy mạnh cắt giảm thủ tục hành chính, tăng cường quản lý chống thất thu thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo Nghị quyết số 68-NQ/TW.

Vì vậy, căn cứ Luật ban hành VBQPPL, việc thực hiện quy trình xây dựng chính sách của dự án Luật QLT (thay thế) trước khi soạn thảo Luật là rất cần thiết.

## II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

### 1. Mục đích xây dựng chính sách

Việc xây dựng Luật QLT (thay thế) nhằm:

(1) Đẩy mạnh việc hiện đại hóa và chuyển đổi số toàn diện công tác quản lý thu thuế, ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, có tính liên kết, tích hợp để thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý thuế với ba trụ cột chính: Tạo thuận lợi cho người nộp thuế; Nâng cao hiệu lực và trình độ quản lý thuế; Thúc đẩy số hóa quy trình quản lý thuế.

(2) Khắc phục các bất cập của Luật QLT; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các pháp luật liên quan.

(3) Đẩy mạnh cắt giảm TTHC, giảm chi phí thực hiện TTHC; Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan với cơ quan thuế trong việc chia sẻ dữ liệu, kết nối liên thông để thực hiện pháp luật về thuế và quản lý thuế.

(4) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; Thực hiện các TTHC trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp, tổ chức không phụ thuộc địa giới hành chính. Xây dựng các TTHC toàn trình theo hướng tạo lập “một cửa số” tập trung, duy nhất.

(5) Tăng cường kiểm tra chặt chẽ với các hành vi trốn thuế và gian lận thuế. Nâng cao tính tuân thủ pháp luật về thuế, tự giác nộp đúng, đủ, kịp thời tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước.

(6) Hoàn thiện khung pháp lý để quản lý các mô hình kinh tế mới, kinh doanh dựa trên công nghệ và nền tảng số, quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sau khi xóa bỏ hình thức khoán thuế, khuyến khích hộ kinh doanh chuyển sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp.

## **2. Quan điểm xây dựng chính sách**

a) Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của nhà nước về chuyển đổi số, hiện đại hóa và ứng dụng công nghệ trong quản lý thuế để nâng cao năng lực và hiệu quả của hoạt động quản lý thuế.

b) Cải cách triệt để công tác quản lý thuế để chuyển đổi mô hình quản lý thuế từ “quản lý theo chức năng” sang “quản lý theo đối tượng”; Tái thiết kế quy trình quản lý thuế phù hợp với chuyển đổi mô hình quản lý và việc tái cấu trúc xây dựng hệ thống công nghệ thông tin nhằm đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, hiệu quả, tích hợp, xử lý dữ liệu tự động. Tăng cường kết nối dữ liệu liên thông giữa các bộ, ngành và chính quyền địa phương. Chuyển từ tư duy “quản lý” sang “phục vụ”, loại bỏ tư duy “không biết vẫn quản, không quản được thì cấm”; Thúc đẩy sự tuân thủ tự nguyện trên cơ sở phân loại mức độ tuân thủ pháp luật và mức độ rủi ro của người nộp thuế; Tiếp tục hoàn thiện các quy định về quản lý rủi ro xuyên suốt có hệ thống trong tất cả các nghiệp vụ quản lý thuế; về quản lý đối với chống chuyển giá; hoạt động kinh doanh trên kinh tế số, kinh tế chia sẻ, sản xuất thông minh, giao dịch xuyên biên giới; hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sau khi xóa bỏ hình thức khoán thuế; việc trao đổi, cung cấp thông tin của người nộp thuế giữa cơ quan thuế với các cơ quan có liên quan; Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý thuế. Đơn giản hoá các TTHC, rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá thành phần hồ sơ đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, miễn, giảm thuế và thực hiện các giao dịch trong lĩnh vực thuế trên môi trường điện tử phù hợp với thông lệ quốc tế; lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ.

c) Bảo đảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước, góp phần đạt mục tiêu phát triển kinh tế giai đoạn 2026-2030. Bảo đảm yêu cầu quản lý thuế nhưng đồng thời thúc đẩy, khơi thông mọi nguồn lực.

d) Kế thừa và phát huy những quy định đã mang lại tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của Luật QLT hiện hành; đồng thời, sửa đổi, bổ sung những quy định đang là vướng mắc, không còn phù hợp để kịp thời giải quyết những vấn đề bất cập phát sinh trong thực tế, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của doanh nghiệp cũng như yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; quy định rõ ràng, dễ hiểu để xác định chính xác nghĩa vụ thuế của người nộp thuế nhằm đảm bảo công bằng.

đ) Luật chỉ quy định khung nguyên tắc còn những nội dung thay đổi nhiều theo thực tiễn thì giao Chính phủ quy định.

e) Đảm bảo mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế, tuân thủ các Điều ước quốc tế và thông lệ quốc tế tốt nhất, phù hợp với xu hướng phát triển, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; đồng thời tạo hành lang pháp lý cho việc tham gia các sáng kiến về thuế quốc tế.

g) Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả; tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước và người nộp thuế. Xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế cũng như công chức thuế để đảm bảo tính minh bạch, công bằng trong thực thi pháp luật, bảo vệ công chức thuế trong phạm vi nhiệm vụ, thẩm quyền được giao nhằm tránh rủi ro pháp lý.

### **III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA CHÍNH SÁCH**

#### **1. Phạm vi của chính sách**

Các quy định về quản lý các loại thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan quản lý thuế, các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực quản lý thuế.

#### **2. Đối tượng áp dụng của chính sách**

Cơ bản giữ như quy định của Luật QLT hiện hành và sửa đổi bổ sung thêm đối tượng về người nộp thuế để đảm bảo đồng bộ với pháp luật liên quan nhằm bao quát đối tượng phát sinh phục vụ công tác quản lý thuế; Sửa đổi, bổ sung về tên cơ quan quản lý thuế cho phù hợp với tổ chức bộ máy mới sau sắp xếp.

### **IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH**

Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 237/TTr-BTC ngày 27 tháng 5 năm 2025 báo cáo Chính phủ về đề xuất xây dựng dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) để bổ sung vào chương trình lập pháp năm 2025. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 198/NQ-CP ngày 27/6/2025 thống nhất trình UBTVQH về việc bổ sung dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) vào Chương trình lập pháp năm 2025 của Quốc hội theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Tờ trình số 237/TTr-BTC và giao Bộ Tài chính chủ trì phối hợp các Bộ, cơ quan liên quan thực hiện quy trình xây dựng chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ngày 4/7/2025, Bộ trưởng Bộ Tài chính thay mặt Thủ tướng Chính phủ đã ký Tờ trình số 620/TTr-CP gửi UBTVQH về đề xuất xây dựng dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) để bổ sung vào chương trình lập pháp năm 2025 (*với tiến độ trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua dự án Luật Quản lý thuế (thay thế)* tại kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025) Quốc hội khóa XV).

Thực hiện quy trình xây dựng Luật theo quy định của Luật ban hành VBQPPL, Bộ Tài chính đã xây dựng hồ sơ chính sách theo quy định tại Điều 30 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ gửi lấy ý kiến Bộ ngành, địa phương, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách<sup>1</sup>, đồng thời tổ chức Hội nghị tham vấn chính sách đối với hồ sơ chính sách dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) sau khi đã tổng

<sup>1</sup> Công văn số 7960/BTC-CT và công văn số 7961/BTC-CT ngày 06/6/2025 của Bộ Tài chính.

hợp ý kiến của các Bộ ngành, địa phương, các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

## **V. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH**

Hồ sơ chính sách của Luật Quản lý thuế (thay thế) gồm 06 nhóm chính sách: (1) Chính sách 1: đơn giản thủ tục hành chính trong quản lý thuế; (2) Chính sách 2: Phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý thuế; (3) Tự động hóa và chuyển đổi số toàn diện trong quản lý thuế; (4) Quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; (5) Chính sách 5: Kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết; (6) Chính sách 6: Hoàn thiện quy định về tổ chức quản lý thuế.

Sáu nhóm chính sách này dự kiến sẽ được quy định nội dung tại **101 Điều** của dự thảo Luật giảm **51 Điều** so với 152 Điều của Luật hiện hành trong đó: (1) nội dung đã được quy định tại Luật QLT hiện hành (giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung) gồm có 15/152 Điều; (2) nội dung đã được quy định ở Luật QLT hiện hành nhưng có sửa đổi, bổ sung, sắp xếp gộp lại gồm 127/152 Điều và lược bỏ 10/152 Điều; (3) nội dung bổ sung mới gồm 07 Điều. Trong 101 Điều, dự kiến sẽ giao Chính phủ quy định chi tiết 34 Điều và 38 nội dung và giao Bộ Tài chính quy định chi tiết 6 Điều và hướng dẫn 45 nội dung.

Cụ thể như sau:

### **1. Những nội dung sửa đổi, bổ sung (tại chính sách 3, 4, 5 và 6)**

#### **1.1. Chính sách 3: Tự động hóa và chuyển đổi số toàn diện trong quản lý thuế (dự kiến sẽ sửa đổi, bổ sung 11 Điều)**

Mục đích của việc sửa đổi, bổ sung quy định của nhóm chính sách này là để thực hiện mục tiêu cắt giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ pháp luật cho người nộp thuế theo Nghị quyết số 68-NQ/TW.

Nội dung của chính sách này là thiết lập hệ thống quản lý thuế số toàn diện, tập trung, thông minh: Xây dựng hệ thống Quản lý thuế tích hợp, tập trung, đa dịch vụ, liên thông giữa các quy trình nghiệp vụ (đăng ký thuế - khai thuế - nộp thuế - kế toán thuế - hoàn thuế - miễn giảm - quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, kiểm tra thuế, tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế,...) nhằm giảm thiểu sự tác động, xử lý thủ công của con người trong các bước quy trình nghiệp vụ, giúp giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính cho người nộp thuế, tăng hiệu suất, hiệu quả của cơ quan thuế và minh bạch công tác quản lý thuế. Đồng bộ hệ thống cơ sở dữ liệu về thuế, hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử và kết quả xử lý thủ tục hành chính trên một nền tảng duy nhất (Cổng dịch vụ công quốc gia); Ứng dụng các công nghệ mới để tự động hóa các quy trình nghiệp vụ, xử lý hồ sơ, cảnh báo rủi ro và phát hiện gian lận.

#### **1.2. Chính sách 4: Quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (dự kiến sẽ sửa đổi, bổ sung tại 5 Điều)**

Mục tiêu của chính sách này là đổi mới toàn diện phương thức quản lý thuế phù hợp với đặc thù của cá nhân kinh doanh (hộ kinh doanh) nhằm thúc đẩy chủ trương phát triển kinh tế tư nhân theo Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5

năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 198/2025/QH15.

Chính sách tập trung phân loại hộ, cá nhân kinh doanh theo quy mô doanh thu để áp dụng phương pháp tính thuế phù hợp, đồng bộ với luật thuế GTGT và TNCN; triển khai cơ chế quản lý thuế linh hoạt và theo rủi ro, kết hợp dữ liệu từ hóa đơn điện tử, tài khoản ngân hàng, sàn thương mại điện tử; hỗ trợ tạo lập tờ khai gợi ý cho đối tượng nhỏ lẻ, rủi ro thấp; đơn giản thủ tục, kiểm tra ngẫu nhiên và có nghĩa vụ thuế riêng cho cá nhân kinh doanh nhỏ lẻ. Đồng thời, thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong khai, nộp thuế, sử dụng hóa đơn điện tử có mã và ứng dụng di động; giảm tần suất kê khai, nộp thuế và đơn giản chế độ kế toán. Bổ sung quy định khuyến khích chuyển đổi hộ, cá nhân kinh doanh thành doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa với chính sách thuế đảm bảo công bằng.

### **1.3. Chính sách 5: Kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết (dự kiến sửa đổi, bổ sung 2 Điều)**

Chính sách nhằm thực hiện Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với chủ trương của Nghị quyết 18/TW và 68/TW, trong đó thúc đẩy triển khai kiểm tra thuế theo hướng trực tuyến, từ xa trên cơ sở dữ liệu điện tử, giảm kiểm tra trực tiếp, miễn kiểm tra thực tế đối với doanh nghiệp tuân thủ tốt. Đồng thời, thiết lập khung pháp lý rõ ràng cho hoạt động kiểm tra thuế có tính chuyên sâu, bảo đảm chất lượng tương đương thanh tra thuế trước đây nhưng đúng phạm vi theo quy định của Luật Thanh tra.

Chính sách đề xuất rà soát, sửa đổi quy định về kiểm tra thuế trong Luật Quản lý thuế, bao gồm kiểm tra theo kế hoạch, đột xuất, theo chuyên đề trên cơ sở phân tích rủi ro tại trụ sở người nộp thuế và tại cơ quan thuế; kiểm tra đối với NNT chuyển địa điểm kinh doanh có rủi ro cao theo phân tích rủi ro; đồng thời bổ sung các quy định nhằm tăng cường hiệu lực, kỷ luật trong công tác kiểm tra thuế như quy định về kiểm tra lại, kiểm tra giá chuyển nhượng và kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách thuế, phí, lệ phí của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chế độ ưu tiên trong kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp tuân thủ tốt.

### **1.4. Chính sách 6: Hoàn thiện quy định về tổ chức quản lý thuế (dự kiến sửa đổi 57 Điều)**

Mục tiêu của chính sách này nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch và khả thi trong hệ thống pháp luật thuế; khắc phục những bất cập trong quy định chung về quản lý thuế trong quá trình thực hiện Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14. Đồng thời, chính sách hướng tới tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế phù hợp với yêu cầu hiện đại hóa, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số và hội nhập kinh tế quốc tế; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, khai thông nguồn lực, tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới mục tiêu tăng trưởng kinh tế đạt hai con số trong giai đoạn 2026–2030.

Sửa đổi, bổ sung quy định để xử lý toàn diện các bất cập, vướng mắc từ thực tiễn như: Sửa đổi tên gọi của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác; Sửa đổi quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác; Sửa đổi quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan; Sửa đổi quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế; Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.

## **2. Những nội dung lược bỏ (10 Điều)**

So với Luật QLT hiện hành, tại đề cương dự thảo Luật đã lược bỏ quy định về 10 Điều: (1) Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn (Điều 28); (2) Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cơ quan thuế trong việc đăng ký thuế (Điều 41); (3) Thứ tự thanh toán tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt (Điều 57); (4) Điều kiện cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế (Điều 102); (5) Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế (Điều 103); (6) Nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra thuế (Điều 116); (7) Nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng đoàn thanh tra thuế, thành viên đoàn thanh tra thuế (Điều 117); (8) Quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra thuế (Điều 118); (9) Kết luận thanh tra thuế (Điều 119); (10) Thanh tra lại trong hoạt động thanh tra thuế (Điều 120).

Việc lược bỏ các nội dung này tại Luật QLT sẽ đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật (*chủ trương xoá bỏ hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh theo Nghị quyết số 68-NQ/TW; thực hiện cắt giảm TTHC bỏ các điều kiện/cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế; bỏ thứ tự thanh toán tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt do đã bổ sung quy định người nộp thuế chủ động lựa chọn, thực hiện nộp thuế theo mã định danh khoản phải nộp; bãi bỏ các Điều quy định về thanh tra thuế do không còn tổ chức thanh tra thuế trong cơ quan thuế*), không làm phát sinh thủ tục hành chính, không gây ra các tác động khác đối với NSNN và các vấn đề kinh tế - xã hội có liên quan.

## **3. Những nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (dự kiến sửa đổi, bổ sung 6 Điều)**

### **Chính sách 1: Đơn giản thủ tục hành chính trong quản lý thuế**

Mục đích của chính sách này là để thực hiện mục tiêu cắt giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ pháp luật cho người nộp thuế theo Nghị quyết số 68-NQ/TW.

Chính sách tập trung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế thông qua việc tinh gọn thành phần hồ sơ, quy trình xử lý và rút ngắn thời gian giải quyết, nhằm hỗ trợ người nộp thuế trong các khâu đăng ký, kê khai, quyết toán, hoàn thuế, qua đó giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử hóa và tự động hóa quy trình xử lý thủ tục hành chính, nâng cao tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Tăng cường liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong và ngoài ngành Thuế, và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa cơ quan thuế với

các cơ quan liên quan, đặc biệt trong các thủ tục liên thông, cần xác minh, xác nhận thông tin, nhằm rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và nâng cao hiệu quả quản lý.

#### **4. Những nội dung phân cấp, phân quyền (02 nội dung)**

##### **Chính sách 3: Phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý thuế**

Mục tiêu của chính sách này nhằm phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng; tăng tính chủ động và trách nhiệm của Chính phủ, Bộ Tài chính và cơ quan thuế các cấp trong xử lý công việc, thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp phân quyền trong quản lý nhà nước theo chủ trương của Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 10/6/2021; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022; Nghị quyết số 66-NQ/TW.

Chính sách đề xuất phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý thuế, bao gồm: giao Chính phủ quy định các biện pháp tổ chức thực hiện và hướng dẫn Luật; phân cấp cho Bộ Tài chính mở rộng thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính; phân chia rõ trách nhiệm, quyền hạn giữa các cấp quản lý thuế nhằm nâng cao hiệu quả, giảm tải cho cơ quan trung ương và tạo thuận lợi cho người nộp thuế; đồng thời, xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước liên quan trong phối hợp quản lý thuế.

Dự kiến sẽ sửa đổi, bổ sung nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết 34 Điều và 38 nội dung; giao Bộ Tài chính quy định chi tiết 6 Điều và hướng dẫn 45 nội dung. Cụ thể như sau:

##### **4.1. Giao Chính phủ**

Sửa đổi, bổ sung nội dung giao Chính phủ quy định nội dung: Đối tượng áp dụng; Phạm vi quản lý thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước; Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Quyền của người nộp thuế; Quyền hạn của cơ quan quản lý thuế; Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức, cá nhân khác; Đăng ký thuế và mã số thuế; Thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế; Đăng ký thuế trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp; Chấm dứt hiệu lực mã số thuế; Khôi phục mã số thuế; Khai thuế; Quản lý thuế đối với cá nhân kinh doanh; Thời hạn thực hiện nghĩa vụ thuế; Xử lý số tiền thuế nộp thừa; Hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở; Miễn thuế, miễn tiền chậm nộp, miễn tiền phạt, giảm thuế; Khoanh tiền thuế nợ; Hóa đơn điện tử; Cơ sở dữ liệu về hóa đơn, chứng từ điện tử; Trách nhiệm cung cấp thông tin phục vụ quản lý thuế; Trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế; Biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế; Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế; Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế; Hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu; Hành vi trốn thuế; Xử lý hành vi vi phạm của ngân hàng thương mại, người bảo lãnh nộp tiền thuế trong lĩnh vực quản lý thuế; Xử lý hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực quản lý thuế; Xử phạt vi phạm hành chính về phí, lệ phí, hóa đơn trong lĩnh vực quản lý thuế.



#### 4.2. Giao Bộ Tài chính

Sửa đổi, bổ sung nội dung giao Bộ Tài chính quy định và hướng dẫn nội dung: Các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý thuế; Quản lý rủi ro và quản lý tuân thủ trong quản lý thuế; Hợp tác quốc tế về thuế của cơ quan quản lý thuế; Quyền của người nộp thuế; Trách nhiệm của người nộp thuế; Đăng ký thuế và mã số thuế; Nguyên tắc khai thuế, tính thuế; Khai thuế; Thủ tục thực hiện nghĩa vụ thuế; Xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế và các khoản thu khác thuộc; Hoàn thuế; Miễn thuế, miễn tiền chậm nộp, miễn tiền phạt, giảm thuế; Khoanh tiền thuế nợ; Hóa đơn điện tử; Trách nhiệm cung cấp thông tin phục vụ quản lý thuế; Cung cấp thông tin cho người nộp thuế; Kiểm tra thuế; Kiểm tra giá giao dịch liên kết; Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý thuế trong việc giải quyết khiếu nại về thuế.

#### V. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI, QUỐC HỘI

Bộ Tài chính trình Chính phủ dự kiến tiến độ của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) như sau: Chính phủ trình Quốc hội về dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV (tháng 10/2025).

Theo công văn số 820/TTg-QHĐP ngày 10/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuẩn bị kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV kèm theo Danh mục Tài liệu dự kiến trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 10 thì thời hạn hoàn thành đối với Luật Quản lý thuế gửi UBTVQH là ngày 30/8/2025.

Trên đây là Tờ trình tóm tắt chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế), Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./ IAA

**Nơi nhận:** /

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp;
- Vụ PC-BTC;
- Lưu: VT, CT (VT, PC, CS 3b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Cao Anh Tuấn**

Số: 325 /BC-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2025

**BÁO CÁO****Đánh giá tác động của chính sách đối với dự thảo****Luật Quản lý thuế (thay thế)***(Phục vụ công tác thẩm định của Bộ Tư pháp)***I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ****1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 13/6/2019 (*thay thế cho Luật năm 2006 và các Luật sửa đổi, bổ sung*), gồm 17 chương, 152 điều, với hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020. Luật Quản lý thuế được ban hành và triển khai thực hiện trong bối cảnh Cơ quan thuế đang từng bước thực hiện các chiến lược cải cách hiện đại hoá hệ thống thuế qua các giai đoạn: Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020 theo Quyết định số 732/2011/QĐ-TTg ngày 17/5/2011; Chiến lược cải cách hiện đại hoá hệ thống thuế đến năm 2030 theo Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ với nội dung xây dựng ngành thuế Việt Nam hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ; trọng tâm của công tác quản lý thuế dựa trên nền tảng thuế điện tử và 3 trụ cột cơ bản gồm (1) Thẻ chế quản lý thuế đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập; (2) Nguồn nhân lực chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới; (3) Công nghệ thông tin hiện đại, tích hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong bối cảnh nền kinh tế số.

Qua quá trình triển khai thực hiện, Luật Quản lý thuế đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt kinh tế - xã hội của đất nước và đạt được mục tiêu đề ra khi ban hành Luật. Tuy nhiên, trong tiến trình phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế những năm gần đây và do sự biến động nhanh của nền kinh tế - chính trị thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, đã phát sinh một số điểm hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu đề ra soát, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn, tháo gỡ vướng mắc và tạo thuận lợi hơn nữa cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo tính minh bạch, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) 10 năm giai đoạn 2021 - 2030 và Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm giai đoạn 2021-2025, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đã đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KT-XH và định hướng cải cách hệ thống chính sách thuế như sau:

*“Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế và áp dụng mức thuế suất hợp lý, hướng tới một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, đồng thời góp phần thiết lập môi trường cạnh tranh phù hợp với quá trình hội nhập, phát triển của nền kinh tế”.*

*“.... Mở rộng cơ sở thu, bảo đảm tính công bằng, trung lập của chính sách thuế; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ các thủ tục nộp thuế, phí của người dân và doanh nghiệp”.*

Tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia vay và trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp về cải cách hệ thống chính sách thuế như sau: *“Thực hiện các giải pháp khả thi để đạt tỷ lệ huy động cao hơn vào ngân sách nhà nước, khai thác các dự địa thu, mở rộng và chống xói mòn cơ sở thuế, đẩy mạnh chống thất thu, phấn đấu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế dưới 5% tổng thu ngân sách nhà nước.... Hạn chế việc lồng ghép các chính sách xã hội trong pháp luật về thuế. Rà soát, hoàn thiện các quy định ưu đãi thuế để tránh thất thu, bảo đảm minh bạch, công bằng, khả thi, phù hợp với xu thế phát triển và thông lệ quốc tế....”*

Tại Nghị quyết số 101/2023/QH15 về kỳ họp thứ 5 và Nghị quyết số 110/2023/QH15 về kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV, Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô đã đề ra nhiệm vụ:

Tổ chức rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, trọng tâm là pháp luật về đấu thầu, đấu giá, quy hoạch, đầu tư công, quản lý, sử dụng đất đai, tài sản công, ngân sách nhà nước, tài chính công, hợp tác công tư, xã hội hóa các dịch vụ công, đầu tư, môi trường, xây dựng, kinh doanh bất động sản, ngân hàng, tài chính, tự chủ tài chính, chứng khoán, trái phiếu, doanh nghiệp, giám định, định giá và các lĩnh vực khác đã được các đoàn kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án kiến nghị, đề xuất hoặc có nhiều vướng mắc được các địa phương, người dân, doanh nghiệp kiến nghị; phát hiện, xác định cụ thể những quy định có mâu thuẫn, chồng chéo, sơ hở, bất cập, những vấn đề vướng mắc trong các luật và văn bản dưới luật có liên quan, báo cáo Quốc hội kết quả rà soát tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV; kịp thời chỉ đạo sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền các văn bản dưới luật không còn phù hợp hoặc kiến nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các luật, nghị quyết có liên quan.

Văn kiện Đại hội XIII xác định, đến năm 2025 kinh tế số đạt tỷ trọng 20% GDP, đến năm 2030 kinh tế số chiếm khoảng 30% GDP. Để đạt mục tiêu trên, Văn kiện cũng nhấn mạnh yêu cầu cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy khởi

nghiệp sáng tạo, phát triển các ngành, lĩnh vực, các doanh nghiệp trên nền tảng ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu của khoa học công nghệ, nhất là cuộc cách mạng công nghệ 4.0; tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển kinh tế số, xã hội số. Phát triển mạnh hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia, vùng, địa phương kết nối đồng bộ, thống nhất, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số...

Trên cơ sở hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác năm 2024 của ngành Thuế, tổng thu NSNN năm 2024 do cơ quan thuế quản lý đạt 1.732.800 tỷ đồng, bằng 116,5% dự toán (tương ứng vượt 245.588 tỷ), bằng 113,7% so với thực hiện năm 2023, góp phần để Chính phủ có thêm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, góp phần hoàn thành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2021-2025, hướng tới Đại hội XIV của Đảng.

Như vậy, Đảng và Nhà nước có nhiều chủ trương, chính sách mới như khuyến khích đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị...; đồng thời nền kinh tế có nhiều biến động, Luật Quản lý thuế năm 2019 đã bộc lộ một số hạn chế nhất định. Vì vậy, để đảm bảo mục tiêu cải cách thể chế một cách toàn diện, khơi thông các điểm nghẽn, góp phần vào việc phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, cần thiết phải tiến hành nghiên cứu sửa đổi toàn diện Luật Quản lý thuế năm 2019.

## **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

### **a) Mục tiêu chung**

- Đảm bảo phù hợp với các quan điểm, mục tiêu, định hướng về cải cách, đổi mới công tác quản lý thuế đã được xác định trong các Văn kiện, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước và Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- Đảm bảo ổn định nguồn thu NSNN.

- Thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô.

- Đảm bảo mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng phát triển, tạo hành lang pháp lý cho việc tham gia các sáng kiến về thuế quốc tế.

- Hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong pháp luật thuế và chính sách miễn, giảm, bảo đảm tính trung lập của thuế, hướng tới một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, đồng thời, góp phần tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận

lợi, công bằng, khuyến khích đầu tư, thúc đẩy cạnh tranh, điều tiết thu nhập hợp lý, phù hợp với quá trình hội nhập, phát triển của nền kinh tế.

- Xây dựng ngành Thuế Việt Nam hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; công tác quản lý thuế, phí và lệ phí thống nhất, minh bạch, chuyên sâu, chuyên nghiệp theo phương pháp quản lý rủi ro, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ của người dân và doanh nghiệp.

- Hoàn thành vượt mức nhiệm vụ thu NSNN năm 2025, động viên đầy đủ, kịp thời các nguồn thu tiềm năng, còn thất thu vào NSNN.

#### **b) Mục tiêu cụ thể**

- Tiếp tục thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối, quan điểm đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Kết luận số 64-KL/TW ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về kinh tế - xã hội năm 2023 - 2024, Kết luận số 19-KL/TW ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Nghị quyết số 101/2023/QH15 và Nghị quyết số 110/2023/QH15 của Quốc hội khóa XV và các Nghị quyết, kết luận khác của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội và Chính phủ.

- Hoàn thành sắp xếp tổ chức bộ máy đảm bảo vận hành thông suốt sau khi sắp xếp, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết 18-NQ/TW. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và chuẩn bị các điều kiện cần thiết sẵn sàng cho tổ chức bộ máy mới vận hành trơn tru sau khi sắp xếp tinh gọn, không được để khoảng trống ảnh hưởng tới việc phục vụ người dân, doanh nghiệp. Kịp thời nắm bắt các vướng mắc của người nộp thuế để giải đáp, tháo gỡ.

- Quan điểm xuyên suốt trong quá trình xây dựng Luật Quản lý thuế (sửa đổi) là đổi mới toàn diện hoạt động quản lý thuế nhằm xây dựng ngành thuế Việt Nam hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, công tác quản lý thuế thống nhất, công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện dựa trên ba nền tảng cơ bản: thể chế chính sách thuế minh bạch, quy trình thủ tục hành chính thuế đơn giản, khoa học phù hợp với thông lệ quốc tế; nguồn nhân lực có chất lượng, liêm chính; ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, có tính liên kết, tích hợp, tự động hóa cao.

- Khắc phục các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Luật quản lý thuế; tháo gỡ bất cập, chồng chéo trong hệ thống pháp luật quản lý thuế và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các pháp luật liên quan; bảo đảm tính khả thi, minh bạch và thuận lợi cho tổ chức thực hiện.

- Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn và đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng và cấp ủy các cấp; Sửa đổi,

bổ sung những quy định nhằm góp phần phục vụ chiến lược hội nhập quốc tế, hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước đã đề ra; phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về thuế và chuẩn bị cơ sở pháp luật để phục vụ hội nhập trong giai đoạn tới.

- Đổi mới các nội dung và các điều luật theo hướng gia tăng các quy định nhằm cải cách thủ tục hành chính; cải cách thủ tục quản lý thuế theo hướng đơn giản, rõ ràng, công khai, thuận tiện, thống nhất, đảm bảo phù hợp với chuẩn mực quốc tế, thực hiện quản lý thuế điện tử, tạo môi trường thuận lợi cho người nộp thuế tuân thủ pháp luật về thuế, tự giác nộp đúng, đủ, kịp thời tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước.

- Nâng cao năng lực và hiệu quả của hoạt động quản lý thuế để phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan với cơ quan thuế trong việc thực hiện pháp luật về thuế và quản lý thuế.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) toàn diện, áp dụng công nghệ hiện đại và phát triển các ứng dụng CNTT (Ứng dụng triết để CSDL lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), máy học (ML),...) vào các khâu, các bước công tác quản lý thuế.

- Hỗ trợ doanh nghiệp và người nộp thuế thông qua việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế, minh bạch hóa thông tin.

Để thực hiện các mục tiêu trên thì cần rà soát, sửa đổi tổng thể Luật Quản lý Thuế nhằm đáp ứng yêu cầu tăng trưởng 2 con số trong giai đoạn 2025-2030, phát triển bền vững của nền kinh tế, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế, tạo điều kiện cho NNT và bảo đảm công bằng minh bạch trong thực hiện nghĩa vụ thuế.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

### **1. Chính sách 1: Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính**

#### **1.1. Đánh giá tác động các giải pháp:**

##### **1.1.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định như hiện nay**

##### ***a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:***

- Tính hợp hiến và hợp pháp:

*Ưu điểm:* Việc giữ nguyên các quy định hiện hành về thủ tục hành chính thuế đảm bảo tính ổn định và liên tục của hệ thống pháp luật. Việc không phải sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật sẽ không làm phát sinh chi phí và thời gian soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản mới. Đồng thời, đảm bảo tính ổn định của hệ thống pháp luật, tránh gây xáo trộn cho người nộp thuế.

**Nhược điểm:** Không phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW, Nghị quyết 18-NQ/TW về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy. Đặc biệt, vào năm 2016, số lượng thủ tục hành chính thuế được bãi bỏ nhiều nhất với 92 thủ tục hành chính cho thấy xu hướng cải cách đã diễn ra mạnh mẽ và việc ngừng cắt giảm, cải cách thủ tục hành chính sẽ đi ngược xu thế.

- Tính thống nhất với hệ thống pháp luật:

**Ưu điểm:** Các cơ quan nhà nước và người nộp thuế đã quen thuộc với hệ thống hiện tại, không phải đào tạo lại hoặc cập nhật kiến thức mới.

**Nhược điểm:** Không đồng bộ với Luật Giao dịch điện tử, Luật Chính phủ điện tử khi nhiều thủ tục vẫn yêu cầu nộp hồ sơ giấy. Mâu thuẫn với quy định mới về sử dụng căn cước công dân thay mã số thuế từ 01/7/2025.

- Tính tương thích với điều ước quốc tế

**Ưu điểm:** Không phải điều chỉnh các cam kết hiện có, tránh rủi ro vi phạm cam kết trong quá trình chuyển đổi.

**Nhược điểm:** Không cải thiện được thứ hạng về môi trường kinh doanh, ảnh hưởng đến uy tín và khả năng thu hút đầu tư. Không đáp ứng chuẩn mực quốc tế về quản lý thuế hiện đại. Làm giảm sức cạnh tranh so với các nước trong khu vực đã và đang cải cách mạnh mẽ thủ tục thuế.

#### ***b) Tác động về kinh tế, xã hội:***

- Chi phí tuân thủ và tác động đến doanh nghiệp

**Ưu điểm:** Doanh nghiệp không phải thay đổi quy trình, phần mềm kế toán hiện tại; không phát sinh chi phí đào tạo nhân viên về quy định mới; tránh được sai sót trong giai đoạn chuyển đổi có thể dẫn đến vi phạm và xử phạt.

**Nhược điểm:** Doanh nghiệp vẫn phải chịu chi phí tuân thủ cao, ước tính mất hàng trăm giờ làm việc mỗi năm cho việc kê khai thuế. Doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp bất lợi do phải thuê dịch vụ kế toán ngoài, làm phát sinh chi phí.

- Tác động đến thu ngân sách

**Ưu điểm:** Cơ quan thuế đã có kinh nghiệm về quản lý thuế với hệ thống hiện tại, do đó, nguồn thu sẽ được đảm bảo ổn định trong ngắn hạn, không có rủi ro thất thu do lỗi hệ thống hoặc gian lận trong quá trình chuyển đổi.

**Nhược điểm:** Khó mở rộng cơ sở thuế do thủ tục phức tạp làm nhiều cá nhân, hộ kinh doanh né tránh đăng ký thuế. Việc không cải cách thủ tục hành chính sẽ bỏ lỡ cơ hội tăng thu từ việc mở rộng diện nộp thuế và gây tổn kém chi phí quản lý cho cơ quan thuế do phải duy trì bộ máy công kênh.



**c) Tác động về giới (nếu có):** Giải pháp không có tác động về giới.

**d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):**

**Ưu điểm:** Người nộp thuế và công chức thuế đã thành thạo các thủ tục hiện hành. Hệ thống văn bản hướng dẫn đã ổn định và kinh nghiệm xử lý các tình huống phát sinh đã được tích lũy sâu rộng. Hệ thống phần mềm hỗ trợ đã ổn định sau nhiều năm vận hành.

**Nhược điểm:** Mặc dù số lượng thủ tục hành chính thuế đã được cắt giảm khá nhiều, song trên thực tế vẫn có những thủ tục hành chính thuế không thực sự cần thiết. Mỗi loại thuế có thời hạn nộp khác nhau gây khó khăn cho việc quản lý. Nhiều thủ tục trùng lặp thông tin, người nộp thuế phải khai báo nhiều lần. Khó khăn trong việc tích hợp với các hệ thống quản lý khác của Nhà nước.

### **1.1.2. Giải pháp 2:**

Nhóm giải pháp cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý thuế, bao gồm: (i) cắt giảm, đơn giản hóa TTHC về thành phần hồ sơ, quy trình xử lý, thời gian giải quyết, hỗ trợ người nộp thuế trong công tác đăng ký, kê khai, quyết toán, hoàn thuế nhằm giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp. (ii) Mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử hóa và tự động hóa quy trình giải quyết TTHC, nâng cao tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; (iii) tăng cường liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong và ngoài ngành Thuế; (iv) Nâng cao công tác phối hợp giữa cơ quan thuế và các cơ quan liên quan, nhất là trong các thủ tục liên thông, thủ tục cần xác minh, xác nhận thông tin ... để rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ.

**a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

- Tính hợp hiến và hợp pháp

Chính sách cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế hoàn toàn phù hợp với các quy định hiến pháp và pháp luật hiện hành. Chính sách này được xây dựng trên cơ sở Hiến pháp 2013, đặc biệt là Điều 53 về quyền kinh doanh và Điều 59 về nghĩa vụ đóng góp ngân sách. Việc đơn giản hóa thủ tục góp phần thực hiện hiệu quả nguyên tắc “*Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh*” theo tinh thần Hiến pháp.

**Ưu điểm:** Chính sách tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc lập pháp, đảm bảo tính minh bạch và công khai trong quản lý thuế. Việc số hóa thủ tục thuế từ 1/7/2022 đã tạo ra khung pháp lý vững chắc cho việc tiếp tục thực hiện quá trình chuyển đổi số trong công tác quản lý thuế.

**Nhược điểm:** Quá trình sửa đổi, bổ sung pháp luật có thể tạo ra tình trạng chồng chéo tạm thời giữa các quy định cũ và mới, đòi hỏi thời gian thích ứng từ các cơ quan thực thi.

- Tính thống nhất với hệ thống pháp luật

Chính sách được thiết kế đồng bộ với Luật Quản lý thuế 2019, Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 (hiệu lực từ 1/7/2025), các văn bản hướng dẫn liên quan và các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành sửa đổi có liên quan. Việc rà soát, bãi bỏ các quy định chồng chéo sẽ tạo ra tính nhất quán trong toàn bộ hệ thống pháp luật thuế và nhất quán với hệ thống pháp luật được sửa đổi.

*Ưu điểm:* Tạo ra sự đồng bộ giữa các luật thuế và giữa pháp luật về quản lý thuế với các pháp luật chuyên ngành khác, giảm thiểu mâu thuẫn và xung đột pháp lý.

*Nhược điểm:* Cần thời gian để các cơ quan địa phương thống nhất trong việc áp dụng các quy định mới, có thể xuất hiện sự không đồng nhất trong giai đoạn đầu triển khai.

- Tính tương thích với điều ước quốc tế

Chính sách phù hợp với các cam kết của Việt Nam trong WTO, các FTA (đã ký 16 hiệp định thương mại tự do), và các hiệp định tránh đánh thuế hai lần với gần 80 quốc gia.

*Ưu điểm:* Nâng cao vị thế Việt Nam trong hệ thống thuế quốc tế, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư nước ngoài.

*Nhược điểm:* Áp lực tuân thủ các chuẩn mực quốc tế có thể làm tăng chi phí quản lý và đòi hỏi năng lực cao từ đội ngũ công chức thuế.

**b) Tác động về kinh tế, xã hội:**

- Tác động đến sản xuất kinh doanh

Việc cắt giảm thủ tục hành chính sẽ giảm đáng kể chi phí tuân thủ thuế cho doanh nghiệp. Theo ước tính từ các nghiên cứu quốc tế, doanh nghiệp Việt Nam hiện phải dành khoảng 200-250 giờ/năm để thực hiện các thủ tục thuế, cao hơn trung bình khu vực ASEAN (khoảng 180 giờ)<sup>1</sup>.

*Ưu điểm:*

- Giảm thời gian thực hiện thủ tục thuế cho mỗi doanh nghiệp
- Giảm chi phí tuân thủ
- Tăng năng suất lao động do giải phóng nguồn lực từ công tác hành chính

*Nhược điểm:* Chi phí đầu tư ban đầu cho việc số hóa và đào tạo nhân lực có thể tạo áp lực tài chính cho các doanh nghiệp nhỏ.

- Tác động đến môi trường kinh doanh

---

<sup>1</sup> Báo cáo “Paying Taxes 2020” của Ngân hàng Thế giới và PwC

Việc đơn giản hóa thủ tục góp phần cải thiện đáng kể môi trường kinh doanh. Chỉ số EGDI (E-Government Development Index) của Việt Nam đã đạt 0,7709 điểm năm 2024<sup>2</sup>, thuộc nhóm “Rất cao” với 39,4% các quốc gia trên thế giới.

*Ưu điểm:* Cải thiện thứ hạng cạnh tranh quốc gia, đặc biệt trong lĩnh vực “Thuế” của các bảng xếp hạng quốc tế

*Nhược điểm:* Khoảng cách số giữa các vùng miền có thể tạo ra bất bình đẳng trong việc tiếp cận dịch vụ thuế điện tử.

- Tác động đến an ninh - quốc phòng

Chính sách góp phần tăng cường an ninh kinh tế thông qua việc minh bạch hóa các giao dịch thuế và giảm thiểu tham nhũng trong khâu thực hiện thủ tục.

*Ưu điểm:* Hệ thống thuế điện tử giảm 70-80% cơ hội tiếp xúc trực tiếp, hạn chế tham nhũng vặt. Tăng cường truy xuất và giám sát các giao dịch tài chính.

*Nhược điểm:* Rủi ro an ninh mạng tăng cao, đòi hỏi đầu tư mạnh cho bảo mật thông tin.

**c) Tác động về giới (nếu có):** Giải pháp không có tác động về giới.

**d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):**

*Ưu điểm:* Việc thực hiện giải pháp này được kỳ vọng sẽ mang lại một sự thay đổi toàn diện và tích cực. Trước hết, việc rà soát để tinh gọn, bãi bỏ các thủ tục hành chính rườm rà và hợp nhất các biểu mẫu kê khai sẽ giúp hệ thống thuế trở nên đơn giản, minh bạch hơn. Điều này trực tiếp giúp rút ngắn đáng kể thời gian xử lý hồ sơ, đặc biệt là các hồ sơ hoàn thuế, tạo điều kiện cho doanh nghiệp quay vòng vốn nhanh hơn. Đồng thời, chất lượng dịch vụ cũng được nâng cao thông qua việc tăng tốc độ phản hồi, hỗ trợ người nộp thuế qua các kênh trực tuyến và nâng cao tỷ lệ giải quyết thủ tục đúng hạn. Song song đó, việc đẩy mạnh tự động hóa các quy trình nội bộ không chỉ giải phóng nguồn nhân lực khỏi các công việc thủ công mà còn góp phần giảm thiểu tối đa việc sử dụng giấy tờ, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Những cải tiến này được kỳ vọng sẽ làm gia tăng sự hài lòng của người nộp thuế, nâng cao tính tự nguyện tuân thủ, giảm chi phí cho doanh nghiệp, và cuối cùng là góp phần cải thiện môi trường kinh doanh và tăng hiệu quả quản lý thu ngân sách nhà nước.

Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động

<sup>2</sup> Nguồn: <https://vjst.vn/vn/tin-tuc/10562/viet-nam-tang-15-bac-ve-chinh-phu-dien-tu.aspx#:~:text=N%C4%83m%202024%2C%20Vi%E1%BB%87t%20Nam%20%C4%91%C6%B0%E1%BB%A3c,so%20%C4%91%C3%A1nh%20gi%C3%A1%20n%C4%83m%202022.>

sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, kết quả rà soát sơ bộ về phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính đến nay như sau:

- Tổng số thủ tục hành chính đề xuất cắt giảm là 96 thủ tục hành chính (tỷ lệ 44%).

- Tổng số thủ tục hành chính đề xuất đơn giản hóa: 46 thủ tục hành chính (giảm thành phần hồ sơ, ứng dụng công nghệ thông tin, tái sử dụng dữ liệu)

- Tổng số thủ tục hành chính đề xuất giữ nguyên: 39 thủ tục hành chính

Với phương án đề xuất trên, tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính dự kiến đạt 40%, tỷ lệ cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính dự kiến đạt 45% so với trước khi cắt giảm, đơn giản hóa.

*Nhược điểm:* Thách thức lớn nhất đến từ yêu cầu về một nguồn vốn đầu tư đáng kể cho nền tảng công nghệ trong giai đoạn đầu, cùng với đó là chi phí vận hành, bảo trì có thể sẽ tăng lên trong những năm đầu triển khai. Về mặt nhân sự, việc đào tạo lại toàn diện cho đội ngũ cán bộ thuế để thích ứng với công nghệ mới là một nhiệm vụ phức tạp. Trong quá trình chuyển đổi, luôn tồn tại nguy cơ gián đoạn dịch vụ hoặc phát sinh các vấn đề khó kiểm soát. Hơn nữa, không thể bỏ qua rào cản tiếp cận khi một bộ phận người dân, doanh nghiệp có thể gặp khó khăn với dịch vụ số, cũng như sự không đồng đều về hạ tầng công nghệ tại các địa phương. Cuối cùng, áp lực lớn nhất và xuyên suốt nhất chính là việc phải đảm bảo an ninh, an toàn tuyệt đối cho dữ liệu nhạy cảm của người nộp thuế trước các nguy cơ tấn công mạng, đồng thời phải có phương án dự phòng hiệu quả để tránh nguy cơ tê liệt hệ thống khi xảy ra sự cố kỹ thuật.

## **1.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn**

Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 2, lý do: đây là một yêu cầu tất yếu và mang tính chiến lược, hoàn toàn vượt trội so với phương án giữ nguyên các quy định hiện hành. Giải pháp này không chỉ giải quyết dứt điểm những mâu thuẫn, thiếu đồng bộ của hệ thống cũ với các định hướng cải cách lớn như Nghị quyết 68-NQ/TW, Nghị quyết 18-NQ/TW... và xu thế chuyển đổi số quốc gia, mà còn tạo ra động lực đột phá cho toàn bộ nền kinh tế. Bằng cách giảm thiểu đáng kể chi phí và thời gian tuân thủ cho doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, giải pháp này sẽ giải phóng nguồn lực quan trọng để đầu tư vào sản xuất kinh doanh, thúc đẩy sự phát triển và khuyến khích kinh tế chính thức hóa. Hơn nữa, việc hiện đại hóa, điện tử hóa toàn diện và tiệm cận các chuẩn mực quốc tế sẽ trực tiếp nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, cải thiện môi trường đầu tư và khẳng định uy tín của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập sâu rộng. Mặc dù có những thách thức ban đầu về chi phí triển khai, nhưng đây là khoản đầu tư cần thiết cho một tương lai phát triển bền vững, bởi lợi ích về kinh tế - xã hội và vị thế quốc gia mà nó mang lại là vô cùng to lớn và lâu dài.

## **2. Chính sách 2: Nhóm chính sách đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý thuế**

### **2.1. Đánh giá tác động các giải pháp:**

#### **2.1.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định như hiện nay**

##### ***a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:***

##### ***Ưu điểm:***

Việc giữ nguyên các quy định hiện tại đảm bảo tính liên tục và ổn định của hệ thống pháp luật thuế. Từ ngày 01/7/2025, ngành thuế thực hiện sắp xếp bộ máy từ 20 Chi cục thuế khu vực lên 34 Thuế tỉnh thành phố và 350 Đội thuế thành 350 thuế cơ sở theo Kết luận số 160-KL/TW ngày 31/5/2025, việc không thay đổi thêm các quy định về phân cấp phân quyền sẽ tránh tình trạng lúng túng trong quá trình chuyển đổi.

Các quy định hiện tại đã được thử nghiệm và điều chỉnh qua nhiều năm thực hiện, có tính khả thi cao và được cán bộ thuế nắm vững. Việc giữ nguyên sẽ tránh rủi ro từ những quy định mới chưa được kiểm chứng thực tiễn. Các quy định hiện hành về phân cấp quản lý thuế đã được xây dựng phù hợp với chuẩn mực quốc tế về thuế theo cam kết hội nhập. Việc duy trì sẽ đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết.

##### ***Nhược điểm:***

Việc giữ nguyên quy định sẽ không mở rộng thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính cho Bộ Tài chính. Hiện tại, nhiều vấn đề phức tạp về thuế quốc tế, chuyển giá, thuế đối với các tập đoàn đa quốc gia, xóa nợ vẫn phải trình Thủ tướng Chính phủ, làm kéo dài thời gian xử lý và ảnh hưởng đến môi trường đầu tư.

Việc không sửa đổi sẽ duy trì tình trạng chồng chéo, thiếu rõ ràng trong phân định trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước. Cụ thể, trong công tác quản lý thuế đối với bất động sản, vẫn còn sự phối hợp chưa chặt chẽ giữa cơ quan thuế với cơ quan đăng ký đất đai, công chứng.

Trong bối cảnh Đảng và Nhà nước đẩy mạnh chính sách phân cấp, phân quyền theo Nghị quyết 18-NQ/TW, việc không sửa đổi các quy định về phân cấp quản lý thuế sẽ tạo ra sự bất đồng bộ trong hệ thống pháp luật.

##### ***b) Tác động về kinh tế, xã hội:***

##### ***Ưu điểm:***

Với kết quả thu ngân sách năm 2024 đạt 1.732.800 tỷ đồng, vượt 16,5% dự toán, việc giữ nguyên quy định hiện tại có thể đảm bảo ổn định nguồn thu trong

ngắn hạn. Mức độ hài lòng của người nộp thuế đạt 88,3% năm 2024<sup>3</sup>, tiệm cận mục tiêu 90% trong Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.

Đồng thời, việc không thay đổi quy định sẽ tiết kiệm chi phí đào tạo, tuyên truyền và triển khai cho cả cơ quan thuế và người nộp thuế.

*Nhược điểm:*

Việc không mở rộng thẩm quyền cho Bộ Tài chính khiến nhiều thủ tục liên quan đến thuế quốc tế, chuyển giá, chia sẻ thông tin thuế với nước ngoài vẫn phải trình cấp cao hơn

Việc không phân định rõ trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước dẫn đến tình trạng “dùn đẩy” trách nhiệm

**c) Tác động về giới (nếu có):** Giải pháp không có tác động về giới.

**d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):**

*Ưu điểm:*

Cán bộ thuế và người nộp thuế đã quen thuộc với các thủ tục hiện hành. Việc không thay đổi đảm bảo tính liên tục trong cung cấp dịch vụ.

Việc thay đổi thẩm quyền và quy trình đòi hỏi thời gian đào tạo và làm quen. Trong giai đoạn 2025 với áp lực hoàn thành dự toán thu 1.719.556 tỷ đồng<sup>4</sup> và sẽ tiếp tục yêu cầu tăng dự toán thu năm 2026, việc giữ ổn định quy trình sẽ tránh rủi ro gián đoạn trong hoạt động thu thuế.

Đội ngũ cán bộ đã thành thạo các quy trình hiện tại, việc không thay đổi sẽ phát huy tối đa năng lực sẵn có mà không cần đầu tư thêm vào đào tạo chuyển đổi.

*Nhược điểm:*

Việc không mở rộng thẩm quyền cho Bộ Tài chính khiến nhiều thủ tục vẫn phải qua nhiều cấp phê duyệt. Việc không phân định rõ trách nhiệm các cơ quan nhà nước dẫn đến tình trạng người nộp thuế phải làm việc với nhiều cơ quan khác nhau cho cùng một vấn đề. Hơn nữa, việc không có cơ chế phân định trách nhiệm rõ ràng cản trở việc kết nối dữ liệu giữa các cơ quan.

## 2.1.2 Giải pháp 2:

Nhóm giải pháp đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý thuế, bao gồm: (i) Phân cấp cho Chính phủ trong việc quy định các biện pháp tổ

<sup>3</sup> Nguồn: <https://haiquanonline.com.vn/huong-den-phan-cap-quan-ly-thue-theo-mo-hinh-to-chuc-moi-195500.html#:~:text=K%E1%BA%BFt%20qu%E1%BA%A3%20kh%E1%BA%A3o%20s%C3%A1t%20n%C4%83m,ph%E1%BB%A5c%20v%E1%BB%A5%20ng%C6%B0%E1%BB%9Di%20n%E1%BB%99p%20thu%E1%BA%BF>.

<sup>4</sup> Nghị quyết số 159/2024/QH15 ngày 13/11/2024 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

chức thực hiện, hướng dẫn Luật; (ii) Phân cấp, phân quyền quyết định về quản lý thuế cho Bộ Tài chính: quy định rõ ràng và mở rộng thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính; (iii) Phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ: chia trách nhiệm, quyền hạn giữa các cấp quản lý thuế để tăng cường hiệu quả công tác, giảm tải cho các cơ quan quản lý trung ương và tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế; (iv) Phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có liên quan trong công tác quản lý thuế

***a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:***

- Tính hợp hiến và hợp pháp

Nhóm giải pháp phân cấp, phân quyền trong quản lý thuế hoàn toàn phù hợp với Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về “đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phù hợp với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế”. Giải pháp này thể hiện tính hợp hiến khi tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ và phân công, phối hợp thống nhất theo Hiến pháp 2013.

***Ưu điểm:*** Việc phân quyền thẩm quyền quyết định cho Bộ Tài chính sẽ tạo hành lang pháp lý rõ ràng, giảm tình trạng chồng chéo thẩm quyền hiện nay.

***Nhược điểm:*** Có thể phát sinh xung đột thẩm quyền giữa các cấp quản lý trong giai đoạn chuyển tiếp.

- Tính thống nhất với hệ thống pháp luật

Giải pháp phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ đòi hỏi sửa đổi đồng bộ các văn bản từ Luật đến Nghị định, Thông tư. Việc xây dựng Luật Quản lý thuế thay thế nhằm “*đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý thuế, đơn giản hóa các thủ tục hành chính*” sẽ đảm bảo tính thống nhất.

***Ưu điểm:*** Tạo hệ thống pháp luật đồng bộ, rõ ràng về phân cấp quản lý thuế.

***Nhược điểm:*** Cần thời gian dài để hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành, có thể tạo khoảng trống pháp lý tạm thời.

- Về tính tương thích với điều ước quốc tế

Việc phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong quản lý thuế phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về quản lý thuế hiện đại của OECD. Đặc biệt quan trọng trong bối cảnh Việt Nam tham gia các sáng kiến thuế quốc tế như BEPS 2.0.

***Ưu điểm:*** Nâng cao năng lực hội nhập, đáp ứng yêu cầu về minh bạch thông tin thuế quốc tế.

***Nhược điểm:*** Đòi hỏi đầu tư lớn về công nghệ và đào tạo để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế nghiêm ngặt.

***b) Tác động về kinh tế, xã hội:***

- Về tác động đối với sản xuất, kinh doanh

Phân cấp thẩm quyền quyết định sẽ rút ngắn đáng kể thời gian giải quyết thủ tục thuế. Với dự toán số thu ngân sách nhà nước năm 2025 đạt 1.966.839 tỷ đồng theo Nghị quyết số 159/2024/QH15 ngày 13/11/2024 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, việc cải thiện môi trường thuế sẽ góp phần đạt được mục tiêu này.

***Ưu điểm:*** Giảm chi phí tuân thủ thuế cho doanh nghiệp, tiết kiệm thời gian và chi phí liên quan đến thủ tục thuế. Khuyến khích đầu tư, đặc biệt trong bối cảnh áp lực dự toán thu ngân sách hàng năm phải cao hơn năm trước.

***Nhược điểm:*** Giai đoạn đầu có thể gây gián đoạn dịch vụ trong quá trình chuyển đổi mô hình tổ chức để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Về tác động đối với môi trường đầu tư

Phân cấp hiệu quả sẽ cải thiện đáng kể môi trường đầu tư kinh doanh.

***Ưu điểm:*** Nâng cao hiệu quả phục vụ nhà đầu tư.

***Nhược điểm:*** Đòi hỏi đầu tư lớn về hạ tầng công nghệ và đào tạo nhân lực để đảm bảo chất lượng dịch vụ trong mô hình mới.

***c) Tác động về giới (nếu có):*** Giải pháp không có tác động về giới.

***d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):***

Việc thiết lập các thủ tục hành chính mới phục vụ mô hình phân cấp là hoàn toàn cần thiết. Luật Quản lý thuế sửa đổi tập trung vào “*cải cách thủ tục hành chính, đơn giản, rõ ràng, thống nhất, thực hiện quản lý thuế điện tử*”.

***Ưu điểm:*** Giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính bằng các giải pháp thiết thực như sử dụng thông tin mà cơ quan thuế đã có.

***Nhược điểm:*** Phát sinh chi phí đầu tư ban đầu cho việc xây dựng hệ thống thủ tục mới và đào tạo cán bộ.

- Tác động đến chi phí tuân thủ

***Ưu điểm:*** Giảm chi phí giao dịch, thời gian đi lại của người nộp thuế. Tăng cường ứng dụng công nghệ sẽ giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp trong giai đoạn 2025-2030.

***Nhược điểm:*** Một số doanh nghiệp có thể phải đầu tư thêm vào hệ thống công nghệ để tương thích với các quy trình mới của cơ quan thuế.



## **2.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn**

Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 2, lý do: Giải pháp 2 giải quyết một cách toàn diện và triệt để các nhược điểm mà Giải pháp 1 không thể khắc phục. Trong khi việc giữ nguyên các quy định hiện hành gây ra tình trạng trì trệ, chồng chéo thẩm quyền, kéo dài thời gian xử lý thủ tục và không đồng bộ với chủ trương chung của Nhà nước, thì Giải pháp 2 mở ra một hướng đi cải cách mạnh mẽ. Bằng cách phân quyền quyết định cho Bộ Tài chính và phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan liên quan, giải pháp này trực tiếp tháo gỡ các “nút thắt” về thủ tục hành chính, đặc biệt đối với các vấn đề phức tạp như thuế quốc tế, chuyển giá. Quan trọng hơn, nó hoàn toàn phù hợp với định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước về cải cách bộ máy (Nghị quyết Đại hội XIII, Nghị quyết 18-NQ/TW) và tương thích với các chuẩn mực quốc tế (OECD, BEPS 2.0), nâng cao vị thế của Việt Nam. Về mặt kinh tế, lợi ích mà Giải pháp 2 mang lại là rất cụ thể: dự kiến giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, từ đó cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Mặc dù có những thách thức ban đầu trong giai đoạn chuyển tiếp, những lợi ích vượt trội về hiệu quả quản lý, tính minh bạch, và sự phát triển lâu dài khẳng định Giải pháp 2 là lựa chọn tối ưu.

## **3. Chính sách 3: Nhóm chính sách về hiện đại hóa và tự động hóa quản lý thuế trên nền tảng số**

### **3.1. Đánh giá tác động của các giải pháp**

#### **3.1.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định hiện nay**

##### ***a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:***

*Ưu điểm:* Duy trì được tính ổn định và liên tục của hệ thống pháp luật hiện hành, qua đó tránh được các chi phí và thời gian cần cho việc sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn thi hành. Điều này giúp đảm bảo sự ổn định trong quá trình thực thi pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc tuân thủ các quy định hiện hành.

*Nhược điểm:* Tạo ra mâu thuẫn với chủ trương chuyển đổi số toàn diện trong quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 57-NQ/TW khi các Bộ, ngành đã và đang triển khai chuyển đổi số nhưng Luật Quản lý thuế chưa đáp ứng yêu cầu này.

Thiếu sự đồng bộ với Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã về trách nhiệm của cơ quan đăng ký kinh doanh, đăng ký đầu tư trong việc cấp mới, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận theo cơ chế một cửa liên thông.

Không phù hợp với tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành sau tổ chức lại bộ máy nhà nước theo mô hình mới.

Thiếu tính thống nhất với Luật An ninh mạng, Luật Phòng chống rửa tiền, quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, và các quy định về khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án 06.

***b) Tác động về kinh tế - xã hội:***

**Ưu điểm:** Không phát sinh chi phí đầu tư ban đầu cho việc nâng cấp hệ thống công nghệ và đào tạo cán bộ.

***Nhược điểm:***

Trong bối cảnh kinh tế số dự kiến đạt 30% GDP vào năm 2030, việc không hiện đại hóa hệ thống quản lý thuế sẽ ảnh hưởng đến số thu ngân sách. Với mục tiêu đến năm 2030 phải đạt 2 triệu doanh nghiệp theo Nghị quyết 68, hệ thống quản lý truyền thống không đủ khả năng xử lý khối lượng dữ liệu lớn và phức tạp của nền kinh tế số dẫn đến giảm hiệu quả quản lý.

Chi phí tuân thủ cao do phụ thuộc vào thủ tục giấy tờ sẽ làm giảm năng suất lao động trong lĩnh vực dịch vụ thuế, ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường kinh doanh. Việc không khai thác được dữ liệu lớn, ứng dụng Big Data, AI và hệ thống tự động khiến việc phát hiện và ngăn chặn các hành vi gian lận thuế trở nên khó khăn, ảnh hưởng đến công bằng thuế và nguồn thu NSNN.

Sự thiếu minh bạch và hiệu quả trong quản lý thuế điện tử có thể làm giảm sức hấp dẫn đầu tư của doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài, ảnh hưởng đến mục tiêu thu hút vốn FDI trong giai đoạn 2025-2030.

***c) Tác động về giới (nếu có):*** Giải pháp không có tác động về giới.

***d) Tác động về thủ tục hành chính:***

***Ưu điểm:***

Không phát sinh thủ tục hành chính mới, giúp người nộp thuế (NNT) duy trì được tính quen thuộc, giảm bớt việc nghiên cứu theo quy trình mới.

Giảm chi phí đào tạo và thích nghi cho doanh nghiệp, đặc biệt với các doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa sẵn sàng chuyển đổi số.

***Nhược điểm:***

Hệ thống hiện tại vẫn còn nhiều bước xử lý thủ công hoặc chưa hoàn toàn tự động hóa, dẫn đến thời gian xử lý hồ sơ thuế có thể bị kéo dài hơn, chưa đạt hiệu quả cao.

Thủ tục hành chính phức tạp, kéo dài làm tăng chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, giảm năng suất lao động và làm giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường trong nước và quốc tế.

Thời gian và sự phức tạp trong thủ tục thuế là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá môi trường kinh doanh của Việt Nam. Việc không cải cách,

đơn giản hóa thủ tục sẽ làm giảm điểm số, từ đó làm sức hấp dẫn đầu tư nước ngoài.

### **3.1.2. Giải pháp 2:**

Nhóm giải pháp về sửa đổi, bổ sung quy định về chuyển đổi số toàn diện và tự động hóa quản lý thuế, bao gồm:

- Nghiên cứu bổ sung quy định về chuyển đổi số toàn diện trong quản lý thuế tại Luật; quy định nguyên tắc sử dụng công nghệ số trong toàn bộ quy trình quản lý thuế; Luật hóa giá trị pháp lý của hồ sơ, chứng từ điện tử; quyết định hành chính thuế điện tử, chữ ký số và các hình thức giao dịch điện tử; Bổ sung quy định về hình thức tờ khai gợi ý, cho phép ra quyết định hành chính thuế tự động trên hệ thống phân tích dữ liệu và tiêu chí đã xây dựng;

- Xây dựng và triển khai hạ tầng công nghệ số thống nhất, đồng bộ: đầu tư phát triển nền tảng quản lý thuế số tập trung đáp ứng tiêu chuẩn kết nối dữ liệu liên ngành; năng lực xử lý lớn và đảm bảo an toàn thông tin; Tích hợp các hệ thống quản lý hiện có vào một hệ sinh thái duy nhất, liên thông với cổng dịch vụ công quốc gia và các hệ thống ngành khác; phát triển công cụ phân tích dữ liệu phục vụ tự động hóa xử lý, dự báo rủi ro và nhận diện gian lận;

- Kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ thông tin với các cơ quan, tổ chức có liên quan;

- Phát triển nguồn nhân lực và thay đổi tư duy quản lý: tổ chức, đào tạo bồi dưỡng kiến thức công nghệ, phân tích dữ liệu, quản trị số cho công chức thuế các cấp; chuyển đổi tư duy từ quản lý thủ công sang quản trị số; lấy dữ liệu làm trung tâm, quy trình làm nền tảng, công nghệ làm công cụ.

#### ***a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:***

##### ***Ưu điểm:***

Đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ cao với hệ thống pháp luật, phù hợp với định hướng chuyển đổi số quốc gia và xây dựng Chính phủ điện tử đến năm 2030. Điều này tạo ra một hành lang pháp lý vững chắc, rõ ràng cho việc áp dụng công nghệ số trong toàn bộ quy trình quản lý thuế, từ giao dịch điện tử đến ra quyết định hành chính tự động.

Giúp đáp ứng các cam kết quốc tế như thuế tối thiểu toàn cầu, chống xói mòn cơ sở thuế (BEPS), tăng cường minh bạch và hiệu quả quản lý thuế trong bối cảnh hội nhập sâu rộng.

Sự đồng bộ với Luật Doanh nghiệp và các luật liên quan sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho cơ chế một cửa liên thông, góp phần cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia. Việc cập nhật phù hợp với cơ cấu bộ

máy mới sẽ đảm bảo hiệu quả hoạt động, phối hợp giữa các cơ quan trong bối cảnh chuyển đổi số và tự động hóa ngày càng sâu rộng.

*Nhược điểm:*

Việc sửa đổi, bổ sung Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành đòi hỏi thời gian chuẩn bị kỹ lưỡng, tham vấn rộng rãi và chi phí lớn cho công tác xây dựng, đào tạo cán bộ, cũng như tuyên truyền phổ biến pháp luật mới.

Luật mới với nhiều quy định về công nghệ số, tự động hóa và xử lý dữ liệu lớn đặt ra yêu cầu cao về năng lực kỹ thuật, trình độ chuyên môn của cán bộ thuế và các bên liên quan, đồng thời cần có cơ chế giám sát, bảo đảm an toàn thông tin và quyền riêng tư phù hợp. Bên cạnh đó có thể phát sinh các vấn đề về trách nhiệm pháp lý, bảo mật

***b) Tác động về kinh tế - xã hội:***

*Ưu điểm:*

Dự kiến tăng nguồn thu ngân sách mỗi năm thông qua việc giảm thất thu và mở rộng cơ sở thuế. Với việc áp dụng AI và Big Data, khả năng phát hiện gian lận thuế sẽ hiệu quả hơn, đặc biệt trong lĩnh vực thương mại điện tử, chuyển giá, giao dịch liên kết....

Giúp doanh nghiệp tiếp cận nhanh chóng, thuận tiện với các dịch vụ thuế điện tử, giảm thủ tục hành chính, tăng năng lực cạnh tranh quốc gia và thu hút đầu tư nước ngoài, thúc đẩy phát triển kinh tế số và môi trường kinh doanh minh bạch.

Ứng dụng blockchain trong quản lý hóa đơn điện tử sẽ giảm các trường hợp gian lận hóa đơn, góp phần tạo môi trường kinh doanh minh bạch và công bằng. Việc triển khai công dịch vụ thuế điện tử thống nhất sẽ phục vụ hơn 1,2 triệu doanh nghiệp và 30 triệu cá nhân nộp thuế, nâng cao trải nghiệm người dùng và giảm chi phí tuân thủ.

Nhà nước đang định hướng sửa đổi chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển công nghệ và phương tiện kỹ thuật tiên tiến để áp dụng các phương pháp quản lý thuế hiện đại, đồng thời thúc đẩy thực hiện giao dịch điện tử và quản lý thuế điện tử. Việc này nhằm đẩy mạnh phát triển các dịch vụ thanh toán thông qua hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác, từ đó từng bước hạn chế các giao dịch thanh toán bằng tiền mặt của người nộp thuế. So với thanh toán bằng thẻ hoặc chuyển khoản, việc thanh toán bằng tiền mặt cũng làm giảm tính minh bạch và khó kiểm soát giao dịch, tạo điều kiện cho gian lận và trốn thuế, gây khó khăn cho công tác quản lý thuế và tài chính công. Ngoài ra, tiền mặt không hỗ trợ các giao dịch trực tuyến, hạn chế sự phát triển của thương mại điện tử và kinh tế số, đồng thời làm chậm quá trình tài chính toàn diện. Việc chuyển đổi sang thanh toán điện tử, kết hợp với hệ thống thuế điện tử hiện đại, không chỉ giúp đơn giản hóa thủ tục, nâng cao hiệu quả quản lý thuế mà

còn góp phần thúc đẩy minh bạch, an toàn và tiết kiệm chi phí cho xã hội, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế trong việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của mình.

*Nhược điểm:*

Cần đầu tư lớn về đào tạo, thay đổi tư duy và kỹ năng cho cán bộ thuế, đồng thời phải quản lý sự chuyển đổi trong tổ chức, tránh gián đoạn hoạt động.

Việc áp dụng công nghệ mới có thể gây khó khăn cho một số nhóm doanh nghiệp nhỏ, cá nhân chưa sẵn sàng hoặc thiếu điều kiện tiếp cận công nghệ, dẫn đến bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ thuế.

**c) Tác động về giới (nếu có):** Giải pháp không có tác động về giới.

**d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):**

*Ưu điểm:*

Hệ thống quản lý thuế số tập trung, tích hợp liên ngành, tự động hóa xử lý hồ sơ giúp giảm thủ tục giấy tờ, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuế.

Quy trình điện tử, quyết định hành chính tự động dựa trên dữ liệu lớn và AI giúp giảm thiểu sai sót, tiêu cực và tăng tính minh bạch trong quản lý thuế.

Người nộp thuế có thể thực hiện giao dịch, kê khai, nộp thuế trực tuyến mọi lúc, mọi nơi, giảm chi phí và nâng cao trải nghiệm dịch vụ công.

*Nhược điểm:*

Việc triển khai hệ thống số đồng bộ đòi hỏi đầu tư lớn về công nghệ, bảo mật, đồng thời phải đảm bảo an toàn dữ liệu cá nhân và doanh nghiệp.

Có thể gây ra rủi ro khi hệ thống gặp sự cố, rủi ro gián đoạn, gây ảnh hưởng đến tiến độ xử lý hồ sơ và quyền lợi người nộp thuế nếu không có phương án dự phòng hiệu quả.

Cán bộ thuế và người nộp thuế cần thích nghi với quy trình mới, công nghệ mới, nếu không sẽ gây khó khăn trong thực thi và tuân thủ thủ tục hành chính mới.

### **3.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp**

Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 2, lý do:

Việc duy trì các quy định hiện hành (Giải pháp 1) có thể dẫn đến sự không đồng bộ với chủ trương chuyển đổi số quốc gia, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ làm chậm tiến trình phát triển và ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách nhà nước trong bối cảnh kinh tế số ngày càng chiếm tỷ trọng lớn. Trong khi đó, Giải pháp 2 mang lại cơ sở pháp lý vững chắc hơn, giúp đồng bộ Luật Quản lý thuế với các luật liên quan và các cam kết quốc tế như thuế tối thiểu toàn cầu. Điều này góp phần nâng

cao năng lực cạnh tranh và cải thiện môi trường đầu tư.

Về mặt kinh tế - xã hội, Giải pháp 2 đem lại nhiều lợi ích khi ứng dụng các công nghệ hiện đại như AI và Big Data, giúp nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường khả năng phát hiện gian lận và giảm thất thu thuế, đặc biệt trong các lĩnh vực mới như thương mại điện tử. Đồng thời, việc tự động hóa các quy trình như hoàn thuế và triển khai cổng dịch vụ thuế điện tử thống nhất sẽ giúp giảm đáng kể chi phí tuân thủ và tiết kiệm thời gian cho các doanh nghiệp cùng các cá nhân, từ đó góp phần xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng và hiện đại.

Mặc dù giải pháp này đòi hỏi đầu tư ban đầu và có những thách thức trong giai đoạn chuyển tiếp, nhưng các lợi ích lâu dài về kinh tế, xã hội và hiệu quả quản lý nhà nước mà nó mang lại là rất đáng kể, tạo nền tảng vững chắc cho một hệ thống quản lý thuế tiên tiến, phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn tới.

#### **4. Chính sách 4: Đổi mới phương pháp quản lý đối với doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh**

##### **4.1. Đánh giá tác động của các giải pháp**

##### **4.1.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định hiện nay**

##### ***a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:***

##### ***Ưu điểm:***

Việc duy trì các quy định hiện hành sẽ góp phần đảm bảo sự ổn định về mặt pháp lý, tránh phát sinh chi phí và thời gian cho việc xây dựng, ban hành các quy định mới trong giai đoạn chuyển tiếp và sắp xếp bộ máy quản lý.

##### ***Nhược điểm:***

Việc giữ nguyên các quy định hiện hành sẽ dẫn đến không đồng bộ với chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, cụ thể là Nghị quyết 68/NQ-TW (2025) của Bộ Chính trị, trong đó yêu cầu xóa bỏ hình thức khoán thuế đối với hộ kinh doanh chậm nhất trong năm 2026. Điều này tạo ra sự mâu thuẫn trong hệ thống pháp luật khi từ 01/01/2026 sẽ chính thức bỏ thuế khoán đối với hộ kinh doanh.

Việc duy trì thuế khoán không phù hợp với xu hướng minh bạch hóa quản lý thuế theo chuẩn mực quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đặt mục tiêu kinh tế số chiếm 30% GDP vào năm 2030, đòi hỏi hệ thống quản lý thuế hiện đại hoá và tích hợp công nghệ số để đáp ứng yêu cầu phát triển.

Từ 01/6/2025, hộ kinh doanh có doanh thu từ 1 tỷ đồng trở lên phải sử dụng hóa đơn điện tử, tạo ra sự phân mảnh trong hệ thống quản lý khi một số hộ kinh doanh áp dụng công nghệ hiện đại trong khi phần lớn vẫn duy trì phương thức truyền thống, gây khó khăn cho việc đồng bộ và kiểm soát.

**b) Tác động về kinh tế - xã hội:**

*Ưu điểm:*

Việc giữ nguyên các quy định hiện hành giúp các hộ kinh doanh nhỏ tránh được chi phí đầu tư ban đầu cho hệ thống kế toán và hóa đơn điện tử, giảm bớt gánh nặng tuân thủ trong giai đoạn đầu. Đồng thời, tránh được sự gián đoạn hoạt động đối với những hộ kinh doanh chưa sẵn sàng chuyển đổi, góp phần duy trì ổn định kinh tế vi mô.

*Nhược điểm:*

Việc duy trì quy định sẽ dẫn đến thất thu thuế đáng kể từ hộ kinh doanh lớn. Tính đến cuối năm 2024, Việt Nam có khoảng 3,6 triệu hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh, với tổng thuế thu từ nhóm này gần 26 nghìn tỷ đồng. Ngoài ra, mức thuế khoán trung bình chỉ khoảng 686 nghìn đồng/tháng, thấp hơn gần 5 lần so với mức thuế kê khai trung bình 3,29 triệu đồng/tháng, tạo lợi thế cạnh tranh không lành mạnh.

So với các nước, tỷ lệ hộ kinh doanh so với dân số Việt Nam năm 2024 chỉ đạt 2,17%, thấp hơn nhiều so với Mỹ (6,88%), Canada (8,97%), Anh (8,55%), Ấn Độ (4,19%), và Thái Lan (5,63%). Việc duy trì thuế khoán không khuyến khích hộ kinh doanh phát triển và chuyển đổi thành doanh nghiệp, làm hạn chế tiềm năng tăng trưởng của khu vực kinh tế.

Trong bối cảnh nền kinh tế số được dự báo sẽ tăng trưởng nhanh, đạt khoảng 220 tỷ USD năm 2030, việc không kiểm soát được doanh thu thực tế và giao dịch điện tử của hàng trăm nghìn hộ kinh doanh online sẽ gây trở ngại lớn cho quá trình chuyển đổi số quốc gia.

Việc không theo dõi được dòng tiền thực tế của 286 nghìn hộ kinh doanh có doanh thu từ 200 triệu đến dưới 1 tỷ đồng tiềm ẩn rủi ro về rửa tiền, gian lận thuế và ảnh hưởng đến an ninh kinh tế quốc gia.

**c) Tác động về giới (nếu có):** Giải pháp không có tác động về giới.

**d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):**

*Ưu điểm:* Duy trì hiện trạng giúp tránh phát sinh thêm thủ tục hành chính mới, giảm bớt gánh nặng cho cả người nộp thuế và cơ quan thuế trong ngắn hạn, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ kinh doanh chưa có đủ điều kiện chuyển đổi số.

*Nhược điểm:* Trong khi các nước đang áp dụng quản lý thuế điện tử toàn diện, việc duy trì thủ tục truyền thống sẽ làm giảm hiệu quả quản lý và gia tăng chi phí vận hành và khó khăn trong việc kiểm soát, giám sát.

Từ 01/01/2025, cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế sẽ bị tạm hoãn xuất

cảnh, nhưng việc thiếu minh bạch trong quản lý thuế khoán sẽ gây khó khăn trong việc thực thi các biện pháp này, làm giảm hiệu quả quản lý và xử lý vi phạm.

#### 4.1.2. Giải pháp 2:

Nhóm chính sách đổi mới phương pháp quản lý đối với doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, cụ thể như sau:

- Làm rõ địa vị pháp lý, trách nhiệm của hộ kinh doanh trong thực hiện nghĩa vụ thuế căn cứ tiêu chí doanh thu của doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để quy định phương pháp tính thuế đối với cá nhân kinh doanh có doanh thu tương đương doanh nghiệp siêu nhỏ tại luật thuế TNCN, Luật Quản lý thuế.

- Xóa quy định khoán thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và bổ sung quy định: hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh áp dụng cơ chế tự khai, tự nộp thuế theo phương pháp tính thuế trực tiếp (tỷ lệ % trên doanh thu) thống nhất với quy định của Luật thuế giá trị gia tăng<sup>5</sup> và Luật thuế thu nhập cá nhân.

- Bổ sung quy định về mức tỷ lệ %/doanh thu tính thuế GTGT đối với hộ kinh doanh có quy mô doanh thu tương đương doanh nghiệp siêu nhỏ hoặc tương đương doanh nghiệp nhỏ và vừa để bảo đảm công bằng và khuyến khích hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chuyển sang mô hình doanh nghiệp (để được hưởng chính sách ưu đãi về thuế TNDN theo Luật thuế TNDN, Nghị quyết số 198/2025/NQ-QH). Bổ sung quy định về mức tỷ lệ %/thu nhập chịu thuế hoặc trên doanh thu tính thuế để tính thuế TNCN đối với cá nhân kinh doanh có quy mô doanh thu tương đương doanh nghiệp siêu nhỏ hoặc tương đương doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Luật thuế TNCN.

- Bổ sung quy định cơ quan thuế kiểm tra rủi ro dựa trên so sánh lĩnh vực kinh doanh/hộ kinh doanh tương tự; Dữ liệu kiểm tra của cơ quan thuế thực địa kết hợp đăng ký hộ kinh doanh, Dữ liệu từ nền tảng bán hàng, sàn thương mại điện tử (TMĐT).

- Bổ sung quy định trường hợp hộ kinh doanh vi phạm trong kê khai, nộp thuế, cơ quan thuế thực hiện xử phạt và ấn định thuế theo quy định của Luật QLT.

- Nghiên cứu bổ sung quy định cơ quan thuế hỗ trợ tạo lập tờ khai điền sẵn từ ứng dụng hệ thống của cơ quan thuế, gửi tờ khai điền sẵn cho người nộp thuế để kiểm tra xác nhận nghĩa vụ thuế phải nộp;

- Bổ sung quy định về chế độ kế toán và hóa đơn: Giao Chính phủ quy định chi tiết theo hướng:

---

<sup>5</sup> Luật thuế giá trị gia tăng quy định “số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp theo doanh thu bằng tỷ lệ % nhân với doanh thu. Đối tượng áp dụng: hộ, cá nhân kinh doanh trừ hộ khoán”



+ Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 01 tỷ đồng/năm trở lên: Áp dụng chế độ kế toán đơn giản như các doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư số 88/2021/TT-BTC ngày 11/10/2021 của Bộ Tài chính; và Áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế (*đối với hộ kinh doanh bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng<sup>6</sup> phải sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu đến cơ quan thuế từ ngày 01/6/2025 theo quy định tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025*) hoặc hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế.

+ Đối với các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (từ 200 triệu đồng/năm đến dưới 01 tỷ đồng/năm:

Áp dụng hóa đơn điện tử có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế (*Cơ quan thuế hỗ trợ cấp hóa đơn có mã lẻ online hoặc dùng phần mềm trung gian miễn phí*) hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền nếu hộ kinh doanh có điều kiện thực hiện **hoặc bill** tính tiền đáp ứng điều kiện về hóa đơn điện tử **hoặc hóa đơn đơn giản** cho phép hộ kinh doanh lập “biên nhận bán hàng điện tử” qua app, Zalo, SMS, hoặc mẫu có mã QR theo quy định của Chính phủ (***áp dụng trong giai đoạn từ 1/1/2026 đến 31/12/2026***); Đồng thời, các hộ kinh doanh phải thực hiện lộ trình áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế.

Thực hiện sổ sách để ghi chép doanh thu thực tế phát sinh theo hướng đơn giản nhưng có đủ thông tin để xác định chính xác nghĩa vụ thuế với Nhà nước (*Chính phủ/Bộ Tài chính sẽ hướng dẫn cụ thể sổ sách ghi chép và Bộ Tài chính cần sửa đổi, bổ sung Thông tư số 88/2021/TT-BTC về chế độ kế toán đối với doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh để đơn giản mẫu biểu*).

#### **a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

*Ưu điểm:*

- Tính hợp hiến và hợp pháp: Việc sửa đổi các quy định về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoàn toàn phù hợp với Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, yêu cầu “xóa bỏ hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh chậm nhất trong năm 2026”. Giải pháp đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật khi bãi bỏ toàn bộ quy định về Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn - một cơ chế đã lạc hậu trong bối cảnh chuyển đổi số.

- Tính tương thích quốc tế: Việc chuyển từ cơ chế thuế khoán sang tự khai, tự nộp giúp pháp luật thuế Việt Nam tiệm cận với chuẩn mực quốc tế theo nguyên

<sup>6</sup> Tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP quy định bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng (trung tâm thương mại; siêu thị; bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); ăn uống; nhà hàng; khách sạn; dịch vụ vận tải hành khách, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, dịch vụ nghệ thuật, vui chơi, giải trí, hoạt động chiếu phim, dịch vụ phục vụ cá nhân khác theo quy định về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)

tắc “người nộp thuế tự khai, tự nộp, tự chịu trách nhiệm”. Đặc biệt, việc áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế từ 01/6/2025 đối với các hộ có doanh thu từ 1 tỷ đồng/năm phù hợp với xu hướng quản lý thuế điện tử của các nước phát triển.

*Nhược điểm:* Quá trình chuyển đổi có thể tạo ra khoảng trống pháp lý trong giai đoạn tập huấn và làm quen với quy định mới. Việc yêu cầu hộ kinh doanh phải thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn có thể gây khó khăn cho những hộ có trình độ quản lý hạn chế, đặc biệt tại các vùng nông thôn, miền núi, nơi điều kiện tiếp cận công nghệ còn hạn chế.

### ***b) Tác động về kinh tế - xã hội:***

#### *Ưu điểm*

Tác động tích cực về nguồn thu ngân sách: Theo số liệu quản lý thuế HKD đến hết tháng 12/2024, cả nước có khoảng 3,6 triệu hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang được quản lý thuế, trong đó tổng số HKD ổn định là 2,2 triệu hộ. Mức thuế khoán bình quân hiện khoảng 672.000 – 700.000 đồng/tháng/hộ, trong khi mức thuế bình quân theo phương pháp kê khai là khoảng 4,6 triệu đồng/tháng/hộ, tức cao gấp gần 7 lần. Tổng thu ngân sách nhà nước từ hộ, cá nhân kinh doanh 3 tháng đầu năm 2025 ước đạt 8.695 tỷ đồng, tăng 25,7% so với cùng kỳ năm 2024. Tổng đóng góp của hộ kinh doanh vào ngân sách nhà nước năm 2024 là khoảng 25.953 tỷ đồng. Như vậy, thuế khoán vẫn là phương thức phổ biến nhất đối với hộ kinh doanh cá thể, nhưng mức thuế thu được từ phương pháp kê khai cao gấp nhiều lần so với thuế khoán. Điều này cho thấy sự chênh lệch lớn trong việc phản ánh doanh thu thực tế và nghĩa vụ thuế giữa hai hình thức này. Từ ngày 1/6/2025, hộ kinh doanh có doanh thu từ 1 tỷ đồng/năm trở lên sẽ phải chuyển sang kê khai thuế và sử dụng hóa đơn điện tử, đồng thời từ 1/1/2026, hình thức thuế khoán sẽ chính thức bị bãi bỏ để thay thế bằng phương pháp kê khai nhằm minh bạch hóa hoạt động kinh doanh và tăng hiệu quả quản lý thuế. Việc xóa bỏ hình thức thuế khoán và chuyển tất cả hộ kinh doanh sang chế độ tự khai, tự nộp thuế theo doanh thu thực tế là cần thiết nhằm đảm bảo thu đúng, thu đủ, hạn chế thất thu ngân sách, đặc biệt đối với các hộ có doanh thu lớn nhưng trước đây nộp thuế thấp do áp dụng mức khoán cố định. Theo đó, hộ kinh doanh sẽ phải thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế theo quy định hiện hành, sử dụng hóa đơn điện tử trong giao dịch bán hàng, dịch vụ và áp dụng hình thức sổ sách kế toán đơn giản để ghi chép doanh thu, chi phí phục vụ việc tính thuế.

Tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh: Từ 1/6/2025, khoảng 37.000 hộ và cá nhân kinh doanh với doanh thu từ 1 tỷ đồng/năm bắt buộc phải phát hành hóa đơn điện tử qua máy tính tiền kết nối trực tiếp cơ quan thuế. Việc này thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, nâng cao tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh.

Tuy nhiên, chi phí tuân thủ hàng năm của các hộ kinh doanh sẽ tăng lên đáng kể, tạo áp lực tài chính ban đầu.

**Tác động về việc làm và phát triển doanh nghiệp:** Việc xóa bỏ thuế khoán không chỉ tăng minh bạch mà còn mở ra cơ hội nâng tầm hộ kinh doanh trở thành doanh nghiệp. Khi bắt buộc thực hiện theo phương pháp kê khai, hộ kinh doanh sẽ dần quen với quản trị tài chính, tạo tiền đề quan trọng để phát triển thành doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, từ đó tiếp cận được các chính sách hỗ trợ kinh doanh theo Nghị quyết 198/2025/QH15.

**Nhược điểm:** Việc chuyển đổi có thể gây khó khăn cho những mô hình siêu nhỏ như quán tạp hóa trong hẻm, quán cà phê vỉa hè, người bán hàng online, đặc biệt là các hộ kinh doanh do phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người già làm chủ với trình độ công nghệ hạn chế. Nguy cơ một số hộ kinh doanh nhỏ phải ngừng hoạt động do không đáp ứng được yêu cầu mới.

**c) Tác động về giới (nếu có):** Giải pháp không có tác động về giới.

**d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):**

**Ưu điểm:**

Đơn giản hóa thủ tục bằng việc bãi bỏ Hội đồng tư vấn thuế cấp xã và chuyển sang cơ chế tự khai, tự nộp điện tử. Điều này sẽ giảm đáng kể số lần tiếp xúc giữa người nộp thuế và cán bộ thuế, từ đó giảm thời gian và chi phí tuân thủ.

Việc áp dụng tờ khai điện sẵn từ ứng dụng hệ thống của cơ quan thuế sẽ giảm thiểu sai sót trong kê khai và tiết kiệm thời gian cho người nộp thuế. Hệ thống hoàn thuế tự động và kết nối dữ liệu hóa đơn điện tử sẽ nâng cao hiệu quả xử lý nghiệp vụ thuế.

**Nhược điểm:**

Giai đoạn đầu triển khai (2025-2026) có thể gặp tình trạng quá tải hệ thống khi hàng triệu hộ kinh doanh cùng chuyển đổi. Cần đầu tư mạnh vào hạ tầng công nghệ và đào tạo đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật. Nhiều hộ kinh doanh cũng cho biết chi phí tuân thủ để đáp ứng quy định mới có thể dao động từ vài triệu đến hàng chục triệu đồng mỗi năm.

#### **4.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp**

Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 2, lý do: Giải pháp 2 không chỉ giải quyết triệt để những hạn chế cốt lõi của cơ chế cũ mà còn góp phần một nền tảng phát triển bền vững cho tương lai quản lý thuế đối với hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh. Việc xóa bỏ hoàn toàn hình thức thuế khoán góp phần chấm dứt tình trạng bất bình đẳng giữa hộ kê khai và hộ khoán, từ đó chống thất thu ngân sách hiệu quả từ các hộ kinh doanh lớn. Đồng thời, sự thay đổi này đảm bảo tính thống nhất và hiện đại cho hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu tại Nghị quyết 68/NQ-TW.

Việc áp dụng hóa đơn điện tử và chế độ kế toán đơn giản theo quy định mới cũng phù hợp với xu hướng quản lý thuế điện tử hiện đại của các nước phát triển, giúp nâng cao minh bạch và hiệu quả quản lý thuế.

Quan trọng hơn, việc bắt buộc áp dụng hóa đơn điện tử và chế độ kế toán đơn giản sẽ là cú hích mạnh mẽ, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số và tạo tiền đề để các hộ kinh doanh làm quen với quản trị tài chính, từng bước phát triển thành doanh nghiệp. Mặc dù quá trình chuyển đổi có thể gặp một số khó khăn ban đầu, như chi phí tuân thủ tăng lên và yêu cầu về năng lực công nghệ, nhưng những lợi ích chiến lược về xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng và phù hợp với nền kinh tế số trong dài hạn mà Giải pháp 2 mang lại là rõ ràng và vượt trội so với việc duy trì cơ chế thuế khoán đã lỗi thời.

## **5. Chính sách 5: Tăng cường chức năng kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết**

### **5.1. Đánh giá tác động**

#### **5.1.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định hiện hành**

##### ***a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:***

##### ***Ưu điểm:***

Duy trì tính ổn định và liên tục của hệ thống pháp luật hiện hành, tránh được chi phí thay đổi và thích ứng với quy định mới.

Không gây xáo trộn đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong ngắn hạn.

##### ***Nhược điểm:***

Việc giữ nguyên quy định hiện hành không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ mới của cơ quan quản lý thuế sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo Nghị quyết 18-NQ/TW, Kết luận 134, dẫn đến sự mâu thuẫn trong phân công nhiệm vụ và thẩm quyền.

Tạo ra những khoảng trống pháp lý trong việc kiểm tra thuế đối với các trường hợp phức tạp, như phát sinh các giao dịch liên kết, đặc biệt trong bối cảnh thuế tối thiểu toàn cầu 15% đã được Việt Nam áp dụng từ năm 2024 đối với các tập đoàn đa quốc gia có doanh thu từ 750 triệu Euro.

##### ***b) Tác động về kinh tế- xã hội:***

***Ưu điểm:*** Không gây tác động đột ngột đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp FDI đã quen với quy trình hiện tại.

##### ***Nhược điểm:***

Với quy mô và độ phức tạp ngày càng tăng của các giao dịch liên kết, việc không cải thiện năng lực kiểm tra sẽ làm tăng thất thu trong tương lai, gây mất

cân đối trong cơ cấu thu ngân sách khi nguồn thu từ khu vực FDI không đầy đủ, giảm hiệu quả điều hành tài khóa, tăng gánh nặng cho các khu vực kinh tế khác.

Việc không tăng cường kiểm tra sẽ tạo ra bất công trong cạnh tranh giữa các doanh nghiệp tuân thủ pháp luật và những doanh nghiệp lợi dụng kẽ hở để trốn thuế thông qua chuyển giá, giữa các doanh nghiệp đa quốc gia, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước. Điều này gây ra ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường đầu tư kinh doanh, giảm năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam.

Với mục tiêu kinh tế số của Việt Nam sẽ đạt 33 tỷ USD vào năm 2025, tăng trưởng 25% mỗi năm, việc không cải thiện khả năng kiểm tra giao dịch liên kết trong lĩnh vực số sẽ dẫn đến thất thu lớn từ các doanh nghiệp công nghệ đa quốc gia.

**c) Tác động về giới (nếu có):** Giải pháp không có tác động về giới

**d) Tác động về thủ tục hành chính (nếu có):**

*Ưu điểm:*

Không phát sinh thêm thủ tục hành chính mới, duy trì hiện trạng.

*Nhược điểm:*

Không đơn giản hóa được các thủ tục hiện có, không phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và cải cách hành chính.

Thiếu các công cụ và quy trình hiện đại để xử lý các giao dịch liên kết phức tạp trong nền kinh tế số, làm tăng gánh nặng cho cả cơ quan thuế và doanh nghiệp.

Không đáp ứng được yêu cầu tự động hóa và minh bạch trong quản lý thuế theo xu hướng số hóa nền kinh tế thế giới.

### **5.1.2. Giải pháp 2:**

Nhóm giải pháp sửa đổi, bổ sung chức năng kiểm tra thuế, bỏ chức năng thanh tra thuế, cụ thể như sau:

- Rà soát, sửa đổi Luật Quản lý thuế theo đó tăng cường kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan thuế với hóa đơn điện tử, tăng thời hạn kiểm tra thuế để giải quyết các nội dung phức tạp thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan thuế khi không còn chức năng thanh tra thuế.

- Bổ sung quyền hạn, biện pháp nghiệp vụ để xử lý hành vi trốn thuế cho hoạt động kiểm tra thuế nhằm tăng cường hiệu lực công tác kiểm tra thuế, bổ sung quy định Kiểm tra lại trong hoạt động kiểm tra thuế, bổ sung quy định riêng cho công tác kiểm tra giá chuyển nhượng để bảo đảm cơ sở pháp lý để thực hiện và tăng cường tính kỷ luật trong công tác quản lý thuế; bổ sung quy định về kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về chính sách

thuế, phí, lệ phí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

*Ưu điểm:* Đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thuế sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; thống nhất với quy định tại Luật Thanh tra đang được sửa đổi, bổ sung, không tạo ra mâu thuẫn, chồng chéo đối với quy định của hệ thống pháp luật khác; đồng thời phù hợp với thông lệ quốc tế, các hiệp ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

*Nhược điểm:* Có thể gây khó khăn trong quá trình chuyển đổi pháp lý, đòi hỏi sửa đổi đồng bộ nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Cần thời gian để các cơ quan thực thi và người nộp thuế làm quen với thuật ngữ và quy trình mới.

**b) Tác động về kinh tế- xã hội:**

*Ưu điểm:*

Giúp tăng thu, chống thất thu và tăng cường hiệu quả quản lý thu ngân sách nhà nước thông qua việc phát hiện, ngăn chặn sai phạm và nâng cao ý thức tuân thủ thuế.

Giảm đáng kể chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp khi chỉ phải chuẩn bị cho một loại hình kiểm tra thay vì hai. Dự kiến sẽ tiết kiệm được chi phí quản lý thuế cho các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Việc áp dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo trong kiểm tra thuế sẽ giúp phát hiện nhanh hơn các vi phạm, góp phần ngăn chặn, phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về hóa đơn.

Đảm bảo công bằng trong thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế, đặc biệt đối với các doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp thực hiện kinh doanh trên nền tảng số với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp thực hiện kinh doanh theo phương thức truyền thống nói chung.

Giúp giữ vai trò của cơ quan thuế trong việc kiểm tra, xử lý, đảm bảo tính tuân thủ của người nộp thuế trong bối cảnh không còn chức năng thanh tra.

*Nhược điểm:* Trong giai đoạn chuyển đổi (2025-2027), có thể xảy ra tình trạng giảm hiệu quả tạm thời do cán bộ thuế phải làm quen với quy trình mới.

**c) Tác động về giới (nếu có):** Giải pháp không có tác động về giới.

**d) Tác động về thủ tục hành chính (nếu có):**

*Ưu điểm:*

Giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp khi chỉ cần chuẩn bị cho một loại hình kiểm tra

Cơ quan thuế có thể chuẩn hóa hoàn toàn quy trình kiểm tra, áp dụng đồng

bộ công nghệ thông tin

Nâng cao tính dự đoán cho doanh nghiệp về chu kỳ, quy trình kiểm tra.

*Nhược điểm:*

Việc chuyển từ thanh tra sang kiểm tra thuế có thể làm giảm tính răn đe đối với các đối tượng cố tình vi phạm nghiêm trọng. Khi cơ quan thuế chỉ còn chức năng kiểm tra với tính chất “nhẹ nhàng” hơn, một số doanh nghiệp có thể lợi dụng “khoảng trống răn đe” này để gia tăng hành vi trốn thuế, gian lận. Đặc biệt trong giai đoạn chuyển đổi 2025-2027, khi Thanh tra Chính phủ chưa xây dựng đầy đủ đội ngũ chuyên gia thuế và quy trình thanh tra chuyên sâu, có thể xuất hiện “vùng xám” trong xử lý các vi phạm phức tạp.

## **5.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp**

Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 2, lý do: đây là bước đi tất yếu để tạo ra sự đồng bộ, thống nhất cho toàn bộ hệ thống pháp luật, chấm dứt mâu thuẫn giữa Luật Quản lý thuế với chức năng, nhiệm vụ mới của cơ quan thuế sau khi tinh gọn bộ máy theo Nghị quyết 18-NQ/TW và phù hợp với Luật Thanh tra sửa đổi. Quan trọng hơn, giải pháp này giúp lấp đầy “khoảng trống pháp lý” trong bối cảnh Việt Nam đã áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu và nền kinh tế số đang phát triển mạnh mẽ, qua đó tăng cường năng lực chống chuyển giá, ngăn chặn nguy cơ thất thu thuế nghiêm trọng và đảm bảo môi trường cạnh tranh công bằng. Về mặt thực tiễn, việc tập trung vào “kiểm tra” dựa trên phân tích rủi ro và công nghệ không chỉ hiện đại hóa công tác quản lý thuế mà còn mang lại lợi ích kép cho doanh nghiệp thông qua việc giảm chi phí tuân thủ, đơn giản hóa thủ tục, và chuyển dịch từ tư duy “xử phạt” sang “hỗ trợ tuân thủ”. Mặc dù có những lo ngại về sự sụt giảm tính răn đe trong giai đoạn chuyển tiếp, nhược điểm này hoàn toàn có thể được kiểm soát bằng việc bổ sung các quy định tăng cường hiệu lực như “kiểm tra lại”, “kiểm tra giá chuyển nhượng” và sự phối hợp chặt chẽ với Thanh tra Chính phủ. Vì vậy, đây không chỉ là một sự thay đổi về quy trình, mà còn là một bước tiến đột phá, kiến tạo một môi trường thuế minh bạch, công bằng và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của Việt Nam trong giai đoạn mới.

## **6. Chính sách 6: Hoàn thiện chính sách chung trong công tác quản lý thuế**

### **6.1. Đánh giá tác động của các giải pháp**

#### **6.1.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện nay**

##### **a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

*Ưu điểm:*

Hệ thống pháp luật sẽ không bị xáo trộn trong ngắn hạn. Các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân và các đơn vị hành nghề luật không phải cập nhật, nghiên cứu, hay thích ứng với các quy định mới. Điều này giúp tránh được các chi phí và sự gián đoạn tạm thời liên quan đến quá trình chuyển đổi lập pháp.

*Nhược điểm:*

Luật Quản lý thuế sẽ ngày càng trở nên lạc hậu so với sự phát triển của kinh tế - xã hội và không tương thích với các luật khác đang được hiện đại hóa (ví dụ: Luật Căn cước, Luật Giao dịch điện tử). Các điểm nghẽn, mâu thuẫn hiện tại với Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Dầu khí, Pháp lệnh ngoại hối... sẽ không được giải quyết, tiếp tục gây khó khăn, tranh chấp trong thực tiễn và gây khó khăn trong công tác quản lý thuế của cơ quan thuế.

Việt Nam sẽ không thể luật hóa đầy đủ và kịp thời các chuẩn mực thuế quốc tế mới, đặc biệt là quy tắc về Thuế tối thiểu toàn cầu. Điều này làm giảm uy tín của Việt Nam, tạo rủi ro pháp lý cho nhà đầu tư nước ngoài (nguy cơ bị đánh thuế hai lần), và có thể khiến Việt Nam bị coi là thiếu hợp tác trong các vấn đề thuế quốc tế.

***b) Tác động về kinh tế - xã hội:***

*Ưu điểm:* Nhà nước sẽ không phải chi một khoản ngân sách khổng lồ cho việc nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và đào tạo lại đội ngũ cán bộ. Doanh nghiệp cũng không phải tốn chi phí để thay đổi hệ thống công nghệ và quy trình để thích ứng với quy định mới.

Doanh nghiệp và người dân không phải học và tuân thủ các quy tắc mới, đặc biệt là các quy định phức tạp liên quan đến cung cấp dữ liệu thương mại điện tử hay các quy tắc về giao dịch liên kết.

*Nhược điểm:* Hệ thống thuế sẽ lạc hậu trước sự bùng nổ của kinh tế số, các phương thức chuyển giá tinh vi và trước sự vận động, thay đổi của các lĩnh vực trong đó có dầu khí. Khoảng trống giữa quy định về quản lý thuế và thực tế phát sinh sẽ ngày càng lớn, gây thất thoát nguồn thu và nguồn ngoại tệ khổng lồ, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng chi tiêu của Chính phủ cho các dịch vụ công thiết yếu như y tế, giáo dục, hạ tầng.

So với các quốc gia trong khu vực đang liên tục cải cách, một hệ thống thuế lạc hậu, không hiệu quả sẽ làm giảm sức hấp dẫn của Việt Nam trong mắt các nhà đầu tư quốc tế. Đặc biệt đối với hoạt động dầu khí cần vốn đầu tư lớn (chi phí khoan một giếng tốn hàng trăm triệu USD) nhưng xác suất thành công thấp (trung bình 25%) nên đa số các hợp đồng đều phải kêu gọi nhà thầu nước ngoài đầu tư. Ngoài ý nghĩa mang lại nguồn thu lớn và nguồn ngoại tệ cho NSNN, việc duy trì và triển khai các hoạt động dầu khí còn có vai trò rất lớn trong việc bảo vệ chủ quyền biển đảo, an ninh an toàn hàng hải của Việt Nam, đặc biệt là các vùng nước



sâu xa bờ, vùng biển tranh chấp. Các hạn chế nêu trên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các quyết định tiếp tục đầu tư tại Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài, tác động trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ an ninh biển đảo của nước ta.

Sự thiếu công bằng trong quản lý làm giảm sự công bằng, minh bạch của môi trường đầu tư, kinh doanh, làm nản lòng các doanh nghiệp làm ăn chân chính. Từ đó, ảnh hưởng đến sự phát triển chung của nền kinh tế quốc gia.

Dù không phát sinh chi phí mới, nhưng các chi phí ngầm do sự thiếu rõ ràng của quy định, do thủ tục hành chính rườm rà, và thời gian giải quyết tranh chấp kéo dài sẽ tiếp tục là gánh nặng vô hình làm giảm hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

**c) Tác động về giới (nếu có):** Giải pháp không có tác động về giới.

**d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):**

**Ưu điểm:** Người dân, doanh nghiệp và cả cán bộ thuế không phải học hay làm quen với bất kỳ quy trình, biểu mẫu mới nào. Mọi hoạt động tiếp tục diễn ra như cũ, đảm bảo tính liên tục, không bị gián đoạn.

**Nhược điểm:** Hệ thống sẽ tiếp tục xử lý các thủ tục giấy tờ, xử lý thủ công, gây chậm trễ và tốn kém cho cả nhà nước và xã hội. Mô hình quản lý lạc hậu tiếp tục tạo gánh nặng không cần thiết cho các doanh nghiệp tuân thủ tốt.

Người nộp thuế tiếp tục ở trong một môi trường pháp lý mà các quyền của họ chưa được bảo vệ đầy đủ, thiếu các công cụ linh hoạt để thực hiện nghĩa vụ tài chính. Mối quan hệ giữa cơ quan thuế và NNT vẫn nặng tính áp đặt, thiếu sự tin cậy và hợp tác.

Ngoài ra, Việt Nam sẽ bỏ lỡ cơ hội vàng để tự động hóa, giảm thiểu sai sót, nâng cao hiệu quả quản lý và cung cấp dịch vụ công chất lượng cao cho người dân và doanh nghiệp, đi ngược lại xu thế chung của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

**6.1.2. Giải pháp 2:** Hoàn thiện các chính sách chung trong công tác quản lý thuế (sửa đổi, bổ sung tại 100 Điều), tập trung vào các giải pháp sau:

- Sửa đổi tên gọi của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác để phù hợp sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy;
- Sửa đổi, bổ sung các quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác để phù hợp sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy mới;
- Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan;
- Sửa đổi quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế;
- Hoàn thiện quy định nhằm nâng cao tính công bằng, minh bạch, bình đẳng và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.

**a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

*Ưu điểm:* Chính sách này sẽ giải quyết triệt để các xung đột, chồng chéo không chỉ trong nội tại Luật Quản lý thuế mà còn giữa Luật này với các luật quan trọng khác (Dân sự, Doanh nghiệp, Kế toán, Luật Dầu khí, Pháp lệnh ngoại hối...). Việc này tạo ra một khung pháp lý vững chắc, minh bạch và dễ dự báo, làm nền tảng cho sự phát triển ổn định của môi trường kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý thuế.

Việc chủ động đưa các quy định về Thuế tối thiểu toàn cầu, Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá (APA)... vào luật sẽ giúp hệ thống pháp luật thuế Việt Nam tiệm cận với các tiêu chuẩn của OECD và thế giới. Điều này nâng cao vị thế của Việt Nam trong các hiệp định thương mại, tăng sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư quốc tế lớn.

Bằng việc công nhận số định danh cá nhân là mã số thuế và quy định về việc kết nối, chia sẻ dữ liệu, chính sách tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc cho việc xây dựng Chính phủ điện tử và một hệ thống quản lý thuế dựa trên dữ liệu lớn.

*Nhược điểm:* Sẽ tạo ra nhiều thay đổi lớn, có thể sẽ gây ra bối rối trong thời gian đầu cho cơ quan thuế quản lý trong việc học hỏi, tiếp thu những kiến thức, chuyên môn mới và gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong việc tuân thủ pháp luật.

**b) Tác động về kinh tế - xã hội:**

*Ưu điểm:*

Chính sách sẽ giúp chống thất thu thuế hiệu quả, đặc biệt trong các lĩnh vực kinh tế số, thương mại điện tử, dịch vụ xuyên biên giới đang phát triển nhanh nhưng khó quản lý theo cách truyền thống. Về dài hạn, điều này đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước bền vững hơn để đầu tư cho các mục tiêu phát triển kinh tế và an sinh xã hội.

Một hệ thống thuế minh bạch, hiện đại và công bằng giúp thu hút các nhà đầu tư chất lượng cao, khuyến khích đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, thúc đẩy tăng trưởng dài hạn và bền vững. Đồng thời, khi các hành vi trốn thuế bị xử lý hiệu quả, nó sẽ tạo ra một môi trường đầu tư kinh doanh và cạnh tranh lành mạnh, nơi các doanh nghiệp làm ăn chân chính không còn bị lép vế.

Giúp giảm rào cản gia nhập thị trường, tăng sức cạnh tranh và tạo cơ hội phát triển công bằng cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Bằng việc áp dụng quản lý rủi ro, phần lớn các doanh nghiệp tuân thủ tốt sẽ yên tâm làm ăn, giảm thiểu gánh nặng từ các cuộc thanh tra, kiểm tra, từ đó tiết kiệm thời gian và chi phí, tập trung nguồn lực cho sản xuất kinh doanh. Tăng tính

tuân thủ pháp luật tự nguyện của các doanh nghiệp, giúp giảm chi phí quản lý của cơ quan thuế.

*Nhược điểm:*

Việc xây dựng các trung tâm dữ liệu, mua sắm phần mềm phân tích, đảm bảo an ninh mạng và đặc biệt là đào tạo lại toàn bộ đội ngũ cán bộ thuế theo tư duy và kỹ năng mới sẽ cần một nguồn lực ngân sách rất lớn trong giai đoạn đầu.

Các doanh nghiệp, đặc biệt là các sàn thương mại điện tử, ngân hàng, công ty công nghệ sẽ phải đầu tư để nâng cấp hệ thống của mình nhằm đáp ứng yêu cầu kết nối, cung cấp dữ liệu theo thời gian thực hoặc định kỳ cho cơ quan thuế.

Việc tập trung một lượng dữ liệu khổng lồ về công dân và doanh nghiệp tại cơ quan thuế sẽ đẩy lên những lo ngại lớn về nguy cơ rò rỉ, lạm dụng thông tin. Thách thức lớn nhất là phải xây dựng được một cơ chế bảo mật dữ liệu ở cấp độ cao nhất và có hành lang pháp lý chặt chẽ để bảo vệ thông tin.

*c) Tác động về giới (nếu có):* Giải pháp không có tác động về giới.

*d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):*

*Ưu điểm:* Chính sách sẽ thay đổi mô hình TTHC thành một hệ thống thông minh: tự động và đơn giản cho người tuân thủ tốt; chặt chẽ nhưng minh bạch và có lộ trình rõ ràng cho các trường hợp phức tạp. Điều này giúp nâng cao đáng kể sự hài lòng và hiệu quả.

Các TTHC mới cho phép NNT thực hiện các quyền của mình một cách chủ động (ví dụ: quyền được lựa chọn khoản thuế để nộp, quyền yêu cầu công nhận tuân thủ tốt). Điều này thay đổi mối quan hệ giữa cơ quan thuế và NNT từ quản lý - bị quản lý sang quan hệ đối tác, phục vụ.

*Nhược điểm:* Hệ thống mới, dù ưu việt hơn, nhưng cũng phức tạp hơn về mặt khái niệm và thao tác ban đầu. Cả người nộp thuế và chính cán bộ thuế sẽ cần thời gian để học hỏi, thích ứng. Nếu giai đoạn chuyển đổi không được truyền thông và hướng dẫn tốt, nó có thể gây ra sự nhầm lẫn, sai sót và bức xúc ban đầu.

Việc phân loại rủi ro và ra quyết định tự động dựa trên thuật toán tiềm ẩn nguy cơ sai sót hoặc thiên vị nếu dữ liệu đầu vào không chính xác hoặc thuật toán không được thiết kế tốt. Thách thức là phải xây dựng cơ chế giám sát, kiểm tra và phúc đáp đối với các quyết định của máy tính để đảm bảo sự công bằng tuyệt đối.

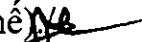
## **6.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn**

Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 2, lý do: đây là một yêu cầu tất yếu và mang tính chiến lược, vượt xa việc sửa chữa các vấn đề đơn lẻ. Thay vì chấp nhận một hệ thống pháp luật ngày càng lạc hậu, gây thất thu ngân sách và làm giảm sức cạnh tranh quốc gia như Giải pháp 1, Giải pháp 2 kiến tạo một nền tảng quản lý thuế hoàn toàn mới: hiện đại, minh bạch, công bằng và tương thích với các chuẩn


mức quốc tế. Việc này không chỉ giải quyết triệt để các xung đột pháp lý hiện tại và bịt các lỗ hổng thuế trong nền kinh tế số, mà còn tạo ra một môi trường kinh doanh lành mạnh, thu hút các nhà đầu tư chất lượng cao và chuyển đổi mối quan hệ giữa cơ quan thuế và người nộp thuế thành quan hệ đối tác phục vụ. Dù có những thách thức về chi phí và sự thích ứng trong giai đoạn đầu, đây là sự đầu tư mang tính nền tảng để đảm bảo nguồn thu bền vững, nâng cao vị thế quốc gia và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trong dài hạn.

### III. KẾT LUẬN

Những nội dung sửa đổi tại Luật Quản lý Thuế nhằm mục đích thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về cải cách hệ thống quản lý thuế, đáp ứng những yêu cầu thực tiễn, phát sinh vướng mắc bất cập trong quá trình quản lý thuế hiện hành, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật. Đáp ứng với các yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, đảm bảo phù hợp xu hướng phát triển công nghệ số, trí tuệ nhân tạo vào hoạt động quản lý thuế, giúp giảm các thủ tục hành chính, giảm đầu mối quản lý đối với cơ quan thuế cũng như người nộp thuế.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Quản lý Thuế (thay thế ~~thứ~~ 

Nơi nhận: 

- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ PC - BTC;
- Lưu: VT, CT (VT, CS) (2b) 

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

   
Cao Anh Tuấn

Số: 326/BC-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2025

**BÁO CÁO**

**Về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách**

**Dự án Luật Quản lý thuế (thay thế)**

*(Phục vụ công tác thẩm định của Bộ Tư pháp)*

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế). Kết quả rà soát như sau:

**I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT**

**1. Mục đích, yêu cầu rà soát**

Nhằm bảo đảm tính tương thích các quy định mới của dự kiến nội dung quy phạm hóa các chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) với các điều ước quốc tế và các văn bản quy phạm pháp luật khác trong hệ thống pháp luật có liên quan; phát hiện, xử lý những nội dung chồng chéo hoặc không phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật khác, các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

**2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát**

**a) Phạm vi rà soát**

Thực hiện rà soát các văn bản pháp luật có liên quan đến dự kiến nội dung quy phạm hóa các chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế).

**b) Nội dung rà soát**

- Rà soát, phát hiện các quy định pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo

+ So sánh, đối chiếu các quy định trong nhóm văn bản điều chỉnh về cùng một lĩnh vực.

+ So sánh, đối chiếu các quy định trong nhóm văn bản điều chỉnh về một lĩnh vực với các quy định trong nhóm văn bản điều chỉnh về lĩnh vực khác có liên quan.

- Rà soát, phát hiện các quy định bất cập, không phù hợp thực tiễn

Các quy định bất cập, không phù hợp thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển rất đa dạng trong thực tiễn:

+ Quy định không cụ thể, không rõ ràng, dẫn đến các cách hiểu khác nhau hoặc không thể thực hiện được trên thực tế;

+ Quy định điều kiện, thủ tục hành chính không cần thiết, không đúng quy định pháp luật;

+ Một phần hoặc toàn bộ văn bản không còn được áp dụng trên thực tế nhưng chưa có cơ sở pháp lý để xác định hết hiệu lực theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

+ Các quy định không còn phù hợp với thực tiễn (căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội; chủ trương, đường lối, chính sách phát triển về lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản quy phạm pháp luật; thông qua theo dõi quản lý nhà nước và tiếp nhận thông tin, phản ánh từ cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan);

+ Quan hệ xã hội cần được điều chỉnh bằng văn bản quy phạm pháp luật nhưng chưa có văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoặc quan hệ xã hội cần được điều chỉnh bằng văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn.

c) Đối tượng rà soát: Các nội dung chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) dự kiến được quy phạm hóa.

## **II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT**

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế)

- Nghị quyết số 18-NQ/TW năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương đề ra định hướng quan trọng về việc tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW, cần thiết phải sắp xếp, tổ chức bộ máy mới theo hướng hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; với phương châm “Lấy người nộp thuế là trung tâm phục vụ”; và dựa trên ba trụ cột cơ bản: (1) thể chế quản lý thuế đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập; (2) nguồn nhân lực chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới; (3) công nghệ thông tin hiện đại, tích hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế và góp phần đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đề ra nhiệm vụ, giải pháp: Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu (điểm 5 mục III).

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đưa ra giải pháp về đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể

chế, chính sách “Minh bạch hoá, số hoá, thông minh hoá, tự động hoá, áp dụng triệt để trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính, nhất là về ...thuế, hải quan... Trong năm 2025, ... thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo; Rà soát, hoàn thiện các chính sách thuế, phí, lệ phí theo hướng bảo đảm đối xử công bằng giữa các thành phần kinh tế, ...nhất là thu thuế điện tử khởi tạo từ máy tính tiền; Hoàn thiện khung pháp lý cho các mô hình kinh tế mới, kinh doanh dựa trên công nghệ và nền tảng số, đặc biệt là công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, tài sản ảo, tiền ảo, tài sản mã hoá, tiền mã hoá, thương mại điện tử... Tạo mọi thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính; phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành của từng cơ quan, đơn vị; Chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo, trùng lặp, kéo dài, không cần thiết; bảo đảm nguyên tắc chỉ thực hiện thanh tra, kiểm tra mỗi năm 01 lần đối với doanh nghiệp, trừ trường hợp có bằng chứng rõ ràng về việc doanh nghiệp vi phạm; Xây dựng hệ thống dữ liệu và công cụ trí tuệ nhân tạo cảnh báo sớm về các nguy cơ vi phạm pháp luật. Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Triển khai thanh tra, kiểm tra trực tuyến, ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử, giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp. Miễn kiểm tra thực tế đối với các doanh nghiệp tuân thủ tốt quy định pháp luật” (điểm 2,1 mục III).

Nghị quyết số 68-NQ/TW cũng đưa ra giải pháp về hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh như sau: Rà soát, hoàn thiện khung khổ pháp lý về kinh doanh cá thể; thu hẹp tối đa sự chênh lệch, tạo mọi điều kiện thuận lợi về tổ chức quản trị và chế độ tài chính, kế toán để khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp. Đẩy mạnh số hoá, minh bạch hoá, đơn giản hoá, dễ tuân thủ, dễ thực hiện đối với chế độ kế toán, thuế, bảo hiểm... để khuyến khích chuyển đổi hộ kinh doanh sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp. Xóa bỏ hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh chậm nhất trong năm 2026” (điểm 7 mục III).

- Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân quy định: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không áp dụng phương pháp khoán thuế từ ngày 01/01/2026. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo pháp luật quản lý thuế (khoản 6 Điều 10).

- Tại Kết luận số 93-KL/TW ngày 26/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước để đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và chủ động của ngân sách địa phương, các cơ quan, đơn vị có liên quan: yêu cầu sửa đổi tổng thể Luật Quản lý thuế nhằm sớm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn (điểm 4.1).

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên

mới: Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” và việc cơ cấu lại không gian phát triển mới ở từng địa bàn (điểm 2 mục III).

Những định hướng và giải pháp của Bộ Chính trị nêu trên đặt ra sự cần thiết phải nghiên cứu sửa đổi Luật Quản lý thuế một cách toàn diện để đáp ứng mô hình tổ chức bộ máy mới theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho quá trình chuyển đổi số trong công tác quản lý thuế theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, đáp ứng yêu cầu quản lý trong bối cảnh mới đặc biệt là các mô hình kinh tế mới, kinh doanh dựa trên công nghệ và nền tảng số, đặc biệt là công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, tài sản ảo, tiền ảo, tài sản mã hoá, tiền mã hoá, thương mại điện tử, đẩy mạnh cắt giảm thủ tục hành chính, tăng cường quản lý chống thất thu thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo Nghị quyết số 68-NQ/TW.

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế)

Qua rà soát, Bộ Tài chính xác định được một số văn bản pháp luật có nội dung liên quan đến dự án Luật Quản lý thuế (thay thế): pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, khoa học và công nghệ, thương mại điện tử,..... Danh mục văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) tại Phụ lục I kèm theo Báo cáo này.

#### a) Kết quả chung

Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến nội dung dự án: Qua rà soát đã xác định được có 41 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật bao gồm các văn bản sau: 22 luật, 16 nghị định của Chính phủ, 3 thông tư của Bộ trưởng.

#### b) Kết quả cụ thể

Qua rà soát, Bộ Tài chính nhận thấy các nội dung chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) dự kiến được quy phạm hóa thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành và phù hợp với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, cụ thể như sau:

#### - Tính thống nhất, đồng bộ

Tính nhất quán, đồng bộ trong hệ thống văn bản pháp luật về quản lý thuế là khá cao. Các nội dung chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) dự kiến được quy phạm hóa được xây dựng bảo đảm tính thống nhất pháp lý theo trình tự hiệu lực của đạo luật gốc là Hiến pháp, sau đó là các luật có liên quan.



Kết quả đánh giá cho thấy không có điều, khoản nào mâu thuẫn với Hiến pháp tức là không xuất hiện các xung đột pháp luật; không mâu thuẫn với các luật có liên quan.

+ Trên cơ sở rà soát các luật hiện hành có liên quan: Luật Đầu tư, Thương mại, Doanh nghiệp, Giao dịch điện tử, ... các nội dung chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) bảo đảm đồng bộ theo các quy định chung và phù hợp với những đặc thù trong lĩnh vực quản lý thuế.

+ Về tính phù hợp, khả thi

Các nội dung chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) dự kiến được quy phạm hóa cơ bản bảo đảm tính phù hợp, khả thi và đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn; cơ bản đã phù hợp, tiếp cận gần hơn với pháp luật quốc tế, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Bên cạnh đó, để đáp ứng với tình hình kinh tế - xã hội, các nội dung chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) dự kiến được quy phạm hóa cũng giải quyết kịp thời các vấn đề vướng mắc trong quá trình triển khai các văn bản quy phạm pháp luật liên quan mỹ phẩm.

c) Kiến nghị, đề xuất

Từ đánh giá kết quả rà soát của Báo cáo, Bộ Tài chính có một số kiến nghị, đề xuất liên quan đến đề nghị lập chính sách của Luật Quản lý thuế thay thế như sau: Thông qua đề xuất lập chính sách của Bộ Tài chính để tiếp tục quy trình soạn thảo dự thảo Luật Quản lý thuế và tiếp tục đánh giá tính hợp hiến, thống nhất, phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế)

Các nội dung chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) dự kiến được quy phạm hóa được xây dựng bảo đảm tính thống nhất pháp lý với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Danh mục các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên được rà soát và đánh giá tính tương thích liên quan đến các nội dung chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) dự kiến được quy phạm hóa tại Phụ lục II kèm theo Báo cáo này.

Đối với các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, xuất phát từ một trong các quan điểm xây dựng các nội dung chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) là phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên cũng như bảo đảm tiếp cận tối đa các thông lệ quốc tế, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành trong đó có Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát, đối chiếu các nội dung chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) dự kiến được quy phạm hóa với:

Kết quả rà soát cho thấy về cơ bản, các chính sách mới đề xuất trong dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) hoàn toàn phù hợp với thông lệ, thực hành quốc tế; tương thích và thống nhất với các thỏa thuận, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Trên đây là Báo cáo về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến các nội dung chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) dự kiến được quy phạm hóa ~~hóa~~

(Phụ lục - văn bản được rà soát liên quan đến dự án Luật Quản lý thuế thay thế kèm theo).

Nơi nhận: *k*

- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ PC – BTC;
- Lưu: VT, CT (VT, CS) (2b) *Chuy*

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

 *[Handwritten signature]*

\*Cao Anh Tuấn

## Phụ lục

### 1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến chính sách/dự thảo

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<p><b>Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư</b></p> <p><i>yêu cầu: Hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi cho chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số quốc gia. Trong đó có nhiệm vụ: Hoàn thiện pháp luật, chính sách về tài chính-tiền tệ, thanh toán điện tử, quản lý thuế và các dịch vụ xuyên biên giới phù hợp với xu thế phát triển của kinh tế số.</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung quy định để xử lý toàn diện các bất cập, vướng mắc từ thực tiễn như: Sửa đổi quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế; Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.</p> <p>Một số chính sách như: quy định trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế khi chuyển nhượng dự án đầu tư; trách nhiệm của người nộp thuế thực hiện thủ tục tra soát, điều chỉnh thông tin khi phát hiện thông tin do cơ quan thuế cung cấp có sai khác; bổ sung quy định trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan quản lý thuế, các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan; bổ sung kiểm soát rủi ro, chương trình tuân thủ và hiện đại hóa công nghệ trong quản lý thuế.</p>	<p>Các nội dung chính sách tại dự án Luật đã thể chế hóa đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng về chuyển đổi số, hiện đại hóa và ứng dụng công nghệ trong quản lý thuế để nâng cao năng lực và hiệu quả của hoạt động quản lý thuế. Tiếp tục hoàn thiện các quy định về quản lý rủi ro xuyên suốt có hệ thống trong tất cả các nghiệp vụ quản lý thuế; về quản lý đối với chống chuyển giá; hoạt động kinh doanh trên kinh tế số, kinh tế chia sẻ, sản xuất thông minh, giao dịch xuyên biên giới.</p>	
<p><b>2. Nghị quyết số 18/NQ-TW 2017 về sắp xếp tổ chức bộ máy và Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/03/2025 của Bộ chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả:</b></p> <p><b>Nghị quyết số 18/NQ-TW yêu cầu:</b></p> <p>- Đối với một số lĩnh vực được tổ chức theo ngành dọc, như: Thuế, hải quan, kho bạc nhà nước, bảo hiểm xã</p>	<p>Sửa đổi tên gọi của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác; Sửa đổi quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác; Sửa đổi quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan;</p> <p>Tăng cường chức năng kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết: bỏ nội dung về “thanh tra thuế”, tăng cường hiệu lực công tác kiểm tra thuế, bổ sung quy định Kiểm tra lại trong hoạt động kiểm tra thuế, bổ sung quy định về kiểm tra giá chuyển nhượng để bảo đảm cơ sở pháp lý để thực hiện và tăng</p>	<p>Các nội dung chính sách tại dự án Luật đã thể chế hóa đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng để quy định hoạt động của cơ quan thuế các cấp đạt mục tiêu hiệu năng, hiệu quả, tiên tiến, thúc đẩy sự tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý thuế bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp và các nguyên tắc, quy định về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp của Luật Tổ chức</p>	

<p>hội... tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức theo khu vực liên tỉnh hoặc liên huyện để thu gọn đầu mối, tinh giản biên chế. Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng tổ chức bộ máy phù hợp với việc phân cấp ngân sách nhà nước, phát huy vai trò chủ đạo của ngân sách Trung ương và chủ động của ngân sách địa phương.</p> <p><b>Kết luận số 134-KL/TW nêu:</b></p> <p>....Các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành: Không tổ chức thanh tra chuyên ngành mà thực hiện chức năng kiểm tra chuyên ngành và chức năng khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>cường tính kỷ luật trong công tác quản lý thuế; bổ sung quy định về kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí, lệ phí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	<p>Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương.</p>	
<p><b>3. Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa</b></p> <p>Nghị quyết nhấn mạnh việc tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế tư nhân, bao gồm:</p> <p>- Kết nối, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống ngân hàng, thuế và các cơ quan có liên quan, bảo đảm liên thông, chia sẻ dữ liệu về tình hình hoạt động và tài chính của doanh nghiệp, đánh giá tình hình mức độ tín nhiệm và chấm điểm tín dụng của doanh nghiệp từ</p>	<p>Quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh: Bãi bỏ quy định về khoán thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, chuyển sang áp dụng cơ chế tự khai, tự nộp thuế theo phương pháp tính thuế trực tiếp (tỷ lệ % trên doanh thu). Cơ quan thuế kiểm tra rủi ro dựa trên so sánh lĩnh vực kinh doanh/hộ kinh doanh tương tự; Dữ liệu kiểm tra của cơ quan thuế thực địa kết hợp đăng ký hộ kinh doanh, Dữ liệu từ nền tảng bán hàng, sàn TMĐT. Trường hợp hộ kinh doanh vi phạm trong kê khai, nộp thuế, cơ quan thuế thực hiện xử phạt và ấn định thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.</p>	<p>Các nội dung chính sách tại dự án Luật đã thể chế hóa đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng để tiếp tục hoàn thiện các quy định về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sau khi xóa bỏ hình thức khoán thuế; việc trao đổi, cung cấp thông tin của người nộp thuế giữa cơ quan thuế với các cơ quan có liên quan nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý thuế theo hướng hiện đại, góp phần xây dựng chính quyền điện tử, chính phủ số.</p>	

phía các tổ chức tín dụng, các quỹ tài chính và các tổ chức xếp hạng tín dụng thứ ba để tăng cường cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh.

- Cập nhật và chuẩn hoá hệ thống chỉ tiêu, số liệu thống kê, cơ sở dữ liệu về kinh tế tư nhân để phục vụ cho công tác đánh giá, hoạch định chính sách, chiến lược phát triển phù hợp cho từng giai đoạn. Có cơ chế phù hợp chia sẻ hệ thống dữ liệu cho các cơ quan, tổ chức nghiên cứu, tư vấn, phản biện chính sách.

- Chuyển từ nền hành chính công vụ, quản lý là chủ yếu sang phục vụ và kiến tạo phát triển, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; hiện đại hoá quản trị công, quản trị dựa trên dữ liệu. Thực hiện chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.

- Rà soát, hoàn thiện khung khổ pháp lý về kinh doanh cá thể; thu hẹp tối đa sự chênh lệch, tạo mọi điều kiện thuận lợi về tổ chức quản trị và chế độ tài chính, kế toán để khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp. Đẩy mạnh số hoá, minh bạch hoá, đơn giản hoá, dễ tuân thủ, dễ thực hiện đối với chế độ kế toán, thuế, bảo hiểm... để khuyến khích chuyển đổi hộ kinh doanh sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp. Xoá bỏ

<p>hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh chậm nhất trong năm 2026.</p>			
<p><b>4. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng (tháng 02/2021)</b></p> <p>Văn kiện Đại hội XIII tiếp tục nhấn mạnh việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thúc đẩy chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong quản lý thuế để nâng cao hiệu quả và giảm chi phí.</li> </ul> <p>Nghị quyết nhấn mạnh việc xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, hiện đại, hỗ trợ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ trong quản lý thuế để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.</li> </ul>	<p>Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý thuế:</p> <p>(i) cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính về thành phần hồ sơ, quy trình xử lý, thời gian giải quyết, hỗ trợ người nộp thuế trong công tác đăng ký, kê khai, quyết toán, hoàn thuế nhằm giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp. (ii) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử hóa và tự động hóa quy trình giải quyết TTHC, nâng cao tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; (iii) tăng cường liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong và ngoài ngành Thuế; (iv) Nâng cao công tác phối hợp giữa cơ quan thuế và các cơ quan liên quan, nhất là trong các thủ tục liên thông, thủ tục cần xác minh, xác nhận thông tin ... để rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ.</p>	<p>Các nội dung chính sách tại dự án Luật đã thể chế hóa đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng để đơn giản hoá các thủ tục hành chính, rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá thành phần hồ sơ đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, miễn, giảm thuế và thực hiện các giao dịch trong lĩnh vực thuế trên môi trường điện tử phù hợp với thông lệ quốc tế; lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ.</p>	
<p><b>5. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia</b></p> <p>Đề ra nhiệm vụ, giải pháp: <i>Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp,</i></p>	<p>Thực hiện đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý thuế, tạo bước đột phá trong hiện đại hóa và nâng cao hiệu quả quản lý thu NSNN. Trong đó, một số trọng tâm chính sách là: lồng ghép các nội dung về cơ sở dữ liệu người nộp thuế với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tận dụng hạ tầng sẵn có; tổ chức sàn thương mại điện tử, nền tảng số, logistic, trung gian thanh toán phải định kỳ cung cấp thông tin người bán cho cơ quan thuế bằng phương thức điện tử; sử dụng các mã định</p>	<p>Các nội dung chính sách tại dự án Luật đã thể chế hóa đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng về chuyển đổi số, hiện đại hóa và ứng dụng công nghệ trong quản lý thuế để nâng cao năng lực và hiệu quả của hoạt động quản lý thuế. Tái thiết kế quy trình quản lý thuế, tái cấu trúc xây dựng hệ thống công nghệ thông tin nhằm đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, hiệu quả, tích hợp, xử lý dữ liệu tự động, ra quyết định tự động và phù hợp với mô</p>	

<i>hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu (điểm 5 mục III).</i>	đanh do cơ quan nhà nước cấp như mã số thuế; trách nhiệm kết nối, chia sẻ dữ liệu thuế của các Bộ, ngành; trao đổi quyết định cưỡng chế giữa cơ quan thuế và ngân hàng thương mại được thực hiện điện tử, đảm bảo gửi/nhận trong ngày ban hành.	hình tổ chức bộ máy cơ quan thuế các cấp theo hướng tinh gọn để đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường kết nối dữ liệu liên thông giữa các bộ, ngành và chính quyền địa phương.	
---	---	--	--

## 2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách/dự thảo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<b>CHÍNH SÁCH 1: CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG QUẢN LÝ THUẾ</b>			
Bổ sung quy định cơ quan thuế có trách nhiệm sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú và cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân để giải quyết thủ tục hành chính;	<p>- Luật Căn cước năm 2023 (Luật số 26/2023/QH15) Điều 42 quy định: “Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an trong thực hiện khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và tích hợp thông tin vào thẻ căn cước, căn cước điện tử.”</p> <p>- Nghị định số 59/2022/NĐ-CP về định danh và xác thực điện tử Điều 23 quy định: “Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức thực hiện dịch vụ công được xác thực thông tin của chủ thể danh tính điện tử qua cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu</p>	Quy định này thể hiện sự thống nhất với tinh thần chung của các văn bản tại Luật Căn cước 2023, Nghị định 59/2022/NĐ-CP, Nghị định 47/2020/NĐ-CP ở chỗ thúc đẩy việc sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia, dữ liệu số trong hoạt động của cơ quan nhà nước.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<p>chuyên ngành, hệ thống định danh và xác thực điện tử.”</p> <p>- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước</p> <p>Điều 6 quy định:</p> <p>“Cơ quan nhà nước quản lý dữ liệu có trách nhiệm thực hiện các hoạt động quản lý dữ liệu, quản trị dữ liệu và đảm bảo khả năng sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định.”</p>		
Sửa đổi, bổ sung nội dung về cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế trên môi trường điện tử	<p>Luật Giao dịch điện tử 2023 (Luật số 20/2023/QH15)</p> <p>Điều 4. Chính sách phát triển giao dịch điện tử:</p>	Việc quy định cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế và gửi hồ sơ hoàn thuế trên môi trường điện tử hoàn toàn phù hợp với tinh thần chung và các nguyên tắc đã được quy định tại các văn bản pháp luật liên quan:	
Sửa đổi, bổ sung nội dung về việc gửi hồ sơ hoàn thuế điện tử.	<p>“Phát triển giao dịch điện tử toàn diện, toàn trình để thực hiện trọn vẹn từ đầu đến cuối quy trình bằng phương tiện điện tử, thúc đẩy chuyển đổi số; tối ưu hóa quy trình, rút ngắn thời gian xử lý, thuận tiện hơn so với các phương thức giao dịch khác.”</p> <p>Điều 5. Bảo đảm an toàn thông tin mạng và an ninh mạng trong giao dịch điện tử:</p> <p>“Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật về an toàn thông tin mạng, pháp luật về an ninh mạng và quy định khác của pháp luật có liên quan khi thực hiện giao dịch điện tử.”</p>	<p>Việc quy định cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế và gửi hồ sơ hoàn thuế trên môi trường điện tử hoàn toàn phù hợp với tinh thần chung và các nguyên tắc đã được quy định tại các văn bản pháp luật liên quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng bộ với chính sách phát triển giao dịch điện tử toàn diện, toàn trình tại Điều 4 Luật Giao dịch điện tử 2023, nhằm tối ưu hóa quy trình, thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực thuế.</li> <li>- Phù hợp với nguyên tắc tiến hành giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước đã được đặt ra từ Điều 40 Luật Giao dịch điện tử 2005 và tiếp tục được củng cố trong các quy định hiện hành.</li> <li>- Nhất quán với Nghị định số 42/2022/NĐ-CP về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến, trong đó dịch vụ hành chính thuế là một cấu phần quan trọng của dịch vụ công trực tuyến.</li> </ul>	



QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<p>- Luật Giao dịch điện tử 2005 (Luật số 51/2005/QH11): Điều 40. Nguyên tắc tiến hành giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước: “3. Cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ động thực hiện từng phần hoặc toàn bộ giao dịch trong nội bộ cơ quan hoặc với cơ quan khác của Nhà nước bằng phương tiện điện tử.”</p> <p>- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng Điều 23. Bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: “Cơ quan nhà nước tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật để cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng.”</p>		
<b>CHÍNH SÁCH 2: ĐẨY MẠNH PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ</b>			
Bổ sung giao Chính phủ quy định chi tiết và các trường hợp không bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế	<p>Luật Xử lý vi phạm hành chính (số 15/2012/QH13, sửa đổi 2020) Điều 4 quy định rõ: “Căn cứ quy định của Luật này, Chính phủ quy định hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả... và quy chế thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản...” Điều 11 quy định:</p>	Nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết Điều 136 là hợp lý, thống nhất với quy định tại Luật Xử phạt vi phạm hành chính.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<p>“Không xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong tình thế cấp thiết;</li> <li>2. Thực hiện hành vi vi phạm hành chính do phòng vệ chính đáng;</li> <li>3. Thực hiện hành vi vi phạm hành chính do sự kiện bất ngờ;</li> <li>4. Thực hiện hành vi vi phạm hành chính do sự kiện bất khả kháng;</li> <li>5. Người thực hiện hành vi vi phạm hành chính không có năng lực trách nhiệm hành chính; người thực hiện hành vi vi phạm hành chính chưa đủ tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 của Luật này.”</li> </ol>		
Bổ sung giao Chính phủ quy định chi tiết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế	<p>Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi 2020)</p> <p>Khoản 1 Điều 6 quy định chung về thời hiệu xử phạt:</p> <p>“Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm, trừ các trường hợp sau đây: ... Vi phạm hành chính là hành vi trốn thuế, gian lận thuế, nộp chậm tiền thuế, khai thiếu nghĩa vụ thuế thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về thuế”</p>	Dự thảo sửa đổi giao Chính phủ quy định chi tiết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế thống nhất với quy định tại Luật XLVPHC 2012.	
Bổ sung giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết Điều 144 về xử lý hành vi vi phạm của ngân hàng thương mại, người bảo	<p>Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi 2020)</p> <p>Điều 4:</p>	Nội dung dự thảo bổ sung này có tính hợp hiến (về hình thức giao quyền), thống nhất với Luật Xử lý vi phạm hành chính.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<p>lãnh nộp tiền thuế trong lĩnh vực quản lý thuế.</p> <p>Bổ sung quy định giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết về xử lý hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực quản lý thuế.</p> <p>Giao Chính phủ quy định xử phạt bên thứ ba không thực hiện đúng trách nhiệm của bên thứ ba đang có khoản nợ hoặc giữ tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế</p>	<p>“Căn cứ quy định của Luật này, Chính phủ quy định hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả... và quy chế thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh...”</p>		
<b>CHÍNH SÁCH 3: CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA QUẢN LÝ THUẾ</b>			
<p>Bổ sung quy định tiếp nhận, xử lý hồ sơ miễn, giảm thuế qua cơ chế một cửa liên thông, và thông báo kết quả cho người nộp thuế.</p>	<p>- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP – Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính</p> <p>Điều 1: Quy định phạm vi điều chỉnh về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>Điều 2: Xác định đối tượng áp dụng là các cơ quan giải quyết thủ tục hành chính</p> <p>- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP – Về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử</p> <p>Điều 4: Quy định nguyên tắc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, nhấn mạnh việc không yêu cầu tổ chức, cá nhân khai, nộp lại những dữ liệu mà cơ quan thực hiện thủ tục hành chính đang</p>	<p>Trực tiếp tạo cơ sở pháp lý ở cấp Luật cho việc áp dụng cơ chế một cửa liên thông vào thủ tục miễn, giảm thuế, thống nhất với tinh thần và quy định chi tiết tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP (quy định về cơ chế một cửa, một cửa liên thông).</p> <p>Hỗ trợ và thúc đẩy việc thực hiện thủ tục hành chính trong môi trường điện tử, phù hợp với Luật Giao dịch điện tử 2023 và Nghị định số 45/2020/NĐ-CP (quy định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử), do cơ chế một cửa liên thông thường gắn liền với ứng dụng công nghệ thông tin.</p> <p>Việc thông báo kết quả cho người nộp thuế đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của công dân theo tinh thần Luật Tiếp cận thông tin.</p> <p>Việc áp dụng cơ chế một cửa liên thông cũng là một biện pháp kiểm soát thủ tục hành chính, đơn giản hóa quy trình, phù hợp với mục tiêu</p>	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<p>quản lý hoặc đã được cơ quan nhà nước khác sẵn sàng chia sẻ.</p> <p>Điều 5: Xác định quyền, nghĩa vụ và các hành vi không được làm của tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử</p> <p>- Luật Giao dịch điện tử 2023</p> <p>Điều 3: Quy định nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, trong đó nhấn mạnh việc cung cấp thông tin phải chính xác, đầy đủ, kịp thời, minh bạch và thuận lợi cho công dân.</p> <p>- Luật Tiếp cận thông tin 2016 – Luật số 104/2016/QH13</p> <p>Điều 3: Quy định nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, trong đó nhấn mạnh việc cung cấp thông tin phải chính xác, đầy đủ, kịp thời, minh bạch và thuận lợi cho công dân.</p> <p>- Nghị định số 63/2010/NĐ-CP – Về kiểm soát thủ tục hành chính</p> <p>Điều 23: Quy định điều kiện đăng tải thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.</p> <p>Điều 24: Quy định việc nhập dữ liệu thủ tục hành chính đã công bố.</p>	<p>của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP.</p>	
<p>Bổ sung quy định lồng ghép các nội dung về cơ sở dữ liệu người nộp thuế với cơ sở dữ liệu quốc</p>	<p>- Luật Căn cước 2023 (Luật số 26/2023/QH15)</p> <p>Điều 1: Quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước,</p>	<p>Về nguyên tắc, việc lồng ghép cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước (trong đó có quản lý thuế và quản lý dân cư) có thể phù hợp với Hiến pháp, đặc biệt là quyền riêng tư và bí</p>	

<b>QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN</b>	<b>QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN</b>	<b>ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)</b>	<b>ĐỀ XUẤT XỬ LÝ</b>
<p>gia về dân cư, tận dụng hạ tầng sẵn có.</p>	<p>nhằm quản lý thông tin cơ bản về nhân thân, lai lịch, nhân dạng và sinh trắc học của công dân Việt Nam.</p> <p>Điều 4: Xác định nguyên tắc quản lý và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời và bảo mật thông tin cá nhân.</p> <p>- Luật Giao dịch điện tử 2023 (Luật số 20/2023/QH15)</p> <p>Điều 4: Quy định chính sách phát triển giao dịch điện tử, khuyến khích việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước để nâng cao hiệu quả quản lý và phục vụ người dân.</p> <p>Điều 7: Xác định hình thức thể hiện của thông điệp dữ liệu, bao gồm văn bản điện tử, tài liệu điện tử, chứng thư điện tử, v.v.</p> <p>Điều 8: Khẳng định giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, không bị phủ nhận chỉ vì thông tin đó được thể hiện dưới dạng điện tử.</p>	<p>mật cá nhân (Điều 21) nếu việc thực hiện được quy định cụ thể bằng luật và đảm bảo an ninh, an toàn thông tin, cũng như giới hạn mục đích sử dụng dữ liệu. Nội dung dự thảo sửa đổi được đưa vào Luật (văn bản có hiệu lực pháp lý cao) đáp ứng yêu cầu phải *quy định bằng luật* khi liên quan đến thông tin cá nhân, nhưng tính hợp hiến phụ thuộc vào việc các quy định chi tiết sau đó có đảm bảo đầy đủ quyền riêng tư và an ninh dữ liệu theo tinh thần Hiến pháp hay không.</p> <p>Với Luật Căn cước: Việc lồng ghép CSDL người nộp thuế với CSDL quốc gia về dân cư phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của Luật Căn cước về việc thu thập, lưu trữ, chia sẻ và sử dụng thông tin trong CSDL quốc gia về dân cư. Luật Quản lý thuế không được quy định việc truy cập, sử dụng CSDL này trái với các nguyên tắc, điều kiện do Luật Căn cước quy định.</p> <p>* Với Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân: Đây là văn bản cực kỳ quan trọng. Việc lồng ghép, xử lý dữ liệu cá nhân của người nộp thuế và dân cư bắt buộc phải tuân thủ các nguyên tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân (tính hợp pháp, mục đích xác định, giới hạn phạm vi, chất lượng dữ liệu, bảo mật, quyền của chủ thể dữ liệu...) và các quy định cụ thể về xử lý dữ liệu cá nhân nhạy cảm (nếu có) hoặc xử lý dữ liệu mà không cần sự đồng ý (phải thuộc các trường hợp ngoại lệ được Nghị định cho phép và đảm bảo mục đích công vụ). Luật Quản lý thuế cần quy định cụ thể về mục</p>	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		<p>đích, phạm vi sử dụng dữ liệu sau lồng ghép để đảm bảo tuân thủ Nghị định này.</p> <p>* Với Luật An toàn thông tin mạng: Việc kết nối, lồng ghép hai hệ thống CSDL quốc gia phải đáp ứng các yêu cầu cao về an toàn thông tin mạng theo quy định của Luật này và các văn bản hướng dẫn. Rủi ro về an ninh mạng tăng lên khi kết nối dữ liệu, cần có quy định rõ ràng về biện pháp bảo vệ.</p> <p>* Với Luật Giao dịch điện tử, Luật Công nghệ thông tin: Việc tận dụng hạ tầng sẵn có và thực hiện lồng ghép CSDL phù hợp với tinh thần chung về phát triển chính phủ điện tử, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước được quy định trong các luật này, với điều kiện phải đảm bảo an toàn, bảo mật và tính xác thực của dữ liệu.</p> <p>* Vị trí, vai trò của Luật Quản lý thuế: Luật Quản lý thuế là luật chuyên ngành về lĩnh vực thuế. Khi sửa đổi, bổ sung liên quan đến việc sử dụng dữ liệu từ CSDL khác (CSDL quốc gia về dân cư, được điều chỉnh bởi Luật Căn cước) và xử lý dữ liệu cá nhân (được điều chỉnh bởi Nghị định 13/2023/NĐ-CP), Luật Quản lý thuế phải đảm bảo tính thống nhất và không được trái với các quy định của Luật Căn cước và tinh thần, nguyên tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân của Nghị định 13/2023/NĐ-CP (mặc dù Nghị định có hiệu lực pháp lý thấp hơn Luật, nhưng các nguyên tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân mang tính nền tảng và được cụ thể hóa từ Hiến pháp và các cam kết quốc tế, cần được tôn trọng trong mọi văn bản pháp luật liên quan).</p>	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		Nội dung bổ sung cần quy định rõ ràng, minh bạch về mục đích, phạm vi, đối tượng, cách thức lồng ghép và sử dụng dữ liệu để đảm bảo tính hợp pháp và thống nhất trong hệ thống pháp luật.	
Bổ sung quy định về tổ chức sàn thương mại điện tử, nền tảng số, logistic, trung gian thanh toán phải định kỳ cung cấp thông tin người bán cho cơ quan thuế bằng phương thức điện tử, trừ trường hợp đã khấu trừ, nộp thuế thay.	<p>- Luật Giao dịch điện tử 2023 (Luật số 20/2023/QH15) Điều 7: Quy định hình thức thể hiện của thông điệp dữ liệu, bao gồm văn bản điện tử, tài liệu điện tử, chứng thư điện tử, chứng từ điện tử, hợp đồng điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và hình thức trao đổi dữ liệu điện tử khác theo quy định của pháp luật. Điều 8: Xác định giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, khẳng định rằng thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì được thể hiện dưới dạng điện tử.</p> <p>- Luật An ninh mạng 2018 (Luật số 24/2018/QH14) Điều 26: Quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc lưu trữ dữ liệu và cung cấp thông tin cho cơ quan chức năng khi có yêu cầu phục vụ công tác điều tra, xử lý vi phạm pháp luật về an ninh mạng</p> <p>- Nghị định số 85/2021/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử) Quy định, sàn giao dịch thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến phải chỉ định đầu mối tiếp nhận yêu cầu và cung</p>	Đề xuất bổ sung một khoản mới tại Điều 98 yêu cầu các sàn thương mại điện tử, nền tảng số, logistic, và trung gian thanh toán định kỳ cung cấp thông tin người bán cho cơ quan thuế bằng phương thức điện tử (trừ trường hợp đã khấu trừ, nộp thuế thay) là hoàn toàn phù hợp và thống nhất với các quy định pháp luật hiện hành. Việc này không chỉ tăng cường hiệu quả quản lý thuế mà còn đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin mạng.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	cấp thông tin trực tuyến cho cơ quan quản lý nhà nước về các đối tượng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; đầu mỗi ngày sẽ cung cấp thông tin trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận yêu cầu để kịp thời phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo.		
Sửa đổi, bổ sung nội dung về việc sử dụng các mã định danh do cơ quan nhà nước cấp như mã số thuế.	<p>- Luật Căn cước 2023 (Luật số 26/2023/QH15) Điều 12: Quy định số định danh cá nhân của công dân Việt Nam là dãy số tự nhiên gồm 12 chữ số do Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư xác lập, không lặp lại ở người khác.</p> <p>- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP về định danh và xác thực điện tử Điều 1: Quy định chi tiết về danh tính điện tử; cấp, quản lý, sử dụng tài khoản định danh điện tử; cập nhật, lưu trữ thông tin trong hệ thống định danh và xác thực điện tử.</p> <p>- Điều 17: Quy định lưu trữ thông tin trong hệ thống định danh và xác thực điện tử, bao gồm thông tin lịch sử truy cập của tài khoản định danh điện tử.</p>	Nội dung sửa đổi có tính thống nhất cao với tinh thần và quy định của Luật Căn cước 2023. Luật Căn cước đã xác lập số định danh cá nhân là mã định danh duy nhất cho công dân. Việc Luật Quản lý thuế quy định sử dụng các mã định danh này (như số định danh cá nhân) cho mục đích quản lý thuế là sự cụ thể hóa, tích hợp hệ thống quản lý thuế vào hệ thống định danh quốc gia chung. Điều này phù hợp với xu hướng cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục và tăng cường liên thông dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước, được định hướng và hỗ trợ bởi các văn bản như Nghị định 69/2024/NĐ-CP về định danh và xác thực điện tử. Việc sửa đổi này là cần thiết để đảm bảo sự đồng bộ trong hệ thống pháp luật và quản lý nhà nước.	
Sửa đổi, bổ sung nội dung về trách nhiệm kết nối, chia sẻ dữ liệu thuế của các Bộ, ngành.	<p>- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước Điều 6. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu:</p>	Nội dung sửa đổi bổ sung tại Luật Quản lý thuế tạo cơ sở pháp lý vững chắc, thống nhất với tinh thần đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước được quy định	



QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<p>“Cơ quan nhà nước quản lý dữ liệu có trách nhiệm thực hiện các hoạt động quản lý dữ liệu, quản trị dữ liệu và đảm bảo khả năng sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định.”</p> <p>Điều 7. Yêu cầu trong việc quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu:</p> <p>“Cơ quan nhà nước thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu phải thực hiện, tuân thủ các yêu cầu sau:... Tuân thủ các quy định, hướng dẫn kỹ thuật về trao đổi dữ liệu, về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước và các nguyên tắc được quy định tại Điều 5 của Nghị định này.”</p> <p>- Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân</p> <p>Điều 36. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:</p> <p>“Thực hiện quản lý nhà nước đối với bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.”</p>	<p>chi tiết tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP. Việc thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu thuế phải tuân thủ các yêu cầu về kỹ thuật, quy tắc chia sẻ tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP và đặc biệt phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân theo Nghị định số 13/2023/NĐ-CP, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.</p>	
<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung về quy định đăng ký thuế lần đầu thực hiện hoàn toàn điện tử qua các công dịch vụ công và thanh toán.</p> <p>Sửa đổi, bổ sung nội dung về cấp giấy đăng ký thuế thực hiện hoàn toàn điện tử qua công dịch vụ công và hệ thống thanh toán kết nối.</p>	<p>Luật Giao dịch điện tử 2023 (Luật số 20/2023/QH15)</p> <p>Điều 4. Chính sách phát triển giao dịch điện tử:</p> <p>“Phát triển giao dịch điện tử toàn diện, toàn trình để thực hiện trọn vẹn từ đầu đến cuối quy trình bằng phương tiện điện tử, thúc đẩy chuyển đổi số; tối ưu hóa quy trình, rút ngắn thời gian xử lý, thuận tiện</p>	<p>Dự thảo sửa đổi phù hợp với xu hướng chuyển đổi số quốc gia và xây dựng Chính phủ số, cụ thể hóa tinh thần của Luật Giao dịch điện tử 2005 (khoản 3 Điều 40 cho phép cơ quan nhà nước thực hiện toàn bộ giao dịch điện tử) và Nghị định số 42/2022/NĐ-CP (quy định về cung cấp dịch vụ công trực tuyến). Các văn bản liên quan tạo nền tảng và định hướng pháp</p>	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Sửa đổi, bổ sung nội dung về hình thức nộp hồ sơ khai thuế và trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc tiếp nhận hồ sơ khai thuế.	<p>hơn so với các phương thức giao dịch khác.”</p> <p>Điều 5. Bảo đảm an toàn thông tin mạng và an ninh mạng trong giao dịch điện tử:</p> <p>“Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật về an toàn thông tin mạng, pháp luật về an ninh mạng và quy định khác của pháp luật có liên quan khi thực hiện giao dịch điện tử.”</p> <p>- Luật Giao dịch điện tử 2005 (Luật số 51/2005/QH11):</p> <p>Điều 40. Nguyên tắc tiến hành giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước:</p> <p>“3. Cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ động thực hiện từng phần hoặc toàn bộ giao dịch trong nội bộ cơ quan hoặc với cơ quan khác của Nhà nước bằng phương tiện điện tử.”</p> <p>- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng</p> <p>Điều 23. Bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật:</p> <p>“Cơ quan nhà nước tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật để cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng.”</p>	<p>lý cho việc phát triển giao dịch điện tử trong cơ quan nhà nước.</p> <p>Các nội dung sửa đổi, bổ sung trong dự thảo về điện tử hóa các thủ tục hành chính thuế thể hiện tính thống nhất với chủ trương chung của Nhà nước và tạo cơ sở pháp lý cao hơn cho việc triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp quản lý thuế hiện đại dựa trên công nghệ thông tin.</p>	
Sửa đổi, bổ sung nội dung về hình thức nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu.			
Sửa đổi, bổ sung nội dung về trách nhiệm của người nộp thuế trong việc gửi hồ sơ hoàn thuế điện tử qua cổng giao dịch điện tử của cơ quan quản lý thuế.			
Sửa đổi, bổ sung nội dung về phản hồi thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế thông qua cổng giao dịch điện tử.			
Sửa đổi, bổ sung nội dung cho phép hệ thống ứng dụng của cơ quan thuế quyết định hoàn thuế tự động thay cho thủ trưởng cơ quan thuế.			
Sửa đổi, bổ sung nội dung về trách nhiệm của người nộp thuế trong việc gửi hồ sơ miễn, giảm thuế điện tử qua cổng giao dịch điện tử của cơ quan quản lý thuế.			
Sửa đổi, bổ sung nội dung về tổ chức cấp chứng từ điện tử cho người nộp thuế phải kết nối chuyên dữ liệu chứng từ điện tử cho cơ quan thuế.			

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Sửa đổi, bổ sung nội dung về việc trao đổi quyết định cưỡng chế giữa cơ quan thuế và ngân hàng thương mại được thực hiện điện tử, đảm bảo gửi/nhận trong ngày ban hành.			
<b>CHÍNH SÁCH 4: QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH</b>			
Bãi bỏ hoàn toàn cơ chế thu thuế khoán đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, chuyển sang áp dụng cơ chế tự khai, tự nộp thuế	<p>- Luật Kế toán 2015 Điều 2. Đối tượng áp dụng: <i>“Luật này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.”</i></p> <p>Thông tư số 88/2021/TT-BTC ngày 11/10/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho cá hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh: Điều 2. Đối tượng áp dụng: <i>“1. Đối tượng áp dụng Thông tư này là các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai theo quy định của pháp luật về thuế”</i></p> <p>- Luật Thuế giá trị gia tăng: Quy định về đối tượng chịu thuế và phương pháp tính thuế</p> <p>- Luật Thuế thu nhập cá nhân: Quy định về thu nhập chịu thuế và phương pháp tính thuế</p>	<p>Thống nhất với tinh thần của các văn bản liên quan, cụ thể</p> <p>* Hỗ trợ tinh thần của Luật Kế toán (thúc đẩy ghi chép hoạt động kinh doanh làm cơ sở xác định nghĩa vụ thuế).</p> <p>* Phù hợp với sự tồn tại của Thông tư 88/2021/TT-BTC (đã có hướng dẫn kế toán cho hộ kinh doanh kê khai, đề xuất này mở rộng đối tượng áp dụng phương pháp kê khai).</p> <p>* Giúp áp dụng chính xác hơn các quy định về đối tượng, căn cứ tính thuế của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế thu nhập cá nhân (dựa trên doanh thu/thu nhập thực tế thay vì ước tính như thuế khoán).</p>	
<b>CHÍNH SÁCH 5: TĂNG CƯỜNG CHỨC NĂNG KIỂM TRA THUẾ, KIỂM TRA GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT</b>			
Bãi bỏ các quy định về thanh tra thuế tại Luật QLT năm 2019.	Tại Điều 63 dự thảo Luật Thanh tra (sửa đổi):	Luật Thanh tra là luật chung điều chỉnh hoạt động thanh tra trong hệ thống nhà nước. Luật	

<b>QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN</b>	<b>QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN</b>	<b>ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)</b>	<b>ĐỀ XUẤT XỬ LÝ</b>
<p>Tăng cường chức năng kiểm tra, bổ sung kiểm tra giá giao dịch liên kết</p>	<p>“Điều 63. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong công tác kiểm tra</p> <p>1. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước phải thường xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý; việc chấp hành chính sách, pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý nhà nước.</p> <p>Hoạt động kiểm tra thực hiện theo quy định của Luật chuyên ngành, quy định của Chính phủ; trường hợp chưa được quy định thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quy định về hoạt động kiểm tra trong ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của mình.</p> <p>2. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện vi phạm thì áp dụng hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp theo quy định của pháp luật để xử lý kịp thời hành vi vi phạm; trường hợp cần thiết thì yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành thanh tra; nếu có dấu hiệu tội phạm thì kiến nghị khởi tố và chuyển hồ sơ vụ việc, tài liệu có liên quan đến cơ quan điều tra để xem xét, quyết định việc khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Căn cứ vào quy định của Luật này và quy định của pháp luật có liên quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thủ trưởng cơ quan khác của Nhà nước, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tổ</p>	<p>QLT là luật chuyên ngành điều chỉnh hoạt động quản lý thuế. Việc bãi bỏ chức năng thanh tra thuế trong Luật QLT đảm bảo tính thống nhất với khuôn khổ chung về hoạt động thanh tra và kiểm tra của nhà nước. Dựa trên đoạn trích Điều 63 dự thảo Luật Thanh tra (sửa đổi) và Kết luận số 134, việc bỏ quy định về thanh tra thuế do cơ quan thuế thực hiện là phù hợp. Việc tăng cường chức năng kiểm tra, bổ sung kiểm tra giá giao dịch liên kết là hoàn toàn thống nhất với dự thảo Luật Thanh tra sửa đổi.</p>	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	chức, chỉ đạo công tác kiểm tra trong cơ quan, đơn vị mình.”		
<b>CHÍNH SÁCH 6: HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH CHUNG TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ</b>			
Sửa đổi tên gọi của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác để phù hợp sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy	<p>- Báo cáo số 219/BC-BNV ngày 11/01/2025: Báo cáo của Bộ Nội vụ về phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ.</p> <p>- Kết luận của Bộ Chính trị tại Văn bản số 13038-CV/VPTW ngày 10/01/2025: Về phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ.</p> <p>Nghị quyết số 190/2025/QH15 Khoản 1 Điều 3 quy định: “Khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, tên gọi của cơ quan, chức danh có thẩm quyền đã quy định tại các văn bản được chuyển đổi theo tên gọi của cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đó.”</p> <p>Khoản 1 Điều 8 quy định: “Các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước dẫn đến thay đổi tên gọi nhưng không thay đổi về nhiệm vụ, quyền hạn thì được giữ nguyên thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.”</p>	Đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Việc cập nhật tên cơ quan trong Luật Quản lý thuế giúp Luật này đồng bộ với tên gọi thực tế của các cơ quan sau khi sắp xếp, phù hợp với tinh thần và mục tiêu của các văn bản chỉ đạo liên quan về sắp xếp bộ máy nhà nước, tránh sự vênh lệch giữa văn bản luật và thực tế tổ chức hành chính.	
Sửa đổi, bổ sung các quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác	<p>- Luật Thuế Giá trị Gia tăng số 48/2024/QH15</p> <p>Điều 5. Người nộp thuế:</p>	Các đề xuất sửa đổi, bổ sung tại Luật Quản lý thuế như nêu trên là phù hợp và thống nhất với các quy định hiện hành trong Luật Thuế	

<b>QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN</b>	<b>QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN</b>	<b>ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)</b>	<b>ĐỀ XUẤT XỬ LÝ</b>
<p>đề phù hợp sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy mới: Bỏ nội dung về “thanh tra thuế” và bổ sung “kiểm tra giá giao dịch liên kết”; Bổ sung nội dung “Quản lý tuân thủ”; Sửa đổi, bổ sung quy định Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm bồi dưỡng, tập huấn chính sách thuế, quản lý thuế và quy trình nghiệp vụ cho đội ngũ công chức quản lý thuế; Sửa đổi, bổ sung quy định thẩm quyền quyết định hoàn thuế thủ trưởng cơ quan quản lý thuế Bỏ các nội dung quy định về thanh tra thuế.</p>	<p>“Người nộp thuế giá trị gia tăng là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng tại Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh (sau đây gọi chung là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân khác nhập khẩu hàng hóa, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế giá trị gia tăng.”</p> <p>...</p> <p>“Tổ chức, cá nhân tại Việt Nam mua dịch vụ của tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có trách nhiệm khấu trừ, nộp thay thuế giá trị gia tăng.”</p> <p>- Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 04/2007/QH12 Điều 25. Khấu trừ thuế: <del>“Tổ chức, cá nhân trả thu nhập có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân trước khi trả thu nhập cho người nộp thuế.”</del></p> <p>..</p> <p>“Tổ chức, cá nhân trả thu nhập có trách nhiệm nộp số thuế đã khấu trừ vào ngân sách nhà nước.”</p> <p>- Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 Điều 6. Người nộp phí, lệ phí: <del>“Người nộp phí, lệ phí là tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.”</del></p>	<p>GTGT, Luật Thuế TNCN, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Phí và Lệ phí, và Luật Ngân sách Nhà nước. Việc bổ sung và sắp xếp lại các quy định này sẽ góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về thuế, đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng và hiệu quả trong công tác quản lý thuế.</p>	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<p>- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 Điều 43. Xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị: <del>theo</del> “Việc bán tài sản công phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và pháp luật có liên quan.” “Số tiền thu được từ bán tài sản công phải nộp vào ngân sách nhà nước.”</p> <p>- Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 Điều 3. Nguồn thu ngân sách nhà nước: “Nguồn thu ngân sách nhà nước bao gồm: ... tiền thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.”</p>		
<p>Sắp xếp lại quy định khoản thu “Tiền sử dụng khu vực biển để nhận chìm theo quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo” là khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu; Bổ sung quy định “Tiền cấp quyền sử dụng tần vô tuyến điện”; Bỏ cụm từ “thuế mặt nước”; bỏ cụm từ “trong lĩnh vực thuế và hải quan”, bổ sung cụm từ “do cơ quan quản lý thuế thực hiện xử lý vi phạm”.</p>	<p>- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo 2015 quy định: Điều 57: Việc nhận chìm ở biển chỉ được thực hiện khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định của Luật này. Nội dung Giấy phép nhận chìm ở biển: Tổ chức, cá nhân được cấp phép phải nộp lệ phí cấp phép và tiền sử dụng khu vực biển để nhận chìm theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Luật Ngân sách nhà nước 2015 quy định: Điều 3: Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước.</p>	<p>1. Việc sắp xếp lại khoản thu “Tiền sử dụng khu vực biển để nhận chìm...” và bổ sung “Tiền cấp quyền sử dụng tần vô tuyến điện” vào danh mục các khoản thu do cơ quan quản lý thuế quản lý tại Điều 3 là thống nhất với tinh thần chung của Luật Ngân sách nhà nước (tổng hợp các khoản thu) và phù hợp với quy định tại Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo 2015, Luật Tần số vô tuyến điện sửa đổi 2022 (quy định sự tồn tại của các khoản thu này). Điều này thể hiện vai trò của Luật Quản lý thuế là văn bản pháp luật ở cấp độ cao, có nhiệm vụ quy định cơ chế, thẩm quyền quản lý thu đối với các khoản thu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đảm bảo quản lý thu tập trung, thống nhất.</p>	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<p>- Luật Tần số vô tuyến điện sửa đổi 2022 quy định: Điều 31: Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện phải nộp phí sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.</p> <p>- Luật Đất đai 2024 quy định: Điều 120: Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm hoặc thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.</p> <p>- Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 quy định: Điều 52: Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được xác định theo lĩnh vực quản lý nhà nước và chức danh của người có thẩm quyền.</p>	<p>2. Việc bỏ cụm từ “thuê mặt nước” tại điểm c khoản 2 Điều 3 cần đảm bảo tính thống nhất với Luật Đất đai 2024. Luật Đất đai 2024 chỉ đề cập “thuê đất” tại Điều 120, không còn cụm từ “thuê mặt nước”.</p> <p>Việc bỏ cụm từ “trong lĩnh vực thuế và hải quan”, bổ sung cụm từ “do cơ quan quản lý thuế thực hiện xử lý vi phạm” đối với thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính là phù hợp với vai trò là luật quản lý thủ tục. Thay đổi này đảm bảo tính thống nhất với tinh thần chung của Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (xác định thẩm quyền theo lĩnh vực và chức danh quản lý nhà nước) và cho phép cơ quan quản lý thuế xử lý vi phạm không chỉ trong lĩnh vực thuế, hải quan truyền thống mà còn đối với các hành vi vi phạm liên quan đến quản lý thu các khoản “thu khác” được giao theo quy định của pháp luật, tăng cường tính đồng bộ trong quản lý và xử lý vi phạm hành chính về thu ngân sách nhà nước.</p>	
Bổ sung quy định “Tỷ giá giao dịch thực tế thực hiện theo pháp luật về kế toán”	<p>- Thông tư 200/2014/TT-BTC (Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp lớn) Thông tư này quy định chi tiết về việc áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế trong kế toán: Tại khoản 1.5 Điều 69: Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán.</p>	<p>Việc dẫn chiếu đến pháp luật về kế toán (bao gồm Luật Kế toán, Thông tư hướng dẫn) để xác định tỷ giá giao dịch thực tế thể hiện chủ trương liên thông, thống nhất giữa cơ sở dữ liệu kế toán và cơ sở tính thuế. Điều này giúp doanh nghiệp giảm thiểu sự khác biệt trong việc ghi nhận và sử dụng tỷ giá, tạo thuận lợi cho công tác quản lý của cả doanh nghiệp và cơ quan thuế.</p>	



QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<p>Tại khoản 1.6 Điều 69: Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính là tỷ giá mua hoặc bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.</p> <p>- Thông tư 133/2016/TT-BTC (Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa) Thông tư này cũng quy định về việc sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế:</p> <p>Tại khoản 1.4 Điều 52: Doanh nghiệp áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ.</p> <p>- Tại khoản 1.5 Điều 52: Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư ngoại tệ theo tỷ giá chuyển khoản trung bình cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên giao dịch.</p>		
<p>Bổ sung quy định tham chiếu đến cách tính thời hạn, thời hiệu của Bộ luật Dân sự trong trường hợp ngày cuối cùng của các thời hạn, thời hiệu là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ để tránh nhầm lẫn, đảm bảo quyền lợi của người nộp thuế.</p>	<p>- Bộ luật Dân sự 2015 Khoản 5 Điều 148. Kết thúc thời hạn “Khi ngày cuối cùng của thời hạn là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì thời hạn kết thúc tại thời điểm kết thúc ngày làm việc tiếp theo ngày nghỉ đó.”</p> <p>- Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi, bổ sung 2020) Khoản 1 Điều 8. Cách tính thời gian, thời hạn, thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính</p>	<p>Quy định này tăng cường tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. BLDS là luật chung, nền tảng về các quan hệ dân sự, bao gồm cả cách tính thời gian. Luật Xử lý vi phạm hành chính (điều chỉnh các thủ tục hành chính có liên quan) cũng đã tham chiếu BLDS cho cách tính thời hạn, thời hiệu. Việc Luật Quản lý thuế (một luật có vị trí pháp lý quan trọng trong lĩnh vực hành chính nhà nước, điều chỉnh quan hệ giữa Nhà nước và người nộp thuế) tham chiếu tương tự tạo sự hài hòa, minh bạch giữa các văn bản quy phạm pháp luật, giúp người dân và doanh nghiệp (người nộp</p>	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	“Cách tính thời hạn, thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính được áp dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp trong Luật này có quy định cụ thể thời gian theo ngày làm việc.	thuế) dễ dàng tiếp cận, tuân thủ và bảo vệ quyền lợi của mình. Nội dung dự thảo sửa đổi này hoàn toàn phù hợp với tinh thần chung của các văn bản pháp luật liên quan	
Bổ sung quy định về việc ủy quyền cho cá nhân khác khai thuế thay, nộp thuế thay theo quy định của pháp luật thuế, quản lý thuế và pháp luật về hải quan	<p>- Bộ luật Dân sự 2015 Điều 138. Đại diện theo ủy quyền quy định: “Cá nhân, pháp nhân có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác xác lập, thực hiện giao dịch dân sự.”</p> <p>- Luật Giao dịch điện tử 2023 Điều 17. Người trung gian quy định: “Người trung gian là cơ quan, tổ chức, cá nhân đại diện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc gửi, nhận hoặc lưu trữ thông điệp dữ liệu hoặc cung cấp dịch vụ khác liên quan đến thông điệp dữ liệu đó.”</p>	<p>Nội dung dự thảo phù hợp với tinh thần chung về quyền được đại diện theo ủy quyền của cá nhân, pháp nhân đã được ghi nhận là nguyên tắc nền tảng tại Bộ luật Dân sự 2015 (Điều 138). Việc ủy quyền trong giao dịch dân sự đã được pháp luật dân sự thừa nhận rộng rãi.</p> <p>* Phù hợp với tinh thần của Luật Giao dịch điện tử 2023 (Điều 17) khi công nhận vai trò người trung gian/đại diện trong việc thực hiện các giao dịch điện tử, bao gồm cả gửi/nhận thông điệp dữ liệu (có thể liên quan đến khai thuế điện tử).</p>	
+ Bổ sung quy định trách nhiệm nộp thuế và tiền chậm nộp của người nộp thuế khi sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế, không chịu thuế đúng mục đích đã khai báo	<p>- Nghị định 134/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 18/2021/NĐ-CP) Điều 31. Trách nhiệm của người nộp thuế đối với hàng hóa nhập khẩu miễn thuế “Người nộp thuế có trách nhiệm sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế đúng mục đích đã khai báo; nếu sử dụng sai mục đích thì phải kê khai, nộp đủ số tiền thuế đã được miễn và tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.”</p>	<p>Nội dung dự thảo hoàn toàn thống nhất và cung cấp cơ sở pháp lý ở cấp Luật cho các quy định chi tiết đã có trong các Nghị định hướng dẫn.</p> <p>* Nghị định 134/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung) Điều 31 đã quy định rõ trách nhiệm này của người nộp thuế và yêu cầu nộp lại số thuế đã miễn cùng tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Việc bổ sung vào Luật QLT chính là thực hiện và làm rõ cơ sở pháp lý ở cấp cao hơn cho yêu cầu “theo quy</p>	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<p>- Nghị định 08/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 59/2018/NĐ-CP)</p> <p>Điều 25. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa thay đổi mục đích sử dụng</p> <p>“Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn thuế, không chịu thuế nhưng sau đó thay đổi mục đích sử dụng thì người nộp thuế phải đăng ký tờ khai hải quan mới và nộp thuế theo quy định.”</p>	<p>định của pháp luật về quản lý thuế” tại Nghị định này.</p> <p>* Nghị định 08/2015/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung) Điều 25 cũng quy định nghĩa vụ nộp thuế khi thay đổi mục đích sử dụng hàng hóa nhập khẩu được miễn/không chịu thuế, phù hợp với nguyên tắc chung mà dự thảo Luật QLT.</p>	
Sửa đổi cụm từ “ngân hàng thương mại” thành “tổ chức tín dụng”	<p>Luật Các tổ chức tín dụng 2024 (Luật số 32/2024/QH15)</p> <p>Điều 4. Giải thích từ ngữ</p> <p>“Tổ chức tín dụng là doanh nghiệp thực hiện một hoặc nhiều hoạt động ngân hàng như nhận tiền gửi, cấp tín dụng, cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản, và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.”</p>	<p>Dự thảo sửa đổi đảm bảo sự thống nhất giữa Luật Quản lý thuế và Luật Các tổ chức tín dụng 2024 bằng cách sử dụng thuật ngữ “tổ chức tín dụng”, là khái niệm rộng hơn và bao hàm “ngân hàng thương mại” theo định nghĩa tại Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng 2024. Điều này không chỉ đồng bộ về thuật ngữ mà còn mở rộng phạm vi áp dụng các quy định liên quan của Luật Quản lý thuế tới các loại hình tổ chức tín dụng khác</p>	
Sửa đổi, bổ sung về trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý thuế của các tổ chức có liên quan.	<p>- Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2016</p> <p>Khoản 4 Điều 3 quy định:</p> <p>“Người được ủy quyền, bảo lãnh và nộp thuế thay cho người nộp thuế bao gồm:</p> <p>Đại lý làm thủ tục hải quan trong trường hợp được người nộp thuế ủy quyền nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;</p> <p>Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế trong trường hợp nộp thuế thay cho người nộp thuế;</p>	<p>Nội dung dự thảo về nguyên tắc là hợp hiến, hợp pháp và thống nhất với hệ thống pháp luật, đặc biệt với vai trò là luật gốc về quản lý thuế. Việc bổ sung này là cần thiết để nâng cao hiệu quả quản lý thuế trong bối cảnh hiện đại cần chia sẻ thông tin.</p>	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<p>Người khác được ủy quyền nộp thuế thay cho người nộp thuế theo quy định của pháp luật.”</p> <p>- Luật Hải quan 2014 Khoản 3 Điều 5 quy định: “Người khai hải quan là đại lý làm thủ tục hải quan, người khác được chủ hàng hóa, chủ phương tiện vận tải ủy quyền thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 2 Điều này trong phạm vi được ủy quyền.”</p>		
<p>Sửa đổi, bổ sung các đối tượng phải đăng ký thuế, nguyên tắc cấp mã số thuế. Bổ sung trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý thuế của các tổ chức có liên quan</p>	<p>- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ Điều 8. Mã số doanh nghiệp quy định: “1. Mỗi doanh nghiệp được cấp một mã số doanh nghiệp duy nhất. Mã số doanh nghiệp đồng thời là mã số thuế và mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp.”</p> <p>- Luật Hợp tác xã 2023 Điều 46. Mã số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định: “1. Mã số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tạo bởi hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh, cấp cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi thành lập.”</p> <p>- Luật Căn cước 2023 Điều 12. Số định danh cá nhân quy định:</p>	<p>Nội dung dự thảo Điều 30 thể hiện tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất, đặc biệt là sự tích hợp mạnh mẽ với Luật Căn cước và cơ chế liên thông với đăng ký kinh doanh, đảm bảo vị trí làm luật gốc cho công tác quản lý mã số thuế.</p>	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<p>“1. Số định danh cá nhân là dãy số tự nhiên gồm 12 chữ số, được cấp cho mỗi công dân Việt Nam, không trùng lặp với người khác.</p>		
<p>Sửa đổi, bổ sung quy định: loại trừ trường hợp người nộp thuế đang bị cơ quan thuế ra thông báo không hoạt động tại địa chỉ đăng ký.</p>	<p>- Khoản 1 Điều 56 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 quy định: “Điều 56. Trình tự, thủ tục hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã</p> <p>1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đồng thời khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện xác định hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;</p> <p>b) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản của cơ quan quản lý thuế đề nghị khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã do cưỡng chế nợ thuế.”</p> <p>- Nghị định 01/2021/NĐ-CP – Đăng ký doanh nghiệp: “Điều 76. Khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sau khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng</p>	<p>Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều 40 có tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất với tinh thần chung của hệ thống pháp luật, đặc biệt là các quy định liên quan tại Nghị định 01/2021/NĐ-CP và Nghị định 92/2024/NĐ-CP, đồng thời thể hiện vai trò quản lý đặc thù của cơ quan thuế đối với mã số thuế thông qua điều kiện ngoại lệ dựa trên tình trạng hoạt động thực tế (NNT không hoạt động tại địa chỉ đăng ký).</p>	

<b>QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN</b>	<b>QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN</b>	<b>ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)</b>	<b>ĐỀ XUẤT XỬ LÝ</b>
	<p>nhận đăng ký doanh nghiệp và đồng thời khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong các trường hợp sau:</p> <p>Phòng Đăng ký kinh doanh xác định doanh nghiệp không thuộc trường hợp phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được văn bản của cơ quan quản lý thuế đề nghị khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sau khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cưỡng chế nợ thuế, trong trường hợp doanh nghiệp chưa chuyển sang tình trạng pháp lý đã giải thể trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.”</p>		
<p>Sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của Tổ chức, cá nhân thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho người nộp thuế.</p>	<p>- Luật Thuế thu nhập cá nhân Điều 25 quy định về khấu trừ thuế tại nguồn: “Tổ chức, cá nhân trả thu nhập có trách nhiệm khấu trừ thuế trước khi trả thu nhập cho người nộp thuế.”</p> <p>- Bộ luật Dân sự Điều 562 quy định về hợp đồng ủy quyền: “Hợp đồng ủy quyền là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc nhân danh bên ủy quyền.”</p>	<p>Việc sửa đổi, bổ sung này nhằm hệ thống hóa, làm rõ và tăng cường hiệu quả quản lý thuế thông qua việc quy định cụ thể trách nhiệm của các bên liên quan ngoài người nộp thuế trực tiếp, phù hợp với nguyên tắc quản lý thuế hiện đại và các quy định pháp luật đã có.</p>	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Bổ sung trách nhiệm của các cơ quan/tổ chức có liên quan trong việc cung cấp dữ liệu, thông tin ngành nghề có liên quan đến người nộp thuế bị ấn định để tạo điều kiện cho Cơ quan thuế khi thu thập dữ liệu làm cơ sở ấn định đồng thời tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan/tổ chức có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin kịp thời theo yêu cầu của Cơ quan thuế.	Nghị định 47/2020/NĐ-CP ngày 9/4/2020 về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước Điều 5 quy định: “Cơ quan nhà nước có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu với các cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.”	Thống nhất với tinh thần chung về thúc đẩy chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước tại Nghị định 47/2020. Dự thảo bổ sung vào Luật Quản lý thuế chính là tạo ra quy định pháp luật cụ thể về trách nhiệm cung cấp dữ liệu phục vụ quản lý thuế trong lĩnh vực chuyên ngành.	
Sửa đổi tăng thời hiệu xử phạt VPHC là 10 năm kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm để tạo tính răn đe cho đối tượng vi phạm	- Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) Theo Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính, thời hiệu xử phạt VPHC được quy định như sau: 01 năm đối với các vi phạm hành chính thông thường. 02 năm đối với các vi phạm hành chính trong các lĩnh vực như kế toán, hóa đơn, phí, lệ phí, kinh doanh bảo hiểm, quản lý giá, chứng khoán, sở hữu trí tuệ, xây dựng, thủy sản, lâm nghiệp, tài nguyên nước, dầu khí, khoáng sản, môi trường, năng lượng nguyên tử, nhà ở, đất đai, đề điều, báo chí, xuất bản, sản xuất, kinh doanh hàng hóa, hàng cấm, hàng giả, lao động ngoài nước. Đối với vi phạm hành chính về thuế, thời hiệu xử phạt được áp dụng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. - Thời điểm tính thời hiệu:	Thống nhất với LXLVPHC cho phép Luật Quản lý thuế quy định riêng về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế, đặc biệt với hành vi trốn thuế chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu thì cần phải có chế tài đủ mạnh để răn đe.	

<b>QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN</b>	<b>QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN</b>	<b>ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)</b>	<b>ĐỀ XUẤT XỬ LÝ</b>
	Đối với vi phạm hành chính đã kết thúc, thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm. Đối với vi phạm hành chính đang được thực hiện, thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.		

### 3. Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách/dự thảo

<b>QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN</b>	<b>QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN</b>	<b>ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)</b>	<b>ĐỀ XUẤT XỬ LÝ</b>
Bổ sung giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết về tổ chức đàm phán, ký kết và thực hiện thỏa thuận song phương, đa phương	<p>- Công ước đa phương MLI: Công ước MLI là “Công ước đa phương về thực hiện các biện pháp liên quan đến áp dụng hiệp định tránh đánh thuế nhằm ngăn chặn xói mòn cơ sở thuế và chuyển dịch lợi nhuận”. Theo nguyên tắc chung của MLI và các hiệp định, việc áp dụng các biện pháp chống BEPS và thiết lập cơ chế thương lượng trước về phương pháp tính thuế (APA) là phần không tách rời trong khuôn khổ đàm phán và thực thi các hiệp định thuế.</p> <p>- Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (DTA): các DTA giữa Việt Nam và một số nước (Hàn Quốc, Nhật Bản, EU...) bao gồm những quy định về “phương pháp tránh đánh trùng thuế” và trao đổi chứng từ liên quan giá – đặc biệt trong các giao dịch liên kết.</p> <p>Hiện tại, một số Hiệp định đã có điều khoản về Trao đổi trước về phương pháp xác định giá tính thuế (Entry into APAs).</p>	Việc quy định cho Bộ trưởng tổ chức đàm phán, ký kết hiệp định APA là phù hợp và cần thiết với thực tiễn ký kết và thực thi DTT giữa Việt Nam và các quốc gia.	



**BÁO CÁO**

**Tổng kết việc thi hành Luật Quản lý thuế**  
*(Phục vụ công tác thẩm định của Bộ Tư pháp)*

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết việc thi hành Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019. Kết quả như sau:

**I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT**

**1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến các chính sách của Luật Quản lý thuế**

Về tình hình trong nước, nền kinh tế Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều rủi ro và thách thức đan xen. Đáng chú ý là hiện tượng suy giảm nguồn thu ngân sách ở nhiều lĩnh vực và địa bàn trọng điểm vốn có đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước. Nhiều chỉ tiêu kinh tế vĩ mô chủ yếu không chỉ đạt thấp hơn so với mục tiêu đề ra mà còn giảm so với cùng kỳ năm trước. Tình hình càng trở nên phức tạp hơn khi thiên tai, dịch bệnh, hạn hán và bão lũ diễn biến khó lường, gây thiệt hại nặng nề cho nhiều địa phương. Những yếu tố này đã tạo áp lực rất lớn lên công tác điều hành phát triển kinh tế - xã hội nói chung và hoạt động quản lý thuế nói riêng, đòi hỏi cần có những giải pháp đồng bộ và linh hoạt để thích ứng với tình hình mới. Trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, Việt Nam đang tích cực tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới nhằm mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đồng thời thực hiện nghiêm các cam kết quốc tế nhằm tạo môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch và bền vững.

Về bối cảnh quốc tế, nền kinh tế toàn cầu đang trải qua giai đoạn đầy thách thức với tăng trưởng chậm và áp lực lạm phát cao. Điều này buộc các nền kinh tế lớn phải duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt và duy trì mặt bằng lãi suất cao, tạo ra hiệu ứng domino làm suy giảm hoạt động thương mại, tiêu dùng và đầu tư trên phạm vi toàn cầu. Đặc biệt, xu hướng gia tăng các hàng rào bảo hộ và phòng vệ thương mại đã tác động tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Bên cạnh đó, xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế tạo áp lực đối với các quốc gia trong việc cải cách hệ thống thuế để

thích ứng với nền kinh tế số, chuyển đổi số mạnh mẽ cùng với những xu thế cải cách thuế toàn cầu mới.

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 (Luật QLT năm 2019) đã được xây dựng với tầm nhìn chiến lược, bám sát các định hướng then chốt của Đảng và Nhà nước về cơ cấu lại ngân sách và đảm bảo nền tài chính quốc gia bền vững. Luật không chỉ hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2020-2025 mà còn thể hiện rõ cam kết của Chính phủ trong việc hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. Đặc biệt, Luật đã cụ thể hóa Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 với mục tiêu xây dựng ngành thuế hiện đại, tinh gọn và hiệu quả, trong đó lấy nền tảng thuế điện tử làm trọng tâm. Bên cạnh đó, Luật đã tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển kinh tế - xã hội thông qua việc tháo gỡ khó khăn và khuyến khích đầu tư kinh doanh. Điểm nổi bật là Luật đã góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách thủ tục hành chính. Đồng thời, Luật cũng đảm bảo được tính đồng bộ với pháp luật quốc tế, góp phần ổn định nguồn thu ngân sách nhà nước.

Đặc biệt, Luật QLT năm 2019 đã đưa ra khuôn khổ cải cách toàn diện với 10 nhóm chính sách then chốt: (1) các quy định nhằm nâng cao tính tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế, chống xói mòn cơ sở tính thuế; (2) quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết để phòng chống chuyển giá; (3) quy định về hoá đơn, chứng từ điện tử và cải cách công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh theo hướng hiện đại, tăng cường tính minh bạch và vai trò của chính quyền địa phương; (4) quy định về quản lý thuế theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin kết hợp quản lý rủi ro; (5) quy định về quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; (6) quy định quản lý thuế đối với các ngành đặc thù; (7) quy định về bảo vệ quyền lợi người nộp thuế; (8) quy định về chế tài trong công tác quản lý thuế; (9) các quy định về hoàn thuế và (10) các quy định khác về quản lý thuế. Những nhóm chính sách này không chỉ thể hiện tư duy đổi mới trong quản lý thuế mà còn khẳng định cam kết của Nhà nước trong việc xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch và hiệu quả.

Qua 05 năm thực hiện Luật Quản lý thuế năm 2019, công tác quản lý thuế, thu thuế đã đạt được nhiều kết quả tích cực, đảm bảo quản lý chặt chẽ nguồn thu; nhận thức của người dân, doanh nghiệp đối với việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước (NSNN) được nâng cao; bộ máy hành chính thuế không ngừng được kiện toàn, đội ngũ cán bộ, công chức quản lý thuế từng bước chuyên nghiệp, chuyên sâu.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Luật Quản lý thuế cũng bộc lộ không ít hạn chế, vướng mắc, chưa phù hợp với ngành đặc thù được điều chỉnh bởi pháp luật chuyên ngành như dầu khí, làm tăng thủ tục hành chính, tăng chi phí tuân thủ cho người nộp thuế vừa ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam, vừa ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của cơ quan quản lý thuế. Ngoài ra, số lượng người nộp thuế tăng nhanh; mô hình hoạt động sản xuất kinh doanh của người nộp thuế đã có sự thay đổi cả về quy mô và phương thức; khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ; các tập đoàn, doanh nghiệp đa quốc gia đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam ngày càng nhiều. Những nhân tố này dẫn đến những thay đổi căn bản trong công tác quản lý người nộp thuế.

Từ thực tế trên và yêu cầu đổi mới, Luật Quản lý thuế năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành đòi hỏi phải được đánh giá, tổng kết việc thi hành để hoàn thiện.

## **2. Quá trình thực hiện tổng kết**

### **2.1 Đánh giá chung**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 13/6/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020. Trên cơ sở thực hiện đồng thời các nhiệm vụ tổng kết thi hành và nghiên cứu, rà soát đối với Luật Quản lý thuế năm 2019, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ để trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế năm 2019 và ngày 29/11/2024, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật số 56/2024/QH15. Theo đó, tại Điều 6 Luật số 56/2024/QH15 đã sửa đổi, bổ sung 14 Điều là những nội dung mang tính cấp bách để thúc đẩy tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô.

Qua quá trình triển khai, Luật Quản lý thuế năm 2019 đã góp phần quan trọng trong việc tăng cường tính minh bạch, đẩy mạnh cải cách hành chính và bảo vệ quyền lợi người nộp thuế. Luật đã tạo hành lang pháp lý vững chắc cho công tác quản lý thuế, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, tăng thu ngân sách nhà nước và đảm bảo công bằng trong thực hiện nghĩa vụ thuế. Đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid-19, Luật Quản lý thuế năm 2019 đã tạo hành lang pháp lý vững chắc để triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ thiết thực cho người nộp thuế.

### **2.2 Cơ sở thực tiễn**

*Thứ nhất*, kể từ khi Luật Quản lý thuế được ban hành năm 2019, Bộ Chính trị, Quốc hội đã ban hành một số Kết luận, Nghị quyết, Luật liên quan có ảnh hưởng đến sự chưa đồng bộ pháp luật tại một số quy định của Luật QLT năm 2019

như:

- Tại Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả nêu: *Kết thúc hoạt động của Thanh tra các bộ để sắp xếp, tổ chức lại thành các cục thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo lĩnh vực thuộc Thanh tra Chính phủ*. Do đó, các quy định về thanh tra thuế tại Điều 107, Điều 108 và từ Điều 113 đến Điều 123 trong Luật QLT năm 2019 không còn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thuế sau khi sắp xếp lại tổ chức bộ máy.

- Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 về thuế thu nhập bổ sung chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu theo các quy định của OECD nhằm đảm bảo Việt Nam tuân thủ các quy định quốc tế về chống xói mòn cơ sở thuế. Theo đó, một số quy định về kê khai, nộp thuế tại Nghị quyết chưa được quy định tại Luật Quản lý thuế hiện hành.

- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 giao Chính phủ ban hành Nghị định để quy định các biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, các biện pháp để thực hiện chính sách thuế. để phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành thông tư. Do vậy, cần rà soát Luật QLT năm 2019 để sửa đổi quy định rõ thẩm quyền của các cơ quan trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý thuế.

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025 (sửa đổi quy định về phân định thẩm quyền giữa các cấp chính quyền địa phương, phối hợp giữa các cơ quan, quy trình thủ tục hành chính đòi hỏi Luật Quản lý thuế phải được rà soát để sửa đổi quy định phù hợp với sự thay đổi trong phân cấp quản lý thuế giữa trung ương và địa phương đảm bảo rõ ràng về trách nhiệm và quyền hạn của từng cấp; sửa đổi quy định và trách nhiệm trong phối hợp, chia sẻ thông tin và hỗ trợ công tác giữa cơ quan thuế và các cơ quan địa phương trong quản lý thuế; điều chỉnh các quy trình, thủ tục hành chính liên quan đến thuế.

- Trong thời gian qua, các Luật thuế đã được ban hành (Luật Thuế Giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 19/11/2024; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15

ngày 14/6/2025; Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 66/2025/QH15 ngày 14/6/2025) và các Luật đã được đưa vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2025 và kế hoạch giai đoạn 2025-2027 (Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật thuế tài sản, Luật thuế Tài nguyên...) đã có những thay đổi nhất định cũng đặt ra yêu cầu phải thay đổi công tác quản lý thuế để đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- *Thứ hai*, thực tiễn thi hành pháp luật về quản lý thuế cho thấy một số quy định tại Luật QLT hiện hành chưa phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi từ thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và quy định của Luật chuyên ngành như:

+ *Về quy định liên quan đến nghiệp vụ quản lý thuế:*

Quy định về nghiệp vụ quản lý thuế tại Luật QLT đã bộc lộ một số điểm nghẽn thể hiện qua ba nhóm vấn đề chính. Nhóm thứ nhất liên quan đến quy định về đăng ký, khai thuế và tính thuế chưa bao quát hết các tình huống thực tế, đặc biệt là các vướng mắc phát sinh từ Luật thuế xuất nhập khẩu, việc tạm ngừng kinh doanh, khôi phục mã số thuế, hợp đồng hợp tác kinh doanh, chuyển địa điểm kinh doanh, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (bao gồm cả giai đoạn trước khi chuyển đổi loại hình từ doanh nghiệp chế xuất thành doanh nghiệp không hưởng chế độ chế xuất và ngược lại), tổ chức lại doanh nghiệp, vướng mắc phát sinh từ pháp luật chuyên ngành về dầu khí đặc biệt là vướng mắc liên quan đến đồng tiền kê khai, nộp thuế đối với hoạt động dầu khí, thời hạn kê khai, nộp thuế đối với hoạt động dầu khí. Nhóm thứ hai về quy trình nộp thuế và ấn định thuế bộc lộ bất cập về thời hạn nộp thuế, xử lý chậm nộp, ấn định thuế đối với người nước ngoài đề nghị miễn thuế thu nhập cá nhân. Nhóm thứ ba liên quan đến công tác hoàn thuế và quản lý chứng từ - hệ thống phân loại hồ sơ hoàn thuế hiện tại chưa tương thích với ứng dụng tự động, trong khi quy định về quản lý hóa đơn còn vướng mắc ở nhiều khía cạnh như thời điểm lập hóa đơn và áp dụng hóa đơn điện tử.

+ *Quy định về quản lý thuế chưa theo kịp sự phát triển của nền kinh tế số:* trong bối cảnh thương mại điện tử xuyên biên giới bùng nổ nhưng chưa có các công cụ pháp lý phù hợp để quản lý doanh thu và thu thuế từ các nền tảng số, sàn giao dịch trực tuyến, của các doanh nghiệp công nghệ nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam nhưng vẫn thu được lợi nhuận đáng kể từ thị trường nội địa. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh trên nền tảng số, thương mại điện tử ngày càng lớn nhưng số thu thuế lại rất nhỏ, không tương xứng với quy mô của loại hình kinh doanh này.

+ *Hạn chế trong ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số:* chưa tạo hành lang đầy đủ cho việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến như dữ liệu lớn (big data) và trí

tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích, đánh giá và quản lý rủi ro thuế. Khung pháp lý cho quản lý thuế điện tử tiến tới quản lý thuế số còn thiếu và chưa đồng bộ. Hệ thống ứng dụng phục vụ nghiệp vụ quản lý thuế lỗi hiện chưa được tập trung, đồng bộ đầy đủ các chức năng. Tốc độ chuyển đổi số trong quản lý thuế chưa theo kịp xu thế chung của thế giới là đẩy mạnh xây dựng hệ thống thuế thông minh với khả năng tự động hóa cao, tích hợp đa nền tảng và thân thiện với người dùng.

+ *Hạn chế trong kiểm soát gian lận*: Thực trạng gian lận và trốn thuế đang diễn biến ngày càng tinh vi và phức tạp. Các hành vi vi phạm không chỉ dừng lại ở việc kê khai sai lệch, giấu doanh thu hay lập hóa đơn khống đơn thuần, mà đã phát triển thành các thủ đoạn có tổ chức với quy mô lớn, liên quan đến nhiều chủ thể và địa bàn khác nhau. Đặc biệt nghiêm trọng là tình trạng gian lận trong các giao dịch xuyên biên giới, nơi kẽ hở về cơ chế giám sát và sự khác biệt giữa các hệ thống thuế quốc gia tạo điều kiện cho hành vi trốn thuế. Các doanh nghiệp đa quốc gia thường lợi dụng việc chuyển giá, phân bổ lợi nhuận và các giao dịch phức tạp giữa các công ty liên kết để tối thiểu hóa nghĩa vụ thuế. Trong khi đó, công cụ và năng lực giám sát của cơ quan thuế còn hạn chế, thiếu cơ chế trao đổi thông tin tự động với các nước, cũng như thiếu các giải pháp công nghệ hiện đại để phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận. Điều này đòi hỏi cần có sự đổi mới toàn diện trong cả khung pháp lý và công cụ quản lý để tăng cường hiệu quả kiểm soát gian lận thuế.

- *Thứ ba*, xu hướng cải cách thuế hiện nay tập trung vào việc hiện đại hóa toàn diện hệ thống quản lý thuế thông qua chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ số tiên tiến. Các nước đang đẩy mạnh xây dựng hệ thống thuế thông minh với khả năng tự động hóa cao, tích hợp đa nền tảng và thân thiện với người dùng. Họ chú trọng phát triển các giải pháp công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) trong phân tích rủi ro và quản lý thuế, đặc biệt là đối với các hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới và kinh tế số. Song song với đó là việc tăng cường hợp tác quốc tế trong trao đổi thông tin thuế, chống chuyển giá và trốn thuế, cũng như đơn giản hóa thủ tục hành chính để nâng cao tính tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế. Các nước cũng tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ thuế chuyên nghiệp, am hiểu công nghệ và có khả năng thích ứng với môi trường quản lý thuế hiện đại.

- *Thứ tư*, chủ trương xóa bỏ việc khoán thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị đòi hỏi phải thay đổi cơ chế quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo hướng tất cả các hộ kinh doanh sẽ phải thực hiện chế độ tự khai, tự nộp thuế

và thực hiện sổ sách hóa đơn, chứng từ.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

### 1. Việc tổ chức thi hành Luật Quản lý thuế năm 2019

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 13/6/2019 (*thay thế cho Luật Quản lý thuế năm 2006 và các Luật sửa đổi, bổ sung*), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020, gồm 17 chương, 152 Điều. Ngày 29/11/2024, Quốc hội đã thông qua Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Luật kế toán; Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước; Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Luật quản lý thuế; Luật thuế thu nhập cá nhân; Luật dự trữ quốc gia; Luật xử lý vi phạm hành chính (sau đây gọi là Luật 56/2024/QH15). Theo đó, Điều 6 Luật số 56/2024/QH15 đã sửa đổi, bổ sung 14 Điều của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

Để triển khai thực hiện các quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và Luật số 56/2024/QH15, Chính phủ đã ban hành 09 Nghị định<sup>1</sup> và Bộ Tài chính đã ban hành 12 Thông tư<sup>2</sup> hướng dẫn.

Tuy nhiên, với sự đổi mới trong chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, sự chuyển mình mạnh mẽ của đất nước và cuộc cách mạng khoa học công

<sup>1</sup> (1) Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; (2) Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ; (3) Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn; (4) Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan; (5) Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết; (6) Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; (7) Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết; (8) Nghị định số 49/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 quy định ngưỡng áp dụng tạm hoãn xuất cảnh; (9) Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ.

<sup>2</sup> (1) Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; (2) Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 hướng dẫn về đăng ký thuế; (3) Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế; (4) Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; (5) Thông tư số 23/2021/TT-BTC ngày 30/3/2021 hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng tem điện tử rượu và tem điện tử thuốc lá; (6) Thông tư số 31/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế; (7) Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; (8) Thông tư số 45/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 hướng dẫn việc áp dụng cơ chế Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) trong quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết; (9) Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hoá đơn, chứng từ; (10) Thông tư số 100/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; (11) Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/1/2021 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; (12) Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 quy định về đăng ký thuế.

nghe lần thứ tư và bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục hoàn thiện Luật Quản lý thuế. Sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế số với các mô hình kinh doanh mới như thương mại điện tử xuyên biên giới, nền tảng số đòi hỏi phải có cơ chế quản lý thuế phù hợp. Yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh giản, tinh gọn bộ máy và chuyển đổi số trong quản lý thuế ngày càng trở nên cấp bách. Đồng thời, qua thực tiễn triển khai, Luật Quản lý thuế năm 2019 vẫn còn một số vấn đề cần được giải quyết nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thu ngân sách, chống thất thu thuế, đảm bảo nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững trong giai đoạn tới, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và bối cảnh quốc tế ngày càng thay đổi nhanh chóng.

## **2. Kết quả thi hành**

### **2.1. Kết quả đạt được**

Qua 05 năm triển khai, Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã đạt được 05 kết quả nổi bật, cụ thể như sau:

#### **2.1.1. Nâng cao hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp và người nộp thuế**

*a) Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành được thực hiện thường xuyên, với nhiều hình thức, phương tiện đa dạng, cập nhật nhanh, kịp thời đến người nộp thuế*

Cơ quan thuế đã không ngừng đa dạng hóa và hiện đại hóa các kênh tương tác với người nộp thuế. Bên cạnh các phương thức truyền thống, ngành thuế đã tích cực triển khai các nền tảng số như video clip hướng dẫn, bản tin trên các mạng xã hội (Zalo, Facebook, Youtube, Tiktok). Điểm nhấn trong năm 2024 là việc ra mắt ứng dụng Chatbot AI – “Trợ lý ảo hỗ trợ người nộp thuế” vào ngày 21/11/2024. Ứng dụng này đã thu hút 4,5 nghìn người đăng ký sử dụng và giải đáp được 29,9 nghìn câu hỏi, thể hiện hiệu quả trong việc hỗ trợ người nộp thuế.

Năm 2024 đánh dấu những nỗ lực đáng kể trong công tác hỗ trợ người nộp thuế. Cơ quan thuế các cấp đã tổ chức 1.451 buổi đối thoại/tập huấn theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến với sự tham dự của 242,5 nghìn lượt NNT để kịp thời giải đáp những vướng mắc của NNT, hướng dẫn về các chính sách thuế. Trực tiếp hướng dẫn cho khoảng 880 nghìn lượt NNT tại bộ phận “một cửa”. Hỗ trợ hơn 3,2 triệu lượt NNT qua hình thức thư điện tử, mạng xã hội, website của cơ quan thuế. Đây là hình thức hỗ trợ nhanh chóng, hiệu quả, phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và tiết kiệm được chi phí. Hệ thống 479 kênh thông tin hỗ trợ tiếp tục được nâng cấp và vận hành ổn định, cơ quan thuế đã giải đáp 5.211 câu hỏi do NNT gửi đến (đạt tỷ lệ 89%).



Kết quả khảo sát năm 2024 cho thấy mức độ hài lòng của người nộp thuế đạt 88,3%, được tính từ điểm trung bình của điểm đánh giá chung và trung bình của điểm theo lĩnh vực chức năng<sup>3</sup>, tiệm cận mục tiêu 90% đề ra trong Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030. Con số này dựa trên 441.974 phiếu phản hồi, chiếm 13,9% trên tổng số doanh nghiệp, hộ cá nhân kinh doanh do cơ quan thuế đang quản lý<sup>4</sup>, phản ánh nỗ lực không ngừng của ngành thuế trong việc nâng cao chất lượng phục vụ người nộp thuế.

Hệ thống 479 kênh Hỏi - Đáp được nâng cấp với 47 loại câu hỏi được phân loại cụ thể, kết hợp với chức năng phân luồng tự động đã giúp việc giải đáp thắc mắc của người nộp thuế được nhanh chóng và hiệu quả hơn. Trong năm 2023, cơ quan thuế đã giải đáp gần 5.900 câu hỏi, thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc hỗ trợ người nộp thuế thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình.

*b) Công tác đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế đã đạt được nhiều kết quả tích cực, rút ngắn được thời gian thực hiện, đã từng bước ứng dụng công nghệ thông tin và giảm thủ tục hành chính.*

Luật Quản lý thuế đã tạo bước đột phá trong việc đơn giản hóa thủ tục hành chính về thuế cho người nộp thuế. Người nộp thuế có thể dễ dàng thực hiện nghĩa vụ thuế với thời gian kê khai giảm xuống còn dưới 100 giờ/năm, tương đương với mức trung bình của các nước ASEAN-4. Đặc biệt, việc khuyến khích sử dụng phương thức điện tử trong quản lý thuế như hóa đơn điện tử, kê khai và nộp thuế online đã tạo thuận lợi và giảm đáng kể chi phí cho doanh nghiệp.

- Về công tác đăng ký thuế đã được cải cách đồng bộ, hiệu quả quy định thủ tục hành chính liên quan đến người nộp thuế; thành phần hồ sơ đăng ký thuế dễ thực hiện và tối ưu hoá quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế bằng điện tử liên thông giữa các cơ quan quản lý nhà nước, kết nối hoặc trao đổi thông tin về giấy phép thành lập và hoạt động với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, rút ngắn thời gian giải quyết cho người nộp thuế.

<sup>3</sup> Điểm đánh giá hài lòng chung về CQT: 89,1%. Điểm chỉ số hài lòng trung bình của 64 Cục Thuế (nay là Thuế tỉnh, thành phố) theo lĩnh vực chức năng: 87,5% (trong đó, Công tác xây dựng CS, pháp luật thuế: 87,4%, Cung cấp dịch vụ công: 87,8%, Tiếp nhận giải quyết TTTC thuế: 87,8%, Công tác thanh tra kiểm tra thuế: 87,2%, Công tác xử lý KNTC: 87,5%).

<sup>4</sup> Trong đó, DN, tổ chức chiếm tỷ lệ 57,4%, Hộ, CNKD chiếm tỷ lệ 42,6% tổng số NNT tham gia đánh giá.

Số liệu về đăng ký thuế từ năm 2020 đến hết 06 tháng đầu năm 2025 như sau:

Năm	Đăng ký qua liên thông	Tỷ lệ đăng ký thuế điện tử đối với hồ sơ đăng ký trực tiếp với Cơ quan thuế
2020	Đã liên thông đối với NNT là doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp	65,0%
2021		65,4%
2022	Từ 10/2/2022 triển khai liên thông đối với hợp tác xã	57,1%
2023	Từ 01/7/2023 triển khai liên thông đối với Hộ kinh doanh	67,5%
2024		73,7%
6 tháng đầu năm 2025		79,3%

- Về công tác khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế: hồ sơ khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế đơn giản, hiệu quả nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục khai thuế điện tử liên thông đối với trường hợp cơ quan quản lý thuế tính thuế, thông báo nộp thuế theo hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tăng cường diễn các thông tin có sẵn giúp giảm tối đa chi phí tuân thủ của người nộp thuế và giảm chi phí quản lý của cơ quan thuế; đẩy mạnh triển khai dịch vụ thuế điện tử, áp dụng hoá đơn điện tử khi bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ đến toàn bộ người nộp thuế trong đó duy trì, tiếp tục hỗ trợ thuận lợi dịch vụ khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế điện tử, sử dụng hoá đơn điện tử đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, mở rộng phạm vi triển khai khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế điện tử, sử dụng hoá đơn điện tử đối với cá nhân, từng bước xây dựng cơ chế quản lý khai thuế đối với nền kinh tế số. Triển khai các giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt và các giải pháp nhằm quản lý việc thanh toán khoản đã nộp với khoản phải nộp của người nộp thuế theo định danh các khoản phải nộp.

Số liệu về kê khai thuế đối với doanh nghiệp, tổ chức từ năm 2020 đến hết ngày 20/6/2025 như sau:

<b>Năm</b>	<b>Số lượng doanh nghiệp đăng ký khai thuế điện tử</b>	<b>Tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký khai thuế điện tử</b>	<b>Số hồ sơ khai thuế điện tử đã tiếp nhận</b>	<b>Số lượng tờ khai đã nhận vào hệ thống KTQM từ khai triển khai</b>
2020		99,90%		
2021	853.569	99,93%	17.587.662	98.424.321
2022	885.809	99,94%	17.655.933	116.011.983
2023	922.110	99,95%	15.959.450	133.667.916
2024	952.327	99,93%	15.996.758	149.627.366
6 tháng đầu năm 2025	961.570	99,35%	9.972.144	159.599.510

Số liệu về nộp thuế tính từ 06 tháng cuối năm 2020 đến hết ngày 23/6/2025 như sau:

<b>Năm</b>	<b>Số thu nội địa</b>	<b>Tỷ lệ đăng ký nộp thuế điện tử tại Ngân hàng thương mại<sup>5</sup>/ Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động</b>
2020	603.247.667	99%
2021	1.346.223.696	99%
2022	1.518.970.041	99%
2023	1.540.040.994	98%
2024	1.752.646.556	99%
2025	1.127.014.819	99%

*c) Công tác miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế đã góp một phần không nhỏ trong việc hỗ trợ người nộp thuế trong các trường hợp người nộp thuế bị thiên*

<sup>5</sup> Số nộp thuế điện tử năm 2025 cập nhật đến ngày 20/6/2025

*tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ không có khả năng nộp thuế hoặc trường hợp miễn, giảm thuế khác được quy định tại các Luật.*

- Về miễn, giảm thuế: thực hiện các biện pháp nhằm rút ngắn thời gian giải quyết miễn, giảm thuế và triển khai tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả miễn, giảm thuế cho người nộp thuế bằng phương thức điện tử. Sử dụng cơ sở dữ liệu thuế tập trung, dữ liệu từ bên thứ ba và dữ liệu từ cơ quan theo cơ chế một cửa liên thông làm cơ sở, căn cứ để tính, ban hành quyết định miễn, giảm thuế; áp dụng quản lý rủi ro trong giải quyết hồ sơ miễn giảm thuế.

Số liệu về miễn thuế, giảm thuế từ 06 tháng cuối năm 2020 đến hết năm 2024 như sau:

<b>Năm</b>	<b>Số quyết định miễn thuế, giảm thuế đã ban hành</b>	<b>Số tiền thuế đã miễn, giảm (triệu đồng)</b>
6 tháng cuối năm 2020	4.596.455	9.674.060
2021	11.324.378	26.144.103
2022	7.603.112	28.421.574
2023	9.895.741	36.571.943
2024	6.602.409	33.407.914

- Về hoàn thuế: Trên cơ sở quy định tại Luật quản lý thuế năm 2019, cơ quan quản lý thuế đã xây dựng cơ sở dữ liệu về hoàn thuế, tăng cường hiệu quả công tác quản lý và hoàn thuế giá trị gia tăng; áp dụng quản lý rủi ro trong công tác khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế.

Số liệu về hoàn thuế GTGT từ 06 tháng cuối năm 2020 đến ngày 22/6/2025 như sau:

<b>Năm</b>	<b>Hoàn thuế GTGT</b>			
	<b>Số hồ sơ đã giải quyết hoàn</b>	<b>Số tiền đã hoàn thuế (triệu đồng)</b>	<b>Số tiền đã hoàn điện tử (triệu đồng)</b>	<b>Tỷ lệ hoàn thuế điện tử</b>
6 tháng cuối năm 2020	13.932	87.150.189	83.787.321	96%

2021	21.882	162.292.027	155.896.252	96%
2022	20.758	150.289.509	148.991.398	99%
2023	19.181	149.976.017	148.831.068	99%
2024	19.806	156.941.018	155.310.806	99%
6 tháng đầu năm 2025 (tính đến 22/6/2025)	8.350	66.506.235	66.155.328	99%

Số liệu về hoàn thuế TNCN từ 06 tháng cuối năm 2020 đến ngày 22/6/2025 như sau:

Năm	Hoàn thuế TNCN			
	Số hồ sơ đã giải quyết hoàn	Số tiền đã hoàn thuế (triệu đồng)	Số tiền đã hoàn điện tử (triệu đồng)	Tỷ lệ hoàn thuế điện tử
6 tháng cuối năm 2020	66.048	418.711	842	0,2%
2021	222.476	1.696.467	598.049	35,3%
2022	237.933	1.796.027	1.464.652	81,5%
2023	356.601	2.607.970	2.469.293	94,7%
2024	449.878	3.173.390	3.117.736	98,2%
6 tháng đầu năm 2025 (tính đến 22/6/2025)	514.231	3.058.819	3.019.441	98,7%

*d) Công tác kiểm tra, thanh tra thuế ngày càng phát huy vai trò chủ chốt trong hoạt động quản lý thuế. Việc thực hiện kiểm tra, thanh tra được thực hiện theo đúng quy định, quy trình thanh tra, kiểm tra và đảm bảo thực hiện đúng kế*

*hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm. Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý thuế đã đảm bảo việc thu đúng, thu đủ số thuế phải nộp vào NSNN đồng thời đề xuất những kiến nghị về cơ chế, chính sách quản lý thuế để phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của người nộp thuế.*

05 năm triển khai Luật Quản lý thuế năm 2019 cũng là thời kì kinh tế - xã hội thế giới có nhiều biến động nhanh, khó lường như tình hình đại dịch Covid 19, căng thẳng địa chính trị cũng như căng thẳng làm gia tăng rủi ro đến kinh tế Việt Nam và gây thương mại quốc tế toàn cầu ảnh hưởng trực tiếp đến công tác thu ngân sách Nhà nước nói chung và công tác thanh tra kiểm tra thuế nói riêng. Với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, tạo đà hoàn thành mục tiêu kinh tế - xã hội, Ngành thuế đã triển khai nhiều giải pháp nhằm đẩy mạnh tăng cường năng lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra như nâng cao năng lực hoạt động thanh tra, kiểm tra tiếp cận với các thông lệ quốc tế tốt; đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế; tăng cường áp dụng quản lý rủi ro trong công tác thanh tra kiểm tra thuế

Kết quả, trong giai đoạn 2020 – 2024, toàn ngành Thuế đã thực hiện được 377.154 cuộc thanh tra, kiểm tra; kiểm tra được 4.198.073 hồ sơ khai thuế. Tổng số tiền kiến nghị xử lý qua thanh tra, kiểm tra là 340.497 tỷ đồng, trong đó: tổng số thuế tăng thu qua thanh tra, kiểm tra là 86.085 tỷ đồng, giảm khấu trừ là 13.146 tỷ đồng; giảm lỗ là 241.266 tỷ đồng. Tổng số tiền thuế nộp vào ngân sách là 60.421 tỷ đồng. Qua thanh tra, kiểm tra đã kiến nghị tăng thu góp phần vào hoàn thành thu ngân sách Nhà nước và xử lý kịp thời các hành vi phạm pháp luật thuế của NNT, ngăn chặn vi phạm và nâng cao tính tuân thủ của NNT.

Theo quy định của Luật Quản lý thuế, việc kiểm tra thuế được thực hiện tại trụ sở cơ quan quản lý thuế hoặc tại trụ sở người nộp thuế. Việc kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế được thực hiện thường xuyên đối với các hồ sơ thuế nhằm đánh giá tính đầy đủ, chính xác thông tin, chứng từ trong hồ sơ thuế. Thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế được thực hiện theo nguyên tắc rủi ro trên cơ sở kế hoạch, chuyên đề thanh tra, kiểm tra được phê duyệt hoặc các trường hợp đột xuất theo quy định của pháp luật.

Trong những năm qua, công tác thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế, kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế theo kế hoạch, chuyên đề hàng năm và đột xuất đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý thuế và đạt được hiệu quả nhất định về số lượng và chất lượng. Số doanh nghiệp được thanh tra đúng trọng tâm, trọng điểm, phát hiện được những vấn đề thiếu sót lớn của doanh

nghiệp, vướng mắc của các quy định pháp luật trong quá trình thanh tra, kiểm tra. Nhiều năm có số kiến nghị truy thu, xử lý vi phạm hành chính về thuế tăng cao.

Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện thanh tra thuế của cơ quan hải quan giai đoạn 2020-2025 như sau:

Năm	Tổng số cuộc	Kiến nghị (VNĐ)	Số đã thu nộp NSNN
2020	52	87,593,103,382	101,562,868,933
2021	36	82,640,000,000	70,100,917,537
2022	115	71,491,000,000	55,785,000,000
2023	113	208,652,000,000	296,087,000,000
2024	55	155,154,000,000	82,086,000,000
2025	3	11,331,000,000	9,731,000,000
<b>Tổng</b>	<b>374</b>	<b>616,861,103,382</b>	<b>615,352,786,470</b>

Về công tác kiểm tra sau thông quan: Số cuộc kiểm tra sau thông quan từ năm 2020 đến tháng 3/2025: 9835 cuộc; Số tiền thu vào NSNN là 3117,19 tỷ đồng. Công tác kiểm tra sau thông quan đã góp phần nâng cao tính tuân thủ pháp luật quản lý thuế của doanh nghiệp, các sai phạm được chấn chỉnh.

### 2.1.2. Tăng cường bảo vệ quyền lợi người nộp thuế

a) *Luật Quản lý thuế đã thiết lập một khung pháp lý toàn diện để bảo vệ quyền lợi người nộp thuế. Theo đó, người nộp thuế được quyền yêu cầu cơ quan thuế giải thích và cung cấp thông tin liên quan đến nghĩa vụ thuế của họ. Điều này giúp đảm bảo tính minh bạch trong quản lý thuế và tạo điều kiện cho người nộp thuế hiểu rõ về trách nhiệm của mình.*

Một điểm đột phá quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi người nộp thuế là quy định về miễn xử phạt vi phạm và miễn tính tiền chậm nộp. Cụ thể, trong trường hợp người nộp thuế thực hiện đúng theo văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, họ sẽ không bị xử lý vi phạm về thuế. Quy định này không chỉ bảo vệ quyền lợi chính đáng của người nộp thuế mà còn nâng cao trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc ban hành các văn bản hướng dẫn.

nghiệp, vướng mắc của các quy định pháp luật trong quá trình thanh tra, kiểm tra. Nhiều năm có số kiến nghị truy thu, xử lý vi phạm hành chính về thuế tăng cao.

Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện thanh tra thuế của cơ quan hải quan giai đoạn 2020-2025 như sau:

Năm	Tổng số cuộc	Kiến nghị (VNĐ)	Số đã thu nộp NSNN
2020	52	87,593,103,382	101,562,868,933
2021	36	82,640,000,000	70,100,917,537
2022	115	71,491,000,000	55,785,000,000
2023	113	208,652,000,000	296,087,000,000
2024	55	155,154,000,000	82,086,000,000
2025	3	11,331,000,000	9,731,000,000
<b>Tổng</b>	<b>374</b>	<b>616,861,103,382</b>	<b>615,352,786,470</b>

Về công tác kiểm tra sau thông quan: Số cuộc kiểm tra sau thông quan từ năm 2020 đến tháng 3/2025: 9835 cuộc; Số tiền thu vào NSNN là 3117,19 tỷ đồng. Công tác kiểm tra sau thông quan đã góp phần nâng cao tính tuân thủ pháp luật quản lý thuế của doanh nghiệp, các sai phạm được chấn chỉnh.

### **2.1.2. Tăng cường bảo vệ quyền lợi người nộp thuế**

*a) Luật Quản lý thuế đã thiết lập một khung pháp lý toàn diện để bảo vệ quyền lợi người nộp thuế. Theo đó, người nộp thuế được quyền yêu cầu cơ quan thuế giải thích và cung cấp thông tin liên quan đến nghĩa vụ thuế của họ. Điều này giúp đảm bảo tính minh bạch trong quản lý thuế và tạo điều kiện cho người nộp thuế hiểu rõ về trách nhiệm của mình.*

Một điểm đột phá quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi người nộp thuế là quy định về miễn xử phạt vi phạm và miễn tính tiền chậm nộp. Cụ thể, trong trường hợp người nộp thuế thực hiện đúng theo văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, họ sẽ không bị xử lý vi phạm về thuế. Quy định này không chỉ bảo vệ quyền lợi chính đáng của người nộp thuế mà còn nâng cao trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc ban hành các văn bản hướng dẫn.



Luật cũng quy định rõ về quyền được bảo mật thông tin của người nộp thuế. Theo đó, mọi thông tin cá nhân, thông tin về hoạt động kinh doanh của người nộp thuế đều được bảo mật nghiêm ngặt. Trong trường hợp phát hiện cơ quan thuế có sai sót trong công tác quản lý thu thuế, người nộp thuế có quyền khiếu nại và yêu cầu giải quyết thỏa đáng.

Đặc biệt, Luật đã thể hiện tính nhân văn thông qua các cơ chế gia hạn, giảm thuế và miễn thuế linh hoạt. Trong những trường hợp người nộp thuế gặp khó khăn khách quan như thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc gặp khó khăn đặc biệt khác, họ có thể được xem xét gia hạn nộp thuế, giảm thuế hoặc miễn thuế. Điều này đã được thể hiện rõ qua việc thực hiện các chính sách hỗ trợ trong giai đoạn đại dịch Covid-19, giúp doanh nghiệp và người dân vượt qua khó khăn.

Các quy định về bảo vệ quyền lợi người nộp thuế không chỉ thể hiện trên văn bản mà còn được cụ thể hóa thông qua việc cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa công tác quản lý thuế. Người nộp thuế được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ đa dạng, từ tư vấn trực tiếp đến các kênh hỗ trợ trực tuyến, giúp họ thực hiện nghĩa vụ thuế một cách thuận lợi nhất.

*b) Công tác quản lý hộ kinh doanh trong thời gian qua:*

Số liệu về hộ kinh doanh tính từ năm 2020 đến hết 05 tháng đầu năm 2025 như sau:

<b>Năm</b>	<b>Tổng số hộ quản lý</b>	<b>Tổng số hộ thuộc diện nộp thuế</b>	<b>Tổng số thuế (tỷ đồng)</b>	<b>Bình quân thuế/hộ quản lý/tháng (triệu đồng)</b>	<b>Bình quân thuế/hộ nộp thuế (triệu đồng)</b>
2020	2,081,770	1,287,573	13,989.8	0.56	0.91
2021	2,020,080	1,260,537	12,482.5	0.51	0.83
2022	1,988,874	1,128,167	11,992.2	0.50	0.89
2023	2,111,796	1,198,863	13,291.1	0.52	0.92
2024	2,240,746	1,308,086	13,414.8	0.50	0.85
05 tháng đầu năm 2025	2,167,876	1,313,505	5,320.7	0.49	0.81

Theo đó, số liệu về HKD nộp thuế theo phương pháp khoán và HKD nộp thuế theo phương pháp kê khai như sau:

Năm	HKD nộp thuế theo phương pháp khoán			HKD nộp thuế theo phương pháp kê khai	
	Số hộ quản lý	Số hộ thuộc diện nộp thuế	Số thuế (tỷ đồng)	Số hộ quản lý	Số thuế (tỷ đồng)
2020	1,930,235	1,136,038	9,828.3	151,535	4,161.5
2021	1,878,748	1,119,205	9,372.6	141,332	3,109.9
2022	1,898,849	1,038,142	8,019.4	90,025	3,972.8
2023	2,029,720	1,116,787	9,047.4	82,076	4,243.7
2024	2,156,247	1,223,587	10,075.24	84,499	3,339.6
05 tháng đầu năm 2025	2,094,095	1,239,724	4,191.06	73,781	1,129.6

*c) Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo được đảm bảo thực hiện đúng theo quy trình, thủ tục giải quyết, đáp ứng được yêu cầu của người khiếu nại.*

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo luôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động của cơ quan quản lý thuế. Cơ quan quản lý thuế đã xây dựng quy trình giải quyết khiếu nại, quy trình giải quyết tố cáo, trong đó xác định rõ thời gian giải quyết, trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo tại cơ quan quản lý thuế các cấp.

Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo luôn được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục của Luật khiếu nại, tố cáo.

### **2.1.3. Hiện đại hóa công tác quản lý và giám sát thuế**

a) Trong thời gian qua, cơ quan quản lý thuế đã tập trung xây dựng, phát triển hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý thuế. Hệ thống ứng dụng được xây dựng trên cơ sở bám sát các yêu cầu nghiệp vụ và bao gồm các lớp ứng dụng quan trọng như: ứng dụng dịch vụ thuế trực tuyến, ứng dụng

phục vụ nghiệp vụ lỗi, ứng dụng hỗ trợ quản lý thuế, ứng dụng phục vụ quản trị nội bộ và ứng dụng dữ liệu. Đến thời điểm hiện tại, hệ thống này đã đáp ứng được yêu cầu của cơ quan thuế trong quản lý thu thuế, chỉ đạo điều hành cũng như kết nối, trao đổi thông tin. Đồng thời đã đáp ứng yêu cầu về cung cấp dịch vụ hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuế.

Một trong những thành tựu quan trọng của Luật Quản lý thuế là việc mở rộng phạm vi quản lý thuế, không chỉ với các giao dịch thuế nội địa mà còn bao gồm cả các giao dịch xuyên biên giới, thương mại điện tử và các giao dịch quốc tế. Điều này tạo hành lang pháp lý vững chắc để quản lý toàn diện các hoạt động kinh tế trong bối cảnh số hóa và hội nhập.

Đáp ứng yêu cầu quản lý thuế, một số giải pháp hiện đại hóa đã được ngành thuế triển khai mạnh với những thành tựu đáng kể như:

- Hệ thống hóa đơn điện tử toàn quốc bắt đầu triển khai từ tháng 7 năm 2022 và được nâng cấp nhiều lần để đáp ứng yêu cầu quản lý đã góp phần tăng cường tính công bằng, minh bạch trong triển khai pháp luật thuế khi các giao dịch đều được ghi nhận, cập nhật đúng thực tế, giúp giảm thời gian kê khai của NNT, hạn chế gian lận về thuế. Lũy kế **đến 24h ngày 30/4/2025**, trên cả nước đã có tổng số **13.831.477.325** hóa đơn điện tử đã được tiếp nhận và xử lý (Hóa đơn điện tử có mã: **3.165.207.055**; Hóa đơn điện tử không có mã: **3.726.251.630**; Hóa đơn điện tử không mã gửi Bảng tổng hợp: **4.823.706.703**; Hóa đơn theo từng lần phát sinh: **2.398.720**; Hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền: **2.113.913.217**).

- Phát triển các giải pháp công nghệ để quản lý các hình thức giao dịch mới phát sinh như hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, giao dịch xuyên biên giới góp phần nâng cao hiệu quả quản lý thuế đối với các hoạt động này, cung cấp thông tin hỗ trợ công tác chỉ đạo điều hành và xây dựng chính sách pháp luật. Đồng thời, các giải pháp này cũng giúp đơn giản hóa TTHC cho người nộp thuế, qua đó góp phần tiết kiệm chi phí, thời gian tuân thủ pháp luật của NNT.

- + Ngày 21/03/2022, ngành Thuế đã chính thức công bố ứng dụng Cổng thông tin điện tử dành cho nhà cung cấp nước ngoài (NCCNN) được xây dựng dựa trên các căn cứ pháp lý về quản lý thuế đối với các nhà cung cấp nước ngoài đã hoàn thiện để hỗ trợ nhà cung cấp nước ngoài thực hiện việc đăng ký, kê khai, nộp thuế trực tiếp từ bất cứ đâu trên thế giới.

- + Ngày 15/12/2022, ngành Thuế đã chính thức công bố triển khai và đưa vào vận hành Cổng tiếp nhận thông tin thương mại điện tử tiếp nhận thông tin của doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh trên các sàn TMĐT đáp ứng quy định các sàn giao

dịch TMĐT phải cung cấp thông tin về các tổ chức, cá nhân kinh doanh trên sàn cho cơ quan thuế định kỳ hàng quý. Đến ngày 20/04/2025, đã có 441 sàn TMĐT với 2.722 lượt nộp hồ sơ gửi đến cơ quan thuế cung cấp thông tin hàng triệu nhà cung cấp hàng hoá, dịch vụ trên các sàn. Tiếp đó, ngày 19/12/2024, ngành Thuế tiếp tục ra mắt Cổng thông tin điện tử dành cho hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký, kê khai, nộp thuế thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, bao gồm các chức năng từ đăng ký thuế đến kê khai, nộp thuế và tra cứu đã được tích hợp đầy đủ và mở ra thêm một kênh giao dịch mới thuận lợi hơn cho NNT là hộ, cá nhân kinh doanh. Tính đến ngày 20/04/2025 đã cấp được 78.629 MST cho NNT, tiếp nhận được 182.101 tờ khai, 123.810 chứng từ nộp tiền với tổng số tiền đã nộp là trên 726 tỷ đồng.

- Phát triển các giải pháp công nghệ để áp dụng hiệu quả phương pháp quản lý rủi ro trong phân loại hồ sơ hoàn thuế và lựa chọn doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế GTGT đáp ứng quy trình hoàn thuế mới<sup>6</sup> và bộ tiêu chí<sup>7</sup> đánh giá rủi ro. Từ ngày 28/10/2023, Ứng dụng phân loại hồ sơ hoàn thuế tự động được triển khai trong toàn ngành, giúp tự động hóa khâu phân loại và điện tử hóa các bước giải quyết hồ sơ hoàn thuế. Điều này vừa đẩy nhanh tiến độ giải quyết hồ sơ, vừa tăng cường kiểm soát rủi ro trong công tác quản lý hoàn thuế.

Bên cạnh đó, Luật quản lý thuế đã thiết lập quy định, tạo cơ sở pháp lý để tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành trong quản lý thuế. Các Bộ ngành có liên quan (như Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, cùng với hệ thống ngân hàng ...) đều có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thuế trong việc cung cấp thông tin, tài liệu hỗ trợ thực hiện công tác thu nộp thuế và áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định. Theo đó, ngành Thuế đã triển khai các giải pháp nâng cấp, mở rộng hệ thống ứng dụng đáp ứng yêu cầu kết nối trao đổi thông tin với các đơn vị, Bộ ngành. Đặc biệt, ngành Thuế triển khai hệ thống tích hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đến nay đã: phối hợp với Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Cục C06), Bộ Công an xây dựng quy trình trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu đăng ký thuế; triển khai hệ thống để tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký thuế (ĐKT) lần đầu, thay đổi thông tin ĐKT của cá nhân không kinh doanh qua Cổng Dịch vụ công quốc gia có kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về dân cư; thực hiện nâng cấp chính thức cho người dân sử dụng xác thực định danh điện tử VneID

<sup>6</sup> Quyết định số 679/QĐ-TCT ngày 31/5/2023 của Tổng cục Thuế.

<sup>7</sup> Quyết định số 1388/QĐ-TCT ngày 18/9/2023 của Tổng cục Thuế về việc áp dụng QLRR trong phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT và lựa chọn người nộp thuế để xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế.

trên hệ thống ứng dụng của ngành Thuế. Hiện tại, ngành Thuế tiếp tục phối hợp với C06 triển khai sinh trắc học trên eTax Mobile cho dịch vụ về đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử và Triển khai sử dụng các dịch vụ của ngành Thuế trên ứng dụng VNeID của Bộ Công an và Cục C06. Để triển khai các dịch vụ mang hướng tích hợp như vậy cũng như tích hợp với CSDL quốc gia, cần thiết phải có hành lang pháp lý quy định để thực hiện triển khai. Như tình huống về đăng ký thuế nêu trên, Bộ Tài chính đã sửa đổi thông tư số 105/2021/TT-BTC về đăng ký thuế, ban hành Thông tư số 86/2024/TT-BTC để hướng dẫn thay thế.

Như vậy, hệ thống thông tin quản lý thuế đã dần được hoàn thiện, đồng bộ, tích hợp đáp ứng yêu cầu công tác quản lý và giám sát. Và do đó, những nỗ lực hiện đại hóa của ngành đã từng bước nâng cao hiệu quả quản lý thuế, tạo môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch và thuận lợi cho người nộp thuế, đồng thời đảm bảo hiệu quả nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước. Đây là nền tảng quan trọng để ngành thuế tiếp tục phát triển hệ thống theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số mới vừa nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý thuế vừa đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ thuế số cho người nộp thuế.

Việc đầu tư phát triển ứng dụng CNTT của ngành Hải quan trong giai đoạn từ 2020 đến 2025 đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế và đem lại những lợi ích thiết thực cho người nộp thuế; nâng cao năng lực quản lý, điều hành; góp phần đẩy mạnh cải cách, hiện đại hóa quản lý thu. Giúp người nộp thuế giảm thủ tục kê khai thuế, tiết kiệm thời gian và chi phí về thủ tục nộp thuế do hầu hết các tờ khai thuế, hồ sơ thuế và chứng từ nộp thuế được số hóa để xử lý tự động vào hệ thống ứng dụng của ngành Hải quan thay cho việc sử dụng cán bộ hải quan để nhập dữ liệu. Từ năm 2020 đến nay, Tổng cục Hải quan (nay là Cục Hải quan) đã triển khai hệ thống miễn, giảm, hoàn thuế điện tử để điện tử hóa công tác quản lý miễn, giảm, hoàn thuế.

*b) Tổ chức bộ máy quản lý thuế không ngừng được hoàn thiện đã đáp ứng ngày càng tốt hơn những yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới*

Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo yêu cầu của Luật Quản lý thuế, cơ quan quản lý thuế đã từng bước sắp xếp, kiện toàn theo chức năng tại cơ quan thuế các cấp. Hệ thống cơ quan thuế được tổ chức thành hệ thống dọc thống nhất từ trung ương đến cấp huyện, bảo đảm nguyên tắc tập trung thống nhất.

- **Ngành Thuế:** Từ năm 2020 đến ngày 28/02/2025: Tại Trung ương có Tổng cục Thuế, cấp tỉnh có Cục Thuế trực thuộc Tổng cục Thuế; cấp huyện có

Chi cục Thuế trực thuộc Cục Thuế, gồm: Cơ quan Tổng cục Thuế ở Trung ương với 19 Cục, Vụ thực hiện chức năng quản lý nhà nước, trong đó có 17 Vụ, đơn vị hành chính, 02 đơn vị sự nghiệp, Ban Cải cách và Ban Quản lý rủi ro; 63 Cục thuế tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với 727 Phòng chức năng, chuyên môn; 413 Chi cục Thuế tại các quận, huyện (trong đó, 262 *Chi cục Thuế khu vực* và 151 *Chi cục Thuế quận, huyện, thị xã* với 2.585 *Đội thuế trực thuộc*).

Từ ngày 01/3/2025, Ngành Thuế tiếp tục sắp xếp bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu năng, hiệu quả với điểm nhấn là xóa bỏ mô hình Tổng cục và thu gọn tối đa các đầu mối bên trong. Tại Cục Thuế giảm từ 17 đầu mối xuống còn 12 đầu mối Ban và tương đương; Tại Chi cục Thuế đã sắp xếp, tổ chức lại 63 Cục Thuế thành 20 Chi cục Thuế khu vực; Tại Đội thuế cấp huyện đã sắp xếp, tổ chức lại 413 Chi cục Thuế khu vực thành 350 Đội thuế cấp huyện; đã xóa bỏ 2886 Đội Thuế thuộc Chi cục Thuế. Theo mô hình tổ chức bộ máy này thì ngành Thuế đã giảm hơn 4000 đầu mối xuống còn hơn 600 đầu mối.

Từ ngày 01/7/2025, Ngành Thuế tiếp tục có sự thay đổi sắp xếp theo hướng vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (tỉnh-xã) thay cho chính quyền địa phương 03 cấp trước đây (tỉnh- huyện-xã). Theo đó, ngành Thuế sắp xếp theo mô hình: Thuế tỉnh, thành phố (34); Thuế cơ sở (350).

Sau sắp xếp, mô hình tổ chức bộ máy của ngành Thuế cũng đã chuyển đổi từ mô hình “quản lý thuế theo chức năng” sang mô hình “quản lý thuế theo đối tượng” giúp đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ hiện đại để cung cấp dịch vụ tốt nhất cho người nộp thuế với phương châm “lấy người nộp thuế là trung tâm phục vụ”.

- **Ngành Hải quan:** Hệ thống cơ quan hải quan được tổ chức thành hệ thống dọc từ Tổng cục Hải quan, Hải quan tỉnh hoặc khu vực (bao gồm 1 số tỉnh) và các chi cục hải quan, bảo đảm nguyên tắc tập trung thống nhất, gồm: Tổng cục Hải quan (với 14 Cục, Vụ thực hiện chức năng quản lý nhà nước, 3 đơn vị sự nghiệp); 35 Cục Hải quan tỉnh và khu vực; 157 Chi cục Hải quan, Đội Kiểm soát Hải quan và đơn vị tương đương trực thuộc Cục Hải quan địa phương.

Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo yêu cầu của Luật quản lý thuế, cơ quan Hải quan đã thực hiện sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy: Thành lập bộ phận hỗ trợ tuyên truyền pháp luật cho người khai hải quan, người nộp thuế; Thành lập các phòng thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc một số đơn vị có số thu lớn như: TP.Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải phòng...

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp. Tập trung vào việc bồi dưỡng chính sách thuế, kỹ năng nghiệp vụ quản lý thuế, kỹ năng khai thác và vận hành các chương trình phần mềm cho cán bộ đáp ứng được yêu cầu công tác quản lý của Luật quản lý thuế.

Từ ngày 1/3/2025, cục Hải quan được tổ chức và hoạt động theo 03 cấp: Cục Hải quan, Chi cục Hải quan khu vực, Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu. Sau khi sắp xếp, tổ chức lại Tổng cục Hải quan thành Cục Hải quan giảm khoảng 485/902 đầu mối, tương ứng 53.77%. Thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, Cục Hải quan phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị bên trong, giảm đầu mối, giúp các đơn vị hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn.

Song song với việc triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý thuế theo chức năng, cơ quan quản lý thuế các cấp đã đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp. Chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng đã tập trung vào việc bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ quản lý thuế cho cán bộ thuế, hải quan... vừa đảm bảo trang bị kiến thức cơ bản, nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu, phục vụ kịp thời, thiết thực đối với công tác quản lý. Đến nay, công chức của cơ quan quản lý thuế các cấp đã vận hành theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Quản lý thuế.

***c) Mô hình quản lý thuế được thay đổi theo hướng từng bước hiện đại và phù hợp với thông lệ quốc tế, tăng cường tính tuân thủ, thực thi pháp luật của người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế***

Hiện hành các quy trình nghiệp vụ quản lý thuế được thực hiện trên các hệ thống tác nghiệp gồm TMS và QLTB-NĐ. Trong đó, Hệ thống TMS được thiết kế theo chức năng đăng ký thuế, xử lý tờ khai, quyết toán thuế, kế toán thuế, quản lý nợ. Thiết kế ứng dụng theo chức năng là một đặc điểm quan trọng của TMS, đảm bảo rằng các cán bộ thuế chỉ có quyền truy cập và thực hiện các tác vụ phù hợp với vai trò và trách nhiệm theo chức năng.

Khi thay đổi mô hình quản lý từ chức năng sang quản lý theo đối tượng gắn với chức năng, hiện hành hệ thống TMS gặp một số hạn chế:

- Kiến trúc dữ liệu, phân quyền không đáp ứng yêu cầu quản lý xuyên suốt 1 NNT theo vòng đời (life cycle).

- Kiến trúc ứng dụng thiết kế đóng theo từng cơ quan thuế theo nguyên tắc hạch toán kế toán (bộ sổ), phân quyền thao tác dữ liệu theo từng CQT (ứng dụng triển khai nhưng xử lý phân tán).

- Các hệ thống dịch vụ điện tử, hệ thống quản lý và các hệ thống hỗ trợ tác nghiệp còn kết nối qua các trung gian dẫn đến việc dữ liệu cập nhật real time chưa thực sự đảm bảo, một CBT phải tác nghiệp trên nhiều hệ thống.

#### **2.1.4. Nâng cao hiệu quả thu ngân sách và biện pháp chống thất thu**

##### ***(i) Đánh giá số thu ngân sách***

- Thu NSNN giai đoạn 2020-2024 đạt được những kết quả tích cực, thu ngân sách hàng năm đều đạt và vượt dự toán, quy mô số thu ngân sách ngày càng tăng, cơ cấu thu chuyển dịch theo hướng bền vững với tỷ trọng thu nội địa ngày càng cao, giảm dần phụ thuộc vào thu từ dầu thô và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu. Việc đẩy mạnh chuyển đổi số, hiện đại hóa trong công tác quản lý thu, đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực thuế và hải quan đã góp phần tăng tính minh bạch, tăng cường hiệu quả quản lý, chống thất thu. Nhờ nguồn lực tài chính dồi dào đã giúp Nhà nước đảm bảo chi cho đầu tư phát triển kinh tế, an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh, chuyển đổi số quốc gia và ứng phó hiệu quả với đại dịch COVID-19, đặc biệt là có nguồn lực để triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người dân hồi phục nhanh nền kinh tế sau giai đoạn dịch bệnh.

Các quy định của Luật Quản lý thuế và các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội cùng với sự điều hành quyết liệt, có hiệu quả của Chính phủ, Bộ Tài chính đã đảm bảo tập trung kịp thời nguồn thu cho NSNN. Tổng thu NSNN do cơ quan thuế và cơ quan hải quan quản lý từ 01/7/2020 đến 31/12/2024 đã có mức tăng trưởng đáng kể, cụ thể:

##### ***+) Tổng thu nội địa:***

Tính đến cuối năm 2024, tổng thu NSNN giai đoạn 2020-2024 đạt khoảng 8,736 triệu tỷ đồng, đạt 115,1% so dự toán, trong đó, tổng thu thuế, phí đạt 7,026 triệu tỷ đồng, chiếm 14,7% GDP; thu nội địa đạt 7,251 triệu tỷ đồng, chiếm 83% tổng thu NSNN, đạt 14,1% dự toán, thu nội địa hàng năm đều vượt dự toán<sup>8</sup>. Tỷ lệ huy động thu ngân sách chiếm khoảng 18,2%/GDP, trong đó, tỷ lệ huy động thu thuế phí đạt 14,7% trên GDP. Cơ cấu thu NSNN tiếp tục chuyển biến theo

<sup>8</sup> Thu nội địa năm 2020 đạt 1,294 triệu tỷ đồng (đạt 100,2% dự toán), năm 2021 đạt 1,313 triệu tỷ đồng năm 2021 (vượt 15,9% dự toán), năm 2022 đạt 1,448 triệu tỷ đồng (vượt 22,9% dự toán), năm 2023 đạt 1,484 triệu tỷ đồng (vượt 11,2% dự toán), năm 2024 đạt 1,712 triệu tỷ đồng (vượt 18,5% so với dự toán)



hướng bền vững hơn, tỷ trọng thu nội địa giai đoạn 2020-2024 chiếm khoảng 83% trong tổng thu NSNN. Quy mô thu NSNN ngày càng tăng, tổng thu NSNN từ mức 1,51 triệu tỷ đồng của năm 2020 đã tăng lên mức 2,044 triệu tỷ vào năm 2025, tương đương gấp 1,35 lần so với năm 2020, trong đó, thu nội địa thực hiện gấp 1,32 lần. Tốc độ tăng thu giai đoạn 2020-2024 tăng bình quân khoảng 7,8%/năm, trong đó, tốc độ tăng thu nội địa bình quân khoảng 7,3%/năm.

**+) Tổng thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu:**

Thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu trong 05 năm (từ 2020 – 2024) đạt 1.925.229 tỷ đồng. Thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu đã thể hiện sự tăng trưởng ổn định qua các năm. Từ mức đạt 314.463 tỷ đồng năm 2020 (đạt 93,04% dự toán), thu ngân sách đã tăng lên 377.147 tỷ đồng năm 2021 (vượt 19,73% dự toán), 437.368 tỷ đồng năm 2022 (vượt 24,25% dự toán), và 368.615 tỷ đồng năm 2023 (đạt 86,85% dự toán). Năm 2024, thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 427.636 tỷ đồng, tăng 14,04% so với dự toán.

(ii) Công tác thanh tra, kiểm tra thuế đã đạt được những kết quả đáng kể trong việc chống thất thu. Theo Nghị quyết số 08-NQ/ĐUCTION ngày 26/5/2025 của Đảng ủy Cục Thuế về tăng cường công tác kiểm tra chống thất thu ngân sách nhà nước, trong năm 2024, toàn ngành Thuế đã thực hiện được 72.343 cuộc thanh tra, kiểm tra, đạt 112,11% kế hoạch năm 2024; kiểm tra được 729.985 hồ sơ bằng 95,49% so với cùng kỳ năm 2023. Tổng số tiền kiến nghị xử lý qua thanh tra, kiểm tra là 75.772,45 tỷ đồng bằng 107,86% năm 2023, trong đó: tổng số thuế tăng thu qua thanh tra, kiểm tra là 19.665,7 tỷ đồng, giảm khấu trừ là 3.481,91 tỷ đồng; giảm lỗ là 52.624,84 tỷ đồng. Tổng số tiền thuế nộp vào ngân sách là 13.413,5 tỷ đồng, bằng 68,21% số tăng thu qua thanh tra kiểm tra.

Năm 2024 đánh dấu nhiều thành công trong việc thanh tra, kiểm tra chuyên đề. Về chuyên đề nông sản, kết quả triển khai lũy kế cập nhật đến hết tháng 4/2025 như sau:

Tổng số thuế phát hiện kê khai sai, kê khai thiếu qua công tác triển khai chuyên đề là 745 tỷ đồng, số đã nộp NSNN là 205 tỷ đồng, cụ thể:

+ Số phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT là 592,5 tỷ đồng (tăng 181 tỷ đồng so với kết quả lũy kế 2024), bao gồm truy thu, xử phạt là 182 tỷ đồng (số đã nộp NSNN là 124 tỷ đồng); giảm khấu trừ GTGT là 21,2 tỷ đồng; giảm lỗ TNDN là 389,3 tỷ đồng;

+ Số phát hiện qua kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế là 51,4 tỷ đồng (đã nộp NSNN là 25,6 tỷ đồng);

+ Số tăng thu với hộ, cá nhân kinh doanh là 101 tỷ đồng (đã nộp NSNN là 55,3 tỷ đồng).

Việc kiểm tra các doanh nghiệp đại chúng về phát hành cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng cũng thu về ngân sách 151,5 tỷ đồng. Đặc biệt, trong lĩnh vực bảo hiểm, qua thanh tra 20 doanh nghiệp đã giảm lỗ gần 5 tỷ đồng, truy thu 3,3 tỷ đồng và phạt gần 1,2 tỷ đồng.

Công tác kiểm tra thuế tại cơ quan hải quan và kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế đã đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn. Phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về thuế, vừa chống thất thu thuế. Từ đó giúp cho người nộp thuế nâng cao tính tuân thủ pháp luật về thuế. Công tác kiểm tra thuế của ngành hải quan chủ yếu thực hiện sau khi hàng hóa đã thông quan, do lực lượng kiểm tra sau thông quan thực hiện. Số cuộc kiểm tra sau thông quan từ năm 2020 đến tháng 3/2025: 9835 cuộc; Số tiền thu vào NSNN là 3117,19 tỷ đồng.

Thanh tra thuế trong lĩnh vực hải quan là một nội dung thanh tra chuyên ngành hải quan. Số liệu kết quả thanh tra chuyên ngành giai đoạn từ 1/7/2020 đến 31/5/2025 như sau:

<b>Năm</b>	<b>Tổng số cuộc</b>	<b>Kiến nghị (VNĐ)</b>	<b>Số đã thu nộp NSNN</b>
2020	52	87,593,103,382	101,562,868,933
2021	36	82,640,000,000	70,100,917,537
2022	115	71,491,000,000	55,785,000,000
2023	113	208,652,000,000	296,087,000,000
2024	55	155,154,000,000	82,086,000,000
2025	3	11,331,000,000	9,731,000,000
<b>Tổng</b>	<b>374</b>	<b>616,861,103,382</b>	<b>615,352,786,470</b>

(iii) Đơn giản hoá các thủ tục quản lý nợ và cưỡng chế thu nợ để nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thiểu thời gian xử lý công việc, giảm nợ đọng thuế. Nghiên cứu các biện pháp thu nợ và cưỡng chế nợ thuế khác nhau tùy theo tính chất của khoản nợ (theo tuổi nợ, loại nợ, địa bàn và mức độ phức tạp); xây dựng, ban hành quy chế phối hợp giữa các ngành phục vụ công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

Công tác quản lý và thu hồi nợ thuế cũng đạt hiệu quả cao nhờ ứng dụng công nghệ thông tin. Cơ quan thuế đã xây dựng và nâng cấp các ứng dụng quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, tự động hóa việc thông báo nợ và quyết định cưỡng chế thông qua phương thức điện tử. Kết quả thu hồi nợ thuế từ năm 2020 đến 6 tháng đầu năm 2025 như sau:

Năm	Số thu nội địa	Số thuế nợ đã thu hồi (triệu đồng)	Tỷ lệ thu hồi thuế nợ
2020	1.278.648	28.476	2,2%
2021	1.301.586	34.546	2,7%
2022	1.440.833	39.000	2,7%
2023	1.478.070	49.500	3,3%
2024	1.694.001	62.919	3,7%
6 tháng đầu năm 2025	1.656.836	43.109	2,6%

Kết quả thu hồi nợ thuế của ngành hải quan năm 2022 đạt 459,67 tỷ đồng, năm 2023 đạt 1.288 tỷ đồng, tăng 180% so với cùng kỳ, năm 2024 đạt 896 tỷ đồng, giảm 30,4% so với cùng kỳ.

- Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế, không để sót nguồn thu; đồng thời tạo điều kiện cho các Nhà cung cấp nước ngoài (NCCNN) “có cơ sở thường trú” khai nộp thuế qua Cổng Thông tin điện tử (TTĐT) của Cục Thuế), khoản 5 Điều 6 Luật số 56/2024/QH15 đã bỏ cụm từ “không có cơ sở thường trú” tại khoản 4 Điều 42 Luật Quản lý thuế hiện hành.

Tính đến thời điểm ngày 03/7/2025, tổng số NCCNN đã đăng ký thuế, kê khai và nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử từ thời điểm triển khai vận hành là 163 NCCNN đến từ nhiều quốc gia như Hoa Kỳ, Singapore, Anh,... Tổng số thu

NSNN từ các nhà cung cấp nước ngoài (ghi nhận trên hệ thống quản lý thuế tập trung - TMS) kể từ thời điểm triển khai vận hành Cổng TTĐT là 23.131 tỷ đồng, trong đó:

+ Số thu năm 2022 là 1.850 tỷ đồng khai – nộp trực tiếp qua Cổng TTĐT; (42 NCCNN).

+ Số thu năm 2023 là 6.896 tỷ đồng khai – nộp trực tiếp qua Cổng TTĐT; (74 NCCNN).

+ Số thu năm 2024 là 8.693 tỷ đồng khai – nộp trực tiếp qua Cổng TTĐT; (120 NCCNN).

+ Số thu năm 2025 (tính đến ngày 03/7/2025) là 5.692 tỷ đồng khai – nộp trực tiếp qua Cổng TTĐT (tăng 41% so với cùng kỳ năm ngoái) (163 NCCNN).

Từ số liệu báo cáo thực tế đã cho thấy hiệu quả rõ rệt của Luật Quản lý thuế trong việc quản lý thuế đối với các NCCNN, hỗ trợ người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ dễ dàng hơn, góp phần giảm thiểu thất thu và gian lận thuế trong bối cảnh thương mại điện tử bùng nổ.

(iv) Đặc biệt, việc kiểm soát thuế trong lĩnh vực thương mại điện tử (TMĐT) đã có bước tiến quan trọng. Thông qua Cổng thông tin thương mại điện tử, cơ quan thuế đã tiếp nhận thông tin từ 439 sàn giao dịch với gần 725 nghìn tổ chức, cá nhân kinh doanh, tổng giá trị giao dịch đạt hơn 75 nghìn tỷ đồng. Trong năm 2024, kết quả thu thuế từ các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử là khoảng 116 nghìn tỷ đồng<sup>9</sup>, tăng 20% so với số thuế năm 2023. Việc triển khai Cổng thông tin điện tử dành cho hộ, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử vào tháng 11/2024 với 5 chức năng chính (đăng nhập, đăng ký thuế, kê khai, nộp thuế, tra cứu) đã tạo thêm kênh hỗ trợ thuận lợi cho người nộp thuế, đồng thời tăng cường hiệu quả quản lý thuế trong lĩnh vực này.

Về kết quả công tác thu thuế đối với hoạt động TMĐT:

+ Số liệu quản lý thuế đối với người nộp thuế có hoạt động TMĐT: Năm 2022 số thuế đã nộp là 83 nghìn tỷ đồng; Năm 2023 số thuế đã nộp là 97 nghìn tỷ đồng; Năm 2024 số thuế đã nộp là 116 nghìn tỷ đồng.

+ Số liệu quản lý thuế đối với người nộp thuế có hoạt động TMĐT trong 05 tháng đầu năm 2025:

Đối với Cổng thông tin điện tử: Tổng số NCCNN đã đăng ký thuế, kê khai và nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử từ thời điểm kê khai, vận hành là 158

<sup>9</sup> Đã bao gồm số thu NSNN từ các nhà cung cấp nước ngoài

NCCNN, đã thực hiện kê khai, nộp thuế đạt 5,674 nghìn tỷ đồng tăng 41% so với cùng kỳ năm 2024.

Đối với Công thông tin điện tử dành cho hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký, kê khai nộp thuế đã có 100 nghìn hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế trên công với số tiền gần 1,1 nghìn tỷ đồng.

Rà soát dữ liệu của gần 93 nghìn tổ chức đang hoạt động có hoạt động kinh doanh TMĐT với số thuế đã nộp là 67,6 nghìn tỷ đồng.

- Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế, không để sót nguồn thu; đồng thời tại điều kiện cho các Nhà cung cấp nước ngoài (NCCNN) “có cơ sở thường trú” khai nộp thuế qua Cổng Thông tin điện tử (TTĐT) của Cục Thuế), khoản 5 Điều 6 Luật số 56/2024/Qh15 đã bỏ cụm từ “không có cơ sở thường trú” tại khoản 4 Điều 42 Luật Quản lý thuế hiện hành. Tính từ thời điểm Luật số 56/2024/QH15 được ban hành, đã có thêm 44 NCCNN thực hiện đăng ký thuế, tăng tổng số NCCNN đã đăng ký qua Cổng TTĐT của Cục Thuế lên 160 NCCNN; Tổng số thuế NCCNN đã nộp vào ngân sách nhà nước trong năm 2025 đạt 5.687 tỷ đồng (tăng 40% so với cùng kỳ năm 2024). Từ số liệu báo cáo thực tế đã cho thấy hiệu quả rõ rệt của Luật Quản lý thuế trong việc quản lý thuế đối với các NCCNN, hỗ trợ người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ dễ dàng hơn, góp phần giảm thiểu thất thu và gian lận thuế trong bối cảnh thương mại điện tử bùng nổ.

Về việc xử lý thuế đối với hoạt động TMĐT, cơ quan thuế đã thực hiện rà soát 164.661 người nộp thuế, trong đó:

Đối với doanh nghiệp: Thực hiện xử lý truy thu đối với doanh nghiệp (số lượng từ hệ thống quản lý thuế tập trung là 1.457 doanh nghiệp) với số tiền hơn 416 tỷ đồng (Thuế GTGT: 98 tỷ đồng, thuế TNDN: 318 tỷ đồng, thuế TTĐB: 71 triệu đồng).

Đối với cá nhân, hộ kinh doanh: Thực hiện xử lý truy thu đối với cá nhân, hộ kinh doanh 25.201 trường hợp (số lượng theo cơ quan thuế báo cáo) với số tiền hơn 331 tỷ đồng.

(v) Khung pháp lý quy định về giá chuyển nhượng của Việt Nam đã được xây dựng phù hợp với thông lệ quốc tế chung, thực tiễn Việt Nam và ngày càng được hoàn thiện; hiệu quả của công tác quản lý thuế đối với hoạt động chuyển giá, tăng cường công tác đấu tranh phòng chống các hành vi chuyển lợi nhuận gây xói mòn nguồn thu trên cơ sở tiếp thu, phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thực tiễn phát sinh tại Việt Nam.

Qua 4 năm thực hiện Nghị định 132/2020/NĐ-CP, về kết quả kê khai tuân thủ của người nộp thuế có quan hệ liên kết và phát sinh giao dịch liên kết trên hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành thuế và số liệu báo cáo của các Cục Thuế (hiện nay là Thuế tỉnh, thành phố) qua thanh tra, kiểm tra thể hiện qua các năm như sau:

+ Năm 2020: Tổng số doanh nghiệp có quan hệ liên kết và phát sinh giao dịch liên kết là 21.775 đơn vị với tổng số chi phí lãi vay phát sinh của các doanh nghiệp này là 196.416 tỷ đồng. Trong đó, có 18.817 doanh nghiệp có chi phí lãi vay không vượt mức khống chế (chiếm tỷ lệ 86,4% số doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết) với chi phí lãi vay phát sinh là 158.765 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 80,8% so với tổng chi phí lãi vay của các doanh nghiệp có quan hệ liên kết và phát sinh giao dịch liên kết). Có 2.958 doanh nghiệp phát sinh chi phí lãi vay không được trừ chuyển kỳ sau (chiếm tỷ lệ 13,6% số doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết) với tổng số chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ là 37.651 tỷ đồng; trong đó, chi phí lãi vay được trừ là 15.277 tỷ đồng và chi phí lãi vay không được trừ chuyển kỳ sau là 22.374 tỷ đồng.

+ Năm 2021: Tổng số doanh nghiệp có quan hệ liên kết và phát sinh giao dịch liên kết là 24.396 đơn vị với tổng số chi phí lãi vay phát sinh của các doanh nghiệp này là 480.082 tỷ đồng. Trong đó, có 19.734 doanh nghiệp có chi phí lãi vay không vượt mức khống chế (chiếm tỷ lệ 80,9% số doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết) với tổng chi phí lãi vay phát sinh là 436.104 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 90,8% so với tổng chi phí lãi vay của các doanh nghiệp có quan hệ liên kết và phát sinh giao dịch liên kết). Có 4.662 doanh nghiệp phát sinh chi phí lãi vay không được trừ chuyển kỳ sau (chiếm tỷ lệ 19,1% số doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết) với tổng số chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ là 43.977 tỷ đồng; trong đó, chi phí lãi vay được trừ là 19.263 tỷ đồng và chi phí lãi vay không được trừ chuyển kỳ sau là 24.714 tỷ đồng.

+ Năm 2022: Tổng số doanh nghiệp có quan hệ liên kết và phát sinh giao dịch liên kết là 23.774 đơn vị với tổng số chi phí lãi vay phát sinh của các doanh nghiệp này là 225.484 tỷ đồng. Trong đó, có 19.666 doanh nghiệp có chi phí lãi vay không vượt mức khống chế (chiếm tỷ lệ 82,7% số doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết) với tổng chi phí lãi vay phát sinh là 170.326 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 75,5% so với tổng chi phí lãi vay của các doanh nghiệp có quan hệ liên kết và phát sinh giao dịch liên kết). Có 4.108 doanh nghiệp phát sinh chi phí lãi vay không được trừ chuyển kỳ sau (chiếm tỷ lệ 17,3%) với tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ 55.158 tỷ đồng; trong đó, chi phí lãi vay được trừ là 24.056 tỷ đồng và chi phí lãi vay không được trừ chuyển kỳ sau là 31.102 tỷ đồng.

+ Năm 2023: Tổng số doanh nghiệp có quan hệ liên kết và phát sinh giao dịch liên kết là 22.542 đơn vị với tổng số chi phí lãi vay phát sinh của các doanh nghiệp này là 258.140 tỷ đồng. Trong đó, có 18.272 doanh nghiệp có chi phí lãi vay không vượt mức khống chế (chiếm tỷ lệ 81,06% số doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết) với tổng chi phí lãi vay phát sinh là 180.095 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 69,8% so với tổng chi phí lãi vay của các doanh nghiệp có quan hệ liên kết và phát sinh giao dịch liên kết). Có 4.270 doanh nghiệp phát sinh chi phí lãi vay không được trừ chuyển kỳ sau (chiếm tỷ lệ 18,9%) với tổng số chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ là 78.045 tỷ đồng; trong đó, chi phí lãi vay được trừ là 29.271 tỷ đồng và chi phí lãi vay không được trừ chuyển kỳ sau tương ứng là 48.773 tỷ đồng.

### **2.1.5. Thúc đẩy hội nhập quốc tế**

Luật Quản lý thuế đã đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hội nhập quốc tế của ngành thuế Việt Nam thông qua việc xây dựng khung pháp lý phù hợp với cam kết quốc tế. Điều này đã giúp hình thành hệ thống quản lý thuế đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, tăng cường khả năng chống trốn thuế, chuyển giá và gian lận thuế xuyên biên giới.

Trong năm 2024, ngành thuế tiếp tục tăng cường hợp tác với cơ quan thuế các nước và tổ chức quốc tế thông qua việc triển khai đàm phán các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, Nghị định thư sửa đổi Hiệp định thuế với Hy Lạp, Nhật Bản, Ai Cập, Albani, Ghi-nê, Ca-mơ-run, Cô-oét, UAE, Qatar, Canada, .... Song song với đó, ngành thuế cũng đẩy mạnh hợp tác, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm trong công tác quản lý thuế với các đối tác như Lào, Hàn Quốc, Nga cùng các tổ chức quốc tế như SGATAR, IMF trong đó có các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế đối với những lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh mới, phức tạp như: chuyển giá, thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, quyền đánh thuế giữa các quốc gia, thống kê thuế...

Công tác trao đổi thông tin quốc tế về thuế cũng đạt được những kết quả đáng kể. Chỉ tính riêng năm 2024, ngành Thuế đã tiến hành xử lý 56 trường hợp<sup>10</sup> đề nghị trao đổi thông tin theo Hiệp định với cơ quan thuế các nước. Các hồ sơ tập trung nhiều vào sắc thuế TNDN, TNCN và GTGT (chủ yếu liên quan đến việc xác minh hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam phục vụ công tác kiểm

<sup>10</sup> 35 trường hợp Việt Nam yêu cầu nước ngoài cung cấp thông tin (bao gồm các hồ sơ tiếp tục xử lý từ năm 2023); 06 trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam cung cấp thông tin; 05 trường hợp trao đổi thông tin tự nguyện do nước ngoài cung cấp.

tra hoàn thuế GTGT), góp phần tích cực vào công tác chống gian lận và tăng thu ngân sách nhà nước<sup>11</sup>.

Năm 2024 đánh dấu bước tiến mới trong hội nhập quốc tế khi ngành thuế tích cực tham gia các Cam kết quốc tế đa phương quan trọng. Trong đó bao gồm: ký Hiệp định đa phương về Hỗ trợ hành chính thuế (MAAC) giúp thực thi tốt hơn các luật thuế trong nước thông qua việc áp dụng các công cụ pháp lý quốc tế để trao đổi thông tin thuế và hợp tác về hành chính thuế nhằm chống trốn, và tránh thuế quốc tế và các hình thức không tuân thủ khác; đồng thời, Việt Nam đã tham gia Thỏa thuận đa phương giữa các Nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbC MCAA) và tiếp tục nghiên cứu để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét tham gia Thỏa thuận đa phương giữa các Nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi tự động thông tin tài khoản tài chính (CRS MCAA). Bên cạnh đó, việc tham gia sáng kiến toàn cầu về thuế như BEPS (chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển lợi nhuận) thể hiện cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế về thuế.

Những nỗ lực hội nhập quốc tế này không chỉ nâng cao năng lực quản lý thuế của Việt Nam mà còn thể hiện cam kết mạnh mẽ của ngành thuế trong việc xây dựng một hệ thống thuế hiện đại, minh bạch và phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Điều này góp phần quan trọng trong việc tạo môi trường đầu tư thuận lợi và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

## **2.2. Tồn tại, hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 cũng phát sinh một số tồn tại, hạn chế như sau:

### **2.2.1. Bất cập trong khung pháp lý và quy trình nghiệp vụ**

Khung pháp lý và quy trình nghiệp vụ của Luật Quản lý thuế đang bộc lộ nhiều điểm nghẽn đáng quan ngại, thể hiện qua ba nhóm vấn đề chính. Nhóm thứ nhất liên quan đến quy định về đăng ký, khai thuế và tính thuế - những quy định này chưa bao quát hết các tình huống thực tế, đặc biệt là các vướng mắc phát sinh từ Luật thuế xuất nhập khẩu, việc tạm ngừng kinh doanh, khôi phục mã số thuế, hợp đồng hợp tác kinh doanh, việc chuyển địa điểm kinh doanh, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (bao gồm cả giai đoạn trước khi chuyển đổi loại hình từ doanh nghiệp chế xuất thành doanh nghiệp không hưởng chế độ chế xuất và ngược lại),

<sup>11</sup> Theo báo cáo của các Cục Thuế địa phương (nay là Thuế tỉnh, thành phố), thông qua công tác trao đổi thông tin với Cơ quan thuế nước ngoài trong giai đoạn 2020-2024, đã giúp ngành Thuế truy thu cho NSNN tổng số tiền khoảng 61.340 triệu VNĐ. Trong đó, năm 2020 là 8.506 triệu VNĐ, năm 2021 là 600 triệu VNĐ, năm 2022 là 29.723 triệu VNĐ, năm 2023 là 17.201 triệu VNĐ và năm 2024 là 5.301 triệu VNĐ.



tổ chức lại doanh nghiệp, vướng mắc phát sinh từ pháp luật chuyên ngành về dầu khí đặc biệt là vướng mắc liên quan về đồng tiền kê khai, nộp thuế đối với hoạt động dầu khí, thời hạn kê khai, nộp thuế đối với hoạt động dầu khí. Nhóm thứ hai tập trung vào quy trình nộp thuế và ấn định thuế, trong đó nổi cộm là những bất cập về thời hạn nộp thuế, xử lý chậm nộp, và đặc biệt là việc ấn định thuế đối với người nước ngoài đề nghị miễn thuế thu nhập cá nhân. Nhóm thứ ba liên quan đến công tác hoàn thuế và quản lý chứng từ - hệ thống phân loại hồ sơ hoàn thuế hiện tại chưa tương thích với ứng dụng tự động, trong khi quy định về quản lý hóa đơn còn vướng mắc ở nhiều khía cạnh như thời điểm lập hóa đơn và áp dụng hóa đơn điện tử. Đáng chú ý, công tác kiểm tra và thanh tra thuế cũng đang gặp nhiều trở ngại, điển hình là việc thiếu chế tài xử phạt đối với doanh nghiệp không ký xác nhận số liệu, cũng như hạn chế trong phân tích rủi ro hồ sơ khai thuế trên hệ thống TTR. Những bất cập này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thuế mà còn tạo ra những điểm mờ trong việc thực thi pháp luật, đòi hỏi cần có những điều chỉnh kịp thời và toàn diện.

#### **2.2.2. Chưa theo kịp sự phát triển của nền kinh tế số**

Sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế số đã tạo ra những thách thức lớn mà khung pháp lý hiện hành của Luật Quản lý thuế chưa thể bắt kịp và điều chỉnh hiệu quả. Đặc biệt trong bối cảnh thương mại điện tử xuyên biên giới bùng nổ, việc thiếu vắng các công cụ pháp lý phù hợp để quản lý doanh thu và thu thuế từ các nền tảng số, sàn giao dịch trực tuyến đang trở thành điểm nghẽn đáng kể. Tình trạng này càng trở nên phức tạp hơn đối với các doanh nghiệp công nghệ nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam nhưng vẫn thu được lợi nhuận đáng kể từ thị trường nội địa. Mặt khác, việc Việt Nam tham gia ngày càng sâu rộng vào các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đòi hỏi phải có những điều chỉnh căn bản trong cơ chế quản lý thuế. Những điều chỉnh này cần đảm bảo vừa tuân thủ các cam kết quốc tế, vừa tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư nước ngoài, đồng thời vẫn phải đảm bảo được tính công bằng trong cạnh tranh thương mại và không để thất thu ngân sách nhà nước.

#### **2.2.3. Hạn chế trong ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số**

Quy định hiện hành trong Luật quản lý thuế thể hiện một số hạn chế nhất định trong việc ứng dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu quản lý, cụ thể:

- Chưa thiết lập cơ sở pháp lý cho việc ứng dụng các công nghệ số tiên tiến như dữ liệu lớn (big data) và trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý thuế.

- Các quy định về trách nhiệm cũng như cơ chế chia sẻ, trao đổi thông tin giữa các Bộ, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan phục vụ công tác quản lý thuế chưa được đầy đủ, bao quát. Việc thay đổi thông tin số diễn ra hàng ngày, hàng giờ và việc quy định pháp lý thì không kịp điều chỉnh theo những diễn biến đó.

- Thiếu cơ sở pháp lý để sử dụng một cách hợp pháp các thông tin, dữ liệu được trao đổi với bên thứ ba phục vụ công tác quản lý thuế, nhất là sử dụng những thông tin cá nhân có tính bảo mật cao.

- Thiếu khung pháp lý cho việc triển khai đồng bộ tự động hóa quy trình nghiệp vụ cũng như giải quyết TTHC thuế tự động nhất là đối với các TTHC có tính chất liên thông, sử dụng thông tin dữ liệu từ nhiều bộ/ ngành/ địa phương.

Đây chính là một số hạn chế cần được cải thiện để tối đa hóa được việc khai thác sử dụng dữ liệu chia sẻ dùng chung của quốc gia, của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước, giữa cơ quan thuế và các Doanh nghiệp, Tổ chức, chủ thể cung cấp thông tin khác nhằm mục tiêu hiện đại hóa công tác quản lý thuế theo định hướng chuyển đổi số của Chính phủ đang hướng tới.

- Ngày 14/6/2025, tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Luật Công nghiệp Công nghệ số, trong đó có một số nội dung liên quan đến nghĩa vụ thuế, miễn giảm thuế đối với tài sản số như sản phẩm bán dẫn, tài sản mã hóa, dịch vụ công nghệ số ...tuy nhiên, Luật QLT hiện hành chưa có cơ chế quản lý rủi ro chuyên biệt với tiêu chí phù hợp với tính chất ngành: tốc độ phát triển nhanh, phi vật chất, dễ chuyển giao giá trị, khó định danh chính xác của đối tượng NNT hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số do vậy cũng cần nghiên cứu đề xuất về cơ chế quản lý thuế đối với lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp.

#### **2.2.4. Hạn chế trong kiểm soát gian lận**

Thực trạng gian lận và trốn thuế đang diễn biến ngày càng tinh vi và phức tạp, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. Các hành vi vi phạm không chỉ dừng lại ở việc kê khai sai lệch, giấu doanh thu hay lập hóa đơn khống đơn thuần, mà đã phát triển thành các thủ đoạn có tổ chức với quy mô lớn, liên quan đến nhiều chủ thể và địa bàn khác nhau. Đặc biệt nghiêm trọng là tình trạng gian lận trong các giao dịch xuyên biên giới, nơi kẽ hở về cơ chế giám sát và sự khác biệt giữa các hệ thống thuế quốc gia tạo điều kiện cho hành vi trốn thuế. Các doanh nghiệp đa quốc gia thường lợi dụng việc chuyển giá, phân bổ lợi nhuận và các giao dịch phức tạp giữa các công ty liên kết để tối thiểu hóa nghĩa vụ thuế.

Trong khi đó, công cụ và năng lực giám sát của cơ quan thuế còn hạn chế, thiếu cơ chế trao đổi thông tin tự động với các nước, cũng như thiếu các giải pháp công nghệ hiện đại để phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận. Điều này đòi hỏi cần có sự đổi mới toàn diện trong cả khung pháp lý và công cụ quản lý để tăng cường hiệu quả kiểm soát gian lận thuế.

### **2.2.5. Chậm đổi mới theo xu hướng quốc tế**

Sự chậm trễ trong việc đổi mới công tác quản lý thuế theo xu hướng quốc tế đang là một điểm yếu đáng quan ngại. Trong khi các nước đã và đang tập trung mạnh mẽ vào số hóa toàn diện, triển khai các giải pháp công nghệ tiên tiến trong quản lý thuế, thì Việt Nam vẫn chưa theo kịp xu thế này. Điều này thể hiện qua ba khía cạnh chính: Thứ nhất, hệ thống quản lý thuế điện tử chưa được phát triển đồng bộ và toàn diện từ khâu kê khai, nộp thuế đến hoàn thuế trực tuyến, dẫn đến chi phí quản lý cao và thiếu minh bạch trong quy trình thực hiện. Thứ hai, việc ứng dụng công nghệ trong phân tích và cảnh báo sớm các hành vi bất thường trong giao dịch tài chính và kê khai thuế còn hạn chế, làm giảm hiệu quả công tác quản lý rủi ro. Thứ ba, cơ quan thuế chưa xây dựng được nền tảng trực tuyến đủ thân thiện và tiện dụng để khuyến khích người nộp thuế tự nguyện tuân thủ, trong khi đây đang là xu hướng được các nước chú trọng phát triển nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế và tạo thuận lợi tối đa cho người nộp thuế.

## **2.3. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế**

### **2.3.1. Bối cảnh kinh tế và thương mại**

Sự suy giảm của nền kinh tế toàn cầu do tác động kép từ đại dịch Covid-19 và xung đột Nga-Ukraine đã ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước. Điều này trực tiếp làm suy giảm khả năng tài chính và thu nhập của doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân, từ đó ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước. Đồng thời, xu hướng toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng cùng với sự phát triển của công nghệ số đã làm thay đổi căn bản cấu trúc hoạt động của các doanh nghiệp. Các mô hình kinh doanh mới liên tục xuất hiện, đặc biệt là hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới và các giao dịch chuyển giá trong tập đoàn đa quốc gia. Những thay đổi này tạo ra những thách thức chưa có tiền lệ trong công tác quản lý thuế, không chỉ ở Việt Nam mà còn ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Trong khi đó, khả năng dự báo và ứng phó của các cơ quan quản lý còn hạn chế, chưa theo kịp tốc độ biến đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh, dẫn đến những khoảng trống trong quản lý thuế đối với các hoạt động kinh tế mới phát sinh.

### 2.3.2. Hệ thống pháp lý và thực thi

Hệ thống pháp lý và thực thi trong quản lý thuế đang bộc lộ những điểm yếu cốt lõi cần được giải quyết. Trước hết, tính thiếu đồng bộ giữa Luật Quản lý thuế với các văn bản pháp luật liên quan như Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, pháp luật chuyên ngành đã tạo ra những khoảng trống trong quản lý. Điều này xuất phát từ việc phải liên tục điều chỉnh các quy định để theo kịp bối cảnh kinh tế mới, dẫn đến sự chồng chéo và thiếu nhất quán trong thực thi.

Đáng chú ý hơn, thẩm quyền hạn hẹp của cơ quan thuế trong công tác thanh tra, kiểm tra đang là rào cản lớn trong việc phát hiện và xử lý vi phạm. Cụ thể, việc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch, chuyên đề của Cơ quan thuế phải thông báo trước đến người nộp thuế; cơ quan thuế không có quyền khám xét đột xuất trụ sở, địa điểm kinh doanh của người nộp thuế, không có quyền điều tra, thẩm vấn các đối tượng có liên quan để xác minh, làm rõ dấu hiệu tội phạm... Hạn chế này tạo cơ hội cho các đối tượng vi phạm có thời gian che giấu, xóa dấu vết và tiêu hủy chứng cứ.

Thêm vào đó, cơ chế phối hợp giữa cơ quan thuế và cơ quan điều tra còn nhiều bất cập. Khi phát hiện dấu hiệu tội phạm, quy trình chuyển hồ sơ giữa các cơ quan thường diễn ra chậm chạp, thiếu tính kết nối. Nhiều trường hợp hồ sơ tồn đọng do không được hồi báo hoặc hồi báo muộn, thậm chí khi chuyển trả về để xử lý hành chính thì đã quá thời hiệu. Hệ quả là hiệu quả răn đe trong xử lý vi phạm bị giảm sút đáng kể, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu lực thực thi pháp luật thuế.

### 2.3.3. Năng lực quản lý và nguồn lực

Yếu tố năng lực quản lý và nguồn lực đang bộc lộ những điểm yếu đáng quan ngại trong hệ thống quản lý thuế. Trước hết, hạn chế nổi bật nhất là sự thiếu đồng bộ và chưa hoàn thiện của hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu giữa các cơ quan quản lý. Điều này không chỉ cản trở việc chia sẻ thông tin kịp thời mà còn làm giảm hiệu quả trong việc giám sát và quản lý người nộp thuế. Thêm vào đó, năng lực dự báo và phân tích tình hình kinh tế của đội ngũ quản lý còn nhiều hạn chế, dẫn đến việc không nắm bắt kịp thời diễn biến thị trường để đưa ra các chính sách phù hợp. Đặc biệt nghiêm trọng là tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao - những người có khả năng thành thạo ngoại ngữ và am hiểu sâu về các vấn đề thuế quốc tế phức tạp như chuyển giá, thương mại điện tử. Tình trạng này càng trở nên đáng lo ngại trong bối cảnh hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng, đòi hỏi trình độ chuyên môn và khả năng xử lý các tình huống phức tạp ngày càng cao. Bên cạnh đó, việc thiếu các cơ chế đãi ngộ, khuyến khích và đào tạo phù hợp cũng

góp phần làm trầm trọng thêm vấn đề thiếu hụt nhân sự chất lượng cao trong ngành thuế. Cuối cùng, ý thức tuân thủ pháp luật thuế của một bộ phận không nhỏ người nộp thuế còn yếu kém, phản ánh sự thiếu hiệu quả trong công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách thuế cũng như việc thực thi các biện pháp răn đe, xử phạt vi phạm.

### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Trên cơ sở tổng kết đánh giá công tác quản lý thuế, Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết, đánh giá toàn bộ nội dung của Luật Quản lý thuế.

Xuất phát từ những tồn tại, hạn chế đã nêu trên, bám sát định hướng, quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, để đảm bảo phục vụ tốt nhất cho mục tiêu cải cách thủ tục hành chính (TTHC), vừa tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế, vừa đảm bảo yêu cầu quản lý thuế, việc xây dựng Luật Quản lý thuế thay thế cần tập trung xem xét theo 06 nhóm chính sách chính như sau:

#### **1. Chính sách đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý thuế**

Trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện, tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước đã được sắp xếp theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu lực và hiệu quả thì cải cách TTHC không chỉ là yêu cầu tất yếu mà còn là đòi hỏi cấp thiết từ thực tiễn, góp phần kiến tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế. Công tác cải cách TTHC là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, liên tục và cấp thiết, nhằm tháo gỡ vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp (DN), từ đó tạo dư địa cho tăng trưởng bền vững. Thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ, tiến tới chủ trương thực hiện thủ tục hành chính toàn trình trên nhiều nội dung của quản lý thuế.

- Luật QLT hiện hành đã có quy định về trách nhiệm, quyền của người nộp thuế trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế. Tuy nhiên, để thúc đẩy tính tự nguyện, tự giác chấp hành pháp luật thuế, cần bổ sung quy định ưu tiên người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế trong thực hiện thủ tục hành chính thuế.

- Đối với TTHC về đăng ký thuế, Luật định hướng sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm tạo thuận lợi cho người nộp thuế như: (1) Bỏ quy định cung cấp bản sao CMND/CCCD, sử dụng số định danh cá nhân làm mã số thuế và thông tin định danh cá nhân được xác thực bởi Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; (2) Từ ngày 1/7/2023 hộ kinh doanh thuộc đối tượng liên thông với đăng ký kinh doanh, vì vậy quy định về đăng ký thuế sẽ điều chỉnh để phù hợp với sự thay đổi đối tượng này; (3) hoàn thiện quy định về việc cơ quan thuế cấp lại giấy chứng nhận

đăng ký thuế, thông báo mã số thuế cho người nộp thuế dưới dạng điện tử;

- Đối với các TTHC về khai thuế: Luật Quản lý thuế đã quy định nguyên tắc khai thuế, tính thuế là tự khai, tự nộp. Do đó, việc NNT kê khai sai hồ sơ khai thuế là không thể tránh khỏi. Việc kiểm tra hồ sơ khai thuế hiện nay đã được ứng dụng công nghệ thông tin tự động hóa trên cơ sở các tiêu chí kiểm tra hồ sơ do ngành Thuế xây dựng. Vì vậy, để hoàn thiện quy định về khai thuế, nộp thuế theo định hướng giảm thời gian thực hiện TTHC, giảm chi phí tuân thủ pháp luật cho NNT, Luật đã đề xuất một số nội dung sửa đổi như sau: (1) Bổ sung các trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế; (2) Sửa đổi hình thức về nộp hồ sơ khai thuế để phù hợp với ứng dụng CNTT tự động hóa trong việc tiếp nhận hồ sơ khai thuế; (3) Thiết kế theo hướng tự động hóa, giảm các TTHC liên quan đến việc thực hiện bù trừ các khoản phải nộp, đã nộp của NNT; nghiên cứu các trường hợp được hoàn thuế nộp thừa tự động trên cơ sở theo dõi được toàn diện, đầy đủ CSDL về xác định nghĩa vụ phải nộp, đã nộp và áp dụng quản lý rủi ro trong xử lý các khoản nộp thừa; nghiên cứu sửa đổi quy định về xử lý bù trừ giữa khoản nộp thừa với khoản phải nộp giữa các tiểu mục, giữa các địa bàn với nhau mà không phải thực hiện qua thủ tục hoàn thuế.

- Đối với các TTHC về hoàn thuế: Tăng mạnh cơ chế tự động trong hoàn thuế như quy định cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định hoàn, lệnh hoàn hoặc ký nhân danh từ hệ thống xử lý tự động.

Ngoài ra, các TTHC khác cũng được thực hiện rà soát một cách tổng thể để có đánh giá, đưa ra những đề xuất nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người nộp thuế đúng với tinh thần của Nghị quyết số 66/NQ-CP và Chiến lược cải cách thuế đến năm 2030 đã đề ra.

## **2. Chính sách phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý thuế**

Hiện nay, theo chủ trương của Đảng và Nhà nước về tăng cường phân cấp, phân quyền, những nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ và các Bộ thì cần quy định tại các văn bản phù hợp như Nghị định hoặc Thông tư, không đưa vào Luật. Theo đó, Luật chỉ quy định các nguyên tắc chung, còn quy định chi tiết giao Chính phủ và Bộ Tài chính ban hành văn bản dưới luật.

Đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 nhằm tăng cường phân cấp, phân quyền như: phân cấp quản lý thuế giữa các cấp cơ quan quản lý thuế theo mô hình tổ chức mới; phân quyền thu thuế cho các cơ quan nhà nước khác (các cơ quan chuyên ngành có trách nhiệm xác định và thu một số khoản thu NSNN thay vì chỉ cơ quan thuế thực hiện); phạm vi quản lý của

cơ quan thuế đối với các khoản thu do cơ quan thuế quản lý và không do cơ quan thuế quản lý; cơ chế phối hợp liên ngành (quy định rõ trách nhiệm của Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công Thương trong việc hỗ trợ quản lý thuế); bổ sung thẩm quyền khoan nợ cho Thủ trưởng cơ quan thuế quản lý khoản thu và cơ quan thuế quản lý trực tiếp có khoản nợ thuế đáp ứng điều kiện về khoan nợ có thẩm quyền quyết định việc khoan nợ; bổ sung mở rộng việc giao quyền cho cấp phó theo hướng người có thẩm quyền cưỡng chế có thể giao quyền cho cấp phó bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền.

Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ và các Bộ thì cần quy định tại các văn bản phù hợp như Nghị định hoặc Thông tư. Ngoài các nội dung Luật đã giao Chính phủ, Bộ Tài chính/ Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện tại Luật Quản lý thuế năm 2019, Luật thay thế tiếp tục nghiên cứu bổ sung thẩm quyền giao Chính phủ, Bộ Tài chính/ Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định một số vấn đề sau:

- Về thẩm quyền Chính phủ: ngoài các nội dung Luật đã giao Chính phủ thực hiện tại Luật Quản lý thuế năm 2019, Luật thay thế tiếp tục nghiên cứu bổ sung thẩm quyền giao Chính phủ quy định một số vấn đề sau: (1) quy định các quy trình thực hiện nghĩa vụ thuế liên quan đến thuế tối thiểu toàn cầu; (2) quy định về đồng tiền kê khai, nộp thuế, nguyên tắc khai thuế, tính thuế, thời hạn khai thuế, nộp thuế của lĩnh vực đặc thù (hoạt động dầu khí) để phù hợp với các thay đổi trong hệ thống pháp luật chuyên ngành; (3) tiêu chí quản lý thuế và kiểm soát mức độ rủi ro; (4) Tại Chương khai thuế: quy định chi tiết về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, khai bổ sung hồ sơ khai thuế; Chính phủ quy định về nơi nộp hồ sơ khai thuế và giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định các trường hợp đặc thù về nơi nộp hồ sơ khai thuế; (5) Chính phủ quy định đối tượng, loại thuế, thời gian, thủ tục gia hạn; quy định chi tiết về số tiền được khoan nợ; (6) rà soát quy định tại Chương xử phạt vi phạm hành chính, Chương cưỡng chế nợ thuế để giao Chính phủ quy định quy định rõ thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế; các trường hợp không bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế; thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế; quy định chi tiết về hành vi trốn thuế; về xử lý hành vi vi phạm của ngân hàng thương mại, người bảo lãnh nộp tiền thuế trong lĩnh vực quản lý thuế; xử lý hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực quản lý thuế;

- Về thẩm quyền giao Bộ Tài chính/ Bộ trưởng Bộ Tài chính: (1) bổ sung thẩm quyền Bộ Tài chính xây dựng văn bản và chiến lược cải cách thuế; (2) giao thẩm quyền Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt việc áp dụng cơ chế thỏa thuận

trước về phương pháp xác định giá tính thuế trước khi thực hiện; (3) giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp, trình tự, thủ tục ấn định thuế; (4) bổ sung trách nhiệm Bộ Tài chính quy định ngày phát sinh số tiền thuế nộp thừa; (5) giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục, hồ sơ khoanh nợ, giao Thủ trưởng cơ quan thuế trực tiếp quản lý người nộp thuế quyết định việc khoanh nợ và chấm dứt hiệu lực quyết định khoanh nợ; (6) mở rộng thẩm quyền Bộ trưởng Bộ Tài chính xóa nợ từ 10 tỷ đồng trở lên; (7) giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết cơ quan tiếp nhận và giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế; (8) giao quyền cho cấp phó trong việc quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế; (9) giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết về tham vấn trong giải quyết khiếu nại...

### **3. Tự động hóa và chuyển đổi số toàn diện trong quản lý thuế**

Trong bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường áp dụng công nghệ mới trong quản lý thuế theo quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, Bộ Tài chính xác định việc xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng tái thiết kế quy trình nghiệp vụ quản lý thuế theo luồng công việc nhằm hỗ trợ tự động hóa tối đa các bước xử lý, phù hợp với chuẩn mực quốc tế là yêu cầu cấp thiết đối với công tác quản lý thuế. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung các quy định tại Luật Quản lý thuế để thực hiện chủ trương chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57/NQ-TW và nhấn mạnh vai trò của chuyển đổi số, tự động hóa trong quản lý thuế như:

- Cần mở rộng phạm vi ứng dụng công nghệ số trong quản lý thuế nhằm xây dựng hệ thống quản lý thuế số thông minh có khả năng tự động phân tích rủi ro, dự báo gian lận thuế; kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan, tổ chức liên quan.

- Bổ sung quy định về trách nhiệm của các Bộ/ngành liên quan trong việc kết nối, chia sẻ về thông tin của công dân, các thông tin thay đổi của công dân cho cơ quan thuế tự động theo phương thức điện tử. Kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia để chuẩn hóa thông tin quản lý thuế, đơn giản hóa TTHC thuế theo hướng sử dụng các thông tin, dữ liệu có sẵn trên các cơ sở dữ liệu quốc gia do các Bộ/ngành khác là đơn vị tạo lập, phục vụ cho quản lý thuế.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định đảm bảo các thủ tục hành chính thuế được thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử theo hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình. (chuyển đổi trong đăng ký thuế; khai thuế cơ chế bù trừ tự động; Sửa đổi, bổ sung phương thức gửi hồ sơ điện tử, phản hồi thời hạn giải quyết hồ sơ



hoàn thuế thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan quản lý thuế; cung cấp thông tin của một số tổ chức liên quan đến hoạt động kinh doanh sản thương mại điện tử, nền tảng số; trao đổi thông tin cưỡng chế bằng phương thức điện tử giữa cơ quan thuế với các ngân hàng thương mại; ..)

#### **4. Chính sách về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh**

Ngày 04/5/2025, Bộ Chính trị có Nghị quyết 68-NQ/TW về phát triển tư nhân trong đưa ra giải pháp về hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh; Ngày 16/05/2025, Chính phủ có Nghị quyết số 138/NQ-CP ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Ngày 17/5/2025, Quốc hội có Nghị quyết số 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

Để triển khai thực hiện Nghị quyết 68-NQ/TW, Nghị quyết số 138/NQ-CP và Nghị quyết số 198/2025/QH15 nêu trên, cần thiết bổ sung quy định về cơ chế quản lý đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh và sửa đổi quy định pháp lý về thuế để khuyến khích hộ kinh doanh chuyển sang mô hình doanh nghiệp nhằm thực hiện chủ trương bãi bỏ hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh như sau:

- Người đại diện hộ kinh doanh thực hiện đăng ký kinh doanh và lấy số định danh cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh là mã số thuế của cá nhân kinh doanh. Do đó, cần sửa đổi quy định để xác định hộ kinh doanh là cá nhân kinh doanh, đồng thời, bổ sung quy định giải thích rõ cụm từ “cá nhân kinh doanh”.

- Rà soát, sửa đổi, bãi bỏ các nội dung liên quan đến chế độ khoán thuế.

- Điều 51 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định xác định mức thuế đối với hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán. Tuy nhiên, để thực hiện chủ trương không áp dụng phương pháp khoán thuế theo các Nghị quyết trên, cần sửa đổi nội dung này thành nội dung quy định quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (*trong đó, nghiên cứu bổ sung quy định về xác định trước nghĩa vụ thuế và tờ khai thuế điện tử theo hướng hệ thống ứng dụng của cơ quan thuế sẽ tự động xác định nghĩa vụ thuế dựa trên dữ liệu hóa đơn điện tử và thông báo tờ khai thuế cho hộ kinh doanh; bổ sung quy định về phương pháp tính thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh căn cứ theo ngưỡng doanh thu hàng năm, mức tỷ lệ % làm căn cứ tính thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân theo doanh thu kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hàng năm của hộ kinh doanh, cá nhân*

*kinh doanh).*

## **5. Chính sách về kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết**

- Về chức năng thanh tra thuế sau khi sắp xếp, tinh gọn bộ máy: Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về sắp xếp tổ chức bộ máy và Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/03/2025 của Bộ chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, cần thiết phải rà soát, bãi bỏ các quy định về thanh tra thuế.

- Về kiểm tra giá giao dịch liên kết: Theo thông lệ quốc tế thì thời gian thực hiện kiểm tra đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết thường rất dài. Với việc chuyển thanh tra chuyên ngành thành kiểm tra chuyên ngành, nếu không có sự thay đổi quy định về thời gian thì việc kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết khó có thể thực hiện đạt hiệu quả.

Để công tác kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết có thể đạt hiệu quả, đề xuất bổ sung quy định về kiểm tra giá giao dịch liên kết bao gồm tham vấn, trao đổi thông tin, khảo sát trước khi thực hiện kiểm tra; thời hạn kiểm tra; nguyên tắc kiểm tra giá giao dịch liên kết.

- Cần nghiên cứu, bổ sung các quy định về kiểm tra lại trong hoạt động kiểm tra thuế vì trên thực tế phát sinh các trường hợp đã được kiểm tra nhưng có vi phạm như: Có vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục trong quá trình tiến hành kiểm tra, Có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật khi kết luận và xử lý vi phạm hành chính về thuế, Nội dung kết luận, xử lý vi phạm về thuế không phù hợp với những chứng cứ thu thập được trong quá trình kiểm tra hoặc có dấu hiệu rủi ro cao theo tiêu chí đánh giá rủi ro qua phân tích đánh giá rủi ro, Người ra quyết định kiểm tra, trưởng đoàn kiểm tra, thành viên đoàn kiểm tra cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ việc hoặc cố ý kết luận, xử lý vi phạm về thuế trái pháp luật, Có dấu hiệu vi phạm pháp luật nghiêm trọng của đối tượng kiểm tra chưa được phát hiện đầy đủ qua kiểm tra.

- Thời hạn kiểm tra thuế hiện nay còn ngắn, chưa phù hợp với việc phải kiểm tra các nội dung phức tạp thuộc lĩnh vực quản lý thuế như: thuế tối thiểu toàn cầu, hoạt động kinh doanh trên nền tảng số liên quan đến nhiều doanh nghiệp trong cùng tập đoàn, có trụ sở hoạt động tại nhiều tỉnh, nhiều quốc gia,... Do đó, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế theo hướng tăng thời hạn kiểm tra thuế.

- Luật Quản lý thuế năm 2019 quy định ba biện pháp nghiệp vụ để xử lý hành vi trốn thuế, bao gồm: thu thập thông tin liên quan đến hành vi trốn thuế

(Điều 121), tạm giữ tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế (Điều 122), và khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế (Điều 123).

Tuy nhiên, các biện pháp này hiện được quy định cho hoạt động thanh tra thuế, chưa quy định cho kiểm tra thuế. Trong khi đó Nghị quyết 190/2025/QH15 của Quốc hội ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Kết luận số 134/KL-TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương quy định Cơ quan được giao chức năng thanh tra chuyên ngành sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước không thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành mà thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành. Do đó, cần bổ sung quyền hạn, biện pháp nghiệp vụ tương tự cho hoạt động kiểm tra thuế để xử lý hiệu quả các hành vi có dấu hiệu trốn thuế.

## **6. Chính sách về hoàn thiện quy định về tổ chức quản lý thuế**

### **6.1. Sửa đổi tên gọi của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác**

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về sắp xếp tổ chức bộ máy, Luật Quản lý thuế cần sửa đổi tên gọi của cơ quan thuế và các cơ quan khác tại các Điều khoản của Luật để thống nhất.

### **6.2. Sửa đổi, bổ sung các quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác**

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về sắp xếp tổ chức bộ máy, cần rà soát Luật Quản lý thuế để sửa đổi chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác: Rà soát, bãi bỏ các nội dung về thanh tra thuế để phù hợp với Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/03/2025 của Bộ chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thuế và các cơ quan khác sau sắp xếp tổ chức bộ máy.

### **6.3. Sửa đổi, bổ sung các quy định về nguyên tắc áp dụng để đồng bộ với pháp luật liên quan**

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để nhằm thống nhất, đồng bộ. (Về đối tượng áp dụng: sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 để bao quát đầy đủ các đối tượng áp dụng cho phù hợp; Về giải thích từ ngữ, một số khái niệm, thuật ngữ cần được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn và các quy định pháp luật mới; Về đồng tiền khai thuế, nộp thuế, cần bổ sung quy định về tỷ giá giao dịch thực tế thực hiện theo pháp luật về kế toán để thống nhất trong thực hiện, bổ sung quy định giao Chính phủ hướng dẫn về nguyên tắc người nộp thuế

khai thuế bằng đồng tiền nào thì thực hiện nộp thuế bằng đồng tiền đó, trừ trường hợp đặc thù để xử lý vướng mắc liên quan đến đồng tiền khai, nộp thuế của hoạt động dầu khí trong thực tiễn; Bổ sung quy định tham chiếu đến cách tính thời hạn, thời hiệu của Bộ luật Dân sự trong trường hợp ngày cuối cùng của các thời hạn, thời hiệu là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ để khắc phục vướng mắc phát sinh trong thực tiễn; Nguyên tắc tính thuế, khai thuế và thời hạn kê khai, nộp thuế bổ sung quy định giao Chính phủ hướng dẫn đối với hoạt động dầu khí để phù hợp với thực tiễn phát sinh của hoạt động dầu khí và các thay đổi của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về hóa đơn, thuế giá trị gia tăng đã ghi nhận đặc thù của hoạt động dầu khí; Rà soát các nội dung có liên quan như ủy quyền cá nhân khác khai thuế thay, nộp thuế thay, trách nhiệm nộp thuế và tiền chậm nộp của người nộp thuế khi sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế, không chịu thuế đúng mục đích đã khai báo, Kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan hải quan được thực hiện trước thông quan, trong thông quan, sau thông quan thống nhất theo Luật Hải quan;...)

- Về đăng ký thuế (cấp mã số thuế, thay đổi thông tin đăng ký thuế, khôi phục mã số thuế), thông báo khi tạm ngừng hoạt động, kinh doanh phù hợp với Luật Doanh nghiệp, văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký thuế

- Về hồ sơ khai thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu là hồ sơ hải quan theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Bổ quy định về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế quý và sửa đổi quy định về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với loại thuế phải khai quyết toán thuế.

- Rà soát các quy định liên quan đến thời hạn nộp thuế, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, cần bổ sung trường hợp không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

- Về bảo mật thông tin người nộp thuế: Để phù hợp với quy định tại Luật Tiếp cận thông tin, cần bổ sung nội dung về các trường hợp cung cấp thông tin người nộp thuế được công khai trong một số trường hợp cụ thể.

- Rà soát quy định về nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, hoãn thi hành quyết định phạt tiền về quản lý thuế, miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế để bảo đảm tính thống nhất với pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

#### **6.4. Sửa đổi quy định nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế**

- Để đảm bảo bao quát đầy đủ phạm vi điều chỉnh của Luật Quản lý thuế, cần bổ sung nội dung về quy định trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan quản lý

thuế, các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Về nội dung quản lý thuế: Bổ sung thêm chức năng quản lý tuân thủ để đảm bảo phù hợp với tổ chức bộ máy và chức năng quản lý thuế hiện nay.

- Về nguyên tắc quản lý thuế: Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo bao quát đầy đủ nghĩa vụ và phạm vi quản lý thu. Ngoài ra, để phù hợp với việc thay đổi chức năng quản lý tuân thủ và trách nhiệm của cơ quan thuế, cần bổ sung chương trình nâng cao tuân thủ tự nguyện và tổng thể của người nộp thuế.

- Về quản lý rủi ro trong quản lý thuế: Sửa đổi quy định để làm rõ thêm nội hàm của quy định “Áp dụng cơ chế quản lý rủi ro trong quản lý thuế”. Cần làm rõ mục đích sử dụng kết quả đánh giá việc tuân thủ cũng như cơ sở để xây dựng các chương trình hỗ trợ người nộp thuế tuân thủ pháp luật thuế. Đồng thời, rà soát, sửa đổi để làm rõ nội hàm của việc nâng cao hiện đại hóa và chuyển đổi số trong công tác quản lý thuế của Cơ quan quản lý thuế.

- Về hợp tác quốc tế về thuế của cơ quan quản lý thuế: Cần sửa đổi để làm rõ nội dung của thỏa thuận song phương, đa phương với cơ quan quản lý thuế nước ngoài và bao quát hoạt động kinh doanh thương mại điện tử xuyên biên giới, đồng thời rà soát sửa đổi để khái quát chung các biện pháp thu nợ thuế.

- Về kế toán, thống kê về thuế: Cần quy định rõ nhiệm vụ hạch toán kế toán, thống kê các khoản thu khác thuộc NSNN bao gồm các khoản thu khác thuộc NSNN do cơ quan quản lý thuế quản lý thu và không do cơ quan quản lý thuế quản lý thu.

- Về nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế: Cần rà soát, sửa đổi quy định để bao quát xử lý gia hạn đối với thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu và phù hợp với nội dung quản lý thuế và tương ứng với quyền hạn của Cơ quan thuế. Đồng thời, cần có quy định về việc khôi phục lại mã số thuế cho người nộp thuế để xử lý bất cập phát sinh và phù hợp thực tiễn.

- Về quyền hạn của cơ quan quản lý thuế: Bổ sung quyền hạn của cơ quan thuế được yêu cầu cơ quan đăng ký kinh doanh không thực hiện việc đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian cơ quan quản lý thuế đang tiến hành xử lý các hành vi vi phạm của doanh nghiệp về pháp luật về thuế, pháp luật về hải quan để tăng cường công tác quản lý thuế. Đồng thời, bổ sung quyền hạn của cơ quan thuế được yêu cầu người nộp thuế thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của người nộp thuế, quyền hạn của cơ quan quản lý thuế trong việc chỉ định đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo quy định chống

xói mòn cơ sở thuế toàn cầu, bổ sung quyền hạn của cơ quan quản lý thuế được tổ chức triển khai Chương trình tuân thủ tổng thể, chương trình tuân thủ tự nguyện.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra nhà nước: Cần rà soát, sửa đổi quy định để cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp có cơ sở theo dõi phối hợp thực hiện.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức tín dụng: cần sửa đổi, bổ sung quy định tổ chức tín dụng phải cung cấp thông tin về số tài khoản thanh toán của người nộp thuế, thông tin giao dịch qua tài khoản, thời gian thực hiện cung cấp, phương thức cung cấp để tăng cường hiệu quả trong việc cưỡng chế thu hồi tiền thuế nợ, kiểm tra, nhận diện và ngăn chặn gian lận thuế; bổ sung trách nhiệm nộp thay thuế cho người nộp thuế của tổ chức tín dụng để xử lý bất cập phát sinh trong thực tiễn và đảm bảo thu đủ thuế cho ngân sách nhà nước.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức, cá nhân khác: Để tăng cường công tác quản lý thuế, cần nghiên cứu bổ sung trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý thuế của các tổ chức có liên quan.

- Về trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc ấn định thuế: Việc ấn định thuế của cơ quan quản lý thuế tại thời điểm ấn định có tính pháp lý cao nhất, do đó, trường hợp sau khi giải quyết khiếu nại, khởi kiện mà số tiền thuế ấn định của cơ quan quản lý thuế lớn hơn số tiền thuế phải nộp thì cơ quan quản lý thuế chỉ hoàn trả số tiền thuế nộp thừa, không hoàn trả tiền chậm nộp đã tính đến thời điểm ấn định thuế.

- Về thẩm quyền quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế: Bổ sung thêm các loại giấy tờ để bao quát các loại giấy đăng ký kinh doanh của người nộp thuế (giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện).

- Nghiên cứu, sửa đổi một cách tổng thể các nội dung trong công tác quản lý thuế nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế (đăng ký thuế; khai thuế, tính thuế; ấn định thuế; nộp thuế, hoàn thuế; miễn, giảm, gia hạn thuế; kiểm tra thuế...)

#### **6.5. Hoàn thiện quy định nhằm nâng cao tính công bằng, minh bạch, bình đẳng và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế**

- Về quyền của người nộp thuế: Nghiên cứu bổ sung quyền của người nộp thuế nhằm quyền lợi cho người nộp thuế và tăng tính tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế (quyền được yêu cầu cấp chứng từ khấu trừ thuế điện tử, quyền được ưu tiên thực hiện thủ tục hành chính thuế trong trường hợp là người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế).

- Về thứ tự thanh toán tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu: Bổ sung quy định người nộp thuế phải thực hiện nộp các khoản tiền thuế nợ thuộc đối tượng áp dụng các biện pháp cưỡng chế trước khi thực hiện thanh toán các nghĩa vụ thuế khác và quy định thứ tự thanh toán. Đồng thời, để tạo thuận lợi cho người nộp thuế, người nộp thuế được lựa chọn thanh toán các khoản phải nộp theo ID và yêu cầu người nộp thuế thanh toán theo các thứ tự nhất định như thanh toán trước các khoản thuộc đối tượng bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế.

- Về cơ quan tiếp nhận và giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế: Để minh bạch rõ ràng, thuận lợi cho người nộp thuế, cần sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể các cơ quan quản lý thuế tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế, miễn hoặc giảm các khoản thu thuộc ngân sách được giao quản lý thu.

- Để tạo thuận lợi cho người nộp thuế, cần bổ sung quy định cụ thể thời hạn giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế trong từng trường hợp. Ví dụ, hồ sơ miễn, giảm, hoàn thuế theo Hiệp định thuế và ĐUQT thường có tính chất phức tạp. Khi giải quyết hồ sơ miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế cần thu thập đầy đủ thông tin, xác định đúng đối tượng áp dụng Hiệp định thuế, xem xét kỹ từng Hợp đồng và thực tế thực hiện Hợp đồng, thực tế hoạt động kinh doanh của đối tượng đề nghị miễn, giảm thuế trên phạm vi toàn quốc chứ không chỉ ở một địa phương cụ thể.

- Về thủ tục, hồ sơ, thời gian, thẩm quyền khoan tiền thuế nợ: Cần sửa đổi quy định để bao quát hết tiền thuế nợ thuộc phạm vi được xóa.

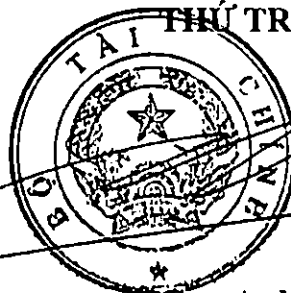
Trên đây là Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Quản lý thuế và một số đề xuất, kiến nghị của Bộ Tài chính đối với dự án Luật Quản lý thuế (thay thế)

Nơi nhận: *h*

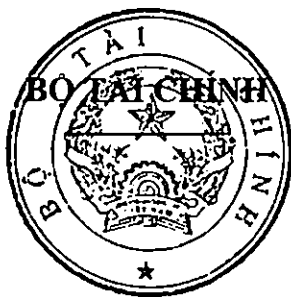
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ PC – BTC;
- Lưu: VT, CT (VT, CS) (2b) *h*

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Cao Anh Tuấn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2025

**BẢN THUYẾT MINH QUY PHẠM HOÁ  
CHÍNH SÁCH CỦA DỰ ÁN LUẬT QUẢN LÝ THUẾ (THAY THẾ)**  
(Kèm Đề cương dự thảo Luật)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trên cơ sở các chính sách dự kiến xây dựng, cơ quan chủ trì soạn thảo dự kiến nội dung quy phạm hóa như sau:

TÊN CHÍNH SÁCH	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH	DỰ KIẾN QUY ĐỊNH TẠI LUẬT (Chi tiết tại bản đề cương Luật kèm theo)
<b>Chính sách 1: Đơn giản thủ tục hành chính trong quản lý thuế</b>	(i) cắt giảm, đơn giản hóa TTHC về thành phần hồ sơ, quy trình xử lý, thời gian giải quyết, hỗ trợ người nộp thuế trong công tác đăng ký, kê khai, quyết toán, hoàn thuế nhằm giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp. (ii) Mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử hóa và tự động hóa quy trình giải quyết TTHC, nâng cao tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; (iii) tăng cường liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong và ngoài ngành Thuế; (iv) Nâng cao công tác phối hợp giữa cơ quan thuế và các cơ quan liên quan, nhất là trong các thủ tục liên thông, thủ tục cần xác minh, xác nhận thông tin ... để rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ	Đối với nhóm chính sách này, dự kiến sẽ sửa đổi tại các Điều sau: - Điều 18: Quyền của người nộp thuế - Điều 20. Nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế - Điều 32. Đăng ký thuế lần đầu - Điều 39. Khai thuế - Điều 49 Xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế và các khoản thu khác thuộc - Điều 58 Hoàn thuế
<b>Chính sách 2: Phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý thuế</b>	(i) Phân cấp cho Chính phủ trong việc quy định các biện pháp tổ chức thực hiện, hướng dẫn Luật; (ii) phân cấp, phân quyền quyết định về quản lý thuế cho	- <b>Sửa đổi, bổ sung nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết 34 Điều và 38 nội dung:</b> + Điều 2. Đối tượng áp dụng



TÊN CHÍNH SÁCH	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH	DỰ KIẾN QUY ĐỊNH TẠI LUẬT (Chỉ tiết tại bản đề cương Luật kèm theo)
	<p>Bộ Tài chính: quy định rõ ràng và mở rộng thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính; (iii) Phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ: chia trách nhiệm, quyền hạn giữa các cấp quản lý thuế để tăng cường hiệu quả công tác, giảm tải cho các cơ quan quản lý trung ương và tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế; (iii) Phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có liên quan trong công tác quản lý thuế</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điều 6. Phạm vi quản lý thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước</li> <li>+ Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ</li> <li>+ Điều 18. Quyền của người nộp thuế</li> <li>+ Điều 21. Quyền hạn của cơ quan quản lý thuế</li> <li>+ Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán</li> <li>+ Điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức, cá nhân khác</li> <li>+ Điều 31. Đăng ký thuế và mã số thuế</li> <li>+ Điều 33. Thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế</li> <li>+ Điều 35. Đăng ký thuế trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp</li> <li>+ Điều 36. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế</li> <li>+ Điều 37. Khôi phục mã số thuế</li> <li>+ Điều 39. Khai thuế</li> <li>+ Điều 42. Quản lý thuế đối với cá nhân kinh doanh</li> <li>+ Điều 46. Thời hạn thực hiện nghĩa vụ thuế</li> <li>+ Điều 50. Xử lý số tiền thuế nộp thừa</li> <li>+ Điều 57. Hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở dẫn</li> <li>+ Điều 61. Miễn thuế, miễn tiền chậm nộp, miễn tiền phạt, giảm thuế</li> <li>+ Điều 62. Khoanh tiền thuế nợ</li> </ul>

TÊN CHÍNH SÁCH	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH	DỰ KIẾN QUY ĐỊNH TẠI LUẬT (Chi tiết tại bản đề cương Luật kèm theo)
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điều 64. Hóa đơn điện tử</li> <li>+ Điều 65. Cơ sở dữ liệu về hóa đơn, chứng từ điện tử</li> <li>+ Điều 67. Trách nhiệm cung cấp thông tin phục vụ quản lý thuế</li> <li>+ Điều 79. Trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế</li> <li>+ Điều 80. Biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế</li> <li>+ Điều 84. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế</li> <li>+ Điều 85. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế</li> <li>+ Điều 91. Hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu</li> <li>+ Điều 92. Hành vi trốn thuế</li> <li>+ Điều 93. Xử lý hành vi vi phạm của ngân hàng thương mại, người bảo lãnh nộp tiền thuế trong lĩnh vực quản lý thuế</li> <li>+ Điều 94. Xử lý hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực quản lý thuế</li> <li>+ Điều 95. Xử phạt vi phạm hành chính về phí, lệ phí, hóa đơn trong lĩnh vực quản lý thuế</li> <li>- <b>Giao Bộ Tài chính quy định chi tiết 6 Điều và hướng dẫn 45 nội dung, cụ thể:</b></li> <li>+ Điều 3. Giải thích từ ngữ</li> <li>+ Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý thuế</li> </ul>

TÊN CHÍNH SÁCH	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH	DỰ KIẾN QUY ĐỊNH TẠI LUẬT (Chi tiết tại bản đề cương Luật kèm theo)
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điều 10. Quản lý rủi ro và quản lý tuân thủ trong quản lý thuế</li> <li>+ Điều 13. Hợp tác quốc tế về thuế của cơ quan quản lý thuế</li> <li>+ Điều 18. Quyền của người nộp thuế</li> <li>+ Điều 19. Trách nhiệm của người nộp thuế</li> <li>+ Điều 31. Đăng ký thuế và mã số thuế</li> <li>+ Điều 38. Nguyên tắc khai thuế, tính thuế</li> <li>+ Điều 39. Khai thuế</li> <li>+ Điều 47. Thủ tục thực hiện nghĩa vụ thuế</li> <li>+ Điều 49. Xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế và các khoản thu khác thuộc</li> <li>+ Điều 58. Hoàn thuế</li> <li>+ Điều 61. Miễn thuế, miễn tiền chậm nộp, miễn tiền phạt, giảm thuế</li> <li>+ Điều 62. Khoanh tiền thuế nợ</li> <li>+ Điều 64. Hóa đơn điện tử</li> <li>+ Điều 67. Trách nhiệm cung cấp thông tin phục vụ quản lý thuế</li> <li>+ Điều 68. Cung cấp thông tin cho người nộp thuế</li> <li>+ Điều 73. Kiểm tra thuế</li> <li>+ Điều 75. Kiểm tra giá giao dịch liên kết</li> <li>+ Điều 98. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý thuế trong việc giải quyết khiếu nại về thuế</li> </ul>

TÊN CHÍNH SÁCH	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH	DỰ KIẾN QUY ĐỊNH TẠI LUẬT (Chi tiết tại bản đề cương Luật kèm theo)
<b>Chính sách 3: Tự động hóa và chuyển đổi số toàn diện trong quản lý thuế</b>	Thiết lập hệ thống quản lý thuế số toàn diện, tập trung, thông minh: Xây dựng hệ thống Quản lý thuế tích hợp, tập trung, đa dịch vụ, liên thông giữa các quy trình nghiệp vụ (đăng ký thuế - khai thuế - nộp thuế - kế toán thuế - hoàn thuế - miễn giảm - quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, kiểm tra thuế, tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế,...) nhằm giảm thiểu sự tác động, xử lý thủ công của con người trong các bước quy trình nghiệp vụ, giúp giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính cho người nộp thuế, tăng hiệu suất, hiệu quả của cơ quan thuế và minh bạch công tác quản lý thuế. Đồng bộ hệ thống cơ sở dữ liệu về thuế, hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử và kết quả xử lý thủ tục hành chính trên một nền tảng duy nhất (Công dịch vụ công quốc gia); Ứng dụng các công nghệ mới để tự động hóa các quy trình nghiệp vụ, xử lý hồ sơ, cảnh báo rủi ro và phát hiện gian lận.	<p>Đối với nhóm chính sách này, dự kiến sẽ sửa đổi tại các Điều sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 11. Xây dựng lực lượng quản lý thuế</li> <li>- Điều 12. Hiện đại hóa và chuyển đổi số toàn diện trong công tác quản lý thuế</li> <li>- Điều 20. Nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế</li> <li>- Điều 32. Đăng ký thuế lần đầu</li> <li>- Điều 47. Thủ tục thực hiện nghĩa vụ thuế</li> <li>- Điều 50. Xử lý số tiền thuế nộp thừa</li> <li>- Điều 58. Hoàn thuế</li> <li>- Điều 61. Miễn thuế, miễn tiền chậm nộp, miễn tiền phạt, giảm thuế</li> <li>- Điều 65. Cơ sở dữ liệu về hóa đơn, chứng từ điện tử</li> <li>- Điều 66. Hệ thống thông tin người nộp thuế</li> <li>- Điều 67. Trách nhiệm cung cấp thông tin phục vụ quản lý thuế</li> </ul>
<b>4. Chính sách về: Quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (sửa đổi, bổ sung 6 Điều)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân loại đối tượng hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh để quản lý theo quy mô doanh thu; xác định phương pháp tính thuế đồng bộ với luật thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân.</li> <li>- Áp dụng pháp pháp quản lý thuế linh hoạt và theo rủi ro: (i) đối với cá nhân kinh doanh (hộ kinh doanh) thì áp dụng phương thức quản lý thuế theo kê khai của người nộp thuế kết hợp dữ liệu từ hóa đơn điện tử, từ các tài khoản thanh toán qua ngân hàng, từ các nền tảng số, sàn thương mại điện tử; (ii) Đối với cá nhân kinh doanh (hộ kinh doanh) nhỏ lẻ, lưu động, rủi ro thấp: bổ sung quy định cơ quan thuế hỗ trợ tạo</li> </ul>	<p>Đối với nhóm chính sách này, dự kiến sẽ sửa đổi, bổ sung tại các Điều sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 2. Đối tượng áp dụng</li> <li>- Điều 3. Giải thích từ ngữ</li> <li>- Điều 20. Nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế</li> <li>- Điều 42. Quản lý thuế đối với cá nhân kinh doanh</li> <li>- Điều 64. Hóa đơn điện tử</li> </ul>

TÊN CHÍNH SÁCH	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH	DỰ KIẾN QUY ĐỊNH TẠI LUẬT (Chi tiết tại bản đề cương Luật kèm theo)
	<p>lập tờ khai gợi ý từ ứng dụng hệ thống của cơ quan thuế cho người nộp thuế để kiểm tra xác nhận nghĩa vụ thuế phải nộp; (iii) xây dựng cơ chế quản lý theo rủi ro thay vì quản lý đồng loạt: hồ sơ minh bạch, nộp thuế đơn giản, kiểm tra ngẫu nhiên; (iv) Bổ sung quy định nghĩa vụ thuế đơn giản riêng cho cá nhân kinh doanh nhỏ lẻ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thúc đẩy sử dụng công nghệ trong khai, nộp thuế: Bổ sung quy định tại Luật về việc bắt buộc hoặc khuyến khích sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế (bao gồm hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế); Triển khai ứng dụng di động đơn giản hóa khai thuế, nộp thuế, tra cứu nghĩa vụ thuế của cá nhân kinh doanh (hộ kinh doanh);</li> <li>- Đơn giản thủ tục hành chính thuế, chế độ kế toán: giảm tần suất kê khai, nộp thuế đối với cá nhân kinh doanh có doanh thu thấp; quy định cho cá nhân kinh doanh nhỏ lẻ không có kế toán nhưng sử dụng sổ sách để ghi chép doanh thu thực tế.</li> <li>- Bổ sung quy định để khuyến khích cá nhân kinh doanh (hộ kinh doanh) chuyển đổi hình thức kinh doanh sang doanh nghiệp siêu nhỏ, vừa và nhỏ: quy định tỷ lệ % trên doanh thu đảm bảo công bằng giữa cá nhân kinh doanh (hộ kinh doanh) có doanh thu tương đương doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và vừa.</li> </ul>	

**5. Chính sách 5: Kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết**

- Rà soát, sửa đổi Luật Quản lý thuế đối với nội dung cơ quan thuế thực hiện kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế, tại cơ quan thuế bao gồm kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất, kiểm tra theo chuyên đề, kiểm tra theo phân tích rủi ro;

- Bổ sung tăng cường hiệu lực công tác kiểm tra thuế, bổ sung quy định Kiểm tra lại trong hoạt động kiểm tra thuế, bổ sung quy định về kiểm tra giá chuyển nhượng để bảo đảm cơ sở pháp lý để thực hiện và tăng cường tính kỷ luật trong công tác quản lý thuế; bổ sung quy định về kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí, lệ phí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đối với nhóm chính sách này, dự kiến sẽ bổ sung các Điều sau:

- Điều 74. Kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí và lệ phí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền
- Điều 75. Kiểm tra giá giao dịch liên kết

TÊN CHÍNH SÁCH	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH	DỰ KIẾN QUY ĐỊNH TẠI LUẬT (Chi tiết tại bản đề cương Luật kèm theo)
<b>6. Chính sách 6:hoàn thiện quy định về tổ chức quản lý thuế</b>	Sửa đổi, bổ sung quy định để xử lý toàn diện các bất cập, vướng mắc từ thực tiễn như: Sửa đổi tên gọi của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác; Sửa đổi quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác; Sửa đổi quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan; Sửa đổi quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế; Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.	
<b>6.1. Giải pháp 1:</b>	Sửa đổi tên gọi của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác	
<b>6.2. Giải pháp 2:</b>	Sửa đổi, bổ sung các quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác	Đối với nhóm chính sách này, dự kiến sẽ sửa đổi, bổ sung 03 Điều sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 4. Nội dung quản lý thuế</li> <li>- Điều 11. Xây dựng lực lượng quản lý thuế</li> <li>- Điều 58. Hoàn thuế</li> </ul>
<b>6.3. Giải pháp 3:</b>	Sửa đổi, bổ sung các quy định về nguyên tắc áp dụng để đồng bộ với pháp luật liên quan:	Đối với nhóm chính sách này, dự kiến sẽ sửa đổi, bổ sung 25 Điều sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 2. Đối tượng áp dụng</li> <li>- Điều 3. Giải thích từ ngữ</li> <li>- Điều 6. Phạm vi quản lý thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước</li> <li>- Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý thuế</li> <li>- Điều 8. Đồng tiền khai thuế, nộp thuế</li> <li>- Điều 9. Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế</li> <li>- Điều 15. Nguyên tắc tính thời hạn trong quản lý thuế</li> <li>- Điều 18. Quyền của người nộp thuế</li> <li>- Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức</li> </ul>

TÊN CHÍNH SÁCH	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH	DỰ KIẾN QUY ĐỊNH TẠI LUẬT (Chi tiết tại bản đề cương Luật kèm theo)
		<p>cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 31. Đăng ký thuế và mã số thuế</li> <li>- Điều 34. Thông báo khi tạm ngừng hoạt động, kinh doanh</li> <li>- Điều 37. Khôi phục mã số thuế</li> <li>- Điều 39. Khai thuế</li> <li>- Điều 46. Thời hạn thực hiện nghĩa vụ thuế</li> <li>- Điều 49. Xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu</li> <li>- Điều 54. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký</li> <li>- Điều 55. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp</li> <li>- Điều 57. Hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi cơ quan quản lý thuế</li> <li>- Điều 60. Không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu</li> <li>- Điều 73. Kiểm tra thuế</li> <li>- Điều 84. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế</li> <li>- Điều 85. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế</li> </ul>
<b>6.4 Giải pháp 4:</b>		Đối với nhóm chính sách này, dự kiến sẽ sửa đổi, bổ sung 41 Điều sau:



TÊN CHÍNH SÁCH	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH	DỰ KIẾN QUY ĐỊNH TẠI LUẬT (Chi tiết tại bản đề cương Luật kèm theo)
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</li> <li>- Điều 3. Giải thích từ ngữ</li> <li>- Điều 5. Nguyên tắc quản lý thuế</li> <li>- Điều 6. Phạm vi quản lý thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước</li> <li>- Điều 10. Quản lý rủi ro và quản lý tuân thủ trong quản lý thuế</li> <li>- Điều 13. Hợp tác quốc tế về thuế của cơ quan quản lý thuế</li> <li>- Điều 14. Kế toán, thống kê về thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước</li> <li>- Điều 19. Trách nhiệm của người nộp thuế</li> <li>- Điều 21. Quyền hạn của cơ quan quản lý thuế</li> <li>- Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nhà nước</li> <li>- Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra nhà nước</li> <li>- Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán</li> <li>- Điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức, cá nhân khác</li> <li>- Điều 31. Đăng ký thuế và mã số thuế</li> <li>- Điều 36. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế</li> <li>- Điều 39. Khai thuế</li> <li>- Điều 44. Trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc ấn định thuế</li> <li>- Điều 47. Thủ tục thực hiện nghĩa vụ thuế</li> <li>- Điều 48. Xác định ngày đã nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do</li> </ul>

TÊN CHÍNH SÁCH	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH	DỰ KIẾN QUY ĐỊNH TẠI LUẬT (Chi tiết tại bản đề cương Luật kèm theo)
		<p>cơ quan quản lý thuế quản lý thu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 50. Xử lý số tiền thuế nộp thừa</li> <li>- Điều 51. Nộp thuế trong thời gian giải quyết khiếu nại, khởi kiện</li> <li>- Điều 52. Gia hạn tiền thuế nợ</li> <li>- Điều 54. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký</li> <li>- Điều 57. Hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi cơ quan quản lý thuế</li> <li>- Điều 58. Hoàn thuế</li> <li>- Điều 59. Kiểm tra sau hoàn thuế</li> <li>- Điều 61. Miễn thuế, miễn tiền chậm nộp, miễn tiền phạt, giảm thuế</li> <li>- Điều 64. Hóa đơn điện tử</li> <li>- Điều 66. Hệ thống thông tin người nộp thuế</li> <li>- Điều 71. Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế</li> <li>- Điều 73. Kiểm tra thuế</li> <li>- Điều 76. Thu thập thông tin liên quan đến hành vi trốn thuế</li> <li>- Điều 77. Tạm giữ tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế</li> <li>- Điều 78. Khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế</li> <li>- Điều 79. Trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế</li> <li>- Điều 80. Biện pháp cưỡng chế thi hành quyết</li> </ul>

TÊN CHÍNH SÁCH	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH	DỰ KIẾN QUY ĐỊNH TẠI LUẬT (Chi tiết tại bản đề cương Luật kèm theo)
		định hành chính về quản lý thuế - Điều 81. Thẩm quyền quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế - Điều 82. Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế - Điều 83. Trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế - Điều 100. Hiệu lực thi hành - Điều 101. Quy định chuyển tiếp.
<b>6.5 Giải pháp 5:</b>	<b><i>Giải pháp 5: Hoàn thiện quy định nhằm nâng cao tính công bằng, minh bạch, bình đẳng và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế</i></b>	Đối với nhóm chính sách này, dự kiến sẽ sửa đổi bổ sung 06 Điều sau: - Điều 5. Nguyên tắc quản lý thuế - Điều 18. Quyền của người nộp thuế - Điều 34. Thông báo khi tạm ngừng hoạt động, kinh doanh - Điều 58. Hoàn thuế - Điều 64. Hóa đơn điện tử - Điều 82. Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế

**QUỐC HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Luật số: ...../2025/QH15

**DỰ THẢO**

**ĐỀ CƯƠNG DỰ THẢO LUẬT QUẢN LÝ THUẾ (THAY THẾ)**

**(Kèm bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách)**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật Quản lý thuế.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định việc quản lý các loại thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước; trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan quản lý thuế, các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

**1. Người nộp thuế bao gồm:**

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cá nhân kinh doanh, nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế;

b) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cá nhân kinh doanh nộp các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước;

c) Tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, nhà quản lý nền tảng số có chức năng thanh toán, các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác theo quy định của Chính phủ thực hiện khấu trừ, kê khai số thuế đã khấu trừ, nộp thuế thay cho các cá nhân kinh doanh đối với các giao dịch kinh doanh trên nền tảng thương

mại điện tử, nền tảng số và tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế, nộp thuế thay khác theo quy định của pháp luật về thuế.

d) Tổ chức, cá nhân nộp thay thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ.

2. Cơ quan quản lý thuế bao gồm:

a) Cơ quan thuế bao gồm Cục Thuế; Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế thương mại điện tử; Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thuế cơ sở;

b) Cơ quan hải quan bao gồm Cục Hải quan, Chi Cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục Hải quan khu vực, Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu trực thuộc Chi cục Hải quan khu vực.

3. Công chức quản lý thuế bao gồm công chức thuế, công chức hải quan.

4. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh theo quy định của các luật thuế.

2. Nghĩa vụ thuế là nghĩa vụ nộp các khoản thuế theo quy định tại khoản 1 bao gồm số tiền thuế phải nộp, số tiền chậm nộp, tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế; các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu và nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế.

3. Các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu là các khoản thu giao cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp quản lý và tổ chức thu theo quy định của pháp luật.

4. Các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước không do cơ quan quản lý thuế quản lý thu là các khoản thu giao cho cơ quan nhà nước quản lý trực tiếp, tổ chức thu, cơ quan thuế hạch toán theo dõi khoản thu; các khoản thu giao cho cơ quan nhà nước quản lý trực tiếp và cơ quan thuế tổ chức thu theo quy định của pháp luật.

5. Cá nhân kinh doanh là cá nhân thực hiện kinh hoặc cá nhân đại diện cho hộ gia đình, cá nhân đăng ký kinh doanh và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.

6. Trụ sở của người nộp thuế là địa điểm người nộp thuế tiến hành một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bao gồm trụ sở chính, chi nhánh, cửa hàng, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, nơi sản xuất, nơi để hàng hóa, nơi để tài sản dùng cho sản xuất, kinh doanh; nơi cư trú hoặc nơi phát sinh nghĩa vụ thuế mà người nộp thuế đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan quản lý thuế theo quy định của pháp luật.

6. Trụ sở của cơ quan quản lý thuế là địa điểm nơi đặt trụ sở chính của cơ quan quản lý thuế theo quy định của Bộ Tài chính.

7. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp là cơ quan thuế có trách nhiệm quản lý và thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế thuộc phạm vi địa bàn và cơ quan thuế được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo của cơ quan thuế hoặc Thông báo của cơ quan đăng ký kinh doanh.

8. Cơ quan thuế quản lý khoản thu ngân sách nhà nước là hoặc cơ quan thuế có trách nhiệm quản lý khoản thu được phân công, theo dõi nghĩa vụ thuế của người nộp thuế đối với một số khoản phải thu ngân sách nhà nước mà không phải là cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế.

9. Mã số thuế là một dãy số gồm chữ số và ký tự khác do cơ quan thuế cấp cho người nộp thuế dùng để quản lý thuế hoặc là mã số đăng ký doanh nghiệp, mã số đăng ký hợp tác xã, mã số đăng ký kinh doanh do cơ quan quản lý nhà nước cấp hoặc là số định danh cá nhân do cơ quan Công an cấp.

10. Kỳ tính thuế là khoảng thời gian để xác định số tiền thuế phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế.

11. Tờ khai thuế là văn bản theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định được người nộp thuế sử dụng để kê khai các thông tin nhằm xác định số tiền thuế phải nộp.

Tờ khai thuế điện tử là tờ khai thuế được hệ thống công nghệ thông tin của cơ quan quản lý thuế tự động tạo lập và được điền sẵn các chỉ tiêu trên cơ sở dữ liệu quản lý thuế về người nộp thuế.

12. Tờ khai hải quan là văn bản theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định được sử dụng làm tờ khai thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu.

13. Hồ sơ thuế là hồ sơ đăng ký thuế, khai thuế, gia hạn nộp hồ sơ khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, không thu thuế, khoan tiền thuế nợ, xóa

nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, miễn tiền chậm nộp, tiền phạt, không tính tiền chậm nộp, gia hạn tiền thuế nợ, nộp dần tiền thuế nợ, hồ sơ hải quan;

14. Khai quyết toán thuế là việc xác định số tiền thuế phải nộp của năm tính thuế hoặc thời gian từ đầu năm tính thuế đến khi chấm dứt hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế hoặc thời gian từ khi phát sinh đến khi chấm dứt hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

15. Năm tính thuế được xác định theo năm dương lịch từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12; trường hợp năm tài chính khác năm dương lịch thì năm tính thuế áp dụng theo năm tài chính.

16. Hoàn thành nghĩa vụ thuế là thực hiện nộp đủ nghĩa vụ thuế hoặc không còn nợ đối với tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền xóa nợ theo quy định.

17. Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế là việc áp dụng các biện pháp theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan buộc người nộp thuế phải thực hiện nghĩa vụ thuế.

15. Rủi ro về thuế là nguy cơ phát sinh các vấn đề sai sót, gian lận liên quan đến nghĩa vụ thuế, không tuân thủ pháp luật của người nộp thuế dẫn đến thất thu ngân sách nhà nước.

16. Quản lý rủi ro trong quản lý thuế là việc áp dụng có hệ thống phân tích dữ liệu, các quy trình nghiệp vụ, các tiêu chí đánh giá để xác định, đánh giá, phân loại và kiểm soát các rủi ro về thuế liên quan đến việc tuân thủ về đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, báo cáo nghĩa vụ thuế và thực hiện chính sách thuế có thể tác động tiêu cực đến hiệu quả, hiệu lực quản lý thuế làm cơ sở để cơ quan quản lý thuế áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm giảm thiểu thất thu ngân sách nhà nước và đảm bảo hệ thống thuế hoạt động hiệu quả.

17. Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) là thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan thuế với người nộp thuế hoặc giữa cơ quan thuế với người nộp thuế và cơ quan thuế của nước, vùng lãnh thổ mà Việt Nam đã ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần cho một thời hạn nhất định về phương pháp xác định giá trong các giao dịch liên kết nhằm đảm bảo tuân thủ nguyên tắc giá thị trường để xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Trong

một APA có các nội dung chủ yếu sau: xác định rõ phạm vi áp dụng, thời gian hiệu lực của thỏa thuận, phương pháp xác định giá chuyển nhượng, các điều kiện kinh tế ảnh hưởng đến APA, nghĩa vụ báo cáo, giám sát, cơ chế sửa đổi hoặc hủy bỏ APA, cơ chế giải quyết tranh chấp.

Thủ tục thỏa thuận song phương (MAP) là thỏa thuận bằng văn bản giữa Cơ quan thuế Việt Nam và Cơ quan thuế của nước, vùng lãnh thổ mà Việt Nam đã ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần để giải quyết tranh chấp về thuế cho người nộp thuế, nhằm tránh bị đánh thuế hai lần đối với cùng một khoản thu nhập hoặc giải quyết việc đánh thuế của Cơ quan thuế một nước không đúng quy định của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

APA, MAP là một cam kết quốc tế trong quản lý thuế do Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét quyết định.

18. Tiền thuế phải nộp là tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu mà người nộp thuế phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật

19. Tiền thuế nộp thừa là số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu đã nộp lớn hơn số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp.

20. Tiền thuế nợ là tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu mà người nộp thuế chưa nộp ngân sách nhà nước khi hết thời hạn nộp theo quy định.

21. Khoanh tiền thuế nợ là việc cơ quan thuế ban hành quyết định chưa thu số tiền thuế nợ của người nộp thuế.

22. Xóa nợ tiền thuế là việc cơ quan thuế ban hành quyết định hủy bỏ nghĩa vụ nộp tiền thuế nợ của người nộp thuế.

23. Cơ sở dữ liệu thương mại là thông tin, số liệu tài chính, kinh tế được các tổ chức kinh doanh dữ liệu thu thập, tập hợp, chuẩn hóa, lưu trữ, cập nhật, cung cấp bằng các phần mềm hỗ trợ truy cập, quản lý với các công cụ, ứng dụng được lập trình sẵn, hỗ trợ tiện ích cho người sử dụng có thể tìm kiếm, truy cập và sử dụng dữ liệu tài chính, kinh tế của các doanh nghiệp trong và ngoài Việt Nam theo ngành nghề sản xuất kinh doanh, theo khu vực địa lý hoặc các tiêu chí tìm kiếm theo yêu cầu khác.



24. Cơ sở dữ liệu sử dụng trong quản lý giá giao dịch liên kết, quản lý thuế đối với các nhà cung cấp nước ngoài là cơ sở dữ liệu thương mại, cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý thuế trong quản lý rủi ro, thông tin dữ liệu của các doanh nghiệp được công bố công khai trên thị trường chứng khoán, thông tin, dữ liệu công bố trên các sàn giao dịch hàng hóa, dịch vụ trong nước và quốc tế, thông tin do các cơ quan bộ, ngành trong nước công bố công khai; thông tin dữ liệu trao đổi của cơ quan thuế đối tác.

25. Thông tin người nộp thuế là thông tin về người nộp thuế và thông tin liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế do người nộp thuế cung cấp, do cơ quan quản lý thuế thu thập được trong quá trình quản lý thuế, thông tin của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các tổ chức tài chính tín dụng, cơ quan thuế nước ngoài cung cấp có liên quan đến người nộp thuế, kết quả áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế và các thông tin do các tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, nền tảng số và các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác cung cấp.

26. Hệ thống thông tin quản lý thuế bao gồm hệ thống thông tin thống kê, kế toán thuế và các thông tin khác phục vụ công tác quản lý thuế.

27. Các bên có quan hệ liên kết là các bên tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát, góp vốn vào doanh nghiệp; các bên cùng chịu sự điều hành, kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp bởi một tổ chức hoặc cá nhân; các bên cùng có một tổ chức hoặc cá nhân tham gia góp vốn; các doanh nghiệp được điều hành, kiểm soát bởi các cá nhân có mối quan hệ mật thiết trong cùng một gia đình.

28. Giao dịch liên kết là giao dịch giữa các bên có quan hệ liên kết.

29. Giao dịch độc lập là giao dịch giữa các bên không có quan hệ liên kết.

30. Nguyên tắc giao dịch độc lập là nguyên tắc được áp dụng trong kê khai, xác định giá tính thuế đối với người nộp thuế có phát sinh giao dịch liên kết nhằm phản ánh điều kiện giao dịch trong giao dịch liên kết tương đương với điều kiện trong giao dịch độc lập.

Nhà cung cấp nước ngoài là tổ chức nước ngoài không có cơ sở kinh doanh cố định tại Việt Nam, là nền tảng thương mại điện tử theo quy định của Luật Thương mại điện tử.

31. Cơ sở thường trú của doanh nghiệp nước ngoài là cơ sở sản xuất, kinh doanh mà thông qua cơ sở này, doanh nghiệp nước ngoài tiến hành một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam, bao gồm:

a) Chi nhánh, văn phòng điều hành, nhà máy, công xưởng, phương tiện vận tải, mỏ dầu, mỏ khí, mỏ hoặc địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên khác tại Việt Nam.

b) Địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, lắp đặt, lắp ráp.

c) Cơ sở cung cấp dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn thông qua người làm công hoặc tổ chức, cá nhân khác.

d) Đại lý cho doanh nghiệp nước ngoài.

đ) Đại diện tại Việt Nam trong trường hợp là đại diện có thẩm quyền ký kết hợp đồng đứng tên doanh nghiệp nước ngoài hoặc đại diện không có thẩm quyền ký kết hợp đồng đứng tên doanh nghiệp nước ngoài nhưng thường xuyên thực hiện việc giao hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ tại Việt Nam.

e) Nền tảng thương mại điện tử, nền tảng công nghệ số mà thông qua đó doanh nghiệp nước ngoài tiến hành cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam.

32. Nguyên tắc bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế là nguyên tắc được áp dụng trong quản lý thuế nhằm phân tích các giao dịch, hoạt động sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế để xác định nghĩa vụ thuế tương ứng với giá trị tạo ra từ bản chất giao dịch, hoạt động sản xuất, kinh doanh đó.

33. Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu là quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu theo quy định của Quốc hội và Chính phủ phù hợp với bộ quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của Diễn đàn hợp tác chung về chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận toàn cầu mà Việt Nam là thành viên.

34. Công ty mẹ tối cao của tập đoàn là pháp nhân có vốn chủ sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp tại các pháp nhân khác của một tập đoàn đa quốc gia, không bị sở hữu bởi bất kỳ pháp nhân nào khác và báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao của tập đoàn không được hợp nhất vào bất kỳ báo cáo tài chính của một pháp nhân nào khác trên toàn cầu.

35. Tham vấn trong giải quyết khiếu nại về thuế là việc trao đổi, thảo luận để lấy ý kiến, thông tin nhằm làm rõ các tình tiết, các vấn đề pháp lý, chuyên môn nghiệp

vụ và phương án xử lý trong quá trình giải quyết khiếu nại về thuế tại cơ quan thuế đối với một hoặc một số vụ việc cụ thể từ các thành viên của Hội đồng tham vấn để đưa ra quyết định giải quyết khiếu nại chính xác, khách quan và đúng pháp luật.

36. Hội đồng tham vấn là Hội đồng do Thủ trưởng cơ quan thuế quyết định thành lập để tham vấn cho Thủ trưởng cơ quan thuế trong việc giải quyết khiếu nại thuế.

37. Mã định danh khoản phải nộp (ID) là một dãy các ký tự được tạo trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế của ngành thuế, có tính duy nhất cho từng hồ sơ thuế hoặc khoản phải nộp của người nộp thuế.

38. Chương trình tuân thủ tự nguyện: là cơ chế khuyến khích người nộp thuế chủ động khai báo, điều chỉnh sai sót trong việc khai thuế trước khi cơ quan thuế tiến hành kiểm tra, cưỡng chế vi phạm.

39. Chương trình tuân thủ tổng thể là một tập hợp các hoạt động có hệ thống, dựa trên đánh giá phân loại rủi ro tuân thủ của người nộp thuế nhằm xác định các hành vi tiềm ẩn sai phạm dựa trên dữ liệu và phân tích hành vi, để ưu tiên áp dụng các biện pháp kiểm soát phù hợp với từng phân đoạn người nộp thuế.

40. Trường hợp bất khả kháng bao gồm:

a) Người nộp thuế bị thiệt hại vật chất do gặp thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ.

b) Các trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của Chính phủ.

#### **Điều 4. Nội dung quản lý thuế**

1. Đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, ấn định thuế.
2. Hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, không thu thuế.
3. Khoanh tiền thuế nợ; xóa nợ tiền thuế; miễn tiền chậm nộp, tiền phạt; không tính tiền chậm nộp; gia hạn nộp thuế; nộp dần tiền thuế nợ.
4. Quản lý thông tin người nộp thuế.
5. Quản lý hóa đơn, chứng từ.
6. Kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết và thực hiện biện pháp phòng, chống, ngăn chặn vi phạm pháp luật về thuế.
7. Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

8. Xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế.
9. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế.
10. Hợp tác quốc tế về thuế.
11. Tuyên truyền, Quản lý tuân thủ, hỗ trợ người nộp thuế.

### **Điều 5. Nguyên tắc quản lý thuế**

1. Mọi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cá nhân kinh doanh có nghĩa vụ tuân thủ các quy định về quản lý thuế, nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan quản lý thuế, các cơ quan khác của Nhà nước được giao nhiệm vụ quản lý thu thực hiện việc quản lý thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của Luật này và của pháp luật khác có liên quan, bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người nộp thuế.

a) Trường hợp pháp luật chuyên ngành và Luật Quản lý thuế cùng quy định về việc xác định nghĩa vụ nộp thuế của người nộp thuế thì cơ quan quản lý thuế thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế; Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về việc xác định nghĩa vụ nộp thuế của người nộp thuế mà Luật Quản lý thuế không có quy định thì cơ quan thuế áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước được giao quản lý thu các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước có đầy đủ thông tin, cơ sở để xác định số phải thu thì cơ quan đó có trách nhiệm thực hiện việc xác định số phải thu nộp ngân sách nhà nước, thông báo thu, đôn đốc thu, theo dõi nghĩa vụ thu nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế, hoàn trả nộp thừa, tính tiền chậm nộp và thực hiện các biện pháp cưỡng chế (nếu có) theo quy định của Luật này. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước được giao quản lý thu các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước không có đầy đủ thông tin, cơ sở để xác định số phải thu mà văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có quy định một trong các yếu tố xác định khoản phải thu thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế thì cơ quan quản lý thuế có nhiệm vụ cung cấp thông tin liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế tự kê khai, nộp thuế và quản lý thu theo quy định tại Luật này.

3. Công chức quản lý thuế chịu trách nhiệm giải quyết hồ sơ thuế trong phạm vi hồ sơ, tài liệu, thông tin của người nộp thuế cung cấp, cơ sở dữ liệu của cơ quan

quản lý thuế, thông tin của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp có liên quan đến người nộp thuế, kết quả áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế, bảo đảm theo đúng chức trách, nhiệm vụ, tuân thủ quy định của pháp luật về thuế, quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia quản lý thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

5. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, thực hiện giải quyết thủ tục hành chính toàn trình và cung cấp dịch vụ thuế không phụ thuộc địa giới hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, hiệu quả, tích hợp, xử lý dữ liệu tự động, ứng dụng toàn diện công nghệ số trong mọi quy trình thuế;

6. Sử dụng hệ thống dữ liệu và công cụ trí tuệ nhân tạo để cảnh báo sớm về các nguy cơ vi phạm pháp luật thuế; áp dụng các nguyên tắc quản lý thuế theo thông lệ quốc tế, trong đó có nguyên tắc bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế, nguyên tắc quản lý rủi ro, quản lý tuân thủ trong quản lý thuế và các nguyên tắc khác phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

7. Áp dụng biện pháp ưu tiên khi thực hiện các thủ tục về quản lý thuế đối với người nộp thuế tuân thủ tốt quy định pháp luật, về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về hải quan và quy định của Chính phủ.

#### **Điều 6. Phạm vi quản lý thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước**

1. Các khoản thuế và khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu bao gồm:

- a) Các loại thuế theo quy định của pháp luật thuế (trừ thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp);
- b) Phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí;
- c) Tiền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước;
- d) Tiền thuê đất;
- đ) Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;
- e) Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

g) Tiền sử dụng khu vực biển;

h) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính do cơ quan quản lý thuế thực hiện xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính;

i) Tiền chậm nộp tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật do cơ quan quản lý thuế quản lý thu;

k) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu do cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, cơ quan thuế tổ chức thu theo quy định của pháp luật, gồm:

a) Thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập; chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp; thu chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ theo quyết định/thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

b, Thu tiền chậm nộp khoản thu do cơ quan chuyên ngành quản lý, cơ quan thuế tổ chức thu.

c, Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

3. Các khoản thu cơ quan thuế tổ chức hạch toán, theo dõi thu, bao gồm:

a) Tiền nộp ngân sách nhà nước từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

b) Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính;

d) Tiền nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công từ việc quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí;

đ) Thuế sử dụng đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

e) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

f) Tiền chậm nộp khoản thu do cơ quan nhà nước quản lý thu.

g) Tiền cấp quyền sử dụng tần vô tuyến điện;

h) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

#### 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này

### **Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý thuế**

1. Thông đồng, móc nối, bao che giữa người nộp thuế và công chức quản lý thuế, cơ quan quản lý thuế để chuyển giá, trốn thuế.
2. Gây phiền hà, sách nhiễu đối với người nộp thuế.
3. Lợi dụng để chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép tiền thuế.
4. Cố tình không kê khai hoặc kê khai thuế không đầy đủ, kịp thời, chính xác về số tiền thuế phải nộp.
5. Cản trở công chức quản lý thuế thi hành công vụ.
6. Sử dụng mã số thuế của người nộp thuế khác để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc cho người khác sử dụng mã số thuế của mình không đúng quy định của pháp luật.
7. Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không xuất hóa đơn theo quy định của pháp luật, sử dụng hóa đơn không hợp pháp và sử dụng không hợp pháp hóa đơn.
8. Làm sai lệch, sử dụng sai mục đích, truy cập trái phép, phá hủy hệ thống thông tin người nộp thuế.
9. Các hành vi bị nghiêm cấm trong khấu trừ, hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng.

### **Điều 8. Đồng tiền khai thuế, nộp thuế**

1. Đồng tiền khai thuế, nộp thuế là Đồng Việt Nam, trừ các trường hợp được phép khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính và trường hợp được khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu bằng ngoại tệ theo quy định của Chính phủ. Người nộp thuế khai thuế bằng đồng tiền nào thì thực hiện nộp thuế bằng đồng tiền đó, trừ trường hợp đặc thù theo quy định của Chính phủ.
2. Người nộp thuế hạch toán kế toán bằng ngoại tệ theo quy định của Luật Kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế thực hiện theo pháp luật về kế toán.
3. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, đồng tiền nộp thuế là Đồng Việt Nam, trừ các trường hợp được phép khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ tự do chuyển

đổi theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tỷ giá tính thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan.

### **Điều 9. Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế**

1. Giao dịch điện tử là phương thức chính thức và mặc định trong quá trình thực hiện nghĩa vụ và thủ tục hành chính thuế giữa người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế, được thực hiện thông qua hệ thống thông tin điện tử do Chính phủ hoặc cơ quan thuế tổ chức và vận hành.

2. Người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân phải thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan quản lý thuế theo quy định của Luật này, Luật Giao dịch điện tử và pháp luật có liên quan trừ đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Trường hợp người nộp thuế thuộc nhóm đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt như người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc diện bảo trợ xã hội hoặc cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, mà không thể thực hiện giao dịch điện tử, thì được lựa chọn phương thức phù hợp khác theo hướng dẫn của cơ quan thuế. Cơ quan thuế có trách nhiệm hỗ trợ, hướng dẫn để từng bước chuyển đổi sang phương thức điện tử phù hợp.

4. Người nộp thuế đã thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế thì không phải thực hiện phương thức giao dịch khác.

5. Cơ quan quản lý thuế khi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuế cho người nộp thuế bằng phương thức điện tử phải xác nhận việc hoàn thành giao dịch điện tử của người nộp thuế, bảo đảm quyền của người nộp thuế quy định tại Điều 16 của Luật này.

6. Người nộp thuế phải thực hiện yêu cầu của cơ quan quản lý thuế nêu tại thông báo, quyết định, văn bản điện tử như đối với thông báo, quyết định, văn bản bằng giấy của cơ quan quản lý thuế.

7. Chứng từ điện tử sử dụng trong giao dịch điện tử phải được ký điện tử phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

8. Cơ quan, tổ chức đã kết nối thông tin điện tử với cơ quan quản lý thuế thì phải sử dụng chứng từ điện tử trong quá trình thực hiện giao dịch với cơ quan quản lý thuế; sử dụng chứng từ điện tử do cơ quan quản lý thuế cung cấp để giải quyết các



thủ tục hành chính cho người nộp thuế và không được yêu cầu người nộp thuế nộp lại hồ sơ, chứng từ dưới dạng giấy nếu dữ liệu về hồ sơ đã có trên hệ thống.

9. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong tổ chức hệ thống thông tin điện tử, hồ sơ, thủ tục về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

### **Điều 10. Quản lý rủi ro và quản lý tuân thủ trong quản lý thuế**

1. Cơ quan quản lý thuế áp dụng cơ chế quản lý rủi ro và quản lý tuân thủ trong quản lý thuế theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Việc xây dựng cơ chế quản lý rủi ro và quản lý tuân thủ trong quản lý thuế thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Nguyên tắc dựa trên rủi ro được thực hiện bằng việc tập trung nguồn lực vào các người nộp thuế có rủi ro cao; phân bổ nguồn lực theo mức độ rủi ro được xác định; quản lý chủ động, phòng ngừa và phát hiện sớm các rủi ro;

b) Nguyên tắc phân loại theo đối tượng được thực hiện bằng việc phân loại người nộp thuế dựa trên dữ liệu và phân tích khách quan; áp dụng các biện pháp quản lý phù hợp với từng nhóm đối tượng; thường xuyên rà soát và điều chỉnh việc phân loại;

c) Nguyên tắc tuân thủ tự nguyện được thực hiện bằng việc khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế tuân thủ tự nguyện; cung cấp thông tin, hướng dẫn rõ ràng về nghĩa vụ thuế; có các ưu tiên cho người nộp thuế tuân thủ tốt;

d) Nguyên tắc dựa trên dữ liệu được thực hiện bằng việc xây dựng cơ sở dữ liệu toàn diện về người nộp thuế; sử dụng các công cụ phân tích hiện đại; đảm bảo an toàn và bảo mật dữ liệu.

3. Cơ quan quản lý thuế sử dụng kết quả đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người nộp thuế và kết quả phân loại mức độ rủi ro trong quản lý thuế để xây dựng các chương trình tuân thủ tự nguyện, tuân thủ tổng thể hỗ trợ người nộp thuế tuân thủ pháp luật thuế và các biện pháp quản lý thuế phù hợp.

4. Cơ quan quản lý thuế ứng dụng công nghệ mới, trí tuệ nhân tạo, xây dựng nền tảng điều hành quản lý tuân thủ theo thời gian thực, hỗ trợ công tác giám sát, đánh giá rủi ro và hiệu quả quản lý thuế của cơ quan thuế và công chức quản lý thuế.

5. Công chức thuế áp dụng các biện pháp quản lý thuế theo cơ chế quản lý rủi ro được miễn trừ trách nhiệm cá nhân.

6. Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

### **Điều 11. Xây dựng lực lượng quản lý thuế**

1. Lực lượng quản lý thuế được xây dựng trong sạch, vững mạnh; được trang bị và làm chủ kỹ thuật hiện đại, hoạt động hiệu lực và hiệu quả.

2. Công chức quản lý thuế là người có đủ điều kiện được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh trong cơ quan quản lý thuế; được đào tạo, bồi dưỡng và quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

3. Chế độ phục vụ, chức danh, tiêu chuẩn, lương, chế độ đãi ngộ khác, cấp hiệu, trang phục của công chức quản lý thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm bồi dưỡng, tập huấn chính sách thuế, quản lý thuế và quy trình nghiệp vụ cho đội ngũ công chức quản lý thuế để thực hiện chức năng quản lý thuế theo quy định của pháp luật.

### **Điều 12. Hiện đại hóa và chuyển đổi số toàn diện trong công tác quản lý thuế**

1. Công tác quản lý thuế được hiện đại hóa về phương pháp quản lý, thủ tục hành chính, bộ máy tổ chức, đội ngũ công chức áp dụng rộng rãi công nghệ thông tin, kỹ thuật hiện đại trên cơ sở dữ liệu thông tin chính xác về người nộp thuế và kết quả kiểm tra, giám sát, phân tích dữ liệu để kiểm soát được tất cả đối tượng chịu thuế, căn cứ tính thuế; bảo đảm dự báo nhanh, chính xác số thu của ngân sách nhà nước; phát hiện và xử lý kịp thời các vướng mắc, vi phạm pháp luật về thuế; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế; sử dụng cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử và chứng từ điện tử để tổ chức các biện pháp quản lý việc thực hiện nghĩa vụ về thuế.

Nhà nước bảo đảm các nguồn lực tài chính để thực hiện nội dung quy định tại khoản này, trong đó ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm để thực hiện các nội dung hiện đại hóa, gồm: hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử, cơ sở vật chất, trang thiết bị kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, phân tích phân loại, xây dựng hải quan số, hải quan thông minh và các nhiệm vụ chuyên môn phục vụ công tác quản lý thuế.

2. Nhà nước tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển công nghệ và phương tiện kỹ thuật tiên tiến để áp dụng phương pháp quản lý thuế hiện đại, thực hiện giao dịch điện tử và quản lý thuế điện tử; đẩy mạnh phát triển các dịch vụ thanh toán thông qua hệ thống ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác để từng bước hạn chế các giao dịch thanh toán bằng tiền mặt của người nộp thuế.

3. Cơ quan quản lý thuế thực hiện chuyển đổi số toàn diện, tích hợp dữ liệu và tự động hóa trong quản lý thuế; mở rộng phạm vi ứng dụng công nghệ số, xây dựng hệ thống quản lý thuế số thông minh, quản lý dựa trên hệ thống dữ liệu lớn theo thời gian thực, có khả năng tương tác giữa các hệ thống thông tin quản lý thuế. Ứng dụng công nghệ số hiện đại, tự động hóa quy trình nghiệp vụ. Kết nối, chia sẻ dữ liệu số với các cơ quan tổ chức có liên quan để xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu lớn kết hợp với ứng dụng kỹ thuật để phân tích rủi ro. Áp dụng tiêu chuẩn bảo mật dữ liệu theo mô hình quốc tế trong hệ thống thông tin quản lý thuế đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin trên môi trường số.

4. Cơ quan thuế triển khai hệ thống ra quyết định hành chính tự động trên cơ sở dữ liệu, tiêu chí định sẵn và cơ chế phân tích rủi ro. Hệ thống thông tin quản lý thuế có giá trị pháp lý, được sử dụng làm căn cứ ra quyết định hành chính thuế.

### **Điều 13. Hợp tác quốc tế về thuế của cơ quan quản lý thuế**

1. Nội dung hợp tác quốc tế về thuế bao gồm:

a) Đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế về thuế. Bộ Tài chính đề xuất nội dung hợp tác quốc tế theo quy trình, thủ tục ký kết của pháp luật về Điều ước quốc hoặc thỏa thuận quốc tế.

b) Đàm phán, ký và thực hiện các cam kết quốc tế về Thủ tục thỏa thuận song phương (MAP), Thỏa thuận song phương đối với Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) và thỏa thuận song phương, đa phương về thuế với cơ quan quản lý thuế nước ngoài. Bộ Tài chính quy định chi tiết về quy trình, thủ tục ký và thực hiện các thỏa thuận này.

c) Khai thác, trao đổi thông tin và hợp tác nghiệp vụ, bao gồm: Thông tin về người nộp thuế; thông tin về giao dịch thương mại điện tử xuyên biên giới; thông tin về các bên liên kết phục vụ công tác quản lý thuế đối với giao dịch liên kết; thông tin khác phục vụ công tác quản lý thuế.

d) Hỗ trợ thu thuế theo các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, bao gồm: Hỗ trợ thu thuế tại nước ngoài đối với các khoản nợ thuế tại Việt Nam; hỗ trợ thu thuế tại Việt Nam đối với các khoản nợ thuế phải nộp tại nước ngoài; các biện pháp hỗ trợ thu thuế khác theo điều ước quốc tế.

2. Hợp tác quốc tế về thuế được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc sau đây:

a) Tuân thủ và thực hiện quyền, nghĩa vụ và bảo đảm lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo các điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc là bên ký kết;

b) Bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng chủ quyền quốc gia và pháp luật của mỗi nước;

c) Minh bạch, kịp thời và hiệu quả trong trao đổi thông tin, hợp tác nghiệp vụ;

d) Hỗ trợ tương hỗ trong công tác quản lý thuế và thu thuế;

e) Bảo mật thông tin và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người nộp thuế.

3. Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

#### **Điều 14. Kế toán, thống kê về thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước**

1. Cơ quan quản lý thuế thực hiện hạch toán kế toán tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế phải thu, đã thu, miễn, giảm, xóa nợ, không thu thuế, hoàn trả theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Cơ quan thuế thực hiện hạch toán kế toán các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước không do cơ quan thuế quản lý thu theo quy định của pháp luật kế toán và pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Cơ quan quản lý thuế tổ chức thực hiện thống kê về thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước quy định Điều 5a.

4. Hằng năm, cơ quan quản lý thuế nộp báo cáo kế toán, thống kê về thuế cho cơ quan có thẩm quyền và thực hiện công khai thông tin theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 15. Nguyên tắc tính thời hạn trong quản lý thuế**

1. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn hiệu lực của quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế được thực hiện theo quy định của Luật này.

2. Trường hợp ngày cuối cùng của các thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này rơi vào ngày nghỉ cuối tuần, ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày làm việc tiếp theo sau ngày nghỉ cuối tuần, ngày nghỉ lễ.

## **Chương II**

### **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG QUẢN LÝ THUẾ**

#### **Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ**

Giữ nguyên như Điều 14 Luật QLT số 38/2019/QH14

#### **Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ**

1. Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm thực hiện chuyển đổi số và phối hợp với Bộ Tài chính kiểm soát thu thuế đối với các giao dịch tài chính, thương mại điện tử, kinh tế số, phòng chống rửa tiền, phòng ngừa gian lận thuế, quản lý thuế đối với các mô hình kinh doanh mới và thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về quản lý thuế theo quy định của Chính phủ.

#### **Điều 18. Quyền của người nộp thuế**

1. Được hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các thủ tục hành chính thuế; cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi về thuế.

2. Được nhận văn bản thông báo liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế từ các cơ quan chức năng khi tiến hành thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

3. Yêu cầu cơ quan quản lý thuế giải thích về việc tính thuế, ấn định thuế; yêu cầu giám định số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

4. Được giữ bí mật thông tin, trừ các thông tin phải cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thông tin công khai về thuế theo quy định của pháp luật.

5. Hưởng các ưu đãi về thuế, hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế; được biết thời hạn giải quyết hoàn thuế, số tiền thuế không được hoàn và căn cứ pháp lý đối với số tiền thuế không được hoàn.

6. Ký hợp đồng với tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế, đại lý làm thủ tục hải quan để thực hiện dịch vụ đại lý thuế, đại lý làm thủ tục hải quan; được ủy quyền khai thay, nộp thuế thay theo quy định của pháp luật thuế, pháp luật quản lý thuế, pháp luật hải quan.

7. Được nhận quyết định xử lý về thuế, biên bản kiểm tra thuế, thanh tra thuế, được yêu cầu giải thích nội dung quyết định xử lý về thuế; được bảo lưu ý kiến trong biên bản kiểm tra thuế, thanh tra thuế; được nhận văn bản kết luận kiểm tra thuế, thanh tra thuế, quyết định xử lý về thuế sau thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý thuế.

8. Được bồi thường thiệt hại, phục hồi danh dự do cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế gây ra theo quy định của pháp luật về bồi thường trách nhiệm của Nhà nước

9. Yêu cầu cơ quan quản lý thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của mình;

10. Khiếu nại, khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

11. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, không tính tiền chậm nộp đối với trường hợp do người nộp thuế thực hiện xác định nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu phải nộp thuộc ngân sách nhà nước theo văn bản hướng dẫn hoặc quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý các khoản thu thuộc ngân sách nhà nước không do cơ quan quản lý thuế quản lý thu liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu phải nộp thuộc ngân sách nhà nước của người nộp thuế.

12. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của công chức quản lý thuế và tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật về tố cáo.

13. Được tra cứu, xem, in toàn bộ chứng từ điện tử mà mình đã gửi đến công thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế theo quy định của Luật này và pháp luật về giao dịch điện tử.

4. Được sử dụng chứng từ điện tử trong giao dịch với cơ quan quản lý thuế và cơ quan, tổ chức có liên quan. Được yêu cầu tổ chức khấu trừ thuế, nộp thay thuế cấp chứng từ khấu trừ thuế điện tử theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

15. Người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế được ưu tiên trong thực hiện thủ tục hành chính thuế theo quy định của Chính phủ.

16. Trường hợp người nộp thuế phát hiện thông tin nộp thuế trên chứng từ nộp ngân sách nhà nước đã lập chưa đúng hoặc thông tin thu, nộp ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế cung cấp có sai khác với thông tin theo dõi của người nộp thuế thì người nộp thuế được quyền thực hiện thủ tục tra soát, điều chỉnh thông tin theo quy định của Bộ Tài chính.

### **Điều 19. Trách nhiệm của người nộp thuế**

1. Thực hiện đăng ký thuế, sử dụng mã số thuế theo quy định của pháp luật.
2. Khai chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ thuế đúng thời hạn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế và các tài liệu cung cấp cho cơ quan thuế trong quá trình giải quyết hồ sơ thuế theo quy định của pháp luật về thuế.
3. Nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm.
4. Chấp hành chế độ kế toán, thống kê và quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
5. Ghi chép chính xác, trung thực, đầy đủ những hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế, khấu trừ thuế và giao dịch phải kê khai thông tin về thuế.
6. Lập và giao hóa đơn, chứng từ cho người mua theo đúng số lượng, chủng loại, giá trị thực thanh toán khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.
7. Cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế, bao gồm cả thông tin về giá trị đầu tư; số vốn điều lệ đã thực góp khi thành lập doanh nghiệp; số hiệu và nội dung giao dịch của tài khoản được mở tại

ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác; giải thích việc tính thuế, khai thuế, nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế.

8. Chấp hành quyết định, thông báo, yêu cầu của cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế theo quy định của pháp luật.

9. Chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền thay mặt người nộp thuế thực hiện thủ tục về thuế sai quy định.

10. Người nộp thuế không phải nộp các chứng từ, không phải gửi các thông tin đã có sẵn trong hồ sơ khai, nộp thuế, hồ sơ hoàn thuế và các hồ sơ thuế khác mà cơ quan quản lý thuế đã có theo quy định của Bộ Tài chính.

11. Người nộp thuế có trách nhiệm sử dụng hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, giảm thuế theo đúng mục đích quy định của pháp luật thuế. Trường hợp sử dụng không đúng mục đích hoặc thay đổi mục đích sử dụng so với mục đích ban đầu đã kê khai với cơ quan quản lý thuế, người nộp thuế phải kê khai nộp tiền thuế, tiền chậm nộp và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật quản lý thuế.

12. Xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo đảm việc thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan quản lý thuế, áp dụng kết nối thông tin liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế với cơ quan quản lý thuế.

13. Người nộp thuế có phát sinh giao dịch liên kết có nghĩa vụ lập, lưu trữ, kê khai, cung cấp hồ sơ thông tin về người nộp thuế và các bên liên kết của người nộp thuế bao gồm cả thông tin về các bên liên kết cư trú tại các quốc gia, vùng lãnh thổ ngoài Việt Nam theo quy định của Chính phủ.

14. Người nộp thuế là doanh nghiệp xã hội có trách nhiệm kê khai chính xác, trung thực và đầy đủ các khoản thu từ hoạt động hợp tác, tài trợ và hợp đồng kinh tế với tổ chức, cá nhân nước ngoài cho cơ quan quản lý thuế sử dụng cho giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.

## **Điều 20. Nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế**

1. Tổ chức thực hiện quản lý thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế, quản lý thuế và quy định khác của pháp luật có liên quan;



2. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật về thuế; công khai các thủ tục về thuế tại trụ sở, trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Giải thích, cung cấp thông tin liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế; áp dụng chuyển đổi số trong việc hỗ trợ người nộp thuế tuân thủ pháp luật thuế, hóa đơn và đánh giá tính hiệu quả của công tác hỗ trợ người nộp thuế của công chức thuế.

4. Bảo mật thông tin của người nộp thuế, trừ các thông tin cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền hoặc thông tin được công bố công khai theo quy định của pháp luật.

5. Xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế khi có đề nghị theo quy định của pháp luật. Xử lý tra soát, điều chỉnh thuế khi có đề nghị của người nộp thuế theo quy định tại khoản 16 Điều 18.

6. Bồi thường thiệt hại, phục hồi danh dự cho người nộp thuế theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

7. Giám định để xác định số tiền thuế phải nộp của người nộp thuế theo trung cầu, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Xây dựng, tổ chức hệ thống thông tin điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

9. Sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú và cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân trên cơ sở trao đổi, cung cấp thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại Điều 30 để giải quyết thủ tục hành chính cho người nộp thuế.

## **Điều 21. Quyền hạn của cơ quan quản lý thuế**

1. Yêu cầu người nộp thuế cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế, bao gồm cả thông tin về giá trị đầu tư; số hiệu, nội dung giao dịch của các tài khoản được mở tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác và giải thích việc tính thuế, khai thuế, nộp thuế;

2. Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế và phối hợp với cơ quan quản lý thuế để thực hiện pháp luật về thuế.

3. Kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết theo quy định của pháp luật.

4. Ấn định thuế.

5. Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

6. Xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế theo thẩm quyền; công khai trên phương tiện thông tin đại chúng các trường hợp vi phạm pháp luật về thuế.

7. Áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế theo quy định của pháp luật. Yêu cầu cơ quan đăng ký kinh doanh không thực hiện việc đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian cơ quan quản lý thuế đang tiến hành xử lý các hành vi vi phạm của doanh nghiệp về pháp luật về thuế, pháp luật về hải quan.

8. Ủy nhiệm cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thu một số loại thuế theo quy định của Chính phủ.

9. Cơ quan thuế áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế với người nộp thuế, với cơ quan thuế nước ngoài, vùng lãnh thổ mà Việt Nam đã ký hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với thuế thu nhập.

10. Mua thông tin, tài liệu, dữ liệu của các đơn vị cung cấp trong nước và ngoài nước để phục vụ công tác quản lý thuế; chi trả chi phí ủy nhiệm thu thuế từ tiền thuế thu được hoặc từ nguồn kinh phí của cơ quan quản lý thuế theo quy định của Chính phủ.

11. Yêu cầu người nộp thuế thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của người nộp thuế.

12. Chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai và nộp thuế trong trường hợp tập đoàn đa quốc gia không thông báo chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam theo quy định của Chính phủ.

13. Xây dựng Chương trình tuân thủ tổng thể, chương trình tuân thủ tự nguyện để hỗ trợ và khuyến khích người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế.

**Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp**

Giữ nguyên như Điều 20 Luật QLT số 38/2019/QH14

**Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nhà nước**

1. Thực hiện kiểm toán hoạt động đối với cơ quan quản lý thuế theo quy định của pháp luật về kiểm toán nhà nước, pháp luật về thuế và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối với kiến nghị của Kiểm toán nhà nước liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế được quy định như sau:

a) Trường hợp Kiểm toán nhà nước trực tiếp kiểm toán người nộp thuế theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước có nội dung kiến nghị về nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước thì Kiểm toán nhà nước phải gửi biên bản hoặc báo cáo kiểm toán cho người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp và người nộp thuế có trách nhiệm thực hiện kiến nghị theo báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước. Trường hợp người nộp thuế không đồng ý với kiến nghị của Kiểm toán nhà nước thì người nộp thuế có quyền khiếu nại kiến nghị của Kiểm toán nhà nước và gửi cho cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp một bản để theo dõi;

b) Trường hợp Kiểm toán nhà nước không trực tiếp kiểm toán đối với người nộp thuế mà thực hiện kiểm toán tại cơ quan quản lý thuế có nội dung kiến nghị nêu trong báo cáo kiểm toán liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế thì Kiểm toán nhà nước gửi bản trích sao có kiến nghị liên quan đến nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế để thực hiện. Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm tổ chức thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước. Trường hợp người nộp thuế không đồng ý với nghĩa vụ thuế phải nộp thì người nộp thuế có văn bản đề nghị cơ quan quản lý thuế, Kiểm toán nhà nước xem xét lại nghĩa vụ thuế phải nộp. Căn cứ đề nghị của người nộp thuế, Kiểm toán nhà nước chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý thuế thực hiện việc xác định chính xác nghĩa vụ thuế của người nộp thuế và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra nhà nước**

1. Thực hiện thanh tra hoạt động của cơ quan quản lý thuế theo quy định của pháp luật về thanh tra, pháp luật về thuế và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối với kết luận của Thanh tra nhà nước liên quan đến nghĩa vụ thuế phải nộp của người nộp thuế được quy định như sau:

a) Trường hợp Thanh tra nhà nước trực tiếp thanh tra người nộp thuế theo quy định của Luật Thanh tra có nội dung kết luận về nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước thì Thanh tra nhà nước phải gửi biên bản hoặc kết luận cho người nộp thuế, cơ quan

quản lý thuế quản lý trực tiếp và người nộp thuế có trách nhiệm thực hiện kết luận của Thanh tra. Trường hợp người nộp thuế không đồng ý với kết luận của Thanh tra nhà nước thì người nộp thuế có quyền khiếu nại kết luận của Thanh tra nhà nước và gửi cho cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp một bản để theo dõi;

b) Trường hợp Thanh tra nhà nước không trực tiếp thanh tra đối với người nộp thuế mà thực hiện thanh tra tại cơ quan quản lý thuế có nội dung kiến nghị nêu trong kết luận thanh tra liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế thì Thanh tra nhà nước gửi bản trích sao có kết luận liên quan đến nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế để thực hiện. Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm tổ chức thực hiện kết luận của Thanh tra nhà nước. Trường hợp người nộp thuế không đồng ý với nghĩa vụ thuế phải nộp thì người nộp thuế có văn bản đề nghị cơ quan quản lý thuế, Thanh tra nhà nước xem xét lại nghĩa vụ thuế phải nộp. Căn cứ đề nghị của người nộp thuế, Thanh tra nhà nước chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý thuế thực hiện việc xác định chính xác nghĩa vụ thuế của người nộp thuế và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

**Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án**

Giữ nguyên như Điều 23 Luật QLT số 38/2019/QH14

**Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**

Giữ nguyên như Điều 24 Luật QLT số 38/2019/QH14

**Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp**

Giữ nguyên như Điều 25 Luật QLT số 38/2019/QH14

**Điều 28. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thông tin, báo chí**

Giữ nguyên như Điều 26 Luật QLT số 38/2019/QH14

**Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán**

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán khi tham gia phối hợp thu thuế và thu các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước có trách nhiệm sau đây:

a) Phối hợp với cơ quan quản lý thuế, Kho bạc Nhà nước trong việc thực hiện nộp thuế điện tử, hoàn thuế điện tử cho người nộp thuế; xử lý, đối soát dữ liệu về nộp thuế điện tử, hoàn thuế điện tử;

b) Truyền, nhận thông tin chứng từ nộp thuế điện tử, chuyển tiền thanh toán các khoản thu ngân sách nhà nước cho Kho bạc Nhà nước đầy đủ, chính xác, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật;

c) Hỗ trợ người nộp thuế trong quá trình thực hiện nộp thuế điện tử;

d) Bảo mật thông tin của người nộp thuế, người khai hải quan theo quy định của pháp luật.

2. Cung cấp thông tin về số hiệu tài khoản thanh toán theo mã số thuế (nếu người nộp thuế là tổ chức) hoặc số định danh cá nhân của người nộp thuế (nếu người nộp thuế là cá nhân) khi mở, thay đổi, đóng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán cho cơ quan thuế cung cấp giao dịch thanh toán qua ngân hàng của người nộp thuế khi có yêu cầu của cơ quan quản lý thuế bằng phương thức điện tử. Thời hạn cung cấp thông tin theo quy định của Chính phủ. Phối hợp với cơ quan quản lý thuế khi phát hiện các trường hợp có giao dịch bất thường cần kiểm tra tình trạng tuân thủ thuế.

3. Tiếp nhận các quyết định cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản của người nộp thuế bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng phương thức điện tử; Trích tiền để nộp thuế từ tài khoản của người nộp thuế, phong tỏa tài khoản của người nộp thuế bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế.

4. Trường hợp người nộp thuế có bảo lãnh về tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của Luật này nhưng người nộp thuế không nộp đúng thời hạn thì ngân hàng bảo lãnh phải chịu trách nhiệm nộp đủ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước thay cho người nộp thuế trong phạm vi bảo lãnh đã thỏa thuận tại hợp đồng, thỏa thuận, cam kết và thời hạn bảo lãnh.

5. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế, người nộp thuế thế chấp cho tổ chức tín dụng để làm tài sản bảo đảm các khoản vay nhưng chưa kê khai, nộp thuế cho cơ quan hải quan, khi tổ chức tín dụng xử lý tài

sản thế chấp để thu hồi nợ thì tổ chức tín dụng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế liên quan đến tài sản thế chấp thay cho người nộp thuế.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức, cá nhân khác**

1. Cung cấp thông tin liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế.

2. Phối hợp với cơ quan quản lý thuế trong việc thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế.

3. Tổ giác hành vi vi phạm pháp luật về thuế đến cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Yêu cầu người bán hàng, người cung cấp dịch vụ phải giao hóa đơn, chứng từ bán hàng hóa, dịch vụ đúng số lượng, chủng loại, giá trị thực thanh toán khi mua hàng hóa, dịch vụ.

5. Người được uỷ quyền, bảo lãnh hoặc nộp thuế thay cho người nộp thuế có trách nhiệm cung cấp thông tin về hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu cho cơ quan quản lý thuế để làm căn cứ ấn định thuế theo quy định tại Điều 43 Luật này.

6. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin phục vụ công tác phân tích, dự báo, lập dự toán thu ngân sách khi có yêu cầu của cơ quan quản lý thuế.

7. Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm phối hợp cơ quan quản lý thuế trong công tác thu thuế.

8. Tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán quốc tế có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời cho cơ quan quản lý thuế khi có yêu cầu về các thông tin giao dịch thanh toán của người nộp thuế.

9. Tổ chức cung cấp dịch vụ logistic có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời cho cơ quan quản lý thuế khi có yêu cầu về các thông tin giao dịch thanh toán của người nộp thuế.

## **Chương III**

### **ĐĂNG KÝ THUẾ**

#### **Điều 31. Đăng ký thuế và mã số thuế**

1. Đăng ký thuế bao gồm:

- a) Đăng ký thuế lần đầu;
- b) Thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế;
- c) Thông báo khi tạm ngừng hoạt động, kinh doanh;
- d) Chấm dứt hiệu lực mã số thuế;
- đ) Khôi phục mã số thuế.

2. Người nộp thuế phải thực hiện đăng ký thuế trước khi bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc có phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước hoặc được hoàn thuế theo quy định của pháp luật.

3. Người nộp thuế thực hiện đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông cùng với đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh thì hồ sơ đăng ký thuế là hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Chính phủ quy định hồ sơ đăng ký thuế đối với các trường hợp khác.

4. Cấu trúc mã số thuế và thủ tục cấp mã số thuế được quy định như sau:

- a) Mã số thuế của cá nhân kinh doanh là số định danh cá nhân theo quy định của pháp luật về căn cước công dân.
- b) Mã số thuế do cơ quan thuế cấp thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.
- c) Thủ tục cấp mã số thuế của cơ quan thuế thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

5. Chính phủ quy định cụ thể đối tượng đăng ký thuế, việc sử dụng mã số thuế của người nộp thuế, trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cơ quan thuế trong việc đăng ký thuế.

### **Điều 32. Đăng ký thuế lần đầu**

1. Người nộp thuế thực hiện đăng ký thuế lần đầu theo một trong các hình thức sau:

- a) Đăng ký thuế cùng với đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh theo cơ chế một cửa liên thông;
- b) Đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế;

- c) Đăng ký thuế thông qua hồ sơ khai thuế;
- d) Đăng ký thuế thông qua tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập.

2. Việc kết nối thông tin giữa cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan thuế để nhận hồ sơ đăng ký thuế và cấp mã số thuế theo cơ chế một cửa liên thông được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Cơ quan thuế cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc thông báo mã số thuế cho người nộp thuế theo quy định sau:

a) Cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký thuế hợp lệ;

b) Thông báo mã số thuế thay cho giấy chứng nhận đăng ký thuế đối với các trường hợp theo quy định của Chính phủ.

c) Trường hợp người nộp thuế bị mất, rách, nát, cháy giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc thông báo mã số thuế đã được cấp trước đây và chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế dưới dạng điện tử, cơ quan thuế cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế cho người nộp thuế dưới dạng điện tử trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị của người nộp thuế theo quy định.

4. Giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế được cấp dưới dạng điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy. Người nộp thuế có thể truy cập, tải về và in Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế từ cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

5. Đối với trường hợp đăng ký thuế lần đầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, hồ sơ đăng ký thuế, thời hạn đăng ký thuế là hồ sơ và thời hạn đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh, theo quy định của pháp luật. Chính phủ quy định hồ sơ đăng ký thuế, thời hạn đăng ký thuế đối với các trường hợp khác và trình tự, thủ tục đăng ký thuế lần đầu, nội dung, hình thức cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế.

### **Điều 33. Thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế**

1. Người nộp thuế có trách nhiệm thông báo với cơ quan thuế khi có thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định.



2. Việc thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế được thực hiện theo các hình thức:

- a) Thông báo cùng với việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh theo cơ chế một cửa liên thông;
- b) Thông báo trực tiếp với cơ quan thuế;
- c) Thông báo thông qua tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập;
- d) Cập nhật trực tiếp qua tài khoản điện tử giao dịch với cơ quan thuế.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thời hạn và các quy định cụ thể về thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế thực hiện theo quy định của Chính phủ.

#### **Điều 34. Thông báo khi tạm ngừng hoạt động, kinh doanh**

1. Tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc diện đăng ký kinh doanh tạm ngừng hoạt động, kinh doanh có thời hạn hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn đã thông báo theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan thì cơ quan thuế căn cứ vào thông báo của người nộp thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quản lý thuế trong thời gian người nộp thuế tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn theo quy định của Luật này.

2. Tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thuộc diện đăng ký kinh doanh thì thực hiện thông báo đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là 01 ngày làm việc trước khi tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn đã thông báo để thực hiện quản lý thuế.

3. Người nộp thuế không được đăng ký tạm ngừng hoạt động, kinh doanh khi cơ quan thuế đã có thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

4. Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với người nộp thuế trong thời hạn tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn.

#### **Điều 35. Đăng ký thuế trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp**

1. Khi tổ chức lại doanh nghiệp theo các hình thức chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi, người nộp thuế phải thực hiện các thủ tục về đăng ký thuế phù hợp với hình thức tổ chức lại.

2. Việc đăng ký thuế khi tổ chức lại doanh nghiệp được thực hiện:

a) Cùng với đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã theo cơ chế một cửa liên thông;

b) Trực tiếp với cơ quan thuế đối với các trường hợp khác.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thuế và xử lý mã số thuế trong từng trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Chính phủ.

### **Điều 36. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế**

1. Người nộp thuế đăng ký thuế cùng với đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh thì mã số thuế bị chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp:

a) Người nộp thuế chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Người nộp thuế bị chia, sáp nhập, hợp nhất;

c) Người nộp thuế bị cơ quan thuế ra thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký;

d) Cá nhân chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự;

2. Người nộp thuế đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế thì mã số thuế bị chấm dứt hiệu lực khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Chấm dứt hoạt động kinh doanh (trừ cá nhân kinh doanh), không còn phát sinh nghĩa vụ thuế đối với tổ chức không kinh doanh;

b) Bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc quyết định thành lập, hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, hoặc giấy tờ tương đương khác do cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

c) Bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất;

d) Bị cơ quan thuế ra thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký;

e) Nhà thầu nước ngoài khi kết thúc hợp đồng;

g) Nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí khi kết thúc hợp đồng hoặc chuyển nhượng toàn bộ quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí.

h) Cá nhân chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.

i) Mã số thuế cá nhân đã cấp ra có thông tin quốc tịch là người Việt Nam nhưng thông tin xác định danh tính của cá nhân (gồm: họ và tên, số giấy tờ, ngày tháng năm sinh) không khớp đúng hoặc không đủ thông tin để xác thực với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

3. Nguyên tắc chấm dứt hiệu lực mã số thuế được quy định như sau:

a) Mã số thuế không được sử dụng trong các giao dịch kinh tế kể từ ngày cơ quan thuế thông báo chấm dứt hiệu lực, thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký;

b) Mã số thuế của tổ chức khi đã chấm dứt hiệu lực không được sử dụng lại, trừ trường hợp quy định tại Điều 37 của Luật này;

c) Khi doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác và cá nhân chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì đồng thời phải thực hiện chấm dứt hiệu lực đối với mã số thuế nộp thay;

đ) Người nộp thuế là đơn vị chủ quản chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì các đơn vị phụ thuộc phải bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

4. Người nộp thuế có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế trước khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra việc hoàn thành nghĩa vụ thuế của người nộp thuế theo quy định của Luật này.

5. Mã số thuế đã chấm dứt hiệu lực không được sử dụng trong giao dịch kinh tế và không được cấp lại cho người nộp thuế khác, trừ trường hợp khôi phục mã số thuế theo quy định tại Điều 37.

6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế thực hiện theo quy định của Chính phủ.

### **Điều 37. Khôi phục mã số thuế**

1. Mã số thuế được khôi phục trong các trường hợp:

a) Người nộp thuế được khôi phục tình trạng pháp lý theo quy định của pháp luật trừ trường hợp người nộp thuế đang bị cơ quan thuế ra thông báo không hoạt động tại địa chỉ đăng ký;

b) Người nộp thuế có nhu cầu tiếp tục hoạt động sau khi đã gửi hồ sơ đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng cơ quan thuế chưa ban hành thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế;

c) Khi cơ quan thuế có thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký nhưng chưa bị thu hồi giấy phép và chưa bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc khôi phục mã số thuế được thực hiện:

a) Đồng thời với việc khôi phục tình trạng pháp lý tại cơ quan đăng ký kinh doanh theo cơ chế một cửa liên thông;

b) Trực tiếp tại cơ quan thuế trong các trường hợp quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều này.

3. Mã số thuế được tiếp tục sử dụng trong các giao dịch kinh tế kể từ ngày quyết định khôi phục tình trạng pháp lý của cơ quan đăng ký kinh doanh có hiệu lực hoặc ngày cơ quan thuế thông báo khôi phục mã số thuế.

4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục và điều kiện khôi phục mã số thuế thực hiện theo quy định của Chính phủ.

## **Chương IV**

### **KHAI THUẾ, TÍNH THUẾ**

#### **Điều 38. Nguyên tắc khai thuế, tính thuế**

1. Người nộp thuế phải khai chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung trong tờ khai thuế theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp đủ các chứng từ, tài liệu quy định trong hồ sơ khai thuế với cơ quan quản lý thuế. Trường hợp hệ thống công nghệ thông tin của cơ quan quản lý thuế tạo tờ khai thuế điện sẵn thì người nộp thuế phải kiểm tra tính chính xác, đầy đủ các nội dung trong tờ khai thuế được điền sẵn trước khi xác nhận với cơ quan quản lý thuế.

2. Người nộp thuế tự tính số tiền thuế phải nộp, trừ trường hợp việc tính thuế do cơ quan quản lý thuế thực hiện theo quy định của Chính phủ. Cơ quan thuế chịu trách nhiệm đối với các yếu tố thuộc trách nhiệm xác định của cơ quan thuế để tính số tiền thuế người nộp thuế phải nộp.

Đối với các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước không do cơ quan quản lý thuế quản lý thu thì cơ quan quản lý nhà nước được giao quản lý các khoản thu đó có trách nhiệm xác định số tiền phải nộp vào ngân sách nhà nước và tính tiền chậm nộp theo quy định tại Luật này.

3. Người nộp thuế thực hiện khai thuế, tính thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế hoặc cơ quan thuế quản lý khoản thu. Người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc tại đơn vị hành chính cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính thì thuộc trường hợp phải phân bổ thuế, người nộp thuế khai thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp trụ sở chính và tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế phải nộp theo từng địa phương nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này.

4. Đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp ở nước ngoài thì nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính trừ trường hợp nhà cung cấp nước ngoài đã được bên Việt Nam hoặc tổ chức là nhà quản lý nền tảng số nước ngoài khấu trừ, nộp thuế thay theo quy định của pháp luật thuế. Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này.

4a. Đối với hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số thì tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, nhà quản lý nền tảng số có chức năng thanh toán (bao gồm cả tổ chức trong nước và nước ngoài) và các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác theo quy định của Chính phủ thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Trường hợp hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số không thuộc đối tượng được khấu trừ, nộp thuế thay thì có nghĩa vụ trực tiếp đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế.

Chính phủ quy định chi tiết phạm vi trách nhiệm và cách thức các tổ chức quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, quản lý nền tảng số và các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ đối với các giao dịch kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của các hộ, cá nhân; về hồ sơ, thủ tục khai thuế, nộp thuế và hoàn thuế của các hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số.

5. Nguyên tắc kê khai, xác định giá tính thuế đối với giao dịch liên kết được quy định như sau:

a) Kê khai, xác định giá giao dịch liên kết theo nguyên tắc phân tích, so sánh với các giao dịch độc lập và nguyên tắc bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế để xác định nghĩa vụ thuế phải nộp như trong điều kiện giao dịch giữa các bên độc lập;

b) Giá giao dịch liên kết được điều chỉnh theo giao dịch độc lập để kê khai, xác định số tiền thuế phải nộp theo nguyên tắc không làm giảm thu nhập chịu thuế;

c) Người nộp thuế có quy mô nhỏ, rủi ro về thuế thấp được miễn thực hiện quy định tại điểm a, điểm b khoản này và được áp dụng cơ chế đơn giản hóa trong kê khai, xác định giá giao dịch liên kết.

6. Nguyên tắc khai thuế đối với cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế được quy định như sau:

a) Việc áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế được thực hiện trên cơ sở đề nghị của người nộp thuế, sự thống nhất giữa cơ quan thuế và người nộp thuế theo thỏa thuận đơn phương, song phương và đa phương giữa cơ quan thuế, người nộp thuế và cơ quan thuế nước ngoài, vùng lãnh thổ có liên quan;

b) Việc áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế phải dựa trên thông tin của người nộp thuế, nguồn thông tin trong cơ sở dữ liệu sử dụng trong quản lý giá giao dịch liên kết; Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế có hiệu lực kể từ kỳ tính thuế mà trong kỳ tính thuế đó APA được ký kết.

c) Việc áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế phải được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt trước khi thực hiện.

7. Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho người nộp thuế có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về khai thuế, nộp thuế như quy định đối với người nộp thuế. Chính phủ quy định các trường hợp khai thuế thay, nộp thuế thay.

8. Nguyên tắc khai thuế đối với hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác, chế biến dầu thô và hoạt động bán khí thiên nhiên, khí đồng hành, khí than được chuyển bằng đường ống dẫn khí đến người mua do Chính phủ quy định.

### **Điều 39. Khai thuế**

1. Người nộp thuế thực hiện khai thuế theo kỳ tính thuế bao gồm kỳ tính thuế tháng, kỳ tính thuế quý, kỳ tính thuế năm, kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh và kỳ quyết toán thuế.

2. Người nộp thuế có trách nhiệm nộp hồ sơ khai thuế đúng thời hạn tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan thuế quản lý khoản thu ngân sách nhà nước. Hồ sơ khai thuế bao gồm tờ khai thuế, các phụ lục kèm theo và tài liệu có liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp.

3. Người nộp thuế không có khả năng nộp hồ sơ khai thuế đúng thời hạn do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ được gia hạn nộp hồ sơ khai thuế. Thời gian gia hạn không quá 30 ngày đối với khai thuế tháng, quý, năm, theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế; không quá 60 ngày đối với khai quyết toán thuế.

4. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót trong trường hợp sau đây:

a) Trước khi cơ quan thuế, cơ quan điều tra, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra, điều tra, khởi tố, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này.

b) Hồ sơ không thuộc phạm vi, thời kỳ thanh tra, kiểm tra thuế nêu tại quyết định thanh tra, kiểm tra thuế.

Đối với những nội dung thuộc phạm vi thanh tra, kiểm tra, người nộp thuế được bổ sung hồ sơ giải trình theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về thanh tra và các trường hợp thực hiện theo kết luận, quy định của cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.

c) Hồ sơ không thuộc phạm vi, thời kỳ điều tra vụ án hình sự của cơ quan điều tra hoặc phạm vi, thời kỳ điều tra vụ án hình sự của cơ quan điều tra được xác định theo văn bản do cơ quan điều tra gửi đến cơ quan quản lý thuế.

d) Hồ sơ thuộc phạm vi, thời kỳ thanh tra, kiểm tra thuế nhưng sau khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành kết luận, quyết định xử lý về thuế mà việc khai bổ sung dẫn đến tăng số tiền thuế phải nộp, giảm số tiền thuế được khấu trừ hoặc giảm số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn. Người nộp thuế bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với hành vi quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật này.

5. Người nộp thuế thực hiện nộp hồ sơ khai thuế qua cổng giao dịch điện tử của cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp không đáp ứng điều kiện giao dịch điện tử thì nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý thuế hoặc qua đường bưu chính.

6. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hồ sơ hải quan được sử dụng làm hồ sơ khai thuế; việc khai thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan.

7. Cơ quan quản lý thuế nơi tiếp nhận hồ sơ khai thuế có trách nhiệm thông báo cho người nộp thuế về việc tiếp nhận, chấp nhận, không chấp nhận hồ sơ khai thuế.

8. Bộ Tài chính quy định chi tiết về:

a) Các trường hợp người nộp thuế gặp khó khăn đặc biệt được gia hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định của Chính phủ;

b) Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với từng loại thuế, từng kỳ tính thuế;

c) Cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ khai thuế

d) Điều kiện, thủ tục, thời gian gia hạn nộp hồ sơ khai thuế;

đ) Điều kiện, thủ tục khai bổ sung hồ sơ khai thuế;

e) Hồ sơ khai thuế, hồ sơ khai bổ sung hồ sơ khai thuế, mẫu biểu hồ sơ khai thuế và các trường hợp người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế;

g) Thời hạn cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế về việc tiếp nhận hồ sơ khai thuế.

h) Hình thức nộp hồ sơ khai thuế và trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc tiếp nhận hồ sơ khai thuế.

## **Chương V**

### **ÁN ĐỊNH THUẾ**

#### **Điều 40. Nguyên tắc ấn định thuế**

Giữ nguyên như Điều 49 Luật QLT số 38/2019/QH14

#### **Điều 41. Ấn định thuế đối với người nộp thuế trong trường hợp vi phạm pháp luật về thuế**

1. Người nộp thuế bị ấn định thuế khi thuộc một trong các trường hợp vi phạm pháp luật về thuế sau đây:



a) Không đăng ký thuế, không khai thuế, không nộp bổ sung hồ sơ thuế theo yêu cầu của cơ quan thuế hoặc khai thuế không đầy đủ, trung thực, chính xác về căn cứ tính thuế;

b) Không phản ánh hoặc phản ánh không đầy đủ, trung thực, chính xác số liệu trên sổ kế toán để xác định nghĩa vụ thuế;

c) Không xuất trình sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ và các tài liệu cần thiết liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp trong thời hạn quy định;

d) Không chấp hành quyết định thanh tra thuế, kiểm tra thuế theo quy định;

đ) Mua, bán, trao đổi và hạch toán giá trị hàng hóa, dịch vụ không theo giá trị giao dịch thông thường trên thị trường;

e) Mua, trao đổi hàng hóa sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn mà hàng hóa là có thật theo xác định của cơ quan có thẩm quyền và đã được kê khai doanh thu tính thuế;

g) Có dấu hiệu bỏ trốn hoặc phát tán tài sản để không thực hiện nghĩa vụ thuế;

h) Thực hiện các giao dịch không đúng với bản chất kinh tế, không đúng thực tế phát sinh nhằm mục đích giảm nghĩa vụ thuế của người nộp thuế;

i) Không tuân thủ quy định về nghĩa vụ kê khai, xác định giá giao dịch liên kết hoặc không cung cấp thông tin theo quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết.

## 2. Căn cứ ấn định thuế bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý thuế và cơ sở dữ liệu thương mại;

b) So sánh số tiền thuế phải nộp của cơ sở kinh doanh cùng mặt hàng, ngành, nghề, quy mô tại địa phương; trường hợp tại địa phương của cơ sở kinh doanh không có thông tin về mặt hàng, ngành, nghề, quy mô của cơ sở kinh doanh thì so sánh với địa phương khác;

c) Tài liệu và kết quả kiểm tra, thanh tra còn hiệu lực;

d) Tỷ lệ thu thuế trên doanh thu đối với từng lĩnh vực, ngành, nghề theo quy định của pháp luật về thuế.

3. Người nộp thuế bị ấn định từng yếu tố liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Qua kiểm tra hồ sơ khai thuế, cơ quan thuế có căn cứ cho rằng người nộp thuế khai chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác các yếu tố làm cơ sở xác định số tiền thuế phải nộp, đã yêu cầu người nộp thuế khai bổ sung nhưng người nộp thuế không khai bổ sung theo yêu cầu của cơ quan thuế;

b) Qua kiểm tra sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp, cơ quan thuế có cơ sở chứng minh người nộp thuế hạch toán không chính xác, không trung thực các yếu tố liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp;

c) Hạch toán giá bán hàng hóa, dịch vụ không đúng với giá thực tế thanh toán làm giảm doanh thu tính thuế hoặc hạch toán giá mua hàng hóa, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất, kinh doanh không theo giá thực tế thanh toán phù hợp với thị trường làm tăng chi phí, tăng thuế giá trị gia tăng được khấu trừ, giảm nghĩa vụ thuế phải nộp;

d) Người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế nhưng không xác định được các yếu tố làm cơ sở xác định căn cứ tính thuế hoặc có xác định được các yếu tố làm cơ sở xác định căn cứ tính thuế nhưng không tự tính được số tiền thuế phải nộp.

4. Người nộp thuế bị ấn định số tiền thuế phải nộp theo tỷ lệ trên doanh thu theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp cơ quan thuế qua kiểm tra, thanh tra phát hiện sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ không đầy đủ, không hợp pháp hoặc kê khai, tính thuế không đúng thực tế trong trường hợp có quy mô về doanh thu tối đa bằng mức cao nhất về tiêu chí của doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và không thuộc trường hợp ấn định thuế quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

#### **Điều 42: Quản lý thuế đối với cá nhân kinh doanh**

1. Cá nhân kinh doanh tự xác định số tiền thuế phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp (tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế).

2. Cơ quan thuế căn cứ sổ sách ghi chép, cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế để kiểm tra doanh thu tính thuế và số thuế phải nộp của cá nhân kinh doanh. Trường hợp có đủ căn cứ xác định doanh thu không phù hợp thực tế thì cơ quan thuế ấn định doanh thu và xác định lại số thuế phải nộp.

3. Mức tỷ lệ % như sau:

a) Doanh thu từ ngưỡng chịu thuế theo quy định của pháp luật thuế đến dưới 01 tỷ đồng /năm:

- Hàng hóa:  $X1 \% (GTGT + TNCN)$
- Dịch vụ:  $X2 \% (GTGT + TNCN)$
- Sản xuất:  $X3 \% (GTGT + TNCN)$

b) Doanh thu từ 01 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng/năm:

- Hàng hóa:  $Y1 \% (GTGT + TNCN)$
- Dịch vụ:  $Y2 \% (GTGT + TNCN)$
- Sản xuất:  $Y3 \% (GTGT + TNCN)$

c) Doanh thu trên 10 tỷ đồng/năm:

- Thuế GTGT:  $X \% \text{ giá trị gia tăng (Doanh thu – Giá vốn)}$
- Thuế TNCN:  $Y\% \text{ (doanh thu – chi phí)}$

4. Cá nhân kinh doanh thực hiện sổ sách, hóa đơn, chứng từ điện tử trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của Chính phủ. Đối với cá nhân kinh doanh có doanh thu năm dưới 01 tỷ đồng sử dụng hoá đơn điện tử theo lộ trình do Chính phủ quy định.

5. Không thu thuế GTGT, TNCN trong năm đầu tiên ra kinh doanh đối với cá nhân kinh doanh có doanh thu dưới 01 tỷ đồng/năm thực hiện đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử với cơ quan thuế, áp dụng chế độ kế toán theo quy định.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và căn cứ, trình tự tính, kê khai, nộp thuế, chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ áp dụng cho cá nhân kinh doanh bao gồm cả cá nhân kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số.

#### **Điều 43: Ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**

Giữ nguyên như Điều 52 Luật QLT số 38/2019/QH14

#### **Điều 44. Trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc ấn định thuế**

1. Cơ quan quản lý thuế thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế về lý do ấn định thuế, căn cứ ấn định thuế, số tiền thuế ấn định, thời hạn nộp tiền thuế.

2. Trường hợp cơ quan quản lý thuế thực hiện ấn định thuế qua kiểm tra thuế thì lý do ấn định thuế, căn cứ ấn định thuế, số tiền thuế ấn định, thời hạn nộp tiền

thuế phải được ghi trong biên bản kiểm tra thuế, quyết định xử lý về thuế của cơ quan quản lý thuế.

3. Trường hợp số tiền thuế ấn định của cơ quan quản lý thuế lớn hơn số tiền thuế phải nộp theo quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản án, quyết định của Tòa án thì cơ quan quản lý thuế phải hoàn trả số tiền thuế nộp thừa.

4. Trường hợp số tiền thuế ấn định của cơ quan quản lý thuế nhỏ hơn số tiền thuế phải nộp theo quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản án, quyết định của Tòa án thì người nộp thuế có trách nhiệm nộp bổ sung. Cơ quan quản lý thuế chịu trách nhiệm về việc ấn định thuế.

**Điều 45. Trách nhiệm của người nộp thuế trong việc nộp số tiền thuế ấn định**

Giữ nguyên như Điều 54 Luật QLT số 38/2019/QH14

**Chương VI**

**NỘP THUẾ**

**Điều 46. Thời hạn thực hiện nghĩa vụ thuế**

1. Trường hợp người nộp thuế tính nghĩa vụ thuế, thời hạn thực hiện nghĩa vụ thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế. Trường hợp khai bổ sung hồ sơ khai thuế, thời hạn thực hiện nghĩa vụ thuế là thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót.

Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp, lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thì tạm nộp theo quý, thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày 30 của tháng đầu quý sau.

2. Trường hợp cơ quan thuế tính nghĩa vụ thuế, thời hạn thực hiện nghĩa vụ thuế là thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan thuế.

3. Đối với các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước từ đất, tiền sử dụng khu vực biển, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài thì thời hạn nộp theo quy định của Chính phủ.

4. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế, thời hạn nộp thuế thực hiện theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; trường hợp phát sinh số tiền thuế phải nộp sau khi thông

quan hoặc giải phóng hàng hóa thì thời hạn nộp thuế phát sinh được thực hiện như sau:

a) Thời hạn nộp thuế khai bổ sung, nộp số tiền thuế ấn định được áp dụng theo thời hạn nộp thuế của tờ khai hải quan ban đầu trừ một số trường hợp theo quy định của Chính phủ.

b) Thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa phải phân tích, giám định để xác định chính xác số tiền thuế phải nộp; hàng hóa chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan; hàng hóa có khoản thực thanh toán, hàng hóa có các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan chưa xác định được tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### **Điều 47. Thủ tục thực hiện nghĩa vụ thuế**

1. Người nộp thuế nộp tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu tại:

a) Kho bạc Nhà nước;

b) Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc tổ chức dịch vụ khác có kết nối với hệ thống thông tin quản lý thu của cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là tổ chức phối hợp thu);

c) Cơ quan quản lý thuế nơi phát sinh khoản thu;

d) Thông qua tổ chức được cơ quan quản lý thuế ủy nhiệm thu thuế.

2. Chứng từ nộp thuế là tài liệu để ghi nhận thông tin nộp ngân sách nhà nước và đã được xác định ngày nộp tiền thuế theo quy định tại Điều 48 Luật này. Chứng từ nộp thuế được thể hiện dưới dạng chứng từ giấy hoặc chứng từ điện tử.

3. Người nộp thuế thực hiện nộp thuế theo đúng mã định danh khoản phải nộp do cơ quan quản lý thuế cung cấp. Trường hợp chưa hoặc không có mã định danh khoản phải nộp thì người nộp thuế xác định thông tin để lập chứng từ nộp thuế.

4. Luân chuyển, hạch toán chứng từ nộp thuế phải đảm bảo tính toàn vẹn, đầy đủ các nội dung trên chứng từ. Cơ quan quản lý thuế sử dụng hệ thống điện tử tự động để cung cấp thông tin mã định danh khoản phải nộp cho Tổ chức phối hợp thu, Kho bạc Nhà nước để lập và hạch toán chứng từ nộp thuế. Trong quá trình lập, luân chuyển chứng từ nộp thuế phát sinh sai, sót tại đơn vị nào thì đơn vị đó phải chủ động

xác định nguyên nhân sai sót và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc cung cấp thông tin xử lý sai sót theo quy định.

5. Cơ quan quản lý thuế thực hiện thanh toán tiền thuế theo mã định danh khoản phải nộp.

6. Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết điều này.

**Điều 48. Xác định ngày đã nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu**

1. Trường hợp nộp tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nước không bằng tiền mặt, ngày đã nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nước là ngày Kho bạc Nhà nước, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trích tiền từ tài khoản của người nộp thuế hoặc người nộp thay và được ghi nhận trên chứng từ nộp tiền thuế.

2. Trường hợp nộp tiền thuế trực tiếp bằng tiền mặt, ngày đã nộp thuế là ngày Kho bạc Nhà nước, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức được ủy nhiệm thu thuế cấp chứng từ thu tiền thuế.

**Điều 49. Xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu**

1. Các trường hợp phải nộp tiền chậm nộp bao gồm:

a) Người nộp thuế chậm nộp tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu so với thời hạn quy định, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế, thời hạn trong quyết định ấn định thuế hoặc quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế;

b) Người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế làm tăng số tiền thuế phải nộp hoặc cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra phát hiện khai thiếu số tiền thuế phải nộp thì phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền thuế phải nộp tăng thêm kể từ ngày kế tiếp ngày cuối cùng thời hạn nộp thuế của kỳ tính thuế có sai, sót hoặc kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế của tờ khai hải quan ban đầu;

c) Người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế làm giảm số tiền thuế đã được hoàn trả hoặc cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra phát hiện số tiền thuế được hoàn nhỏ hơn số tiền thuế đã hoàn thì phải nộp tiền

chậm nộp đối với số tiền thuế đã hoàn trả phải thu hồi kể từ ngày nhận được tiền hoàn trả từ ngân sách nhà nước;

d) Trường hợp được nộp dần tiền thuế nợ quy định tại khoản 6 Điều 79 của Luật này;

đ) Trường hợp không bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế do hết thời hiệu xử phạt nhưng bị truy thu số tiền thuế thiếu quy định tại khoản 3 Điều 85 của Luật này;

e) Trường hợp không bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với hành vi quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 91 của Luật này;

g) Cơ quan, tổ chức được cơ quan quản lý thuế ủy nhiệm thu thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu chậm chuyển tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của người nộp thuế vào ngân sách nhà nước thì phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền chậm chuyển theo quy định.

h) Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu ngân sách nhà nước truyền, nhận thông tin chứng từ nộp thuế điện tử, chuyển tiền thanh toán các khoản thu ngân sách nhà nước cho Kho bạc Nhà nước không đầy đủ, không chính xác, không đúng thời hạn quy định của pháp luật thì tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm nộp tiền chậm nộp theo quy định thay cho người nộp thuế.

i) Cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng khấu trừ thuế, nộp thay thuế cho người nộp thuế theo quy định của pháp luật thuế chuyển tiền thuế khấu trừ, nộp thay không đầy đủ, không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật thì có trách nhiệm nộp tiền chậm nộp theo quy định thay cho người nộp thuế.

2. Mức tính tiền chậm nộp và thời gian tính tiền chậm nộp được quy định như sau:

a) Mức tính tiền chậm nộp bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp;

b) Thời gian tính tiền chậm nộp được tính liên tục kể từ ngày tiếp theo ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo hoặc quyết định ấn định thuế hoặc quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế đến ngày liền kề trước ngày số tiền nợ thuế, tiền thu hồi hoàn thuế, tiền thuế tăng thêm,

tiền thuế ấn định, tiền thuế chậm chuyển được nộp vào ngân sách nhà nước. (được sửa đổi tại Luật số 56/2024/QH15).

3. Người nộp thuế tự xác định số tiền chậm nộp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định. Trường hợp người nộp thuế có khoản tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa thì thực hiện theo quy định tại Điều 50 của Luật này.

4. Trường hợp sau 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, người nộp thuế chưa nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt thì cơ quan quản lý thuế thông báo cho người nộp thuế biết số tiền thuế, tiền phạt còn nợ và số ngày chậm nộp.

5. Không tính tiền chậm nộp trong các trường hợp sau đây:

a) Người nộp thuế cung ứng hàng hóa, dịch vụ được thanh toán bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, bao gồm cả nhà thầu phụ được quy định trong hợp đồng ký với chủ đầu tư và được chủ đầu tư trực tiếp thanh toán nhưng chưa được thanh toán thì không phải nộp tiền chậm nộp.

Số tiền *thuế nợ* không tính chậm nộp là tổng số tiền thuế và *các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu* còn nợ ngân sách nhà nước của người nộp thuế nhưng không vượt quá số tiền ngân sách nhà nước chưa thanh toán;

b) Các trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 46 của Luật này thì không tính tiền chậm nộp trong thời gian chờ kết quả phân tích, giám định; trong thời gian chưa có giá chính thức; trong thời gian chưa xác định được khoản thực thanh toán, các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan và trong thời hạn là 05 ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế xác định được giá chính thức, xác định được các khoản thực thanh toán, các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan hoặc người nộp thuế nhận được yêu cầu khai bổ sung của cơ quan hải quan sau khi có kết quả phân tích, giám định.

c) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu bị áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp có hiệu lực trở về trước 90 theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương thì không tính tiền chậm nộp trong thời hạn 90 ngày trở về trước.

d) Không tính tiền chậm nộp tương ứng với khoản tiền bù trừ trong khoảng thời gian từ ngày phát sinh số tiền thuế nộp thừa đến ngày cơ quan quản lý thuế thực hiện bù trừ theo quy định tại Điều 50 Luật này.



đ) Không tính tiền chậm nộp đối với số tiền thuế nợ phát sinh do người nộp thuế vi phạm hành chính về thuế do thực hiện theo văn bản hướng dẫn, quyết định xử lý của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế trừ trường hợp kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế chưa phát hiện sai sót của người nộp thuế trong việc khai, xác định số tiền thuế phải nộp hoặc số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn nhưng sau đó hành vi vi phạm hành chính về thuế của người nộp thuế bị phát hiện.

6. Chưa tính tiền chậm nộp đối với các trường hợp được khoan nợ theo quy định tại Điều 62 của Luật này.

7. Người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định giảm nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế thì người nộp thuế được điều chỉnh số tiền chậm nộp đã tính tương ứng với số tiền chênh lệch giảm.

8. Trường hợp cơ quan quản lý thuế đã thực hiện xử lý bù trừ số tiền thuế nộp thừa với số tiền thuế phải nộp theo quy định tại Điều 50 của Luật này thì cơ quan quản lý thuế không điều chỉnh tiền chậm nộp đã tính sau khi xử lý bù trừ, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này.

9. Người nộp thuế phải nộp tiền chậm nộp theo quy định tại khoản 1 Điều này được miễn tiền chậm nộp trong trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 3 của Luật này.

10. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế, miễn tiền chậm nộp, khấu trừ số tiền thuế nợ không tính tiền chậm nộp.

### **Điều 50. Xử lý số tiền thuế nộp thừa**

1. Người nộp thuế có số tiền thuế nộp thừa thì được bù trừ số tiền thuế nộp thừa với số tiền thuế phải nộp theo mã định danh khoản phải nộp trước thời gian chính lý quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước hoặc được đề nghị hoàn trả số tiền thuế nộp thừa.

Cá nhân kinh doanh có doanh thu hàng năm dưới ngưỡng doanh thu chịu thuế theo quy định của pháp luật thuế nhưng đã được tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, nhà quản lý nền tảng số có chức năng thanh toán, các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác theo quy định của Chính phủ thực hiện khấu trừ, kê khai

số thuế đã khấu trừ, nộp thuế thay vào ngân sách nhà nước thì được xử lý số tiền thuế nộp thừa theo quy định tại khoản này.

2. Trường hợp người nộp thuế đề nghị hoàn trả số tiền thuế nộp thừa thì thực hiện các thủ tục, trình tự và thẩm quyền hoàn nộp thừa theo quy định tại Chương VIII Luật này.

Số tiền thuế nộp thừa do cơ quan thuế xử lý bù trừ khi người nộp thuế còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt theo thủ tục hoàn nộp thừa theo quy định tại Chương VIII Luật này thì thứ tự thanh toán tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt được bù trừ thực hiện theo thời hạn trước, sau và theo thứ tự như sau:

- a) Tiền nợ thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp quá hạn thuộc đối tượng áp dụng các biện pháp cưỡng chế;
- b) Tiền nợ thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp quá hạn chưa thuộc đối tượng áp dụng các biện pháp cưỡng chế;
- c) Tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp phát sinh.

3. Không hoàn trả số tiền thuế nộp thừa và cơ quan quản lý thuế thực hiện thanh khoản số tiền nộp thừa trên sổ kế toán, trên hệ thống dữ liệu điện tử trong các trường hợp sau đây:

- a) Người nộp thuế từ chối nhận lại số tiền thuế nộp thừa bằng văn bản;
- b) Người nộp thuế thuộc trường hợp được xóa nợ theo quy định tại Điều 63 Luật này.
- c) Số tiền thuế nộp thừa quá thời hạn 10 năm kể từ ngày nộp tiền vào ngân sách nhà nước
- d) Các trường hợp người nộp thuế nộp thừa tiền thuế giá trị gia tăng cho cơ quan hải quan khi nhập khẩu hàng hóa nhưng người nộp thuế đã kê khai khấu trừ với cơ quan thuế nơi quản lý doanh nghiệp.

đ) Người nộp thuế có từng khoản tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa từ 10.000 đồng trở xuống, bao gồm cả khoản nộp thừa phát sinh trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng đến ngày Luật có hiệu lực thi hành có từng khoản tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa từ 10.000 đồng trở xuống.

4. Các trường hợp khoan số tiền thuế nộp thừa

a) Người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế, đã được cơ quan quản lý thuế thông báo trên toàn quốc về việc người nộp thuế hoặc đại diện theo pháp luật của người nộp thuế không hiện diện tại địa chỉ kinh doanh, địa chỉ liên lạc đã đăng ký với cơ quan quản lý thuế.

Cơ quan quản lý thuế chấm dứt khoanh số tiền thuế nộp thừa kể từ ngày quyết định khôi phục tình trạng pháp lý của cơ quan đăng ký kinh doanh có hiệu lực hoặc ngày cơ quan quản lý thuế thông báo khôi phục mã số thuế.

b) Số tiền thuế nộp thừa quá thời hạn 05 năm kể từ ngày nộp tiền vào ngân sách nhà nước mà người nộp thuế không bù trừ nghĩa vụ thuế và không đề nghị hoàn thuế.

Cơ quan quản lý thuế chấm dứt khoanh số tiền thuế nộp thừa kể từ ngày người nộp thuế có đề nghị hoàn thuế.

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết Điều này.

#### **Điều 51. Nộp thuế trong thời gian giải quyết khiếu nại, khởi kiện**

1. Trong thời gian giải quyết khiếu nại, khởi kiện của người nộp thuế về số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt do cơ quan quản lý thuế tính, hoặc ấn định hoặc do cơ quan có thẩm quyền tính nhưng cơ quan quản lý thuế ban hành thông báo nộp thuế, người nộp thuế vẫn phải nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đó, trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định tạm đình chỉ thực hiện quyết định tính thuế, quyết định ấn định thuế của cơ quan quản lý thuế.

2. Trường hợp số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp lớn hơn số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt được xác định theo quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản án, quyết định của Tòa án thì người nộp thuế được hoàn trả số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa. (đã được sửa đổi tại Luật số 56/2024/QH15).

3. Thủ tục xử lý đối với trường hợp số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp lớn hơn số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt được xác định theo quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản án, quyết định của Tòa án được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 50 của Luật này.

#### **Điều 52 Gia hạn tiền thuế nợ**

1. Việc gia hạn tiền thuế nợ được xem xét trên cơ sở đề nghị của người nộp thuế thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị thiệt hại vật chất, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh do gặp trường hợp bất khả kháng quy định tại khoản 40 Điều 3 của Luật này;

b) Phải ngừng hoạt động do di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất, kinh doanh;

c) Gia hạn nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khi có vướng mắc về giải phóng mặt bằng thuê đất.

2. Thời gian gia hạn tiền thuế nợ được quy định như sau:

a) Không quá 02 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp theo quy định đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Không quá 01 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp theo quy định đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Bổ sung thời gian gia hạn cho trường hợp tại điểm c khoản 1 Điều này.

3. Người nộp thuế thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được gia hạn một phần hoặc toàn bộ tiền thuế nợ phải nộp và không phải nộp tiền chậm nộp tính trên số tiền thuế nợ trong thời gian gia hạn.

4. Người nộp thuế phải lập và gửi hồ sơ gia hạn tiền thuế nợ cho cơ quan quản lý thuế. Hồ sơ gồm: văn bản đề nghị gia hạn tiền thuế nợ nêu rõ lý do, số tiền thuế nợ, thời hạn nộp theo quy định; tài liệu chứng minh lý do gia hạn.

5. Cơ quan quản lý thuế tiếp nhận hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu chính hoặc điện tử qua cổng giao dịch điện tử. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, cơ quan quản lý thuế thông báo bằng văn bản trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp pháp, đầy đủ, cơ quan quản lý thuế thông báo bằng văn bản về việc gia hạn tiền thuế nợ trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

6. Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp căn cứ hồ sơ gia hạn tiền thuế nợ để quyết định số tiền thuế nợ được gia hạn và thời gian gia hạn.

7. Bộ Tài chính quy định chi tiết hồ sơ gia hạn tiền thuế nợ.

8. Trong từng thời kỳ nhất định, Chính phủ quyết định việc gia hạn nộp thuế cho các đối tượng, ngành, nghề kinh doanh gặp khó khăn đặc biệt (quy định đối tượng, loại thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản

lý thuế quản lý thu, thời gian, trình tự thủ tục, thẩm quyền, hồ sơ gia hạn nộp thuế trong trường hợp đặc biệt).

## **Chương VII**

### **TRÁCH NHIỆM HOÀN THÀNH NGHĨA VỤ NỘP THUẾ**

#### **Điều 53. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp xuất cảnh**

1. Cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế cá nhân là người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với số tiền thuế nợ và thời gian nợ theo ngưỡng do Chính phủ quy định thì bị tạm hoãn xuất cảnh theo quy định của pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh. Cơ quan quản lý thuế thông báo trước cho người nộp thuế về việc áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh. (đã được sửa đổi tại Luật số 56/2024/QH15).

2. Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm thông báo cho cơ quan quản lý xuất cảnh, nhập cảnh về việc tạm hoãn xuất cảnh đối với cá nhân, người nộp thuế quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

#### **Điều 54. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký**

1. Việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp doanh nghiệp giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp doanh nghiệp phá sản được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Phá sản.

3. Doanh nghiệp chấm dứt hoạt động, hoặc không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì phần tiền thuế nợ còn lại (bao gồm cả các khoản tiền thuế phải nộp, tiền chậm nộp, tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế do doanh nghiệp chưa thực hiện đủ các nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế) do chủ sở hữu

doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông góp vốn, thành viên góp vốn, thành viên hợp danh chịu trách nhiệm nộp theo quy định đối với mỗi loại hình doanh nghiệp quy định tại Luật Doanh nghiệp.

4. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chấm dứt hoạt động kinh doanh hoặc không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì phần tiền thuế nợ còn lại do chủ hộ, cá nhân chịu trách nhiệm nộp.

5. Người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc chấm dứt hoạt động hoặc không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký mà vẫn còn nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước thì có trách nhiệm kế thừa các khoản nợ của đơn vị phụ thuộc.

6. Người nộp thuế chuyển nhượng dự án đầu tư có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế liên quan đến dự án đầu tư trước khi chuyển nhượng; trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế liên quan đến dự án đầu tư đó.

7. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết đối với người nộp thuế là nhà cung cấp ở nước ngoài.

#### **Điều 55. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp**

1. Doanh nghiệp bị chia có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi thực hiện chia doanh nghiệp; trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì các doanh nghiệp mới được thành lập từ doanh nghiệp bị chia có trách nhiệm kế thừa và hoàn thành nghĩa vụ nộp-thuế.

2. Doanh nghiệp bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi tách, hợp nhất, sáp nhập; trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì doanh nghiệp bị tách và doanh nghiệp được tách, doanh nghiệp hợp nhất, doanh nghiệp nhận sáp nhập có trách nhiệm kế thừa và hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

3. Doanh nghiệp được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi chuyển đổi; trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì doanh nghiệp chuyển đổi có trách nhiệm kế thừa và hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

4. Việc tổ chức lại doanh nghiệp không làm thay đổi thời hạn nộp thuế của doanh nghiệp được tổ chức lại. Trường hợp doanh nghiệp được tổ chức lại hoặc các

doanh nghiệp thành lập mới không nộp thuế đầy đủ theo thời hạn nộp thuế đã quy định thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

**Điều 56. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế là người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự**

1. Doanh nghiệp bị chia có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi thực hiện chia doanh nghiệp; trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì các doanh nghiệp mới được thành lập từ doanh nghiệp bị chia có trách nhiệm kế thừa và hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

2. Doanh nghiệp bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi tách, hợp nhất, sáp nhập; trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì doanh nghiệp bị tách và doanh nghiệp được tách, doanh nghiệp hợp nhất, doanh nghiệp nhận sáp nhập có trách nhiệm kế thừa và hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

3. Doanh nghiệp được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi chuyển đổi; trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì doanh nghiệp chuyển đổi có trách nhiệm kế thừa và hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

4. Việc tổ chức lại doanh nghiệp không làm thay đổi thời hạn nộp thuế của doanh nghiệp được tổ chức lại. Trường hợp doanh nghiệp được tổ chức lại hoặc các doanh nghiệp thành lập mới không nộp thuế đầy đủ theo thời hạn nộp thuế đã quy định thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

**Điều 57. Hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi cơ quan quản lý thuế**

Người nộp thuế có trách nhiệm thực hiện các thủ tục về thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước khi thay đổi địa chỉ trụ sở theo quy định tại Điều 33 Luật này, cụ thể:

1. Nộp đầy đủ hồ sơ khai thuế, báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn còn thiếu theo quy định.

2. Nộp đầy đủ số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Đề nghị hoàn trả số tiền thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước nộp thừa

4. Chính phủ quy định chi tiết điều này.

## **Chương VIII**

### **THỦ TỤC HOÀN THUẾ**

#### **Điều 58. Hoàn thuế**

##### **1. Các trường hợp hoàn thuế**

a) Hoàn thuế đối với tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

b) Hoàn trả tiền thuế nộp thừa đối với tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp hoàn trả theo quy định tại Điều 50 của Luật này.

c) Hoàn trả cho cá nhân thuộc trường hợp hoàn thuế theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này là người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì người được thừa kế hoặc người được tòa án giao quản lý tài sản của người bị tuyên bố mất tích, người bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật dân sự được nhận phần thuế được hoàn theo quy định của pháp luật dân sự.

##### **2. Hồ sơ hoàn thuế**

a) Người nộp thuế thuộc trường hợp được hoàn thuế lập và gửi hồ sơ hoàn thuế cho cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền.

b) Hồ sơ hoàn thuế bao gồm:

- Văn bản đề nghị hoàn thuế hoặc hồ sơ khai thuế có kê khai đề nghị hoàn;
- Các tài liệu liên quan đến đề nghị hoàn thuế.

##### **3. Phân loại hồ sơ hoàn thuế**

a) Hồ sơ hoàn thuế được phân loại thành hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế và hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước.

b) Hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế và hồ sơ hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện phải kiểm tra trước hoàn thuế theo quy định của Bộ Tài chính.



c) Hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước là hồ sơ hoàn thuế không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

#### 4. Địa điểm kiểm tra hồ sơ hoàn thuế

a) Trường hợp thuộc diện hoàn thuế trước được thực hiện kiểm tra sau hoàn tại trụ sở của người nộp thuế hoặc kiểm tra sau hoàn thuế tại trụ sở của cơ quan quản lý thuế.

b) Trường hợp thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế được thực hiện kiểm tra trước hoàn tại trụ sở của người nộp thuế hoặc trụ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc kiểm tra trước hoàn thuế tại trụ sở của cơ quan quản lý thuế.

#### 5. Thời hạn tiếp nhận và phản hồi hồ sơ hoàn thuế

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế, cơ quan quản lý thuế thực hiện phân loại hồ sơ và thông báo cho người nộp thuế về việc chấp nhận hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế hoặc thông báo không chấp nhận hồ sơ cho người nộp thuế trong trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hồ sơ không thuộc trường hợp được hoàn.

#### 6. Thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế:

##### a) Đối với trường hợp thuộc diện hoàn thuế trước

- Chậm nhất là 06 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan quản lý thuế có thông báo về việc chấp nhận hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế hoặc kể từ ngày nhận được hồ sơ giải trình, bổ sung của người nộp thuế hoặc kể từ ngày hết thời hạn giải trình, bổ sung hồ sơ hoàn thuế, cơ quan quản lý thuế phải có quyết định hoàn thuế, thông báo số tiền đề nghị hoàn không được hoàn thuế, thông báo số tiền đề nghị hoàn chưa đủ điều kiện được hoàn thuế, thông báo chuyển hồ sơ hoặc số tiền đề nghị hoàn của người nộp thuế sang kiểm tra trước hoàn thuế.

- Trường hợp cơ quan quản lý thuế phát hiện hồ sơ hoàn thuế thuộc diện rủi ro cao về thuế, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Thông báo về việc chấp nhận hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước đối với hồ sơ hoàn thuế hoặc ngày xác định số tiền đề nghị hoàn thuộc diện rủi ro cao về thuế, cơ quan quản lý thuế gửi Thông báo yêu cầu người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin để xác định điều kiện, số tiền thuế được hoàn thuế;

- Người nộp thuế có thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo của cơ quan quản lý thuế để giải trình, bổ sung hồ sơ hoàn thuế.

b) Đối với trường hợp thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế:

- Chậm nhất là 40 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý thuế có thông báo về việc chấp nhận hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế, cơ quan quản lý thuế thực hiện kiểm tra và có quyết định hoàn thuế, thông báo số tiền đề nghị hoàn không được hoàn thuế, thông báo số tiền đề nghị hoàn chưa đủ điều kiện được hoàn thuế, thông báo tạm dừng hoàn thuế đối với hồ sơ thuộc trường hợp cần xác minh hoặc chuyển cơ quan điều tra hoặc nhận văn bản của cơ quan điều tra.

c) Thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế quy định tại điểm a và điểm b khoản này không bao gồm thời gian người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin và thời gian cơ quan thuế thông báo tạm dừng kiểm tra, hoãn thời gian thực hiện kiểm tra theo quy định, tạm dừng hoàn thuế để xác minh hoặc theo đề nghị của cơ quan điều tra.

d) Khi cơ quan thuế ban hành thông báo không hoàn thuế thì người nộp thuế không được nộp lại hồ sơ hoàn thuế. Đối với trường hợp cơ quan thuế ban hành thông báo số tiền đề nghị hoàn chưa đủ điều kiện được hoàn thuế, thông báo tạm dừng hoàn thuế thì cơ quan thuế tiếp tục giải quyết hoàn thuế khi số thuế đề nghị hoàn thuế đủ điều kiện hoàn thuế hoặc có kết quả trả lời xác minh hoặc có thông báo về kết quả điều tra của cơ quan điều tra.

## 7. Thẩm quyền quyết định hoàn thuế

a) Thủ trưởng cơ quan thuế quyết định việc hoàn thuế, thu hồi hoàn thuế đối với trường hợp hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

b) Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế nơi tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế nộp thừa quyết định việc hoàn thuế, thu hồi hoàn thuế đối với trường hợp hoàn trả tiền nộp thừa theo quy định của Luật này.

c) Trường hợp hoàn thuế tự động, hệ thống ứng dụng của cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu để quyết định hoàn thuế.

d) Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực nơi phát sinh số tiền thuế được hoàn quyết định việc hoàn thuế, thu hồi hoàn thuế đối với trường hợp hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

## 8. Kiểm tra sau hoàn thuế

a) Cơ quan quản lý thuế thực hiện kiểm tra đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước theo nguyên tắc rủi ro trong quản lý thuế. Thời hạn kiểm tra là 10 năm kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế.

b) Thủ tục, thẩm quyền, trách nhiệm, kiểm tra của cơ quan quản lý thuế đối với hồ sơ hoàn thuế được thực hiện theo quy định của Luật này.

9. Bộ Tài chính quy định chi tiết các nội dung sau:

a) Địa điểm nộp hồ sơ hoàn thuế cho từng trường hợp;

b) Trách nhiệm giải quyết và phản hồi thông tin hồ sơ hoàn thuế của cơ quan thuế quản lý;

c) Phân loại hồ sơ hoàn thuế;

đ) Địa điểm kiểm tra hồ sơ hoàn thuế;

e) Thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế;

g) Trình tự, thủ tục, thẩm quyền hoàn thuế, thu hồi hoàn thuế.

#### **Điều 59. Kiểm tra sau hoàn thuế**

1. Cơ quan quản lý thuế thực hiện kiểm tra đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước theo nguyên tắc rủi ro trong quản lý thuế. Thời hạn kiểm tra là 10 năm kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế.

2. Thủ tục, thẩm quyền, trách nhiệm, kiểm tra của cơ quan quản lý thuế đối với hồ sơ hoàn thuế được thực hiện theo quy định của Luật này.

### **Chương IX**

## **KHÔNG THU THUẾ, MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ; KHOANH TIỀN THUẾ NỢ; XÓA NỢ TIỀN THUẾ, TIỀN CHẠM NỘP, TIỀN PHẠT**

### **Mục 1. KHÔNG THU THUẾ, MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ**

#### **Điều 60. Không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**

1. Không thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục không thu thuế.

#### **Điều 61. Miễn thuế, miễn tiền chậm nộp, miễn tiền phạt, giảm thuế**

1. Các trường hợp miễn thuế, miễn tiền chậm nộp, miễn tiền phạt, giảm thuế:

a) Miễn thuế, giảm thuế đối với tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp miễn, giảm theo quy định của pháp luật về thuế.

b) Miễn thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với tổ chức, cá nhân thuộc các trường hợp sau đây:

b.1) Miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân có số tiền thuế phải nộp hằng năm theo ngưỡng quy định của Chính phủ;

b.2) Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có số tiền thuế phát sinh phải nộp sau quyết toán thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công hằng năm theo ngưỡng quy định của Chính phủ.

b.3) Miễn thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với tổ chức, cá nhân có từng khoản tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp từ 10.000 đồng trở xuống, bao gồm cả khoản nợ phát sinh trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng đến ngày Luật có hiệu lực thi hành có số tiền nợ từ 10.000 đồng trở xuống.

2. Hồ sơ miễn thuế, giảm thuế

a) Hồ sơ miễn thuế, giảm thuế bao gồm:

- Hồ sơ khai thuế hoặc Văn bản đề nghị miễn thuế, giảm thuế;
- Tài liệu liên quan đến việc xác định số tiền thuế được miễn, giảm (nếu có).

b) Đối với các trường hợp miễn thuế quy định tại điểm b.1, điểm b.3 khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý thuế căn cứ dữ liệu quản lý thuế để công khai danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc diện miễn thuế, miễn tiền chậm nộp, miễn tiền phạt trên cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

c) Đối với trường hợp miễn thuế quy định tại điểm b.2 khoản 1 Điều này, người nộp thuế tự xác định số tiền thuế được miễn trên tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân.

3. Người nộp thuế nộp hồ sơ miễn thuế, giảm thuế bằng hình thức điện tử, trực tiếp hoặc qua đường bưu chính.

4. Thời hạn giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý thuế quyết định, thông báo miễn thuế, giảm thuế hoặc thông báo bằng văn bản hoặc bằng điện tử cho người nộp thuế lý do không thuộc diện được miễn thuế, giảm thuế.

Trường hợp thông tin khai trên hồ sơ miễn thuế, giảm thuế khác với thông tin quản lý của cơ quan quản lý thuế thì cơ quan quản lý thuế thông báo bằng văn bản hoặc phản hồi thông qua cổng giao dịch điện tử để người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan quản lý thuế ban hành Thông báo, người nộp thuế có trách nhiệm gửi văn bản giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu theo Thông báo của cơ quan quản lý thuế. Trường hợp hết thời hạn giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu theo Thông báo lần 1 của cơ quan quản lý thuế mà người nộp thuế không giải trình, bổ sung hồ sơ miễn thuế, giảm thuế thì cơ quan quản lý thuế thông báo lần 2 gửi người nộp thuế. Thời gian giải trình, bổ sung thông tin không tính trong thời hạn giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế.

Trường hợp hết thời hạn theo thông báo lần 2 bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế mà người nộp thuế không giải trình, bổ sung hồ sơ miễn thuế, giảm thuế, cơ quan quản lý thuế thông báo cho người nộp thuế về việc không thuộc diện được miễn, giảm thuế.

b) Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trong trường hợp cần kiểm tra thực tế do người nộp thuế nộp hồ sơ miễn thuế, giảm thuế lần đầu, người nộp thuế có rủi ro cao trong quản lý thuế, người nộp thuế giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động để có đủ căn cứ giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế thì cơ quan quản lý thuế thông báo hồ sơ miễn thuế, giảm thuế thuộc diện kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế gửi người nộp thuế và quyết định, thông báo miễn thuế, giảm thuế nếu hồ sơ đủ điều kiện miễn thuế, giảm thuế hoặc thông báo bằng văn bản hoặc bằng điện tử cho người nộp thuế lý do không thuộc diện được miễn thuế, giảm thuế nếu hồ sơ không đủ điều kiện miễn thuế, giảm thuế, người nộp thuế không chấp hành Quyết định kiểm tra của cơ quan quản lý thuế hoặc tạm dừng miễn thuế, giảm thuế nếu hồ sơ chưa đủ điều kiện miễn thuế, giảm thuế do chờ kết quả kiểm tra, xác minh. Cơ quan quản lý thuế sẽ thực hiện giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế khi có đầy đủ thông tin để xác định số thuế đủ điều kiện miễn thuế, giảm thuế hoặc không đủ điều kiện miễn thuế, giảm thuế. Thời gian người nộp thuế chậm cung cấp thông tin, tài liệu theo thông báo của Đoàn kiểm tra, thời gian tạm dừng kiểm tra, hoãn thời gian thực hiện kiểm tra không tính trong thời hạn giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế.

c) Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý thuế ban hành thông báo về việc người nộp thuế thuộc hoặc không thuộc diện được miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định thuế hoặc Điều ước quốc tế khác đối với hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và Điều ước quốc tế khác.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ miễn thuế, giảm thuế hợp pháp, đầy đủ, đúng mẫu quy định do cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông chuyển đến đối với hồ sơ miễn thuế, giảm thuế cùng hồ sơ khai thuế theo cơ chế một cửa liên thông, cơ quan thuế xác định số tiền được miễn thuế, giảm thuế trên Thông báo nộp thuế hoặc thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế lý do không được miễn thuế, giảm thuế và chuyển trả hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông.

#### 5. Thẩm quyền quyết định miễn thuế, giảm thuế

a) Thủ trưởng cơ quan Thuế các cấp quyết định việc miễn thuế, giảm thuế, thu hồi tiền miễn thuế, tiền giảm thuế. Trường hợp việc giải quyết miễn thuế, giảm thuế được thực hiện tự động thì việc quyết định miễn thuế, giảm thuế thực hiện theo ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan thuế.

b) Thủ trưởng cơ quan Hải quan các cấp quyết định việc miễn thuế, giảm thuế, thu hồi tiền miễn thuế, tiền giảm thuế.

#### 6. Bộ Tài chính quy định chi tiết các nội dung:

a) Hồ sơ miễn thuế, giảm thuế;

b) Trường hợp người nộp thuế tự xác định số tiền thuế được miễn, giảm và trường hợp cơ quan quản lý thuế xác định số tiền thuế được miễn, giảm;

c) Cơ quan tiếp nhận và giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế;

d) Thủ tục tiếp nhận, xử lý hồ sơ;

đ) Thời hạn thông báo tiếp nhận hồ sơ;

e) Quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền thu hồi tiền miễn thuế, tiền giảm thuế, quy trình miễn thuế, giảm thuế tự động.

## Mục 2. KHOANH TIỀN THUẾ NỢ

### Điều 62. Khoanh tiền thuế nợ

1. Các trường hợp được khoanh tiền thuế nợ:

a) Người nộp thuế là người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

b) Người nộp thuế có quyết định giải thể gửi, cơ quan đăng ký kinh doanh để làm thủ tục giải thể, cơ quan đăng ký kinh doanh đã thông báo người nộp thuế đang làm thủ tục giải thể trên hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh nhưng người nộp thuế chưa hoàn thành thủ tục giải thể;

c) Người nộp thuế đã bị Tòa án ban hành Quyết định tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản;

d) Người nộp thuế không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý thuế đã phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp nơi người nộp thuế có trụ sở hoặc địa chỉ liên lạc để kiểm tra, xác minh thông tin người nộp thuế không hiện diện tại địa bàn và thông báo trên toàn quốc về việc người nộp thuế hoặc đại diện theo pháp luật của người nộp thuế không hiện diện tại địa chỉ nơi người nộp thuế có trụ sở, địa chỉ liên lạc đã đăng ký với cơ quan quản lý thuế;

đ) Người nộp thuế đã bị cơ quan quản lý thuế có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi và đã bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

2. Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế và các khoản thu phải nộp ngân sách nhà nước quyết định việc khoan tiền thuế nợ, chấm dứt hiệu lực của quyết định khoan nợ.

Thủ trưởng cơ quan thuế có thể giao quyền cho cấp phó. Việc giao quyền được thể hiện bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền. Cấp phó được giao quyền phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện quyền được giao. Người được giao quyền không được giao quyền cho người khác.

3. Cơ quan quản lý thuế tiếp tục theo dõi các khoản tiền thuế nợ được khoan và phối hợp với các cơ quan có liên quan để thu hồi tiền thuế nợ khi người nộp thuế có khả năng nộp thuế hoặc thực hiện xóa nợ theo quy định tại Điều 63 của Luật này.

4. Các trường hợp chấm dứt hiệu lực của quyết định khoan tiền thuế nợ:

a) Người nộp thuế đã được khoan tiền thuế nợ nhưng người nộp thuế tiếp tục sản xuất kinh doanh;

b) Người nộp thuế đã được khoan tiền thuế nợ nhưng cơ quan quản lý thuế phát hiện người nộp thuế thành lập cơ sở kinh doanh hoặc doanh nghiệp khác;

c) Tòa án hủy quyết định trước đó tuyên bố một người đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự;

đ) Số tiền thuế đã được cơ quan quản lý thuế ban hành quyết định khoan nợ nhưng đủ điều kiện để được xóa nợ theo quy định tại Điều 63 Luật này.

5. Thủ tục, hồ sơ khoan nợ thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

6. Chính phủ quy định thời gian, số tiền khoan nợ đối với các trường hợp được khoan nợ.

### **Mục 3. XÓA NỢ TIỀN THUẾ, TIỀN CHẬM NỘP, TIỀN PHẠT**

#### **Điều 63. Xóa nợ tiền thuế**

1. Các trường hợp được xóa nợ tiền thuế:

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản đã thực hiện các khoản thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản mà không còn tài sản để nộp tiền thuế;

b) Cá nhân đã chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất năng lực hành vi dân sự mà không có tài sản, bao gồm cả tài sản được thừa kế để nộp tiền thuế;

c) Các khoản nợ tiền thuế của người nộp thuế không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này mà cơ quan quản lý thuế đã áp dụng biện pháp cưỡng chế quy định tại điểm h khoản 1 Điều 80 của Luật này và tất cả các khoản nợ tiền thuế đã quá 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế nhưng không có khả năng thu hồi;

d) Tiền thuế đối với các trường hợp bị ảnh hưởng do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh có phạm vi rộng đã được xem xét miễn tiền chậm nộp theo quy định tại khoản 9 Điều 49 của Luật này và đã được gia hạn nộp thuế theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Luật này mà vẫn còn thiệt hại, không có khả năng phục hồi được sản xuất, kinh doanh và không có khả năng nộp tiền thuế.



2. Người nộp thuế là cá nhân, cá nhân kinh doanh, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đã được xóa nợ tiền thuế quy định tại điểm c khoản 1 Điều này trước khi quay lại sản xuất, kinh doanh hoặc thành lập cơ sở sản xuất, kinh doanh mới thì phải hoàn trả cho Nhà nước khoản nợ tiền thuế đã được xóa.

3. Tiền thuế được xóa thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền chậm nộp và tiền phạt của tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

4. Cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế thuộc diện được xóa nợ tiền thuế lập và gửi hồ sơ xóa nợ tiền thuế đến cơ quan, người có thẩm quyền.

5. Hồ sơ xóa nợ tiền thuế bao gồm:

a) Văn bản đề nghị xóa nợ tiền thuế của cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế thuộc diện được xóa nợ tiền thuế;

b) Quyết định tuyên bố phá sản đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản;

c) Các tài liệu liên quan đến việc đề nghị xóa nợ tiền thuế.

6. Thẩm quyền xóa nợ tiền thuế:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xóa nợ tiền thuế đối với trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này; doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, cá nhân quy định tại điểm c khoản 1 Điều này có khoản nợ tiền thuế dưới 5.000.000.000 đồng;

b) Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Hải quan quyết định xóa nợ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này có khoản nợ tiền thuế từ 5.000.000.000 đồng đến dưới 10.000.000.000 đồng;

c) Bộ Tài chính quyết định xóa nợ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này có khoản nợ tiền thuế từ 10.000.000.000 đồng trở lên.

7. Thời hạn giải quyết hồ sơ xóa nợ tiền thuế:

a) Cơ quan, người có thẩm quyền đã nhận hồ sơ xóa nợ tiền thuế phải thông báo cho cơ quan đã gửi hồ sơ để hoàn chỉnh khi hồ sơ chưa đầy đủ trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ;

b) Người có thẩm quyền phải ra quyết định xóa nợ tiền thuế hoặc thông báo không thuộc diện được xóa nợ tiền thuế cho cơ quan đã gửi hồ sơ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo tình hình kết quả xóa nợ tiền thuế cho Hội đồng nhân dân cùng cấp vào kỳ họp đầu năm. Bộ Tài chính tổng hợp tình hình xóa nợ tiền thuế để Chính phủ báo cáo Quốc hội khi quyết toán ngân sách nhà nước.

9. Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản 4 và khoản 5 Điều này.

## **Chương X**

### **ÁP DỤNG HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ**

#### **Điều 64. Hóa đơn điện tử**

1. Hóa đơn điện tử là hóa đơn có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế được thể hiện ở dạng dữ liệu điện tử do tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ lập, ghi nhận thông tin bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về thuế bằng phương tiện điện tử, bao gồm cả trường hợp hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.

2. Hóa đơn điện tử bao gồm hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn giá trị gia tăng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí, hóa đơn bán hàng, hóa đơn bán hàng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí; hóa đơn thương mại; hóa đơn nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; hóa đơn bán tài sản công, hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia; tem điện tử, vé điện tử, thẻ điện tử, phiếu thu điện tử, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử hoặc các chứng từ điện tử có tên gọi khác.

3. Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế là hóa đơn điện tử được cơ quan thuế cấp mã trước khi tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ gửi cho người mua. Mã của cơ quan thuế trên hóa đơn điện tử là một chuỗi ký tự do hệ thống của cơ quan thuế hoặc hệ thống của đơn vị do cơ quan thuế ủy quyền tạo ra duy nhất cho từng hóa đơn điện tử.

4. Hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế là hóa đơn điện tử do tổ chức bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ gửi cho người mua không có mã của cơ quan thuế.

5. Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử:

a) Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán (trừ trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thuộc trường hợp phải sử dụng hóa đơn điện tử) phải lập hóa đơn điện tử để giao cho người mua theo định dạng chuẩn dữ liệu và phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về kế toán, không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ;

b) Người bán (doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) có hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng (bao gồm có sử dụng máy tính tiền và chưa sử dụng máy tính tiền) đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyên dữ liệu điện tử với cơ quan thuế;

c) Việc đăng ký, quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử trong giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ phải tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật về kế toán, pháp luật về thuế;

d) Việc cấp mã của cơ quan thuế trên hóa đơn điện tử dựa trên thông tin của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh lập trên hóa đơn. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trên hóa đơn.

#### 6. Đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử:

a) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 01 tỷ đồng hàng năm trở lên, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thường xuyên sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này;

b) Doanh nghiệp kinh doanh ở lĩnh vực điện lực, xăng dầu, bưu chính viễn thông, nước sạch, tài chính tín dụng, bảo hiểm, y tế, kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh siêu thị, thương mại, vận tải hàng không, đường bộ, đường sắt, đường biển, đường thủy và doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đã thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương tiện điện tử, xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, có hệ thống phần mềm kế toán, phần mềm lập hóa đơn điện tử đáp ứng lập, tra cứu hóa đơn điện tử, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử theo quy định và bảo đảm việc truyền dữ liệu hóa đơn điện tử đến người mua và đến cơ quan thuế thì được sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Trường hợp các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh thuộc các lĩnh vực quy định tại điểm này đang sử dụng hóa đơn

điện tử không mã nếu có các hoạt động kinh doanh khác thì cũng được sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế. Quy định tại điểm này không áp dụng đối với trường hợp rủi ro về thuế cao, rất cao theo quy định của Bộ Tài chính, trường hợp người nộp thuế đang bị cưỡng chế hóa đơn, đang tạm ngừng kinh doanh, bỏ địa chỉ kinh doanh và trường hợp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế;

c) Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, cá nhân kinh doanh không thuộc đối tượng áp dụng hoá đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế, được cơ quan thuế chấp nhận cấp hóa đơn điện tử để giao cho khách hàng thì được cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã theo từng lần phát sinh và phải khai thuế, nộp thuế trước khi cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh.

#### 7. Dịch vụ về hóa đơn điện tử:

a) Dịch vụ về hóa đơn điện tử bao gồm dịch vụ cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế, dịch vụ truyền dữ liệu hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế từ người nộp thuế tới cơ quan thuế và dịch vụ về hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế;

b) Tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử bao gồm tổ chức cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử, tổ chức cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử và các dịch vụ khác có liên quan đến hóa đơn điện tử.

8. Bộ Tài chính quy định tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế và dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn và các dịch vụ khác có liên quan.

9. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và quy định trường hợp, ngưỡng doanh thu của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phải sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyên dữ liệu điện tử với cơ quan thuế; quy định trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ, trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế phải trả tiền dịch vụ, trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử.

#### **Điều 65. Cơ sở dữ liệu về hóa đơn, chứng từ điện tử**

1. Chứng từ điện tử bao gồm các loại chứng từ, biên lai được thể hiện ở dạng dữ liệu điện tử do cơ quan quản lý thuế, tổ chức chi trả thu nhập hoặc tổ chức có trách nhiệm khấu trừ thuế cấp cho người nộp thuế bằng phương tiện điện tử, tổ chức khác khi thực hiện các thủ tục về thuế hoặc các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các loại chứng từ, biên lai điện tử khác.

2. Cơ quan thuế có trách nhiệm tổ chức xây dựng, quản lý và phát triển cơ sở dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật của hệ thống thông tin về hóa đơn; tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu thập, xử lý thông tin, quản lý cơ sở dữ liệu hóa đơn và bảo đảm duy trì, vận hành, bảo mật, bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống thông tin về hóa đơn; xây dựng định dạng chuẩn về hóa đơn. Cơ sở dữ liệu về hóa đơn, chứng từ điện tử được sử dụng để phục vụ công tác quản lý thuế và cung cấp thông tin hóa đơn, chứng từ điện tử cho tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế quy định tại điểm b khoản 6 Điều 64 của Luật này sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế có trách nhiệm cung cấp dữ liệu hóa đơn điện tử.

4. Các bộ, ngành có liên quan có trách nhiệm kết nối chia sẻ thông tin, dữ liệu liên quan cần thiết trong lĩnh vực quản lý với Bộ Tài chính để xây dựng cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử.

5. Khi kiểm tra hàng hóa lưu thông trên thị trường, đối với trường hợp sử dụng hóa đơn, chứng từ điện tử, cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền truy cập công thông tin điện tử của cơ quan thuế để tra cứu thông tin về hóa đơn, chứng từ điện tử phục vụ yêu cầu quản lý, không yêu cầu cung cấp hóa đơn, chứng từ giấy. Các cơ quan có liên quan thực hiện các thủ tục hành chính có trách nhiệm sử dụng các thiết bị để truy cập, tra cứu dữ liệu hóa đơn, chứng từ điện tử.

6. Tổ chức cấp chứng từ điện tử cho người nộp thuế phải kết nối chuyển dữ liệu chứng từ điện tử cho cơ quan thuế.

7. Bộ Tài chính quy định về mẫu, quản lý sử dụng tem điện tử; quy định việc tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử; quy định cung cấp thông tin hóa đơn điện tử trong trường hợp không tra cứu được dữ liệu hóa đơn do sự cố, thiên tai gây ảnh hưởng đến việc truy cập mạng Internet; quy định việc cung cấp dữ liệu hóa đơn điện tử của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế.

8. Chính phủ quy định chi tiết các loại chứng từ điện tử quy định tại Điều này; việc quản lý, sử dụng, kết nối chuyển dữ liệu chứng từ điện tử; trách nhiệm của các bộ, ngành trong việc kết nối chia sẻ thông tin, dữ liệu để xây dựng cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử.

## **Chương XI**

### **THÔNG TIN NGƯỜI NỘP THUẾ**

#### **Điều 66. Hệ thống thông tin người nộp thuế**

1. Hệ thống thông tin người nộp thuế là tập hợp thông tin, dữ liệu về người nộp thuế được thu thập, sắp xếp, lưu trữ, khai thác và sử dụng theo quy định của Luật này.

2. Thông tin người nộp thuế là cơ sở để thực hiện quản lý thuế, đánh giá dự báo tình hình, xây dựng chính sách về thuế, đánh giá mức độ chấp hành pháp luật của người nộp thuế, ngăn ngừa, phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

3. Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm tổ chức xây dựng, quản lý và phát triển cơ sở dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật của hệ thống thông tin người nộp thuế, hệ thống thông tin quản lý thuế; tổ chức đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ thu thập, xử lý, tổng hợp, phân tích thông tin và dự báo, quản lý cơ sở dữ liệu và bảo đảm duy trì, vận hành hệ thống thông tin người nộp thuế, hệ thống thông tin quản lý thuế.

4. Cơ quan quản lý thuế áp dụng các biện pháp nghiệp vụ cần thiết để thu thập, trao đổi, xử lý thông tin trong nước, ngoài nước, thông tin chính thức từ các cơ quan quản lý thuế, cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thỏa thuận quốc tế có liên quan đến lĩnh vực thuế, lĩnh vực hải quan để sử dụng trong công tác quản lý thuế.

5. Cơ quan quản lý thuế phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để trao đổi thông tin, kết nối mạng trực tuyến.

6. Bộ Tài chính quy định chi tiết việc xây dựng, thu thập, xử lý và quản lý hệ thống thông tin người nộp thuế.

#### **Điều 67. Trách nhiệm cung cấp thông tin phục vụ quản lý thuế**

1. Người nộp thuế có trách nhiệm:

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực, đúng thời hạn thông tin trong hồ sơ thuế, thông tin liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế;

b) Cung cấp thông tin bằng văn bản hoặc thông qua kết nối mạng với các hệ thống thông tin của cơ quan quản lý thuế theo yêu cầu;

c) Thực hiện thủ tục tra soát, điều chỉnh thông tin theo quy định khi phát hiện thông tin do cơ quan thuế cung cấp có sai khác với thông tin của người nộp thuế.

2. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin người nộp thuế cho cơ quan quản lý thuế:

a) Cơ quan cấp các loại giấy chứng nhận, giấy phép có trách nhiệm cung cấp thông tin về nội dung giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép hành nghề, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày cấp và cung cấp thông tin khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế;

b) Kho bạc Nhà nước cung cấp thông tin về số tiền thuế đã nộp, đã hoàn của người nộp thuế;

c) Cơ quan quản lý nhà nước về nhà, đất cung cấp thông tin về hiện trạng sử dụng đất, sở hữu nhà của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh;

d) Cơ quan công an cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến đấu tranh phòng, chống tội phạm về thuế; cung cấp thông tin về xuất cảnh, nhập cảnh và thông tin về đăng ký, quản lý phương tiện giao thông;

đ) Cơ quan quản lý nhà nước về thương mại cung cấp thông tin về chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh của Việt Nam và nước ngoài; thông tin về quản lý thị trường.

3. Các tổ chức, cá nhân sau đây có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế theo phương thức điện tử:

a) Ngân hàng thương mại cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý thuế của tổ chức, cá nhân trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan quản lý thuế;

b) Tổ chức tín dụng cung cấp thông tin về hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế được thế chấp làm tài sản bảo đảm các khoản vay theo yêu cầu của cơ quan hải quan để thực hiện ấn định thuế trước khi tài sản thế chấp được tổ chức tín dụng bán để thu hồi nợ;

c) Cơ quan, tổ chức thu tiền bán đấu giá có trách nhiệm cung cấp thông tin về tên hàng, số lượng, trị giá đã được kê biên, bán đấu giá cho cơ quan hải quan để thực hiện ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu chưa hoàn thành thủ tục hải quan bị cơ quan hải quan kê biên, bán đấu giá để cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế trong lĩnh vực hải quan, hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế bị kê biên, bán đấu giá theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án thuộc đối tượng phải nộp thuế;

d) Tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập cung cấp thông tin về chi trả thu nhập và số tiền thuế khấu trừ của người nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế;

đ) Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử, nền tảng số, tổ chức cung cấp dịch vụ logistic hỗ trợ cho hoạt động thương mại điện tử, nền tảng số, tổ chức trung gian thanh toán được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam thu thập đầy đủ thông tin định danh và xác thực điện tử thông tin định danh của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ; lưu trữ dữ liệu giao dịch phục vụ công tác quản lý thuế; cung cấp đầy đủ, chính xác và đúng hạn cho cơ quan thuế thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân có tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình mua bán hàng hóa, dịch vụ trên sàn giao dịch thương mại điện tử, hoặc sử dụng dịch vụ vận chuyển của tổ chức cung cấp dịch vụ logistic hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán của tổ chức là trung gian thanh toán;

e) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến người nộp thuế cung cấp thông tin bằng văn bản hoặc dữ liệu điện tử người nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế.

4. Tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nhưng cung cấp dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán, dịch vụ ví điện tử, dịch vụ xử lý giao dịch điện tử hoặc các dịch vụ thanh toán trực tuyến khác cho các tổ chức, cá nhân tại Việt Nam có trách nhiệm thu thập, lưu trữ và cung cấp cho cơ quan thuế Việt Nam thông tin định danh và dữ liệu giao dịch liên quan đến các tổ chức, cá nhân tại Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan thuế.



5. Các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin người nộp thuế cho cơ quan quản lý thuế thông qua kết nối mạng trực tuyến, trao đổi dữ liệu điện tử hằng ngày qua hệ thống thông tin người nộp thuế hoặc thông qua cổng thông tin một cửa quốc gia.

6. Trường hợp các tổ chức quy định tại khoản 3 Điều này phát hiện sai, sót cần điều chỉnh đối với thông tin đã trao đổi, cung cấp giữa các cơ quan thì chủ động gửi hồ sơ tra soát, điều chỉnh thông tin theo quy định.

7. Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục tra soát, điều chỉnh thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều này.

8. Chính phủ quy định chi tiết về nội dung, hình thức, phương thức và thời hạn cung cấp thông tin quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này.

#### **Điều 68. Cung cấp thông tin cho người nộp thuế**

1. Cơ quan quản lý thuế cung cấp thông tin về tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế qua tài khoản giao dịch điện tử của người nộp thuế.

Trường hợp người nộp thuế phát hiện thông tin về nghĩa vụ thuế được cung cấp qua tài khoản giao dịch điện tử có sai khác với thông tin nghĩa vụ thuế do người nộp thuế theo dõi, người nộp thuế thực hiện tra soát với cơ quan quản lý thuế.

2. Khi thực hiện thủ tục pháp lý, tài chính hoặc xuất nhập cảnh theo quy định của pháp luật có yêu cầu xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế, người nộp thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải có văn bản đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế gửi cơ quan quản lý thuế. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế, cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế và thông báo cho người nộp thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền kết quả xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế hoặc xác nhận chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế (nêu rõ nghĩa vụ thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế) hoặc yêu cầu người nộp thuế hoàn thiện bổ sung hồ sơ để cơ quan quản lý thuế có cơ sở xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế.

a) Nhà thầu nước ngoài không trực tiếp kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế mà do tổ chức, cá nhân bên Việt Nam khấu trừ, nộp thay và bên Việt Nam đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế nhà thầu nước ngoài: Nhà thầu nước ngoài hoặc bên Việt Nam khấu trừ, nộp thay gửi văn bản đề nghị xác nhận nghĩa vụ thuế đến cơ quan thuế quản

lý trực tiếp bên Việt Nam để thực hiện xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế cho nhà thầu nước ngoài.

b) Tổ chức, cá nhân khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ cho cá nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm cung cấp thông tin xác định số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế đã khấu trừ, số tiền thuế đã kê khai thay, nộp thuế thay cho cơ quan quản lý thuế; người nộp thuế đã được tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khấu trừ, kê khai số thuế đã khấu trừ, nộp thuế thay hoặc tổ chức, cá nhân khấu trừ, khai thuế thay, nộp thuế thay gửi văn bản đề nghị xác nhận nghĩa vụ thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế để thực hiện xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định trường hợp, thẩm quyền, thủ tục tra soát, xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế quy định tại Điều này.

#### **Điều 69. Bảo mật thông tin người nộp thuế**

1. Cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế, người đã là công chức quản lý thuế, cơ quan cung cấp, trao đổi thông tin người nộp thuế, tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế phải giữ bí mật thông tin người nộp thuế theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và Điều 70 của Luật này.

2. Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm cung cấp thông tin người nộp thuế trong các trường hợp sau đây:

a) Cung cấp cho cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án; Thanh tra nhà nước, Kiểm toán nhà nước; Cơ quan quản lý khác của Nhà nước trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản để phục vụ hoạt động tố tụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán

b) Cung cấp cho cơ quan quản lý khác của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

c) Cung cấp cho tổ chức, cá nhân đối với các trường hợp được công khai thông tin người nộp thuế quy định tại Điều 70 Luật Quản lý thuế trong trường hợp các thông tin phải được công khai nhưng chưa công khai; thông tin hết thời hạn công khai theo quy định của pháp luật; thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận được.

d) Cung cấp cho cơ quan quản lý thuế nước ngoài phù hợp với điều ước quốc tế về thuế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

**Điều 70. Công khai thông tin người nộp thuế**

Giữ nguyên như Điều 100 Luật QLT số 38/2019/QH14

**Chương XII****TỔ CHỨC KINH DOANH DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ, LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN****Điều 71. Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế**

1. Tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế (sau đây gọi là đại lý thuế) là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, thực hiện các dịch vụ làm thủ tục về thuế theo thỏa thuận với người nộp thuế.

2. Cá nhân kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế là cá nhân có đủ năng lực chuyên môn và hoạt động theo quy định của pháp luật, thực hiện các dịch vụ làm thủ tục về thuế theo thỏa thuận với người nộp thuế.

3. Dịch vụ do đại lý thuế cung cấp cho người nộp thuế theo hợp đồng bao gồm:

a) Thủ tục đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế, lập hồ sơ đề nghị miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế và các thủ tục về thuế khác thay người nộp thuế;

b) Dịch vụ tư vấn thuế;

c) Dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại Điều 99 của Luật này. Doanh nghiệp siêu nhỏ được xác định theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Đại lý thuế có quyền, nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện các dịch vụ với người nộp thuế theo thỏa thuận trong hợp đồng;

b) Tuân thủ quy định của Luật này, pháp luật về thuế và quy định khác của pháp luật có liên quan trong hoạt động hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước người nộp thuế về nội dung dịch vụ đã cung cấp.

5. Người được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế phải có các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Có trình độ từ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc chuyên ngành khác theo quy định của Bộ Tài chính;

c) Có thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế từ 36 tháng trở lên sau khi tốt nghiệp đại học;

d) Đạt kết quả kỳ thi lấy chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

6. Kỳ thi lấy chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế gồm môn pháp luật về thuế và môn kế toán. Người có chứng chỉ kiểm toán viên hoặc chứng chỉ kế toán viên do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định thì được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế mà không phải tham gia kỳ thi lấy chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

7. Người có chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế làm việc tại đại lý thuế gọi là nhân viên đại lý thuế. Nhân viên đại lý thuế phải tham gia đầy đủ chương trình cập nhật kiến thức.

8. Những người sau đây không được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế và không được làm nhân viên đại lý thuế:

a) Cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng; sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an;

b) Người đang bị cấm hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, kế toán, kiểm toán theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Người đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế liên quan đến thuế, tài chính, kế toán mà chưa được xóa án tích; người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

d) Người bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế, về kế toán, kiểm toán mà chưa hết thời hạn 06 tháng kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt trong trường hợp bị phạt cảnh cáo hoặc chưa hết thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt bằng hình thức khác.

9. Tổ chức kinh doanh và cá nhân kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế thực hiện thông báo với Thuế tỉnh, thành phố đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế.

10. Cơ quan thuế ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, hỗ trợ các đại lý thuế hoạt động hiệu quả.

11. Bộ Tài chính quy định việc quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế; việc tổ chức thi, điều kiện miễn môn thi; thủ tục cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế; việc cập nhật kiến thức của nhân viên đại lý thuế.

**Điều 72. Tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục hải quan**

Giữ nguyên như Điều 106 Luật QLT số 38/2019/QH14

### **Chương XIII**

#### **KIỂM TRA THUẾ**

**Điều 73. Kiểm tra thuế**

1. Nguyên tắc kiểm tra thuế:

a) Áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế và ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra thuế;

b) Tuân thủ quy định của pháp luật và không cản trở hoạt động bình thường của người nộp thuế;

c) Khi kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế, thủ trưởng cơ quan quản lý thuế phải ban hành quyết định kiểm tra;

d) Việc kiểm tra thuế nhằm đánh giá tính đầy đủ, chính xác, trung thực của việc kê khai, nộp thuế và việc tuân thủ pháp luật về thuế của người nộp thuế.

2. Hình thức kiểm tra thuế:

a) Kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan quản lý thuế;

b) Kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế.

3. Kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan quản lý thuế:

a) Kiểm tra được thực hiện trên cơ sở hồ sơ thuế, hóa đơn điện tử của người nộp thuế;

b) Cơ quan quản lý thuế có quyền yêu cầu người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu khi phát hiện có nội dung cần làm rõ;

c) Trường hợp người nộp thuế không giải trình hoặc giải trình không đầy đủ, cơ quan quản lý thuế có thể ấn định thuế hoặc quyết định kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế.

#### 4. Kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế:

a) Cơ quan quản lý thuế kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế trong các trường hợp sau đây:

- Trường hợp hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế; kiểm tra sau hoàn thuế đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước;

- Trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

- Trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

- Trường hợp được lựa chọn theo kế hoạch, chuyên đề;

- Trường hợp theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra nhà nước, cơ quan khác có thẩm quyền;

- Trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động, cổ phần hóa, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, chuyển địa điểm kinh doanh và các trường hợp kiểm tra đột xuất, kiểm tra theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, trừ trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động, chuyển địa điểm kinh doanh mà cơ quan thuế không phải thực hiện kiểm tra quyết toán thuế theo quy định của pháp luật;

- Kiểm tra được tiến hành theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, tiêu cực.

b) Cơ quan hải quan kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế trong các trường hợp sau đây:

- Trường hợp hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế; kiểm tra sau hoàn thuế đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước;

- Kiểm tra các điều kiện áp dụng chính sách thuế theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

- Kiểm tra sau thông quan theo quy định của pháp luật hải quan.

c) Đối với các trường hợp được lựa chọn theo kế hoạch, chuyên đề; theo kiến nghị của các cơ quan có thẩm quyền; chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động, cổ phần hóa, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, chuyển địa điểm kinh doanh và các trường hợp kiểm tra đột xuất, kiểm tra theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, cơ quan quản lý thuế thực hiện kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế không quá 01 lần trong 01 năm;

d) Quyết định kiểm tra thuế phải được gửi cho người nộp thuế trong thời hạn 03 ngày làm việc và được công bố trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký. Trước khi công bố quyết định kiểm tra mà người nộp thuế chứng minh được số tiền thuế đã khai là đúng và nộp đủ số tiền thuế phải nộp thì cơ quan thuế bãi bỏ quyết định kiểm tra thuế;

đ) Thời hạn kiểm tra không quá 20 ngày làm việc tại trụ sở của người nộp thuế, kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra. Trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, nội dung phức tạp thì có thể gia hạn 01 lần nhưng không quá 20 ngày làm việc;

e) Biên bản kiểm tra thuế phải được lập trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra;

f) Trường hợp kiểm tra sau thông quan thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan.

#### 5. Quyền của người nộp thuế trong kiểm tra thuế:

a) Từ chối việc kiểm tra khi không có quyết định kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền;

b) Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu không liên quan đến nội dung kiểm tra hoặc thuộc bí mật nhà nước;

c) Được giải thích nội dung biên bản kiểm tra và bảo lưu ý kiến;

d) Khiếu nại, khởi kiện, yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

đ) Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình kiểm tra thuế.

#### 6. Nghĩa vụ của người nộp thuế trong kiểm tra thuế:

a) Chấp hành quyết định kiểm tra thuế của cơ quan quản lý thuế;

b) Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra;

c) Ký biên bản kiểm tra thuế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra;

d) Chấp hành kết luận, quyết định xử lý kết quả kiểm tra thuế.

7. Thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong kiểm tra thuế:

a) Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra, quyết định xử lý kết quả kiểm tra theo quy định của pháp luật;

b) Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổ chức thực hiện kiểm tra đúng nội dung quyết định, báo cáo kết quả kiểm tra;

c) Công chức thực hiện kiểm tra có trách nhiệm thực hiện đúng quy định của pháp luật, lập biên bản kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra.

8. Xử lý kết quả kiểm tra thuế:

a) Căn cứ vào kết quả kiểm tra, cơ quan quản lý thuế ra quyết định xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền;

b) Trường hợp phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm, cơ quan quản lý thuế chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra có thẩm quyền.

9. Kiểm tra lại:

a) Cấp trên có thẩm quyền kiểm tra lại vụ việc đã được cấp dưới kết luận khi có căn cứ cho rằng có vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục; có sai lầm trong áp dụng pháp luật; có dấu hiệu vi phạm pháp luật nghiêm trọng chưa được phát hiện đầy đủ hoặc các trường hợp khác;

b) Thời hiệu kiểm tra lại là 02 năm kể từ ngày ký kết luận kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm hành chính về thuế;

c) Quyết định kiểm tra lại phải được gửi cho người nộp thuế trong thời hạn 03 ngày làm việc và được công bố trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký.

10. Bộ Tài chính quy định chi tiết trình tự, thủ tục kiểm tra thuế; thẩm quyền cụ thể của các cơ quan, cá nhân trong kiểm tra thuế; mẫu biểu, hồ sơ kiểm tra thuế; trình tự, thủ tục kiểm tra lại; việc áp dụng các biện pháp bảo đảm trong kiểm tra thuế; việc kiểm tra thuế trong các trường quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.



**Điều 74. Kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí và lệ phí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền**

1. Cơ quan nhà nước có chức năng kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí và lệ phí có thẩm quyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí và lệ phí đối với cơ quan quản lý thuế các cấp và các tổ chức thu phí, lệ phí.

2. Việc kiểm tra, giám sát thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí và lệ phí được lựa chọn theo kế hoạch, chuyên đề.

3. Việc kiểm tra, giám sát thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí và lệ phí được thực hiện tại trụ sở của cơ quan kiểm tra, giám sát hoặc tại trụ sở của cơ quan, tổ chức được kiểm tra, giám sát.

4. Việc kiểm tra, giám sát thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí và lệ phí phải có Quyết định kiểm tra, giám sát; Biên bản kiểm tra, giám sát và thực hiện theo trình tự, thủ tục kiểm tra, giám sát.

5. Cơ quan, tổ chức được kiểm tra, giám sát có trách nhiệm cung cấp đúng thời hạn, đầy đủ hồ sơ thuế, hồ sơ nộp phí, lệ phí và các tài liệu liên quan phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra, giám sát. Cơ quan, tổ chức được kiểm tra, giám sát chịu trách nhiệm trước pháp luật về thời hạn cung cấp, tính chính xác, trung thực, khách quan của hồ sơ, tài liệu do mình cung cấp.

6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

**Điều 75. Kiểm tra giá giao dịch liên kết**

1. Kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết được thực hiện theo quy định tại Điều 73, trừ quy định về thời hạn kiểm tra quy định tại khoản 3 Điều này

2. Trước khi thực hiện kiểm tra, trong trường hợp cần thiết, cơ quan thuế thực hiện tham vấn, trao đổi thông tin, khảo sát với người nộp thuế:

a) Đề nghị người nộp thuế cung cấp thông tin kê khai xác định giá giao dịch liên kết, hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết và các thông tin làm căn cứ xác định giá giao dịch liên kết;

b) Việc tham vấn, đề nghị cung cấp thông tin, khảo sát được thực hiện tại trụ sở cơ quan thuế hoặc trụ sở người nộp thuế và cơ quan thuế có văn bản thông báo cho người nộp thuế;

c) Hình thức tham vấn, trao đổi, đề nghị cung cấp thông tin được thực hiện trực tiếp hoặc bằng văn bản.

3. Thời hạn kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết được xác định trong quyết định kiểm tra nhưng không quá 40 ngày làm việc tại trụ sở của người nộp thuế. Trường hợp cần thiết, người đã ra quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần không quá 30 ngày làm việc tại trụ sở của người nộp thuế.

4. Kiểm tra việc xác định giá giao dịch liên kết thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Kiểm tra việc xác định giá giao dịch liên kết của người nộp thuế theo nguyên tắc giao dịch độc lập và bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế tương ứng với giá trị tạo ra từ bản chất giao dịch, hoạt động sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế, không công nhận các giao dịch liên kết không theo nguyên tắc giao dịch độc lập làm giảm nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp với ngân sách nhà nước để xác định đúng nghĩa vụ thuế của người nộp thuế;

b) Xác định bản chất của giao dịch liên kết khi kiểm tra việc phân tích so sánh, tìm kiếm đối tượng so sánh độc lập tương đồng và phương pháp xác định giá giao dịch liên kết của người nộp thuế;

c) Kiểm tra việc phân tích so sánh, lựa chọn đối tượng so sánh độc lập của người nộp thuế đảm bảo tính tương đồng;

d) Kiểm tra việc lựa chọn phương pháp so sánh xác định giá giao dịch liên kết của người nộp thuế đảm bảo phù hợp nguyên tắc giao dịch độc lập, bản chất giao dịch, đặc điểm của giao dịch liên kết và chức năng hoạt động, tài sản, rủi ro của người nộp thuế;

đ) Kiểm tra thông tin dữ liệu của các đối tượng so sánh độc lập người nộp thuế sử dụng làm căn cứ xác định giá giao dịch liên kết đảm bảo tuân thủ theo nguyên tắc giao dịch độc lập và nguyên tắc bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế.

5. Bộ Tài chính quy định chi tiết thời hạn cung cấp thông tin, thời gian thực hiện khảo sát tại trụ sở người nộp thuế, trường hợp gia hạn và các nội dung khác về kiểm tra giá giao dịch liên kết quy định tại Điều này.

#### **Điều 76. Thu thập thông tin liên quan đến hành vi trốn thuế**

1. Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thông tin liên quan đến hành vi trốn thuế cung cấp thông tin bằng văn bản hoặc trả lời trực tiếp.

2. Trong trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin bằng văn bản thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp thông tin đúng nội dung, thời hạn, địa chỉ được yêu cầu và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin đã cung cấp; trường hợp không thể cung cấp được thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trong trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin bằng trả lời trực tiếp thì người được yêu cầu cung cấp thông tin phải có mặt đúng thời gian, địa điểm ghi trong văn bản để cung cấp thông tin theo nội dung được yêu cầu và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin đã cung cấp; trường hợp không thể có mặt thì việc cung cấp thông tin được thực hiện bằng văn bản.

Trong quá trình thu thập thông tin bằng trả lời trực tiếp, các thành viên của đoàn kiểm tra phải lập biên bản làm việc và được ghi âm, ghi hình công khai.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết đối với người nộp thuế là nhà cung cấp nước ngoài.

#### **Điều 77. Tạm giữ tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế**

1. Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế, trưởng đoàn *kiểm tra* thuế quyết định tạm giữ tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế.

2. Việc tạm giữ tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế được áp dụng khi cần xác minh tình tiết làm căn cứ để có quyết định xử lý hoặc ngăn chặn ngay hành vi trốn thuế.

3. Trong quá trình kiểm tra thuế, nếu đối tượng kiểm tra có biểu hiện tẩu tán, tiêu hủy tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế thì trưởng đoàn kiểm tra thuế đang thi hành nhiệm vụ được quyền tạm giữ tài liệu, tang vật đó. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi tạm giữ tài liệu, tang vật, trưởng đoàn kiểm tra thuế phải báo cáo thủ

trường cơ quan quản lý thuế ra quyết định tạm giữ tài liệu, tang vật; trong thời hạn 08 giờ làm việc kể từ khi nhận được báo cáo, người có thẩm quyền phải xem xét và ra quyết định tạm giữ. Trường hợp người có thẩm quyền không đồng ý việc tạm giữ thì trường đoàn kiểm tra thuế phải trả lại tài liệu, tang vật trong thời hạn 08 giờ làm việc kể từ khi người có thẩm quyền không đồng ý.

4. Khi tạm giữ tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế trường đoàn kiểm tra thuế phải lập biên bản tạm giữ. Trong biên bản tạm giữ phải ghi rõ tên, số lượng, chủng loại của tài liệu, tang vật bị tạm giữ; chữ ký của người thực hiện tạm giữ, người đang quản lý tài liệu, tang vật vi phạm. Người ra quyết định tạm giữ có trách nhiệm bảo quản tài liệu, tang vật tạm giữ và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu tài liệu, tang vật bị mất, bán, đánh tráo hoặc hư hỏng.

Trong trường hợp tài liệu, tang vật cần được niêm phong thì việc niêm phong phải được tiến hành ngay trước mặt người có tài liệu, tang vật; nếu người có tài liệu, tang vật vắng mặt thì việc niêm phong phải được tiến hành trước mặt đại diện gia đình hoặc đại diện tổ chức và đại diện chính quyền cấp xã, người chứng kiến.

5. Tang vật là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý, kim khí quý và những vật thuộc diện quản lý đặc biệt phải được bảo quản theo quy định của pháp luật; tang vật là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng thì người ra quyết định tạm giữ phải tiến hành lập biên bản và tổ chức bán ngay để tránh tổn thất; tiền thu được phải được gửi vào tài khoản tạm giữ mở tại Kho bạc Nhà nước để bảo đảm thu đủ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt.

6. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tạm giữ, người ra quyết định tạm giữ phải xử lý tài liệu, tang vật bị tạm giữ theo những biện pháp trong quyết định xử lý hoặc trả lại cho cá nhân, tổ chức nếu không áp dụng hình thức phạt tịch thu đối với tài liệu, tang vật bị tạm giữ. Thời hạn tạm giữ tài liệu, tang vật có thể được kéo dài đối với những vụ việc phức tạp, cần tiến hành xác minh, nhưng không quá 60 ngày kể từ ngày tạm giữ tài liệu, tang vật. Việc kéo dài thời hạn tạm giữ tài liệu, tang vật phải do người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này quyết định.

7. Cơ quan quản lý thuế phải giao 01 bản quyết định tạm giữ, biên bản tạm giữ, quyết định xử lý tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế cho tổ chức, cá nhân có tài liệu, tang vật bị tạm giữ.

**Điều 78. Khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế**

1. Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế quyết định khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế. Trong trường hợp nơi cất giấu tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế là nơi ở thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Việc khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật được tiến hành khi có căn cứ về việc cất giấu tài liệu, tang vật có liên quan đến hành vi trốn thuế.

3. Khi khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật phải có mặt người chủ nơi bị khám và người chứng kiến. Trong trường hợp người chủ nơi bị khám vắng mặt mà việc khám không thể trì hoãn thì phải có đại diện chính quyền cấp xã và 02 người chứng kiến.

4. Không được khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế vào ban đêm, ngày lễ, ngày tết, khi người chủ nơi bị khám có việc hiếu, việc hỉ, trừ trường hợp phạm pháp quả tang và phải ghi rõ lý do vào biên bản.

5. Mọi trường hợp khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế đều phải có quyết định bằng văn bản và phải lập biên bản. Quyết định và biên bản khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật phải được giao cho người chủ nơi bị khám 01 bản.

## **Chương XIV**

### **CƯỜNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ**

**Điều 79. Trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế**

1. Người nộp thuế có tiền thuế nợ quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp theo quy định và số tiền thuế nợ quá 90 ngày theo ngưỡng do Chính phủ quy định.

2. Người nộp thuế có tiền thuế nợ khi hết thời hạn gia hạn nộp tiền thuế.

3. Người nộp thuế có tiền thuế nợ có hành vi phát tán tài sản hoặc bỏ trốn.

4. Người nộp thuế không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế theo thời hạn ghi trên quyết định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế, trừ trường hợp được hoãn hoặc tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt.

5. Người nộp thuế đã bị xử phạt hành chính về hành vi không chấp hành quyết định kiểm tra thuế nhưng tiếp tục không chấp hành quyết định kiểm tra thuế.

6. Chưa thực hiện biện pháp cưỡng chế thuế đối với khoản nợ của người nộp thuế được cơ quan quản lý; không tính tiền chậm nộp thuế theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 49 Luật này; được nộp dần tiền thuế nợ trong thời hạn không quá 12 tháng và trong thời gian thư bảo lãnh có hiệu lực.

Việc nộp dần tiền thuế nợ được thủ trưởng cơ quan quản lý thuế xem xét trên cơ sở đề nghị của người nộp thuế và phải có bảo lãnh của tổ chức tín dụng. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định số lần nộp dần và hồ sơ, thủ tục về nộp dần tiền thuế nợ.

7. Không thực hiện biện pháp cưỡng chế đối với người nộp thuế có nợ phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh; không áp dụng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan đối với các trường hợp quy định tại điểm đ khoản 9 Điều 80 Luật này.

#### **Điều 80. Biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế**

1. Các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bao gồm:

a) Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng khác; phong tỏa tài khoản;

b) Khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập;

c) Dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

d) Ngừng sử dụng hóa đơn;

đ) Kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên theo quy định của pháp luật;

e) Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ;

g) Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản;

h) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện;

i) Đối với cơ sở kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số không có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoạt động trong những lĩnh vực phải đăng ký hoặc xin cấp giấy phép: thu hồi đăng ký hoặc giấy phép theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

k) Đề nghị cơ quan quản lý thuế nước ngoài và các cơ quan có thẩm quyền thực hiện hỗ trợ thu thuế.

2. Các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế quy định tại khoản 1 Điều này chấm dứt hiệu lực kể từ khi số tiền thuế nợ bị cưỡng chế đã được nộp đủ vào ngân sách nhà nước hoặc số tiền thuế nợ bị cưỡng chế được cơ quan quản lý thuế ban hành quyết định nộp dần tiền thuế nợ hoặc quyết định gia hạn nộp thuế hoặc quyết định miễn tiền chậm nộp tiền thuế hoặc thông báo không tính tiền chậm nộp hoặc theo đề nghị của các cơ quan có thẩm quyền hoặc người nộp thuế chấp hành xong quyết định kiểm tra thuế.

3. Việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế được thực hiện như sau:

a) Đối với các biện pháp cưỡng chế quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này, căn cứ vào tình hình thực tế, cơ quan quản lý thuế áp dụng biện pháp cưỡng chế phù hợp;

b) Đối với các biện pháp cưỡng chế quy định tại các điểm d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này, trường hợp không áp dụng được biện pháp cưỡng chế trước thì cơ quan quản lý thuế chuyển sang áp dụng biện pháp cưỡng chế sau; biện pháp cưỡng chế quy định tại điểm đ, e và g khoản 1 Điều này được áp dụng khi cơ quan quản lý thuế có đầy đủ thông tin, điều kiện để thực hiện cưỡng chế;

c) Trường hợp quyết định cưỡng chế chưa hết hiệu lực mà cơ quan quản lý thuế có đủ thông tin, điều kiện để áp dụng biện pháp cưỡng chế khác quy định tại khoản 1 Điều này thì có thể đồng thời thực hiện áp dụng các biện pháp cưỡng chế đó;

d) Trường hợp có căn cứ xác định người nộp thuế có tiền thuế nợ có hành vi phát tán tài sản hoặc bỏ trốn thì người có thẩm quyền lựa chọn áp dụng biện pháp cưỡng chế phù hợp để bảo đảm thu kịp thời tiền thuế nợ vào ngân sách nhà nước.

4. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng khác có trách nhiệm thực hiện việc trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản của

đối tượng bị cưỡng chế theo quyết định của cơ quan quản lý thuế và chuyển số tiền đã trích vào ngân sách nhà nước.

5. Cơ quan, tổ chức sử dụng lao động có trách nhiệm thực hiện việc khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập của đối tượng bị cưỡng chế và chuyển số tiền đã khấu trừ vào ngân sách nhà nước theo quyết định của cơ quan quản lý thuế.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang có khoản nợ hoặc nắm giữ tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế có trách nhiệm cung cấp thông tin và thực hiện nộp thay số tiền thuế nợ theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế.

7. Khi thực hiện biện pháp cưỡng chế ngừng sử dụng hóa đơn, nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, thu hồi các giấy chứng nhận đăng ký, giấy phép, cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc cổng thông tin điện tử.

8. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng khác, cơ quan, tổ chức sử dụng lao động, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan không thực hiện quyết định cưỡng chế của cơ quan quản lý thuế hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Chương XV của Luật này.

9. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung:

- a) Điều kiện, đối tượng áp dụng từng biện pháp cưỡng chế;
- b) Thủ tục, trình tự thực hiện các biện pháp cưỡng chế;
- c) Tỷ lệ khấu trừ tiền lương, thu nhập; danh mục tài sản không thực hiện kê biên;
- d) Thời hạn, trách nhiệm cụ thể của các bên có liên quan trong việc thực hiện cưỡng chế;
- đ) Trường hợp không áp dụng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan;
- e) Việc phối hợp giữa các cơ quan trong thực hiện cưỡng chế.

**Điều 81. Thẩm quyền quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế**



1. Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 80 của Luật này.

2. Việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản quy định tại điểm g khoản 1 Điều 80 của Luật này thực hiện theo quy định của Luật Phá sản.

3. Việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; thu hồi đăng ký hoặc giấy phép hoạt động của người nộp thuế là cơ sở kinh doanh thương mại, kinh doanh trên nền tảng số không có cơ sở thường trú tại Việt Nam quy định tại điểm g h và điểm i khoản 1 Điều 80 của Luật này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Người có thẩm quyền cưỡng chế quy định tại khoản 1 Điều này có thể giao quyền cho cấp phó. Việc giao quyền được thể hiện bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền. Cấp phó được giao quyền phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện quyền được giao. Người được giao quyền không được giao quyền cho người khác.

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết đối với người nộp thuế là nhà cung cấp ở nước ngoài.

## **Điều 82. Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế**

1. Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm ban hành quyết định;
- b) Căn cứ ban hành quyết định;
- c) Người ban hành quyết định;
- d) Tên, địa chỉ, mã số thuế của người nộp thuế bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế;
- đ) Lý do cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế;
- e) Biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế;

g) Thời gian, địa điểm thực hiện;

h) Cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

2. Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế phải được gửi cho đối tượng bị cưỡng chế, cơ quan quản lý thuế cấp trên trực tiếp và các tổ chức, cá nhân có liên quan; trường hợp đủ điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực quản lý thuế thì quyết định cưỡng chế được gửi bằng phương thức điện tử và cập nhật trên cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế; trường hợp cưỡng chế bằng biện pháp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 80 của Luật này thì quyết định cưỡng chế phải được gửi cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế trước khi thực hiện.

3. Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thì có hiệu lực thi hành trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ghi trên quyết định.

**Điều 83. Trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế**

Giữ nguyên như Điều 128 Luật QLT số 38/2019/QH14

## **Chương XV**

### **XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ**

**Điều 84. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế**

1. Việc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu, hành vi trốn thuế thực hiện theo quy định của Luật này.

4. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính về quản lý thuế thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân, trừ mức phạt tiền đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu, hành vi trốn thuế.

5. Trường hợp người nộp thuế bị ấn định thuế theo quy định tại Điều 41 và Điều 43 của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm có thể bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế theo quy định của Luật này.

6. Người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm hành chính về quản lý thuế có trách nhiệm lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định. Trường hợp người nộp thuế đăng ký thuế, nộp hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế điện tử nếu thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ khai thuế, hồ sơ quyết toán thuế bằng phương thức điện tử xác định rõ hành vi vi phạm hành chính, thông tin về tên, mã số thuế người nộp thuế, thời điểm vi phạm, nội dung vi phạm và điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật về quản lý thuế quy định hành vi vi phạm của người nộp thuế thì thông báo này là biên bản vi phạm hành chính làm căn cứ ban hành quyết định xử phạt.

7. Trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý thuế đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì thực hiện theo quy định của pháp luật về hình sự.

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và các trường hợp không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn.

#### **Điều 85. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế**

1. Đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế, hành vi vi phạm về hóa đơn thì thời hiệu xử phạt là 02 năm

2. Đối với hành vi trốn thuế chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu thì thời hiệu xử phạt là 5 năm kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm.

3. Quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế thì người nộp thuế không bị xử phạt nhưng vẫn phải nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn, số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu không đúng, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trong thời hạn 10 năm trở về trước kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm. Trường hợp người nộp thuế không đăng ký thuế thì phải nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn, tiền chậm nộp cho toàn bộ thời gian trở về trước kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 86. Hình thức xử phạt, mức phạt tiền và biện pháp khắc phục hậu quả**

1. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế bao gồm:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

2. Mức phạt tiền trong xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế được quy định như sau:

a) Mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi quy định tại Điều 90 của Luật này thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

b) Phạt 10% tính trên số tiền thuế khai thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc số tiền thuế khai tăng trong trường hợp được miễn, giảm, hoàn, không thu thuế đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 91 của Luật này;

c) Phạt 20% tính trên số tiền thuế khai thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc số tiền thuế khai tăng trong trường hợp được miễn, giảm, hoàn, không thu thuế đối với hành vi quy định tại khoản 1 và các điểm b, c khoản 2 Điều 91 của Luật này;

d) Phạt từ 01 lần đến 03 lần số tiền thuế trốn đối với hành vi quy định tại Điều 92 của Luật này.

3. Các biện pháp khắc phục hậu quả trong xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế bao gồm:

- a) Buộc nộp đủ số tiền thuế trốn, thiếu; tiền chậm nộp
- b) Buộc nộp đủ số tiền đã miễn, giảm, hoàn, không thu thuế không đúng.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 87. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế**

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế, **thủ trưởng cơ quan Hải quan** có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các điều 91, 92, 93 và 94 của Luật này.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”

### **Điều 88. Hoãn thi hành quyết định phạt tiền**

1. Hoãn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
2. Không tính tiền chậm nộp phạt vi phạm hành chính trong thời hạn được hoãn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

### **Điều 89. Miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế**

1. Giảm, miễn tiền phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
2. Tổng số tiền miễn phạt tối đa không quá giá trị tài sản, hàng hóa bị thiệt hại.
3. Không tính tiền chậm nộp phạt vi phạm hành chính trong thời gian xem xét, quyết định giảm, miễn phần còn lại.
4. Không miễn tiền phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với các trường hợp đã thực hiện xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế của cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Điều 90. Hành vi vi phạm thủ tục thuế**

1. Hành vi vi phạm thủ tục thuế bao gồm:
  - a) Hành vi vi phạm về thời hạn đăng ký thuế; thời hạn thông báo thay đổi thông tin trong đăng ký thuế;
  - b) Hành vi vi phạm về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế trong khoảng thời gian 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc ngày hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định của Luật này;
  - c) Hành vi vi phạm về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế trong khoảng thời gian từ ngày hết hạn phải nộp tờ khai hải quan đến trước ngày xử lý hàng hóa không có người nhận theo quy định của Luật Hải quan;
  - d) Hành vi khai sai, khai không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ thuế nhưng không dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu thuế, trừ trường hợp người nộp thuế khai bổ sung trong thời hạn quy định;

d) Hành vi vi phạm quy định về cung cấp thông tin liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế;

e) Hành vi vi phạm quy định về chấp hành quyết định kiểm tra thuế, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

f) Hành vi vi phạm đối trường hợp không xử phạt theo khoản 11 Điều 92 của Luật này.

2. Không xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế trong các trường hợp sau đây:

a) Người nộp thuế được gia hạn nộp hồ sơ khai thuế;

b) Cá nhân trực tiếp quyết toán thuế thu nhập cá nhân chậm nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân mà có phát sinh số tiền thuế được hoàn;

c) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã bị ấn định thuế theo quy định tại Điều 42 của Luật này.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 91. Hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu**

1. Hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn bao gồm:

a) Khai sai căn cứ tính thuế hoặc số tiền thuế được khấu trừ hoặc xác định sai trường hợp được miễn, giảm, hoàn thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn nhưng các nghiệp vụ kinh tế đã được phản ánh đầy đủ trên hệ thống sổ kế toán, trên các hóa đơn, chứng từ hợp pháp;

b) Người nộp thuế đã lập hồ sơ xác định giá thị trường hoặc đã lập tờ khai giao dịch liên kết nhưng cơ quan quản lý thuế, cơ quan có thẩm quyền khi thanh tra, kiểm tra kết luận số liệu thanh tra, kiểm tra khác với số liệu đã khai của người nộp thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn;

c) Sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp để hạch toán giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn nhưng người mua hàng hóa, dịch vụ sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp chứng minh được lỗi vi phạm thuộc về bên bán hàng.

2. Người nộp thuế khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu nhưng không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 92 của Luật này thì ngoài việc nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp, người nộp thuế còn bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế trong trường hợp sau đây:

a) Người nộp thuế tự phát hiện và khai bổ sung sau thời điểm cơ quan hải quan thông báo việc kiểm tra trực tiếp hồ sơ hải quan đối với hàng hóa đang làm thủ tục hải quan hoặc sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông quan và trước thời điểm cơ quan hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan, thanh tra đối với hàng hóa đã được thông quan;

b) Cơ quan hải quan phát hiện trong quá trình làm thủ tục hải quan; phát hiện khi thanh tra đối với hàng hóa đã thông quan, kiểm tra sau thông quan và cá nhân, tổ chức vi phạm đã tự nguyện khắc phục hậu quả bằng cách nộp đủ số tiền thuế phải nộp theo quy định;

c) Trường hợp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản này và cá nhân, tổ chức vi phạm đã tự nguyện khắc phục hậu quả bằng cách nộp đủ số tiền thuế phải nộp.

3. Người nộp thuế khai sai dẫn đến làm thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn nếu đã khai bổ sung hồ sơ khai thuế và tự giác khắc phục hậu quả bằng cách nộp đủ số tiền thuế phải nộp trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế hoặc trước thời điểm cơ quan thuế phát hiện không qua thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế hoặc trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện thì không bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế.

4. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, người nộp thuế không bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế nhưng vẫn phải nộp số tiền thuế còn thiếu và tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trong các trường hợp sau đây:

a) Người nộp thuế đã khai bổ sung trước thời điểm cơ quan hải quan thông báo việc kiểm tra trực tiếp hồ sơ hải quan đối với hàng hóa đang làm thủ tục hải quan;

b) Người nộp thuế khai bổ sung trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông quan và trước thời điểm cơ quan hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan, thanh tra đối với hàng hóa đã được thông quan.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

## **Điều 92. Hành vi trốn thuế**

1. Không nộp hồ sơ đăng ký thuế; không nộp hồ sơ khai thuế; nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc ngày hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định của Luật này.

2. Không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp.

3. Không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật hoặc ghi giá trị trên hóa đơn bán hàng thấp hơn giá trị thanh toán thực tế của hàng hóa, dịch vụ đã bán.

4. Sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, dịch vụ mua vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm, số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế không phải nộp.

5. Sử dụng chứng từ, tài liệu không phản ánh đúng bản chất giao dịch hoặc giá trị giao dịch thực tế để xác định sai số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm, số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế không phải nộp.

6. Khai sai với thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu mà không khai bổ sung hồ sơ khai thuế sau khi hàng hóa đã được thông quan.

7. Cố ý không kê khai hoặc khai sai về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

8. Cấu kết với người gửi hàng để nhập khẩu hàng hóa nhằm mục đích trốn thuế.

9. Sử dụng hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế không đúng mục đích quy định mà không khai báo việc chuyển đổi mục đích sử dụng với cơ quan quản lý thuế.

10. Người nộp thuế có hoạt động kinh doanh trong thời gian ngừng, tạm ngừng hoạt động kinh doanh nhưng không thông báo với cơ quan quản lý thuế.

11. Người nộp thuế không bị xử phạt về hành vi trốn thuế mà bị xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 90 của Luật này đối với trường hợp sau đây:

a) Không nộp hồ sơ đăng ký thuế, không nộp hồ sơ khai thuế, nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày nhưng không phát sinh số tiền thuế phải nộp;



b) Nộp hồ sơ khai thuế, sau 90 ngày có phát sinh số tiền thuế phải nộp và người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, hoặc trước thời điểm cơ quan thuế lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế.

12. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 93. Xử lý hành vi vi phạm của ngân hàng thương mại, người bảo lãnh nộp tiền thuế trong lĩnh vực quản lý thuế**

1. Ngân hàng thương mại không thực hiện trách nhiệm trích chuyển tiền từ tài khoản của người nộp thuế vào tài khoản của ngân sách nhà nước đối với số tiền thuế nợ phải nộp của người nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế thì bị phạt số tiền tương ứng với số tiền không trích chuyển vào tài khoản của ngân sách nhà nước, trừ trường hợp các tài khoản của người nộp thuế không còn số dư hoặc đã trích chuyển toàn bộ số dư tài khoản của người nộp thuế vào tài khoản của ngân sách nhà nước nhưng vẫn không đủ số tiền thuế nợ mà người nộp thuế phải nộp.

2. Người bảo lãnh không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế không nộp thuế thì người bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ của người nộp thuế trong phạm vi bảo lãnh.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 94. Xử lý hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực quản lý thuế**

1. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện pháp luật về thuế quy định tại khoản 4 Điều 2 của Luật này có hành vi thông đồng, bao che người nộp thuế trốn thuế, không thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện pháp luật về thuế quy định tại khoản 4 Điều 2 của Luật này không thực hiện trách nhiệm của mình theo quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 95. Xử phạt vi phạm hành chính về phí, lệ phí, hóa đơn trong lĩnh vực quản lý thuế**

**Giữ nguyên như Điều 146 Luật QLT số 38/2019/QH14**

Việc xử phạt vi phạm hành chính về phí, lệ phí, hóa đơn trong lĩnh vực quản lý thuế thực hiện theo quy định của Chính phủ.

## **Chương XVI**

### **KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KHỞI KIỆN**

**Điều 96. Khiếu nại, tố cáo**

**Giữ nguyên như Điều 147 Luật QLT số 38/2019/QH14**

**Điều 97. Khởi kiện**

**Giữ nguyên như Điều 148 Luật QLT số 38/2019/QH14**

**Điều 98. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý thuế trong việc giải quyết khiếu nại về thuế**

1. Cơ quan quản lý thuế nhận được khiếu nại về việc thực hiện pháp luật về thuế có quyền yêu cầu người khiếu nại cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc khiếu nại; nếu người khiếu nại từ chối cung cấp hồ sơ, tài liệu thì có quyền từ chối xem xét giải quyết khiếu nại.

2. Cơ quan quản lý thuế phải hoàn trả số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt thu không đúng cho người nộp thuế, bên thứ ba trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đối với vụ việc khiếu nại phức tạp, thủ trưởng cơ quan quản lý thuế là người giải quyết khiếu nại thực hiện tham vấn các cơ quan, tổ chức có liên quan, bao gồm cả khiếu nại lần đầu. Khi thực hiện việc tham vấn, thủ trưởng cơ quan quản lý thuế phải ban hành quyết định thành lập Hội đồng tham vấn. Hội đồng tham vấn hoạt động theo nguyên tắc biểu quyết theo đa số. Kết quả biểu quyết là cơ sở để thủ trưởng cơ quan quản lý thuế tham khảo khi ra quyết định xử lý khiếu nại. Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế là người ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định xử lý khiếu nại.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết về tham vấn trong giải quyết khiếu nại về thuế tại Điều này.

## **Chương XVII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 99. Bổ sung một điều vào Luật Kế toán số 88/2015/QH13**

Giữ nguyên như Điều 150 Luật QLT số 38/2019/QH14

#### **Điều 100. Hiệu lực thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Quy định về ..... của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

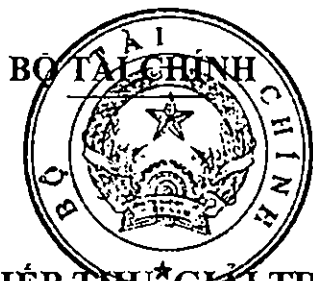
3. Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 101 của Luật này.

4. Căn cứ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan, Chính phủ quy định việc áp dụng quy định quản lý khoản thu về thuế của Luật này để quản lý thu đối với các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và quy định về quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết của những doanh nghiệp có quan hệ liên kết.

#### **Điều 101. Quy định chuyển tiếp**

1. Đối với các khoản tiền thuế nợ đến hết ngày .... tháng .... năm 2026 thì được xử lý theo quy định của Luật này.

2. Đối với các trường hợp quy định tại Điều 62 và khoản 1 Điều 63 Luật này phát sinh trước ngày (ngày Luật có hiệu lực) thì được xử lý theo quy định của Luật này./.



**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN HỘI NGHỊ THAM VẤN CHÍNH SÁCH,  
TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA HỒ SƠ CHÍNH SÁCH DỰ ÁN LUẬT QUẢN LÝ THUẾ (THAY THẾ)**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tổ chức Hội nghị tham vấn chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Quản lý thuế (thay thế). Bộ Tài chính xin tổng hợp các ý kiến tham vấn như sau:

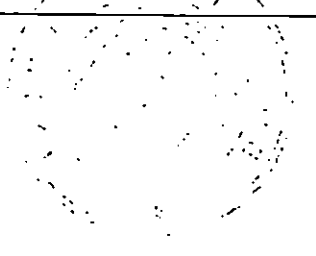
**1. Tổng số cơ quan, tổ chức Bộ Tài chính đã xin ý kiến tham vấn**

- Ngày 4/7/2025, Bộ Tài chính có Giấy mời số 273/GM-CT mời dự Hội nghị tham vấn chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Quản lý thuế (thay thế) gửi **09** cơ quan bao gồm: Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội; 06 Bộ, cơ quan ngang Bộ bao gồm: Bộ Tư pháp; Bộ Nội vụ; Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; Bộ Ngoại giao; Ngân hàng nhà nước. Ngày 7/7/2025, Cục Thuế có Giấy mời số 162/GM-CT mời dự Hội nghị tham vấn chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Quản lý thuế (thay thế) gửi **04** đơn vị thuộc Bộ Tài chính bao gồm: Văn phòng Bộ; Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí; Vụ pháp chế; Cục Hải quan.

- Ngày 8/7/2025, Bộ Tài chính tổ chức Hội nghị tham vấn chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Quản lý thuế (thay thế) với sự tham gia của **07** cơ quan bao gồm: Đại diện Hội đồng Dân tộc; đại diện của Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội; đại diện 05 Bộ, cơ quan ngang Bộ bao gồm: Bộ Tư pháp; Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; Bộ Ngoại giao; Ngân hàng nhà nước; đại diện **04** đơn vị Bộ Tài chính bao gồm: Văn phòng Bộ; Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí; Vụ pháp chế; Cục Hải quan. Trong đó, tổng số ý kiến phát biểu tại Hội nghị là **07** ý kiến.

**2. Kết quả cụ thể như sau:**

Chính sách/Nhóm vấn đề	Chủ thể tham vấn	Nội dung tham vấn	Nội dung tiếp thu, giải trình
Về hồ sơ chính sách	Đại diện Hội đồng Dân tộc; đại diện của Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội; đại diện 05 Bộ, cơ quan	<p>- Hồ sơ đảm bảo đầy đủ theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL.</p> <p>- Nhất trí việc đề xuất đưa vào chương trình lập pháp năm 2025 với tiến độ trình Quốc hội cho ý kiến và</p>	

	ngang Bộ bao gồm: Bộ Tư pháp; Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; Bộ Ngoại giao; Ngân hàng nhà nước	thông qua tại kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025)	
Báo cáo đánh giá tác động	Đại diện Thường trực Hội đồng Dân tộc	Nội dung Báo cáo đánh giá tác động chưa đánh giá kỹ theo 5 nhóm chính sách, đề nghị Bộ Tài chính bổ sung thêm báo cáo đánh giá tác động của 5 nhóm chính sách, đặc biệt liên quan đến phát triển kinh tế số, tư nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ, tác động đến NSNN như thế nào...	Tiếp thu ý kiến của Hội đồng dân tộc, Bộ Tài chính sẽ rà soát để hoàn thiện lại Báo cáo đánh giá tác động.
Nhóm chính sách 1: Cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý thuế	Đại diện Ủy ban Kinh tế và Tài chính	Các thủ tục hành chính thuế phải được thiết kế đơn giản hóa để NNT dễ thực hiện nhưng phải đảm bảo thực hiện theo chủ trương của nhà nước về quản lý thuế, nhất là công khai minh bạch trong quản lý thuế	Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Kinh tế và Tài chính, Bộ Tài chính sẽ rà soát để hoàn thiện Dự thảo Luật.
Nhóm chính sách 2: Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý thuế	Đại diện Ủy ban Kinh tế và Tài chính Đại diện Ngân hàng Nhà nước	- Ủy ban Kinh tế và Tài chính: ủng hộ chủ trương này nhưng phải đảm bảo các đơn vị được phân cấp đủ trình độ quản lý được, đồng thời tại Dự thảo Luật không nên quy định quá chi tiết về thẩm quyền.	- Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Kinh tế và Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Bộ Tài chính sẽ tiếp tục nghiên cứu rà soát lại Dự thảo Luật theo hướng chỉ Luật chỉ quy định khung; các nội dung hướng dẫn đưa vào Nghị định và Thông tư hướng dẫn.

		<p>- Ngân hàng nhà nước: Đây mạnh phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý thuế, trong đó NHNN có trách nhiệm cung cấp thông tin về chủ tài khoản nghi ngờ có dấu hiệu trốn thuế, gian lận thuế (định kỳ và khi có yêu cầu) là không hợp lý vì giao dịch và thông tin giao dịch lưu ở các Tổ chức tín dụng, và căn cứ quy định về trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân, Ngân hàng có trách nhiệm bảo mật thông tin khách hàng, do đó hoạt động định kỳ chia sẻ thông tin của khách hàng sẽ gây tâm lý không yên tâm đến khách hàng. Đồng thời trách nhiệm chia sẻ dữ liệu giao dịch tài chính của các tổ chức, cá nhân có thu nhập từ kinh doanh trên nền tảng số, thương mại điện tử và trách nhiệm kiểm soát dòng tiền từ các hoạt động kinh doanh trên nền tảng số không thuộc trách nhiệm của NHNN, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu lại.</p>	<p>- Tiếp thu ý kiến của Ngân hàng nhà nước, Bộ Tài chính sẽ rà soát để hoàn thiện Dự thảo Luật.</p>
Nhóm chính sách 3: Chuyển đổi số toàn diện và tự động hóa quản lý thuế	Đại diện Ủy ban Kinh tế và Tài chính Đại diện Bộ Tư pháp	<p>- Ủy ban Kinh tế và Tài chính: ủng hộ chủ trương này, tuy nhiên quy định phải có giai đoạn chuyển tiếp để tránh gây khó khăn cho NNT, nên quy định vừa có hình thức</p>	<p>- Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Kinh tế và Tài chính, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục nghiên cứu rà soát để hoàn thiện Dự thảo Luật.</p>

		<p>kê khai điện tử và kê khai trực tiếp để tạo điều kiện cho một số NNT chưa có đủ điều kiện cơ sở vật chất vẫn thực hiện nghĩa vụ thuế.</p> <p>- Bộ Tư pháp: nghị Ban soạn thảo cân nhắc lại nhóm chính sách 3, do đây chỉ là giải pháp thay đổi cách thức thực hiện TTHC không phải là nhóm chính sách, nên cân nhắc lồng ghép vào nhóm cắt giảm, đơn giản TTHC</p>	<p>- Giải trình ý kiến của Bộ Tư pháp: Chính sách về chuyển đổi số là giải pháp nhưng Luật này là Luật thủ tục, các giải pháp vẫn là các chính sách về quản lý thuế</p>
Nhóm chính sách 4: Đổi mới phương pháp quản lý đối với doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	Đại diện Ủy ban Kinh tế và Tài chính	Cần bỏ khoản thuế theo chủ trương của Đảng. Nội dung về kê khai, nộp thuế đối với doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong Luật nên quy định chung về quy tắc, phần hướng dẫn chi tiết đề nghị quy định chi tiết tại Nghị định và hướng dẫn cụ thể ở cấp Thông tư để đảm bảo dễ dàng cho hộ kinh doanh khi kê khai.	Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Kinh tế và Tài chính, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục nghiên cứu rà soát lại Dự thảo Luật theo hướng chỉ là quy định khung, các nội dung hướng dẫn đưa vào Nghị định và Thông tư hướng dẫn.
Nhóm chính sách 5: Tăng cường chức năng kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết	Đại diện Ủy ban Kinh tế và Tài chính	Hiện nay do quy định không thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành mà thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật nên trong Dự thảo Luật đề nghị phải có quy định cụ thể để đảm bảo căn	Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Kinh tế và Tài chính, Bộ Tài chính sẽ rà soát để hoàn thiện Dự thảo Luật

		cứ pháp lý trong quá trình thực thi. Đối với quy định về kiểm tra giá giao dịch liên kết, kiểm tra theo rủi ro đề nghị nghiên cứu thêm kinh nghiệm quốc tế để có cái nhìn toàn diện và đầy đủ	
Nhóm chính sách 6: Hoàn thiện chính sách chung trong công tác quản lý thuế	Đại diện Ủy ban Kinh tế và Tài chính Đại diện Bộ Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ủy ban Kinh tế và Tài chính: đề nghị rà soát để đảm bảo tính đồng bộ và quy định chỉ là nguyên tắc còn những nội dung thường xuyên thay đổi đưa xuống cấp Nghị định để đảm bảo tính ổn định của văn bản Luật.</li> <li>- Bộ Tư pháp: đề nghị cân nhắc lồng ghép để các chính sách rõ hơn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Kinh tế và Tài chính, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục nghiên cứu rà soát lại Dự thảo Luật theo hướng chỉ là quy định khung, các nội dung hướng dẫn đưa vào Nghị định và Thông tư hướng dẫn.</li> <li>- Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục nghiên cứu rà soát để hoàn thiện Dự thảo Luật</li> </ul>
Nội dung liên quan hoàn thuế của các cơ quan đại diện của Bộ Ngoại	Đại diện Bộ Ngoại giao	Đối với quy định liên quan hoàn thuế của các cơ quan đại diện của Bộ Ngoại giao hiện nay thực hiện theo quy định tại Thông tư 08/TT-BTC ban hành từ năm 2003. Hiện nay, số lượng hồ sơ hoàn thuế cho các cơ quan đại diện tăng lên khá nhiều (102 cơ quan ngoại giao), đồng thời nhu cầu mua sắm của các cơ quan ngoại giao tăng lên tuy nhiên không có quy định về hạn mức, số tiền, chủng loại hàng hóa để được hoàn thuế. Do đó, đề xuất Ban	Tiếp thu ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục nghiên cứu rà soát lại Dự thảo Luật theo hướng quy định khung, các nội dung hướng dẫn đưa vào Nghị định và Thông tư hướng dẫn



		soạn thảo nghiên cứu đưa các nội dung vào văn bản dưới Luật (cấp Thông tư) tạo điều kiện giải quyết hồ sơ hoàn thuế của các cơ quan đại diện của Bộ Ngoại giao.	
Về tên của Luật là Luật Quản lý thuế	Đại diện Bộ Tư pháp	<p>Trong các bài phát biểu của Tổng bí thư Tô Lâm về điểm nghẽn trong xây dựng VBPPPL, đổi mới tư duy trong quản lý, không phải quản lý mà kiến tạo nhưng tên Luật là Luật Quản lý thuế, từ tư duy quản lý đó đi đến các điều khoản cụ thể. Có thể một vài nội dung không nằm trong luật này mà nằm luật khác... Do đó, xem xét có nên đổi tên cho phù hợp.</p>	<p>Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tham khảo tên gọi các Luật liên quan đến quản lý thuế cho thấy không có một tên gọi duy nhất cho "luật quản lý thuế" trên toàn thế giới. Nhiều quốc gia có các đạo luật chuyên biệt hoặc phần lớn trong bộ luật thuế của họ được dành riêng cho các quy định hành chính và quản lý thuế. Các quốc gia có "Luật Quản lý thuế" hoặc tương tự như Việt Nam gồm Úc (Luật quản lý hành chính thuế); Trung Quốc (Luật Quản lý Thu thuế); Nhật Bản (Luật Thu Thuế Quốc gia); Hàn Quốc (Luật Khung về Thuế Quốc Gia); Ba Lan, Vương quốc Anh, Canada (quy định về quản lý thuế được lồng ghép trong luật thuế như Luật Thuế thu nhập, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt); Hoa Kỳ, Pháp Áo và Đức (Bộ luật Thuế nội địa; Bộ luật Thuế chung). Như vậy, có thể thấy các quốc gia đặt tên cho các luật này có thể khác nhau, tùy thuộc vào truyền thống pháp lý và</p>

			<p>cấu trúc hành chính của từng nước. Một số chọn một đạo luật riêng biệt, một số khác tích hợp vào một bộ luật thuế chung, và một số thì phân tán các quy định này vào các luật thuế chuyên biệt.</p> <p>Theo tinh thần chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm là xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển chứ không đơn thuần là quản lý hành chính truyền thống, Khắc phục điểm nghẽn trong xây dựng thể chế, và đổi mới tư duy pháp luật, từ “quản lý” sang “hỗ trợ, phục vụ và đồng hành”. Tinh thần chỉ đạo này đã được Cục Thuế quán triệt và thể hiện trong nội dung sửa đổi luật, còn về tên gọi Luật Quản lý thuế đã được sử dụng từ năm 2006 đến nay và đã được định hình vững chắc trong hệ thống pháp luật về thuế; Tên gọi này phản ánh đầy đủ hoạt động quản lý thuế và giữ nguyên tên gọi bảo đảm tính ổn định, nhất quán của pháp luật, tránh gây xáo trộn trong nhận thức và tổ chức thực thi pháp luật.</p>
--	--	--	---



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2025*

**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA HỒ SƠ CHÍNH SÁCH  
CỦA DỰ ÁN LUẬT QUẢN LÝ THUẾ (THAY THẾ)**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến đối với Hồ sơ chính sách của Dự án Luật Quản lý thuế (thay thế).

**1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến và tổng số ý kiến nhận được:**

Ngày 6/6/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 7960/BTC-PC gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, 63 UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; đồng thời đăng tải trên Cổng TTĐT Chính phủ, Cổng TTĐT Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi các đối tượng chịu sự tác động đối với bộ hồ sơ chính sách của Dự án Luật Quản lý thuế (thay thế). Đến nay, Bộ Tài chính đã nhận được **57** văn bản tham gia ý kiến.

**2. Kết quả cụ thể như sau:**

- Các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có ý kiến nhất trí hoàn toàn (34 đơn vị) bao gồm: các Bộ ngành, cơ quan thuộc Chính phủ: Bộ Công an, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đài tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam; UBND các tỉnh, thành phố: Gia Lai, Đắk Nông, Vĩnh Phúc, Tiền Giang, Bình Định, Phú Yên, Bình Dương, Kon Tum, Hà Tĩnh, Cà Mau, Hà Nam, Bắc Giang, Bắc Kạn, Vĩnh Long, Lâm Đồng, Hà Giang, Bạc Liêu, Lạng Sơn, Trà Vinh, Sơn La, Ninh Bình, Đồng Tháp, Khánh Hòa, Hậu Giang, Sóc Trăng, Huế; và không nhận được ý kiến góp ý trên Cổng TTĐT Chính phủ.

- Các bộ, ngành, địa phương, tổ chức cơ bản nhất trí và có một số ý kiến cụ thể (23 đơn vị) bao gồm: Các Bộ ngành, cơ quan thuộc Chính phủ: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ, Bộ Công thương, Bộ ngoại giao, Thanh tra Chính phủ, Đài truyền hình Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; UBND các tỉnh, thành phố: Thái Bình, Tuyên Quang, Đồng Nai, Hà Nội, Hải Dương (giao CCTKV V), Cần Thơ (giao CCTKV XIX), Kiên Giang (giao CCTKV XX), Quảng Ngãi (giao CCTKV XII), Bình

Thuận (giao CCTKV XV), Hồ Chí Minh (giao CCTKV II)); *Tổ chức khác*: Tập đoàn Công nghiệp- Viễn thông quân đội, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Công ty cổ phần tư vấn EY Việt Nam.

Trên cơ sở ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, Bộ Tài chính đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Một số ý kiến chung về Hồ sơ chính sách của DA Luật QLT (thay thế)	Bộ Nội vụ	<p>1. Thống nhất với Bộ Tài chính về sự cần thiết xây dựng Hồ sơ chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) nhằm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về cải cách hệ thống quản lý thuế (Kết luận số 93-KL/TW ngày 26/8/2024 của Bộ Chính trị yêu cầu sửa đổi tổng thể Luật Quản lý thuế; Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030); đáp ứng yêu cầu thực tiễn, phát sinh vướng mắc bất cập trong quá trình quản lý thuế hiện hành. Theo đó, đề nghị tiếp tục rà soát, đánh giá nội dung các chính sách tại Hồ sơ, bảo đảm:</p> <p>a) Tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành và cam kết quốc tế của Việt Nam; tính khả thi và hiệu quả (đơn giản hóa thủ tục về hồ sơ, quy trình, thời gian giải quyết, mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin; quy định rõ ràng và mở rộng thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính cho các cấp); tính hợp lý, công bằng chính sách giữa các đối tượng nộp thuế;</p> <p>b) Hoàn thiện cơ chế quản lý thuế đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và phát triển kinh tế số, đặc biệt là quản lý thuế đối với các hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số; hoàn thiện các quy định về đăng ký, kê khai, nộp thuế, nâng cao hiệu quả thu ngân sách; hoàn thiện cơ chế chống thất thu thuế, trốn thuế, gian lận thuế (tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế).</p>	Tiếp thu, hoàn thiện Hồ sơ.
	Bộ Công thương	Trong quá trình xây dựng Luật Quản lý thuế (thay thế) đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu, xem xét, đánh	Tiếp thu, hoàn thiện Hồ sơ.

CHÍNH SÁCH VÀ ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GOPY	NỘI DUNG GOPY	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>giả kỹ các nội dung trong hồ sơ chính sách đề đảm bảo tính khả thi, minh bạch và hiệu quả trong triển khai thực hiện, <i>đặc biệt lưu ý đến các loại hình thuế mới hoặc hình thức thu nhập từ nền tảng số, tài sản kỹ thuật số, chuyển nhượng tài sản ảo...; có chính sách riêng để quản lý thuế đối với cá nhân có thu nhập từ nền tảng xuyên biên giới...</i></p> <p>Dự án Luật có phạm vi, đối tượng lớn, có tác động, ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội trong quá trình chuyển đổi. Vì vậy, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo <b>cần có phương án triển khai cụ thể và các phương án dự phòng (nếu có), giải pháp hỗ trợ, hướng dẫn kỹ thuật</b> đối với một số nội dung như: <i>phân mềm hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền; phương án đối với hộ cá nhân kinh doanh thuộc diện phải triển khai nộp thuế tính theo doanh thu của máy tính tiền nhưng chưa có điều kiện chuyển đổi vì những lý do khách quan khác nhau hay phương án khi bắt đầu triển khai sẽ có nhiều hộ kinh doanh cùng thực hiện sẽ gây nghẽn, ách tắc cục bộ.</i></p>	
<b>1. TỜ TRÌNH CHÍNH SÁCH CỦA DỰ ÁN LUẬT QUẢN LÝ THUẾ (THAY THẾ)</b>			
Mục 1 phần I “Cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý”	UBND tỉnh Hải Dương (CCTKV V)	<p>1/ Tại điểm mục 1 phần I “Cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý” của Dự thảo Tờ trình Chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế): Đề nghị Ban soạn thảo xem xét chuyển nội dung Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025: “Nghị quyết của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới” trong điểm b mục 1 phần I <u>“Cơ sở pháp lý”</u> về điểm a mục 1 phần I <u>“Cơ sở chính trị”</u></p> <p>Lý do: Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025: “Nghị quyết của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới” là Nghị quyết chỉ đạo của Đảng về công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Trên cơ sở đó, Quốc hội, Chính phủ ban hành các</p>	Tiếp thu, hoàn thiện Dự thảo Tờ trình

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GOPY	NỘI DUNG GOPY	NỘI DUNG TIẾP THU GIẢI TRÌNH
		Nghị quyết, Quyết định để triển khai việc xây dựng và thi hành pháp luật.	
Mục 2 phần I “Cơ sở thực tiễn”	UBND tỉnh Hải Dương (CCTKV V)	2/ Tại mục 2 phần I “Cơ sở thực tiễn” của Dự thảo Tờ trình Chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế): đề nghị ban soạn thảo xem xét chưa thấy đề cập đến nội dung tác động của một số Luật ban hành trong giai đoạn từ năm 2021 đến nay có nhiều tác động đến công tác quản lý thuế như: Luật kinh doanh Bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28/11/2023; Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai số 31/2024/QH15...	Tiếp thu, hoàn thiện Dự thảo Tờ trình
Mục 3 phần II “Quan điểm xây dựng chính sách”	UBND tỉnh Hải Dương (CCTKV V)	3/ Tại mục 3 phần II “Quan điểm xây dựng chính sách” của Dự thảo Tờ trình Chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế): Đề nghị Ban chỉ đạo xem xét bổ sung nội dung: Đáp ứng nội dung yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền...(theo Nghị quyết 66NQ/TW); đáp ứng nội dung chuyển đổi từ mô hình quản lý thuế theo chức năng sang mô hình quản lý thuế theo chức năng kết hợp với quản lý thuế theo đối tượng.	Tiếp thu, hoàn thiện Dự thảo Tờ trình
Mục 3 phần V: Chính sách 3: Chuyển đổi số toàn diện và tự động hóa công tác quản lý thuế	Thanh tra Chính phủ	1. Đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc nghiên cứu, bổ sung - Về quản lý thuế trong thương mại điện tử trên các nền tảng mạng xã hội Hiện nay, nhiều cá nhân, tổ chức kinh doanh trên các nền tảng thương mại điện tử, mạng xã hội không đăng ký mã số thuế (của các nhà cung cấp dịch vụ Google, Facebook, Youtube, Zalo ... ) trong khi chưa có quy định để kiểm soát việc thanh toán dẫn đến tình trạng thất thu thuế đối với các loại hình kinh doanh nêu trên. <b>Để khắc phục tình trạng này, Thanh tra Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc nghiên cứu, bổ sung vào Chính sách 3 tại</b>	- Về quản lý thuế trong thương mại điện tử trên các nền tảng mạng xã hội + Luật số 56/2024/QH15 đã quy định: Đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp ở nước ngoài thì nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GỢP Ý	NỘI DUNG GỢP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>Tờ trình Chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) các cơ chế quản lý, giám sát và kiểm tra hoạt động kê khai, nộp thuế của các tổ chức, cá nhân có phát sinh các hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử hoặc mạng xã hội.</p> <p>- Về quản lý thuế đối với các tài sản số</p> <p>Ngày 14/6/2025, tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Luật Công nghiệp Công nghệ số, trong đó có một số nội dung liên quan đến nghĩa vụ thuế, miễn giảm thuế đối với tài sản số như sản phẩm bán dẫn, tài sản mã hóa, dịch vụ công nghệ số ... Thanh tra Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc nghiên cứu, bổ sung vào Mục 6.3 (trang 32) Báo cáo Tổng kết thi hành Luật Quản lý thuế trong Hồ sơ dự án luật một số nội dung đề xuất về cơ chế quản lý thuế đối với lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp.</p>	<p>của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p> <p>Đối với hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số thì tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, nhà quản lý nền tảng số có chức năng thanh toán (bao gồm cả tổ chức trong nước và nước ngoài) và các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác theo quy định của Chính phủ thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Trường hợp hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số không thuộc đối tượng được khấu trừ, nộp thuế thay thì có nghĩa vụ trực tiếp đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế.</p> <p>Chính phủ đã ban hành Nghị định số 117/2025/NĐ-CP về quản lý thuế đối HKD, CNKD có hoạt động kinh doanh trên nền tảng TMĐT, nền tảng số và Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 80/2021/TT-BTC trong đó có quy định về quản lý thuế đối với nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại VN kinh doanh trên nền tảng TMĐT. Kết quả thu thuế từ các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh TMĐT trong 03 năm gần nhất (từ năm 2022 – 2024) là 296 nghìn tỷ đồng. Kết quả thu thuế từ các tổ chức, cá nhân kinh doanh có hoạt động kinh doanh TMĐT và kinh tế số khác trong 6 tháng đầu năm 2025 là 98 nghìn tỷ đồng, tăng 58% so với cùng kỳ năm 2024, trong đó: 163 NCCNN đã đăng ký thuế, kê khai và nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử với số tiền đã thực hiện kê khai, nộp thuế trong</p>

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ COPY	NỘI DUNG COPY	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<p>6 tháng đầu năm 2025 là 5,7 nghìn tỷ đồng tăng 41% so với cùng kỳ năm 2024; Gần 93 nghìn tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh TMĐT, trong 6 tháng đầu năm 2025 đã nộp 88,6 nghìn tỷ đồng tiền thuế; 130 nghìn hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế trên Cổng thông tin điện tử dành cho hộ, cá nhân kinh doanh với số tiền thuế đã nộp trong 6 tháng đầu năm 2025 là gần 1,7 nghìn tỷ đồng; 752.176 trường hợp là cá nhân, hộ kinh doanh có hoạt động kinh doanh TMĐT với số thuế đã nộp gần 1,5 nghìn tỷ đồng. Thực hiện xử lý truy thu đối với 1.831 doanh nghiệp với số tiền hơn 543 tỷ đồng (Thuế GTGT: 124,2 tỷ đồng, thuế TNDN: 418,1 tỷ đồng, thuế TTĐB: 71 triệu đồng). Thực hiện xử lý truy thu đối với cá nhân, hộ kinh doanh: 550 trường hợp với số tiền 35 tỷ đồng.</p> <p>Hiện nay, Bộ Công Thương đang chủ trì soạn thảo Luật TMĐT, Bộ Tài chính đã tham gia ý kiến đề nghị : Bổ sung các yêu cầu về cung cấp thông tin của các chủ thể, người bán, Nền tảng TMĐT trung gian, tổ chức cung cấp dịch vụ logistics, tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán Đề xuất đưa vào quy định bắt buộc các chủ thể hoạt động kinh doanh TMĐT phải thực hiện thanh toán qua Cổng thanh toán dành riêng cho hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới Những quy định này sẽ khắc phục được tình trạng thất thu thuế do có thể kiểm soát được thông tin về các giao dịch thanh toán thương mại điện tử xuyên biên giới</p> <p>- Về quản lý thuế đối với các tài sản số: thực</p>



CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHU THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<p>hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngành thuế đang sắp xếp lại mô hình quản lý chuyển từ quản lý theo chức năng sang quản lý theo đối tượng và áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro và quản lý tuân thủ do vậy, đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm bán dẫn, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công nghệ số, đơn vị phát hành hoặc sở hữu tài sản mã hóa (NFT, token, tài sản số khác) cũng sẽ thuộc đối tượng quản lý thuế và cơ quan thuế sẽ phải nghiên cứu áp dụng <b>quản lý rủi ro chuyên biệt</b> với tiêu chí phù hợp với tính chất ngành: tốc độ phát triển nhanh, phi vật chất, dễ chuyển giao giá trị, khó định danh chính xác của đối tượng NNT hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số.</p> <p>Tiếp thu ý kiến của Thanh tra CP, Bộ Tài chính đã bổ sung đánh giá vào Mục 6.3 (trang 32) Báo cáo Tổng kết thi hành Luật Quản lý thuế.</p>
Mục 4 phần V: Chính sách 4: Đổi mới phương pháp quản lý đối với doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	Bộ VH, TT và DL	Đối với chính sách 4: Đổi mới phương pháp quản lý đối với doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu xây dựng lộ trình thực hiện phù hợp, tránh trường hợp “gây sốc”, người dân chưa đủ thời gian trang bị hiểu biết để thích nghi với tình hình mới, chưa kịp chuẩn bị các điều kiện về vật chất cho việc thực hiện nhất là các đối tượng không có khả năng sử dụng công nghệ thông tin. Do điều kiện kinh tế không đồng đều, nhiều nơi vẫn còn là kinh tế tự cấp, tự túc, do vậy cần có các trường hợp loại trừ để phù hợp với thực tiễn.	Tại nghị quyết số 198/2025/QH15 đã quy định từ ngày 01/1/2026 xóa bỏ hình thức khoán thuế do vậy tại Luật quản lý thuế sẽ phải sửa đổi quy định về chính sách quản lý thuế đối với hộ kinh doanh để thực hiện theo phương pháp tự kê khai từ ngày 01/1/2026.
Mục 5 phần V: Chính sách 5. Chức năng	UBND tỉnh Hải Dương	4/ Tại mục 5 phần V: Chính sách 5. Chức năng kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết của Dự thảo Tờ trình Chính sách	Ghi nhận để nghiên cứu ở giai đoạn xây dựng dự thảo Luật

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ CỘNG	NỘI DUNG CỘNG	NỘI DUNG TIẾP THU, GIÁN TRINH
kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết	(CCTKV V)	của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) Theo quy định của Luật Thanh tra số 11/2022/QH15 đã bỏ chức năng thanh tra thuế. Trong khi đó, thời hạn kiểm tra thuế hiện nay chỉ có 10 ngày làm việc không phù hợp với các cuộc kiểm tra doanh nghiệp có quy mô lớn, đa ngành nghề và nội dung kiểm tra phức tạp... Do vậy đề xuất Ban soạn thảo xem xét bổ sung công tác kiểm tra thuế theo hướng kiểm tra chuyên ngành, thời gian tiến hành kiểm tra là 20 ngày làm việc tại trụ sở người nộp thuế và được gia hạn một lần không quá 20 ngày.	
Mục 6 phần V: Hoàn thiện chính sách chung trong công tác quản lý thuế	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Tại mục V.6; 6.4.3 và 6.4.4: Đề nghị cân nhắc bổ sung lý do/căn cứ đối với các nội dung bổ sung, sửa đổi tại các Điều.	Lý do và căn cứ đối với các nội dung bổ sung, sửa đổi đã được nêu tại phần mục tiêu chính sách và báo cáo đánh giá tổng kết.
Một số ý kiến khác	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội VN	<p>Dự thảo Luật nhấn mạnh việc thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về hiện đại hóa quản lý thuế, tái thiết kế quy trình quản lý thuế theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin, phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy thuế tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả. Luật mới cũng tập trung vào đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính về đăng ký, kê khai, nộp, hoàn, miễn giảm thuế, áp dụng quy trình mới đơn giản, thuận tiện, nâng cao tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi cho cả người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế. Tuy nhiên, hiện nay, mục Cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, dự thảo Tờ trình còn có sự nhầm lẫn giữa các văn bản của Đảng và văn bản của Nhà nước.</p> <p>Đề nghị: Ban soạn thảo sắp xếp lại các văn bản làm căn cứ chính trị và pháp lý theo hướng xác định rõ nhóm các văn bản do Đảng ban hành và nhóm các văn bản do Nhà nước ban hành.</p>	Tiếp thu, hoàn thiện Dự thảo Tờ trình.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIAI TRÌNH
	Bộ Nội vụ	Đề nghị làm rõ trong Tờ trình về nguồn lực, điều kiện cho việc thực hiện chính sách bảo đảm không làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.	Tiếp thu, hoàn thiện Dự thảo Tờ trình.
<b>2. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH</b>			
Mục II. Đánh giá tác động của chính sách	Bộ Công thương	Tại dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách, Mục II. Đánh giá tác động của chính sách, đối với Chính sách 3, Chính sách 4 và Chính sách 5, <b>cần nhắc bổ sung thêm nhược điểm của việc thanh toán bằng tiền mặt so với hình thức thanh toán bằng thẻ/chuyển khoản</b> khi đánh giá tác động kinh tế-xã hội của Giải pháp 2 (gồm nhóm chính sách đổi mới).	Tiếp thu, bổ sung vào dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách.
Ý kiến khác	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	06 nhóm chính sách nêu tại mục II đề nghị cần nhắc đưa ra nhiều hơn 02 giải pháp đề xuất xử lý (01 giải pháp giữ nguyên; 02 giải pháp đề xuất xử lý khác) để có cơ sở đánh giá, so sánh chi phí lợi ích của các giải pháp.	Báo cáo tác động được xây dựng theo mẫu quy định của Luật Ban hành VBQPPL.
<b>3. BÁO CÁO TỔNG KẾT VIỆC THI HÀNH PHÁP LUẬT</b>			
Mục 2.2 về Cơ sở thực tiễn:	UBND tỉnh Đồng Nai	<p>- <b>Tại mục 2.2 về Cơ sở thực tiễn:</b> “Nhóm thứ nhất liên quan đến quy định về đăng ký, khai thuế và tính thuế chưa bao quát hết các tình huống thực tế, đặc biệt là các vướng mắc phát sinh từ Luật thuế xuất nhập khẩu, việc tạm ngừng kinh doanh, khôi phục mã số thuế và hợp đồng hợp tác kinh doanh”.</p> <p>Và mục 2.2.1 về Bất cập trong khung pháp lý và quy trình nghiệp vụ: “Khung pháp lý và quy trình nghiệp vụ của Luật Quản</p>	Tiếp thu, bổ sung vào Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật.

CHÍNH SÁCH VÀ ĐỀ ĐIỀU KHOẢN	CHỮ THẺ COPY	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>lý thuế đang bộc lộ nhiều điểm nghẽn đáng quan ngại, thể hiện qua ba nhóm vấn đề chính. Nhóm thứ nhất liên quan đến quy định về đăng ký, khai thuế và tính thuế - những quy định này chưa bao quát hết các tình huống thực tế, đặc biệt là các vướng mắc phát sinh từ Luật thuế xuất nhập khẩu, việc tạm ngừng kinh doanh, khôi phục mã số thuế và hợp đồng hợp tác kinh doanh.”</p> <p>Đề xuất: bổ sung thêm “việc chuyển địa điểm kinh doanh, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (bao gồm cả giai đoạn trước khi chuyển đổi loại hình từ doanh nghiệp chế xuất thành doanh nghiệp không hưởng chế độ chế xuất và ngược lại), tổ chức lại doanh nghiệp”. Lý do vẫn tồn tại vướng mắc liên quan đến quy định về đăng ký, khai thuế và tính thuế đối với những trường hợp này, các căn cứ pháp lý hiện tại dùng để áp dụng đối với các trường hợp này còn thiếu rõ ràng và chưa thật sự phù hợp.</p>	
Phần III về Đề xuất kiến nghị	UBND tỉnh Đồng Nai	<p><b>- Tại Phần III về Đề xuất kiến nghị:</b></p> <p>+ Khoản 1: “Chương XI quy định về Thông tin người nộp thuế (Điều 98 đến Điều 100)”. Đề xuất sửa thành: “Điều 95 đến Điều 100”.</p> <p>+ Mục 2 về Chính sách nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý thuế: “Bổ sung thẩm quyền quyết định miễn thuế, giảm thuế để quy định rõ thẩm quyền quyết định miễn, giảm thuế của thủ trưởng cơ quan quản thuế”</p> <p>Đề xuất: sửa thành “thủ trưởng cơ quan thuế”.</p>	<p>- Ý kiến 1: Dự thảo luật sẽ được sắp xếp thu gọn nội dung nên sẽ phải sửa lại số thứ tự các Điều của toàn bộ dự thảo Luật.</p> <p>- Ý kiến 2: Tiếp thu, sửa thành “thủ trưởng cơ quan thuế”.</p>
<b>4. BẢN THUYẾT MINH QUY PHẠM HÓA CHÍNH SÁCH</b>			
Một số ý kiến chung	UBND tỉnh Kiên Giang (CCTKV XX)	<p>Đề xuất thống nhất trích dẫn các điều khoản tại Bản thuyết minh quy phạm hóa. Cụ thể:</p> <p>- Tại nhóm chính sách 6 Mục 6.5.1 (trang 87) có quy định về Điều 3. Giải thích từ ngữ, trong đó có quy định về khoản 2 quy</p>	Tiếp thu, đã rà soát, hoàn thiện hồ sơ chính sách của dự án luật quản lý thuế (thay thế).

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>định về các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu, khoản 3 quy định các khoản thu khác thuộc ngân sách Nhà nước không do cơ quan quản lý thu. Tuy nhiên, tại Nhóm hoàn thiện chính sách chung trong công tác quản lý thuế Mục 6.3.3 (trang 33) cũng đề cập đến Điều 3 Giải thích từ ngữ nhưng lại gạch bỏ khoản 2, gạch bỏ khoản 3 quy định các khoản thu khác thuộc ngân sách Nhà nước không do cơ quan quản lý thu và thay vào đó, khoản 2 lại quy định về trụ sở người nộp thuế.</p> <p>- Tại nhóm chính sách 3. Nhóm chính sách về chuyển đổi số toàn diện và tự động hóa quản lý thuế (trang 17) có trích dẫn Điều 10. Lực lượng quản lý thuế, tuy nhiên tại Nhóm 6.2.2 (trang 30) cũng có trích dẫn Điều 10 nhưng nội dung không giống nhau.</p> <p>- Tại nhóm 6.3.3 (trang 36) có trích dẫn Điều 3. Giải thích từ ngữ, trong đó có định nghĩa cơ quan quản thuế trực tiếp tại Khoản 35, tuy nhiên tại trang 88 cũng trích dẫn định nghĩa này nhưng tại Khoản 36.</p>	
	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Nội dung dự kiến quy định đề nghị rà soát, thống nhất người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân hay người nộp thuế là tổ chức, cá nhân kinh doanh (Điều 3, Điều 30, Điều 31, Điều 32...).	Tiếp thu, rà soát, thống nhất sử dụng tổ chức, cá nhân, cá nhân kinh doanh (Điều 3, Điều 30, Điều 31, Điều 32...).
Chính sách 4: Đổi mới phương pháp quản lý đối với doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.	UBND TP Hà Nội	<p><b>Về quản lý thuế đối với Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh</b></p> <p>1/ Theo quy định tại Điều 2, Điều 3 dự thảo Luật định hướng bỏ khái niệm “hộ kinh doanh”, chỉ còn khái niệm “cá nhân kinh doanh”. Tuy nhiên trong toàn bộ tài liệu gửi lấy ý kiến thì còn nhiều nội dung đang sử dụng cụm từ “hộ kinh doanh”. Ngoài ra theo quy định tại Điều 88 Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đặt tên hộ kinh doanh thì: Hộ kinh doanh có tên</p>	Ghi nhận để nghiên cứu quy định tại giai đoạn xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ TÀI KHOẢN	CHUỖ THÌ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU GIẢI TRÌNH
		<p>gọi riêng, tên hộ kinh doanh bao gồm hai thành tố: Cụm từ “Hộ kinh doanh” và tên riêng của hộ kinh doanh. Pháp luật về đăng ký kinh doanh không có khái niệm “cá nhân kinh doanh”.</p> <p>Đề nghị Bộ Tài chính rà soát để quy định thống nhất đối tượng quản lý và phù hợp với pháp luật có liên quan.</p> <p>2/ Đề xuất bổ sung quy định hộ kinh doanh bắt buộc phải đăng ký tài khoản ngân hàng/giao dịch điện tử phục vụ riêng cho hoạt động kinh doanh. Việc áp dụng quy tắc tạo tài khoản giao dịch riêng phục vụ cho hoạt động kinh doanh giúp kiểm soát dòng tiền thuận tiện hơn.</p> <p>3/ Đề xuất bổ sung quy định liên thông đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với Hộ kinh doanh, tương tự như đăng ký doanh nghiệp, giảm thủ tục hành chính cho người nộp thuế.</p> <p>4/ Đề xuất sửa đổi nội dung quy định chi tiết về ngưỡng doanh thu của hộ kinh doanh phải áp dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền thành: “<i>Chính phủ quy định chi tiết Điều này</i>”. Việc yêu cầu các hộ kinh doanh có ngưỡng doanh thu chịu thuế phải áp dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền tại Luật Quản lý thuế (thay thế) chưa phù hợp với việc xác định hoạt động kinh doanh thực tế của hộ kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế phát sinh những đổi mới.</p> <p>5/ Theo quy định tại Nghị quyết 198/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân: “<i>Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không áp dụng phương pháp khoán thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2026</i>”. Đề nghị Bộ Tài chính bổ sung quy định về việc kê khai thuế, tần suất kê khai, mẫu tờ khai đơn giản để hộ kinh doanh dễ thực hiện.</p>	
Chính sách 4: Đổi mới phương pháp quản lý	Viện Hàn lâm Khoa	Chính sách 4: Đổi mới phương pháp quản lý đối với doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.	Tại nghị quyết số 198/2025/QH15 đã quy định từ ngày 01/1/2026 xóa bỏ hình thức khoán thuế do

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHU THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIAI TRÌNH
đối với doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.	học Xã hội VN	<p>Việc xóa bỏ chế độ thuế khoán là cần thiết và phù hợp với xu hướng hiện đại hóa quản lý tài chính công, đảm bảo công bằng, minh bạch và thúc đẩy sự phát triển bền vững của khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt là khu vực hộ kinh doanh cá thể.</p> <p>Tuy nhiên, Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính chỉ rõ: Giai đoạn đầu triển khai (2025-2026) có thể gặp trình trạng quá tải hệ thống khi hàng triệu hộ kinh doanh cùng chuyển đổi. Cần đầu tư mạnh vào hạ tầng công nghệ và đào tạo đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật. Nhiều hộ kinh doanh cũng cho biết chi phí tuân thủ quy định mới có thể dao động từ vài trăm đến hàng chục triệu đồng mỗi năm, đòi hỏi các chính sách hỗ trợ tài chính phù hợp. Tuy nhiên, dự thảo không đề cập đến các giải pháp chính sách để khắc phục nhược điểm này.</p> <p>Việc chuyển đổi từ chế độ thuế khoán sang thuế kê khai đối với kê khai đối với hộ kinh doanh cần được triển khai theo một lộ trình ba giai đoạn hợp lý, đồng thời đi kèm các hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cụ thể để đảm bảo tính khả thi và hạn chế xáo trộn trong thực tiễn. Ở giai đoạn đầu (năm 1-2), trọng tâm là chuẩn bị nền tảng và triển khai thí điểm. Nhà nước cần hoàn thiện hành lang pháp lý, cung cấp phần mềm kế toán đơn giản và hóa đơn điện tử miễn phí cho hộ kinh doanh nhỏ, đồng thời tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng ghi chép sổ sách và kê khai thuế. Hỗ trợ tài chính trong giai đoạn này bao gồm miễn phí phần mềm, hỗ trợ chi phí thiết bị đầu vào (máy tính bảng, mạng internet) và trợ cấp chi phí đào tạo cho các hộ ở vùng sâu, vùng xa. Giai đoạn hai (năm 2-4) sẽ mở rộng áp dụng thuế kê khai bắt buộc với các hộ có doanh thu ở mức nhất định nhưng cần đi kèm các ưu đãi thuế tạm thời (giảm 20-30% thuế trong năm đầu), hỗ trợ chi phí thuê kế toán và tiếp cận tín dụng vi mô ưu đãi. Về mặt kỹ thuật, cần nâng cấp hệ thống quản lý thuế tại địa phương, tích hợp nền tảng kê khai - thanh toán - nộp thuế và tiếp tục đào tạo kỹ năng tài chính - số cho hộ kinh doanh. Giai đoạn ba (năm 4-5) là giai đoạn chuẩn</p>	<p>vậy tại Luật quản lý thuế sẽ phải sửa đổi quy định về chính sách quản lý thuế đối với hộ kinh doanh để thực hiện theo phương pháp tự kê khai từ ngày 01/1/2026.</p> <p>Tại dự thảo Luật sẽ quy định mô hình quản lý thuế hộ kinh doanh cho phù hợp với đặc thù của đối tượng này.</p>

CHÍNH SÁCH VÀ ĐỀ ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ (COPY)	NỘI DUNG (COPY)	NỘI DUNG TIẾP THU, GIÁ TRỊ
		<p>hóa và kết thúc hoàn toàn chế độ thuế khoán trên toàn quốc. Trong giai đoạn này, hộ kinh doanh sẽ được tích hợp vào hệ thống quản lý thuế quốc gia như các doanh nghiệp nhỏ, được hỗ trợ công cụ kế toán điện tử tự động và tiếp tục hưởng ưu đãi thuế khi chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp. Đồng thời, Nhà nước cần hỗ trợ tài chính cho các hộ ở vùng khó khăn trong quá trình chuyển đổi và thúc đẩy chính sách bảo hiểm xã hội, tín dụng, đào tạo lao động cho các hộ đã chính thức hóa. Với lộ trình cụ thể và chính sách hỗ trợ phù hợp, việc chuyển đổi từ thuế khoán sang thuế kê khai không chỉ góp phần minh bạch hóa hệ thống thuế mà còn tạo điều kiện thuận lợi để hộ kinh doanh phát triển bền vững và hội nhập vào nền kinh tế chính thức.</p> <p>Đề nghị: Ban soạn thảo cần nhắc xem xét ban hành một lộ trình thực hiện việc chuyển đổi từ thuế khoán sang thuế kê khai theo từng giai đoạn và đi kèm với đó là các hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính phù hợp để bảo đảm tính khả thi và tác động bất lợi của chính sách.</p>	
<p>Chính sách 5: Tăng cường chức năng kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết.</p>	<p>Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội VN</p>	<p>Chính sách 5: Tăng cường chức năng kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết.</p> <p>Về tên gọi, tên chính sách cần sử dụng thống nhất, tăng cường chức năng kiểm tra thuế hay tăng cường hoạt động kiểm tra thuế.</p> <p>Kiểm tra thuế và kiểm tra giá giao dịch liên kết là hai công cụ quản lý thuế quan trọng, đóng vai trò then chốt trong việc bảo đảm tính tuân thủ, công bằng và minh bạch trong hệ thống thuế. Trong đó, kiểm tra thuế là hoạt động nhằm xác minh tính chính xác, đầy đủ và hợp pháp của các nghĩa vụ thuế đã được người nộp thuế kê khai và thực hiện, thông qua việc rà soát hồ sơ, chứng từ, sổ sách kế toán. Công cụ này giúp cơ quan thuế phát hiện kịp thời các sai sót, hành vi khai sai, trốn thuế hoặc gian lận thuế, đồng thời góp phần hướng dẫn người nộp thuế tuân thủ đúng pháp luật.</p>	<p>- Tiếp thu sửa lại tên chính sách : Kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch.</p> <p>- Ghi nhận đề nghiên cứu trong giai đoạn xây dựng nội dung chi tiết của dự thảo Luật.</p>



CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>Trong khi đó, kiểm tra giá giao dịch liên kết lại tập trung vào các giao dịch giữa các bên có quan hệ liên kết, với mục tiêu đảm bảo các giao dịch đó được thực hiện theo nguyên tắc giá thị trường độc lập. Mặc dù khác nhau về đối tượng và phương pháp tiếp cận, hai công cụ này đều phục vụ mục tiêu chung là bảo vệ nguồn thu ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý thuế, đồng thời xây dựng một môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch cho tất cả các thành phần kinh tế.</p> <p>Tuy nhiên, việc áp dụng hai công cụ quản lý thuế quan trọng là kiểm tra thuế và kiểm tra giá giao dịch liên kết cần được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc rõ ràng và minh bạch nhằm bảo đảm quyền lợi chính đáng của người nộp thuế và cần phải được thể hiện trong chính sách của Dự thảo.</p> <p>Trước hết, nguyên tắc công khai và minh bạch phải được đặt lên hàng đầu, tức là các quy định pháp luật về nội dung kiểm tra, phương pháp xác định nghĩa vụ thuế, và tiêu chí đánh giá rủi ro cần được ban hành rõ ràng, dễ hiểu và áp dụng thống nhất giữa các cơ quan thuế ở các cấp. Thứ hai, việc kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên đánh giá rủi ro và phân loại đối tượng một cách hợp lý, tránh gây phiền hà cho các doanh nghiệp nhỏ và những người nộp thuế có lịch sử tuân thủ tốt. Bên cạnh đó, người nộp thuế cần được bảo đảm quyền giải trình và tiếp cận thông tin, bao gồm quyền cung cấp chứng từ làm rõ giao dịch, quyền nhận phản hồi đầy đủ từ cơ quan thuế, và quyền khiếu nại, khởi kiện nếu không đồng ý với kết luận kiểm tra. Cơ quan thuế cũng nên thiết lập cơ chế hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn và đối thoại với người nộp thuế, đặc biệt đối với các lĩnh vực phức tạp như giá giao dịch liên kết. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, cần xem xét miễn trừ hoặc đơn giản hóa nghĩa vụ khai báo, giảm chi phí tuân thủ hành chính. Cuối cùng, việc áp dụng hai công cụ này phải đi kèm với nguyên tắc chính sách thuế ổn định, nhất quán và thân thiện, để không chỉ ngăn ngừa hành vi trốn lậu thuế mà còn tạo dựng lòng</p>	

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ CƠ QUAN	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>tin, khuyến khích tự giác tuân thủ và thúc đẩy sự phát triển bền vững của khu vực doanh nghiệp.</p> <p>Chỉ khi các công cụ quản lý thuế được áp dụng theo các nguyên tắc như vậy, quyền lợi của người nộp thuế mới thực sự được bảo đảm, và hệ thống thuế mới đạt được hiệu quả lâu dài.</p> <p>Đề nghị: Ban soạn thảo cân nhắc, bổ sung các quy định về việc bảo đảm quyền lợi cho người nộp thuế trong mối quan hệ với cơ quan thuế trong thực hiện kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết.</p>	
<p>Về thẩm quyền quyết định miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, khoanh nợ, gia hạn, nộp dần, không tính tiền chậm nộp, xóa nợ, ...</p>	<p>UBND TP Hà Nội</p>	<p><b>Về thẩm quyền quyết định các nội dung như miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, khoanh nợ, gia hạn, nộp dần, không tính tiền chậm nộp, xóa nợ, cưỡng chế nợ,...</b></p> <p>Đề nghị dự thảo Luật rà soát, quy định thống nhất thẩm quyền quyết định các nội dung trên. Thủ trưởng cơ quan thuế có quyền ban hành quyết định miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, khoanh nợ, gia hạn, nộp dần, không tính tiền chậm nộp, xóa nợ, cưỡng chế nợ... Đồng thời đề nghị bổ sung quy định chung cho phép Thủ trưởng cơ quan thuế giao quyền cho cấp phó ban hành quyết định. Hiện dự thảo Luật chưa quy định thống nhất: Điều 76 (thẩm quyền hoàn thuế) quy định <i>Cục trưởng Cục Thuế, Chi cục trưởng Chi cục Thuế, Giám đốc Thuế</i>; trong khi Điều 82a (thẩm quyền miễn, giảm thuế) lại quy định <i>Thủ trưởng cơ quan thuế các cấp</i>...</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Về thẩm quyền quyết định gia hạn nộp thuế, nộp dần tiền thuế nợ, không tính tiền chậm nộp: tiếp thu để nghiên cứu bổ sung quy định.</li> <li>- Về nội dung liên quan đến giao thẩm quyền cho cấp phó ban hành quyết định khoanh nợ (Điều 84) và cưỡng chế nợ thuế (Điều 126): tiếp thu để nghiên cứu sửa tại dự thảo Luật (Điều 84 và Điều 126).</li> <li>- Về đề xuất Thủ trưởng cơ quan thuế giao quyền cho cấp phó ban hành quyết định xóa nợ: hiện nay, thẩm quyền xóa nợ tại Luật không giao cho cơ quan thuế địa phương mà đang giao Chủ tịch UBND, Cục trưởng Cục Thuế, Bộ trưởng Bộ Tài chính có thẩm quyền xóa nợ, thủ tướng CP. Do nội dung này liên quan đến NSNN cần phải do thủ trưởng đơn vị quyết định.</li> <li>- Về thẩm quyền hoàn thuế: tiếp thu nghiên cứu sửa quy định về thẩm quyền hoàn tại Điều 76.</li> </ul>

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Về quản lý và giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến đối tượng hưởng ưu đãi, miễn trừ	Bộ Ngoại giao	<p>Về quản lý và giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến đối tượng hưởng ưu đãi, miễn trừ (UĐMT), trong đó có thủ tục xét duyệt hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT) cho các đối tượng hưởng UĐMT, gặp phải một số vướng mắc, cụ thể:</p> <p><b>1. Không có quy định về hạn mức đối với số tiền mua hàng hóa, dịch vụ được hoàn thuế GTGT:</b></p> <p>Theo quy định tại Pháp lệnh năm 1993 về quyền UĐMT dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam, các đối tượng hưởng UĐMT được miễn thuế nhập khẩu cũng như thuế và hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa phục vụ công tác, sinh hoạt. Cũng theo quy định liên quan tại Pháp lệnh, chủng loại, số lượng và khối lượng của hàng hóa nêu trên phải phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, không có quy định về hạn mức đối với số tiền mua hàng hóa, dịch vụ được hoàn thuế GTGT.</p> <p><b>2. Khó khăn trong việc xác định chủng loại hàng hóa, dịch vụ đủ điều kiện hoàn thuế GTGT:</b></p> <p>Tại khoản 20 Điều 4 Nghị định 79/2000/NĐ-CP ngày 29/12/2000 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế GTGT có quy định:</p> <p>“hàng hoá, dịch vụ bán cho đối tượng miễn trừ ngoại giao theo Pháp lệnh miễn trừ ngoại giao” không thuộc diện chịu thuế GTGT. Trên cơ sở đó, Thông tư số 08/2003/TT-BTC ngày 15/01/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện hoàn thuế GTGT đối với cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam quy định chi tiết chủng loại, định lượng hàng hóa, dịch vụ được hoàn thuế GTGT đối với các đối tượng nêu trên.</p> <p>Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 quy định chi</p>	Ghi nhận ý kiến để nghiên cứu xây dựng các văn bản dưới Luật.

CHÍNH SÁCH VÀ ĐIỀU KHOẢN	CHU THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>tiết và hướng dẫn một số điều Luật Thuế Giá trị gia tăng không có quy định hàng hóa, dịch vụ bán cho các đối tượng hưởng UĐMT không thuộc diện chịu thuế; không có Thông tư riêng hướng dẫn thực hiện Nghị định đối với các đối tượng hưởng UĐMT. Trong những năm qua, nhu cầu của các CQĐD mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam ngày càng tăng, đồng thời các loại hàng hóa, dịch vụ cũng phong phú, đa dạng hơn rất nhiều so với danh mục đính kèm Thông tư số 08/2003/TT- BTC, dẫn đến lúng túng trong việc xác định chủng loại hàng hóa, dịch vụ đủ điều kiện hoàn thuế GTGT.</p> <p><b>3. Không có quy định về số tiền đủ điều kiện hoàn thuế:</b></p> <p>Theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 (Điều 28) của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại có trách nhiệm xác nhận chi phí đầu vào thuộc diện áp dụng miễn trừ ngoại giao để được hoàn thuế. Tuy nhiên, do không có quy định về số tiền đủ điều kiện hoàn thuế cũng như không nhận được hóa đơn, chứng từ mua hàng của các cơ quan đại diện, Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại chỉ xác nhận số tiền được hoàn thuế ghi trong bảng kê do CQĐD khai, không chịu trách nhiệm với việc xác định số tiền đủ điều kiện hoàn thuế. Ngoài ra, Thông tư số 80/2021/TT-BTC chỉ đề cập đến cơ quan đại diện ngoại giao và viên chức ngoại giao trong khi đối tượng được hoàn thuế GTGT bao gồm cả các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam và các thành viên CQĐD (gồm cả các viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự, viên chức của tổ chức quốc tế và các nhân viên hành chính kỹ thuật). Do đó, đến nay Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại vẫn thực hiện xét duyệt và xác nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT</p>	

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>của các CQĐD theo quy định tại Thông tư số 08/2003/TT-BTC.</p> <p>Qua tham khảo, nhiều nước thực hiện hoàn thuế GTGT căn cứ theo chủng loại, định lượng hàng hóa, dịch vụ hoặc theo hạn mức nhất định đối với tổng số tiền mua hàng hóa, dịch vụ trong một khoảng thời gian nhất định hoặc trên cơ sở có đi, có lại.</p> <p>Trên cơ sở đó, nhằm mục đích nâng cao hiệu quả quản lý thuế, cụ thể trong công tác hoàn thuế GTGT cho đối tượng hưởng UĐMT, xin đề nghị Bộ Tài chính bổ sung vào hồ sơ dự án Luật Quản lý Thuế như sau:</p> <p><i><b>Xây dựng Thông tư hướng dẫn thực hiện hoàn thuế GTGT đối với cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam thay thế Thông tư số 08/2003/TT-BTC nhằm quy định chi tiết danh mục các hàng hóa, dịch vụ do các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam mua tại Việt Nam được hoàn thuế GTGT.</b></i></p>	
Khoản 1 Điều 2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	<p><i><b>Về Khoản 1 Điều 2</b></i></p> <p>- Nội dung dự thảo:</p> <p><i><b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b></i></p> <p><i><b>1. Người nộp thuế (NNT) bao gồm:</b></i></p> <p><i><b>a. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh, nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế</b></i></p> <p><i><b>b. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh nộp các khoản thu khác thuộc Ngân sách nhà nước</b></i></p> <p>- Góp ý: chuyển “cá nhân kinh doanh” thành “cá nhân” nói chung.</p>	Nghiên cứu tiếp thu ý kiến tham gia.

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ COPY	NỘI DUNG COPY	NỘI DUNG TIẾP THU GIẢI TRÌNH
		- Căn cứ góp ý: cá nhân không kinh doanh vẫn có trách nhiệm nộp thuế và các khoản thu khác thuộc Ngân sách Nhà nước.	
Khoản 2, Điều 2	UBND tỉnh Kiên Giang (CCTKV XX)	<p>Đối với cụm từ “cơ quan thuế”, cơ quan quản lý thuế, công chức thuế.</p> <p>Đề xuất rà soát Dự thảo để sử dụng các cụm từ này cho phù hợp với định nghĩa tại khoản 2 Điều 2. Cụ thể, tại Điều 15 Dự thảo Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Điều 11. Hiện đại hóa và chuyển đổi số toàn diện trong công tác quản lý thuế; Điều 10. Xây dựng lực lượng quản lý thuế; Tại khoản 3 Điều 134a. Cưỡng chế bằng biện pháp nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản; Tại khoản 2 Điều 76.</p>	Tiếp thu, rà soát dự thảo để sử dụng các cụm từ “cơ quan thuế”, “cơ quan quản lý thuế”, “công chức thuế” cho phù hợp với định nghĩa tại khoản 2 Điều 2.
Điều 3	UBND tỉnh Kiên Giang (CCTKV XX)	Tại Điều 3 Giải thích từ ngữ Tại Dự thảo Luật có đề xuất bổ sung 3 định nghĩa mới, gồm: “4. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp” (trang 33), “Cơ quan thuế quản lý khoản thu ngân sách nhà nước” (trang 33), “35. Cơ quan quản lý thuế trực tiếp” (trang 36). Ngoài ra, tại Điều 21 và Điều 22 Dự thảo có sử dụng cụm từ “cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp”. Các thuật ngữ trên dễ gây nhầm lẫn. Do đó, để phù hợp với định nghĩa “cơ quan quản lý thuế” tại Điều 3 và dễ phân biệt hơn, CCT đề xuất sửa đổi như sau: “4. Cơ quan thuế quản lý thuế trực tiếp là cơ quan thuế được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế...” “35. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp là cơ quan thuế có trách nhiệm quản lý, giám sát...”	Tiếp thu ý kiến tham gia.
Điều 3	UBND tỉnh Kiên Giang (CCTKV XX)	Quy định về “cá nhân kinh doanh” tại Điều 3: Tại Nhóm chính sách số 2 về phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý thuế, Dự thảo có đề xuất bổ sung quy định về “cá nhân kinh doanh” tại Điều 3 Giải thích từ ngữ và tại Khoản 1 Điều 2 quy	Tiếp thu ý kiến tham gia.

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		định về người nộp thuế đã không còn “hộ kinh doanh” mà chỉ có “cá nhân kinh doanh”. Đối với đề xuất này, CCT hoàn toàn thống nhất. Do đó, CCT đề xuất sửa đổi các Điều khoản tại Dự thảo có liên quan đến Hộ kinh doanh cho thống nhất với quy định này. Như điều 91 - Nguyên tắc áp dụng hóa đơn, điện tử, Điều 98 - Cung cấp thông tin cho người nộp thuế, định hướng sửa đổi Điều 51 và các điều khác	
Điều 3	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	<p>Đề xuất: bổ sung giải thích từ ngữ “hệ sinh thái trong quản lý thuế” để làm cơ sở pháp lý áp dụng thống nhất.</p> <p>Lý do: khái niệm “hệ sinh thái” đã được xuất hiện trong định hướng hiện đại hóa quản lý thuế tại Điều 11 Dự thảo Luật nhưng chưa có định nghĩa cụ thể trong Điều 3 của dự thảo.</p>	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.
Khoản 1 Điều 3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	<p><b>Về Khoản 1 Điều 3</b></p> <p>- Nội dung dự thảo:</p> <p><b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b></p> <p>1. Thuế là một khoản nộp NSNN bắt buộc của tổ chức, cá nhân kinh doanh theo quy định của Luật thuế</p> <p>- Góp ý:</p> <p>+ Bổ sung thêm “hộ gia đình” để thống nhất với khoản 1, Điều 2 Đối tượng áp dụng.</p> <p>+ Đổi “cá nhân kinh doanh” thành “cá nhân” nói chung.</p> <p>- Căn cứ góp ý: thống nhất với đối tượng áp dụng.</p>	Nghiên cứu tiếp thu ý kiến tham gia.

CHÍNH SÁCH VÀ ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIAI TRÌNH
Điều 3	UBND TP Hà Nội	<b>Về giải thích từ ngữ</b> 1/ Tại Điều 5a có bổ sung thêm các cụm từ mới như: “Cơ quan thuế quản lý thu”, “Cơ quan thuế tổ chức thu”, “Cơ quan thuế tổ chức hạch toán, theo dõi thu”; <b>đề nghị giải thích rõ các cụm từ này tại Điều 3 để thống nhất cách hiểu.</b>	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.
Khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 3	UBND TP Hà Nội	2/ Tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 3 quy định: “3. Trụ sở của cơ quan quản lý thuế là địa điểm nơi đặt trụ sở chính của cơ quan quản lý thuế theo quy định của Bộ Tài chính. 4. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp là cơ quan thuế được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo của cơ quan thuế hoặc Thông báo của cơ quan đăng ký kinh doanh 5. Cơ quan thuế quản lý khoản thu ngân sách nhà nước là cơ quan thuế nơi quản lý, theo dõi nghĩa vụ thuế của người nộp thuế đối với một số khoản phải thu ngân sách nhà nước mà không phải là cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế.” Các quy định nêu trên chưa phù hợp đối với người nộp thuế do Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn và Chi cục Thuế Thương mại điện tử quản lý; đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, bổ sung quy định cho phù hợp.	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.
Khoản 10 Điều 3	UBND tỉnh Tuyên Quang	<b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b> ..... 10. Hồ sơ thuế là hồ sơ đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, không thu thuế, khoan tiền thuế nợ, xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, miễn tiền chậm nộp, tiền phạt, không tính tiền chậm nộp, gia hạn nộp thuế, nộp dần tiền thuế nợ, hồ sơ hải quan; <b>Đề nghị bổ sung cụm từ: Gia hạn nộp hồ sơ khai thuế tại</b>	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng Luật.



CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p><b>khoản 10 Điều 3, cụ thể:</b></p> <p>Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p>.....</p> <p>10. Hồ sơ thuế là hồ sơ đăng ký thuế, khai thuế, <u>gia hạn nộp hồ sơ khai thuế</u>, nộp thuế, hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, không thu thuế, khoan tiền thuế nợ, xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, miễn tiền chậm nộp, tiền phạt, không tính tiền chậm nộp, gia hạn tiền thuế nợ, nộp dần tiền thuế nợ, hồ sơ hải quan;</p> <p>Lý do: Bổ sung thêm cho đầy đủ thành phần hồ sơ thuế</p>	
Khoản 35, Điều 3	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	<p><b>Tại khoản 35 Điều 3. Giải thích từ ngữ</b></p> <p>- Dự thảo:</p> <p><i>"35. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp là cơ quan thuế có trách nhiệm quản lý, giám sát và thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế thuộc phạm vi địa bàn hoặc cơ quan thuế có trách nhiệm quản lý khoản thu được phân công."</i></p> <p>- Đề xuất sửa đổi như sau:</p> <p><i>"35. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp là cơ quan thuế có trách nhiệm quản lý, giám sát và thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế thuộc phạm vi địa bàn hoặc <u>cơ quan thuế có trách nhiệm quản lý.</u>"</i></p> <p>- Lý do: Tránh gây nhầm lẫn với cơ quan thuế quản lý khoản thu ngân sách nhà nước.</p>	Nội dung đề xuất sửa không rõ nội hàm về trách nhiệm quản lý.

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ LIÊN QUAN	NỘI DUNG GỢP	NỘI DUNG TIẾP THU GIAI TRÌNH
Khoản 35 Điều 3	UBND TP Hà Nội	<p>3/Tại khoản 2 Điều 2 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định:</p> <p><i>"2. Cơ quan quản lý thuế bao gồm:</i></p> <p><i>a) Cơ quan thuế bao gồm Tổng cục Thuế, Cục Thuế, Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực;</i></p> <p><i>b) Cơ quan hải quan bao gồm Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan, Cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục Hải quan."</i></p> <p>Như vậy, cơ quan quản lý thuế bao gồm cả cơ quan thuế và cơ quan hải quan. Tuy nhiên, tại khoản 35 Điều 3 dự thảo Luật quy định:</p> <p><i>"35. Cơ quan quản lý thuế trực tiếp là cơ quan thuế có trách nhiệm quản lý, giám sát và thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế thuộc phạm vi địa bàn và/hoặc cơ quan thuế có trách nhiệm quản lý khoản thu được phân công quản lý."</i></p> <p>Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, thống nhất định nghĩa "cơ quan quản lý thuế".</p>	Nghiên cứu tiếp thu.
Khoản 4, khoản 36, Điều 3	UBND tỉnh Bình Thuận (CCTKV XV)	<p>- Tại khoản 4 Điều 3 (trang 33) dự thảo quy định: : <i>"4. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp là cơ quan thuế được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo của cơ quan thuế hoặc Thông báo của cơ quan đăng ký kinh doanh"</i>.</p> <p>Tuy nhiên, tại khoản 36, Điều 3 (trang 88) dự thảo quy định: <i>"36. Cơ quan quản lý thuế trực tiếp là cơ quan thuế có trách nhiệm quản lý, giám sát và thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế thuộc phạm vi địa bàn và khoản thu được phân công quản lý"</i>. Do đó, đề nghị gộp khoản 4 và khoản 36 thành một nội dung.</p>	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 5a	UBND tỉnh Bình Thuận (CCTKV XV)	<p>- Tại Điều 5a (trang 5) dự thảo có nội dung:</p> <p><i>"Điều 5a. Phạm vi quản lý các khoản thu ngân sách</i></p> <p><i>1. Các khoản thu do cơ quan quản lý thuế quản lý thu bao gồm: thuế (trừ thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp) và các khoản thu khác theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Luật này."</i></p> <p>Tại trang 87, khoản 2 Điều 3 dự thảo quy định về các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu. Tuy nhiên, tại trang 32, Điều 3 dự thảo bỏ quy định về các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước, thay vào đó là nội dung: <i>"2. Trụ sở của người nộp thuế là địa điểm người nộp thuế tiến hành một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bao gồm trụ sở chính, chi nhánh, của hàng, nơi sản xuất, nơi để hàng hóa, nơi để tài sản dùng cho sản xuất, kinh doanh; nơi cư trú hoặc nơi phát sinh nghĩa vụ thuế"</i>.</p>	Tiếp thu, rà soát, sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5a.
Điều 5a	UBND tỉnh Kiên Giang (CCTKV XX)	<p>Đối với quy định về phạm vi quản lý các khoản thu ngân sách Tại Nhóm chính sách 2 (Trang 5) có đề xuất bổ sung Điều 5a. phạm vi quản lý các khoản thu ngân sách. CCT đề xuất không bổ sung quy định này vào Dự thảo Luật vì tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 đã xác định rõ các khoản thu nào là do cơ quan quản lý thuế quản lý thu và khoản nào không do cơ quan quản lý thuế quản lý thu. Quản lý thu ở đây được hiểu là chỉ là hoạt động tổ chức thu. Ngoài ra, Điều 13 Dự thảo cũng đã quy định "cơ quan thuế thực hiện hạch toán kế toán các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước không do cơ quan thuế quản lý theo quy định của pháp luật kế toán và pháp luật về ngân sách nhà nước".</p>	Tiếp thu theo hướng rà soát sửa đổi, lược bỏ quy định tại khoản 3 Điều 3 để quy định tại Điều 5a cho minh bạch.

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GỢP Ý	NỘI DUNG GỢP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU GIAI TRÌNH
Điều 15	UBND tỉnh Kiên Giang (CCTKV XX)	Quy định về các khoản thu khác thuộc ngân sách Nhà nước Tại Dự thảo đã có quy định về các khoản thu khác thuộc NSNN tại Điều 3, do đó CCT đề xuất bỏ cụm từ “phí, lệ phí” tại Điều 15 Dự thảo Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ vì các khoản thu khác thuộc Ngân sách Nhà nước đã bao gồm phí, lệ phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 3.	Ghi nhận đề nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng Luật.
Khoản 1 Điều 15	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	<p>Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ</p> <p>1. Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quản lý thuế và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:</p> <p>a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành <b>văn bản quy phạm pháp luật</b> về quản lý thuế; b) ....</p> <p><b>Đánh giá khó khăn, vướng mắc:</b> Ngoài Văn bản Quy phạm pháp luật (Luật, Nghị định, Thông tư). Thì hiện nay Công tác quản lý thuế được giải quyết, xử lý vướng mắc, hướng dẫn bằng Công văn cho các trường hợp cụ thể. Do vậy Bộ Tài chính (Bao gồm Cơ quan thuế, Cơ quan hải quan) cần có thẩm quyền ban hành các Văn bản hành chính để xử lý khó khăn, vướng mắc, hướng dẫn trong lĩnh vực Quản lý thuế</p> <p><b>Đề xuất sửa đổi khoản 1a thành như sau:</b></p> <p>Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ</p> <p>1. Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quản lý thuế và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:</p>	Luật ban hành VBQPPL đã có quy định về việc ban hành công văn hướng dẫn những nội dung của Luật, do vậy cơ quan soạn thảo không tiếp thu bổ sung như đề xuất của đơn vị.

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành <u><b>văn bản quy phạm pháp luật về quản lý thuế; Văn bản hướng dẫn, xử lý khó khăn vướng mắc của người nộp thuế theo tình huống cụ thể.</b></u></p> <p>b) ....</p> <p><b>Căn cứ, lý do đề xuất:</b> Thực tế công tác quản lý thuế vừa qua Số lượng Công văn hướng dẫn của Bộ Tài chính, Tổng Cục thuế, Cục thuế các Tỉnh rất lớn do Luật Quản lý thuế không bao quát hết được các tình huống cụ thể. <b>Do vậy ngoài Văn bản Quy phạm pháp luật thì Bộ Tài chính cần có quyền hạn ban hành văn bản hành chính như Công văn, hướng dẫn, ...</b></p>	
Điểm d, khoản 2 Điều 15	UBND tỉnh Tuyên Quang	<p><b>Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ</b></p> <p>...</p> <p>đ) Chỉ đạo các đơn vị liên quan cung cấp thông tin, phối hợp với cơ quan thuế làm cơ sở xác định doanh thu đối với <b>hộ</b>, cá nhân kinh doanh để tính thuế gồm: Hệ thống giám sát hành trình các phương tiện vận tải của các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ vận tải; Hệ thống dữ liệu camera giám sát an ninh, trật tự theo từng địa bàn; Hệ thống dữ liệu về phòng cháy chữa cháy; Hệ thống cơ sở dữ liệu về cư trú của công dân.</p> <p><b>Đề nghị bỏ "hộ" tại khoản điểm d, khoản 2. Điều 15. Cụ thể:</b></p> <p>Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ</p> <p>...</p> <p>đ) Chỉ đạo các đơn vị liên quan cung cấp thông tin, phối hợp với cơ quan thuế làm cơ sở xác định doanh thu đối với cá nhân</p>	Tiếp thu, bỏ từ "hộ" tại khoản điểm d, khoản 2 Điều 15.

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GỢP Ý	NỘI DUNG GỢP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>kinh doanh để tính thuế gồm: Hệ thống giám sát hành trình các phương tiện vận tải của các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ vận tải; Hệ thống dữ liệu camera giám sát an ninh, trật tự theo từng địa bàn; Hệ thống dữ liệu về phòng cháy chữa cháy; Hệ thống cơ sở dữ liệu về cư trú của công dân.</p> <p><b>Lý do:</b> Theo tờ trình: Sửa đổi Điều 2: bỏ cụm từ “hộ kinh doanh” để xác định “Hộ kinh doanh” là “cá nhân kinh doanh” do người đại diện hộ kinh doanh thực hiện đăng ký kinh doanh và lấy số định danh cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh là mã số thuế của cá nhân kinh doanh.</p>	
Khoản 2 Điều 15	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	<p>Đề xuất bổ sung: cơ quan công an cập nhật và cảnh báo tạm hoãn xuất cảnh tích hợp trực tiếp vào ứng dụng VneID. Cụ thể:</p> <p><b>“2. Bộ Công an có trách nhiệm sau đây:</b></p> <p><i>Kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ quản lý thuế do Bộ Công an là đơn vị đầu mối quản lý; phối hợp với cơ quan quản lý thuế để kết nối, chia sẻ về thông tin của công dân, các thông tin thay đổi của công dân cho Bộ Tài chính (cơ quan thuế) tự động theo phương thức điện tử; chia sẻ, kết nối dữ liệu xuất nhập cảnh; phối hợp cập nhật và tích hợp cảnh báo tạm hoãn xuất cảnh do chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế trên nền tảng định danh điện tử quốc gia (VNeID); tiếp nhận thông tin với cơ quan quản lý thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường thủy khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng theo quy định của pháp luật; kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về các thủ tục hành chính liên quan đến xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai dành cho tổ chức và cá nhân; kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên, khoáng sản để phục vụ việc xác định mức thuế tài nguyên, khoáng sản, thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai của cơ quan nhà nước.”</i></p> <p><b>Lý do:</b> nhằm cảnh báo sớm cho người nộp thuế tiếp cận thông</p>	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tin nghĩa vụ thuế thông qua ứng dụng VneID, từ đó nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật thuế và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.	
Khoản 11 Điều 16	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	<p>- Nội dung dự thảo:</p> <p><b>“Điều 16. Quyền của người nộp thuế</b></p> <p><i>11. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, không tính tiền chậm nộp đối với trường hợp do người nộp thuế thực hiện xác định nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp thuộc ngân sách nhà nước theo văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý các khoản thu thuộc ngân sách nhà nước không do cơ quan quản lý thuế thu liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế.”</i></p> <p>- Góp ý 1: Bổ sung thêm trường hợp thực hiện theo văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền khác.</p> <p>- Căn cứ góp ý: Đối với thuế GTGT, việc xác định đối tượng không chịu thuế/thuế suất với một số hàng hoá, dịch vụ phụ thuộc vào pháp luật chuyên ngành (ví dụ như cấp tín dụng; nông, lâm, thủy sản; phần mềm...). Đối với thuế TNDN, một trong các khoản chi không được trừ là “<i>khoản chi không đáp ứng điều kiện chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật chuyên ngành</i>”. Như vậy, việc xác định nghĩa vụ thuế phụ thuộc lớn vào pháp luật chuyên ngành, do các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền hướng dẫn (Ngân hàng Nhà nước, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ,...). Do đó, khi NNT thực hiện theo văn bản hướng dẫn của các cơ quan này liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế, NNT cũng cần được đảm bảo quyền không bị xử phạt vi phạm hành chính (VPHC) về</p>	<p>- Ý kiến 1: Việc xác định nghĩa vụ thuế phải do cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quản lý các khoản thu thuộc NSNN mới bảo đảm đúng chức năng. Pháp luật chuyên ngành là cơ sở để xác định bản chất của hàng hóa và dịch vụ còn việc xác định nghĩa vụ thuế phải theo quy định của pháp luật thuế, quản lý thuế. Do vậy, cơ quan soạn thảo không tiếp thu đề xuất này.</p> <p>- Ý kiến 2: Tiếp thu sửa lại thành “văn bản hành chính”</p> <p>- Ý kiến 3: do đã tiếp thu sửa thành “văn bản hành chính” thì không cần phải quy định về điều kiện của văn bản. Mặt khác, theo nguyên tắc áp dụng pháp luật, hành vi xảy ra tại thời điểm nào thì áp dụng văn bản có hiệu lực tại thời điểm đó.</p>

CHÍNH SÁCH VÀ ĐỀ ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIÁN TRINH
		<p>thuế.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Góp ý 2:</i> Đề nghị rà soát lại thuật ngữ “văn bản hướng dẫn” cho thống nhất với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</li> <li>- <i>Căn cứ góp ý:</i> Theo Điều 61 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025 quy định về hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), cơ quan, người có thẩm quyền ban hành VBQPPL xem xét, hướng dẫn áp dụng đối với VBQPPL do mình ban hành bằng văn bản hành chính.</li> <li>- <i>Góp ý 3:</i> Đề nghị giao Chính phủ quy định cụ thể về điều kiện của văn bản hướng dẫn quy định tại khoản này.</li> <li>- <i>Căn cứ góp ý:</i> Hiện nay, mức độ việc xem xét có thể căn cứ vào văn bản hướng dẫn nào để xác định hướng dẫn trong văn bản của cơ quan nhà nước có thể chỉ dừng ở mức chung chung và yêu cầu NNT tự xác định. Một số văn bản có nội dung hướng dẫn tổng quát cho ngành/lĩnh vực nhưng không gửi cho từng doanh nghiệp trong ngành đó mà chỉ gửi cho VCCI, hội/hiệp hội hoặc chỉ cục thuế. Một số văn bản có căn cứ hướng dẫn đã hết hiệu lực nhưng phần nội dung được căn cứ không thay đổi từ Luật cũ sang Luật mới. Điều này tạo ra nhiều vướng mắc cho NNT trong nghĩa vụ thuế. Do đó, cần quy định cụ thể về điều kiện của văn bản hướng dẫn để được áp dụng quyền tại khoản 11 (ví dụ quy định rõ về thời điểm ban hành, căn cứ ban hành, đối tượng nhận văn bản, nội dung hướng dẫn...).</li> </ul>	
Khoản 15 Điều 16,	Ủy ban TU MTTQ VN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại khoản 15, Điều 16. Quyền của người nộp thuế, bỏ cụm từ “ưu tiên” trong khổ: “Người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế được <u>ưu tiên</u> trong thực hiện thủ tục hành chính thuế...” Vì việc cắt giảm thủ tục hành chính là rất cần thiết và là cắt giảm chung, quy định chung về thủ tục hành chính cho mọi đối tượng nộp thuế, không nên quy định chỉ “<i>Người nộp thuế tuân thủ pháp luật thuế</i>” mới được “<u>ưu tiên</u> trong việc thực hiện thủ tục hành chính</li> </ul>	<p>Quy định về thủ tục ưu tiên (kê khai, nộp thuế, địa điểm nộp hồ sơ khai thuế...) đối với đối tượng người nộp thuế doanh nghiệp lớn phù hợp với thông lệ quốc tế. Các nước trong khu vực và trên thế giới đều có quy định ưu tiên đối với các doanh nghiệp tuân thủ pháp luật trong thực hiện thủ tục thuế. Ngoài ra, việc ưu tiên giảm thủ tục</p>



CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thuế theo quy định của Chính phủ". Nếu người không tuân thủ tốt pháp luật về thuế thì sẽ có chế tài xử lý khác (xử phạt hành chính, tạm xuất nhập cảnh, cưỡng chế...). Người tuân thủ tốt thì được khen thưởng chứ không nên quy định được ưu tiên trong thực hiện thủ tục hành chính thuế như dự thảo.	hành chính cho các doanh nghiệp này không chỉ giúp giảm gánh nặng hành chính, giảm nguồn lực quản lý của cơ quan thuế, góp phần thúc đẩy tuân thủ, quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả thu ngân sách nhà nước. Do đó, cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên khoản 15 Điều 16 Dự thảo Luật Quản lý thuế (thay thế).
Khoản 15 Điều 16	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội VN	<p>Quy định quyền được ưu tiên thực hiện thủ tục hành chính thuế trong trường hợp là người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế (khoản 15 Điều 16) để khuyến khích tăng tính tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế. Về nội dung này chúng tôi có mấy ý muốn làm rõ thêm như sau:</p> <p>Đề nghị:</p> <p>Thứ nhất, cần chỉ rõ hơn là nội dung ưu tiên trong thủ tục hành chính ở đây là gì (về thời gian thực hiện thủ tục, hay về loại hình thủ tục, hay là các mức độ thực hiện ít nhiều của thủ tục ...). Vì mục tiêu của chính sách là để cải cách thủ tục hành chính thuế, cắt giảm bớt các thủ tục sao cho ngắn gọn và hiệu quả nhất. Vậy thì nếu cá nhân tuân thủ tốt pháp luật thuế lại được khuyến khích bằng cách ưu tiên thực hiện thủ tục hành chính (có nghĩa là thủ tục vẫn có thể được tinh gọn/tiết chế lại mà vẫn đảm bảo yêu cầu), thì những thủ tục mà những người nộp thuế thông thường phải tuân thủ đã tối ưu chưa? Liệu trong trường hợp này có giải pháp nào khác để khuyến khích người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế không (chẳng hạn giải pháp khuyến khích về tài chính)?</p> <p>Thứ hai, cần chỉ rõ người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế là gì? Tiêu chí để xác định việc tuân thủ tốt pháp luật thuế? Liệu có sự phân biệt giữa tuân thủ tốt và tuân thủ pháp luật không? Nếu có thì ranh giới này là gì? Từ đó thì việc xác định ưu tiên với</p>	<p>Cơ quan soạn thảo đề xuất bổ sung nguyên tắc trong Luật để quy định về thủ tục ưu tiên đối với các doanh nghiệp lớn có lịch sử tuân thủ pháp luật cao. Theo đó, quy định nguyên tắc tại khoản 15 Điều 16 dự thảo Luật sẽ tạo tiền đề để Cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan nghiên cứu kinh nghiệm, thông lệ quốc tế tốt tại một số quốc gia như Hàn Quốc, Newzealand,... đề xuất quy định về các thủ tục ưu tiên đối với nhóm người nộp thuế có đóng góp đáng kể cho NSNN cũng như có lịch sử tuân thủ pháp luật thuế tốt như: ưu tiên về thủ tục về kê khai (giảm tần suất kê khai chuyển từ tháng sang quý hoặc năm, kê khai tập trung thay vì phân tán,...); áp dụng hoàn trước kiểm tra, ưu tiên hoàn thuế; xây dựng cơ chế hỗ trợ rà soát, soát xét hồ sơ khai thuế trước thời hạn quyết toán thuế,...</p> <p>- Cơ quan soạn thảo sẽ đề xuất giao Chính phủ hoặc Bộ Tài chính quy định về tiêu chí phân loại người nộp thuế ưu tiên, các tiêu chí này thông thường sẽ dựa vào cả các tiêu chí định lượng và định tính, ví dụ như tiêu chí định lượng theo quy mô (dựa theo doanh thu, tài sản, vốn chủ sở hữu, lợi nhuận và số nộp NSNN) và tiêu chí định tính</p>

CHÍNH SÁCH / AN ĐỀ ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ COPY	NỘI DUNG COPY	NỘI DUNG TIẾP THU, GIAI TRÌNH
		người tuân thủ tốt sẽ rõ ràng hơn.	về tính tuân thủ pháp luật tốt như không bị xử hình sự về tội trốn thuế, không thuộc diện điều tra về các tội phạm hình sự liên quan đến kinh tế,...
Khoản 15 Điều 16	Thanh tra Chính phủ	- Trang 1 dự thảo Bản thuyết minh có nội dung: “Điều 16: Quyền của người nộp thuế”, Bổ sung khoản mới: “15. Người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế được ưu tiên trong thực hiện thủ tục hành chính thuế theo quy định của Chính phủ”. Thời điểm hiện tại chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào do Chính phủ ban hành có nội dung này. Để đảm bảo tính đồng bộ, Thanh tra Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc, đề xuất Chính phủ giao cơ quan có thẩm quyền tham mưu việc ban hành quy định có liên quan.	Nội dung này là nội dung mới tại Luật, được đề xuất đưa vào dựa trên thông lệ và kinh nghiệm quốc tế. Thực tiễn tại Việt nam Luật Hải quan cũng có quy định chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp (Mục 2 Luật số 54), trên cơ sở đó, Cơ quan Thuế tham khảo, đề xuất đưa nội dung mang tính nguyên tắc về chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp tại Luật và giao Chính phủ quy định các cơ chế, thủ tục ưu tiên tạo điều kiện cho các DN trong việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN.
Điều 17	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	Tại Điều 17. Trách nhiệm của người nộp thuế - Đề xuất:  Bổ sung trách nhiệm: Người nộp thuế là tổ chức có đủ điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế phải thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan quản lý thuế theo quy định của Luật này và pháp luật về giao dịch điện tử, trong việc cung cấp dữ liệu, hạch toán điện tử cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý.  - Lý do: Theo tinh thần chỉ đạo tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và các chủ trương, đường lối khác của Đảng về triển khai khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Nghị quyết số 68-NQ-TW, thanh kiểm tra trên môi trường điện tử, hạn chế kiểm tra tại doanh nghiệp.	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng Luật.
Khoản 12, Điều 17	Ngân hàng TMCP Ngoại	- Nội dung dự thảo:  “Điều 17. Trách nhiệm của người nộp thuế 12. Người nộp thuế có trách nhiệm sử dụng hàng hoá, dịch vụ	Thuế GTGT là thuế gián thu nên người chịu thuế là người mua hàng hóa, dịch vụ còn người nộp thuế là người bán hàng. Do vậy, cơ quan soạn

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHU THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	thương VN	<p>thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, giảm thuế theo đúng mục đích quy định của pháp luật thuế. Trường hợp sử dụng không đúng mục đích hoặc thay đổi mục đích sử dụng so với ban đầu đã kê khai với cơ quan thuế, người nộp thuế phải kê khai nộp tiền thuế, tiền chậm nộp và xử phạt VPHC trong lĩnh vực thuế theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật quản lý thuế”</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Góp ý: Sửa đổi cụm từ “người nộp thuế” thành “người mua”.</li> <li>- Căn cứ góp ý: Đối với thuế GTGT, NNT là người bán, người sử dụng hàng hoá, dịch vụ (HHDV) là người mua. Người bán không thể kiểm soát được việc sử dụng HHDV của người mua nên không thể yêu cầu người bán phải nộp bổ sung tiền thuế khi người mua thay đổi mục đích sử dụng.</li> </ul>	<p>thảo đề nghị không sửa cụm từ “người nộp thuế” thành “người mua”.</p>
Khoản 3 Điều 18	Ủy ban TƯ MTTQ VN	<p>Tại Điều 18, khoản 3. Nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế, nên thêm nhiệm vụ (nội dung gạch chân) “<u>hỗ trợ, hướng dẫn</u> người nộp thuế thực hiện chuyển đổi số trong kê khai, nộp thuế”.</p>	<p>Tiếp thu để quy định tại khoản 3 điều 18 được bao quát nhiệm vụ của cơ quan thuế. Do nhiệm vụ cụ thể của cơ quan quản lý thuế để hỗ trợ NNT phối hợp thực hiện các giải pháp chuyển đổi số trong quản lý thuế đang được quy định tại Điều 8, Điều 9.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm a, khoản 7, Điều 8 về Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đã quy định: “7. Cơ quan quản lý thuế tổ chức hệ thống thông tin điện tử có trách nhiệm sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>a) <u>Hướng dẫn, hỗ trợ để người nộp thuế, tổ chức cung cấp dịch vụ về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, ngân hàng và các tổ chức liên quan thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;</u>”</li> <li>- Điểm c, khoản 4, Điều 9 về Quản lý rủi ro trong quản lý thuế đang đề xuất quy định: “c) Cơ</li> </ul> </li> </ul>

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ COPY	NỘI DUNG COPY	NỘI DUNG TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
			quan quản lý thuế sử dụng kết quả đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người nộp thuế và kết quả phân loại mức độ rủi ro trong quản lý thuế để áp dụng các chương trình tuân thủ tự nguyện, tuân thủ tổng thể để hỗ trợ người nộp thuế tuân thủ pháp luật thuế và các biện pháp quản lý thuế phù hợp.”
khoản 13 Điều 18	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội VN	<p>Quy định cơ quan thuế sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú và cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân để giải quyết TTHC khi các loại giấy tờ về lai lịch, nhận dạng, cư trú của công dân đã được bãi bỏ bởi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú và cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân (khoản 13 Điều 18) để giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế.</p> <p>Đề nghị: Cần thống nhất cách sử dụng thuật ngữ giữa các văn bản pháp luật.</p> <p>Theo đó, cụm từ cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân nên được dùng là cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước/hoặc là cơ sở dữ liệu căn cước. Điều này sẽ đảm bảo thống nhất với Luật căn cước 2023 khi luật này đã không còn sử dụng thuật ngữ “căn cước công dân”. Điều 1, Điều 3 và các điều khoản khác của Luật căn cước 2023 quy định về “cơ sở dữ liệu căn cước”, thẻ căn cước, cơ quan quản lý căn cước ... đã không còn sử dụng từ “công dân” đi kèm với thuật ngữ “căn cước”.</p>	Tiếp thu, sửa cụm từ “căn cước công dân” thành “căn cước” tại khoản 13 Điều 18.
Khoản 13 Điều 18	UBND tỉnh Tuyên Quang	<p>Đề nghị sửa từ: Căn cước công dân, thành căn cước, cụ thể: “Điều 18. Nhiệm vụ của cơ quan thuế</p> <p>Bổ sung khoản mới 13. cơ quan thuế có trách nhiệm sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú và cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước trên cơ</p>	Tiếp thu, sửa cụm từ “căn cước công dân” thành “căn cước” tại khoản 13 Điều 18.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIAI TRÌNH
		<p>sở trao đổi, cung cấp thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại Điều 30 Luật Quản lý thuế để giải quyết thủ tục hành chính cho người nộp thuế”</p> <p><b>Lý do:</b> Bổ sung theo từ ngữ quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Căn cước ngày 27/11/2023.</p>	
Điều 19	UBND tỉnh Quảng Ngãi (CCTKV XII)	<p>Đối với các nội dung bổ sung quy định cơ quan thuế sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú và cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân để giải quyết thủ tục hành chính (Điều 18) để giảm thiểu chi phí tuân thủ cho người nộp thuế; sửa đổi, bổ sung quy định người nộp thuế không phải cung cấp thêm thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế lần đầu (Điều 31) khi đã có thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia để giảm thủ tục hành chính: <i>Đề nghị bổ sung nội dung cơ quan thuế có quyền yêu cầu người nộp thuế cung cấp thông tin có trong cơ sở dữ liệu quốc gia trong trường hợp không tra cứu được thông tin do lỗi kỹ thuật, tránh chậm trễ trong công tác giải quyết thủ tục hành chính.</i></p>	Nghiên cứu tiếp thu trong giai đoạn xây dựng nội dung chi tiết của dự thảo Luật.
Khoản 2 Điều 27	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	<p><b>Về Khoản 2 Điều 27 (về nội dung cung cấp số hiệu tài khoản)</b></p> <p><i>Nội dung dự thảo:</i></p> <p><b>“Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ chức tín dụng</b></p> <p><b>2. Tổ chức tín dụng cung cấp thông tin về số hiệu tài khoản thanh toán theo mã số thuế hoặc số định danh cá nhân của người nộp thuế khi cấp mới, thay đổi, đóng tài khoản tại tổ chức tín dụng, cung cấp giao dịch thanh toán qua ngân hàng của người nộp thuế cho cơ quan quản lý thuế theo yêu cầu bằng phương thức điện tử. Thời hạn cung cấp thông tin theo quy định của Chính phủ”.</b></p>	<p>- Ý kiến 1: Tiếp thu để phù hợp với thuật ngữ theo quy định của NHNN.</p> <p>- Ý kiến 2: Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật vì còn liên quan đến khả năng lưu trữ của hệ thống.</p>

CHÍNH SÁCH VÀ ĐỀ ĐIỀU KHOẢN	CHU THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>- <i>Góp ý 1:</i></p> <p>Đề nghị sửa “cấp mới” thành “mở”; đồng thời làm rõ chủ thể thực hiện là NNT. Cụ thể, sửa thành: “... <i>khi người nộp thuế mở, thay đổi, đóng tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng.</i>”</p> <p>- <i>Căn cứ góp ý:</i></p> <p>Thông tư 17/2024/TT-NHNN sử dụng thuật ngữ là “mở” tài khoản thanh toán.</p> <p>- <i>Góp ý 2:</i></p> <p>Đề nghị bổ sung thêm hình thức cung cấp số hiệu tài khoản: Cục Thuế kết nối với hệ thống thông tin của TCTD để truy vấn khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trong phạm vi giới hạn được quy định bởi luật (MST và số hiệu tài khoản của khách hàng).</p> <p>- <i>Căn cứ góp ý:</i></p> <p>Theo quy định tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP, định kỳ hàng tháng, TCT gửi MST cho NHTM. NHTM thực hiện xử lý để lấy thông tin số hiệu tài khoản tương ứng và cung cấp cho Cục Thuế. Quy định này dẫn tới luồng xử lý phức tạp tại các NHTM: tổng hợp MST vào cơ sở dữ liệu (CSDL), đối chiếu để tổng hợp thông tin số hiệu tài khoản (STK) tương ứng, so sánh với thông tin STK đã cung cấp, tổng hợp các thông tin khác biệt so với kỳ trước và cung cấp cho Cục Thuế. Ngoài ra, một số trường hợp Cục Thuế cung cấp thiếu MST cho các NHTM dẫn tới NHTM không cung cấp STK cho Cục Thuế. Các khách hàng không được cung cấp STK sẽ bị cơ quan thuế từ chối hoàn thuế GTGT.</p> <p>Việc NHTM cung cấp toàn bộ STK của khách hàng có MST tại NHTM theo hướng cho phép Cục Thuế chủ động truy vấn vừa đảm bảo NHTM thực hiện xử lý đơn giản (chỉ cần cung cấp 1 lần ban đầu và các STK mở mới/đóng trong kỳ), vừa đảm bảo</p>	

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	VCB	<p>Cục Thuế có đầy đủ STK phục vụ công tác quản lý thuế.</p> <p><i>Về Khoản 2 Điều 27 (về nội dung cung cấp giao dịch thanh toán)</i></p> <p>- Nội dung tại dự thảo:</p> <p><b>"Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ chức tín dụng</b></p> <p>2. Tổ chức tín dụng cung cấp thông tin về số hiệu tài khoản thanh toán theo mã số thuế hoặc số định danh cá nhân của người nộp thuế khi mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, <u>cung cấp giao dịch thanh toán qua ngân hàng của người nộp thuế cho cơ quan quản lý thuế theo yêu cầu bằng phương thức điện tử</u>. Thời hạn cung cấp thông tin theo quy định của Chính phủ".</p> <p>- Góp ý 1: Đề nghị bổ sung quy định: TCTD không phải chịu trách nhiệm trong trường hợp cơ quan quản lý thuế thực hiện sai quy định của pháp luật về yêu cầu cung cấp thông tin (TCTD không có trách nhiệm kiểm tra tính đúng đắn, chính xác yêu cầu của cơ quan quản lý thuế); đồng thời, quy định rõ hoặc giao Chính phủ quy định rõ hồ sơ, tài liệu cơ quan thuế gửi cho TCTD là những hồ sơ nào.</p> <p>- Căn cứ góp ý: Tại Khoản 3 Điều 13 Luật TCTD 2024: "<i>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng</i>". Như vậy, yêu cầu cung cấp thông tin (bao gồm hồ sơ, tài liệu) phải được luật định. Bên cạnh đó, do thông tin yêu cầu ngày càng nhiều để phục vụ quản lý thuế, để TCTD có thể cung cấp nhanh chóng, kịp thời, đề nghị không quy định/miễn trách nhiệm của TCTD phải kiểm tra các yêu cầu cung cấp của cơ quan thuế (về thẩm quyền, về mục</p>	<p>- Góp ý 1: Nội dung quy định tại Điều 27 là phù hợp với Khoản 3 Điều 13 Luật các tổ chức tín dụng. Yêu cầu của cơ quan thuế chỉ là công văn hành chính trong đó nêu rõ yêu cầu cung cấp thông tin gì tùy theo từng trường hợp cụ thể do vậy, không cần thiết phải quy định rõ hồ sơ nào.</p> <p>Đây là Luật quản lý thuế nên nội dung quy định tại Luật là bảo đảm có cơ sở pháp lý cho cơ quan thuế khi yêu cầu cung cấp thông tin.</p> <p>- Góp ý 2: Tiếp thu sửa đề minh bạch</p> <p><u>....cung cấp giao dịch thanh toán qua ngân hàng của người nộp thuế cho cơ quan quản lý thuế khi nhận được yêu cầu bằng phương thức điện tử từ cơ quan quản lý thuế</u></p> <p>- Góp ý 3: Nghiên cứu tiếp thu.</p>

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>dịch,...).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Góp ý 2:</i> Đề nghị bổ sung rõ chủ thể yêu cầu cung cấp thông tin giao dịch thanh toán là cơ quan thuế hay cơ quan khác.</li> <li>- <i>Căn cứ góp ý:</i> Dự thảo mới chỉ đưa ra đối tượng được cung cấp thông tin là cơ quan thuế nhưng chưa làm rõ chủ thể có quyền yêu cầu cung cấp là cơ quan nào. Luật TCTD 2024 chỉ cho phép TCTD cung cấp thông tin khi có “<i>yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật</i>”. Do đó, tại Luật cần làm rõ cơ quan có thẩm quyền là cơ quan nào.</li> <li>- <i>Góp ý 3:</i> Đề nghị bổ sung quy định cơ quan thuế có trách nhiệm sử dụng và bảo mật thông tin khách hàng do ngân hàng cung cấp theo đúng quy định của pháp luật.</li> <li>- <i>Căn cứ góp ý:</i> Theo quy định tại khoản 4, Điều 4, Nghị định 117/2018/NĐ-CP: “<i>Cơ quan nhà nước, tổ chức khác, cá nhân phải giữ bí mật thông tin khách hàng, sử dụng thông tin khách hàng đúng mục đích khi yêu cầu cung cấp thông tin và không được cung cấp cho bên thứ ba mà không có sự chấp thuận của khách hàng, trừ trường hợp cung cấp theo quy định của pháp luật.</i>” Để tăng cường trách nhiệm của cơ quan thuế trong sử dụng thông tin, cần có quy định rõ ràng tại Luật.</li> </ul>	
Khoản 3 Điều 27	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	<p><b>Về Khoản 3 Điều 27</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Nội dung hiện tại trong Luật Quản lý thuế năm 2019:</i>  <b>“Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ chức tín dụng</b>  3. <i>Khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử có phát sinh thu nhập từ Việt Nam.</i>”</li> <li>- <i>Góp ý:</i> Đề nghị xem xét bỏ quy định NHTM phải thực hiện</li> </ul>	<p>Nghiên cứu tiếp thu vì hiện nay pháp luật thuế không quy định nhiệm vụ tổ chức tín dụng khấu trừ nộp thuế thay thuế của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử có phát sinh thu nhập từ Việt Nam.</p> <p>Đồng thời lưu ý khi xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật.</p>



CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp theo quy định pháp luật về thuế của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử có phát sinh thu nhập từ Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Căn cứ góp ý</i></li> <li>- Thứ nhất, theo quy định tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP, TCT công bố tên, địa chỉ website của nhà cung cấp ở nước ngoài chưa đăng ký thuế để NHTM khấu trừ, nộp thuế thay. Tuy nhiên, các NHTM chỉ thực hiện lệnh chuyển tiền căn cứ trên yêu cầu của khách hàng. Lệnh chuyển tiền chỉ có tên, số tài khoản của người thụ hưởng và ngân hàng người hưởng mở tài khoản, không yêu cầu thông tin website của người thụ hưởng. Do đó, thông tin website mà TCT cung cấp hoàn toàn không thể sử dụng được để xác định người thụ hưởng có thuộc đối tượng phải khấu trừ thuế hay không. Bên cạnh đó, các nhà cung cấp nước ngoài đến từ các quốc gia khác nhau có thể có tên trùng nhau. Trường hợp chỉ xác định đối tượng phải khấu trừ theo thông tin duy nhất là tên có thể dẫn tới việc khấu trừ không đúng đối tượng.</li> <li>Thứ hai, NHTM không tham gia vào giao dịch mua bán, do đó không nắm được bản chất giao dịch và không có đầy đủ thông tin để xác định được đúng ngành kinh doanh để khấu trừ theo các tỷ lệ quy định. Hiện nay, các quốc gia phát triển như Hoa Kỳ, Australia,... và Liên minh Châu Âu đều không có quy định NHTM thực hiện khấu trừ thuế đối với bên bán nước ngoài. Thông lệ được OECD khuyến nghị là các nền tảng số (digital platforms) thực hiện khai, nộp thuế thay cho người bán trong hoạt động TMĐT. Tại khoản 5 Điều 6 Luật số 56/2024/QH15 có quy định sửa đổi Điều 42 của Luật Quản lý thuế 2019 như sau: “4. Đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp ở nước ngoài thì nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp</li> </ul>	

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>thuế tại Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.”</p> <p>Như vậy, việc quy định NHTM thực hiện khấu trừ thuế tại Luật Quản lý thuế 2019 là thiếu khả thi, chưa phù hợp với thông lệ quốc tế.</p>	
Khoản 6, Điều 27	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	<p><b>Về Khoản 6, Điều 27</b></p> <p>- Nội dung tại dự thảo:</p> <p>“6. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế, người nộp thuế thế chấp cho TCTD để làm TSBĐ các khoản vay nhưng chưa kê khai, nộp thuế cho cơ quan hải quan, TCTD xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì TCTD có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế liên quan đến tài sản thế chấp thay cho người nộp thuế.”</p> <p>- Góp ý 1: Đề nghị sửa “tài sản thế chấp” thành “tài sản bảo đảm”</p> <p>Căn cứ góp ý: Đảm bảo phù hợp với Luật TCTD 2024 và Bộ luật Dân sự.</p> <p>- Góp ý 2: Đề nghị chỉ quy định TCTD có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế liên quan đến tài sản thế chấp thay cho NNT khi vẫn còn tiền sau khi đã phân chia theo khoản 1 Điều 199 Luật TCTD 2024. Trường hợp có quy định khác với Điều 199 này thì phải quy định sửa Điều 199.</p> <p>Căn cứ góp ý: Khoản 1 Điều 199 Luật TCTD 2024 quy định đã quy định rõ về thứ tự phân chia số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm. Trong đó, không có quy định về việc dùng số tiền này để nộp thuế nhập khẩu. Để tránh mâu thuẫn, chồng chéo giữa các Luật, trường hợp có quy định khác với Luật hiện hành, đề nghị có quy định sửa đổi Luật hiện hành.</p>	<p>- Góp ý 1: Tiếp thu, sửa “tài sản thế chấp” thành “tài sản bảo đảm”.</p> <p>- Góp ý 2: Nghiên cứu tiếp thu để thống nhất với thứ tự ưu tiên khi bán tài sản bảo đảm tại Điều 199 Luật các Tổ chức tín dụng.</p>

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Khoản 3 Điều 30	Tập đoàn công nghiệp - viên thông quân đội	<p>Điều 30. Đăng ký thuế</p> <p>3. Việc cấp mã số thuế được quy định như sau:</p> <p>a) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác được cấp 01 mã số thuế duy nhất để sử dụng trong suốt quá trình hoạt động.....</p> <p>c) Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khấu trừ, nộp thuế thay được cấp mã số thuế nộp thay để thực hiện khai thuế, nộp thuế thay cho người nộp thuế;</p> <p><b>Đề xuất bổ sung thêm MST sử dụng kê khai thuế tối thiểu toàn cầu.</b></p> <p>Như vậy Doanh nghiệp có thể được cấp 3 MST</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- MST theo đăng ký doanh nghiệp</li> <li>- MST nộp thay (Ví dụ nộp thay Nhà thầu nước ngoài)</li> <li>- MST kê khai Thuế tối thiểu toàn cầu.</li> </ul> <p>Lý do: Đề xuất bổ sung để bao hàm cả các quy định của Thuế tối thiểu toàn cầu sắp ban hành.</p>	Ghi nhận đề nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng Luật.
Khoản 3 Điều 33	Tập đoàn công nghiệp - viên thông quân đội	<p>Điều 33. Đăng ký thuế lần đầu</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập có trách nhiệm đăng ký thuế thay cho cá nhân có thu nhập chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế trong trường hợp cá nhân chưa có mã số thuế; đăng ký thuế thay cho người phụ thuộc của người nộp thuế chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đăng ký giảm trừ gia cảnh theo quy định của pháp luật trong trường hợp người phụ thuộc chưa có mã số thuế.</p> <p><b>Đề xuất bỏ khoản 3, không cần sửa đổi nội dung do nội dung này không cần thiết nữa.</b></p> <p>Lý do: Theo quy định của thông tư 86/2024/TT-BTC về đăng ký thuế, từ ngày 01/07/2025 Hộ gia đình, cá nhân sẽ sử dụng thống nhất Mã định danh làm/thay thế MST. Do vậy tất cả cá nhân đều có MST ngay từ lúc được cấp Mã định danh =&gt; Tổ</p>	Cơ quan thuế không có sẵn dữ liệu số định danh cá nhân của tất cả cá nhân trong hệ thống thuế, do đó thủ tục đăng ký thuế lần đầu là cần thiết để xác định danh tính của người nộp thuế. Đối với người Việt Nam, cần phải kê khai các thông tin họ và tên, số định danh cá nhân, ngày tháng năm sinh, điện thoại liên hệ, CQT sẽ thực hiện truy vấn thông tin trong CSDLQGDC đảm bảo khớp đúng (có tồn tại) mới thực hiện sử dụng số định danh cá nhân làm mã số thuế. Đối với người nước ngoài, cá nhân phải kê khai các thông tin về họ và tên, giấy tờ pháp lý của cá nhân, địa chỉ liên lạc...để CQT có đủ thông tin cấp MST cho NNT thực hiện kê khai nộp thuế.

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>chức chỉ trả thu nhập không cần đăng ký thuế thay cá nhân để khấu trừ thuế khi chỉ trả thu nhập.</p> <p>(Hiện mới ở bước xây dựng Dự án Luật Quản lý thuế (thay thế), còn trải qua nhiều bước nên đến 01/07/2025 thì quy định điều này sẽ trở nên không còn phù hợp).</p>	<p>Ngoài ra, thủ tục đăng ký thuế lần đầu đối với người phụ thuộc còn bao gồm cả thông tin đăng ký giảm trừ gia cảnh của người phụ thuộc.</p>
Khoản 1 Điều 34	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	<p><b>Điều 34. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế</b></p> <p>1. Cơ quan thuế cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế cho người nộp thuế trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký thuế của người nộp thuế theo quy định. Thông tin của giấy chứng nhận đăng ký thuế bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tên người nộp thuế;</li> <li>b) Mã số thuế;</li> <li>c) Số, ngày, tháng, năm của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh; số, ngày, tháng, năm của quyết định thành lập đối với tổ chức không thuộc diện đăng ký kinh doanh; thông tin của giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân không thuộc diện đăng ký kinh doanh;</li> <li>d) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp.</li> </ul> <p><b>Đánh giá khó khăn vướng mắc:</b> Thực tế hiện nay Giấy chứng nhận đăng ký thuế cũng không còn được sử dụng trong các thủ tục hành chính về thuế. Đối với các Doanh nghiệp chỉ có Giấy chứng nhận ĐKKD, không còn Giấy chứng nhận đăng ký thuế.</p> <p><b>Đề xuất bỏ thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế và kiến nghị bỏ yêu cầu Người nộp thuế cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong các thủ tục hành chính có liên quan (nếu có).</b></p> <p><b>Căn cứ, lý do:</b> Thủ tục này không cần thiết. Khi ứng dụng các</p>	<p>Quy định này chỉ áp dụng đối với đối tượng không liên thông và hiện nay Giấy chứng nhận đã được cấp dưới dạng điện tử nên thuận tiện cho NNT sử dụng.</p> <p>Đối với đối tượng liên thông thì cơ quan thuế đã không cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế, mà Giấy chứng nhận ĐKKD đồng thời là Giấy chứng nhận ĐKT.</p>

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHU THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hệ thống điện tử thì Thông tin người nộp thuế đã được cập nhật trên hệ thống Dữ liệu của ngành thuế. Mọi đối tượng có liên quan, hoặc có quan tâm đều có thể dễ dàng tra cứu trên các phương tiện điện tử. Đề xuất này nhằm cải cách, giảm bớt thủ tục hành chính.	
Khoản 2, Điều 35	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	<p><b>Tại khoản 2 Điều 35. Sử dụng mã số thuế</b></p> <p>- Dự thảo:</p> <p><i>"2. Người nộp thuế phải cung cấp đầy đủ, chính xác mã số thuế cho tổ chức, cá nhân thực hiện khấu trừ nộp thuế thay hoặc khai thay, nộp thuế thay; cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc ghi mã số thuế trên hồ sơ khi thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông với cơ quan quản lý thuế."</i></p> <p>- Đề xuất sửa đổi, bổ sung như sau:</p> <p><i>"2. Người nộp thuế phải cung cấp đầy đủ, chính xác mã số thuế <u>của người nộp thuế và người phụ thuộc</u> cho tổ chức, cá nhân thực hiện khấu trừ nộp thuế thay hoặc khai thay, nộp thuế thay; cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc ghi mã số thuế trên hồ sơ khi thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông với cơ quan quản lý thuế."</i></p> <p>- Lý do: Điều chỉnh này nhằm làm rõ trách nhiệm của người nộp thuế trong việc cung cấp mã số thuế cho cơ quan chi trả thu nhập để thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân và bổ sung cơ sở pháp lý để quy trách nhiệm các trường hợp đăng ký giảm trừ gia cảnh người phụ thuộc sai dẫn đến mất quyền lợi của các cá nhân khác.</p>	<p>Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng luật (khoản 2 Điều 35):</p> <p>2. Người nộp thuế phải cung cấp đầy đủ, chính xác mã số thuế <u>của người nộp thuế và người phụ thuộc</u> cho tổ chức, cá nhân thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay hoặc khai thay, nộp thuế thay; cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc ghi mã số thuế trên hồ sơ khi thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông với cơ quan quản lý thuế).</p>

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ COPY	NỘI DUNG COPY	NỘI DUNG TIẾP THU GIAI TRÌNH
Khoản 3 Điều 36	Tập đoàn công nghiệp - viên thông quân đội	<p><b>Điều 36. Thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế</b></p> <p>3. Trường hợp cá nhân có ủy quyền cho tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập thực hiện đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế cho cá nhân và <u>người phụ thuộc</u> thì phải thông báo cho tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi; tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập có trách nhiệm thông báo cho cơ quan quản lý thuế chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ủy quyền của cá nhân. <b>Định hướng sửa đổi, bổ sung:</b> Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 36 theo hướng người nộp thuế không được đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế khi cơ quan thuế đã có Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký để đảm bảo đồng bộ thống nhất quy định về quản lý thuế.</p> <p><b>Đề xuất sửa đổi lại nội dung tại khoản 3 để bỏ phần nội dung phải thay đổi thông tin đăng ký thuế của cá nhân và thông tin của Người phụ thuộc liên quan đến việc chưa có MST hoặc với trường hợp các thông tin thay đổi của cá nhân đã được CQQL cập nhật theo Mã định danh do nội dung này không cần thiết nữa.</b> (Chỉ giữ lại nội dung phải đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế khi có sự thay đổi về bổ sung/giảm bớt đối tượng là người phụ thuộc)</p> <p>Nội dung đề nghị sửa lại như sau: "3. Trường hợp cá nhân có ủy quyền cho tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập thực hiện đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế <del>cho cá nhân và</del> <u>do thay đổi về người phụ thuộc (bổ sung/giảm bớt)</u> thì phải thông báo cho tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi; tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập có trách nhiệm thông báo cho cơ quan quản lý thuế chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ủy quyền của cá nhân"</p>	<p>Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng luật theo hướng như sau:</p> <p>- Văn quy định mang tính nguyên tắc tại Luật đối với trường hợp có thay đổi thông tin đăng ký thuế (quy định này đang áp dụng chung cho cá nhân người Việt Nam và cá nhân người nước ngoài).</p> <p>- Tại Nghị định, Thông tư sẽ quy định chi tiết hơn về mẫu biểu đăng ký thuế, trên cơ sở mẫu biểu đăng ký thuế sẽ xác định trường hợp nào phải thay đổi thông tin, trường hợp nào không phải thay đổi thông tin.</p>

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hệ thống điện tử thì Thông tin người nộp thuế đã được cập nhật trên hệ thống Dữ liệu của ngành thuế. Mọi đối tượng có liên quan, hoặc có quan tâm đều có thể dễ dàng tra cứu trên các phương tiện điện tử. Đề xuất này nhằm cải cách, giảm bớt thủ tục hành chính.	
Khoản 2, Điều 35	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	<p><b>Tại khoản 2 Điều 35. Sử dụng mã số thuế</b></p> <p>- Dự thảo:</p> <p><i>"2. Người nộp thuế phải cung cấp đầy đủ, chính xác mã số thuế cho tổ chức, cá nhân thực hiện khấu trừ nộp thuế thay hoặc khai thay, nộp thuế thay; cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc ghi mã số thuế trên hồ sơ khi thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông với cơ quan quản lý thuế."</i></p> <p>- Đề xuất sửa đổi, bổ sung như sau:</p> <p><i>"2. Người nộp thuế phải cung cấp đầy đủ, chính xác mã số thuế <u>của người nộp thuế và người phụ thuộc</u> cho tổ chức, cá nhân thực hiện khấu trừ nộp thuế thay hoặc khai thay, nộp thuế thay; cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc ghi mã số thuế trên hồ sơ khi thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông với cơ quan quản lý thuế."</i></p> <p>- Lý do: Điều chỉnh này nhằm làm rõ trách nhiệm của người nộp thuế trong việc cung cấp mã số thuế cho cơ quan chi trả thu nhập để thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân và bổ sung cơ sở pháp lý để quy trách nhiệm các trường hợp đăng ký giảm trừ gia cảnh người phụ thuộc sai dẫn đến mất quyền lợi của các cá nhân khác.</p>	<p>Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng luật (khoản 2 Điều 35):</p> <p>2. Người nộp thuế phải cung cấp đầy đủ, chính xác mã số thuế <u>của người nộp thuế và người phụ thuộc</u> cho tổ chức, cá nhân thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay hoặc khai thay, nộp thuế thay; cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc ghi mã số thuế trên hồ sơ khi thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông với cơ quan quản lý thuế).</p>

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Khoản 3 Điều 36	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	<p><b>Điều 36. Thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế</b></p> <p>3. Trường hợp cá nhân có ủy quyền cho tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập thực hiện đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế cho cá nhân và <u>người phụ thuộc</u> thì phải thông báo cho tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi; tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập có trách nhiệm thông báo cho cơ quan quản lý thuế chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ủy quyền của cá nhân. <b>Định hướng sửa đổi, bổ sung:</b> Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 36 theo hướng người nộp thuế không được đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế khi cơ quan thuế đã có Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký để đảm bảo đồng bộ thống nhất quy định về quản lý thuế.</p> <p><b>Đề xuất sửa đổi lại nội dung tại khoản 3 để bỏ phần nội dung phải thay đổi thông tin đăng ký thuế của cá nhân và thông tin của Người phụ thuộc liên quan đến việc chưa có MST hoặc với trường hợp các thông tin thay đổi của cá nhân đã được CQQL cập nhật theo Mã định danh do nội dung này không cần thiết nữa.</b> (Chỉ giữ lại nội dung phải đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế khi có sự thay đổi về bổ sung/giảm bớt đối tượng là người phụ thuộc)</p> <p>Nội dung đề nghị sửa lại như sau: "3. Trường hợp cá nhân có ủy quyền cho tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập thực hiện đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế <del>cho cá nhân và</del> <u>do thay đổi về người phụ thuộc (bổ sung/giảm bớt)</u> thì phải thông báo cho tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi; tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập có trách nhiệm thông báo cho cơ quan quản lý thuế chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ủy quyền của cá nhân"</p>	<p>Ghi nhận đề nghị cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng luật theo hướng như sau:</p> <p>- Văn quy định mang tính nguyên tắc tại Luật đối với trường hợp có thay đổi thông tin đăng ký thuế (quy định này đang áp dụng chung cho cá nhân người Việt Nam và cá nhân người nước ngoài).</p> <p>- Tại Nghị định, Thông tư sẽ quy định chi tiết hơn về mẫu biểu đăng ký thuế, trên cơ sở mẫu biểu đăng ký thuế sẽ xác định trường hợp nào phải thay đổi thông tin, trường hợp nào không phải thay đổi thông tin.</p>



CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Căn cứ, lý do đề xuất: Theo quy định của thông tư 86/2024/TT-BTC về đăng ký thuế, từ ngày 01/07/2025 Hộ gia đình, cá nhân sẽ sử dụng thông nhất Mã định danh làm/thay thế MST. Do vậy tất cả cá nhân đều có MST ngay từ lúc được cấp Mã định danh => Tổ chức chi trả thu nhập không cần đăng ký thuế, không cần đăng ký thay đổi đăng ký thuế với trường hợp các thông tin thay đổi của cá nhân đã được CQQL cập nhật theo Mã định danh.(Hiện mới ở bước xây dựng Dự án Luật Quản lý thuế (thay thế), còn trải qua nhiều bước nên đến 01/07/2025 thì quy định điều này sẽ trở nên không còn phù hợp)	
Điều 38	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	<p><i>“Điều 38. Đăng ký thuế trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp”</i></p> <p>Đề xuất sửa đổi thành:</p> <p><i>“Điều 38. Đăng ký thuế trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp, hợp tác xã”.</i></p> <p>Lý do: để phù hợp khi bổ sung thêm trường hợp đăng ký thuế khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hợp tác xã.</p>	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.
Điều 39	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	<p><b>Tại Điều 39. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế</b></p> <p>- Dự thảo: Quy định hiện tại chưa làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, doanh nghiệp về việc kết thúc thời gian giám trừ gia cảnh cho người phụ thuộc khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Việc này tạo ra tình trạng một số tổ chức, doanh nghiệp khi đóng mã số thuế không kết thúc thời gian giám trừ gia cảnh. Do đó, cá nhân không thể đăng ký giảm trừ gia cảnh người phụ thuộc khi chuyển sang đơn vị khác và mất đi khoản được giảm trừ.</p> <p>- Đề xuất: Quy định Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành điều này theo hướng hệ thống quản lý thuế tự động kết thúc thời gian giám trừ gia cảnh người phụ thuộc (đối với người phụ thuộc chưa được kết thúc giám trừ gia cảnh) tại thời điểm chuyển trạng thái mã số</p>	<p>Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng Luật.</p> <p>- Bộ Tài chính (Cục thuế) sẽ nâng cấp ứng dụng đáp ứng việc đăng ký giảm trừ gia cảnh tại Cơ quan chi trả mới cho người lao động.</p> <p>- Đồng thời ghi nhận để sửa đổi quy định tại điểm i khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung) theo hướng NNT thay đổi nơi làm việc thì không phải đăng ký người phụ thuộc như lần đầu.</p>

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GOPY	NỘI DUNG GOPY	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>thuế của tổ chức, doanh nghiệp sang trạng thái 03 (NNT ngừng HĐ nhưng chưa hoàn thành thủ tục).</p> <p>- Lý do: Điều này giúp các cá nhân không bị mất đi quyền lợi của mình cũng như giảm thiểu thủ tục hành chính cho các tổ chức, doanh nghiệp khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế.</p>	
Điểm c khoản 2 Điều 40	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	<p><b>Tại điểm c khoản 2 Điều 40</b></p> <p><i>"c) Khi cơ quan thuế có thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký nhưng chưa bị thu hồi giấy phép và chưa bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế."</i></p> <p>Đề xuất sửa đổi, bổ sung:</p> <p><i>"c) Khi cơ quan thuế có thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký nhưng chưa bị thu hồi giấy phép và chưa bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế, trừ trường hợp cơ quan thuế đã chuyển tin báo sang cơ quan công an do nghi vấn người nộp thuế có dấu hiệu tội phạm".</i></p> <p>Lý do: Theo quy định tại Quy chế chuyển tin báo vụ việc về thuế ban hành kèm theo Quyết định 489/QĐ-TCT ngày 07/4/2022 thì Cơ quan Thuế qua thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý thuế phát hiện người nộp thuế có hành vi phạm về thuế có dấu hiệu tội phạm (xuất khống hóa đơn, hoặc đầu vào có rủi ro cao về thuế) nhưng chưa đủ căn cứ để xác định nên có công văn chuyên thông tin, hồ sơ đến Cơ quan Điều tra đề nghị xác minh, điều tra để giải quyết theo quy định. Vì vậy cần phải chờ kết luận của Cơ quan Công an nên đề xuất chưa khôi phục mã số thuế khi người nộp thuế đề nghị khôi phục đối với trường hợp này.</p>	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GỢP Ý	NỘI DUNG GỢP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Khoản 4 Điều 40	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	<p><i>"4. Hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế bao gồm:</i></p> <p><i>a) Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế;</i></p> <p><i>b) Các giấy tờ khác có liên quan."</i></p> <p>Đề xuất sửa đổi điểm b Khoản 4 Điều 40:</p> <p><i>"b) Các giấy tờ có liên quan chứng minh người nộp thuế đang hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh và đã khắc phục các hành vi vi phạm (nếu có), bao gồm một hoặc một số loại tài liệu như: sổ sách kế toán, hóa đơn, hợp đồng cung cấp hàng hóa dịch vụ phát sinh, giấy tờ chứng minh đã nộp đủ nghĩa vụ thuế, biên bản xác nhận của chính quyền địa phương về tình trạng hoạt động thực tế tại địa điểm kinh doanh."</i></p> <p>Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cụm từ "các giấy tờ khác có liên quan" quy định trong dự thảo hiện nay còn quá chung chung, dễ dẫn đến cách hiểu và cách áp dụng không thống nhất giữa các cơ quan thuế, gây khó khăn cho cả người nộp thuế và cán bộ tiếp nhận, xử lý hồ sơ. Trên thực tế có trường hợp cơ quan thuế đã phối hợp với cơ quan liên quan để xác minh xác định người nộp thuế vẫn không hoạt động tại địa chỉ đăng ký nhưng người nộp thuế liên tục gửi văn bản đề nghị khôi phục dẫn đến mất thời gian tổ chức thực hiện xác minh lại.</li> <li>- Phù hợp với thực tiễn phát sinh nhiều trường hợp sử dụng địa chỉ ảo, địa chỉ không tồn tại hoặc doanh nghiệp không thực sự hoạt động tại địa chỉ đăng ký, nhưng vẫn đề nghị khôi phục mã số thuế nhằm mục đích mua bán hóa đơn hoặc tiếp tục hành vi gian lận thuế.</li> </ul> <p>Do đó, cần có hồ sơ chứng minh rõ ràng về hoạt động thực tế và việc khắc phục vi phạm (nếu có) làm điều kiện xem xét việc khôi phục mã số thuế.</p>	Ghi nhận đề trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH VÀ ĐỀ ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ COPY	NỘI DUNG COPY	NỘI DUNG TIẾP THU GIAI THỰC
Chương IV. Khai thuế, tính thuế	UBND tỉnh Quảng Ngãi (CCTKV XII)	Đối với các nội dung hướng dẫn chi tiết thi hành về hồ sơ khai thuế, kỳ tính thuế, thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, nơi nộp hồ sơ khai thuế, khai bổ sung hồ sơ khai thuế: Đề nghị thống nhất cơ quan hướng dẫn chi tiết đối với các nội dung trên (Chính phủ/Bộ Tài chính) để đảm bảo việc áp dụng chính sách được đồng bộ, tránh vướng mắc.	Tiếp thu giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn để thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp phân quyền.
Khoản 2 Điều 42	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	<p><b>Điều 42. Nguyên tắc khai thuế, tính thuế</b></p> <p>2. Người nộp thuế tự tính số tiền thuế phải nộp, trừ trường hợp việc tính thuế do cơ quan quản lý thuế thực hiện theo quy định của Chính phủ.</p> <p>3. Người nộp thuế thực hiện khai thuế, tính thuế tại cơ quan thuế địa phương có thẩm quyền nơi có trụ sở. Trường hợp người nộp thuế hạch toán tập trung tại trụ sở chính, có đơn vị phụ thuộc tại đơn vị hành chính cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính thì người nộp thuế khai thuế tại trụ sở chính và tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế phải nộp theo từng địa phương nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước. Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này.</p> <p><b>Đánh giá khó khăn vướng mắc:</b></p> <p>1. Vướng mắc trong việc xác định khi nào người nộp thuế được xem xét là trường hợp người nộp thuế <u>hạch toán tập trung tại trụ sở chính</u>. Cả văn bản về thuế và kế toán không có định nghĩa cho thuật ngữ này.</p> <p>2. Hiện văn bản pháp luật về thuế có hướng dẫn cho một số hoạt động, chưa hướng dẫn đối với địa điểm kinh doanh là <u>cơ sở cung cấp dịch vụ, cơ sở thương mại</u>.</p> <p>3. Các trường hợp được phân bổ thuế TNDN cũng chưa hướng dẫn đủ cho các tình huống người nộp thuế có địa điểm kinh doanh ở địa phương khác là cơ sở <u>cung cấp dịch vụ, cơ sở thương</u></p>	<p>Đã tiếp thu, tại dự thảo lấy ý kiến kèm theo CV số 7960 đã sửa đổi khoản 3 Điều 42 như sau:</p> <p><i>"3. Người nộp thuế thực hiện khai thuế, tính thuế tại với cơ quan thuế địa phương có thẩm quyền nơi có trụ sở quản lý trực tiếp người nộp thuế hoặc cơ quan thuế quản lý khoản thu. Trường hợp người nộp thuế hạch toán tập trung tại trụ sở chính, có đơn vị phụ thuộc tại đơn vị hành chính cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính thuộc trường hợp phải phân bổ thuế thì người nộp thuế khai thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp trụ sở chính và tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế phải nộp theo từng địa phương nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này."</i></p> <p>Theo đó, đã bỏ quy định về "hạch toán tập trung tại trụ sở chính", việc kê khai thuế thực hiện theo nguyên tắc chung là khai thuế tại CQT quản lý trực tiếp hoặc CQT quản lý khoản thu. Việc xác định các trường hợp phải phân bổ sẽ được hướng dẫn tại Thông tư của Bộ Tài chính theo hướng thống nhất với quy định về phân bổ thuế tại các Luật thuế.</p>

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHU THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIAI TRÌNH
		<p><u>mai.</u></p> <p><b>Đề xuất sửa đổi, bổ sung:</b></p> <p>- PA1: Đề xuất sửa đổi cho phép doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng khai thuế tập trung và nộp thuế phân bổ hoặc nộp tập trung, sau đó cơ quan thuế phân bổ <u>hoặc</u> lựa chọn khai, nộp thuế ở các địa phương trên nguyên tắc phân bổ mà cơ quan thuế quy định để tạo điều kiện cho các DN trong việc tổ chức mô hình SXKD tinh gọn miễn đảm bảo khai đúng đủ nghĩa vụ thuế, không chỉ giới hạn ở một số hoạt động đã được Bộ Tài chính hướng dẫn như hiện nay.</p> <p>- PA2:</p> <p>1. Đề nghị bổ sung quy định <u>địa điểm kinh doanh ở địa phương khác được áp dụng phân bổ thuế đầy đủ các loại địa điểm kinh doanh đảm bảo quy định của bộ Luật Dân sự, Luật DN; không bị giới hạn một số hoạt động, cơ sở sản xuất như Bộ Tài chính đang hướng dẫn như hiện tại.</u> <del>giao Bộ Tài chính hướng dẫn nguyên tắc và phương pháp lựa chọn tiêu chí phân bổ nghĩa vụ thuế cho các đơn vị phụ thuộc khi thực hiện tính thuế và phân bổ thuế theo quy định tại Điều này.</del></p> <p>2. Đề nghị bổ sung quy định thể nào là <b>hạch toán tập trung tại trụ sở chính.</b></p> <p><b>Căn cứ, lý do đề xuất:</b></p> <p>1. Giảm vướng mắc cho các doanh nghiệp khi thực hiện tính và phân bổ thuế khi quy định chưa đầy đủ các trường hợp hoặc các quy định mang tính nguyên tắc để các doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng Luật có thể thực hiện được.</p> <p>2. Các hướng dẫn hiện hành tại Thông tư <u>80/2021/TT-BTC</u> và Thông tư 13/2023/TT-BTC.</p>	

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 42	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	<p><b>Điều 42. Nguyên tắc khai thuế, tính thuế</b></p> <p><b>Định hướng sửa đổi, bổ sung:</b> Nghiên cứu bổ sung quy định tại Điều 42 theo hướng: Đối với các trường hợp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ có thời điểm lập hóa đơn khác với thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa, cung cấp dịch vụ thì thời điểm khai thuế, tính thuế được thực hiện theo quy định của Chính phủ.</p> <p><b>Đề xuất</b> không bổ sung nội dung này do không thuộc nội dung của Luật Quản lý thuế mà thuộc nội dung quy định của các Luật Thuế cụ thể.</p> <p>Nội dung này đã có quy định trong Luật Thuế GTGT, Luật thuế TNDN.</p> <p><b>Lý do:</b> Nội dung đã được quy định trong Luật Thuế GTGT, Luật thuế TNDN. Do đó không nên bổ sung, tránh chồng chéo và không phù hợp với phạm vi của Luật Quản lý thuế.</p>	Tại bản thuyết minh chính sách kèm theo Công văn số 7960 đã không bổ sung quy định này.
Khoản 3 Điều 42	Đài truyền hình Việt Nam	<p>Khoản 3 Điều 42 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 quy định: “3. Người nộp thuế thực hiện khai thuế, tính thuế tại cơ quan thuế địa phương có thẩm quyền nơi có trụ sở. Trường hợp người nộp thuế hạch toán tập trung tại trụ sở chính, có đơn vị phụ thuộc tại đơn vị hành chính cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính thì người nộp thuế khai thuế tại trụ sở chính và tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế phải nộp theo từng địa phương nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này.”</p> <p>Đề nghị sửa đổi như sau: “3. Người nộp thuế thực hiện khai thuế, tính thuế tại cơ quan thuế địa phương có thẩm quyền nơi có trụ sở. <b>Trường hợp Người nộp thuế có đơn vị trực thuộc được cấp mã số thuế và hạch toán phụ thuộc, có cùng đơn vị hành chính cấp tỉnh được lựa chọn đăng ký kê khai tập trung, nộp</b></p>	<p>Tại bản thuyết minh chính sách kèm theo Công văn số 7960 đã đề xuất sửa đổi khoản “3. Người nộp thuế thực hiện khai thuế, tính thuế với cơ quan thuế <b>quản lý trực tiếp người nộp thuế hoặc cơ quan thuế quản lý khoản thu.</b> Người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc tại đơn vị hành chính cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính thì <b>thuộc trường hợp phải phân bổ thuế</b>, người nộp thuế khai thuế tại <b>cơ quan thuế quản lý trực tiếp</b> trụ sở chính và tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế phải nộp theo từng địa phương nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này”.</p> <p>Cơ quan soạn thảo ghi nhận ý kiến này để trao</p>

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p><b>thuế tại cơ quan thuế địa phương nơi có trụ sở.</b> Trường hợp người nộp thuế hạch toán tập trung tại trụ sở chính, có đơn vị phụ thuộc tại đơn vị hành chính cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính thì người nộp thuế khai thuế tại trụ sở chính và tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế phải nộp theo từng địa phương nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này.”</p> <p>Lý do đề xuất: Việc sửa đổi nhằm tạo thuận lợi cho các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có mô hình tổ chức gồm các đơn vị trực thuộc được cấp mã số thuế phụ thuộc, hạch toán phụ thuộc, hoạt động theo tính chất chuyên môn hóa (chuyên thu hoặc chuyên chi). Nếu không cho phép kê khai thuế GTGT tập trung tại trụ sở chính, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn trong quản lý dòng tiền, hiệu quả sử dụng vốn thấp và phát sinh nhiều thủ tục hoàn thuế phức tạp. Theo Nghị định số 47/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài THVN, Đài là cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện cơ chế tài chính như doanh nghiệp, có 22 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc. Nguồn thu của Đài chủ yếu tập trung tại Trung tâm Quảng cáo và Khai thác bản quyền, trong khi các đơn vị khác chủ yếu phát sinh chi phí. Đài THVN không có đăng ký kinh doanh do không phải là doanh nghiệp; mã số thuế của Đài là 0101567589 (10 số), còn các đơn vị trực thuộc được cấp mã số thuế phụ thuộc (13 số). Các đơn vị trực thuộc sử dụng tài khoản, con dấu và mã số thuế 13 số để ký kết, thực hiện hợp đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Hàng tháng, Đài THVN và các đơn vị trực thuộc tại khu vực Hà Nội thực hiện tổng hợp, kê khai, bù trừ, nộp thuế và hoàn thuế tập trung tại Chi cục Thuế khu vực I theo mã số thuế của Đài (10 số). Việc sửa đổi quy định trên sẽ đảm bảo phù hợp với thực tiễn hoạt động của Đài THVN và các tổ chức tương tự, đồng thời đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý thuế.</p>	<p>đôi khi xây dựng dự thảo Luật.</p>

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Khoản 4 Điều 42	Ủy ban TƯ MTTQ VN	<p>Tại khoản 4 Điều 42 quy định:</p> <p><i>"Đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp ở nước ngoài thì nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính"</i></p> <p>Đề nghị sửa đổi khoản 4 Điều 42 Luật Quản lý thuế và/hoặc Thông tư 80/2021/TT-BTC theo hướng: Làm rõ phạm vi áp dụng của quy định này đối với các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động theo mô hình B2B thuần túy – tức chỉ cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp tại Việt Nam và không có khách hàng cá nhân. Trong trường hợp này, nghĩa vụ thuế sẽ tiếp tục được thực hiện bởi doanh nghiệp Việt Nam sử dụng dịch vụ của nhà cung cấp nước ngoài, theo đúng quy định hiện hành tại Thông tư 103/2014/TT-BTC. Việc này không chỉ đảm bảo tính hợp lý và hiệu quả trong quản lý thuế mà còn góp phần duy trì môi trường đầu tư minh bạch, ổn định và phù hợp với thông lệ quốc tế, tránh tạo ra các rào cản không cần thiết cho các hoạt động kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam.</p>	<p>Đã tiếp thu, tại dự thảo lấy ý kiến kèm theo Công văn số 7960 đã sửa đổi quy định tại khoản 4 như sau:</p> <p><i>"4. Đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp ở nước ngoài thì nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính; trừ trường hợp nhà cung cấp nước ngoài đã được bên Việt Nam khấu trừ, nộp thuế thay."</i></p> <p>Theo đó, trường hợp nhà cung cấp nước ngoài đã được bên Việt Nam khấu trừ, nộp thuế thay (theo Thông tư 103/2014/TT-BTC) thì tiếp tục thực hiện theo Thông tư 103/2014/TT-BTC.</p>
Điều 43	UBND TP Hà Nội	<p>Tại dự thảo Luật đề xuất bổ sung quy định tại Điều 43 Hồ sơ khai thuế và kỳ tính thuế</p> <p><i>"1. Kỳ tính thuế bao gồm kỳ tính thuế tháng, kỳ tính thuế quý, kỳ tính thuế năm, kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh và kỳ quyết toán thuế."</i></p> <p>Đề nghị bổ sung quy định về việc doanh nghiệp, tổ chức thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo năm dương lịch.</p> <p>Lý do: Theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với loại</p>	<p>Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng luật theo hướng:</p> <p><i>"4. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với loại thuế phải khai quyết toán thuế được quy định như sau:</i></p> <p><b>a) Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính; đối với hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân của tổ chức, cá nhân trả thu nhập</b></p>



CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIAI TRÌNH
		<p>thuế có kỳ tính thuế theo năm được quy định như sau:</p> <p><i>“a) Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với hồ sơ quyết toán thuế năm; chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng đầu tiên của năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với hồ sơ khai thuế năm;</i></p> <p><i>b) Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 4 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch đối với hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân của cá nhân trực tiếp quyết toán thuế;”</i></p> <p>Như vậy, đối với quyết toán thuế thu nhập cá nhân của cá nhân, Luật Quản lý thuế có quy định rõ về việc quyết toán thuế thực hiện theo năm dương lịch, tuy nhiên đối với quyết toán thuế thu nhập cá nhân của tổ chức thì Luật Quản lý thuế quy định theo năm dương lịch hoặc năm tài chính. Tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể về việc tổ chức có bắt buộc thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo năm dương lịch hay không. (Trước đây, tại khoản a1 Điều 10 Thông tư 156/2013/TT-BTC có quy định “Kỳ tính thuế năm của thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế tài nguyên được tính theo năm dương lịch hoặc năm tài chính của người nộp thuế. Kỳ tính thuế năm của các loại thuế khác là năm dương lịch”, quy định rõ kỳ tính quyết toán thuế thu nhập cá nhân của tổ chức là năm dương lịch).</p> <p>Việc không có quy định cụ thể tổ chức thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo năm dương lịch có thể dẫn đến việc một số doanh nghiệp, tổ chức có kỳ tính thuế theo năm tài chính thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo năm tài chính. Điều đó dẫn tới vướng mắc: nếu tổ chức quyết toán theo năm tài chính, dữ liệu thu nhập cá nhân theo năm dương lịch trên hệ</p>	<p><u><i>thì thời hạn nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch”.</i></u></p>

CHÍNH SÁCH VÀ ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG THIẾT THU, GIẢI TRÌNH
		thông cơ quan thuế sẽ không chính xác, đầy đủ.	
Khoản 3 Điều 44	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	<p>Điều 44. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế</p> <p>3. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với loại khai và nộp theo từng lần phát sinh nghĩa thuế chậm nhất là ngày thứ 10 kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế.</p> <p><b>Đánh giá khó khăn, vướng mắc:</b> Đối với người nộp thuế phát sinh nhiều giao dịch với nhà thầu nước ngoài làm tăng thủ tục hành chính thuế mà bản chất của các khoản thuế phải tính, khai là thuế GTGT, TNDN, TNCN.</p> <p><b>Đề xuất sửa đổi, bổ sung:</b> Áp dụng thời hạn khai <u>thuế NTNN</u> cùng thời hạn của khoản thuế GTGT (tháng), TNDN, TNCN (tạm nộp hàng quý và quyết toán năm do còn phát sinh các khoản CLTG trong thanh toán). Cho phép doanh nghiệp khai 1 lần cho tất cả các nhà thầu phát sinh trong kỳ tính thuế; hồ sơ khai thuế là bảng tổng hợp giao dịch và các khoản thuế phát sinh từ giao dịch trong kỳ.</p> <p>Lý do: Giảm bớt thủ tục hành chính cho người nộp thuế, vẫn đảm bảo các khoản thuế được thu đúng kỳ theo quy định chung.</p>	<p>Luật chỉ quy định mang tính nguyên tắc. Tại điểm n khoản 4 Điều 8 Nghị định 126/2020/NĐ-CP đã quy định thuế nhà thầu là loại khai theo lần phát sinh nhưng trường hợp bên Việt Nam thanh toán tiền cho nhà thầu nước ngoài nhiều lần trong tháng thì được khai theo tháng thay cho việc khai theo từng lần phát sinh. Quy định hiện hành cũng đã cho phép doanh nghiệp được khai 1 lần cho tất cả các nhà thầu (thể hiện tại mẫu biểu tờ khai).</p>
khoản 3 Điều 44	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	<p>3. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với loại thuế khai và nộp theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế chậm nhất là ngày thứ 10 kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế."</p> <p>- Đề xuất sửa đổi:</p> <p>"3. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với loại thuế khai và nộp theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế chậm nhất là ngày thứ 10 kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế. Đối với hoạt động chuyển nhượng, thừa kế, nhận tặng cho bất động sản (nhà, đất) thì thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với loại thuế khai và nộp theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế chậm nhất là ngày thứ 30 kể từ ngày</p>	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p><b>phát sinh nghĩa vụ thuế”.</b></p> <p>Đề phù hợp với các qui định sau:</p> <p>+ Căn cứ Điều 133 Luật Đất đai năm 2024 qui định thời hạn nộp sơ đăng ký biến động về đất đai đối với hoạt động chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là 30 ngày kể từ ngày có biến động.</p> <p>+ Căn cứ khoản 2 Điều 10 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định thời hạn nộp sơ kê khai lệ phí trước bạ cùng với thời hạn nộp hồ sơ đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>+ Tại khoản 3 Điều 17 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân quy định:</p> <p><i>"3. Thời điểm tính thuế từ chuyển nhượng bất động sản được xác định như sau:</i></p> <p><i>- Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng không có thỏa thuận bên mua là người nộp thuế thay cho bên bán thì thời điểm tính thuế là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực theo quy định của pháp luật;</i></p> <p><i>- Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng có thỏa thuận bên mua là người nộp thuế thay cho bên bán thì thời điểm tính thuế là thời điểm làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản.</i></p> <p><i>- Trường hợp cá nhân nhận chuyển nhượng nhà ở hình thành trong tương lai, quyền sử dụng đất gắn với công trình xây dựng tương lai là thời điểm cá nhân nộp hồ sơ khai thuế với cơ quan</i></p>	

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG THÁP THU GIẢI TRÌNH
		<p>thuế.”.</p> <p>Thực tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình xử lý hồ sơ kê khai thuế, lệ phí trước bạ của hoạt động chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho bất động sản (nhà, đất) thì có sự không thống nhất giữa các quy định về thời điểm tính thuế theo khoản 3 Điều 44 Luật Quản lý thuế và thời điểm nộp sơ đăng ký biến động về đất đai theo Luật Đất đai và lệ phí trước bạ. Đối với những hồ sơ thời hạn theo quy định theo Luật Quản lý thuế là 10 ngày từ ngày hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực, nhưng thời điểm đăng ký hồ sơ biến động đất đai là 30 ngày thì khi người nộp thuế đến thực hiện nghĩa vụ thuế theo Luật Đất đai, cơ quan thuế sẽ xử phạt vi phạm hành chính về trễ hạn. Điều này luôn gặp phải sự phản ứng gắt gao của người nộp thuế.</p> <p>Do đó, Thuế Thành phố đề xuất sửa đổi: đối với hoạt động chuyển nhượng, thừa kế, nhận tặng cho bất động sản (nhà, đất) thì thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với loại thuế khai và nộp theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế chậm nhất là ngày thứ 30 kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế để thống nhất giữa các quy định.</p>	
Khoản 4 Điều 44	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	<p><b>Về Khoản 4 Điều 44</b></p> <p>- Nội dung hiện tại:</p> <p><b>“Điều 44. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế</b></p> <p>4. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với trường hợp chấm dứt hoạt động, <u>chấm dứt hợp đồng</u> hoặc tổ chức lại doanh nghiệp chậm nhất là ngày thứ 45 kể từ ngày xảy ra sự kiện.”</p> <p>- Góp ý: Đề nghị quy định khi khai thuế nhà thầu với hợp đồng chỉ quy định một lần thanh toán hoặc với từng lần đặt hàng/đặt dịch vụ của một hợp đồng nguyên tắc thì chỉ cần khai thuế khi phát sinh mà không cần phải khai quyết toán thuế (hoặc cho phép khai thuế đồng thời với khai quyết toán thuế trên cùng một tờ khai).</p>	Ghi nhận đề sửa đổi khoản 4 Điều 44 cho phù hợp.

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>- Căn cứ góp ý:</p> <p>Theo quy định tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP, phải khai thuế và khai quyết toán thuế đối với thuế nhà thầu bằng 2 tờ khai khác nhau. Điều này làm tăng thủ tục hành chính không cần thiết cho doanh nghiệp (đặc biệt với các hợp đồng chi phát sinh một lần thanh toán duy nhất).</p>	
Điều 45	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	<p><b>Điều 45. Nơi nộp hồ sơ khai thuế</b></p> <p>Tại dự thảo chưa quy định địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với dự án đầu tư của các hợp đồng thăm dò khai thác dầu khí. Trên thực tế tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có vướng mắc trường hợp Văn phòng điều hành tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng địa điểm thực hiện dự án là ngoài khơi lãnh thổ Việt Nam không có địa giới hành chính cụ thể dẫn đến cơ quan thuế còn lúng túng trong công tác quản lý thuế và thực hiện hoàn thuế GTGT cho đối tượng này.</p> <p>Kiến nghị: Bổ sung thêm quy định địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với dự án đầu tư của các hợp đồng thăm dò khai thác dầu khí thực hiện ngoài khơi lãnh thổ Việt Nam không có địa giới hành chính nêu trên.</p>	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.
Khoản 4 Điều 45	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	<p><b>Điều 45. Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế</b></p> <p>1. Người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp.</p> <p>....</p> <p>4. Chính phủ quy định địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với các trường hợp sau đây:</p> <p>b) Người nộp thuế thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh ở nhiều địa bàn; người nộp thuế có phát sinh nghĩa vụ thuế đối với các loại thuế khai và nộp theo từng lần phát sinh;</p> <p>...</p>	<p>- Ý 1, 2: Để thực hiện chủ trương phân cấp phân quyền, dự kiến khoản 4 Điều 45 sẽ sửa đổi theo hướng giao Bộ Tài chính quy định chi tiết điều này và các trường hợp cần thiết.</p> <p>- Ý 3: Theo quy định hiện hành, số lượng Thuế tỉnh, thành phố đã tương đương với số lượng tỉnh, thành phố (34 đơn vị).</p>

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHU THỂ COPY	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>đ) Người nộp thuế thực hiện khai thuế thông qua giao dịch điện tử và các trường hợp cần thiết khác.</p> <p>Định hướng sửa đổi, bổ sung:</p> <p>Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Điều 45 để có cơ sở pháp lý về việc kê khai, nộp thuế đối với trường hợp người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc sản xuất, kinh doanh ở địa phương cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cùng nơi người nộp thuế có trụ sở chính.</p> <p><b>Đánh giá khó khăn, vướng mắc:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiện chưa có quy định cụ thể về sử dụng Hóa đơn trường hợp đơn vị phụ thuộc kê khai thuế chung với Tập đoàn, nên có quan điểm khác nhau ngay cả trong Cơ quan thuế về việc sử dụng hóa đơn, kê khai thuế, khấu trừ thuế GTGT.</li> <li>- Việc thay đổi mô hình dẫn tới dự kiến có hơn 30 tỉnh thành phố nhưng có 20 chi cục thuế khu vực =&gt; Xuất hiện Chi nhánh phụ thuộc khác địa bàn nhưng cùng Cơ quan thuế quản lý với trụ sở chính, trong khi chưa có quy định về việc Chi nhánh phụ thuộc này được kê khai cùng với Trụ sở chính.</li> </ul> <p><b>Đề xuất sửa đổi, bổ sung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất Quy định rõ đơn vị phụ thuộc cùng địa bàn với Trụ sở chính thì Kê khai qua trụ sở chính, <u>trường hợp có nhu cầu kê khai riêng</u> thì đăng ký kê khai riêng (Như thông tư 156/2013/TT-BTC) do các đơn vị phụ thuộc chỉ thực hiện 1 phần chức năng kinh doanh của trụ sở chính nên không đảm bảo hạch toán đầy đủ thuế GTGT đầu vào, đầu ra phát sinh.</li> <li>- Đề xuất Quy định cụ thể về việc <u>sử dụng Hóa đơn đối với trường hợp các Chi nhánh phụ thuộc kê khai cùng Trụ sở chính.</u></li> <li>- Đề xuất Quy định cụ thể trường hợp <u>Chi nhánh không cùng địa bàn với Trụ sở chính</u> nhưng vẫn cùng Cơ quan thuế quản lý do chỉ có 20 Chi cục thuế Khu vực nhưng dự kiến có hơn 30</li> </ul>	

CH/VĂN U, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>tỉnh/TP.</p> <p><b>Lý do đề xuất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư 156/2013 trước đây Quy định Chi nhánh phụ thuộc cùng địa bàn kê khai thuế chung với Trụ sở chính, nếu có nhu cầu kê khai riêng phải đăng ký riêng và Sử dụng hóa đơn riêng: Hiện nay Nghị định 123/2020, 126/2020; Thông tư 78/2021, 80/2021 không quy định cụ thể dẫn tới khác biệt quan điểm về sử dụng hóa đơn.</li> <li>- Theo Mô hình tổ chức mới, Cơ quan thuế có 20 Chi cục thuế Khu vực, tuy nhiên số lượng Tỉnh/TP sau khi Sáp nhập dự kiến trên 30 tỉnh =&gt; Người nộp thuế có hoạt động kinh doanh tại 30 tỉnh nên Người nộp thuế không cùng địa bàn cấp tỉnh nhưng vẫn cùng Cơ quan quản lý thuế với Trụ sở chính.</li> </ul>	
Khoản 2 Điều 46	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	<p>Điều 46. Gia hạn nộp hồ sơ khai thuế</p> <p>2. Thời gian gia hạn không quá 30 ngày đối với việc nộp hồ sơ khai thuế tháng, khai thuế quý, khai thuế năm, khai thuế theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế; 60 ngày đối với việc nộp hồ sơ khai quyết toán thuế.</p> <p><b>Đánh giá khó khăn, vướng mắc:</b> Một số trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng mà thời gian trở lại trạng thái bình thường dài hơn 30 ngày hoặc 60 ngày.</p> <p><b>Đề xuất sửa đổi, bổ sung:</b> Đề nghị bổ sung vào khoản này nguyên tắc cho phép Chính phủ, Bộ Tài chính quyết định thời gian gia hạn trong một số trường hợp đảm bảo thời gian cần thiết, hợp lý để người nộp thuế có thể thực hiện được quy định về thời hạn nộp hồ sơ.</p>	<p>Tiếp thu, sửa đổi khoản 2 Điều 46 như sau:</p> <p><i>"2. Thời gian gia hạn không quá 30 ngày đối với việc nộp hồ sơ khai thuế tháng, khai thuế quý, khai thuế năm, khai thuế theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế; 60 ngày đối với việc nộp hồ sơ khai quyết toán thuế kể từ ngày hết thời hạn phải nộp hồ sơ khai thuế. Trong trường hợp đặc biệt, giao Chính phủ quyết định về việc kéo dài thời gian gia hạn."</i></p>
Điều 47	Ngân hàng TMCP	<b>1. Về Điều 47</b>	Ghi nhận các ý kiến góp ý để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH VÀ ĐỀ ĐIỀU KHOẢN	CHU THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Ngoại thương VN	<p>- Nội dung dự thảo</p> <p><b>Điều 47. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế</b></p> <p>1. NNT phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trước khi cơ quan thuế, cơ quan điều tra, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra, điều tra.</p> <p>...c) Hồ sơ không thuộc phạm vi, thời kỳ điều tra vụ án hình sự của cơ quan điều tra.</p> <p>d) Hồ sơ không thuộc phạm vi, thời kỳ điều tra vụ án hình sự của cơ quan điều tra nhưng đã được cơ quan điều tra xác định lỗi vi phạm không do người nộp thuế."</p> <p>- Góp ý 1: Đề nghị sửa công bố "quyết định điều tra" tại điểm a thành "<b>quyết định khởi tố bị can là người nộp thuế</b>".</p> <p>Căn cứ góp ý: Tại thời điểm công bố quyết định điều tra, mới chỉ có đối tượng bị điều tra trên cơ sở dấu hiệu vi phạm mà chưa xác định được hành vi phạm tội cụ thể. Đặc biệt, đối với điều tra về hóa đơn không hợp pháp, đối tượng bị điều tra chính là bên bán và tại thời điểm ban hành quyết định điều tra chưa xác định được các bên mua cụ thể của bên bán có thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, việc không cho phép khai bổ sung tại thời điểm này là chưa phù hợp.</p> <p>- Góp ý 2: Đề nghị bổ sung địa điểm công bố vào cuối điểm a: "<b>a) ... tại trụ sở của người nộp thuế</b>".</p> <p>Căn cứ góp ý: Bổ sung để làm rõ địa điểm công bố. Nếu không công bố tại trụ sở của NNT thì NNT sẽ không có thông tin để xem xét việc khai bổ sung.</p>	



CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>- Góp ý 3: Đề nghị bổ sung vào điểm c và d quy định "Trường hợp cơ quan điều tra không đưa ra được kết luận điều tra trong vòng 06 tháng kể từ ngày ban hành quyết định điều tra, người nộp thuế không phải là đối tượng bị điều tra chính trong vụ án được tiếp tục khai bổ sung".</p> <p><b>Căn cứ góp ý:</b> Trong một số vụ việc, thời gian điều tra có thể kéo dài. Việc này có thể ảnh hưởng đến quyền lợi của NNT trong kê khai bổ sung các nội dung không liên quan đến vụ án. Do đó, cần thiết phải giới hạn thời gian tối đa của việc hạn chế kê khai bổ sung.</p>	
Khoản 1 Điều 47	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	<p><b>Điều 47. Kê khai bổ sung</b></p> <p>1. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót trong trường hợp sau đây: a) Trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra; b) Hồ sơ không thuộc phạm vi, thời kỳ thanh tra, kiểm tra thuế nêu tại quyết định thanh tra, kiểm tra thuế. Đối với những nội dung thuộc phạm vi thanh tra, kiểm tra, người nộp thuế được bổ sung hồ sơ giải trình theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về thanh tra và các trường hợp thực hiện theo kết luận, quy định của cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.</p> <p><b>Đánh giá khó khăn, vướng mắc:</b> Luật Quản lý thuế và Luật 56/2024 sửa đổi các luật chỉ cho phép kê khai bổ sung trong trường hợp chưa có quyết định Thanh kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền. Thực tế có trường hợp đã có kết luận của Cơ quan có thẩm quyền nhưng Cơ quan thanh kiểm tra khác khi kiểm tra ở kỳ khác lại có kết luận dẫn tới ảnh hưởng tới số liệu xác định nghĩa vụ thuế tại kỳ đã có kết luận.</p>	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng luật Nghị định cho minh bạch.

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIAI TRÌNH
		<p><b>Đề xuất sửa đổi, bổ sung:</b> Đề nghị bổ sung nội dung Người nộp thuế <u>được kê khai bổ sung các kỳ đã thanh kiểm tra</u> trong trường hợp Cơ quan thanh kiểm tra khác kiểm tra kỳ khác nhưng dẫn đến thay đổi cơ sở tính thuế của Kỳ đã có kết luận thanh kiểm tra.</p> <p><b>Lý do đề xuất:</b> Do cơ quan có thẩm quyền kết luận kỳ khác dẫn tới thay đổi cơ sở tính thuế của kỳ đã có kết luận kiểm tra. Người nộp thuế phải tính lại nghĩa vụ thuế của kỳ này. Ví dụ: DN đã có Kiểm toán Nhà nước giai đoạn 2021-2023. Sau đó có đoàn Thanh tra khác kiểm tra giai đoạn 2016-2020 có nội dung kết luận của kỳ kiểm tra nhưng đồng thời dẫn tới số liệu 2021-2023 bị thay đổi theo =&gt; Cơ sở tính thuế của năm 2021-2023 đã thay đổi =&gt; DN cần được quyền Kê khai bổ sung giai đoạn 2021-2023.</p>	
Khoản 1, Điều 56,	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	<p>Tại điểm h khoản 1 Điều 56. Hình thức nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu</p> <p>- Dự thảo:</p> <p><i>"1. Người nộp thuế nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước theo các hình thức sau đây:</i></p> <p><i>h) Nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý thuế, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán."</i></p> <p>- Đề xuất sửa đổi như sau:</p> <p><i>"1. Người nộp thuế nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước theo các hình thức sau đây:</i></p> <p><i>h) <u>Nộp thông qua tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.</u>"</i></p> <p>Lý do: Hiện nay đang thực hiện thông qua môi trường điện tử, cơ quan thuế không tổ chức bộ phận quản lý thu.</p>	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Khoản 1 và khoản 2, Điều 57	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	<p>Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 57. Thứ tự thanh toán tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu</p> <p>- Dự thảo:</p> <p><i>"1. Người nộp thuế phải thực hiện nộp các khoản tiền thuế nợ thuộc đối tượng áp dụng các biện pháp cưỡng chế trước khi thực hiện theo thứ tự quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.</i></p> <p><i>2. Người nộp thuế được lựa chọn thanh toán cho khoản nộp (tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu) đã có mã định danh khoản phải nộp.</i></p> <p><i>Đối với các khoản nộp đã được cơ quan quản lý thuế cung cấp thông tin mã định danh khoản phải nộp, người nộp thuế phải thực hiện nộp theo đúng mã định danh khoản phải nộp do cơ quan quản lý thuế cung cấp và không được thực hiện nộp theo các khoản nêu tại khoản 3 Điều này."</i></p> <p>- Đề xuất:</p> <p>+ Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 57 như sau:</p> <p><i>"1) Người nộp thuế phải thực hiện nộp các khoản tiền thuế nợ thuộc đối tượng áp dụng các biện pháp cưỡng chế <u>theo thời hạn trước, sau</u> trước khi thực hiện theo thứ tự quy định tại khoản 2 và khoản 3 điều này."</i></p> <p>+ Sửa đổi khoản 2 Điều 57 như sau:</p> <p><i>"2) Người nộp thuế được lựa chọn thanh toán cho khoản nộp (tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu) đã có mã định danh phải nộp.</i></p> <p><del><i>Đối với các khoản nộp đã được cơ quan quản lý thuế cung cấp thông tin mã định danh khoản phải nộp, người nộp thuế</i></del></p>	<p>Ghi nhận đề nghị cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng luật theo hướng NNT có quyền lựa chọn các khoản phải nộp phù hợp với mã ID.</p> <p>Tại khoản 3 Điều 56 dự thảo hoàn thiện sau hội nghị miền Nam (VB TGYK số 848 ngày 06/6/2025 của Ban NVT) đã điều chỉnh lại theo hướng:</p> <p><i>"3. Người nộp thuế thực hiện nộp thuế theo đúng mã định danh khoản phải nộp do cơ quan quản lý thuế cung cấp. Trường hợp chưa hoặc không có mã định danh khoản phải nộp thì người nộp thuế xác định thông tin để lập chứng từ nộp thuế"</i>.</p>

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p><del>phải thực hiện nộp theo đúng mã định danh khoản phải nộp do cơ quan quản lý thuế cung cấp và không được thực hiện nộp theo các khoản nêu tại khoản 3 Điều này.</del></p> <p>Lý do: Người nộp thuế có quyền lựa chọn các khoản phải nộp phù hợp với mã ID và thứ tự thanh toán trước, sau.</p>	
Khoản 1 Điều 59	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	<p>Tại điểm a khoản 1 Điều 59</p> <p><i>“a) Người nộp thuế chậm nộp tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu so với thời hạn quy định, thời hạn gia hạn tiền thuế nợ, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế, thời hạn trong quyết định ấn định thuế hoặc quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế;”</i></p> <p>Đề xuất bổ sung:</p> <p><i>“a) Người nộp thuế chậm nộp tiền thuế hoặc các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu (<u>trừ tiền chậm nộp</u>) so với thời hạn quy định, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế, thời hạn trong quyết định ấn định thuế hoặc quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế;”</i></p> <p>Lý do: Theo quy định hiện nay tại khoản 2 Điều 3 Luật quản lý thuế thì “Tiền chậm nộp” là một “khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu”, nên nếu bổ sung điểm a khoản 1 Điều 59 để bao quát tiền thuế nợ gồm thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu như định hướng tại đề cương thì “tiền chậm nộp” nếu chưa nộp thì sẽ tiếp tục bị tính tiền chậm nộp.</p> <p>Việc tiếp tục tính tiền chậm nộp trên chính khoản tiền chậm nộp chưa phù hợp với bản chất của khoản thu này và có thể dẫn đến việc xử lý lặp lại đối với một hành vi vi phạm, chưa bảo đảm</p>	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>nguyên tắc công bằng trong quản lý thuế.</p> <p>Vì vậy, Thuế Thành phố kiến nghị tổ soạn thảo bổ sung quy định theo hướng: không tính tiền chậm nộp đối với chính số tiền chậm nộp mà người nộp thuế chưa nộp, nhằm bảo đảm tính minh bạch, hợp lý và đúng bản chất pháp lý của khoản thu này.</p>	
Khoản 1 Điều 59	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	<p>Điều 59. Xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế</p> <p>1. Các trường hợp phải nộp tiền chậm nộp bao gồm:</p> <p>b) Người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế làm tăng số tiền thuế phải nộp hoặc cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra phát hiện khai thiếu số tiền thuế phải nộp thì phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền thuế phải nộp tăng thêm kể từ ngày kế tiếp ngày cuối cùng thời hạn nộp thuế của kỳ tính thuế có sai, sót hoặc kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế của tờ khai hải quan ban đầu;</p> <p><b>Đánh giá khó khăn, vướng mắc:</b> Chưa quy định cụ thể trường hợp nộp thừa thì không tính tiền chậm nộp. Hệ thống quản lý thuế đang mặc định tính dựa trên số kê khai bổ sung.</p> <p><b>Đề xuất</b> bổ sung thêm nội dung: "<u>Trừ trường hợp Người nộp thuế đang có số dư nộp thừa và nhiều hơn số thuế kê khai bổ sung, số thuế tăng thêm đối với kỳ khai bổ sung</u>".</p> <p>Theo đó nội dung được sửa thành: b) Người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế làm tăng số tiền thuế phải nộp hoặc cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra phát hiện khai thiếu số tiền thuế phải nộp thì phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền thuế phải nộp tăng thêm kể từ ngày kế tiếp ngày cuối cùng thời hạn nộp thuế của kỳ tính thuế có sai, sót hoặc kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế của tờ khai hải quan ban đầu; <u>trừ trường hợp Người nộp thuế đang có số dư nộp thừa và nhiều hơn số thuế kê khai bổ sung, số thuế tăng thêm đối với kỳ khai bổ</u></p>	<p>Tại điểm d khoản 5 Điều 59 Dự thảo Luật thay thế đã quy định;</p> <p>"5. Không tính tiền chậm nộp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>d) Không tính tiền chậm nộp tương ứng với khoản tiền bù trừ trong khoảng thời gian từ ngày phát sinh số tiền thuế nộp thừa đến ngày cơ quan quản lý thuế thực hiện bù trừ theo quy định tại Điều 60 Luật này."</p> <p>Như vậy, đã có quy định trường hợp NNT có khoản nộp thừa được bù trừ với khoản phải nộp tăng thêm do kê khai hoặc do thanh tra, kiểm tra thì NNT không bị tính tiền chậm nộp trong khoảng thời gian từ ngày phát sinh số tiền thuế nộp thừa đến ngày cơ quan quản lý thuế thực hiện bù trừ.</p>

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIAI TRÌNH
		<p><i>sung</i>"</p> <p><b>Lý do đề xuất:</b> Tiền chậm nộp chỉ được tính trên số thuế thực thiếu. Trường hợp kê khai bổ sung hoặc thực hiện theo kết luận của cơ quan thanh kiểm tra nhưng <i>số kê khai bổ sung, số tăng thêm</i> theo kết luận thanh kiểm tra <i>vẫn ít hơn số thuế còn thừa</i> thì không phát sinh tiền chậm nộp.</p>	
Khoản 5, Điều 59,	Tập đoàn công nghiệp - viên thông quân đội	<p><b>Điều 59. Xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế</b></p> <p>5. Không tính tiền chậm nộp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Người nộp thuế cung ứng hàng hóa, dịch vụ được thanh toán bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, bao gồm cả nhà thầu phụ được quy định trong hợp đồng ký với chủ đầu tư ...</p> <p>b) Các trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 55 của Luật này thì không tính tiền chậm nộp ... trị giá hải quan.</p> <p><b>Đánh giá khó khăn, vướng mắc:</b> Tiền chậm nộp chỉ được tính trên số tiền thuế thực tế còn thiếu. Thực tế có trường hợp Doanh nghiệp Còn có số nộp thừa</p> <p><b>Đề xuất bổ sung</b> nội dung không tính tiền chậm nộp trong trường hợp "Người nộp thuế đang có số dư nộp thừa" vào khoản 5:</p> <p>"5. Không tính tiền chậm nộp trong các trường hợp sau đây: ...</p> <p><b>c) <u>Người nộp thuế đang có số dư nộp thừa.</u></b></p> <p><b>Lý do đề xuất:</b> Thực tế tiền chậm nộp chỉ được tính trên số thuế thực thiếu.</p>	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng luật theo hướng: không tính tiền chậm nộp tương ứng với khoản tiền bù trừ trong khoảng thời gian từ ngày phát sinh số tiền thuế nộp thừa đến ngày cơ quan quản lý thuế thực hiện bù trừ theo quy định tại Điều 60.
Khoản 6, Điều 59	Bộ VH, TT và DL	<p>Đề nghị bổ sung đánh giá chính sách để sửa đổi, bổ sung Khoản 6, Điều 59 về xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế, thành: "Chưa tính tiền chậm nộp trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>- Điểm a khoản 2 Điều 22 dự thảo Luật thay thế quy định:</p> <p>"Điều 22. <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra</i></p>

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIAI TRÌNH
		<p>Chưa tính tiền chậm nộp trong thời gian người có thẩm quyền yêu cầu cơ quan chức năng xác minh căn cứ dẫn đến phát sinh nợ thuế và chưa có kết quả xác minh”.</p> <p>Lý do: Trên thực tế, có trường hợp cơ quan thanh tra ban hành Kết luận thanh tra với nội dung yêu cầu đơn vị sự nghiệp phải nộp thuế (tiền thuê đất). Do còn có các ý kiến khác nhau giữa cơ quan thanh tra và các cơ quan quản lý chuyên ngành về đất đai và tài chính nên người có thẩm quyền (Thủ tướng Chính phủ) đã yêu cầu chuyên cơ quan công an để xác minh. Tuy nhiên, trong thời gian chưa có kết quả xác minh, do không được khoan tiền nợ thuế nên cơ quan thuế vẫn tính tiền chậm nộp dẫn đến số tiền chậm nộp và tổng nợ thuế ngày càng tăng đồng thời áp dụng các biện pháp cưỡng chế về hóa đơn, trích nộp đã dẫn tới số tiền quá lớn, vượt quá khả năng nộp của đơn vị, dẫn đến những tổn động, vướng mắc không thể giải quyết được.</p>	<p><i>nhà nước</i></p> <p><i>...2... Trường hợp người nộp thuế không đồng ý với kết luận của Thanh tra nhà nước thì người nộp thuế có quyền khiếu nại kết luận của Thanh tra nhà nước và gửi cho cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp một bản để theo dõi;”</i></p> <p>- Điểm c khoản 2 Điều 12 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định:</p> <p><i>“Điều 12. Quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại</i></p> <p><i>2. Người khiếu nại có các nghĩa vụ sau đây:</i></p> <p><i>c) Chấp hành quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình khiếu nại trong thời gian khiếu nại, trừ trường hợp quyết định, hành vi đó bị tạm đình chỉ thi hành theo quy định tại Điều 35 của Luật này;”</i></p> <p>- Điều 35 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định:</p> <p><i>“Điều 35. Áp dụng biện pháp khẩn cấp</i></p> <p><i>Trong quá trình giải quyết khiếu nại, nếu xét thấy việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại sẽ gây hậu quả khó khắc phục, thì người giải quyết khiếu nại phải ra quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định đó.”</i></p> <p>Căn cứ các quy định nêu trên, trong thời gian khiếu nại về số tiền thuế phải nộp theo kết luận của cơ quan Thanh tra nhà nước thì NNT vẫn phải nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, trừ trường hợp người giải quyết khiếu nại tạm đình chỉ thi</p>

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<p>hành.</p> <p>Cơ quan thuế không có thẩm quyền tạm đình chỉ thi hành quyết định hành chính của cơ quan Thanh tra nhà nước. Nội dung đề xuất của Bộ VH, TT và DL không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Quản lý thuế.</p>
Điều 60	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	<p><b>Điều 60. Xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa</b></p> <p>Định hướng sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo Luật:</p> <p>-Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 và khoản 5 Điều 60 để đảm bảo ngày phát sinh khoản nộp thừa theo đúng thực tế phát sinh và bổ sung giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết <b>ngày phát sinh khoản nộp thừa.</b></p> <p>-.... Nghiên cứu sửa đổi quy định về xử lý <b>bù trừ giữa khoản nộp thừa với khoản phải nộp</b> giữa các tiểu mục, giữa các địa bàn với nhau mà không phải thực hiện qua thủ tục hoàn thuế tại Điều 60 Luật Quản lý thuế.</p> <p><b>Đánh giá khó khăn, vướng mắc:</b> Dự thảo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu mới còn một số bất cập, chưa đồng bộ với các quy định về thuế TNDN.</p> <p><b>Đề xuất sửa đổi, bổ sung:</b></p> <p>- Nhất trí nội dung định hướng sửa đổi quy định cho phép xử lý bù trừ giữa các khoản nộp thừa với các khoản phải nộp của cùng 1 DN (<b>theo đầu mỗi cùng một Mã số thuế</b>), không phân biệt số nộp thừa của từng sắc thuế, từng loại phí, lệ phí hay các khoản phải nộp NSNN khác. Điều này tạo thuận lợi cho DN cũng như thuận lợi cho CQ QLT không phải tổ chức theo dõi riêng số dư tiền nộp thừa của từng loại thuế/khoản phải thu.</p> <p>- Đề xuất bổ sung thêm quy định liên quan đến <b>thuế Tối thiểu</b></p>	<p>- <b>Đối với đề xuất (1), (2):</b> Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng luật theo hướng NNT được bù trừ nộp thừa theo mã định danh khoản phải nộp trước thời gian chính lý quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước hoặc được đề nghị hoàn trả số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa để đảm bảo nguyên tắc NNT tự khai, tự nộp, tự chịu trách nhiệm, thống nhất về nghĩa vụ theo dõi. Theo đó, NNT được chủ động lựa chọn bù trừ các loại thuế nộp thừa, phải nộp (bao gồm cả thuế TNDN tối thiểu toàn cầu).</p> <p>- <b>Đối với đề xuất (3):</b></p> <p>Thuế tối thiểu toàn cầu là nghĩa vụ thuế xác định trên một nhóm đơn vị hợp thành trong Tập đoàn. Bên cạnh đó, mỗi Tập đoàn có đặc điểm hoạt động khác nhau nên việc quy định 01 tiêu thức phân bổ chung áp dụng cho tất cả Tập đoàn có thể gây vướng mắc trong quá trình thực hiện, không phù hợp với đặc điểm thực tế của Tập đoàn. Do vậy, dự thảo Nghị định hướng dẫn Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 về thuế thu nhập bổ sung chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu đang cho phép Tập đoàn chủ động quyết</p>



CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p><b><u>toàn cầu</u></b> như sau:</p> <p>(1) Với các khoản thu nhập nhận được từ nước ngoài, <b><u>cho phép bù trừ thuế TNDN</u></b> đã nộp bổ sung <b><u>theo quy định về thuế TNDN</u></b> với thuế TNDN phải nộp bổ sung <b><u>theo quy định của thuế Tối thiểu toàn cầu</u></b>.</p> <p>(2) Cho phép <b><u>bù trừ thuế TNDN nộp thừa với thuế Tối thiểu toàn cầu</u></b> phải nộp (nếu có).</p> <p>(3) Bổ sung <b><u>nguyên tắc phân bổ</u></b> thuế nộp bổ sung theo quy định <b><u>thuế tối thiểu toàn cầu</u></b> cho các đơn vị hợp thành tại Việt Nam, đảm bảo đồng nhất với quan điểm quản lý, nguyên tắc phân bổ thuế TNDN và các loại thuế khác trong Luật Quản lý thuế.</p> <p><b>Lý do đề xuất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc cho phép xử lý bù trừ giữa các khoản nộp thừa với các khoản phải nộp với tất cả các loại thuế, tất cả các địa bàn của cùng 1 DN (tức là theo đầu mỗi cùng một Mã số thuế) là phù hợp với xu hướng quản lý thuế hiện đại ở nhiều quốc gia trên thế giới.</li> <li>- Đề xuất về thuế Tối thiểu toàn cầu xuất phát từ các lý do sau đây:  <b><i>(1) Cho phép bù trừ thuế TNDN đã nộp bổ sung theo quy định về thuế TNDN với thuế TND phải nộp bổ sung theo quy định của thuế Tối thiểu toàn cầu.</i></b></li> </ul> <p>Lý do: để tránh việc tính thuế 2 lần cho 1 khoản thu nhập do các quy định cách tính thuế khác nhau của các quy định về thuế TNDN và quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.</p> <p>Theo quy định hiện hành của Thông tư 96/2015/TT-BTC, DN đã nộp bổ sung phần thuế TNDN do chênh lệch thuế suất tại nước ngoài thấp hơn mức thuế suất 20% theo quy định của Việt Nam.</p> <p><b><i>(2) Cho phép bù trừ thuế TNDN nộp thừa với thuế Tối thiểu</i></b></p>	<p>định tiêu thức phân bổ số thuế phải nộp cho các đơn vị hợp thành.</p>

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p><i>toàn cầu phải nộp (nếu có).</i></p> <p>Lý do: Bản chất đây cùng là thuế TNDN, chỉ khác nhau về cách tính lại thuế suất thực tế của thuế TNDN.</p> <p><i>(3) Bổ sung nguyên tắc phân bổ thuế nộp bổ sung theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu cho các đơn vị hợp thành tại Việt Nam, đảm bảo đồng nhất với quan điểm quản lý, nguyên tắc phân bổ thuế TNDN và các loại thuế khác trong Luật Quản lý thuế.</i></p> <p>Lý do: (i) Tại Điều 4 "Nguyên tắc áp dụng QDMTT" dự thảo Nghị định hướng dẫn chi tiết về thuế tối thiểu toàn cầu tại văn bản số 12367/BTC-TCT ngày 12/11/2024 của Bộ Tài chính có quy định: "<i>Tập đoàn đa quốc gia có các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng QDMTT tự quyết định việc phân bổ thuế bổ sung phải nộp theo QDMTT giữa các đơn vị hợp thành tại Việt Nam và kê khai thông tin số thuế phân bổ tại Tờ khai ...</i>" DN tự quyết định phân bổ thuế tối thiểu toàn cầu nộp bổ sung là chưa hợp lý do việc kê khai được tổng hợp trên cơ sở số liệu của các đơn vị hợp thành, <i>có đơn vị lãi, đơn vị lỗ</i>, các đơn vị hợp thành có cơ sở tính thuế khác nhau, không thể chuyển thuế phải nộp bổ sung giữa pháp nhân này sang pháp nhân khác. (ii) Cần thiết bổ sung nguyên tắc phân bổ thuế nộp bổ sung theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu để đảm bảo bao quát hết các loại thuế và đảm bảo đồng nhất với quan điểm quản lý, nguyên tắc phân bổ thuế TNDN và các loại thuế khác trong Luật Quản lý thuế.</p>	
Điều 60	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	<p><b>Điều 60. Xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa</b></p> <p>Định hướng sửa đổi, bổ sung về hoàn thuế GTGT hàng nhập khẩu:</p> <p>Nghiên cứu bổ sung quy định <i>cơ quan hải quan không hoàn trả tiền thừa</i> đối với trường hợp người nộp thuế <i>nộp thừa tiền thuế GTGT cho cơ quan hải quan khi nhập khẩu hàng hóa</i> nhưng</p>	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng Luật (điểm d khoản 3 Điều 60).

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>người nộp thuế <b>đã kê khai khấu trừ</b> với cơ quan thuế nơi quản lý doanh nghiệp tại khoản 3 Điều 60.</p> <p><b>Đánh giá khó khăn, vướng mắc:</b> Hoàn thuế GTGT hàng nhập khẩu đã khấu trừ là không cần thiết, tăng thêm công việc cho cơ quan thuế lẫn người nộp thuế trong khi người nộp thuế không được gì và phát sinh thêm tiền chậm nộp do giảm khấu trừ với số thuế được hoàn.</p> <p><b>Đề xuất sửa đổi, bổ sung:</b> Nhất trí với nội dung định hướng sửa đổi: Không hoàn thuế GTGT đối với trường hợp thuế GTGT nhập khẩu đã được khấu trừ vào tờ khai thuế GTGT nội địa.</p> <p><b>Lý do:</b> Việc không hoàn thuế GTGT hàng nhập khẩu đã nộp thừa khi thuế này đã được khấu trừ vào tờ khai thuế GTGT nội địa sẽ làm giảm bớt thủ tục hoàn thuế, doanh nghiệp không phải điều chỉnh khấu trừ thuế GTGT tại kỳ phát sinh và không bị phát sinh tiền chậm nộp do giảm khấu trừ với số thuế được hoàn.</p>	
khoản 2 Điều 66	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	<p><b>Tại khoản 2 Điều 66</b></p> <p><i>“2. Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm thông báo cho cơ quan quản lý xuất cảnh, nhập cảnh về việc tạm hoãn xuất cảnh đối với về cá nhân, người nộp thuế quy định tại khoản 1 Điều này”</i></p> <p>Đề xuất: Cần luật hóa cụ thể trách nhiệm tiếp nhận, xử lý của các cơ quan liên quan việc kết nối liên thông điện tử trong ban hành Thông báo tạm hoãn xuất cảnh. Vì thực tế hiện nay, cơ quan thuế vẫn phải ban hành Thông báo giấy để gửi cơ quan quản lý xuất nhập cảnh gây mất thời gian, tăng thủ tục hành chính và chưa tận dụng hết tiềm năng khai thác về chuyển đổi số.</p>	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
khoản 2 Điều 66	Bộ KH&CN	<p>Để phân định rõ thẩm quyền của cơ quan được giao quản lý thu các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu sửa đổi, bổ sung như sau:</p> <p>- Đề nghị bổ sung thêm khoản 2 Điều 66 về Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp xuất cảnh, như sau: “Cơ quan quản lý thuế và cơ quan được giao quản lý các khoản thu khác thuộc NSNN có trách nhiệm thông báo cho cơ quan quản lý xuất cảnh, nhập cảnh về cá nhân, người nộp thuế quy định tại khoản 1 Điều này”.</p>	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng Luật (tại khoản 2 Điều 66).
Khoản 3, Điều 69; Khoản 2, Điều 85	UBND tỉnh Thái Bình	<p>2. Giữ nguyên cụm từ “mất tích” in đậm sau tại khoản 3 Điều 69, đồng thời bổ sung cụm từ “mất tích” tại khoản 2 Điều 85:</p> <p><i>“Điều 69. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế là người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự.</i></p> <p><i>3. Trường hợp Tòa án ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyên bố một người là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì số nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã xóa theo quy định tại Điều 85 của Luật này được phục hồi lại, nhưng không bị tính tiền chậm nộp cho thời gian bị tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự.”</i></p> <p><i>“Điều 85. Trường hợp được xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt</i></p> <p><i>2. Cá nhân đã chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự mà không có tài sản, bao gồm cả tài sản được thừa kế để nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ”.</i></p> <p><b>Lý do:</b> Tại Bộ Luật Dân sự có quy định các nội dung liên quan đến Tuyên bố mất tích, Quản lý tài sản của người bị tuyên bố mất tích, Hủy bỏ quyết định tuyên bố mất tích. Nên cần xác định rõ</p>	<p>Căn cứ quy định tại Bộ Luật dân sự năm 2015: Điều 68 (về Tuyên bố mất tích), Điều 69 (về Quản lý tài sản của người bị tuyên bố mất tích), Điều 70 (về Hủy bỏ quyết định tuyên bố mất tích), Điều 71 (về Tuyên bố chết), người bị tuyên bố mất tích chưa được coi là đã chết. Trong thời gian mất tích, người đó có thể trở về và được xác minh còn sống.</p> <p>Mặt khác, theo Điều 66 Bộ luật dân sự thì người quản lý tài sản của người mất tích vẫn phải thực hiện thanh toán nợ và nghĩa vụ tài chính khác của người mất tích bằng tài sản của người mất tích.</p> <p>Đối với cá nhân bị Tòa án tuyên bố là mất tích thì tại Điều 83 Luật QLT có quy định về việc khoan nợ đối với trường hợp này. Trường hợp cá nhân bị mất tích sau đó bị tuyên bố là đã chết thì khi đó cá nhân mới thuộc trường hợp được xóa nợ. Do đó, việc bổ sung trường hợp mất tích vào các trường hợp được xóa nợ tại Điều 85 là không</p>

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIAI TRÌNH
		hoàn thành nghĩa vụ thuế và bổ sung trường hợp Mất tích tại Điều 85 để phù hợp với quy định tại Bộ Luật Dân sự.	phù hợp.
Khoản 1, Điều 72	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	<p><b>Tại điểm a khoản 1 Điều 72. Trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết và phản hồi thông tin hồ sơ hoàn thuế</b></p> <p>- Dự thảo:</p> <p><i>“Cơ quan thuế quản lý khoản thu ngân sách nhà nước tiếp nhận, phân loại và giải quyết hồ sơ hoàn trả tiền nộp thừa; trường hợp hoàn trả tiền nộp thừa theo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của tổ chức, quyết toán thuế thu nhập cá nhân của cá nhân thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế tiếp nhận, phân loại và giải quyết hồ sơ quyết toán thuế.”</i></p> <p>- Đề xuất sửa đổi như sau:</p> <p><i>“Cơ quan thuế quản lý khoản thu ngân sách nhà nước tiếp nhận, phân loại và giải quyết hồ sơ hoàn trả tiền nộp thừa; trường hợp hoàn trả tiền nộp thừa theo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của tổ chức, quyết toán thuế thu nhập cá nhân của cá nhân thì <u>cơ quan thuế nơi người nộp thuế nộp hồ sơ quyết toán thuế theo quy định thực hiện tiếp nhận, phân loại và giải quyết hồ sơ quyết toán thuế.</u>”</i></p> <p>- Lý do: Điều này làm tăng trách nhiệm của cá nhân phải nộp hồ sơ quyết toán thuế đúng cơ quan thuế để được hoàn thuế. Ngoài ra, cá nhân có thể nộp hồ sơ quyết toán thuế tại cơ quan thuế theo từng trường hợp cụ thể tạo sự thuận lợi cho các cá nhân không còn sinh sống và làm việc tại nơi đăng ký mã số thuế trước đó.</p>	Tiếp thu vì đây là nội dung đã được sửa tại Luật số 56/2024/QH15.
Điểm c khoản 2 Điều 73	UBND tỉnh Quảng Ngãi (CCTKV XII)	<p>Tại điểm c khoản 2 Điều 73. Phân loại hồ sơ hoàn thuế:</p> <p><i>“c) Hồ sơ hoàn thuế của tổ chức giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, chấm dứt hợp đồng nhà thầu nước ngoài, chấm dứt</i></p>	Tiếp thu để thống nhất quy định tại điểm g Điều 110.

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p><i>hợp đồng, hiệp định dầu khí;”</i></p> <p>Đề nghị bổ sung thêm trường hợp “<i>Chuyển địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố</i>”.</p> <p>Lý do: trên thực tế phát sinh hoàn thuế nộp thừa khi đơn vị chuyển địa điểm kinh doanh và đề phù hợp với quy định về các trường hợp kiểm tra thuế tại trụ sở NNT nêu tại điểm g Điều 110.</p>	
khoản 2 Điều 73	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	<p><b>Tại điểm b khoản 2 Điều 73</b></p> <p><i>“2. Hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế thực hiện, bao gồm:</i></p> <p><i>b) Hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế đề nghị hoàn thuế trong thời hạn 02 năm kể từ thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế. Trường hợp người nộp thuế có nhiều lần đề nghị hoàn thuế trong thời hạn 02 năm, nếu trong lần đề nghị hoàn thuế đầu tiên tính từ sau thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế, cơ quan thuế kiểm tra hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế không có hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn quy định tại Điều 142 Luật Quản lý thuế, hoặc hành vi trốn thuế quy định tại Điều 143 Luật Quản lý thuế thì những lần đề nghị hoàn thuế tiếp theo, hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế không thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế. Trường hợp phát hiện những lần đề nghị hoàn thuế tiếp theo, người nộp thuế có hành vi khai sai đối với hồ sơ hoàn thuế, hành vi trốn thuế quy định tại Điều 142, Điều 143 Luật Quản lý thuế thì hồ sơ đề nghị hoàn thuế vẫn thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế theo đúng thời hạn 02 năm, kể từ thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế;”</i></p> <p>- Đề xuất sửa đổi bổ sung:</p> <p><i>“b) Hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế đề nghị hoàn thuế trong thời hạn 02 năm kể từ thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế. Trường hợp người nộp thuế có nhiều lần đề nghị hoàn thuế</i></p>	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>trong thời hạn 02 năm, nếu trong lần đề nghị hoàn thuế đầu tiên tính từ sau thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế, cơ quan thuế kiểm tra hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế không có hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn quy định tại Điều 142 Luật Quản lý thuế, hoặc hành vi trốn thuế quy định tại Điều 143 Luật Quản lý thuế thì những lần đề nghị hoàn thuế tiếp theo, hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế không thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế theo quy định tại điểm này. Trường hợp phát hiện những lần đề nghị hoàn thuế tiếp theo, người nộp thuế có hành vi khai sai đối với hồ sơ hoàn thuế, hành vi trốn thuế quy định tại Điều 142, Điều 143 Luật Quản lý thuế thì hồ sơ đề nghị hoàn thuế vẫn thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế theo đúng thời hạn 02 năm, kể từ thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế;”.</p> <p>Lý do: Khi người nộp thuế không có hành vi khai sai theo quy định tại điều này thì sẽ được phân loại tự động theo hệ thống quản lý rủi ro, để đảm bảo những trường hợp hồ sơ thuộc diện rủi ro theo các tiêu chí đánh giá tự động thì sẽ được phân loại kiểm tra trước hoàn thuế sau.</p>	
Khoản 1 Điều 75	UBND tỉnh Quảng Ngãi (CCTKV XII)	<p>Tại khoản 1 Điều 75 quy định thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế:</p> <p>“... Khi cơ quan thuế ban hành Thông báo không hoàn thuế thì người nộp thuế không được nộp lại hồ sơ hoàn thuế.”</p> <p>Đề nghị quy định rõ trường hợp cơ quan Thuế ban hành Thông báo không hoàn thuế thì NNT phải khai bổ sung lại tờ khai (để tiếp tục chuyển khấu trừ và đề nghị hoàn cho kỳ sau), hay là số thuế phát sinh kỳ đề nghị hoàn đó không được hoàn vĩnh viễn, tránh vướng mắc khi áp dụng trong thực tế.</p>	Ghi nhận ý kiến này để nghiên cứu khi hướng dẫn tại Thông tư của Bộ Tài chính.
Khoản 1 Điều 75,	UBND	<b>Tại khoản 1 Điều 75. Thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế</b>	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TP. Cần Thơ (CCTKV XIX)	<p>- Dự thảo:</p> <p><i>“Trường hợp hệ thống công nghệ thông tin của cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu về quản lý thuế, cơ sở dữ liệu về hóa đơn để tự động xác định, phân loại mức độ rủi ro cao của chuỗi mua bán liên quan đến hàng hóa, dịch vụ của cơ sở kinh doanh đề nghị hoàn thuế thì cơ quan thuế ban hành Thông báo chưa đủ điều kiện hoàn thuế để tạm dừng hoàn thuế đối với số tiền thuế có rủi ro cao và chuyển số tiền này sang diện kiểm tra trước hoàn để thực hiện kiểm tra, xác minh và xử lý hoàn thuế khi có đủ điều kiện theo quy định, thông báo cho người nộp thuế biết bằng phương thức điện tử; đối với số tiền thuế không có rủi ro cao thì thực hiện giải quyết hoàn ngay, không chờ kết quả kiểm tra, xác minh số tiền thuế có rủi ro cao.”</i></p> <p>- Đề xuất: Bỏ nội dung trên tại khoản 1 Điều 75.</p> <p>- Lý do: Để phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 73 và Điều 16 (dự án Luật Quản lý thuế), người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế được ưu tiên trong thực hiện thủ tục hành chính thuế theo quy định của Chính phủ và trường hợp NNT gửi nhiều hồ sơ hoàn thuế của từng trường hợp hoàn thuế trong cùng một ngày và có một hồ sơ hoàn thuế được phân loại thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế thì các hồ sơ còn lại thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế.</p>	Luật.
Khoản 1 Điều 75	UBND tỉnh Tuyên Quang	<p><b><i>Đề nghị bỏ 01 trong 02 cụm từ gạch chân dưới đây: Khi cơ quan thuế ban hành thông báo không hoàn thuế thì người nộp thuế không được nộp lại hồ sơ hoàn thuế.</i></b> Cụ thể:</p> <p>Điều 75. Thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế</p> <p>1. Đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, chậm nhất là 0610 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan quản lý thuế có thông báo về việc chấp nhận hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế,</p>	Tiếp thu



CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>cơ quan quản lý thuế phải quyết định hoàn thuế cho người nộp thuế hoặc thông báo chuyển hồ sơ của người nộp thuế sang kiểm tra trước hoàn thuế nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 73 của Luật này hoặc Thông báo không hoàn thuế cho người nộp thuế nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoàn thuế hoặc Thông báo chưa đủ điều kiện được hoàn thuế để tạm dừng hoàn thuế trong trường hợp hết thời hạn theo thông báo bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế lần 2 mà người nộp thuế không giải trình, bổ sung hồ sơ hoàn thuế. <u>Khi cơ quan thuế ban hành Thông báo không hoàn thuế thì người nộp thuế không được nộp lại hồ sơ hoàn thuế.</u></p> <p>Trường hợp thông tin khai trên hồ sơ hoàn thuế khác với thông tin quản lý của cơ quan quản lý thuế thì cơ quan quản lý thuế thông báo bằng văn bản hoặc phản hồi thông qua cổng giao dịch điện tử để người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan quản lý thuế ban hành Thông báo, người nộp thuế có trách nhiệm gửi văn bản giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu theo Thông báo của cơ quan quản lý thuế. Trường hợp hết thời hạn giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu theo Thông báo lần 1 của cơ quan quản lý thuế mà người nộp thuế không giải trình, bổ sung hồ sơ hoàn thuế thì cơ quan quản lý thuế thông báo lần 2 gửi người nộp thuế. Thời gian giải trình, bổ sung thông tin không tính trong thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế.</p> <p><u>Khi cơ quan thuế ban hành Thông báo không hoàn thuế thì người nộp thuế không được nộp lại hồ sơ hoàn thuế.</u></p> <p><b>Lý do: Trùng lặp</b></p>	

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
khoản 1 Điều 76	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	<p><b>Tại khoản 1 Điều 76: Thẩm quyền quyết định hoàn thuế</b></p> <p><i>“1. Cục trưởng Cục Thuế, Chi cục trưởng Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Chi cục trưởng Chi cục Thuế thương mại điện tử, Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực, Đội trưởng Đội thuế cấp huyện quyết định việc hoàn thuế, thu hồi hoàn thuế đối với trường hợp hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Trường hợp hoàn thuế tự động thì ứng dụng của cơ quan thuế được quyền quyết định việc hoàn thuế thay cho Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế. (đã được sửa đổi tại Luật số 56/2024/QH15).”</i></p> <p>Đề xuất tổ soạn thảo rà soát sửa đổi thẩm quyền quy định tại Điều này để phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương sau sát nhập.</p>	Ghi nhận đề trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.
Khoản 1 Điều 77	UBND tỉnh Quảng Ngãi (CCTKV XII)	<p>Tại khoản 1 Điều 77 quy định về kiểm tra sau hoàn thuế:</p> <p><i>“1. Cơ quan quản lý thuế thực hiện kiểm tra đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước theo nguyên tắc rủi ro trong quản lý thuế và trong thời hạn <u>10 năm</u> kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế.”</i></p> <p>Đề nghị rút ngắn lại thời hạn còn 5 năm để hạn chế trường hợp NNT đã được hoàn thuế trước nhưng sau đó bỏ địa chỉ kinh doanh nhưng cơ quan Thuế chưa kiểm tra sau hoàn, gây rủi ro cho cơ quan Thuế.</p>	Theo quy định NNT có rủi ro cao phải kiểm tra sau hoàn ngay trong vòng 1 - 3 năm. Do vậy cơ quan soạn thảo xin giữ nguyên như luật hiện hành.
Điều 77	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	<p><b>Tại Điều 77. Kiểm tra sau hoàn thuế</b></p> <p><i>“1. Cơ quan quản lý thuế thực hiện kiểm tra đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước theo nguyên tắc rủi ro trong quản lý thuế và trong thời hạn 10 năm kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế.”</i></p> <p>Đề xuất sửa đổi bổ sung việc cơ quan thuế phải thực hiện kiểm tra sau hoàn đối với người nộp thuế giải thể, phá sản, chấm dứt</p>	Ghi nhận đề trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>hoạt động có hồ sơ hoàn thuế trước chưa được kiểm tra sau hoàn.</p> <p>Cụ thể:</p> <p><i>“1. Cơ quan quản lý thuế thực hiện kiểm tra đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước theo nguyên tắc rủi ro trong quản lý thuế và trong thời hạn 10 năm kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế, hoặc trước khi người nộp thuế thực hiện giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động.”</i></p> <p>Vì trên thực tế có trường hợp, người nộp thuế đã giải thể nhưng có hồ sơ hoàn trước chưa được kiểm tra sau hoàn, dẫn đến rủi ro người nộp thuế có số tiền kê khai, hoàn thuế sai quy định chưa được kiểm tra.</p>	
khoản 2 Điều 79	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	<p><b>Tại khoản 2 Điều 79</b></p> <p><i>“2. Miễn thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với tổ chức, cá nhân thuộc các trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>a) Miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân có số tiền thuế phải nộp hằng năm từ 50.000 đồng trở xuống;</i></p> <p><i>b) Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có số tiền thuế phát sinh phải nộp sau quyết toán thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công hằng năm từ 50.000 đồng trở xuống.</i></p> <p><i>c) Miễn thuế, miễn tiền chậm nộp, miễn tiền phạt đối với tổ chức, cá nhân có từng khoản tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp từ 10.000 đồng trở xuống.”</i></p> <p>Đề xuất: Sửa đổi mức miễn thuế, giảm tiền chậm nộp, miễn tiền phạt, giảm thuế tại các điểm a,b,c nêu trên thành 200.000 đồng trở xuống để thống nhất và góp phần giảm thủ tục hành chính. Theo thống kê trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thì số hộ phát sinh phi nông nghiệp dưới 200.000 đồng là 14.300/32.500 hộ chiếm 44%; tổng thu ngân sách là 1,45 tỉ đồng/</p>	Ghi nhận để nghiên cứu khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>20 tỉ đồng chiếm tỷ trọng 7,25%. Cho thấy số lượng hộ có phát sinh thuế sử dụng đất phi nông nghiệp dưới 200.000 đồng là rất nhưng số nộp chỉ chiếm tỉ trọng 7,25%.</p> <p>Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện đăng ký thuế lần đầu theo đúng quy định, cần nghiên cứu áp dụng chính sách miễn thuế, giảm thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện đăng ký thuế theo đúng thời hạn quy định tại Điều 33 dự thảo Luật Quản lý thuế. Nhằm khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ kinh doanh cá nhân kinh doanh mới thành lập hoạt động được ổn định trong thời gian đầu, kiến nghị xem xét miễn thuế từ 3 – 6 tháng đầu kể từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định thành lập;</p>	
Điều 81	Bộ KH&CN	<p>Theo dự thảo, các chính sách Luật Quản lý thuế (thay thế) gồm 06 nhóm chính sách chính: (1) Cải cách thủ tục trong quản lý thuế (2) Phân cấp phân quyền trong công tác quản lý thuế (3) Nhóm chính sách về chuyển đổi số toàn diện và tự động hóa quản lý thuế (4) Nhóm chính sách về đổi mới phương pháp quản lý đối với doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh (5) Nhóm chính sách về kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết (6) Nhóm hoàn thiện chính sách chung trong công tác quản lý thuế.</p> <p>Trong đó, tại các nhóm chính sách (2), (3) và (6) có đề cập đến sửa Điều 81 (quy định Cơ quan tiếp nhận và giải quyết hồ sơ giảm thuế, miễn thuế) có quy định về phân cấp và phân định rõ trong tổ chức thực hiện, vậy đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo <b>cần nhắc bổ sung nội dung phân cấp, phân định thẩm quyền liên quan đến các thủ tục xác nhận để được hưởng miễn thuế theo quy định.</b></p>	Ghi nhận để nghiên cứu khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Khoản 4 Điều 82a,	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	<p><b>Tại khoản 4 Điều 82a. Thời hạn giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế đối với trường hợp cơ quan quản lý thuế quyết định, thông báo miễn thuế, giảm thuế</b></p> <p>- Dự thảo:</p> <p>"4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ miễn thuế, giảm thuế hợp pháp, đầy đủ, đúng mẫu quy định do cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông chuyển đến đối với hồ sơ miễn thuế, giảm thuế cùng hồ sơ khai thuế theo cơ chế một cửa liên thông, cơ quan thuế xác định số tiền được miễn thuế, giảm thuế trên Thông báo nộp thuế hoặc thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế lý do không được miễn thuế, giảm thuế và chuyển trả hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông."</p> <p>- Đề xuất sửa đổi như sau:</p> <p>"4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ miễn thuế, giảm thuế hợp pháp, đầy đủ, đúng mẫu quy định do cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông chuyển đến đối với hồ sơ miễn thuế, giảm thuế cùng hồ sơ khai thuế theo cơ chế một cửa liên thông, cơ quan thuế xác định số tiền được miễn thuế, giảm thuế trên Thông báo nộp thuế hoặc thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế lý do không được miễn thuế, giảm thuế và chuyển trả hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông hoặc <u>trả Thông báo qua cổng giao dịch điện tử của cơ quan quản lý thuế.</u>"</p> <p>- Lý do: Tăng cường việc giải quyết thủ tục hành chính cho người nộp thuế qua môi trường số.</p>	Trong năm 2026 sẽ chỉ còn 1 cổng dịch vụ công quốc gia.
Điều 83	Bộ VH, TT và DL	<p>Đề nghị bổ sung đánh giá chính sách đề sửa đổi, bổ sung Điều 83 đối với trường hợp được khoan tiền thuế nợ, thành: "Người có thẩm quyền yêu cầu cơ quan chức năng xác minh nội dung dẫn</p>	<p>- Điểm a khoản 2 Điều 22 dự thảo Luật thay thế quy định:</p> <p>"Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra</p>

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>đến phát sinh nợ thuế và chưa có kết quả xác minh. Thời gian khoanh nợ được tính từ ngày người có thẩm quyền yêu cầu cơ quan chức năng xác minh nội dung dẫn đến phát sinh nợ thuế”.</p> <p>Lý do: Như nội dung tại mục 1 Công văn này:</p> <p>(Lý do: Trên thực tế, có trường hợp cơ quan thanh tra ban hành Kết luận thanh tra với nội dung yêu cầu đơn vị sự nghiệp phải nộp thuế (tiền thuê đất). Do còn có các ý kiến khác nhau giữa cơ quan thanh tra và các cơ quan quản lý chuyên ngành về đất đai và tài chính nên người có thẩm quyền (Thủ tướng Chính phủ) đã yêu cầu chuyển cơ quan công an để xác minh. Tuy nhiên, trong thời gian chưa có kết quả xác minh, do không được khoanh tiền nợ thuế nên cơ quan thuế vẫn tính tiền chậm nộp dẫn đến số tiền chậm nộp và tổng nợ thuế ngày càng tăng đồng thời áp dụng các biện pháp cưỡng chế về hóa đơn, trích nộp đã dẫn tới số tiền quá lớn, vượt quá khả năng nộp của đơn vị, dẫn đến những tồn đọng, vướng mắc không thể giải quyết được.)</p>	<p>nhà nước</p> <p>...2... Trường hợp người nộp thuế không đồng ý với kết luận của Thanh tra nhà nước thì người nộp thuế có quyền khiếu nại kết luận của Thanh tra nhà nước và gửi cho cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp một bản để theo dõi;”</p> <p>- Điểm c khoản 2 Điều 12 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định:</p> <p>“Điều 12. Quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại</p> <p>2. Người khiếu nại có các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>c) Chấp hành quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình khiếu nại trong thời gian khiếu nại, trừ trường hợp quyết định, hành vi đó bị tạm đình chỉ thi hành theo quy định tại Điều 35 của Luật này;”</p> <p>- Điều 35 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định:</p> <p>“Điều 35. Áp dụng biện pháp khẩn cấp</p> <p>Trong quá trình giải quyết khiếu nại, nếu xét thấy việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại sẽ gây hậu quả khó khắc phục, thì người giải quyết khiếu nại phải ra quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định đó.”</p> <p>Căn cứ các quy định nêu trên, trong thời gian khiếu nại về số tiền thuế phải nộp theo kết luận của cơ quan Thanh tra nhà nước thì NNT vẫn phải nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, trừ trường hợp người giải quyết khiếu nại tạm đình chỉ thi</p>

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIAI TRÌNH
			<p>hành.</p> <p>Do vậy, nếu bổ sung quy định khoanh tiền thuế nợ để chưa tính tiền chậm nộp và chưa thực hiện biện pháp cưỡng chế trong thời gian chờ cơ quan khác xác minh lại như ý kiến của Bộ VH TT và DL thì sẽ dẫn đến việc NNT không thực hiện nộp ngay tiền thuế theo kết luận thanh tra, không đảm bảo việc thực hiện trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc thực hiện theo kết luận của thanh tra và không phù hợp với quy định của pháp luật về thanh tra, xử lý khiếu nại nêu trên.</p>
Khoản 4, Điều 84	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	<p><b>Tại khoản 4 Điều 84. Thủ tục, hồ sơ, thời gian, thẩm quyền khoanh tiền thuế nợ</b></p> <p>- Dự thảo:</p> <p><i>"4. Các trường hợp chấm dứt hiệu lực của quyết định khoanh tiền thuế nợ:</i></p> <p><i>a) Người nộp thuế đã được khoanh tiền thuế nợ nhưng người nộp thuế tiếp tục sản xuất kinh doanh;</i></p> <p><i>b) Người nộp thuế đã được khoanh tiền thuế nợ nhưng cơ quan quản lý thuế phát hiện người nộp thuế thành lập cơ sở kinh doanh hoặc doanh nghiệp khác;</i></p> <p><i>c) Tòa án hủy quyết định trước đó tuyên bố một người đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự;</i></p> <p><i>d) Cơ quan quản lý thuế phát hiện hoặc cơ quan có thẩm quyền phát hiện và kết luận việc khoanh tiền thuế nợ không đúng quy định của pháp luật về thuế, quản lý thuế;</i></p> <p><i>đ) Số tiền thuế đã được cơ quan quản lý thuế ban hành quyết định khoanh nợ nhưng đủ điều kiện để được xóa nợ theo quy định</i></p>	<p>Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng Luật.</p>

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>tại Điều 85 Luật này.”</p> <p>- Đề xuất bổ sung trường hợp chấm dứt quyết định khoan tiền thuế nợ như sau:</p> <p>“4. Các trường hợp chấm dứt hiệu lực của quyết định khoan tiền thuế nợ:</p> <p>a) Người nộp thuế đã được khoan tiền thuế nợ nhưng người nộp thuế tiếp tục sản xuất kinh doanh;</p> <p>b) Người nộp thuế đã được khoan tiền thuế nợ nhưng cơ quan quản lý thuế phát hiện người nộp thuế thành lập cơ sở kinh doanh hoặc doanh nghiệp khác;</p> <p>c) Tòa án hủy quyết định trước đó tuyên bố một người đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>d) Cơ quan quản lý thuế phát hiện hoặc cơ quan có thẩm quyền phát hiện và kết luận việc khoan tiền thuế nợ không đúng quy định của pháp luật về thuế, quản lý thuế;</p> <p>đ) Số tiền thuế đã được cơ quan quản lý thuế ban hành quyết định khoan nợ nhưng đủ điều kiện để được xóa nợ theo quy định tại Điều 85 Luật này;</p> <p><u>e) Người nộp thuế không còn các khoản nợ thuế theo quyết định khoan nợ”</u></p> <p>- Lý do: Hiện nay trường hợp này không có quy định cụ thể.</p>	
Khoản 4 Điều 84	UBND TP Hà Nội	<p><b>Bổ sung các trường hợp chấm dứt khoan nợ</b></p> <p>Bổ sung thêm trường hợp Người nộp thuế nộp đủ số tiền khoan nợ vào NSNN vào các trường hợp phải chấm dứt khoan nợ quy định tại khoản 4 Điều 84.</p> <p>Đồng thời nghiên cứu quy định rõ: Trường hợp phải tính đủ tiền chậm nộp từ ngày khoan nợ đến ngày nộp đủ tiền thuế nợ</p>	<p>- Nội dung 1: Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng luật theo hướng bổ sung thêm trường hợp Người nộp thuế nộp đủ số tiền khoan nợ vào NSNN vào các trường hợp phải chấm dứt khoan nợ quy định tại khoản 4 Điều 84.</p> <p>- Nội dung 2: Ghi nhận ý kiến để nghiên cứu</p>



CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		(ví dụ: người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đăng ký); Trường hợp chỉ tính từ ngày ban hành quyết định chấm dứt khoanh đến ngày nộp đủ tiền thuế nợ (ví dụ: người nộp thuế đang làm thủ tục giải thể, phá sản).	xây dựng các văn bản dưới Luật.
Điều 85	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	<p><b>Điều 85. Trường hợp được xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt</b></p> <p>1. Doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản đã thực hiện các khoản thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản mà không còn tài sản để nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt.</p> <p>2. Cá nhân đã chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất năng lực hành vi dân sự mà không có tài sản, bao gồm cả tài sản được thừa kế để nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ.</p> <p>3. Các khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của người nộp thuế không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà cơ quan quản lý thuế đã áp dụng biện pháp cưỡng chế.... không có khả năng thu hồi.</p> <p><b>Đánh giá khó khăn, vướng mắc:</b> Chưa có quy định xóa tiền chậm nộp do hệ thống tính toán sai</p> <p><b>Đề xuất bổ sung nội dung quy định <u>cho phép hệ thống Quản lý thuế có chế độ cho phép thay đổi/chỉnh sửa lại/xóa tiền chậm nộp với trường hợp hệ thống tính toán chưa chính xác</u>.</b> Việc tính tiền chậm nộp sẽ theo văn bản xác định giữa cơ quan thuế quản lý và Người nộp thuế hoặc do Công chức thuế tính toán cụ thể theo số dư thuế nộp thừa (nếu có).</p> <p><b>Lý do:</b> Trong thực tế hệ thống Quản lý thuế đang được cấu hình tự động sinh ra tiền chậm nộp thuế khi có phát sinh kê khai điều chỉnh làm tăng số thuế phải nộp, không tính đến số dư thuế nộp thừa. Một số trường hợp hệ thống tính tiền chậm nộp còn chưa chính xác. Do đó cần thiết bổ sung chế độ cho phép thay</p>	Trường hợp hệ thống tính toán chưa chính xác tiền chậm nộp của NNT thì cơ quan thuế phải điều chỉnh dữ liệu trên hệ thống để phản ánh đúng nghĩa vụ của NNT. Do đây không phải là nợ thật của NNT nên việc bổ sung quy định xóa nợ tiền chậm nộp trong trường hợp hệ thống tính toán sai là không phù hợp.

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THỤ, GIẢI TRÌNH
		đổi/chỉnh sửa lại/xóa tiền chậm nộp bị tính chưa chính xác.	
Điều 87	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	<p><b>Điều 87. Thẩm quyền xóa tiền chậm nộp</b></p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với các trường hợp sau đây:c) Doanh nghiệp, ... có khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt dưới 5 tỷ đồng.</p> <p>2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định xóa nợ đối với .... từ 5 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng.</p> <p>3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định xóa nợ đối với ... từ 10 tỷ đồng đến dưới 15 tỷ đồng.4. Thủ tướng Chính phủ quyết định xóa nợ đối với ... từ 15 tỷ đồng trở lên.</p> <p><b>Định hướng sửa đổi, bổ sung:</b></p> <p>- Nghiên cứu sửa đổi thẩm quyền xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Bộ trưởng Bộ Tài chính tại khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 87 do tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy.</p> <p>- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 87 quy định Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định xóa nợ đối với ... từ 10 tỷ đồng trở lên; bỏ quy định khoản 4 Điều 87 phù hợp với định hướng của Chính phủ.</p> <p><b>Đánh giá khó khăn, vướng mắc:</b> Văn bản hiện tại chỉ quy định thẩm quyền xóa tiền chậm nộp cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Cục trưởng Cục thuế/Hải quan, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thủ tướng theo mức tiền xóa. Chưa có quy định thẩm quyền xóa tiền chậm nộp do hệ thống Quản lý thuế tính sai =&gt; Cần quy định Thủ trưởng Cơ quan thuế trực tiếp thực hiện.</p>	Trường hợp hệ thống tính toán chưa chính xác tiền chậm nộp của NNT thì cơ quan thuế phải điều chỉnh dữ liệu trên hệ thống để phản ánh đúng nghĩa vụ của NNT. Do đây không phải là nợ thật của NNT nên việc bổ sung quy định xóa nợ tiền chậm nộp và bổ sung thẩm quyền của cơ quan thuế đối với việc xóa nợ tiền chậm nộp trong trường hợp hệ thống tính toán sai là chưa phù hợp.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p><b>Đề xuất sửa đổi, bổ sung:</b> Bổ sung thẩm quyền cho <u>Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế trực tiếp xóa/Điều chỉnh tiền chậm nộp bị hệ thống tính toán chưa phù hợp.</u></p> <p>Lý do: Đề xuất bổ sung để phù hợp hơn với thực tế. Thực tế có phát sinh các trường hợp có sai sót từ hệ thống Quản lý thuế do cấu hình tự động tính tiền chậm nộp, khi đó cần phải có quy định cho phép Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế trực tiếp xử lý số liệu, không phân biệt số tiền.</p>	
Khoản 3, Điều 87	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	<p><b>Tại khoản 3 Điều 87. Thẩm quyền xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt</b></p> <p>- Dự thảo:</p> <p><i>"3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định xóa nợ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 85 của Luật này có khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt từ 10.000.000.000 đồng trở lên."</i></p> <p>- Đề xuất sửa đổi như sau:</p> <p><i>"3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định xóa nợ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 85 của Luật này có khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt từ <b>15.000.000.000 đồng</b> trở lên."</i></p> <p>- Lý do: Để phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 122/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý thuế.</p>	<p>Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 122/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ thì thẩm quyền quyết định xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với trường hợp NNT có khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt từ 15 triệu trở lên thuộc thẩm quyền của Chính phủ theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được chính phủ phân cấp cho Bộ Tài chính. Còn đối với những khoản nợ từ 10 tỷ đồng trở lên đến dưới 15 tỷ đồng thì hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế đã thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính. Do đó việc quy định Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định xóa nợ đối với NNT có khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt từ 10.000.000.000 đồng trở lên như dự thảo là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 122/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025.</p>
Khoản 2 Điều 98	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	<p><b>2. Về Khoản 2 Điều 98</b></p> <p>- Nội dung dự thảo:</p> <p><b>Điều 98. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cung cấp thông tin người nộp thuế</b></p>	<p>Nghiên cứu tiếp thu khi xây dựng dự thảo Luật.</p>

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p><i>b. Tổ chức tín dụng có trách nhiệm cung cấp thông tin về hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế được thể chấp làm tài sản bảo đảm các khoản vay theo yêu cầu của cơ quan hải quan để thực hiện ấn định thuế trước khi tài sản thể chấp được tổ chức tín dụng bán để thu hồi nợ.</i></p> <p>- <i>Góp ý:</i> Dự thảo Luật và các văn bản hướng dẫn Luật cần quy định rõ TCTD chỉ có trách nhiệm cung cấp thông tin theo thông tin mà khách hàng của TCTD cung cấp, miễn trừ trách nhiệm của TCTD trong trường hợp khách hàng của TCTD cung cấp thông tin chưa chính xác đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế.</p> <p>- <i>Căn cứ góp ý:</i> Bản thân khách hàng của TCTD chịu trách nhiệm trong việc xác định hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế/không chịu thuế. TCTD không có trách nhiệm trong việc xác định đối tượng chịu thuế của từng loại hàng hóa nhập khẩu của khách hàng.</p>	
Điều 98a	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	<p>Điều 98a: Cung cấp thông tin cho người nộp thuế.</p> <p><i>2. Khi thực hiện thủ tục pháp lý, tài chính hoặc xuất nhập cảnh theo quy định của pháp luật có yêu cầu xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế, người nộp thuế hoặc CQNN có thẩm quyền phải có văn bản đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế gửi cơ quan quản lý thuế. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế, cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế và thông báo cho NNT hoặc CQNN có thẩm quyền kết quả xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế hoặc xác nhận chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế hoặc yêu cầu NNT hoàn thiện bổ sung hồ sơ để CQ QLT có cơ sở xác nhận hoàn thành</i></p>	<p>- Luật QLT năm 2019 quy định: Người nộp thuế có quyền yêu cầu cơ quan quản lý thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của mình (Khoản 9, Điều 16); Cơ quan thuế có nhiệm vụ xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế khi có đề nghị theo quy định của pháp luật (Khoản 6, Điều 18 Luật QLT).</p> <p>- Nội dung đề nghị bổ sung (tại Khoản 2 Điều 98a) chỉ làm rõ quy định về quyền của người nộp thuế và nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế trong việc xác nhận nghĩa vụ thuế, không làm tăng thủ tục hành chính, hay khối lượng công việc phải thực hiện của NNT và cơ quan thuế, cụ thể: khi</p>

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p><i>nghĩa vụ thuế.</i></p> <p>...</p> <p><i>3. Bộ trưởng BTC quy định trường hợp, thẩm quyền, thủ tục tra soát, xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế quy định tại Điều này.</i></p> <p><b>Đánh giá khó khăn, vướng mắc:</b> Nội dung bổ sung chưa phù hợp với thực tế và tăng tải công tác hành chính của CQ QLT và cả NNT.</p> <p><b>Đề xuất sửa đổi bổ sung:</b> bỏ khoản 2 và khoản 3 điều 98a. Thay vào đó, CQ soạn thảo có thể nghiên cứu phương án quản lý khác tối ưu hơn dựa trên hệ thống dữ liệu điện tử CQ QLT đang có sẵn.</p> <p><i>Ví dụ như CQ QLT lập 1 trang web cho phép tra cứu các NNT còn chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế. Từ đó các CQ khác (ví dụ như Hải quan) có thể tự tra cứu thông tin theo MST của NNT, bao gồm cả NNT là cá nhân hay đại diện pháp lý của DN hay Nhà thầu nước ngoài.</i></p> <p><b>Lý do đề xuất:</b></p> <p>Nội dung bổ sung chưa phù hợp với thực tế và tăng tải công tác hành chính của CQ QLT và cả NNT.</p> <p>Tỷ lệ NNT chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế sẽ thấp hơn rất nhiều so với số lượng NNT hoàn thành nghĩa vụ thuế. Việc đưa nội dung tại khoản 2 vô hình chung tất cả NNT đều phải thực hiện gửi văn bản xin xác nhận và CQ QLT cũng phải thực hiện thủ tục gửi văn bản trả lời (kể cả NNT đã hoàn thành nghĩa vụ thuế, không có bất cứ hành vi nợ thuế nào).</p> <p>Ví dụ: ở khâu xuất nhập cảnh, những chủ DN thường xuyên có hoạt động hợp tác kinh doanh với nước ngoài, mỗi lần xuất nhập cảnh phải làm văn bản xin xác nhận nghĩa vụ thuế và CQ QLT</p>	<p>thực hiện thủ tục pháp lý của cơ quan khác có yêu cầu phải có xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của cơ quan thuế thì NNT\CQNN có thẩm quyền mới cần làm văn bản đề nghị xác nhận gửi cơ quan thuế; đồng thời tại Khoản 1 Điều 98a, đã đề xuất quy định “Cơ quan quản lý thuế cung cấp thông tin về tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế qua tài khoản giao dịch điện tử của người nộp thuế.”</p>

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		phải có văn bản trả lời. Mỗi lần xuất nhập cảnh dù trong 1 tháng có thể phải làm văn bản xác nhận do nghĩa vụ thuế có thể thay đổi do có các sự kiện (ví dụ thanh tra kiểm toán) làm thay đổi nghĩa vụ thuế các kỳ trước làm ảnh hưởng số dư thuế hiện tại.	
Tại Điều 99	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	<p><b>Tại Điều 99. Bảo mật thông tin người nộp thuế</b></p> <p>Đề xuất: sửa đổi bổ sung quy định rõ phạm vi được cung cấp thông tin cho các cơ quan nhà nước. Cụ thể là những cơ quan nào và trình tự thủ tục để yêu cầu cơ quan thuế cung cấp thông tin. Lý do thực tế hiện nay, có những vụ việc cơ quan điều tra khi gửi văn bản yêu cầu cung cấp thông tin người nộp thuế nhưng không cung cấp Quyết định khởi tố vụ án hình sự đối với những người nộp thuế bị yêu cầu cung cấp thông tin.</p> <p>Do đó, Thuế Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất quy định rõ cơ quan liên quan cần cung cấp các hồ sơ liên quan (ví dụ Quyết định khởi tố vụ án hình sự) khi đề nghị cung cấp thông tin nhằm bảo mật thông tin người nộp thuế.</p> <p>Trong trường hợp cơ quan điều tra công an các cấp cần sự phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin thì thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 85/2016/TTLT-BTC-BCA, đảm bảo nguyên tắc ngang cấp, quan hệ phối hợp cấp nào trước hết do cấp đó phối hợp thực hiện; thông tin được trao đổi, cung cấp giữa các bên ngang cấp, được thực hiện trực tiếp qua các đơn vị chuyên môn đầu mối được hai bên chỉ định hoặc trực tiếp giữa các bộ phận đơn vị chức năng; đối với các vụ việc có tính chất nghiêm trọng, phức tạp, vượt quá thẩm quyền, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp để phối hợp giải quyết.</p>	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu khi xây dựng Dự thảo Luật.
Điều 107	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV	<p><b>Tại Điều 107. Nguyên tắc kiểm tra thuế</b></p> <p>- Đề xuất:</p> <p>Bổ sung nguyên tắc: Áp dụng phương thức giao dịch điện tử</p>	Nghiên cứu tiếp thu cho phù hợp Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04/5/2025.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	XIX)	<p>giữa đoàn kiểm tra và người nộp thuế khi tiến hành kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế.</p> <p>- Lý do:</p> <p>Theo tinh thần chỉ đạo tại điểm 2.2, mục III Nghị quyết số 68-NQ-TW ngày 04/5/2025 của Ban chấp hành trung ương Đảng: <i>"...Xây dựng hệ thống dữ liệu và công cụ trí tuệ nhân tạo cảnh báo sớm về các nguy cơ vi phạm pháp luật. Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Triển khai thanh tra, kiểm tra trực tuyến, ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử, giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp. Miễn kiểm tra thực tế đối với các doanh nghiệp tuân thủ tốt quy định pháp luật."</i></p>	
Khoản 3 Điều 107	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	<p><b>Tại Khoản 3 Điều 107</b></p> <p><i>"3. Không cản trở hoạt động bình thường của người nộp thuế."</i></p> <p>Đề xuất bổ sung tại Khoản 3 Điều 107 hoặc thêm một Khoản quy định về số lần kiểm tra (bao gồm cả kiểm tra liên ngành) không được quá 01 lần trong năm. Cụ thể:</p> <p><i>"3. Không cản trở hoạt động bình thường của người nộp thuế. Số lần kiểm tra tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (nếu có), bao gồm cả kiểm tra liên ngành, không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng."</i></p> <p>Lý do: căn cứ Điều 4 Nghị quyết 198/2025/QH15 quy định về nguyên tắc hoạt động thanh tra, kiểm tra, cấp phép, chứng nhận, cạnh tranh và tiếp cận nguồn lực đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh:</p> <p><i>"2. Số lần kiểm tra tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (nếu có), bao gồm cả kiểm tra liên ngành, không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ"</i></p>	Ghi nhận để nghiên cứu khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THỤ, GIẢI TRÌNH
		<p>ràng.</p> <p>3. Đối với cùng một nội dung quản lý nhà nước, trường hợp đã tiến hành hoạt động thanh tra thì không thực hiện hoạt động kiểm tra hoặc đã tiến hành hoạt động kiểm tra thì không thực hiện hoạt động thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong cùng một năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng."</p> <p>Vì vậy, để thực hiện hiệu quả tinh thần của Nghị quyết, cần bổ sung quy định cụ thể tại dự thảo Luật để có căn cứ pháp lý rõ ràng khi thực hiện.</p>	
Khoản 4 Điều 107	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	<p><b>Tại Khoản 4 Điều 107:</b></p> <p><b>"Điều 107. Nguyên tắc kiểm tra thuế"</b></p> <p>4. Khi kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế, thủ trưởng cơ quan quản lý thuế phải ban hành quyết định kiểm tra"</p> <p>Đề xuất sửa đổi bỏ cụm từ <b>"tại trụ sở của người nộp thuế"</b>:</p> <p><b>"4. Khi kiểm tra thuế thủ trưởng cơ quan quản lý thuế phải ban hành quyết định kiểm tra"</b>.</p> <p>Lý do: để đảm bảo tính thống nhất, minh bạch và phù hợp với thực tiễn quản lý thuế hiện đại. Thuế Thành phố đề xuất quy định khi kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế cũng cần phải ban hành quyết định kiểm tra, xử phạt theo quy định cho từng người nộp thuế. Vì quyết định kiểm tra là cơ sở pháp lý để làm rõ trách nhiệm của cơ quan thuế, đồng thời đảm bảo quyền lợi của người nộp thuế được biết về căn cứ, nội dung, phạm vi và thời gian kiểm tra qua đó đảm bảo tính minh bạch, công khai trong hoạt động công vụ.</p> <p>Cơ quan thuế có quyền lập biên bản, xác lập hành vi vi phạm và ra quyết định xử lý hành vi vi phạm ngay sau kết thúc kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế nếu có đủ căn cứ xác định về hành vi</p>	Ghi nhận để nghiên cứu khi xây dựng dự thảo Luật.



CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>kê khai sai dẫn đến tăng số thuế phải nộp hoặc giảm số thuế được hoàn. Từ đó người nộp thuế có cơ sở để thực hiện nghĩa vụ thuế kịp thời.</p> <p>Đặc biệt, trong bối cảnh ngành Thuế đang tích cực chuyển đổi số, sử dụng trí tuệ nhân tạo trong việc thu thập, phân tích dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thuế ngày càng đóng vai trò trung tâm và <b>kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan thuế</b> đang trở thành một hình thức kiểm tra phù hợp, hiệu quả, tiết kiệm nguồn lực và tạo điều kiện thuận lợi cho cả cơ quan quản lý và người nộp thuế.</p> <p>Vì vậy, việc quy định thống nhất về việc ban hành quyết định kiểm tra khi kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế cũng như tại trụ sở cơ quan thuế sẽ góp phần chuẩn hóa quy trình quản lý rủi ro, xử lý dữ liệu điện tử, và đảm bảo tính pháp lý cho hoạt động kiểm tra trong môi trường số đang ngày càng phát triển.</p>	
Khoản 1 Điều 110	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	<p><b>Tại khoản 1 Điều 110. Kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế</b></p> <p>- Dự thảo: Chưa được quy định.</p> <p>- Đề xuất:</p> <p>+ Bổ sung 02 trường hợp kiểm tra tại trụ sở NNT: (i) NNT không có rủi ro, sẽ thực hiện kiểm tra trong thời hạn 10 năm kể từ ngày kiểm tra, thanh tra về thuế lần trước liền kề. (ii) Kiểm tra để giải quyết khiếu nại, tố cáo.</p> <p>+ Bổ sung quy định: Đối với quyết toán thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế, cho phép sử dụng kết quả xác nhận số liệu quyết toán thuế để chấm dứt hiệu lực mã số thuế do Đại lý thuế cung cấp cho NNT theo hợp đồng với NNT, làm căn cứ giải quyết hồ sơ chấm dứt hoạt động nếu như ứng dụng phân tích không rủi ro.</p> <p>- Lý do: Để tránh các trường hợp ứng dụng phân tích rủi ro</p>	<p><u>+ Đề xuất 1:</u></p> <p>(i) Việc kiểm tra thuế được thực hiện theo nguyên tắc rủi ro.</p> <p>(ii) Ghi nhận đề nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng luật theo hướng bổ sung điểm f tại khoản 1 điều 110 dự thảo Luật, cụ thể:</p> <p><i>“f) Kiểm tra được tiến hành theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, tiêu cực”</i></p> <p><u>+ Đề xuất 2:</u> Các đại lý thuế không phải là cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có chức năng kiểm tra quyết toán thuế. Bên cạnh đó, để giảm thiểu áp lực cho cơ quan thuế, các trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động mà cơ quan thuế không phải</p>

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>quá 10 năm không chọn được để đưa vào kế hoạch, thì thực hiện đưa vào kế hoạch bằng hình thức trực tiếp lựa chọn thủ công; Đã bỏ hình thức thanh tra nên cần bổ sung trường hợp kiểm tra để giải quyết khiếu nại tố cáo; Giám thủ tục phải quyết toán chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với các trường hợp phân tích số liệu không phát hiện rủi ro.</p>	<p>thực hiện quyết toán thuế, không thực hiện kiểm tra thuế sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định của Chính phủ.</p>
		<p><b>Tại khoản 5 Điều 110. Kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế</b></p> <p>- Dự thảo: Không thay đổi so với quy định tại Luật Quản lý thuế hiện hành:</p> <p><i>“b) Đối chiếu nội dung khai báo với sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính, kết quả phân tích rủi ro về thuế, dữ liệu thông tin kiểm tra tại trụ sở của cơ quan thuế các tài liệu có liên quan, tình trạng thực tế trong phạm vi, nội dung của quyết định kiểm tra thuế;”</i></p> <p>- Đề xuất bổ sung như sau:</p> <p><i>“b) Đối chiếu nội dung khai báo với sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính, kết quả phân tích rủi ro về thuế, dữ liệu thông tin kiểm tra tại trụ sở của cơ quan thuế các tài liệu có liên quan, tình trạng thực tế trong phạm vi <u>quản lý thuế</u>, nội dung của quyết định kiểm tra thuế;”</i></p> <p>- Lý do: Hiện nay thực trạng kiểm tra thuế tại trụ sở NNT chưa bao quát được hết tình hình thực hiện nghĩa vụ của NNT.</p>	<p>Việc kiểm tra thuế được thực hiện trong phạm vi, nội dung của quyết định kiểm tra để đảm bảo minh bạch với NNT. Trường hợp qua kiểm tra cơ quan thuế phát hiện phạm vi, nội dung trong quyết định chưa phù hợp có thể điều chỉnh phạm vi, nội dung quyết định kiểm tra.</p>
Khoản 1 Điều 110	UBND tỉnh Tuyên Quang	<p><b>Điều 110. Kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế</b></p> <p>1. Cơ quan Thuế kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế trong các trường hợp sau đây:</p> <p>...</p>	<p>Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng luật theo hướng sửa đổi điểm e, khoản 1 Điều 110 thành “e) Trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động, cổ phần hóa, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, chuyển địa điểm kinh doanh và các trường hợp</p>

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>e) Trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động, cổ phần hóa, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, chuyển địa điểm kinh doanh và các trường hợp kiểm tra đột xuất, kiểm tra theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, trừ trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động, chuyển địa điểm kinh doanh mà <u>cơ quan thuế</u> không phải thực hiện quyết toán thuế theo quy định của pháp luật. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết khoản này.</p> <p><b>Đề nghị sửa cụm từ: Cơ quan thuế, sửa thành: Người nộp thuế, cụ thể:</b></p> <p>Điều 110. Kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế</p> <p>1. Cơ quan Thuế kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế trong các trường hợp sau đây:</p> <p>...</p> <p>e) Trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động, cổ phần hóa, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, chuyển địa điểm kinh doanh và các trường hợp kiểm tra đột xuất, kiểm tra theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, trừ trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động, chuyển địa điểm kinh doanh mà <u>người nộp thuế</u> không phải thực hiện quyết toán thuế theo quy định của pháp luật. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết khoản này.</p> <p><b>Lý do: Xác định sai đối tượng</b></p>	<p><i>kiểm tra đột xuất, kiểm tra theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, trừ trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động, chuyển địa điểm kinh doanh mà cơ quan thuế không phải thực hiện kiểm tra quyết toán thuế theo quy định của pháp luật. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết khoản này."</i></p>
Điều 110	Thanh tra Chính phủ	<p>- Trang 80 dự thảo Bản thuyết minh có nội dung: "Thời hạn kiểm tra được xác định trong quyết định kiểm tra nhưng không quá 20 ngày làm việc tại trụ sở của người nộp thuế. Trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, nội dung phức tạp thì người ra quyết định kiểm tra có thể gia hạn 01 lần nhưng không quá 20 ngày làm việc tại trụ sở của người nộp thuế" (Điều 110). Trong khi đó, trang 24 dự thảo Tờ trình Chính sách dự án Luật Quản lý thuế (thay thế)</p>	<p>- Ý kiến 1: Tiếp thu, chỉnh sửa tại Tờ trình Chính sách dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) thành "<b>thời hạn</b> kiểm tra đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết...."</p> <p>- Ý kiến 2: Ghi nhận đề nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng luật theo hướng quy định riêng về thời hạn kiểm tra đối với doanh nghiệp</p>

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>của Bộ Tài chính có nội dung: “thời gian kiểm tra đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết không quá 40 ngày làm việc tại trụ sở người nộp thuế và gia hạn 01 lần không quá 30 ngày làm việc tại trụ sở người nộp thuế”.</p> <p>Để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong sử dụng thuật ngữ và quy định về thời hạn kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế, Thanh tra Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc nghiên cứu, sửa đổi nội dung Điều 110 theo hướng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng cụm từ “thời hạn kiểm tra” thay thế cho cụm từ “thời gian kiểm tra” (Luật Thanh tra sử dụng thuật ngữ “thời hạn kiểm tra”).</li> <li>- Quy định thời hạn kiểm tra trong trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, nội dung phức tạp cho phù hợp với đề xuất của Bộ Tài chính tại dự thảo Tờ trình chính sách dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) của Bộ Tài chính gửi Chính phủ (về thời hạn kiểm tra đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết).</li> </ul>	<p>có giao dịch liên kết, theo đó “<i>Thời hạn kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết được xác định trong quyết định kiểm tra nhưng không quá 40 ngày làm việc tại trụ sở của người nộp thuế. Trường hợp cần thiết, người đã ra quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần không quá 30 ngày làm việc tại trụ sở của người nộp thuế</i>”.</p> <p>Quy định này đã phù hợp với đề xuất tại Tờ trình của Bộ Tài chính.</p>
Điều 112a	UBND tỉnh Thái Bình	<p>Bổ sung nội dung in đậm sau tại khoản 2 Điều 112a:</p> <p><i>“Điều 112a. Kiểm tra lại trong hoạt động kiểm tra thuế:</i></p> <p><i>2. Việc kiểm tra lại được thực hiện khi có một trong những căn cứ sau đây: (Trừ các trường hợp hồ sơ đang được giải quyết theo các hình thức Khiếu nại, Tố cáo hoặc Kiểm tra nội bộ).”</i></p> <p><b>Lý do:</b> Để tránh trùng chéo các nội dung thực hiện giữa các hình thức kiểm tra.</p>	<p>Trường hợp hồ sơ đang được giải quyết theo các hình thức khiếu nại, tố cáo hoặc kiểm tra nội bộ thì sẽ được giải quyết theo quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, quy trình kiểm tra nội bộ.</p>
Điều 112b	UBND TP Hà Nội	<p><b>Về chức năng kiểm tra thuế</b></p> <p>Tại dự thảo Luật đề xuất bổ sung “<i>Điều 112b Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí, lệ phí của cơ quan nhà nước có thẩm</i></p>	<p>Đây là chức năng nhiệm vụ của Cục Quản lý, Giám sát Chính sách Thuế, phí và lệ phí, do vậy cần thiết phải giữ cụm từ “giám sát”.</p>

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>quyền”.</p> <p><b>Đề xuất:</b> Sửa tên điều “Kiểm tra, <del>giám sát</del> việc thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí, lệ phí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.</p> <p>Vì pháp luật (trong đó có Luật Quản lý thuế và các luật thuế) là công cụ để thực hiện chính sách. Chính sách do Đảng, Nhà nước ban hành và được cụ thể hóa thành luật. Do vậy, trong Luật Quản lý thuế chỉ nên quy định về giám sát thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về thuế, phí, lệ phí, không nên quy định về giám sát thực hiện chính sách thuế.</p>	
Điều 113	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	<p>Điều 113. Tham vấn, trao đổi thông tin, khảo sát trước khi thực hiện kiểm tra giá GDLK</p> <p><i>[Bỏ mục 3. Thanh tra thuế (từ Điều 113 đến 120), thay thế bằng các nội dung về kiểm tra giá Giao dịch liên kết (GDLK)].</i></p> <p>Điều 113. Tham vấn, trao đổi thông tin, khảo sát trước khi thực hiện kiểm tra giá GDLK. <i>Trước khi thực hiện kiểm tra, trong trường hợp cần thiết CQT thực hiện tham vấn, trao đổi, khảo sát, đề nghị NNT cung cấp thông tin kê khai xác định giá GDLK, hồ sơ xác định giá GDLK và các thông tin làm căn cứ xác định giá GDLK của NNT. Việc tham vấn, đề nghị cung cấp thông tin, khảo sát được thực hiện tại trụ sở CQT hoặc trụ sở NNT và CQT có văn bản thông báo cho NNT. Hình thức tham vấn, trao đổi, đề nghị cung cấp thông tin được thực hiện trực tiếp hoặc bằng văn bản đề nghị cung cấp thông tin.</i></p> <p><i>Thời hạn cung cấp thông tin không quá 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu của CQT. Trường hợp NNT có lý do khách quan, bất khả kháng thì thời hạn cung cấp thông tin được gia hạn 01 lần không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn.</i></p>	<p>Theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP quy định NNT có trách nhiệm kê khai thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết theo Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này và nộp cùng Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Các hồ sơ tài liệu chứng minh chi tiết làm căn cứ để kê khai Phụ lục II và Phụ lục III là Hồ sơ quốc gia và Hồ sơ toàn cầu được lưu tại trụ sở NNT.</p> <p>Việc kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết thường phức tạp và cần thu thập rất nhiều thông tin liên quan đến các bên liên kết của người nộp thuế thuộc đối tượng kiểm tra và các thông tin là căn cứ để NNT kê khai tại các Phụ lục đính kèm tờ khai Quyết toán thuế TNDN. Do đó, để nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, trong các trường hợp có tính chất phức tạp, cần tiến hành thủ tục tham vấn.</p>

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GỘP Ý	NỘI DUNG GỘP Ý	NỘI DUNG TIẾP THEO, GIẢI TRÌNH
		<p><i>Trường hợp thực hiện khảo sát tại trụ sở NNT, thời gian thực hiện khảo sát không quá 10 ngày làm việc tại trụ sở NNT.</i></p> <p><b>Đề xuất sửa đổi, bổ sung:</b></p> <p>1.Đề nghị sửa đổi nội dung điều 113 do NNT đã có sẵn tờ khai và các báo cáo về thông tin căn cứ xác định giá GDLK theo quy định về thuế TNDN và có thể gửi cho CQT khi có yêu cầu khảo sát.</p> <p>2.Đề nghị gộp thời gian thực hiện khảo sát về giá GDLK tại trụ sở NNT vào thời gian kiểm tra của đoàn kiểm tra tại điều 114.Theo đó, nội dung đề nghị sửa lại như sau:"<b><u>Điều 113. Tham vấn, trao đổi thông tin, khảo sát trước khi thực hiện kiểm tra giá GDLK</u></b> Trước khi thực hiện kiểm tra, trong trường hợp cần thiết CQT thực hiện tham vấn, trao đổi, khảo sát, đề nghị NNT cung cấp thông tin kê khai xác định giá GDLK, hồ sơ xác định giá GDLK và các thông tin làm căn cứ xác định giá GDLK của NNT. Việc tham vấn, đề nghị cung cấp thông tin, khảo sát được thực hiện tại trụ sở CQT hoặc trụ sở NNT và CQT có văn bản thông báo cho NNT. <del>Hình thức tham vấn, trao đổi, đề nghị cung cấp thông tin được thực hiện trực tiếp hoặc bằng văn bản đề nghị cung cấp thông tin.</del> <b><u>Trường hợp thực hiện khảo sát tại trụ sở CQT, CQT đề nghị NNT cung cấp hồ sơ quốc gia, hồ sơ toàn cầu và các tài liệu liên quan kèm theo (nếu có).</u></b> Thời hạn cung cấp thông tin không quá 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu của CQT. Trường hợp NNT có lý do khách quan, bất khả kháng thì thời hạn cung cấp thông tin được gia hạn 01 lần không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn. Trường hợp thực hiện khảo sát tại trụ sở NNT, thời gian thực hiện khảo sát không quá 10 ngày làm việc tại trụ sở NNT. <b><u>Thời gian khảo sát này được trừ vào thời gian thực hiện cuộc kiểm tra theo quy định.</u></b>"</p>	

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p><b>Căn cứ lý do đề xuất:</b></p> <p>1. Theo quy định của Luật thuế TNDN hiện hành: trên tờ khai quyết toán thuế TNDN đã có phần thông tin kê khai về GDLK và NNT có nộp báo cáo Lợi nhuận liên quốc gia hàng năm; đồng thời NNT đã thực hiện lập và lưu tại DN hồ sơ quốc gia, hồ sơ toàn cầu, trong đó có thông tin về các căn cứ xác định giá GDLK. Do đó, CQT có thể yêu cầu NNT gửi hồ sơ quốc gia, hồ sơ toàn cầu (bên cạnh tờ khai GDLK và BC lợi nhuận liên quốc gia NNT đã nộp hàng năm) với trường hợp CQT thực hiện khảo sát, thu thập thông tin tại trụ sở CQT.</p> <p>2. Với trường hợp CQT thực hiện khảo sát, thu thập thông tin tại trụ sở NNT: Đề nghị góp thời gian thực hiện khảo sát vào thời gian kiểm tra của đoàn kiểm tra tại điều 114 do Luật Thanh tra số 11/2022/QH15 cũng KHÔNG có quy định về thời gian khảo sát trước thanh tra.</p>	
Điều 114	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	<p><b>Điều 114. Kiểm tra thuế đối với DN có GDLK</b></p> <p><i>2. Thời hạn kiểm tra thuế đối với DN có GDLK được xác định trong quyết định kiểm tra nhưng không quá 40 ngày làm việc tại trụ sở của NNT. Trường hợp cần thiết, người đã ra quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần không quá 30 ngày làm việc tại trụ sở của NNT.</i></p> <p><b>Đánh giá khó khăn, vướng mắc:</b> Thời hạn 40 ngày làm việc tương ứng 15% thời gian làm việc 1 năm; nếu tính cả thời gian gia hạn 30 ngày là việc thì tổng 70 ngày làm việc tương ứng 27% thời gian làm việc 1 năm của DN, do đó sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động SXKD của DN.</p> <p><b>Đề xuất khó khăn, vướng mắc:</b></p> <p>1. Đề nghị sửa lại nội dung khoản 2 điều 114 về thời hạn kiểm tra cho đầy đủ hơn theo quy định tại điều 47 Luật Thanh tra số 11/2022/QH15</p>	<p>Trong thực tế, kiểm tra giá chuyển nhượng thường gặp nhiều khó khăn, phức tạp, dễ xảy ra tranh chấp khiếu nại, khiếu kiện do liên quan đến thuế quốc tế và bảo vệ quyền đánh thuế của các nước. Phía công ty con tại Việt Nam do chịu sự chỉ phối, kiểm soát từ Công ty mẹ nên vấn đề xử lý qua thanh tra, kiểm tra Công ty con báo cáo về Công ty mẹ quyết định và nhiều trường hợp các đoàn thanh tra phải chờ sắp xếp lịch làm việc đối thoại trực tiếp với Công ty con tại Việt Nam và Công ty mẹ nên thời gian thực hiện thanh tra thường kéo dài. Vì vậy để đảm bảo việc kiểm tra đối với doanh nghiệp giao dịch có liên kết đạt hiệu quả, đồng thời không gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, Cơ quan soạn thảo ghi nhận đề nghiên cứu tiếp</p>

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>11/2022/QH15, trong đó có quy định lại theo "<u>ngày làm việc</u>":</p> <p>"2. Thời hạn kiểm tra thuế đối với DN có GDLK được xác định trong quyết định kiểm tra <u>và theo quy định như sau</u>:</p> <p>- <u>Cuộc kiểm tra do Bộ, Cục thuế tiến hành không quá 40 ngày làm việc tại trụ sở của NNT. Trường hợp cần thiết, người đã ra quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần không quá 30 25 ngày làm việc tại trụ sở của NNT.</u></p> <p>- <u>Cuộc kiểm tra do Chi cục thuế tiến hành không quá 25 ngày làm việc tại trụ sở của NNT. Trường hợp cần thiết, người đã ra quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần không quá 10 ngày làm việc tại trụ sở của NNT.</u>"</p> <p>Lý do đề xuất:</p> <p>- Luật Thanh tra số 11/2022/QH15:</p> <p>"Điều 47. Thời hạn thanh tra 1. Thời hạn thực hiện một cuộc thanh tra được quy định như sau:</p> <p>a) Cuộc thanh tra do Thanh tra Chính phủ tiến hành không quá 60 ngày; ...;</p> <p>b) Cuộc thanh tra do Thanh tra Bộ, Thanh tra Tổng cục, Cục, Thanh tra tỉnh tiến hành không quá <u>45 ngày</u>; trường hợp phức tạp thì có thể gia hạn một lần không quá <u>30 ngày</u>;</p> <p>c) Cuộc thanh tra do <u>Thanh tra sở, Thanh tra huyện</u> tiến hành <u>không quá 30 ngày</u>; trường hợp phức tạp hoặc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì có thể gia hạn một lần không quá <u>15 ngày</u>."</p>	<p>thu giai đoạn xây dựng luật để đề xuất thời gian kiểm tra đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết tại Cơ quan thuế (bao gồm cả cấp Cục và cấp Chi cục Thuế) .</p>



CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 114	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	<p><b>Điều 114. Kiểm tra thuế đối với DN có GDLK</b></p> <p>Đề nghị bổ sung khoản 3 vào điều 114 nội dung về giới hạn số lần kiểm tra chỉ 01 lần trong năm theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân do hoạt động kiểm tra giá GDLK là cùng một nội dung quản lý với hoạt động kiểm tra thuế của CTQ:</p> <p><b><u>"3. Trong một năm nếu đã thực hiện kiểm tra giá GDLK thì không thực hiện hoạt động kiểm tra thuế khác đối với DN và ngược lại, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng."</u></b></p> <p><b>Lý do đề xuất:</b></p> <p>- Nghị quyết 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân:</p> <p><i>"Điều 4. Nguyên tắc hoạt động thanh tra, kiểm tra, cấp phép, chứng nhận, cạnh tranh và tiếp cận nguồn lực đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh</i></p> <p><i>1. Số lần thanh tra đối với mỗi doanh nghiệp, hộ .. (nếu có) không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.</i></p> <p><i>2. Số lần kiểm tra tại doanh nghiệp, hộ .. (nếu có), bao gồm cả kiểm tra liên ngành, không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.</i></p> <p><i>3. Đối với cùng một nội dung quản lý nhà nước, trường hợp đã tiến hành hoạt động thanh tra thì không thực hiện hoạt động kiểm tra hoặc đã tiến hành hoạt động kiểm tra thì không thực hiện hoạt động thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong cùng một năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng."</i></p>	Kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết cũng thực hiện theo nguyên tắc như kiểm tra thuế nói chung và tuân theo nguyên tắc hoạt động tại Nghị quyết 198/2025/QH15. Do đó, không cần thiết bổ sung quy định giới hạn số lần kiểm tra như ý kiến của Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội. Trường hợp cần thiết thì phải bổ sung vào quy định chung đối với kiểm tra thuế.
Điều 114	UBND TP	Về việc kiểm tra giá giao dịch liên kết	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ-THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Hà Nội	<p>Tại dự thảo Luật đề xuất bổ sung:</p> <p><i>"Điều 114. Kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết ...</i></p> <p><i>2. Thời hạn kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết được xác định trong quyết định kiểm tra nhưng không quá 40 ngày làm việc tại trụ sở của người nộp thuế. Trường hợp cần thiết, người đã ra quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần không quá 30 ngày làm việc tại trụ sở của người nộp thuế."</i></p> <p><b>Đề xuất:</b> Gia hạn thời gian kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết từ 30 ngày tăng lên 40 ngày vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đảm bảo đủ thời gian để kiểm tra những trường hợp phức tạp về giao dịch liên kết.</li> <li>+ Đảm bảo nhất quán nguyên tắc: thời gian gia hạn bằng một lần thời gian kiểm tra chuẩn của trường hợp bình thường.</li> </ul>	<p>dụng luật theo hướng <i>"Điều 114. Kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết ...</i></p> <p><i>2. Thời hạn kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết được xác định trong quyết định kiểm tra nhưng không quá 40 ngày làm việc tại trụ sở của người nộp thuế. Trường hợp cần thiết, người đã ra quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần không quá 30 40 ngày làm việc tại trụ sở của người nộp thuế."</i></p>
Điều 115	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	<p><b>Điều 115. Nguyên tắc kiểm tra việc xác định giá GDLK</b></p> <p><i>"Kiểm tra việc xác định giá GDLK là một nội dung trong kiểm tra thuế đối với DN có GDLK và thực hiện theo nguyên tắc sau: 1. Kiểm tra việc xác định giá GDLK của NNT theo nguyên tắc giá GD độc lập và bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế tương ứng với giá trị tạo ra từ bản chất giao dịch, hoạt động SXKD của NNT, không công nhận các GDLK không theo nguyên tắc GD độc lập làm giảm nghĩa vụ thuế của DN với NSNN để xác định đúng nghĩa vụ thuế của NNT."</i></p> <p><b>Đề nghị bỏ đoạn nội dung</b> <i>"không công nhận các GDLK không theo nguyên tắc GD độc lập làm giảm nghĩa vụ thuế của DN với NSNN để xác định đúng nghĩa vụ thuế của NNT"</i> trong khoản 1: <i>"Kiểm tra việc xác định giá GDLK là một nội dung trong kiểm tra thuế đối với DN có GDLK và thực hiện theo nguyên tắc sau: 1. Kiểm tra việc xác định giá GDLK của NNT theo nguyên tắc</i></p>	<p>Mục tiêu và nguyên tắc xây dựng quy định pháp luật về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết nhằm đảm bảo các giao dịch liên kết tuân theo nguyên tắc giao dịch độc lập để xác định đúng nghĩa vụ với NSNN.</p> <p>Nguyên tắc phân tích, so sánh giao dịch liên kết phải phù hợp với giao dịch độc lập. Các phương pháp so sánh, xác định giá giao dịch liên kết đều thực hiện dựa trên nguyên tắc nêu trên.</p> <p>Các nguyên tắc này phù hợp với thông lệ quốc tế chung được các nước áp dụng, bao gồm các hướng dẫn của OECD và hành động 8-10 BEPS mà Việt Nam là thành viên. Nếu bỏ quy định này, vô hình chung Việt Nam từ bỏ quyền trong việc đánh thuế trong xác định giá giao dịch liên kết mà</p>

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p><i>giá GD độc lập và bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế tương ứng với giá trị tạo ra từ bản chất giao dịch, hoạt động SXKD của NNT, không công nhận các GDLK không theo nguyên tắc GD độc lập làm giảm nghĩa vụ thuế của DN với NSNN để xác định đúng nghĩa vụ thuế của NNT."</i></p> <p>Lí do: các quy định hiện hành về GDLK, việc xác định giá GDLK có nhiều phương pháp xác định khác nhau, đặc biệt với các sản phẩm công nghệ cao, công nghệ mới việc xác định giá GDLK không dễ có giao dịch độc lập tương tự để so sánh mà phải sử dụng các phương pháp định giá đặc thù khác và có thể sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp. Việc quy định không công nhận các GDLK không theo nguyên tắc GD độc lập là chưa đảm bảo đầy đủ và khách quan theo thực tiễn xác định giá.</p>	các quốc gia đang áp dụng.
Mục 3 về GDLK	Tập đoàn công nghiệp - viên thông quân đội	<p><b>Mục 3 về GDLK</b></p> <p>Nội dung dự thảo: Chưa có quy định</p> <p><b>Đánh giá khó khăn, vướng mắc:</b> Mỗi DN đều phải thuê các đối tác tư vấn để có thông tin tham khảo về đối tượng so sánh giao dịch độc lập do chi phí tự mua dữ liệu là rất cao. Đồng thời trong thực tế để tiết kiệm CP, DN cũng khó có thể duy trì việc thuê đơn vị tư vấn đồng hành thường xuyên mà thường chỉ thuê tư vấn vào một thời điểm quan trọng nào đó, do đó thông tin tham khảo về đối tượng, chỉ số so sánh độc lập có thể không kịp thời, chủ động và thường xuyên ngay từ khi DN xây dựng giá GDLK. Có khi giao dịch đã kết thúc DN mới có thêm các thông tin tham khảo về đối tượng, chỉ số so sánh độc lập đáng tin cậy hơn để đối chiếu lại và có thể phải thực hiện điều chỉnh.</p> <p><b>Đề nghị bổ sung</b> một điều tại mục về GDLK để quy định về <u>vai trò hỗ trợ, đồng hành của COT trong việc cung cấp các cơ sở dữ liệu so sánh độc lập, chỉ số trung bình ngành,...</u> hỗ trợ cho DN có thêm các căn cứ tin cậy để tham khảo khi xây dựng</p>	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHU THỂ GỢP Ý	NỘI DUNG GỢP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>giá GDLK, đồng thời CQT và NNT cũng sẽ dễ dàng hơn trong việc có cùng một nguồn cơ sở dữ liệu so sánh trong quá trình kiểm tra, đánh giá về giá GDLK.</p> <p><b>Lý do:</b> CQT là cơ quan có cơ sở dữ liệu của NNT toàn quốc và là cơ quan có lợi thế về các nguồn dữ liệu đa dạng từ nhiều đối tác, cơ quan hợp tác trong và ngoài nước. Do đó CQT có thể hỗ trợ công bố các chỉ số trung bình ngành; chỉ số giá trung bình của các nhóm Hàng hóa - dịch vụ; chỉ số trung bình của loại hình DN; các chỉ số tài chính kinh doanh khác để DN có thêm nguồn dữ liệu tin cậy, đa dạng để tham khảo ngay từ khi nghiên cứu xây dựng chính sách giá GDLK. Đặc biệt các DN có quy mô lớn, có sản phẩm mới trong nước chưa sản xuất được sẽ phải tìm kiếm, tham khảo các đối tượng so sánh ở nước ngoài, việc này rất khó khăn cho DN khi tiếp cận các nguồn thông tin chính thống.</p> <p>CQT khi tiến hành kiểm tra GDLK của DN, nếu DN và NNT có cùng một nguồn cơ sở dữ liệu so sánh và thông tin công khai thì việc đánh giá, trao đổi sẽ dễ dàng thống nhất và có tính thuyết phục cao; tránh trường hợp phát sinh vướng mắc do sử dụng các nguồn thông tin không rõ ràng, thông tin không được công bố công khai.</p>	
Khoản 2 Điều 125	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	<p><b>3. Khoản 2 Điều 125</b></p> <p>- Nội dung dự thảo:</p> <p><b>“Điều 125. Biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế</b></p> <p><i>Các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế quy định tại khoản 1 Điều này chấm dứt hiệu lực kể từ khi số tiền nợ thuế bị cưỡng chế đã được nộp đủ vào NSNN hoặc số tiền thuế nợ bị cưỡng chế được cơ quan quản lý thuế ban hành quyết định nộp dần tiền nợ hoặc quyết định gia hạn nộp</i></p>	Ghi nhận để quy định chi tiết hơn tại Nghị định.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p><i>thuế hoặc quyết định miễn tiền chậm nộp thuế hoặc thông báo không tính tiền chậm nộp hoặc theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền."</i></p> <p>- <i>Góp ý:</i></p> <p>Đề nghị quy định rõ theo hướng cơ quan quản lý thuế phải ra văn bản chấm dứt hiệu lực của quyết định cưỡng chế thuế theo đúng quy định. Thực tế, một số trường hợp cơ quan thuế chậm thực hiện việc này nên NNT/TCTD gặp khó khăn trong quá trình sử dụng tài khoản đang bị phong tỏa.</p> <p>- <i>Căn cứ góp ý:</i></p> <p>Trong nhiều trường hợp, do chưa có quyết định chấm dứt hiệu lực của Quyết định cưỡng chế, khi hết thời gian hiệu lực của Quyết định cưỡng chế, TCTD cũng không có cơ sở để khấu trừ tài khoản đã phong tỏa, cũng không có cơ sở để chấm dứt phong tỏa đối với tài khoản bị phong tỏa. Do vậy, Cơ quan quản lý thuế cần ban hành các Quyết định liên quan kịp thời làm cơ sở thực hiện.</p>	

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 125	UBND TP Hà Nội	<p><b>3. Về các biện pháp cưỡng chế</b></p> <p>Điều 125 Luật Quản lý thuế hiện hành đang quy định 7 biện pháp cưỡng chế gồm: (1) <i>Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế</i>; (2) <i>Khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập</i>; (3) <i>Dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu</i>; (4) <i>Ngừng sử dụng hóa đơn</i>; (5) <i>Kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên</i>; (6) <i>Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ</i>; (7) <i>Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</i>.</p> <p>Dự thảo Luật vẫn giữ nguyên 7 biện pháp cưỡng chế và đề xuất thêm 01 biện pháp cưỡng chế: “<i>Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản</i>”.</p> <p><b>Đánh giá:</b></p> <p>- Thực tế triển khai công tác cưỡng chế nợ thuế trong các năm qua (từ Luật QLT số 78/2006/QH11 năm 2006 đến Luật QLT số 38/2019/QH14 năm 2019) thì hầu hết các Cơ quan Thuế trong cả nước chưa triển khai được biện pháp “<i>Kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên</i>” do vướng mắc về trình tự, thủ tục trong quá trình triển khai; biện pháp “<i>Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ</i>” triển khai rất hạn chế do khó khăn trong việc thu thập thông tin để áp dụng biện pháp cưỡng chế này, hầu hết các đối tượng nợ thuế và đã bị áp dụng đến biện pháp cưỡng chế này đều không còn khả năng nộp, các khoản công nợ với bên thứ ba cũng đã bị bù trừ công nợ.... Việc xử lý tài sản của người nộp thuế nợ thuế cần có cơ quan chuyên môn (như Tòa án, Thi hành án) thực hiện sẽ có hiệu quả hơn.</p> <p>- Ngoài ra Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 năm 2019 chưa quy định cụ thể các biện pháp cưỡng chế đối với từng loại</p>	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>người nộp thuế như: doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân làm công ăn lương dẫn đến các cơ quan thuế còn lúng túng trong triển khai, hiệu quả triển khai cưỡng chế đối với từng nhóm đối tượng còn hạn chế.</p> <p>- Hiện Chính phủ đang triển khai nhiều giải pháp thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, xuất hóa đơn điện tử ngay khi bán hàng hóa, dịch vụ, đặc biệt là các Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Do đó, Chi cục Thuế Khu vực I đánh giá biện pháp cưỡng chế <i>“Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thì hành quyết định hành chính về quản lý thuế tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác; phong tỏa tài khoản”</i> sẽ phát huy hiệu quả hơn nữa trong thời gian tới; đối với biện pháp hành chính như cưỡng chế ngừng sử dụng hóa đơn đề nghị cần giảm tần suất thực hiện (hiện nay, đang khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng hóa đơn khi mua bán hàng hóa, dịch vụ).</p> <p>- Đối với biện pháp cưỡng chế: <i>“Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản”</i>, theo quy định tại khoản 2 Điều 109 Luật Phá sản thì: <i>“Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, Tòa án nhân dân phải gửi quyết định cho cơ quan đăng ký kinh doanh để <u>xoá tên doanh nghiệp, hợp tác xã trong sổ đăng ký kinh doanh...</u>”</i>. Như vậy khi cơ quan thuế đã thực hiện biện pháp <i>Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản</i> thì không cần thiết phải thực hiện biện pháp <i>Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</i></p> <p><b>Đề xuất:</b></p> <p>- Bỏ biện pháp cưỡng chế (1) <i>Kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên; (2) Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thì hành quyết định hành chính về quản lý thuế do cơ quan, tổ</i></p>	

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHU THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p><i>chức, cá nhân khác đang nắm giữ.</i></p> <p>- Quy định biện pháp cưỡng chế phù hợp với từng đối tượng:</p> <p>+ Đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, các biện pháp đề xuất áp dụng như sau:</p> <p>(1) <i>Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác; phong tỏa tài khoản;</i></p> <p>(2) <i>Dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;</i></p> <p>(3) <i>Ngừng sử dụng hóa đơn;</i></p> <p>(4) <i>Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.</i></p> <p>+ Đối với người nộp thuế là tổ chức, các biện pháp đề xuất áp dụng như sau:</p> <p>(1) <i>Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác; phong tỏa tài khoản.</i></p> <p>(2) <i>Ngừng sử dụng hóa đơn.</i></p> <p>(3) <i>Thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.</i></p> <p>+ Đối với người nộp thuế là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, cá nhân làm công ăn lương:</p> <p>(1) <i>Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác; phong tỏa tài khoản;</i></p>	



CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIAI TRÌNH
		<p>(2) Khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập;</p> <p>(3) Ngừng sử dụng hóa đơn (đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh);</p> <p>(4) Khởi kiện ra tòa án để thu hồi tiền thuế nợ vào ngân sách Nhà nước.</p> <p>- Về hiệu lực của các biện pháp cưỡng chế:</p> <p>+ Biện pháp “Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác; phong tỏa tài khoản” có hiệu lực thi hành trong thời hạn 1 năm kể từ ngày ghi trên quyết định (đề xuất bổ sung Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế nội dung về việc Cơ quan Thuế định kỳ hàng tháng theo dõi dữ liệu tài khoản ngân hàng của người nộp thuế truyền sang Cơ quan Thuế, nếu có phát sinh thêm tài khoản thì bổ sung thêm Quyết định cưỡng chế tài khoản).</p> <p>+ Bổ sung thời hạn áp dụng biện pháp cưỡng chế tiếp theo, cơ sở để chuyển sang biện pháp cưỡng chế cuối cùng đối với từng nhóm đối tượng (ví dụ: đối với doanh nghiệp là cưỡng chế hóa đơn 3 năm liên tiếp thì chuyển sang biện pháp nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản).</p>	

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 126	Bộ KH&CN	<p>Để phân định rõ thẩm quyền của cơ quan được giao quản lý thu các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu sửa đổi, bổ sung như sau:</p> <p>- Nội dung Điều 126. Thẩm quyền quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế: Đề nghị bổ sung thẩm quyền cưỡng chế cho cơ quan được giao quản lý các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước để đồng bộ với nguyên tắc quản lý thuế tại điểm b khoản 2 Điều 5.</p>	Ghi nhận đề nghiên cứu tiếp thu để thực hiện chủ trương phân định thẩm quyền đồng thời xử lý bất cập hiện nay, cơ quan nhà nước có thẩm quyền được giao quản lý thu khác thuộc ngân sách đang không có biện pháp gì để yêu cầu NNT nộp dẫn đến số nợ NSNN tăng, cơ quan thuế cũng không có sự phối hợp để thu (ví dụ như các khoản phí).
Khoản 3 Điều 127	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	<p><b>Về Khoản 3 Điều 127</b></p> <p>- Nội dung dự thảo:</p> <p><b>“Điều 127. Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế</b></p> <p>3. Quyết định cưỡng chế có hiệu lực thi hành trong thời hạn 01 năm kể từ ngày ban hành quyết định; trường hợp cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thì có hiệu lực thi hành trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành quyết định.”</p> <p>- Góp ý: Đề nghị quy định rõ khi hết 30 ngày, TCTD sẽ dừng việc phong tỏa tài khoản khách hàng hay TCTD chỉ dừng phong tỏa khi có quyết định chấm dứt phong tỏa từ cơ quan thuế.</p> <p>- Căn cứ góp ý: Đề TCTD có cơ sở thực hiện theo đúng quy định. Tránh trường hợp cơ quan quản lý thuế không yêu cầu chấm dứt phong tỏa hoặc NNT cho rằng hết thời hạn 30 ngày là đương nhiên chấm dứt phong tỏa tài khoản.</p>	Ghi nhận đề rà soát quy định cho minh bạch.
Khoản 3 Điều 134	Ngân hàng TMCP Ngoại	<p><b>Về Khoản 3 Điều 134</b></p> <p>- Nội dung dự thảo:</p> <p><b>“Điều 134. Cưỡng chế bằng biện pháp thu tiền, tài sản khác</b></p>	Ghi nhận đề hướng dẫn chi tiết hơn tại Nghị định. Luật chỉ quy định nguyên tắc.

CHÍNH SÁCH/VĂN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	thương VN	<p><i>của đối tượng bị cưỡng chế do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang giữ</i></p> <p><i>d. Bên thứ ba không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về khoản nợ hoặc khoản tiền, tài sản khác đang nắm giữ của đối tượng bị cưỡng chế cho cơ quan quản lý thuế theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này thì bị xử phạt VPHC theo quy định tại Chương XV của Luật này."</i></p> <p>- <i>Góp ý:</i> Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật cần quy định rõ phương thức thông báo cho bên thứ ba yêu cầu cung cấp thông tin về khoản nợ, khoản tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế.</p> <p>- <i>Căn cứ góp ý:</i> Thông tin về tài sản của khách hàng của TCTD được bảo mật theo quy định của pháp luật. Việc cung cấp thông tin về khoản nợ, khoản tiền gửi hay tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế là khách hàng của TCTD phải có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền.</p>	
Chương XV Xử phạt vi phạm hành chính về QLT	UBND tỉnh Quảng Ngãi (CCTKV XII)	<p>Đề xuất bổ sung quy định về nộp tiền từng lần đối với thi hành quyết định phạt tiền. Luật Xử lý vi phạm hành chính đã có quy định về hoãn thi hành quyết định và tại Dự thảo Luật quản lý thuế đã có bổ sung quy định cụ thể Điều 139a về hoãn thi hành quyết định phạt tiền. Đồng thời tại Điều 79 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020) cũng có quy định về nộp tiền phạt nhiều lần, do đó Chi cục Thuế đề xuất quy định này cũng được cụ thể hóa tại Dự thảo Luật.</p>	<p>Việc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được quy định chi tiết tại Luật Xử lý vi phạm hành chính (mục 2 Chương II), trong đó, <u>Điều 79 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020) cũng có quy định về nộp tiền phạt nhiều lần.</u></p> <p>Nghị định số 125/2020/NĐ-CP cũng đã quy định việc miễn, giảm tiền phạt VPHC được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính.</p> <p>Theo đó, đối với các quyết định xử phạt VPHC về thuế, hóa đơn cũng được thi hành theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Xử lý vi phạm</p>

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			hành chính với các thủ tục như nộp tiền từng lần, miễn giảm, hoãn quyết định phạt tiền. Do đó, không cần thiết phải quy định thủ tục này tại Luật Quản lý thuế.
Điều 136	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	<p>Về Điều 136</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nội hiện tại tại Luật Quản lý thuế 2019:</li> </ul> <p>Chưa có quy định về mức tiền phạt tối đa đối với VPHC về hoá đơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Góp ý: Đề nghị bổ sung quy định mức tiền phạt tối đa đối với VPHC về hoá đơn (trừ sử dụng hoá đơn bất hợp pháp, sử dụng bất hợp pháp hoá đơn) là số tiền thuế phát sinh từ hoá đơn.</li> <li>Căn cứ góp ý: Hiện nay, vi phạm về hoá đơn bị xử phạt theo từng số hoá đơn. Điều này dẫn tới tình trạng dù hoá đơn chỉ có số tiền thanh toán và tiền thuế rất nhỏ (ví dụ phí dịch ngân hàng, phí dịch vụ chung cư, điện, nước) nhưng tiền phạt VPHC lại rất lớn, vượt quá nhiều lần số tiền thuế. Khi đó, mức phạt không tương xứng với hậu quả vi phạm và vượt quá mức răn đe cần thiết. Để khắc phục tình trạng này, cần có quy định đặc thù về xử phạt hoá đơn là mức phạt không vượt quá số tiền thuế.</li> </ul>	<p>Mức phạt tiền tối đa của một hành vi vi phạm về hóa đơn đã được quy định tại Luật XLVPHC là 50 triệu đối với cá nhân và 100 triệu đối với tổ chức. Trên cơ sở đó, Nghị định 125/2020/NĐ-CP đã xây dựng khung hình phạt cho các hành vi trên cơ sở Nghị định 123/2020/NĐ-CP, mức tiền xử phạt đối với từng hành vi được thiết kế căn cứ trên cơ sở tính chất của hành vi, mức độ và hậu quả của hành vi và không vượt quá mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi theo quy định để bảo đảm mức răn đe cho từng hành vi vi phạm.</p> <p>Đối với trường hợp vi phạm hành chính về hóa đơn, đối tượng vi phạm có nhiều hành vi vi phạm sẽ bị xử phạt theo từng hành vi do không thuộc trường hợp loại trừ theo quy định về XPVPHC trong lĩnh vực hóa đơn, không phân biệt giá trị hay số thuế ghi trên hóa đơn lớn hay nhỏ (<i>Cách xác định xử phạt này được quy định từ những năm 2000 và chỉ thay đổi khung tiền phạt do mức thu nhập bình quân và giá trị hàng hóa dịch vụ tăng</i>).</p> <p>Để bảo đảm tính răn đe và khả năng thi hành quyết định xử phạt, hiện nay, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 125/2020/NĐ-CP đang thiết kế theo hướng gom nhiều hành vi vi phạm về hóa đơn cùng loại (ví dụ: hóa đơn xuất chậm thời điểm) thành 1 hành vi xuất hóa đơn</p>

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			không đúng thời điểm ( <i>không phân biệt giá trị hay số thuế ghi trên hóa đơn</i> ) với khung phạt tiền áp dụng trên cơ sở số lượng hành vi vi phạm cùng loại sau khi gom trong một thời điểm phát hiện. Đồng thời, dự kiến đề xuất tăng mức phạt tiền tối đa đối với hóa đơn lên đến 100 triệu đối với cá nhân và 200 triệu đối với tổ chức do mức phạt tiền tối đa hiện nay không phù hợp với nguyên tắc gom trong trường hợp hành vi vi phạm về hóa đơn cùng loại có số lượng lớn trong một thời điểm phát hiện tại Luật QLT để sửa đổi bổ sung cho Luật XLVPHC.
Điều 137	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	<p><b>Tại khoản 1 Điều 137. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế</b></p> <p>- Dự thảo:</p> <p><i>"1. Đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế, hành vi vi phạm về hóa đơn thì thời hiệu xử phạt là 02 năm kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm."</i></p> <p>- Đề xuất sửa đổi như sau:</p> <p><i>"1. Đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế, hành vi vi phạm về hóa đơn thì thời hiệu xử phạt là 02 năm kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm."</i></p> <p>- Lý do: Hành vi vi phạm về hóa đơn được Nghị định quy định chi tiết 02 trường hợp: hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu xử phạt tính từ ngày chấm dứt hành vi vi phạm. Do đó, Luật chỉ cần quy định 02 năm, giao Nghị định hướng dẫn ngày bắt đầu tính thời hiệu xử phạt.</p>	Tiếp thu ý kiến của đơn vị.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 137	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	<p>Điều 137. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế</p> <p>2. Đối với hành vi trốn thuế chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu thì thời hiệu xử phạt là <b>05 10 năm</b> kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm.</p> <p><b>Đề nghị sửa lại</b> thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế vẫn là 05 năm như quy định hiện hành.</p> <p>"2. Đối với hành vi trốn thuế chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu thì thời hiệu xử phạt là <b>10 05 năm</b> kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm."</p> <p>Lý do: Mức 05 năm hiện nay vẫn là phù hợp với thực tiễn công tác thanh-kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước đối với các DN. Việc kéo dài thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính có thể dẫn đến việc CQT quản lý không triển khai công tác kiểm tra thường xuyên, kịp thời. Về phía DN, thực tế mức độ luân chuyển nhân sự, thay đổi tổ chức tại các DN hiện nay diễn ra rất nhanh chóng, thường chu kỳ chỉ 3-5 năm, do đó DN thường mong muốn được kiểm tra kịp thời để yên tâm điều hành SXKD cũng như thực hiện các chiến lược luân chuyển nhân sự.</p>	Tiếp thu ý kiến của đơn vị, đơn vị soạn thảo sẽ giữ nguyên thời hiệu 05 năm tại Luật Quản lý thuế.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 141-143	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	<p><b>Tại Điều 141. Hành vi vi phạm thủ tục thuế; Điều 142. Hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu; Điều 143. Hành vi trốn thuế</b></p> <p>- Dự thảo: Nội dung tại các Điều 141, Điều 142, Điều 143 chưa quy định đối với các hành vi vi phạm của người nộp thuế đối với các khoản thu do cơ quan quản lý thuế tính thuế thông báo nộp hoặc cơ quan chức năng thông báo nộp.</p> <p>- Đề xuất: Bổ sung nhóm các hành vi vi phạm về thuế đối với các khoản thu do cơ quan quản lý thuế tính thuế hoặc cơ quan chức năng thông báo nộp thuế.</p> <p>- Lý do: Nhằm bao quát hết các nhóm hành vi vi phạm về thuế phát sinh trong thực tiễn quản lý thuế.</p>	<p>Nội dung tại các Điều 141, Điều 142, Điều 143 quy định các hành vi vi phạm thủ tục thuế; hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp ...; hành vi trốn thuế và được áp dụng đối với NNT nói chung, trong đó không phân biệt NNT tự khai tự nộp, hay NNT có các khoản thu do cơ quan quản lý thuế tính thuế thông báo nộp hoặc cơ quan chức năng thông báo nộp.</p> <p>Như vậy, nhóm các hành vi vi phạm về thuế đối với các khoản thu do cơ quan quản lý thuế tính thuế hoặc cơ quan chức năng thông báo nộp thuế đã được quy định tại các Điều 141, Điều 142, Điều 143 nên Ban PC không tiếp thu ý kiến của CCTKV XIX v/v bổ sung nhóm các hành vi này.</p>
Khoản 1 Điều 144	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	<p><b>4. Về Khoản 1 Điều 144</b></p> <p>- Nội dung hiện tại tại Luật Quản lý thuế 2019:</p> <p><b>“Điều 144. Xử lý hành vi vi phạm của Ngân hàng thương mại, người bảo lãnh nộp tiền thuế trong lĩnh vực quản lý thuế</b></p> <p>1. Ngân hàng thương mại không thực hiện trách nhiệm trích chuyển tiền từ tài khoản của người nộp thuế vào tài khoản của ngân sách nhà nước đối với số tiền thuế nợ phải nộp của người nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế thì bị phạt số tiền tương ứng với số tiền không trích chuyển vào tài khoản của ngân sách nhà nước, trừ trường hợp các tài khoản của người nộp thuế không còn số dư hoặc đã trích chuyển toàn bộ số dư tài khoản của người nộp thuế vào tài khoản của ngân sách nhà nước nhưng vẫn không đủ số tiền thuế nợ mà người nộp thuế phải nộp.”</p> <p>- Góp ý: Đề nghị bổ sung trường hợp bất khả kháng, có lý do</p>	Ghi nhận để rà soát quy định cho minh bạch.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>chính đáng và các trường hợp khác do yếu tố khách quan, không phải lỗi của Ngân hàng.</p> <p>- <i>Căn cứ góp ý:</i> Trên thực tế, ngoài lý do về số dư tài khoản của NNT còn có các lý do khác khiến Ngân hàng không thể trích chuyển. Chẳng hạn như tại cùng một thời điểm, Ngân hàng nhận được đồng thời nhiều văn bản yêu cầu từ các cơ quan có thẩm quyền (cơ quan thuế, cơ quan thi hành án,...). Trong trường hợp này, ngân hàng cần thống nhất với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để có cơ sở thực hiện.</p>	
Ý kiến khác về Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách	UBND tỉnh Tuyên Quang	<p>- Đề nghị sửa toàn bộ cụm từ trong dự án: Cơ quan quản lý thuế, sửa thành: Cơ quan thuế.</p> <p>Lý do: Sửa câu từ cho đồng nhất trong dự thảo (ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu)</p> <p>- Đề nghị bỏ toàn bộ các cụm từ: Thanh tra thuế. Lý do: Cơ quan thuế không còn chức năng thanh tra thuế.</p>	<p>- Ý kiến 1: Tại khoản 2 Điều 2 Luật Quản lý thuế năm 2019 đã quy định về cơ quan quản lý thuế bao gồm cơ quan thuế và cơ quan hải quan. Do vậy, cơ quan soạn thảo đề nghị vẫn giữ sử dụng các cụm từ trên.</p> <p>- Ý kiến 2: tiếp thu bỏ cụm từ “thanh tra thuế”.</p>
Ý kiến chi tiết dự thảo Luật quản lý thuế (thay thế)	Công ty Cổ phần tư vấn EY Việt Nam	Công ty Cổ phần tư vấn EY Việt Nam đóng góp ý kiến cho Dự thảo Luật quản lý thuế (thay thế) chi tiết tại các Điều 2- 4, 6, 16, 33, 42, 44, 50, 52, 53, 60, 66, 73, 107, 110, 125, 129, 131, 138, 143, 144, 149 (tổng hợp theo Bảng Ý kiến đóng góp cho Dự thảo Luật Quản lý thuế (thay thế) do Công ty gửi kèm).	Cơ quan soạn thảo ghi nhận đề nghị nghiên cứu tiếp thu khi xây dựng chi tiết Dự thảo Luật.